

Firmament

Literary Quarterly

Review

Read-Think-Write

Thế Hữu Văn Đàn October
2023



Pieter Bruegel the Elder - The Tower of Babel.jpg (c. 1563)

https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/f/fc/Pieter_Bruegel_the_Elder_-_The_Tower_of_Babel_%28Vienna%29_-_Google_Art_Project_-_edited.jpg

Medium: oil on wood panel
Dimensions: 114 cm × 155 cm (45 in × 61 in)
Location: Kunsthistorisches Museum, Vienna



A view of the Café de Flore in Saint-Germain-des-Prés

https://en.wikipedia.org/wiki/Caf%C3%A9_de_Flore#/media/File:Caf%C3%A9_de_Flore,_172_boulevard_Saint-Germain,_Paris_6e.jpg

Contents

To the Reader	5
Hoàng Tâm Hilton. <i>My Retirement Activities</i>	6
Vũ Ngọc Quỳnh. <i>Cà Phê giữa Lòng Paris</i>	10
Sóng Việt Đàm Giang. <i>Ghế mây tại các quán cà phê và nhà hàng via hè của Paris</i>	16
Nguyễn Ngọc Hà. <i>Tính chất lãng mạn trong bài thơ “Nhớ Rừng” của Thế Lữ</i>	19
GSKS Đàm Trung Phán. <i>Tiếng Huýt Sáo Bãi “The Bridge on the River Kwai”</i>	27
Nguyễn Đức Việt và Nguyễn Lê Hiếu. <i>Lang Bang Về Ngôn Ngữ Và Từ Điển</i>	32
Đàm Duy Tao. <i>Kim Vân Kiều Đỉnh Giải (Còn tiếp)</i>	36
Nguyễn Văn Ưu. <i>Tháp Babel và Ngôn Ngữ Ngày Xưa</i>	70
Khuất Duy Tường. <i>Hoài Niệm Nhạc Sĩ Nguyễn Vinh một Người Ban Tâm Giao</i>	93
Nguyễn Giu Hùng. <i>Một Sớm Chớm Thu</i>	103
Nguyễn Tuấn Huy. <i>Ngọc Hân Công Chúa</i>	108
Dã Thảo. <i>John Lennon và Yoko Ono</i>	112
Thomas D.Le. <i>Vietnamese Poetry-Part 5- Lưu Trọng Lư (1911-1991)</i>	119
Võ Thu Tinh. <i>Thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến: Don đường cho thế hệ 1930-45</i>	132
Vũ Thị Ngọc Thư. <i>Hoa Nắng</i>	139
Sóng Việt Đàm Giang. <i>Sáu Phu nữ được vinh danh tại Điện Pantheon</i>	152
Nguyễn Tuấn Huy. <i>Nhật Tư Cách Trùng</i>	158
Linh Vàng. <i>Mắt viếc</i>	162
Nguyễn Giu Hùng. <i>Đi Thăm Thành Cổ Loa</i>	166
Nguyễn Lê Hiếu. <i>Ngựa Ba Chân và Gà Ba Chân</i>	195
Kim Oanh. <i>Kỷ Niệm Ngày Về Trường Xưa - 05/12/2004</i>	199
Yên Sơn. <i>Những Điều Chưa Nói</i>	202
Võ Thị Như Mai. <i>Vũ Thủy Nhung – Thi sĩ lãng tử của làng văn nghệ, v.v.</i>	209
Nguyễn Tuấn Huy. <i>Kẻ Bị Lừa</i>	220
Nguyễn Cẩm Xuyên. <i>Nguyễn Du- Hồ Xuân Hương: Cuộc Tình Thơ Hay Áo Mông ?</i>	225
Phạm Doanh. <i>Năm truyền cổ tích với bản tiếng Anh</i>	234
Trương Thiệu Hùng. <i>Làm đẹp cho bài viết #4: Insert text hay ảnh vào một “shape”</i>	238
Sóng Việt Đàm Giang. <i>Paris. Nuit Blanche. June, 2023: Đêm Trắng tại Paris năm 2023</i>	253
Nguyễn Ngọc Hà. <i>Bài tình ca cho Mẹ</i>	256
Đàm Trung Phán. <i>Chương Hai: Giai Đoạn Xin Đất Đê Xây Dựng Tương Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân Tại Mississauga</i>	258
Phương Hoa. <i>Vượt Qua Số Phận</i>	266
Nguyễn Giu Hùng. <i>Giật Mình, Ôi Chiếc Lá Thu Phai</i>	275
Đàm Trung Phán. <i>Những Ngày Tháng Cũ</i>	283
Trương Thiệu Hùng. <i>Sử dụng Alt-codes cho các ký tự đặc biệt của một số ngoại ngữ</i>	286
Cao My Nhân. <i>“Quốc Hoa”</i>	293
Mình Thúy Thành Nội. <i>Chuyến Bán Sách</i>	296
Nguyễn Tuấn Huy. <i>Món Quà Hoàn Hảo</i>	300
Cao My Nhân. <i>Đón Chuyến Tàu Đi</i>	305
Nguyễn Giu Hùng. <i>Cái “Deck” Nhà Tôi</i>	308
Poetry Corner	313
Dã Thảo. <i>Con Đường. Ngược Gió. v.v.</i>	313
Vương Thanh. <i>Lòng Mẹ, Mother Heart</i>	316
Phạm Xuân Lương. <i>Đánh Cờ. Playing Human Chess</i>	319
Nguyễn Ngọc Hà. <i>Si l'amour aussi s'en va, Nếu tình yêu cũng vỗ cánh bay xa, v.v.</i>	320
Lê Diễm Chi Huệ. <i>Tình Giác Chiêm Bao</i>	323
Vân Lan. <i>Mây bóng tư duy còn bụi khói. Shadows of thoughts are still dustily foggy</i>	324
Tâm Minh Ngô Tăng Giao. <i>The Spirit of the Wall. Linh Hồn Tương Đá</i>	325
Kim Oanh. <i>Khơi Chi Vết Thương Lòng, Cổ Buông</i>	327
Phương Hoa. <i>Hối Hà, Ngôi Nhà Hạnh Phúc</i>	328
Yên Sơn. <i>Lạc Dấu Chân Quen, Lost In The Familiar Places</i>	329
Phan Khâm. <i>Chuyện Dòng Sông, The River's Story</i>	330
Cao My Nhân. <i>Chải Tóc, Tình Ngôn Hoa, v.v.</i>	331
Molière. <i>Tartuffe, Actes IV- V (the end)</i>	333
Thomas D. Le. <i>Letters from Vincennes: Time (cont'd)</i>	377
Thomas D. Le. <i>Critical Thinking: Critical Thinking (cont'd)</i>	395

Dear Friend and Reader,

Firmament is now Firmament Literary Quarterly Review to remind you that it appears every quarter: New name but same great content. Autumn has such an allure that you find it eulogized in Nguyễn Giụ Hùng, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Khuyến and Lư Trong Lư, whom Thomas Le showcases as a pivotal figure in the New Poetry movement. Hoàng Tâm Hilton shows us that retirement can be really the golden years. Nguyễn Ngọc Hà, who always extols motherhood, offers a penetrating review of a famous poem by Thế Lữ. And Nguyễn Lê Hiếu and friend Nguyễn-Đức-Việt give a systematic and succinct account of the Vietnamese language's evolution in terms of semantics and usage. Three-legged chickens and horses anyone? Laugh if you will, but at your linguistic peril, warns researcher Nguyễn Lê Hiếu.

If you are into French culture, you have Vũ Ngọc Quỳnh and Sóng Việt Đàm Giang to thank for bringing back cherished moments of nostalgia of Paris, and Khuất Duy Tường along with his departed musical talent friend for rhapsodizing love of Lyon, Reflective and serene, Đàm Trung Phán wistfully remembers the joys and sorrows in his life as a former academic, and finds new meaning in memorializing the boat people. Did you know psychodrama magician Linh Vang is hilarious? Then you owe it to yourself to find out. As for the irrepressible Phương Hoa, should I say she's a revelation or a surprise? She has a younger admirer by the name of Minh Thúy Thành Nội to distinguish herself from other Minh Thúy's. She sells books at occasional Book Fairs like her big sister the Irrepressible and survives to tell all. Phạm Doanh delights with five charming little bilingual old folktales. Scholarly philologist Nguyễn Văn Ưu tackles pre- and post-Babel languages with circumspection and comparative lexicography with temerity.

In his books within an e-magazine, Trương Thiệu Hùng is absolutely methodical in teaching how to engineer beauty with text and images embedded in shapes and to create exotic alphabets. Parisian Dã Thảo shines a spotlight on *the* unlikely couple, a British musical legend and a self-confessed Japanese witch, who turned out to be a financial genius. Always nostalgic, Kim Oanh misses her high school, her romantic dreams, and the good old days of non-stop day-dreaming. This time, Võ Thị Như Mai wields her talent as a literary critic to produce perceptive and civil reviews of three poets of different temperaments and attitudes toward life. Up-and-coming Nguyễn Tuấn Huy is a sociologist-feminist who examines miscegenation, a tour guide in Jerusalem who was cheated, a psychiatrist who philosophizes, and a storyteller who caught a charlatan red-handed.

Accomplished creator of page-turners, Yên Sơn constructs either a twenty-first century fairy tale with many twists or a modern-day tale of two countries. Vũ Thị Ngọc Thư tenderly handled her feelings when confronted with flowers in the sunshine way back when while Cao Mỹ Nhân surveys national flowers around the world and reflects on the railroad in the old days, and Parisian-at-heart Sóng Việt Đàm Giang gushes over the Sleepless Night and Women in the Pantheon in her City of Light. Lover of autumn, Nguyễn Giụ Hùng shows off his deck, and brings archaeology and history together in the tale of Spiral Fortress built millennia ago.

The poetry world continues to be populated by luminaries: Đàm Duy Tạo the unrivaled erudite Kiều scholar; Dã Thảo the disconsolate; Nguyễn Ngọc Hà the born lover of Mother and Love, and the helpless foe of destructive time and human cruelty to children, whose French love verse rivals Guillaume Apollinaire; Vương Thanh the translator of Maternal Love; Phạm Xuân Lương the translator of games of "human chess"; Ngô Tăng Giao the translator of the Wall Spirit; Yên Sơn the solitary in erstwhile native land; Phan Khâm the enemy of river flows. Cao Mỹ Nhân the unhappy dreamer; Phương Hoa the lyricist; Lê Diễm Chi Huệ the lost mystic; and Kim Oanh the reluctant lovelorn.

Molière's last two acts of Tartuffe appear in its original French putting an end to the highly controversial play.

Finally, Thomas Le continues his quest for elusive time by way of physics, namely Loop Quantum Gravity. He is knee-deep in Critical thinking now and already reached a point of no return.

Firmament is your prized possession as you *Read* it, *Think* about what you read, and *Write* about what you read and think. Finally, be a winner when you reach out and share it with friends and foes alike. Happy autumn reading. ■

Thomas D. Le, Editor, October 2023

Comments and submissions/commentaires et communications: thomasle22@yahoo.com. To join/pour vous inscrire à Thế Hữu Văn Đàn, click: thehuuvandan+subscribe@googlegroups.com or firmament+subscribe@googlegroups.com

Link for download to all issues of Firmament: <https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament>

My Retirement Activities

By **Hoàng Tâm Hilton**

As soon as I retired from my ESOL teaching job in 2006, I started to do volunteer work and exercise more. First I taught English at the St Rose of Lima Church in Gaithersburg, MD, and joined a strength training class at the local Sports and Health Club. A year later, when a dharma friend, Dyung Le, opened up a Saturday Integral Tai Chi (ITC) class for Vietnamese in Silver Spring, MD, I was among the first to attend. I had known Dyung from the Boat of Compassion sangha in Virginia before. He was a MIT graduate, very bright and personable, so when he said he just finished an ITC training class for instructors from the Compassionate Service Society (CSS) in Orange County, CA and would like to give us free lessons, twelve of us were interested.

The Compassionate Service Society was founded by Master Hằng Trường in 2002. Though based on Buddhist principles, CSS embraces a global and all-inclusive approach that transcends boundaries of all religions and cultures. The mission of CSS is to bring health, hope, harmony, and healing to the body, mind, and spirit of everyone by integrating Buddhist teachings with present-day practices, thoughts, philosophies, knowledge and technology. CSS members are all volunteers who devote their time, energy, and expertise to serve communities all over the world. They have taught various maintenance exercises such as Integral Tai Chi, Tai Chi Flow, Healthy Body-Peaceful Mind, meditation. They have also organized many spiritual retreats, sponsored various humanitarian relief and charity projects.

After 8 months of ITC lessons with Dyung Le, I went to CSS Training Center in Orange County, CA for a week of intense training in the philosophy, theory, and practice of ITC before taking the test to become an instructor. Since 2009, I have taught many exercise and meditation classes in various community centers, churches, public libraries, and senior centers in Montgomery County, MD.



their world. health Inte- and ga- and ian re- with Train- CA



Integral Tai Chi class at St Rose of Lima Church in Gaitherburg



Meditation class by Clopper Lake in Seneca Creek State Park

For my volunteer work as meditation and Integral Tai Chi instructor at various Montgomery County Recreation Centers, I received the Recognition and Appreciation Certificate from the County Executive



of Montgomery County in 2017. I also received the State of Maryland Governor's Citation in 2018. For this special occasion, my husband and I were invited to the Governor's Mansion in Annapolis, MD. Governor Larry Hogan warmly handed me the framed citation (photo). Since then, we've been on the Governor's guest list every year for the Lunar New Year party.

During the pandemic, I taught two weekly classes via Zoom. Since January this year, I've gone back to teaching on-site, at a local public library and at a community center. In addition, I coach an online meditation class once a week, and take daily classes online with Master Hăng Trùng in Avatamsaka Sutra teachings and meditation to constantly improve and evolve myself in transcending worldliness and engaging with the world. With ongoing teaching and learning, I feel really healthy and happy.

Recently, one of my students asked me to give a talk at her church, the Gaithersburg Presbyterian

Church, on **Nurturing a Healthy Body and Peaceful Mind.**

My talk aims to provide 80 church attendants with some insights and practical tips on how to achieve a harmonious balance between a healthy body and a peaceful mind. Following is the summary of my presentation.

In our fast-paced lives, it's easy to neglect our well-being, both physically and mentally. However, by adopting a few key principles, we can find balance and live more fulfilling lives. Let's explore these together.

First and foremost, let's talk about our **physical health**. Maintaining a healthy body is crucial for overall well-being. **Regular exercise** is an excellent place to start. Engaging in physical activities that you enjoy, whether it's jogging, yoga, or swimming, not only benefits your physical health but also releases endorphins that promote a positive state of mind.

Additionally, a **balanced diet** plays a vital role in our physical well-being. Nourishing our bodies with wholesome foods, rich in nutrients, is essential. Incorporating fruits, vegetables, whole grains, and lean proteins into our meals provides the fuel our bodies need to function optimally. Hydration is equally important, so remember to drink enough water throughout the day.

Now, let's shift our focus to cultivating a **peaceful mind**. In our busy lives, finding moments of tranquility is essential for mental well-being. **Mindfulness and meditation practices** can help calm the mind and bring us into the present moment. Taking a few minutes each day to observe our thoughts without judgment and focusing on our breath can significantly reduce stress and increase our ability to manage challenges.

Building healthy relationships and a strong support system is another crucial aspect of nurturing a peaceful mind. Surrounding ourselves with positive, like-minded individuals who uplift us and provide emotional support can contribute to our overall sense of well-being. Remember, human connection with a sense of belonging is fundamental to our mental health.

In addition to these practices, **self-care** is essential. Taking time for yourself to do **activities you love**, whether it's reading, painting, or simply going for a leisurely stroll, helps to recharge your mind and foster inner peace. It's also important to engage in a mission or an ikigai that brings joy and fulfillment. Remember that self-care is not selfish but rather a necessary investment in your well-being.

Lastly, let's not forget **the importance of rest and sleep**. A well-rested mind and body are more resilient and better equipped to handle life's challenges. Prioritize getting adequate sleep by establishing a bedtime routine and creating a sleep-friendly environment. This will ensure you wake up refreshed and ready to face the day.

In conclusion, achieving a healthy body and peaceful mind requires **intentional effort and commitment**. By adopting a holistic approach that encompasses physical health, mental well-being, and self-care, we can create a harmonious balance in our lives. Remember, **small, consistent steps towards self-improvement can lead to significant long-term benefits**. So let's embrace these principles, prioritize our well-being, and live our retirement lives with vitality, peace, and contentment.

YouTube Video link of my talk on "Nurturing a Healthy Body and Peaceful Mind":
<https://youtu.be/tAAWH6TN-x0>

Hoàng Tâm Hilton
September 2023

Cà phê giữa Lòng Paris

Vũ Ngọc Quỳnh

Trong nửa thế kỷ sống ở Paris, người viết có nhiều kỷ niệm gắn bó với các quán cà phê ở Thủ đô Ánh sáng, đặc biệt ở Quartier latin, nơi tập chung đông nhất các học sinh, sinh viên Pháp và người nhập cư nước Pháp cùng những khách du lịch khắp thế giới đến thăm Paris.

Cà phê đậm đà quyến rũ

Charles-Maurice de Talleyrand (1754 -1838), chính khách và nhà ngoại giao Pháp thích: “cà phê đen như quỷ sứ, nóng như hỏa ngục, dịu dàng như tình yêu” (VNQ dịch).

Nhà thơ Arthur Rimbaud nói: “Cà phê thần diệu, để lại hương vị trong miệng lưỡi suốt một ngày.”

Cà phê từ đâu đến Âu châu?

Nguồn gốc cà phê được nhiều sử gia nghiên cứu. Họ cho là cây cà phê đầu tiên Coffea Arabica mọc ở vùng Kaffa của Abyssinia, nay là Éthiopie. Chữ café xuất xứ từ chữ Ả Rập «Qahwa», có nghĩa là kích thích. Hiện nay ở Éthiopie, người ta vẫn dùng trong thuốc dân gian nước nấu hạt xanh cà phê hoặc lá cà phê.



Rồi một ngày kia, cà phê đã vượt qua Hồng Hải (Mer Rouge) qua trong tay ông Ali Benomar, một nhà truyền giáo soufi vào cuối thế kỷ XIV.

Dần dần, cà phê đã đến La Mecque, Le Caire, Alexandrie, Istanbul và sau cùng là tất cả thế giới Hồi giáo.

Cà phê đến Venise. Venise là một Cité-d'État, Thành phố-Nhà nước phát triển rực rỡ vào thế kỷ XV-XVI.

Vào khoảng năm 1600, những thương gia của những nước Hồi giáo đem lại cho dân Venise «la boisson des infidèles», có nghĩa là “nước uống của người ngoại đạo”, tức là những người không theo đạo thiên chúa. Có người còn đem cà phê tố cáo với Giáo hoàng Clément VIII (1536-1605). Nhưng sau khi uống, Ngài thấy tỉnh táo trong các buổi lễ kéo dài hàng nhiều giờ. Bác sĩ kiêm nhà thảo mộc Prospero Alpino (1553-1616) nghiên cứu cà phê, nhận xét là cà phê có hiệu quả cho sức khỏe.

Pietro Pella Valle (1586-1652), một thi sĩ và một nhà thám hiểm Ý, là người đã đem vài bao café turc đến thành phố Marseille. Ông viết năm 1614: “Người Thổ Nhĩ Kỳ có loại nước uống màu đen gây mát cho mùa hè và ấm cho mùa đông.”

Cà phê đến Pháp.

Triều đình vua Louis XIV là nơi khám phá đầu tiên cà phê ở Pháp. Trong những buổi tiệc chiêu đãi sang trọng, Suleiman Aga, đại sứ Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) ở Paris, một khuôn mặt rất được giới thượng lưu Pháp ở thủ đô và những quan chức của triều đình vua trọng vọng, đã không quên đãi các quý khách Pháp món nước đặc biệt là cà phê. Ông cũng không quên để đường trên bàn để quý khách cho vào cà phê. Thế là cà phê trở thành món uống thời thượng của giới quý phái Paris và của triều đình vua.

Tiệm cà phê đầu tiên ở Paris. Vào năm 1682, một tiệm cà phê đầu tiên mở ở Paris tên là **Maison de caoua**. Đây là tiệm cà phê đầu tiên sau khi cà phê được biết đến qua đại sứ Suleiman Aga. Sự tích là năm 1682, một người dân Sicilien của vùng Palerme, tên là Francesco Procopio dei Cotelli đổi thành tên Pháp là François Procope-Couteaux, mở ra một tiệm cà phê giữa lòng Paris mang tên **Le Procope**.



Francesco Procopio dei Coltelli sinh ra ở Sicily chắc chắn là một trong những cá nhân có ảnh hưởng nhất trong lịch sử gelato và là người sáng lập quán cà phê lâu đời nhất ở Paris "Le Procope".

Le Café Procope. Với trực giác tuyệt vời, Procopio quyết định xuất khẩu những món hàng ngon của mình và nhanh chóng đến Paris năm 1686 và mở quán cà phê mang tên ông "Café Procope". Cửa hàng này vẫn tồn tại ở số 13 rue de l'Ancienne Comédie và từ giữa thế kỷ thứ 20 là một nhà hàng có cả thức ăn (Cafe-Restaurant). Quán này có thể là quán cà phê đầu tiên được mở ở Paris hoặc có lẽ ở Châu Âu, ngay cả trước khi Procopio tiếp quản. Nhờ vị trí ngay trước mặt Comédie-Française, cơ sở này nhanh chóng trở thành địa điểm yêu thích của giới văn học Pháp, nhiều nhân vật nổi bật đương thời, những khách hàng của Procope như Voltaire, Diderot, Benjamin Franklin, Danton, Marat, Balzac, Hugo, Robespierre, D'Alembert, Napoleon,... đã góp phần tạo nên một phần lịch sử thật sự của Paris. và có thể một số bài trong *Encyclopédie* đã được viết trên bàn của Café Procope.

(Bảng ngoài cửa có đề 1686 nhưng chỉ có một nửa sự thật vì tiệm do thời cuộc đã đóng cửa từ cuối thế kỷ thứ 19 và chỉ mở lại từ những năm 50s của thế kỷ 20).

Tiệm này có tiếng ngay từ đầu, thu hút rất nhiều nhân vật có tiếng. Đặc biệt tiệm nhận khách phụ nữ, một điều hiếm thời đó. Tiệm nay vẫn tọa lạc ở gần khu Odéon, một khu trù phú của Paris 6. Khách đến thưởng thức cà phê hoặc ăn uống ở quán này có thể chiêm ngưỡng những trang trí lịch sử của quán.

Trước Cách mệnh Pháp 1789, Paris đã có khoảng 2000 quán cà phê. Rồi cà phê lan tràn đến các thủ đô các nước Âu châu khác, Bỉ, Áo, Hoà Lan, v.v.

Thương mại cà phê trên thế giới.

Cà phê được sản xuất khoảng trong 70 nước ở vùng nhiệt đới thế giới gọi là **Vòng đai nhiệt đới**.

Đứng đầu sản xuất là Brésil, chiếm 34% thị phần, sau là Việt Nam chiếm 14% thị phần, Colombie 7% thị phần v.v. Từ nơi sản xuất, các hãng thương mại lớn phân phối cà phê khắp thế giới.

Những nước tiêu thụ cà phê nhiều nhất

Brésil tiêu thụ 30% cà phê được thương mại; Hoa Kỳ: 23%; Đức; 14,8%; Nhật: 7,8%; Ý: 6,3%.

Cà phê ở Quartier latin, Paris

Vào thập niên 1950-1960, Quartier latin ở Paris 5 là khu riêng biệt của học sinh, sinh viên Pháp và những người sinh viên nước ngoài đến học ở Paris.

Khu này nổi tiếng với các công trình nghệ thuật lịch sử như Panthéon, église Saint-Étienne-du-Mont, Fontaine Saint-Michel, La Sorbonne, Bibliothèque Sainte-Geneviève, Jardin du Luxembourg, Faculté de droit, Faculté de médecine. Những trường trung học tập tụ ở đây có uy tín: lycée Saint-Louis, lycée Louis-le-Grand, lycée Henri IV, collège Sainte-Barbe. Hai trường lớn cũng ở khu này: École polytechnique, École normale supérieure de la rue d'Ulm.

Đây cũng là nơi tập trung những tiệm cà phê, tiệm ăn, phòng chiếu bóng làm cuộc đời sinh viên phong phú.



Những quán cà phê ở Boulevard Saint-Michel và Place de la Sorbonne, nơi đã là “thiên đàng” của học sinh, sinh viên vào thập niên 1950-1960. Kể dọc theo trục từ RER Luxembourg xuyên qua Boulevard Saint-Michel, đến Place de la Sorbonne, rồi tiếp tục trên Boulevard Saint-Michel, đến Place Saint-Michel, đoạn cuối của đại lộ, giáp sông Seine.

*Từ trạm **RER Luxembourg** đi hướng ra Jardin du Luxembourg, là đối diện với hai quán cà phê lớn, Café Le Luxembourg và Café Le Rostand.

Café Le Luxembourg : 58 boulevard Saint-Michel, Paris 6^e, giáp với Rue Monsieur Leprince. Cà phê rộng rãi, ăn trưa được, đông khách từ hơn nửa thế kỷ nay.

Café Le Rostand : 6 Place Edmond Rostand

Cà phê có thêm ngoài (terrasse) được trang trí đẹp, ngồi ở đây ngắm Jardin du Luxembourg trước mắt, với người qua lại, thật là cảnh đẹp...nhất là khi trời mưa. Có thể ăn trưa trong tiệm này.

***Rue Soufflot:** là phố trực đến Panthéon.

Ở đầu phố này giáp với Boulevard Saint-Michel trước đây có hai quán cà phê lịch sử, Le Mahieu bên phải và Le Capoulade bên trái khi nhìn về phía Panthéon.

Le Mahieu. Đó là quán cà phê mà sinh viên Việt Nam thập niên 1950-1960 quen biết nhiều nhất. Họ gọi quán là Mã Hiệu. Họ thường đến đó để thưởng thức cà phê đen, để bàn tán thời sự và nhất là để ngắm các cô gái qua đường, cho điểm mỗi cô. Một vài người nghiện đánh cá ngựa, gọi là PMU (Pari Mutuel Urbain), chẳng có ai làm giàu, trừ một sinh viên Việt Nam trúng số, được một con ngựa đua mành ta bán ngay, được khôi tiền.

Le Capoulade. Nằm bên kia đường, là cà phê lịch sử của những năm 1930-1960, nơi gặp gỡ của nhiều thế hệ trí thức, sinh viên, du khách.

Cả hai cà phê này đều biến mất, nhường cho McDonald (Le Mahieu), Burger King (Le Capoulade).

***Place de la Sorbonne**

Khu này tọa lạc ngay phía sau đại học La Sorbonne với vòm Chapelle de La Sorbonne cổ kính. Collège de la Sorbonne được Robert de Sorbon xây năm 1253, đến thế kỷ XVII, Cardinal de Richelieu mở rộng thêm, khai trương đại học danh tiếng này. Mộ Hồng y Richelieu nằm ở đây.

Place de la Sorbonne có bồn suối trong khu đá xây theo hình chữ nhật. Quảng trường này có những tiệm sách nhỏ nhưng có tiếng, những quán ăn nhỏ lúc nào cũng đông khách.

Đặc biệt là quán cà phê Tabac de la Sorbonne, có những kỷ niệm riêng tư của người viết.

Tiếp theo trên Boulevard Saint-Michel, còn có những quán cà phê khác, Dupont latin, La Source nay đều biến mất, nhường cho những quán bán quần áo.

Ở góc Place de la Sorbonne và Boulevard Saint-Michel có một tiệm ăn sandwiches mang tên Prêt À Manger.

Những người đã sống ở Quartier latin đều biết đây trước là tiệm sách nổi tiếng mang tên **PUF** nghĩa là Presses Universitaires Françaises, một nhà xuất bản và một tiệm sách uy tín với những tác giả hàng đầu của các đại học Pháp và collection **Que sais-je** do Paul Angoulvent sáng lập với vài ngàn tựa sách, một kho tàng tri thức.

Sau vì khó khăn kinh tế, PUF đã đóng cửa địa chỉ lịch sử này và dời đến một tiệm nhỏ ở rue Monsieur Le Prince gần đó và sau tiệm lại rời đến cùng khu phố năm 2016 và tiệm hiện nay khang trang với nhiều sách mới, xứng đáng với danh tiếng của PUF.

***Place Saint-Michel**

Đây là khu chót, nối Boulevard Saint-Michel với sông Seine.

Có Fontaine Saint-Michel uy nghi với bồn suối lớn và tượng Saint-Michel tay cầm giáo đâm con Rồng quỷ nổi bật phía sau. Có hai tiệm cà phê lớn tọa lạc ở quanh quảng trường này.

* **Le Séverin** nằm đầu rue Saint-Séverin với mặt tiền ra Place Saint-Michel, ngay cạnh tiệm sách nổi tiếng Gibert Jeune. Tiệm cà phê này trang trí đẹp và đông khách. Rồi cách đây vài năm, người ta thấy tiệm bị đập phá và xây lại tiệm mới là Sephora, chuyên bán mỹ phẩm.

- **Le Départ Saint-Michel**, nằm khúc cuối Place Saint-Michel và một góc nhìn sang sông Seine. Tiệm cà phê lớn và đẹp này vẫn tồn tại từ một thế kỷ tới nay.

- Bên kia đường của Place Saint-Michel là rue Saint-André-des-Arts, có một tiệm cà phê nhỏ mang cùng tên, vào thập niên 1960 có tên là Le Rallye, thời chúng tôi còn là sinh viên hay đến đó đánh bi điện, nghe Juke box Elvis Presley, Fats Domino. Tiệm này nay là tiệm Saint-André-des-Arts.

Quartier Saint-Germain des Prés

Khu này tập trung chung quanh Église Saint-Germain des-Prés, một nhà thờ Gothic có một lịch sử lâu đời, bắt đầu là một abbaye (tu viện) xây xong năm 1030. Rồi sau được sửa và mở rộng năm 1145, nay mới được trùng tu để đón các ban nhạc cổ điển, gần đây đã tái nhạc Les quatre saisons de Vivaldi và được thánh giả tán thưởng nhiệt liệt.

Trước nhà thờ là quảng trường Saint-Germain-des-Prés và chung quanh là boulevard Saint-Germain, rue Bonaparte.

Sau Thế chiến thứ hai, khu Saint-Germain-des-Prés nhanh chóng trở thành huyền thoại khi những nhà văn kiêm triết gia, những nghệ sĩ, những thi sĩ, ca sĩ đã phát huy trường phái **Existentialisme (chủ nghĩa hiện sinh)** với văn hào Jean-Paul Sartre, người được coi là “*giáo chủ hiện sinh*” và Simone de Beauvoir, một văn hào bạn đời của ông, cùng nhóm bạn thân của họ.

Ngày ngày họ đến hai quán cà phê danh tiếng, Café de Flore và Café Deux Magots. Mỗi ngày họ ngồi ở đó từ sáng đến chiều, mỗi người một bàn, khi nào họp bạn thì ngồi chung một bàn lớn.

Họ viết lách, chuyện trò suốt ngày. Albert Camus, hồi đó thân với Sartre và cũng là thời chủ nhiệm báo Combat tới đó thường xuyên trong khi Sartre tung ra tạp chí Les Temps Modernes. Juliette Gréco, hiện thân của Saint-Germain-des-Prés, Mouloudji hát ở khu đó. Boris Vian tài hoa, kỹ sư École centrale de Paris, văn sĩ, thổi kèn nhạc jazz ở các hầm Saint Germain-des-Prés, nơi tuổi trẻ nhảy điên cuồng be-bop mới được lính Mỹ nhập vào Pháp trong Đệ nhị Thế chiến.

Thời existentialisme huy hoàng đó kéo dài từ năm 1944 đến năm 57/58 sau mờ dần.

Vào thập niên 60, khi chúng tôi nhập học hai năm đầu Y khoa ở Nouvelle faculté de médecine, rue des Saints-Pères, hai năm thi tuyển khó khăn, ngày nào chúng tôi cũng đi qua Café des Deux Magots, Café de Flore, Café La Rhumerie trên Boulevard Saint-Germain.

Một hôm, giữa hai bài giảng ở Nouvelle Faculté de médecine, nhóm bạn bốn người chúng tôi chọn quán Les Deux Magots uống cà phê trong khi chờ đợi. Anh Éric, chàng thanh niên bảnh trai tóc vàng,

giống ca sĩ Claude François, dẫn đầu tiên lên cầu thang hướng lầu nhất, anh Édouard tiếp chân, rồi đến cô Sonia một thiếu nữ gốc Nga có đôi mắt Á Đông và tôi là đuôi chót.

Tầng nhất vào 10 giờ sáng chỉ có chúng tôi là âm khách. Chúng tôi nhâm nhi cà phê rồi bàn tán về những kỳ thi tới sẽ quyết định số mệnh chúng tôi.

Sau này chúng tôi đều thành bác sĩ y khoa. Thỉnh thoảng có dịp ngồi Les Deux Magots hay Le Flore.

Nhưng tuổi trẻ đã qua rồi.

Xin viết một câu thơ của Lý Thương Ẩn thay một chữ:

Nhật Huyền nhất Tiệm tứ hoa niên. ■

Vũ Ngọc Quỳnh

Paris, lập thu năm 2021

Viết theo ký ức và một số đặc biệt Express về Café.

(Photos: Internet)

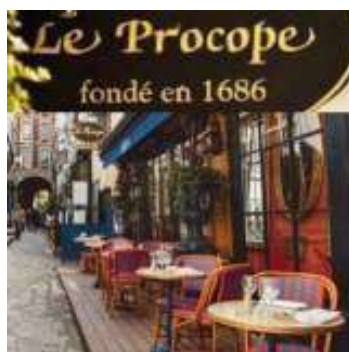


Ghế mây tại các quán cà phê và nhà hàng vỉa hè của Paris.

Sóng Việt Đàm Giang

Paris có ngàn ngàn quán cà phê và nhà hàng vỉa hè từ bình dân đến sang trọng, từ những khu nổi tiếng như Champs-Élysées, Opéra, Grands Boulevards, Saint-Germain des Prés, Saint-Michel... đến mỗi con phố nhỏ khắp thành phố.

Quán cà phê lâu đời nhất vẫn còn hoạt động ở Paris là “Cafe Procope” ở số 13 Rue de l’Ancienne Comédie, được thành lập từ năm 1686.



Và sau đó, rất nhanh chóng, các quán cafe trở thành một phần của văn hóa Paris từ thế kỷ 18 với phong cách “terrasses de café”, cà phê thêm hay cà phê vỉa hè đầu tiên của Paris.

Ngày nay, quán cà phê vỉa hè ở Paris cũng như những nơi khác trên thế giới, là điểm hẹn hò hay nơi làm việc, là nơi để bạn nói chuyện trên trời dưới biển hay chỉ là những phút nhàn rỗi ngắm người qua lại và cảm nhận nhịp sống hiện đại nhưng sâu lắng của Paris.

Nhưng những quán cà phê này vẫn có những nét đặc trưng riêng chỉ có ở ...Paris.

Cà phê vỉa hè Paris đã nổi tiếng với những chiếc ghế mây độc đáo của hai nhà sản xuất Drucker (ra đời năm 1885) và Gatti (năm 1920). Mỗi quán có kiểu ghế đặc biệt với tên của nhà sản xuất được khắc trên một tấm kim loại gắn đằng sau hoặc bên cạnh ghế. Những chiếc ghế này đều được làm thủ công, theo yêu cầu của khách hàng, với giá khoảng 100-500 Euros một ghế.

Ghế mây hay còn được gọi là ghế bistro tại những nhà hàng có vỉa hè được coi như là một phần của Paris cũng như Tháp Eiffel, bánh croissant, viện bảo tàng Louvre...



Một số ghế bistro nhà hàng, như những chiếc ghế màu đỏ, màu xanh gây thêm sự chú ý về màu sắc dọc theo vỉa hè, đặc biệt là vào những ngày u ám. Nằm trên đại lộ Paris, những chiếc ghế bistro cung cấp nơi cho các cuộc tụ họp xã hội của người Pháp và cho dù khách muốn đón tia nắng mặt trời, tránh mưa hay ẩm cúng dưới lò sưởi vào mùa đông, chúng luôn là nơi người Paris và khách du lịch đến ăn uống, gặp gỡ hay đơn giản là nhìn mọi người đi qua lại.

Thiết kế của những chiếc ghế với đảm bảo chúng nhẹ và có thể di chuyển được, trong khi vẫn chắc chắn và thoải mái. Đặt ghế bên ngoài dọc theo vỉa hè, chúng cần có khả năng chịu đựng ánh nắng mặt trời, nước và nhiệt độ thay đổi quanh năm. chúng cũng hoạt động tốt ở khí hậu ôn hòa và quan trọng nhất là dễ khô khi giữ trong nhà qua đêm.

Ghế Bistro Paris được làm ra sao? Những chiếc ghế mây được ra đời khi Haussmann xây dựng đại lộ rộng lớn cho thành phố, nơi sẽ trở thành đường mới của Paris và là nơi có những quán ăn sang trọng của thành phố. Những chiếc ghế bistro ban đầu được đan từ mây, vốn là một sản phẩm nhập khẩu thời thượng từ thuộc địa Pháp vào đầu những năm 1900, tuy nhiên ngày nay, ngoài khung ghế làm bằng mây, chúng chủ yếu được đan từ rilsan, một chất có hiệu suất cao (polyamide) rất linh hoạt, kháng hóa chất, có khả năng thấm và chống chịu tốt.

Hai trong số những nhà sản xuất ban đầu của những chiếc ghế bistro ở Paris là Maison Gatti và Maison Drucker. Cả hai công ty vẫn sản xuất ghế bistro sử dụng kỹ thuật đan dệt truyền thống và nổi tiếng về nghề thủ công của họ. Maison Drucker được thành lập vào năm 1885 và công việc thiết kế tùy chỉnh vẫn được thực hiện với việc khách hàng lựa chọn màu sắc và hoa văn của riêng họ.

Những chiếc ghế mây đã trở thành biểu tượng của Paris, vừa lịch sự, thuận tiện, lại nhẹ bèn và đẹp mắt, chúng trở thành vật không thể thiếu trong các quán cà phê, nhà hàng. Kích thước mỗi chiếc ghế đều được tính toán chi tiết để không cồng kềnh, vừa đủ ngồi, như vậy chủ quán mới có thể khai thác triệt để diện tích được sử dụng ngoài vỉa hè và không tốn chỗ xếp trong nhà. ■

Sóng Việt Đàm Giang biên soạn.

August 24, 2023.

Bibliography

MAISON DRUCKER S.A.S (n.d.). L. DRUCKER. Retrieved September 4, 2023 from <https://www.maisonlouisdrucker.com/>

Maison Gatti. (2021). Retrieved September 4, 2023 from <https://maison-gatti.com/en/savoir-faire/>

**Tính chất lãng mạn trong bài thơ
“Nhớ Rừng” của Thế Lữ**

Nguyễn Ngọc Hà

Nhớ Rừng

Thế Lữ

Lời con hổ ở vườn Bách thú

Tặng Nguyễn Tường Tam

*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua,
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé diễu oai linh rừng thẳm,
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.*

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thủa tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,*

*Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.*

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

*

*Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém ;
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm,
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.*

*Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ !
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị.
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ !
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn*

Để hồn ta phảng phát được gần người,

Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

--oOo--

Thế Lữ, tên thật là Nguyễn thứ Lễ, được coi là nhà thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ Mới, và bài thơ “Nhớ Rừng” là một kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của ông. Bài thơ “Nhớ Rừng” của Thế Lữ được viết vào năm 1934, và in lần đầu vào năm 1935 trong tập “Mấy vần thơ”.

Biết bao nhà văn, nhà giáo đã tốn rất nhiều giấy mực để phân tích tâm trạng bất mãn, căm hờn, uất hận, tủi nhục và đau buồn của con người qua hình ảnh của con hổ bị tước mất tự do và mất đi sự tôn nghiêm.

Để tránh dẫn bước vào những lối mòn (sentiers battus/ trodden paths) trước đây, chúng tôi chỉ xin góp chút ý kiến, chia sẻ một vài cảm nghĩ mộc mạc, thô thiển về tính chất lãng mạn trong bài thơ “Nhớ Rừng” của Thế Lữ.

Phân tích tường tận tâm lý, tình cảm, cảm xúc đa dạng của nhân vật trong những tình huống khác nhau, thường chiếm ưu thế trong các tác phẩm thi văn lãng mạn.

Từ đầu đến cuối, bài thơ “Nhớ Rừng” là một ẩn dụ hùng hồn, mượn hình ảnh con hổ bị nhốt trong cũi sắt của vườn bách thú, để nói lên tâm sự ngổn ngang của lớp người yêu nước đầy nhiệt huyết, nhưng chẳng may bị sa cơ thất thế.

Bài thơ rất giàu hình tượng, màu sắc, và âm điệu sinh động, là những nhân tố đặc trưng của dòng thơ lãng mạn.

Nhưng điều đáng nói là bài thơ “Nhớ Rừng” mang nhiều sắc thái khác nhau của trào lưu lãng mạn nên gọi ở người đọc nhiều nguồn cảm xúc phong phú và đa dạng.

1. Khía cạnh trữ tình, mượt mà, và thơ mộng

Có thể nói đây là những yếu tố gần như không thể thiếu trong một bài thơ theo xu hướng lãng mạn. Bài thơ “Nhớ Rừng” cho thấy một trường hợp điển hình qua phần tả cảnh núi rừng với nét đẹp hoang dã (“cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già, ... vẻ hoang vu của chốn ngàn năm cao cả, âm u”), nhưng huy hoàng tráng lệ, với màu sắc lung linh ngoạn mục, vào những đêm trăng hay dưới màn mưa, và những buổi bình minh ngập nắng (“... đêm vắng bên bờ suối, ... uống ánh

trăng tan, ...mưa chuyên bốn phương ngàn ... những bình minh cây xanh nắng gội”). Ngay giấc ngủ của chúa sơn lâm cũng được thi vị hóa để thêm phần uy nghi và long trọng (“Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng”).

2. Nét hào hùng, oai phong, và kiêu hãnh

Chúng ta có thể dễ dàng hình dung chúa sơn lâm trong tư thế oai phong lẫm liệt, tung hoành ngang dọc giữa chốn núi rừng hoang vu, với tiếng gió gào thét ngút trời (... tung hoành hống hách ... đồng dặc, đường hoàng ... Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi, với khi thét khúc trường ca dữ dội ... Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ). Người đọc tưởng chừng như nghe âm thanh vang dội của núi rừng. Ý thơ cùng lời lẽ giàu sức thuyết phục như hòa nhịp với nhạc điệu linh thiêng của chốn rừng núi âm u. Đây cũng là một điểm son của bài thơ “Nhớ Rừng”.



Ngoài ra, cách xưng hô "Ta / Người" cho thấy rõ sự kiêu hãnh, ý thức mạnh mẽ và niềm tự hào của chúa sơn lâm về ngôi vị uy nghiêm và quyền lực tối cao của mình (“mắt thần khi đã quắc, là khiến cho mọi vật đều im hơi. Ta biết ta chúa tể cả muôn loài”). Tác giả cũng cố ý dùng liên tiếp những động từ có ý nghĩa tuyệt đối (gào, hét, thét), hầu đề cao nét đẹp hùng vĩ và cao cả của chốn sơn lâm (“... cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già”).

Đối với Jean-Jacques Rousseau (nhà văn và nhà triết học người Pháp ở thế kỷ XVIII), chốn hoang dã là môi trường giúp con người gìn giữ bản chất thuần lương và trong sáng. Thậm chí ông còn khuyên con người nên quay về với lối sống hoang sơ: “Reprenez votre antique et pre-

mière innocence” (Hãy lấy lại sự trong trắng nguyên thủy khi xưa của bạn): Không ganh đua, không tranh dành, không chạy theo tham vọng, vì “nhân chi sơ tính bản thiện”. Còn đối với nhà thơ Thế Lữ, chốn núi rừng hoang vu là khoảng không gian rộng lớn, phóng khoáng, tượng trưng cho cuộc sống tự do, tự tại của con người (“Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ! Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị, nơi thên thang ta vùng vẫy ngày xưa”). Thiên nhiên của Rousseau là thiên nhiên mộc mạc, hiền hòa, trong khi đó thiên nhiên của Thế Lữ là thiên nhiên hùng vĩ, uy nghiêm.

3. Giọng điệu chê bai, căm ghét, và khinh thường

Chúa sơn lâm không chút hứng thú với những cảnh trí cứng ngắt như đóng khung của xã hội đương thời, vừa giả tạo, vừa vô vị nhàm chán, khác hẳn và thua xa nét đẹp hoang dã, huyền bí nhưng linh động, uyển chuyển và nhịp nhàng của trời đất, của thiên nhiên mênh mông rộng lớn (“Ghét những cảnh không đời nào thay đổi, những cảnh sửa sang tầm thường, giả dối: ... dải nước đen giả suối ... mô gò thấp kém ... cũng học đòi bắt chước vẽ hoang vu của chốn ngàn năm cao cả âm u”).

Nhà thơ Thế Lữ không chút e dè khi dùng lời lẽ hằn học và sắc bén, để thẳng thừng lên án loại người bằng lòng với cuộc sống vô vị, vô nghĩa, không có lập trường, không có lý tưởng, trong một môi trường tầm thường, tẻ nhạt. Đồng thời những từ ngữ với nhiều hàm ý (connotations) này cũng giúp chúa sơn lâm trút hết nỗi uất hận và căm phẫn (“Gậm một khối căm hờn ... , khinh lữ người ... , mắt bé... , ngang bầy cùng bọn ... , vô tư lự”).

4. Chất giọng tiếc nuối, ngậm ngùi, và bi thương.

Đây là những tố chất khá quen thuộc của phong trào thi ca lãng mạn. Tác giả khai thác sự tương phản hoàn toàn giữa quá khứ và hiện tại để làm đậm nét tâm sự ngổn ngang của chúa sơn lâm: Trước đây được tự do tự tại, nay bị giam cầm tù hãm.



Xưa kia từng tung hoành hồng hách dọc ngang, giờ thì nằm dài, ngao ngán chán nản, trong cũi sắt nhỏ hẹp tối tăm. Ngày xưa được “ngắm giang sơn đổi mới, chôn ngàn năm cao cả âm u, cảnh nước non hùng vĩ”, giờ thì chung quanh toàn những cảnh giả tạo, tầm thường, nhảm chán. Cả một thời quá khứ oanh oanh liệt liệt, giờ đây tan thành mây khói, nhường chỗ cho hiện tại đau buồn và tủi nhục. Chữ “đâu” với chữ “nơi” được nhắc lại nhiều lần, cho thấy rõ niềm thương tiếc khôn nguôi và vô vọng của chúa sơn lâm (“Nào đâu những đêm vàng ...? Đâu những ngày mưa...? Đâu những bình minh... Đâu những chiều ... Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? ... Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị. Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa, nơi ta không còn được thấy bao giờ! ... Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”). Những câu hỏi và những câu cảm thán (exclamatory sentences) với lời lẽ rất tự nhiên, rất đơn thuần, không trau chuốt, không cầu kỳ, góp phần tạo thêm âm điệu ngậm ngùi và bi thương cho nỗi tiếc nhớ triền miên dâng cao độ.

5. Giai điệu hùng tráng, nhưng uyển chuyển, và hài hòa

Giai điệu của bài thơ “Nhớ Rừng” uyển chuyển và nhịp nhàng hỗ trợ cho cảm xúc đa dạng của nhân vật chính: Lúc thì kiêu hùng, dồn dập, vô cùng hào hứng khi hồi tưởng lại quá khứ oanh liệt, vùng vẫy dọc ngang (“Thuở tung hoành hồng hách ... Ta bước chân lên, đồng dục, đường hoàng, lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng”), lúc lại du dương lả lướt tả cảnh trí thơ mộng, với chúa sơn lâm say sưa ngắm trăng “bên bờ suối”, với bốn phương hướng chuyển mưa ... , và cũng có lúc phấn khởi chào đón “bình minh cây xanh nắng gội”, chim hót vang lừng. Ngoài ra bài thơ cũng có đoạn giai điệu chuyển sang giọng lâm ly bi đát, khi chúa sơn lâm miệt mài chua xót gọi lại những cảnh trí ngoạn mục của núi rừng đầy áp bao kỷ niệm oai hùng của một thời vàng son đã mất. Chữ “Đâu” và chữ “Nơi” được lặp đi lặp lại như muốn phơi bày một

sự thật phũ phàng: Chúa sơn lâm đành phải bất lực, đau lòng đối diện với thực tế giang sơn đã mất, thiên đàng của một thời quá khứ không còn nữa (“Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?... Nơi ta không còn được thấy bao giờ!”). Còn chẳng chỉ là trong giấc mộng mơ màng (“Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn, để hồn ta phảng phất được gần người”). Tất cả chỉ còn là những kỷ niệm đau thương hòa nhập với âm điệu ai oán thường bàng bạc trong những áng thơ lãng mạn.

Tóm lại giai điệu của bài thơ “Nhớ Rừng” luôn theo sát và hài hòa với tâm trạng của chúa sơn lâm, như những nốt nhạc đệm kỳ diệu, có tác dụng tăng thêm sức sống và sức thuyết phục của ý thơ, và đồng thời nâng cao giá trị của bài thơ.

Bài thơ “Nhớ Rừng” hội đủ các yếu tố lãng mạn mang nhiều sắc thái linh động. Tính chất lãng mạn ở đây không đơn giản đề cập đến tình yêu và mơ ước của lứa đôi, với những lời tình tự âu yếm hay khóc than phiến não, mà nhằm phân tích tường tận tâm lý của nhân vật trong tình huống cụ thể, nên nét lãng mạn mang nhiều khía cạnh đa dạng, nhiều màu sắc phong phú. Nhà thơ Thế Lữ muốn chia sẻ tâm tư khắc khoải của những ai đang ôm hoài bão đấu tranh vì tự do, như nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), người mà ông đề tặng bài thơ “Nhớ Rừng” này.

Tính chất lãng mạn trong bài thơ “Nhớ Rừng” có tầm vóc rộng lớn và cao quý hơn những mối tình trai gái lẻ tẻ, vì liên quan đến sự tôn nghiêm của con người: Mất tự do thì sự tôn nghiêm của bản thân cũng không còn, và cuộc đời cũng chẳng còn có ý nghĩa.

Bàn đến đây tôi lại chợt nhớ tới câu chuyện con sói trong bài thơ "La Mort du Loup" (Cái chết của con chó sói) của Alfred de Vigny, nhà thơ người Pháp ở thế kỷ XIX. Sói và Hồ đều là thú hoang, đều bị sa cơ thất thế, kẻ thù cũng là đám người vô tâm, vô ý thức. Khi bị truy cùng giết tận, hết đường thoát, thái độ của Sói đối mặt với cái chết cận kề thật dũng dũng, điềm nhiên, lạnh lùng, không chút nao núng, không một tiếng kêu than hay rên rỉ, chỉ lẳng lẳng nhìn thẳng vào mặt kẻ thù. Qua hình ảnh của con sói, Alfred de Vigny muốn đề cao tính khắc kỷ (stoï- cisme/stoicism) của con người: “Gémir, pleurer, prier, est également lâche ... “ (Rên rỉ, khóc lóc, van xin đều là hèn nhát ...). Và ánh mắt đó của con sói như muốn gọi đến đám thợ săn một thông điệp đầy dũng khí: Ngay cái chết cũng không thể đánh gục ý chí kiên cường của con sói, quyết bảo tồn đến cùng sự tôn nghiêm của bản thân. Sói không được tự do chọn sự sống, nhưng đến phút cuối của cuộc đời, đã quyết dành cho mình tự do chết trong tư thế tôn nghiêm tuyệt đối, rất khí khái và đáng ngưỡng mộ.

Trường hợp của chúa sơn lâm cũng mang ý nghĩa tương tự: Tuy bị giam cầm tù hãm, nhưng vẫn giữ cho mình tự do tỏ rõ thái độ bất khuất, kiêu kỳ, kiên quyết giữ vững lập trường, nên tâm tư cố thoát khỏi hiện thực đau buồn, hướng về những ngày xa xưa, miên man hoài cổ để ca ngợi quá khứ, để bày tỏ, dù chỉ là trong tâm tưởng, lòng trung kiên với lối sống hoang dã của một thời vang bóng lầy lừng. Cuối cùng tự do tư tưởng thì không thể bị tước đoạt bao giờ!

Kết luận

Bài thơ “Nhớ Rừng” xứng đáng được coi là một tác phẩm nghệ thuật có giá trị, kết hợp một cách nhuần nhuyễn và ngoạn mục tính chất kiêu hùng với nét đẹp mềm mại và trữ tình, vốn là những tố chất đặc thù của dòng thi ca lãng mạn.

Cảm giác khi đọc bài thơ “Nhớ Rừng” là một luồng gió mang đầy hào khí như tinh thần bất khuất của lớp người yêu nước chân chính. Đồng thời cũng là một bi hùng ca khoác lên vẻ đẹp lãng mạn, giàu cảm xúc đa dạng, đi từ nổi bật mãi, căm phẫn đến chán ghét tình huống hiện tại, khinh thường bọn người vô tâm, vô ý thức. Bên cạnh đó, bài thơ này cũng nói lên một cách hùng hồn niềm tự hào, kiêu hãnh, thậm chí cao ngạo của chúa sơn lâm, khi hồi tưởng lại quá khứ oai phong lẫm liệt, đầy khí phách hào hùng.

Ngoài ra, hai bức tranh vô cùng linh hoạt, nhưng hoàn toàn tương phản về quá khứ và hiện tại của chúa sơn lâm, cũng có khả năng khiến một số người suy ngẫm và chạnh lòng, bùi ngùi nghĩ đến những bước thăng trầm của kiếp người, của cuộc đời dâu bể! ■

Gs. Nguyễn Ngọc Hà

---o0o---

Ghi chú: Hình ảnh các con cọp được lấy từ Internet

Tham khảo

1. Thế Lữ - Mấy vần thơ, NXB Đời Nay, 1941
Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn Học, 2007
2. Vietjack - Bài thơ Nhớ rừng (Thế Lữ)
<https://vietjack.com/ngu-van-8/nho-rung.jsp>
3. La Dissertation - Commentaire Composé du poème La Mort Du Loup Alfred De Vigny.
<https://www.ladissertation.com/Litt%C3%A9rature/Litt%C3%A9rature/Commentaire-Compos%C3%A9-du-po%C3%A8me-La-Mort-Du-Loup-62081.html>
3. Le Dictionnaire des Citations - L'homme est naturellement bon et c'est la société qui le déprave.
<https://www.dicocitations.com/citations/citation-98880.php>

TIẾNG HUÝT SÁO BÀI “THE BRIDGE ON THE RIVER KWAI”

GSKS Đàm Trung Phán



Sáng hôm nay, một buổi sáng mùa hè đẹp tuyệt trần đời. Bị ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào mặt, tôi thức giấc tuy cái lưng hơi đau nhưng cảm thấy vui vô cùng. Thường thì, mỗi buổi sáng khi trời lạnh của ba mùa Xuân, Thu, Đông, cơ thể người già xuất thân từ miền nhiệt đới Việt Nam bị khí hậu lạnh của Canada nó hành hạ làm cho tôi cảm thấy nhức nhối, khó chịu lắm... Chỉ cần mặc áo chemise cộc tay, và quần short rồi trèo lên cái “exercise bike” để chân đạp xe, tay vung vẩy. Khoảng nửa tiếng sau, không còn cảm thấy đau chân, đau tay, đau lưng nữa... Quá tuyệt vời, vừa đạp xe, vừa nghĩ đến chuyện viết lách. Mà phải được thoải mái, viết gì thì viết cơ. Không cần viết cầu kỳ, kiếm thứ nọ, tìm thứ kia giống như phải soạn “lecture notes” của những ngày còn phải đi dạy nữa. May mắn thay, tôi đã ghi lại được trong một cuốn sổ tay một số đầu đề (titles) của những câu chuyện vui để rồi giờ đây đang có sẵn trong đầu những chuyện nào mà tôi sẽ viết ra để chia sẻ với quý vị.

Định mệnh cuộc đời đã sắp đặt cho tôi phải dạy nhiều môn “descriptive”, có nghĩa là những môn phải nói rất nhiều mà làm toán rất ít. Nói nhiều thì phải soạn bài nhiều cho đâu ra đó. Có nghĩa là người dạy phải “nói có sách mách có chứng” và phải tìm các hình ảnh, các con số, các bài viết trong những sách giáo khoa để rồi ngồi xuống viết phần “lecture notes” rồi phát cho học trò trước khi bắt đầu dạy. Muốn cho Thầy và trò chúng tôi cùng “ăn khớp” với nhau, tôi phải sửa soạn sẵn các “transparencies” bằng plastic (hồi thập niên 1970, 1980 các trường sở đâu đã có những dụng cụ tân kỳ như về sau này!) để mà chiếu qua cái “overhead projector” và từ đó, chúng tôi có thể phải giải thích cặn kẽ cho học trò.

Để tránh cái vụ “boring lecture”, chúng tôi cần phải đi kiếm thêm các phim 35mm rồi chiếu trong phòng “lecture room” cho sinh viên. Phần lựa chọn và đi kiếm các phim này đã làm cho chúng tôi mất rất nhiều thì giờ và công sức. Không những công sức của chính cá nhân mình mà còn tốn thì giờ của các “Audio Visual Technicians” (các cán sự chuyên về phim ảnh làm việc trong thư viện của College) nữa. May mắn thay cho chúng tôi, sau mấy năm cùng nhau làm việc, ba người cán sự (technicians) này đã biết qua loa Pee Dee đang cần kiếm ra loại phim tài liệu nào. Họ đã tự tiện đi kiếm giùm Pee Dee những tài liệu mà họ cảm thấy tôi cần đến. Chính họ đã gọi điện thoại báo tin cho tôi biết để tôi quyết định có nên mượn hay không các tài liệu quý giá này. Cũng xin thưa rằng, trong 2 thập niên đó, hai công ty Shell và Esso... có nhiều tiền lắm: tự ý họ làm ra những cuốn phim 35mm rồi gửi cho các thư viện mượn để chiếu miễn phí cho dân chúng, dưới danh nghĩa là “Public Relations”... Mục đích là để họ lấy lòng dân chúng... Nhiều phim rất hay, rất “ăn khách”, chiếu lên cho sinh viên xem mãi mê làm cho tôi đỡ phải nói nhiều trong khi đó, sinh viên lại được “mắt thấy, tai nghe” nữa. Và lại các hình ảnh

đó rất xác thực. Lâu lâu tôi tắt máy để giải thích những chi tiết liên quan đến phần “lecture notes”. Không ngờ: sinh viên rất thích được học như vậy và sau vài năm dạy, họ mệnh danh môn Công chánh Đại Cương do Pee Dee dạy là “The Phan Dam’s show”.

Mỗi lần dạy xong, tôi thường ghi lại trong phần “lecture notes” chỗ nào nên bỏ, chỗ nào nên dạy và phần nào nên dạy trước, phần nào nên dạy sau cho những năm dạy kế tiếp. Ngoài ra, để cho phần “lecture” đỡ tẻ nhạt, lâu lâu tôi lại phải kể “jokes” cho học trò nghe nữa. Phần kể “jokes” này có thể coi như là một con dao hai lưỡi vậy: không được quá thô lỗ cho cả nam lẫn nữ (xúc phạm đến giới tính nam và nữ), không được xúc phạm đến tôn giáo, sắc tộc và ta đây.

Qua đến thập niên 1990, nhà trường bắt đầu có “policy” về các vụ “cracking jokes” trong lớp học. Cũng xin kể rằng trong hai thập niên 1980, 1990, khôi hài gia Johnny Carson đã làm tôi phì cười trong những lúc đêm khuya khi tôi đang “ăn snack” trước khi đi ngủ sau khi chấm bài/soạn bài mệt mỏi. Những cái jokes nào hay của danh hài Johnny Carson đã được tôi ghi lại rồi bỏ trong túi áo vest để kê lại cho học trò nghe trong giờ lectures trong những ngày sau đó.

Thường thì trong những lớp học bắt đầu lúc 8:30 sáng, học trò hay đến trễ hoặc vì thức khuya, thức dậy muộn, hoặc vì xe bus đến muộn... Buổi chiều, College chỉ dạy cho đến 5:30 chiều với hy vọng là học trò sẽ không bỏ học để về nhà sớm trước khi đi làm ban đêm kiếm tiền nuôi thân.

Một năm, khoảng đầu thập niên 1980, sau khi tôi đã bắt đầu dạy môn “Introduction to Civil Engineering Technology” được 1, 2 năm gì đó, người viết cảm thấy thích thú khi dạy môn này. Lúc đó, tuy là mới dạy môn mới, và nói rất nhiều trong lớp học nhưng tôi không thấy “hãi” và rụt rè như khi mới bắt đầu đi dạy trong năm 1970 vì tôi đã biết được nhiều “bí kíp” để làm cho học trò cười trong lớp rồi.

Một hôm khi tôi đầu dạy lúc 3:30 chiều, học trò trông có vẻ “uể oải” vì “anh hùng đã thám mệt”. Tôi vẫn còn đang say mê “hăng tiết vịt” giảng bài huyền thuyên mà không cần để ý đến nét mặt của học trò. Bỗng nhiên hai tai tôi nghe rõ có tiếng huýt sáo bài Colonel Bogey trong phim “The Bridge on the River Kwai” của học trò trong lớp, bắt đầu từ phía bên trái của PD rồi lan sang phía bên phải. Nghe rõ môn một, rất hùng hồn và ăn nhịp với nhau!

Đồng hồ trong lớp đã chỉ 4:35 chiều. “Tỉnh ra mới biết” là “các tù binh” của tôi đang làm reo. Tôi ngưng giảng bài và “phán” rằng:

--OK, fellows, if I were that Japanese Colonel, you all would end up cleaning the “s* house” for me. OK, dismiss, 10 minutes break!

Cả lớp vỗ tay, thôi huýt sáo và chạy ừa ra khỏi lớp. Vô hình chung: ông giáo sư da vàng Việt Nam đang đóng vai ông Đại tá người Nhật bắt giam một số sĩ quan da trắng... ngay trong lớp học! Tôi không hết biết anh chàng nào là người đã “chỉ huy” vụ huýt sáo này!

Khi viết đến đây, Pee Dee cảm thấy vui vô cùng. Các “tội nhân” nay chắc là phần lớn đã về hưu hết rồi.

THE PUNK STYLE

Trong thập niên 1980, Canada có phong trào dân “punk” ăn mặc màu sắc rất lòe loẹt. Một số còn làm tóc trông như cái búp măng hình “cone” trên đầu nữa.

Tôi đang dạy môn Thử Đất (Soil testings) trong phòng Thí Nghiệm Vật Liệu, một anh chàng “punk” thú thiệt thường hay đến trễ khoảng sau 9:00 giờ sáng, trong lúc thầy trò chúng tôi đã bắt đầu từ lúc 8:30 sáng.

Một hôm anh chàng xuất hiện tại cửa vào lớp học với cái “búp măng” màu mè sặc sỡ trên đầu, trông rất “hiện đại”. Pee Dee buột miệng :

– Holy Cow! Very nice, did you stand while sleeping last night, Johnny?

Cả lớp vỗ tay đôm đốp. Quả thực Johnny trông rất “ấn tượng” với cái búp măng trên đầu và màu quần áo rất ư là “psychedelic!”

Chàng Johnny chỉ biết nhoen miệng cười và đứng yên trước cửa, gật đầu chào cả lớp. Anh chàng rất hiền lành, ít nói và chẳng bao giờ to tiếng trong lớp. Từ đó về sau, không bao giờ Johnny đến lớp trễ nữa. Học hành rất chăm chỉ và “getting along well with everyone”.

Một hình ảnh khó quên!

HAI MÓN QUÀ NẶNG KÝ

Hồi 1975, 1976 gì đó khi trường Công Chánh của chúng tôi vẫn còn ở campus cũ tại Warden Woods, tôi thường phải cần có nhiều đôi găng đeo tay trong các hộc tủ (drawers) để cho sinh viên đeo mỗi khi họ phải trộn cement với nước theo tỷ lệ phần trăm (% water content) khác nhau. Mục đích là để sinh viên làm thí nghiệm xem phần cement ướt có dễ nhào nặn dễ dàng hay không và một tuần sau đó, phần “mortar” trộn nó sẽ cứng ra sao. Phòng thí nghiệm thường phải mua rất nhiều các đôi găng bằng cao su và mỗi lần đưa cho học trò, mỗi group (nhóm) chỉ được nhận 1 đôi găng mà thôi.

Tuy đã biết học trò thường hay tinh nghịch, cho nên tôi chỉ để vài đôi trong hộc tủ mà thôi. Một lần trong lớp, kiểm mãi trong hộc tủ mà chẳng tìm thấy găng đâu hết, bọn quái bèn chỉ lên tường: rất nhiều đôi găng đã được thổi phồng như bong bóng bằng cái “air-gun” trong phòng thí nghiệm rồi treo lên tường như thể đang có “party” trong lớp vậy.

Một lần khác, tìm hoài cũng chẳng còn thấy đôi găng nào. Hóa ra “học trò, học troẹt” đã bỏ đầy phần “mortar” (cement trộn với cát và nước theo các tỷ lệ khác nhau) và dấu trong các tủ gỗ chứa đồ trong phòng thí nghiệm.

Một lần, ban đêm khi mở cái cặp da để lấy bài nộp của học trò ra để tôi chấm bài, ông thầy thấy có một gói sỏi (gravels) được bọc kín trong một bao plastic do một nhóm “học troẹt” đã bỏ vào cặp mà ông không hề biết.

Một lần khác, khi mở cặp ra, tôi còn kiếm được một “bàn tay năm ngón” đã “set” (khô cứng sau khi Cement và nước đã tác dụng với nhau) còn nguyên vẹn trong cái cặp da của tôi.

Hôm sau, tôi vặn hỏi, bọn quái cho biết là để “tặng sinh nhật xạo ke cho ông thầy”.

MÓN QUÀ CỦA QUÝ VÀ NẶNG KÝ “TẶNG” THẦY

Sang đến thập niên 1980, Ban Giảng Huấn trường Công Chánh chúng tôi tuy gặp trở ngại về vấn đề ngân sách và chúng tôi phải vất vả sửa đổi cũng như cắt giảm các “course outlines” (nội dung của các môn học) nhưng chúng tôi lại cảm thấy rất thoải mái về trường sở mới, nhất là sau khi ông GS George Sand đã tự ý xin nghỉ việc vì bị sinh viên không muốn ông ta dạy bất cứ môn gì.

Năm 1987, sau khi tôi đã nộp điểm cho trường và sửa soạn về nhà để nghỉ lễ Giáng Sinh và Năm Mới, thấy khoan khoái vô cùng sau một semester cực nhọc. Về đến bàn giấy, nhìn thấy một món quà được gói bằng giấy Xmas có hoa, có lá và một phong bì chúc tết. Đặc biệt là “món quà” này khá nặng. Tôi thầm nghĩ: “Lại là một gói sỏi/đá gì đây!”

Khi mở phong bì “chúc Giáng Sinh – Năm mới”, tôi ngạc nhiên thấy sinh viên viết: “Thầy chỉ nên mở quà này vào năm 8987 mà thôi!”

Đọc xong “lời chúc Giáng Sinh Năm Mới”, tôi thấy hồi hộp và bóc giấy để xem gói quà ra sao. Ôi chao, là nó nặng: một cái hộp hình cylinder nhỏ có nắp được chứa trong 1 cái hộp lớn có nắp đây, cả 2 đều bằng chì. Bên ngoài còn có chữ X với nhãn hiệu “Radioactive.”

Thú thật là tôi... giật mình và hồi hộp. Lỡ mình bị nhiễm xạ quang tuyến (“glowing during the day”) thì sao đây?

Bèn đứng xa 2 cái hộp bằng chì và suy nghĩ. May quá, cùng trong phòng giáo sư của chúng tôi, tôi kiếm ra ngay được GSTS Don White, chuyên dạy môn Nuclear Physics. Tôi mang cái card Christmas để đưa cho ông coi. Đọc xong cái “card chúc tết”, ông cười rộ và hỏi tôi “món quà đang ở đâu vậy?”

Tôi đưa ông đến chỗ “gói quà”. Ông đem cái “geiser counter” rồi khám 2 cái hộp hình cylinder bằng chì: không thấy động tĩnh gì!

Ông giải thích cho tôi:

– Năm nay là năm 1987, nếu anh làm tính trừ (8987-1987), anh sẽ thấy con số 7 ngàn năm. Có nghĩa là “half life” của cái miếng kim loại (không có trong hộp) là 7 ngàn năm. Anh chàng học trò này muốn chọc anh chơi: dọa anh là trong hộp có phóng xạ của cái “metal sample” và miếng kim loại này sẽ “hiền lành” sau 7 ngàn năm. Hai cái hộp chì này đều trống không.

Thú thật là tôi đã giật mình và mắc lỡm “quân gian”!

Khi trở lại trường, tuần đầu tiên năm 1988, tôi kiếm ngay “hung thủ” và “hỏi cung”:

– Tại sao anh làm như vậy?

– Có gì đâu, ông Thầy, Em đi làm part-time trong nhà thương. Phận sự của em là nhận các thầy người chết rồi vào sổ trước khi cất các thầy này trong nhà xác. Mấy hôm cuối năm, em bị “ế khách”, chẳng

biết làm gì cho qua thì giờ. Ngay bên cạnh cái “the morgue” là một cái nhà kho, chứa các “lead container” đựng các chất radioactive. Bên đó chẳng có ai, em vào “mượn tạm 2 cái “lead container” để “tặng thầy chơi cho em đỡ... buồn ngủ”.

Tôi lắc đầu và la làng:

-- You scared the wits out of me, man!

... Nghề “chơi” cũng lắm công phu! Tôi giữ 2 cái hộp bằng chì này trong cái kho của phòng Thí Nghiệm Vật Liệu của Trường Công Chánh cho đến khi trường này bị đóng cửa năm 1997.

Một kỷ niệm để đời, khó quên!

Xin tạm ngưng tại đây và gặp lại quý vị trong bài tiếp.
Kính chúc quý vị vui vẻ, khỏe mạnh và bình an. ■

Đàm Trung Phán

Mississauga, Aug.15, 2023



LANG-BANG VỀ NGÔN-NGỮ VÀ TỪ-ĐIỂN

Nguyễn-Đức-Việt và Nguyễn-Lê-Hiếu

Bài này viết theo thể nói thông-thường ở ngoài đời. Phần đầu giới-thiệu đại-cương ngữ-học: *âm-thanh con người nói ra gọi là tiếng, những tiếng có nghĩa dùng hàng-ngày trong câu chuyện gọi là từ; từ coi như là đơn-vị của ngôn-ngữ; từ phát âm thành tiếng, ghi xuống thành chữ* (cũng gọi là tự). Phần hai trình-bày sự biến-hóa tự-nhiên của ngôn-ngữ do nhiều lý-do hoàn-cảnh, không-gian và thời-gian. Phần ba giới-thiệu một số định-nghĩa lúc ban-sơ. Phần bốn liệt-kê các định-nghĩa chuyên-ngành cầu-kỳ-cao-phẩm khoa-học. Phần năm, nhận-diện các câu hỏi chung-chung về ngôn-ngữ, dựa theo các phần đã trình-bày mà thử đề-nghị một định-nghĩa cho quần-chúng tạm-hiểu vấn-đề ngôn-ngữ. Chúng tôi mang cái biết-lôm ra chia sẻ cùng bạn đọc ngoài ngành ngôn-ngữ-học làm cái bàn-đạp sơ-sài, mong nhờ đó và dựa vào đó, mà có thể tìm-hiểu thêm một vài vấn-đề khác, ấy là cái học tuy sơ mà thực-dụng. Rồi mang ra thử áp-dụng vào hai tiếng từ-điển và tự-điển.

I. Khái-niệm đại-cương

Theo thể nói thông-thường ở ngoài đời thì ngôn-ngữ là lời nói. *Lời có ý-nghĩa; nói lên ra tiếng, viết xuống thành chữ. Tiếng có nghĩa rộng* là lời nói chung của một nhóm người; nhóm này có thể nhỏ như tiếng Rha-đê trên Tây-nguyên hay lớn như tiếng Hán tiếng Anh trên thế-giới. Tiếng lại cũng có nghĩa hẹp khi chuyên-chờ một ý và trở nên *đơn-vị của ngôn-ngữ* (nếu tiếng vô nghĩa thì chỉ là tiếng suông, không sử-dụng, chưa gọi là đơn-vị của ngôn-ngữ). *Chữ* là ký-hiệu của tiếng trong-nghĩa-hẹp. Có tiếng trước rồi mới có ký-hiệu. Ký-hiệu có thể là tượng-hình-giản-lược như chữ nhỏ, chữ nôm; hay là nhái-âm-ghép-vần—cũng gọi là hài-âm—như chữ Quốc-ngữ. Người ta có thể vẽ ra nhiều hình hay ghép-gán nhiều âm kỳ-quặc có thể không nói được hay không có nghĩa; có thể nghĩ rằng nếu muốn ghi xuống một tiếng theo-nghĩa-hẹp thì có thể tạo ra ký-hiệu; thế nhưng có những ký-hiệu—dù tượng-hình hay ghép-âm—có thể không phát-âm/đọc được hay có nghĩa. Xin đưa vài thí-dụ cụ-thể.

Phần mở đầu truyện Tống Nhạc-Phi kể rằng vua Tống làm lễ tế Nam-Giao viết số dâng lên Ngọc-Hoàng Đại-Đế, thay vì đánh chấm ở chữ Ngọc 玉 mà lại chấm lầm ở chữ Đại 大 cho nên Ngọc-mắt-chấm thành Vương 王 mà Đại-thêm-chấm thành Khuyển 犬. Ngọc Hoàng giận lắm phán bảo: “Vương-hoàng còn chấp được chữ Khuyển-đế khó tha”. Đây là cái nhảm viết ký-hiệu sai thành ra có nghĩa khác nguy-hiêm!

Trường-hợp chữ mã 馬, tượng-hình con ngựa lưng cong, đầu có bờm ngoái lại, dưới bụng có bốn chấm tiêu-biểu cho bốn chân ngựa; sứ-thần Việt-Nam trêu-chọc Tàu, chỉ viết có ba chấm, ngụ ý nói xéo là ngựa phương bắc khập-khểnh; thì hình “mã-ba-chấm” là một ký-hiệu không phát-âm được mà cũng không có nghĩa chính-thức.

Về cách ghép vần Quốc-ngữ theo mẫu-tự la-tinh cũng có những trường-hợp tương-tự: *Một bài thằng ngong đứng xem chuông, nó bảo nhau rằng “áy áy uông”*; người đọc ai cũng hiểu nhưng chính ký-hiệu uông ở đây không có nghĩa. Chữ *Quác* là lối viết xưa, nay viết là Quốc; còn vần/chữ *uác* không có nghĩa; hay chữ con cóc thì viết coc đã hoàn-tất âm nhưng ta vẫn thêm dấu sắc; mà nếu dùng dấu huyền hay hỏi, ngã thì không phát âm được và không có nghĩa.

Những thí-dụ cho thấy ký-hiệu có rất nhiều nhưng không phải ký-hiệu nào cũng có thể phát-âm được; những chữ phát-âm được nhưng chưa có nghĩa thì là tiếng; những tiếng có nghĩa mới là từ, tức là *đơn-vị của ngôn-ngữ*. Viết dông-dài rồi cũng trở về định-nghĩa ở đầu đoạn viết ở trên.

II- Tính-chất biến-hóa của ngôn-ngữ

Một nhóm dân sống chung nói cùng một ngôn-ngữ gọi là tộc-ngữ. Xã-hội thay-đổi, con người thay đổi, văn-hóa thay-đổi và tiếng nói—gọi là tộc-ngữ, vốn là sinh-ngữ—cũng thay đổi. Tại sao thế? R. L. Trask có viết cuốn *Why Do Languages Change?* do Robert McColl Millar sửa-chữa thêm và Cambridge xuất-bản 2010. Một số lý- do là cần có các từ mới cho kỹ-thuật đời sống mới, giúp việc văn-hóa âm-thực giao-thoa; do tư-tưởng biến-hóa, nghĩa trừu-tượng tiến-hóa, chuyển sang ngôn-ngữ khác thành hai ba từ, hai ba ý khác nhau. Hồi 54-56, dân Bắc di-cư vào nam, không ai kể chuyện *ăn-chè-nhà-bè*. Thập-niên sau, nhóm tiếng *ăn-chè-nhà-bè* mang ý chế-diều mẫn-mẫn. Bây giờ, nói vậy giới trẻ không hiểu là chuyện gì. Trước năm 75, trong nam, không nghe thấy tiếng *ô-sin*; sau 75, *ô-sin* xâm-xập dzô nam. Trước 75, *hoành-tráng* chỉ nằm trong tự-điển Khai-trí-tiến-đức; sau 75, nói đi theo chân di-dân 75, tràn-ngập khắp ngõ-ngách sách-vở báo-chí.

Chuyện này không chỉ đặc-biệt cho tiếng ta ở miền nam; nó có thực cho các ngôn-ngữ theo địa-phương và theo cả thời-gian. Hoàn-cảnh hay góc-nhìn khác theo thời-đại khiến từ chung một gốc được cảm-nhận khác nhau. Thí-dụ occupy trong Anh-ngữ vào thời Shakespeare. Trong cuốn *Why Do Languages Change?* tác-giả R. L. Trask kể về vở-kịch *Henry đệ tứ*, trong đó một tên lính-hiệu cầm-cờ (ensign) tên là Ancient Pistol được kêu là đại-úy trưởng-toán (captain); nhân-vật nữ Doll Tearsheet vốn là gái-làng-chơi, la lớn: “*Đại-úy chềng-đéc ơi, nó làm xấu tiếng đại-úy như tiếng occupy ngày trước vậy*”. (tr. 41-2) Vậy occupy có gì xấu? trong suốt bao thế-kỷ, chiếm-đóng occupy chỉ chiến-công hạ-thành-chiếm-đất; nhưng vào thời Shakespeare đất-nước an-bình, trong giới ăn-chơi đàng-diếm thì occupy biến thành chiếm-đoạt thể-xác một phụ-nữ. Đến ngày nay thì occupy lại mất nghĩa lóng xấu mà chỉ còn lại nghĩa nguyên-thủy. Nếu không nắm vững nghĩa thời-đại Shakespeare đó thì khó hiểu câu nói chế-riều của Doll.

III- Định-nghĩa cho đại-chúng

Các nhà coi như là đi tiên-phong trong ngành ngôn-ngữ-học, cố-gắng định-nghĩa theo cách nói thông-thường ở ngoài đời. Nguyễn-Bạt-Tụy viết: “(Ngôn) Ngữ là tiếng nói của một giống dân, nghĩa là (nói chung) các tiếng của giống dân ấy quen dùng để diễn đạt ý nghĩ.” (1959- *Chữ và Văn Việt Khoa Học*, trang XIII). Cùng trong một định-nghĩa mà có hai từ *tiếng* nghĩa khác nhau: *tiếng trước*, *tiếng nói*, (trương-đương với nghĩa-rộng) khác *tiếng sau* (nghĩa-hẹp, quen dùng). Định-nghĩa kể một mục-đích *diễn-đạt ý-nghĩ*, tức là theo ngữ-cảnh, hướng về (vị-trí) người phát-biểu, ở ngôi thứ-nhất. Lại viết Ngôn trong ngoặc, ngụ-ý rằng ngữ cùng nghĩa với ngôn-ngữ hay là ngữ là cách viết ngắn-gọn của ngôn-ngữ.

Trương-Văn-Chinh & Nguyễn-Hiến-Lê mở rộng thêm định-nghĩa. “Ngôn ngữ là (những) âm thanh có ý nghĩa kết thành hệ thống, loài người dùng làm phương tiện để diễn tả và truyền đạt tư tưởng, mà cảm thông với nhau..” (Trương Văn Chinh & Nguyễn Hiến Lê. (1963 *Khảo Luận về Ngữ Pháp Việt Nam*, trang 25). Định- nghĩa Trương-Văn-Chinh & Nguyễn-Hiến-Lê dùng (những) âm-thanh ám-chỉ *tiếng-nghĩa-hẹp* và hệ-thống, ám- chỉ *tiếng-nghĩa-rộng*; về mục-đích kể thêm *truyền-đạt* và *cảm-thông*, mở rộng ngữ-cảnh thành một động-tác xã- hội, có đối-thoại đến cảm-thông. Bá-Nha và Từ-Kỳ dùng âm-thanh của cây đàn mà cảm-thông với nhau; Kiều gảy đàn mà chàng Kim cảm-thông nghe thấy tiếng Hán Sở tranh hùng, thấy nhạn bay qua, thấy suối nửa vời, đã đủ tính-cách của ngôn-ngữ chưa?

Tính-cách đối-thoại cũng được Thiều-chửu ghi-nhận Ngôn là “*nói, tự mình nói ra*”, ngữ là “*nói, đáp hay thuật ra*”. Thiều Chửu. (2009 *Hán Việt Tự Điển*, trang 766). Còn Nghiêm-Toản giải-thích trong chương mở đầu cuốn *Việt-Nam Văn-học-sử* rằng Ngôn là nói, tự nói để bày tỏ ý mình còn ngữ là hai người nói chuyện đối-đáp với nhau. (tr. 9).

Ngoài vấn-đề có đối-thoại, ngôn-ngữ nhiều khi gọi tắt là ngữ như Nguyễn-Bạt-Tụy viết; hay như dùng trong các từ Anh-ngữ, Pháp-ngữ. Thế nhưng ngôn cũng có nghĩa riêng như là những phát-ngôn của danh-nhân như Không-tử hay Nã-phá-luân thì gom lại trong những cuốn danh-ngôn, không thể gọi là danh-ngữ. Nhưng mà những bài giảng cũng của Không-tử do học-trò ghi xuống có cả lời bàn thì không còn là danh-ngôn mà góp lại thành hai-mươi thiên Luận-ngữ.

IV- Định-nghĩa hàn-lâm

Những chuyên-viên thường đặt ra định-nghĩa *câu-kỳ cao-phẩm* cho giới chuyên-ngành thảo-luận với nhau. Sáu bảy thập-niên sau Saussure, Trần-Ngọc-Ninh có nhắc đến điều tâm-niệm theo R.Jakobson phải kiềm-chế đừng dùng quá nhiều từ mới khó hiểu (*Cơ-Cấu Việt-Ngữ, Quyển I*, tr XXXII); nhưng ngay sau đó, ông liệt-kê trong bốn trang những số ký-hiệu ông dùng khi viết cuốn *Cơ-Cấu Việt-Ngữ* (tr VII-X, tổng-cộng gần trăm dòng giải- thích). Ông tóm-tắt (và mở rộng) định-nghĩa của Saussure thành như sau: “*Ngôn hay lời (parole) là những thực-hiện của cá-nhân, thuộc về tâm-lí và sinh-lí, có tính-cách tự-do, bất-khả-tiền-định; ngữ (langue) là một định-chế-xã-hội, có những qui-luật vững vàng và bó-buộc.*” (Trần Ngọc Ninh. 1973: *Cơ-Cấu Việt-Ngữ, Quyển I*, trang XIX.) Bảo là mở rộng định-nghĩa của Saussure là vì Saussure nói ngắn gọn hơn.

Định-nghĩa bằng tiếng Pháp của Saussure như sau : “*C'est à la fois un produit social de la faculté du langage et un ensemble de conventions nécessaires, adoptées par le corps social pour permettre l'exercice de cette faculté chez les individus.*” (Charles Bally & Albert Séchehaye. 1916 *Ferdinand de Saussure - Cours de Linguistique Générale*. Với sự cộng tác của Albert Riedlinger. Bản với lời phê bình của Tullio de Muro, (1995), trang 25.) Cao-Xuân-Hạo dịch thẳng định-nghĩa Saussure như sau : “*Nó vừa là một sản phẩm xã hội của năng lực ngôn ngữ, vừa là một hợp thể gồm những quy ước tất yếu được tập thể xã hội chấp nhận, để cho phép các cá nhân vận dụng năng lực này.*” (*Giáo Trình Ngôn Ngữ Học Đại Cương*. Cao Xuân Hạo dịch (2005), trang 44).

Từ định-nghĩa nguyên-thủy bằng tiếng Pháp, cho tới sự giảng rộng của Trần-Ngọc-Ninh qua câu dịch sát-nghĩa của Cao-Xuân-Hạo—có thể giới trong ngành nắm rõ ý—nhưng với đại-chúng chưa biết và hiểu rõ Ngữ-học thì các định-nghĩa có phần phức-tạp khó-hiểu, đối với các nhóm từ mới như *năng-lực ngôn-ngữ, sản-phẩm xã-hội, thực-hiện của cá-nhân, thuộc về tâm-lí và sinh-lí, bất-khả-tiền-định, tập-thể xã-hội...*

Hãy thử tìm vài thí-dụ cụ-thể rồi so-sánh cho thêm sáng nghĩa, dễ hiểu đối với giới bình-dân. Nói về đức-tính chẳng hạn. Đức-tính cá-nhân như người can-đảm *chẳng ngại làm quỷ nước Nam* hay người mạo-hiêm không có lòng *ngại-núi-e-sông*; gọi là đức-tính cá-nhân vì tính-mình-mình-biết lòng-mình-mình-hay, không dựa vào người ngoài. Trái lại, sự công-bằng, lòng chung-thủy là những đức-tính xã-hội, cần có người chung-quanh dính-líu vào thì mới biểu-lộ được đức-tính. Tương-tự như vậy, lời nói là một động-tác xã-hội, con người nói với người đối-thoại, không nói một mình với mình. Do đó mà có định-nghĩa ngôn-ngữ là sản-phẩm xã-hội. (Cũng thử đặt vấn-đề có khi người ta tự nói hay tự viết cho mình như khi tự-nhủ hay viết nhật-ký thì là mình nói một mình chẳng? Không hẳn như thế; trong những trường-hợp đó, người nói hay viết đã tự phân-tâm thành hai, có khi còn phân làm ba: người nói—người nói với—và người nói tới. Thí-dụ điển-hình là cô y-sỹ Đặng-Thùy-Trâm, trước khi tử-vong ở Quảng-Ngãi trong cuộc chiến Quốc-Cộng, mặc dù đã cố-gắng mọi mặt mà vẫn chưa được quy- nạp vào Đảng; cô bèn trách cô Thùy-Trâm trong nhật-ký, là chưa tích-cực, khuyến-kích cần *phải cố-gắng hơn nữa*; rồi cô mách nước: *hãy bảo cô gái tiểu-tư-sản bỏ bớt những hành-động tư-tưởng tạch-tạch-sè*. Ta thấy một cuộc trao-đổi tư-tưởng giữa cô y-sỹ ngôi-thứ-nhất người-nói với cô Thùy-Trâm trong nhật-ký ngôi-thứ-hai người-nói-với và nói về cô Thùy-Trâm gốc tạch-tạch-sè ngôi-thứ-ba người-nói-tới.)

Còn tại sao lại gom các tiếng vào một hệ-thống có quy-cù? Là để cho lời nói, bài nói, trước-sau-như-một chứ không huyền-thuận, nghĩa một tiếng không thay-đổi. Tại sao các quy-ước lại phải được cộng-đồng xã-hội chấp-nhận? Để tránh hiểu lầm ông-nói-gà-bà-nói-vịt.

V- Đi tìm một định-nghĩa đại-chúng

So-sánh các định-nghĩa kể ở trên, có thể thấy một số yếu-tố đáng chú ý, theo khuôn-mẫu các câu hỏi *ai, ở đâu, thế-nào, tại sao*, v.v. Ai làm ra ngôn-ngữ? thưa, nhân-loại hay là giống người. Ở-đâu: thưa ở mọi nơi. Thế-nào? Kết-hợp các tiếng riêng-rẽ có ý-nghĩa vào một hệ-thống mạch-lạc mà mọi người đều chấp-nhận để có thể hiểu giống nhau. Tại sao hay để làm gì? Thưa để truyền-thông mong đạt được cảm-thông. Dựa vào các câu trả lời trên, thử ghi chung xuống giầy:

Ngôn-ngữ là

- a- một sáng-kiến chung của loài người;
- b- thực-hiện ở mọi nơi,
- c- nhằm vận-dụng khả-năng nói-năng của mình,
- d- sắp-xếp những tiếng có nghĩa vào một hệ-thống mạch-lạc có quy-củ rõ-rệt,
- đ- được tập-thể đồng-thuận,
- e- với mục-đích là truyền-thông và cảm-thông.

Ngôn-ngữ là lời nói; ngôn hướng về ngôi thứ nhất: người nói (speech, discourse) còn ngữ hướng về xã-hội/nhiều người đàm-thoại (conversation).

VI- Áp-dụng vào từ-điển và tự-điển

Điển như trong điển-tích, nói về nguyên-thủy gốc-gác của một từ; đó là khía-cạnh từ-nguyên; điển lại có một khía-cạnh khác như trong kinh-điển, nói lên tính-cánh bách-khoa dùng để dạy-dỗ và tham-khảo. Từ-điển là một cuốn sách kinh-điển để tham-khảo cho rõ gốc-gác từng tiếng-có-nghĩa—nghĩa là từng từ, đơn-vị của ngôn-ngữ—với tham-vọng giúp người tra-cứu hiểu rõ thêm về *nhiều* khía-cạnh của từ đang cứu-xét.

Có nhiều loại từ-điển. Đào-Duy-Anh liệt-kê làm thí-dụ, địa-danh từ-điển, nhân-danh từ-điển, triết-học từ-điển, y-học từ-điển... lẽ-dĩ-nhiên, khoa-học tiến-triển sẽ còn nhiều loại từ-điển chuyên-môn ngành-này-môn-nọ; những loại từ-điển này đi sâu ngành. Lại cũng có từ-điển thông-dụng, tổng-hợp nhiều ngành mà Đào-Duy-Anh kể là Bách-khoa từ-điển, rộng hơn nhưng không đi sâu vào chi-tiết bằng loại từ-điển chuyên-ngành. (Pháp-Việt Từ-điển, Huế, 1936, Quyền Thượng, tr.446) Trong loại từ-điển phổ-thông dùng hàng ngày, sâu nông cũng tùy loại cho hợp với nhu-cầu người tham-khảo từ học-sinh đang học-hành tập-tành cho tới người sử-dụng văn-tự nhiều như người viết văn, viết sách báo. Chưa kể là mục-đích và chú-ý của ban soạn-thảo từ-điển cũng ảnh-hưởng tới nội-dung: từ-điển mang mục-đích định-chê (prescriptive, normative) cho định-nghĩa cổ-điển phải tôn-trọng khi dùng ; lại có loại từ-điển với mục-đích giải-thích (descriptive, progressive) trình-bày xu-hướng ngôn-ngữ cận-đại và hiện-đại. Le Petit Larousse và Le Petit Robert có lý-do của mỗi quyển trong hai hướng đó.

Bây-giờ, với kỹ-thuật điện-tính, có thể tra-cứu từ, xét về nghĩa, về gốc-gác ngôn-ngữ văn-học, v,v, và về cả cách phát-âm; đặc-biệt lại có chương-trình Siri qua điện-thoại, hỏi đến đâu trả lời tới đó, đúng là từ-điển nói, sử-dụng âm-thanh, tiếng nói. Nhưng trước khi có những kỹ-thuật đó thì các từ-điển phải in ra thành sách, sử-dụng ký-hiệu của từ, nghĩa là dùng chữ hay văn-tự. Do đó, gọi là *tự-điển*. Tóm lại, từ-điển giải-thích nhiều khía-cạnh của mỗi từ; có thể dùng thể âm-thanh tiếng nói do kỹ-thuật tân-tiến như Siri; thông-thường và cổ-điển là chép tay hay in-ấn, sử-dụng ký-hiệu—chữ hay văn-tự. Khoa ngôn-ngữ-học giúp ta phân-biệt từ, tiếng và tự. Từ-điển giải-thích từ; bao gồm các loại kỹ-thuật mới phát-âm, có thể dùng tiếng, cùng với các loại ấn-phẩm thông-thường, dùng ký-hiệu, chữ viết, gọi là tự-điển. Từ-điển rộng-nghĩa hơn; tuy-nhiên, dùng tự-điển nói chung, cũng không sai. ■

Nguyễn-Đức-Việt và Nguyễn-Lê-Hiếu

KIM VÂN KIỀU ĐÍNH GIẢI

Hương Ngạn Đào Tử ĐÀM DUY TẠO
trước tác năm 1986

(Thứ nam) ĐÀM TRUNG PHÁP
hiệu đính, trình bày, và phổ biến năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. TIỂU SỬ CỤ HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ ĐÀM DUY TẠO
CHƯƠNG 2. MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH THỨC CỦA SỰ ĐÍNH GIẢI
CHƯƠNG 3. CUỘC ĐÒI TÁC GIẢ TRUYỆN KIỀU
CHƯƠNG 4. CÂU 1 ĐẾN CÂU 6 & CÂU 7 ĐẾN CÂU 38
CHƯƠNG 5. CÂU 39 ĐẾN CÂU 132
CHƯƠNG 6, CÂU 133 ĐẾN CÂU 242
CHƯƠNG 7. CÂU 243 ĐẾN CÂU 362
CHƯƠNG 8. CÂU 363 ĐẾN CÂU 452
CHƯƠNG 9. CÂU 453 ĐẾN CÂU 568
CHƯƠNG 10. CÂU 569 ĐẾN CÂU 692
CHƯƠNG 11. CÂU 693 ĐẾN CÂU 804
CHƯƠNG 12. CÂU 805 ĐẾN CÂU 992
CHƯƠNG 13. CÂU 993 ĐẾN CÂU 1128
CHƯƠNG 14. CÂU 1129 ĐẾN CÂU 1226
CHƯƠNG 15. CÂU 1227 ĐẾN CÂU 1370
CHƯƠNG 16. CÂU 1371 ĐẾN CÂU 1472
CHƯƠNG 17. CÂU 1473 ĐẾN CÂU 1606
CHƯƠNG 18. CÂU 1607 ĐẾN CÂU 1704
CHƯƠNG 19. CÂU 1705 ĐẾN CÂU 1790
CHƯƠNG 20. CÂU 1791 ĐẾN CÂU 1938
CHƯƠNG 21. CÂU 1939 ĐẾN CÂU 2060
CHƯƠNG 22. CÂU 2061 ĐẾN CÂU 2164
CHƯƠNG 23. CÂU 2165 ĐẾN CÂU 2288
CHƯƠNG 24. CÂU 2289 ĐẾN CÂU 2438
CHƯƠNG 25. CÂU 2439 ĐẾN CÂU 2564
CHƯƠNG 26. CÂU 2565 ĐẾN CÂU 2736
CHƯƠNG 27. CÂU 2732 ĐẾN CÂU 2856
CHƯƠNG 28. CÂU 2857 ĐẾN CÂU 2972
CHƯƠNG 29. CÂU 2973 ĐẾN CÂU 3058
CHƯƠNG 30. CÂU 3059 ĐẾN CÂU 3130
CHƯƠNG 31. CÂU 3131 ĐẾN CÂU 3186
CHƯƠNG 32. CÂU 3187 ĐẾN CÂU 3240
CHƯƠNG 33. CÂU 3241 ĐẾN CÂU 3254
**PHỤ LỤC I. NỘI DUNG “TRUYỆN THIỆU NỮ” SO VỚI NỘI DUNG
“TRUYỆN KIỀU”**
**PHỤ LỤC II. MẢY VIỆC XẢY RA SAU KHI TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC
XUẤT BẢN**

CHƯƠNG 21

CÂU 1939 ĐẾN CÂU 2060 “Nghe ngâm biết hết, cười hiểm dọa chơi”

1939. Những là ngâm thờ nuốt than,
Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà. [1]
1941. Thừa cơ, sinh mới lên ra, [2]
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
1943. Sụt sùi giờ nổi đoạn tràng,
Giọt châu tâm tả đượm tràng áo xanh: [3]
1945. “Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa! [4]
1947. Thấp cơ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.
1949. Vì ta cho lụy đến người,
Cát làm ngọc trắng, thiết đòi xuân xanh!
1951. Quán chi lên thác xuống ghềnh, [5]
Cũng toan sông thác với tình cho xong.
1953. Tông đường chút chữa cam lòng, [6]
Nghiến răng bẻ một chữ ‘đồng’ làm hai. [7]
1955. Thẹn mình đá nát vàng phai, [8]
Trăm thân dễ chuộc một lời đợc sao?” [9]
1957. Nàng rằng: “Chiếc bách sóng đào, [10]
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rui may!
1959. Chút thân quần quai vũng lầy,
Sóng thừa còn tưởng đến rày nữa sao?
1961. Cũng liều một giọt mưa rào, [11]
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!
1963. Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
1965. Liệu bài mở cửa cho ra,
Ấy là tình nặng, ấy là ân sâu!
1967. Sinh rằng: “Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
1969. Nửa khi giông tố phũ phàng,
Thiết riêng đáy cũng lại càng cực đây.
1971. Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi!
1973. Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nổi lời nước non?
1975. Dầu rằng sông cạn đá mòn,
Con tầm đến thác cũng còn vương tơ!” [12]
1977. Cùng nhau kẻ lẻ sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.

1979. Mặt trông tay chẳng nở rời,
Hoa ti đã động tiếng người nẻo xa.
1981. Nhịn ngừng, nuốt tủi, đứng ra,
Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
1983. Cười cười, nói nói ngọt ngào,
Hỏi: “Chàng mới ở chốn nào lại chơi?”
1985. Dối quanh Sinh mới liệu lời:
“Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh.”
1987. Khen rằng: “Bút pháp đã tinh, [13]
So vào với thiếp Lan đình nào thua! [14]
1989. Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài!”
1991. Thiên trà cạn chén hồng mai, [15]
Thong dong nói gót thư trai cùng về.
1993. Nàng càng e lệ ủ ê,
Rỉ tai, hỏi lại hoa ti trước sau.
1995. Hoa rằng: “Bà đã đến lâu,
Rón chân đứng nép độ đầu nửa giờ. [16]
1997. Rành rành kẽ tóc chân tơ,
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
1999. Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than. [17]
2001. Dặn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.”
2003. Nghe thôi kinh hãi xiết đâu:
“Đàn bà thế ấy thấy âu một người!
2005. Ấy mới gan ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời! [18]
2007. Người đâu sâu sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay! [19]
2009. Thực tang bắt được đường này, [20]
Máu ghen ai cũng chau mày nghiền răng.
2011. Thế mà chẳng nói chẳng rằng,
Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng!
2013. Giận dầu ra dạ thế thường, [21]
Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu!
2015. Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này!
2017. Ví chẳng chấp cánh cao bay,
Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa! [22]
2019. Phận bèo bao quản nước sa,
Lệnh đênh đâu nữa cũng là lệnh đênh.”
2021. Chín e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành âm no!
2023. Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
2025. Bên mình giắt để hộ thân, [23]

- Lần nghe canh đã một phần trống ba.
 2027. Cát mình qua ngọn tường hoa,
 Lần đường theo bóng giăng tà về tây.
 2029. Mịt mù dặm cát đòi cây,
 Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu sương. [24]
 2031. Canh khuya thân gái dặm trường,
 Phần e đường xá, phần thương dải dầu!
 2033. Giời đông vừa rặng ngàn dâu, [25]
 Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
 2035. Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
 Rành rành “Chiêu ân am” ba chữ bài. [26]
 2037. Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
 Trụ trì nghe tiếng, rước mời vào trong. [27]
 2039. Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
 Giác duyên sư trưởng lành lòng liền thương. [28]
 2041. Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
 Lạ lòng nằng hãy tìm đường nói quanh:
 2043. “Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
 Qui sư, qui Phật, tu hành bấy lâu. [29]
 2045. Bản sư rồi cũng đến sau, [30]
 Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh. [31]
 2047. Rày vâng diện hiến rành rành,” [32]
 Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra.
 2049. Xem qua sư mới dạy qua:
 “Phải ni Hằng Thủy là ta hậu tình. [33]
 2051. Chín e đường sá một mình,
 Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.”
 2053. Gửi thân được chôn am mây,
 Muối dưa đắp đổi, tháng ngày thông dong.
 2055. Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
 Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay. [34]
 2057. Sớm khuya lá bối phướn mây, [35]
 Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. [36]
 2059. Thấy nàng thông tuệ khác thường,
 Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.

Đính chính và xác định

Câu 1981 – “*Nhịn ngừng nuốt tui đứng ra*” – Nghĩa câu này là nhịn ngừng hết cả sự thở than, và nuốt hết cả sự tủi cực đi mà đứng xa nhau ra. Có bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “nhịn ngừng” ra “nhận ngừng” và giảng nghĩa “nhận” là nén xuống, “ngừng” là thương xót; “nhận ngừng” tức là nén sự thương xót xuống. Giảng thế thật gượng ghịu quá, “ngừng” sao là thương xót được!
 Câu 2050 – “*Ni Hằng Thủy*” ở câu này nhiều bản quốc ngữ dịch là “Nơi Hằng Thủy” thật là làm, thành vô nghĩa. Chữ Ni [尼] đây dịch nguyên nghĩa là Sư bà, nhưng chữ nôm cũng quen dùng để viết chữ “nơi.”

Chú giải và dẫn điển

- [1] *Vấn an* [問安] = Về quê nhà hỏi thăm cha mẹ và anh em có được bình yên không.
- [2] *Thừa cơ* [乘機] = Nhân dịp, nhân cơ hội.
- [3] *Giọt châu tâm tã đượm tràng áo xanh* = Nước mắt rơi xuống ẩm ướt cả vạt áo đơn mặc ngoài. Câu này lấy điển ở câu cuối cùng bài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị: “Tọa trung khắp hạ thủy tối đa / Giang Châu Tư Mã thanh sam sấp [坐中泣下誰最多 / 江州司馬青衫] = Lệ ai chan chứa hơn người? Ấy quan Tư Mã đầm màu áo xanh.”
- [4] *Chúa xuân* = Tiếng dưng trong văn chương đề ca tụng mùa xuân.
- [5] *Lên thác xuống ghềnh* – Thúc Sinh nói bóng muốn liêu mạng mang Kiều đi trốn ở nơi rừng núi hiểm trở xa xôi.
- [6] *Tông đường* [宗堂] = Nhà thờ cúng tổ tiên. Câu này hàm ý Thúc Sinh vì chưa có con trai để nối dõi tông đường thờ cúng tổ tiên, nên không nỡ mang Kiều bỏ nhà đi được.
- [7] *Chữ đồng* [同] = Chữ thề “đồng tâm” với nhau và chữ đồng ở trong nút “đồng tâm kết” thề lấy nhau.
- [8] *Thẹn mình đá nát vàng phai* – Xem câu 1366: Thúc sinh cam đoan với Kiều trước khi lấy Kiều “Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liêu” nay chàng không liêu thân giữ được lời cam kết ấy nên chàng thẹn lòng là để lời vàng đá đó phải phai nát.
- [9] *Trăm thân để chuộc một lời được sao* = Dù đem trăm lần thân mình để chuộc cái tội lỗi thề ấy cũng không được. Câu này lấy điển ở câu trong Kinh Thi “Nhu khả thực hề, nhân bách kỳ thân [如可贖兮, 人百其身] = Nếu mà có thể chuộc được, thì mọi người ai cũng đem trăm lần thân mình ra mà chuộc.”
- [10] *Chiếc bách* = Chiếc thuyền làm bằng gỗ bách. Bách là một loài thông gỗ nhẹ mà dai bền làm thuyền rất tốt. Chữ “chiếc bách” lấy điển ở chữ “Bách chu [柏舟]” trong Kinh Thi, tượng trưng cho người đàn bà góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh ở giữa giòng sông.
- [11] *Cũng liêu một hạt mưa rào* = Cũng muốn nhảy xuống giếng mà tự tử cho hết đời, như hạt mưa rào rơi xuống giếng. Ca dao có câu: “Thân em như hạt mưa rào / Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.”
- [12] *Con tằm đến thác cũng còn vương tơ* = Con tằm lúc đã chết ở trong nồi ươm tơ rồi mà hãy còn tơ vương vít ở quanh mình nhộng. Thúc Sinh nói tuy phải xa bỏ Kiều, nhưng còn nhớ nhau cho đến lúc chết, chẳng bao giờ quên nhau. Điển câu này lấy ở câu thơ nhớ tình nhân của Lý Thương Ẩn, bốn câu trên bài thơ ấy như sau:
[相見時難, 別亦難] Tương kiến thì nan, biệt diệc nan
 Lúc gặp nhau khó, lúc từ giã nhau cũng khó
[東風無力, 百花殘] Đông phong vô lực, bách hoa tàn
 Gió đông tuy hòa âm, nhưng không sức giữ được trăm hoa tàn
[春蠶到死絲方盡] Xuân tằm đáo tử tư phương tận
 Con tằm mùa xuân đến lúc chết mới hết tơ
[蠟炬成灰, 淚始乾] Lạp cự thành hôi, lệ thủy can
 Ngọn nến đến lúc bắc hóa tro, giọt nước mắt mới khô
 Mượn điển này tả cảnh Thúc Sinh phải đau đớn từ biệt Kiều, thật đích đáng rất hay.
- [13] *Bút pháp* [筆法] = Phép cầm bút để viết. Phép cầm bút lông để viết chữ Hán rất khó, khi cầm bút nghiêng, khi cầm bút thẳng, khi nhấn mạnh ngòi bút, khi nhấn nhẹ, khi đưa nhanh, khi đưa chậm... Ai có óc mỹ thuật thì chữ mới đẹp, nên người chữ tốt đẹp thường hay vẽ khéo.
- [14] *Thiếp Lan đình* [蘭亭帖] (Lan đình thiếp) – Vương Hi Chi người đời Tấn, có tiếng là tay chữ tốt đẹp nhất nước Tàu xưa nay. Ông có làm bài tựa tập thơ vịnh hội Lan đình, ông cho là có thần giúp mới làm được bài tựa hay như thế, cho nên ông mới kén dùng giấy bút, mực, đều là hạng tốt nhất để viết thành một tập. Khi viết xong, ông cho là tập văn hay chữ tốt tuyệt bậc, mới

truyền cho con cháu giữ làm gia bảo của họ Vương. Mãi đến người cháu bảy đời của ông là Sư Trí Vinh, vì lời yêu cầu của vua Đường Thái Tông, mới đem dâng. Vua quý lắm, sai Trữ Toại Lương mặc lại để khắc bản in mà phát cho các quan, còn vua giữ bản chính. Và khi vua gần mất, dặn lại chỉ mang tập Thiếp Lan Đình chôn theo cho vua. Tập thiếp này khắc đi khắc lại và truyền mãi cho đến bây giờ.

[15] *Thiền trà* [禪茶] = Nước trà nhà chùa vẫn nấu bằng gỗ cây hoa mai đẽo mỏng, vì màu gỗ hơi hồng hồng, nên gọi là nước hồng mai.

[16] *Dón chân* = Sễ bước, không cho gót chân nện mạnh xuống đất thành tiếng thình thịch.

[17] Câu *Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thờ than* và câu *Dặn tôi đứng lại một bên* vần liền với nhau, mà ông Trần Trọng Kim không biết lại cho là mất vần. Trong sách khảo chính Bạch Vân Từ Phổ (Sách khảo cứu về vần thơ) nói: Các chữ thuộc về các vần thập tam Nguyên, thập tứ Hàn, thập ngũ San, và nhất Nguyên đều thông dụng lẫn với nhau. Xem đó thì biết chữ “than” vẫn có vần với chữ “bên.” Trong truyện Kiều có nhiều chỗ gieo vần như thế, ta chớ tưởng lầm.

[18] *Sờn gai* = giật mình sợ hãi đến nổi tóc gáy như dựng lên và da như nổi gai lên giống da gà vật lông rồi.

[19] *Mà chàng Thúc phải ra người bó tay* – Chữ “mà” ở đây nghĩa là “cho nên.” Có bản Kiều đổi câu này thành “Thảo nào chàng Thúc ra người bó tay” cho rõ nghĩa hơn, nhưng lời không thanh nhã. Câu này tác giả còn có ý “chơi chữ” cho vui, vì Thúc Sinh tên là Thúc Thủ [束守], chữ “thúc” nghĩa là bó, chữ “thủ” nghĩa là giữ, nhưng đồng thanh với chữ thủ [手] là tay, nên tác giả mượn tiếng mà đặt “Mà chàng Thúc phải ra người bó tay”. (Ta hay dùng chữ “thúc thủ [束手]” để nói khi gặp việc khó quá, đành chịu không làm gì gỡ được, như mình bị bó tay lại). Bởi vậy, có bản Kiều lại đổi hẳn câu này là “Mà chàng Thúc Thủ ra người bó tay.”

[20] *Thực tang* [實贓] = Tang chứng rõ ràng, bắt được ngay trước mắt.

[21] *Giận dầu ra dạ thế thường / Cười dầu mới thật khôn lường hiểm sâu* – Hai câu này lấy điển ở lời Ngự Triều Ân như sau: Ngự Triều Ân là tên hoạn quan được vua Đại Tông nhà Đường tin dùng, rất có thế lực, oai quyền khắp trong triều, ngoài dân. Một hôm Ân mời hai ông Tể tướng đến đãi tiệc, muốn chế diễu hai ông, sai bọn phường hát diễn kịch nấu canh. Một tên làm đônòai canh tắt cả bếp; một tên mắng rằng “Thế mà cũng đòi làm nghề nấu canh!” (Nghĩa bóng của “nấu canh” ở Kinh Thư là làm Tể Tướng giúp vua coi việc nước). Một ông Tể tướng giận quá bỏ tiệc ra về, còn ông kia là Nguyên Tải [元載] vẫn vui cười ăn uống như không. Tiệc tan khách về hết, Ngự Triều Ân bảo lũ thuộc hạ: Người giận kia là nông nổi tâm thường, ta không lo gì. Còn người cười kia bụng dạ thâm độc kín đáo lắm, ta thật đáng sợ. Sau quả nhiên bọn Ngự Triều Ân bị Nguyên Tải giết.

[22] *Bẻ hoa* = Nghĩa bóng là giết chết.

[23] *Hộ thân* = Giữ mình, nuôi sống mình.

[24] *Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu sương* – Câu này lấy ý ở hai câu thơ Thương Sơn tảo hành (Cảnh đi sớm ở Thương Sơn) của Ôn Đình Quân đời Đường:

[鷄声茅店月] Kê thanh mao điểm nguyệt

Tiếng gà gáy ở trong điểm lợp cỏ gianh dưới bóng trăng

[人跡板橋霜] Nhân tích bản kiều sương

Vết chân người đi ở trên ván cầu đầy những sương móc

[25] *Trời đông vừa rạng ngàn dâu* – *Trời đông* = Phương trời phía đông. *Ngàn dâu* = Do chữ phù tang [扶桑] dịch ra. Theo sách Đan Duyên Tổng Lục nói thì phù tang là thứ dâu mọc ở trên bề, hai cây mọc liền nhau, nâng đỡ lẫn nhau nên gọi là phù tang. Sách Thiên văn nói “Mặt trời mọc ở Dương Cốc, lặn ở Hàm Trì, và phát lên ngọn dấy phù tang, thế là lúc bình minh.” Ta chớ lầm chữ ngàn dâu là phương đông này với chữ bóng dâu là phương tây.

[26] *Chiêu Ẩn Am* [招隱庵] = Cái am mời người đi ẩn vào.

- [27] *Trụ trì* [住持] = Người sư tu đã lâu thành bậc khá, sư ông, sư bà, có thể làm chủ một ngôi chùa.
- [28] *Lành lòng* = do chữ từ tâm [慈心] dịch ra.
- [29] *Quy sư, quy Phật* = Phát thệ đi tu.
- [30] *Bốn sư* = Vị sư thầy của mình.
- [31] *Sư huynh* = Tiếng nhà tu hành gọi nhau giữa hai bậc ngang nhau để tỏ lòng thân quý; bất kỳ sư nam hay sư nữ đều gọi là huynh.
- [32] *Diện hiến* [面獻] = Dâng trình trước mặt.
- [33] *Hậu tình* [厚情] = Chỗ bạn thân tử tế với nhau.
- [34] *Trai phòng* [齋房] = Nơi nấu đồ ăn chay ở chùa. Kiểu nấu đồ ăn chay đã quen.
- [35] *Lá bói* = Do chữ bói diệp [貝葉] dịch ra. Kinh nhà Phật trước kia thường viết lên lá cây bói đa, là một loài cây lá gồi, lá nón.
- [36] *Tiếng chày nện srong* = Tiếng dùi đánh chuông lúc mờ sáng.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1939, 1940 = Trong khi Kiều chỉ những âm thầm, ngậm thờ nuốt than như thế, thì bỗng tình cờ được một hôm Tiểu thư về quê thăm cha mẹ đẻ.

Câu 1941, 1942 = Thúc sinh (không biết là Hoạn Thư giả vờ về để lừa mình) liền thừa cơ xăm xăm đến ngay phía vườn hoa và lên gác Quan Âm để gặp Kiều.

Câu 1943, 1944 = Gặp nhau, chàng liền giở nỗi đoạn trường ra mà sụt sùi khóc sụt nước mắt đầm ướt áo mà nói với nàng:

Câu 1945, 1946 = Tôi xin chịu tội bội bạc với nàng. Chỉ vì tôi là một chúa xuân bất tài mà để đóa hoa là nàng phải chịu tội riêng một mình.

Câu 1947, 1948 = Vì tôi ngu đần, cơ mưu thấp kém, thua trí một mục đàn bà, thành ra mắc vào cái tình thế trông vào nàng thì đau ruột nên không dám trông, mà nói ra thì sợ lời tôi nói nguy hiểm cho nàng, nên cũng đành im miệng.

Câu 1949, 1950 = Chỉ vì ta mà thành ra nàng phải chịu khổ sở phải vùi dập tấm thân ngọc này ở trong bùn lầy, phải uổng thiệt một đời xuân xanh tươi đẹp này.

Câu 1951, 1952 = Đã nhiều lúc tôi định đem nàng đi trốn, mặc dù phải lên thác xuống ghềnh, khổ sở nguy hiểm thế nào cũng không quản ngại để cùng được sống chết với nhau trong tình trường cho trọn đời.

Câu 1953, 1954 = Nhưng chỉ nỗi tôi chưa có con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên, nên tôi không đành lòng bỏ nhà ra đi. Bởi vậy tôi đành chịu đau đớn cắn răng mà bẻ chữ đồng tâm với nàng làm đôi.

Câu 1955, 1956 = Tôi rất hồ thẹn là đã phụ lời đem vàng đá ra thề với nàng, thế mà nay để đá phải nát, vàng phải phai. Tội phụ tình nàng to lắm, dẫu tôi đem trăm tấm thân ra để chuộc lấy một lời thề đó, cũng chưa dễ đã được đâu!

Câu 1957, 1958 = Kiều bảo chàng: Thân tôi như chiếc thuyền nhẹ, lênh đênh một mình ở giữa dòng sông to sóng cả này, thì nổi hay chìm cũng chỉ đành chịu số phận rủi may thôi, chứ biết làm sao được!

Câu 1959, 1960 = Chút thân giun đé quần quai dưới vũng lầy này, trong lúc sống thừa sống nhục, có tương đâu lại còn được gặp nhau lần này nữa như hôm nay để được giải bày tâm tình cùng nhau!

Câu 1961, 1962 = Tôi xin nói cho chàng biết rằng nhiều lần tôi đã toan gieo mình xuống giếng như hạt mưa rào xấu số cho xong, để cho thiên hạ họ biết rằng tôi đây đâu phải là hạng người tầm thường.

Câu 1963, 1964 = Nhưng chỉ đau xót vì một điều chúng ta đã trót bén duyên cầm sắt với nhau, dẫu chẳng được lâu dài trăm năm, nhưng cũng là vợ chồng rồi, tôi chết đi đã đành, nhưng e để thương để nhớ, tội tình cho chàng suốt đời.

Câu 1965, 1966 = Vậy chỉ còn cách này là hơn cả: Tôi xin chàng tìm cách nào cho tôi được ra khỏi nhà này, thế là tình nặng, thế là ơn sâu chàng ban cho tôi đó!

Câu 1967, 1968 = Thúc Sinh nói: Nàng nghĩ thế phải lắm. Chính lòng riêng tôi cũng đã nghĩ thế lâu rồi. Lòng hiểm độc của mẹ này thật khó mà lường được.

Câu 1969, 1970 = Nếu nàng ở đây mãi, lo khi nó nổi cơn gió bão, phủ phàng nguy hiểm đến tính mạng nàng, thì trước là thiệt cho nàng, sau là tôi đây lại càng đau thương khổ cực quá.

Câu 1971, 1972 = Thôi thì đành vậy, nàng phải liệu tìm cách xa chạy cao bay, tránh cho thoát khỏi chỗ này đi. Tình nghĩa ái ân của đôi ta chỉ ngần ngụi có ngần này thôi, thế là hết từ đây!

Câu 1973, 1974 = Ôi! Từ bây giờ kẻ ở người đi, có khác gì kẻ ngược người xuôi, mỗi người một ngã, chẳng biết có bao giờ nổi lại được lời thề nước non với nhau nữa không!

Câu 1975, 1976 = Tôi xin nàng biết cho rằng, dù cho sông cạn hết nước, núi mòn hết đá, chứ lòng tôi chẳng bao giờ quên được nàng, cũng như con tằm kia, còn vương tơ mãi mãi cho đến lúc chết.

Câu 1977 đến 1980 = Trong khi hai bên còn đang kể lể truyện trước truyện sau, nói rồi lại nói, lời chưa hết lời, mặt nhìn mặt nhau, tay cầm tay nhau chẳng rời nhau ra chút nào, thì con Hoa Tỳ bỗng lên tiếng báo động nơi xa xa bên ngoài.

Câu 1981, 1982 = Thế là chàng nàng liền nhịn hết mọi nỗi nhớ thương, ngừng hết mọi lời than thở, mà đứng dậy xa nhau ra, và Tiểu thư đã từ đầu rẽ qua mấy chậu hoa mà bước vào rồi.

Câu 1983, 1984 = Mặt thì tươi vui, miệng thì ngọt ngào, cười cười nói nói hỏi Thúc Sinh: Chàng ở đâu mới lại chơi đây thế ?

Câu 1985, 1986 = Thúc Sinh liệu lời nói dối quanh rằng: Vắng mình tôi buồn quá, mới ra dạo vườn tìm hoa xem, rồi nhân quá bước, mới lên xem sự viết kinh.

Câu 1987, 1988 = Hoạn Thư cũng bắt chước chồng lại xem Kiều viết và niềm nở khen rằng: Chữ sự cô viết tinh xảo tốt đẹp quá, so với thiếp Lan đình thật không kém.

Câu 1989, 1990 = Tôi rất tiếc cho sự cô là người có tài như thế mà sao gặp bước long đong giang hồ như thế? Tài này thật đáng đem nghìn vàng ra mà mua lấy!

Câu 1991, 1992 = Rồi vợ chồng ngồi uống trà nhà chùa nấu bằng gỗ cây mai màu hồng hồng, và khi uống cạn chén, thông dong theo bước nhau cùng ra về.

Câu 1993, 1994 = Kiều lúc đó phần thì e ngại, lo sợ về việc Hoạn Thư bắt gặp vừa rồi, phần thì càng ừ ừ rầu rĩ vì cuộc vĩnh biệt thế thảm chàng nàng, mới gọi Hoa Tỳ lại gần, rỉ tai sẽ hỏi rõ trước sau là Hoạn Thư từ đâu đến, đến đã lâu hay mới đến?

Câu 1995, 1996 = Hoa Tỳ nói rõ đủ đầu đuôi cho nghe rằng: Bà đến đây đã lâu lắm, và đã đến núp ở đây mà nghe chừng hơn nửa giờ rồi (nửa giờ đây tức là 1 giờ đồng hồ bây giờ).

Câu 1997, 1998 = (Hai câu này phải diễn giải đảo ngược lên thì lời mới xuôi): Mấy lời ông và nàng nói với nhau, bà đã nghe được thừa rõ ràng từng kể tóc chân tơ.

Câu 1999, 2000 = Bao nhiêu những nỗi đau khổ đoạn trường, những tình thương xót nhớ tiếc nhau, và bao nhiêu những nỗi ông vật vã, những nỗi nàng thở than, bà đều biết hết.

Câu 2001, 2002 = Bà bảo tôi đứng im ra một bên, và khi bà nghe đã chán tai rồi, mới cho tôi động tiếng báo, và ung dung bước lên lầu, vui vẻ như không biết chuyện gì.

Câu 2003, 2004 = Kiều thấy Hoa Tỳ kể cho nghe rõ ràng như vậy sợ lắm. Nàng nghĩ: Trong bọn đàn bà, ta chưa thấy một người nào khôn ngoan thâm hiểm được đến như thế.

Câu 2005, 2006 = Người thế mới thật là gan, thế mới thật là tài, không việc gì làm rối động được lòng, không ai dò xét được bụng. Ta càng nghĩ càng sợ, dựng tóc gáy, sồn da gà, hồn vía rụng rời tan đâu hết.

Câu 2007, 2008 = Người đầu mà sâu sắc nước cờ đối với đời được như thế! Chẳng trách chàng Thúc phải bó tay không bênh vực được ta chút nào!

Câu 2009, 2010 = Rõ ràng bắt được quả tang chàng Thúc đến than khóc, tự tình với ta như thế, giá thử là người đàn bà khác, thì ai mà chẳng chau mày nghiêng răng, găm thét nổi ghen lên?

Câu 2011, 2012 = Thế mà người này vẫn như không, đã chẳng đả động gì đến việc này, lại còn chào hỏi vui vẻ, trò chuyện dụi dàng nữa mới sợ!

Câu 2013, 2014 = Nếu mặt nổi cơn giận dữ, thì cũng là dạ người thường ở trên đời, ta không đáng sợ. Nhưng mặt lại cười, cái cười này của mặt thật tỏ ra là người hiểm độc đáng sợ vô cùng!

Câu 2015, 2016 = Ta phải lo cho thân ta mới được. Chỗ này thật nguy hiểm, có miệng hùm nọc rắn ở đâu đây, nó làm chết ta lúc nào không biết !

Câu 2017, 2018 = Nếu ta không xa chạy cao bay cho sớm, thì thế nào cũng có lúc con hùm con rắn này nó giết ta, như kẻ treo cây mồi không nhìn được bẻ hoa.

Câu 2019, 2020 = Ôi ! Cái thân phận cánh bèo của ta này có quản ngại gì dòng nước từ núi sa xuống, dù cho lênh đênh đến thế nào nữa, thì cũng đến như thế này là cùng, ta chẳng sợ gì !

Câu 2021, 2022 = Nàng chỉ lo khi bỏ ra đi rồi thì một mình bơ vơ nơi đất khách, nếu chỉ có bàn tay không, thì khó có thể tìm được cách làm cho có cơm ăn áo mặc được.

Câu 2023, 2024 = Nàng nghĩ quanh quẩn mãi, thì chợt nghĩ ra trên bàn thờ Phật có hai cái chuông vàng khánh bạc con, có thể mang đi độ thân được.

Câu 2025, 2026 = Nàng liền giắt những chuông khánh ấy vào trong mình làm của độ thân sau này. Khi sắp sửa mọi đồ hành lý xong đâu đấy rồi, thì lần lần nghe trống canh đã điểm một phần canh ba (nghĩa là quá nửa đêm).

Câu 2027, 2028 = Nhân lúc nửa đêm vắng vẻ ấy nàng liền cật mình lên trèo qua bức tường hoa mà ra ngoài trốn đi. Trời lúc đó tối lắm, chỉ có bóng vành trăng thượng tuần đã xế về tây, nàng phải theo ánh trăng tà đó mà lần lần dò từng bước đường mà đi.

Câu 2029, 2030 = Trời tối mù mịt, trông xa xa chỉ thấy mặt đường cát trắng trắng và những đồi cây um đen đáng ghê sợ. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng gà gáy ở phía điểm lều tranh dưới vành trăng xế; khi qua cầu thì thấy lờ mờ vết chân người in trên ván cầu đầy sương móc.

Câu 2031, 2032 = Ta hãy tưởng tượng cái cảnh : đêm thì khuya khoắt tối tăm, nàng thì thân gái yếu đuối, đường đi thì dài thẳm lạ lùng, lại thêm nỗi ngoài thì biết bao nhiêu sự đáng sợ nơi đường sá: nào kẻ gian phi, nào người đuổi bắt, trong lòng thì biết bao nhiêu nỗi thương thân liễu bèo phải xông pha bước nguy hiểm, phải dầu dãi đêm sương gió. Ta cứ tưởng tượng như thế, thì tasẽ biết tình cảnh nàng lúc đêm đó thật khổ cực đủ đường, lo sợ đủ đường.

Câu 2033, 2034 = Nàng cứ theo ánh trăng tà mà rảo bước đi bừa về phía tây, cho đến khi trời đã rạng đông, đã thấy ánh mặt trời dựng lên ở phía sau ngàn dâu biệch thẳm. Trời càng sáng, nàng càng thấy lo sợ, càng thấy bơ vơ : nào biết đi đâu bây giờ ? Nào biết đâu là nơi mình có thể vào ẩn lánh được ?

Câu 2035 đến 2038 = Trong khi nàng đương lo sợ bơ vơ như thế, thì bỗng trông thấy một ngôi chùa nhỏ ở xa xa trước mặt, và nhìn thấy rõ ba chữ to đề ở biển trước cửa chùa là “Chiêu Âm” (nghĩa là ngôi chùa nhỏ mời người đến ẩn lánh cuộc đời). Nàng cho là điểm tốt, liền xăm xăm rảo bước mau chân đi vào mái ngoài mà gõ cửa. Bà Trụ trì nghe tiếng chạy ra mở cửa mời vào.

Câu 2039, 2040 = Thấy nàng ăn mặc nâu sòng, bà Sư trưởng Giác Duyên vốn sẵn lòng nhân từ, liền có lòng thương quý nàng.

Câu 2041, 2042 = Khi Sư trưởng Giác Duyên hỏi cận kề cho biết rõ ngọn ngành gốc tích của nàng, thì trong buổi mới mẻ còn lạ lùng, nàng hãy tạm tìm lời nói dối quanh rằng :

Câu 2043, 2044 = Kính thưa Sư trưởng, Tiểu thiên tôi quê ở Bắc Kinh, đã phát nguyện quy Sư, quy Phật, theo thầy Bồn sư tôi tu hành đã lâu.

Câu 2045, 2046 = Bôn sư tôi cũng sẽ đến sau và có giao cho tiêu tôi những đồ Pháp bảo này mà đây rằng mang đến dâng Sư huynh trước.

Câu 2047, 2048 = Nay may được gặp Sư trưởng đây, tiêu tôi vâng lời Bôn sư xin kính dâng cẩn thận trước mặt Sư trưởng.

Câu 2049, 2050 = Nói dứt lời, nàng giở chuông khánh bạc ở bên mình bày ra kính dâng.

Câu 2051, 2052 = Sư Giác Duyên xem qua, rồi bảo rằng : Đây chắc là Sư bà Hằng Thủy, là bạn rất thân tình từ tể với ta gửi cung tiến chùa ta đây !

Ta thấy tiêu có ý nóng lòng muốn đi tìm Sư thầy Hằng Thủy, ta e đường xá lạ lùng, đi một mình bơ vơ nguy hiểm. Vậy tiêu hãy đành ở tạm đây chờ đợi ít lâu, thế nào Sư huynh ta cũng tìm được đến.

Mấy lời phụ chú :

Xét trong đoạn Kiều mới gặp Giác Duyên này, trong truyện tả vắn tắt quá, ý nghĩa không được thật rành rõ, vậy xin dẫn lời phụ chú về việc này ở bản Kiều Trần Trọng Kim vào đây, để chư vị độc giả biết rành rõ hơn : “Trong bản chữ Hán nói : Kiều đến chùa gõ cửa, có bà vải ra hỏi, Kiều nói rằng đi vân du đến đây, xin vào nghỉ chân. Vải nói việc này phải hỏi Sư Đương Gia. Kiều hỏi Sư Đương Gia pháp danh là gì ? Vải bảo là Giác Duyên. Kiều nhớ lấy tên ấy, rồi vào nói với Giác Duyên : Tôi cùng với thầy tôi định đi đến Chiêu Ân Am thăm Sư Giác Duyên, không ngờ thầy tôi đi lạc đâu, tôi tìm không thấy, và tìm mãi mới thấy chùa đây, chẳng biết thầy tôi đã đến đây chưa ? Giác Duyên nghĩ một lúc rồi hỏi : Có phải là Sư Hằng Thủy ở Trấn Giang không ? Kiều nhận là phải...”

Câu 2053, 2054 = Thế là Kiều được gửi thân vào nơi nhỏ kín ở trong mây phủ, cơm chay dưa muối xong lần, nhưng suốt ngày qua tháng lại lúc nào trong lòng cũng được thanh thoi.

Câu 2055, 2056 = Kinh kệ nàng thuộc lòng sẵn, nên tụng kinh niệm Phật rất thông thạo. Những việc đèn hương thờ Phật cũng là việc cũ của nàng và những việc nấu nướng đồ chay trong trai phòng nàng đã làm quen tay cả rồi.

Câu 2057, 2058 = Khi muốn tiêu khiển thì hoặc giở kinh Phật chép trên lá bói đa mà xem buổi tối, hoặc ra sân ngắm cây lá phướn bay bay, phát phối như mây buổi sớm.

Câu 2059, 2060 = Giác Duyên thấy nàng thông tuệ khác người thường, nên càng có lòng kính nể, và nàng cũng được yên lòng, chắc là ở đây được vững chân lâu dài.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý khen chê

1/ Câu đầu đoạn này “Những là ngậm thờ nuột than” trên thì ứng với câu “Nói lời trước mặt, roi châu vắng người”, dưới thì ứng với câu “Nổi ông vật vã, nổi nàng thờ than.” Bị quan phòng nghiêm ngặt, ngậm thờ nuột than mãi, nay được dịp may gặp nhau, tha hồ than thờ.

2/ Câu Thúc Sinh tạ lỗi Kiều “Thẹn mình đá nát vàng phai” ứng với câu chàng bảo Kiều trước khi đem Kiều đi với chàng ra khỏi lầu xanh “Đã gần chi có điều xa / Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liêu.” Trước thì “quyết phong ba cũng liêu” như thế, sao nay lại viện có nợ có kia mà chẳng “lên thác xuống ghềnh, sống chết với tình cho cam” ?

3/ Câu Thúc bảo Kiều “Liệu mà xa chạy cao bay / Ái ân ta có ngần này mà thôi” ứng với câu Kiều yêu cầu Thúc “Liệu bài mở cửa cho ra / Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu” – Thúc thấy Kiều yêu cầu “mở cửa cho ra” nhưng chàng đành bó tay, chỉ nói gọn lỏn : Liệu mà xa chạy cao bay đi thôi, và cuộc ái ân đôi ta đến đây đành xin chấm dứt – Đọc hai câu ứng đối này, ta thật đáng ngán cho Kiều, chết đuối vớ phải bè !

4/ Câu Thúc Sinh nói “Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường / Nửa khi giông tố bất thường...” và câu tả cách dọa ngầm của Hoạn Thư “Cười cười nói nói ngọt ngào ... Thiên trà cạn nước hồng mai / Thông dong nổi gót thư trai cùng về...” và những câu Hoa Tỳ nói “Bà đến đã lâu ... Rành rành kẻ tóc chân tơ ... nghe hết đã dư tỏ tường” đều là những mũi dùi thúc đẩy Kiều vội vàng đi trốn, không quản gì lấy trộm cả đồ thờ Phật.

5/ Những lời Hoa Tỳ kể rành rõ cho Kiều biết, không phải là nó mông mõi, có ý tâng công với cô tiểu Trạc Tuyên, mà đích là nó theo lời theo ý của bà chủ nó, để đánh một ngón đòn cân não giục cô tiểu không ngoan, choáng hồn phải vội vàng chấp cánh cao bay, chàng Thúc hết tìm.

6/ Chữ “phải” ở câu “Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà” cũng có ý nghĩa là rõ ràng hữu ý mà giả vờ làm như vô tình, như những chữ “phải” ở các câu “Cách tường phải buổi êm trời” (289), “Buồng the phải buổi thông dong” (1309).

7/ Câu “Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi” mới đọc qua thì tưởng là tầm thường, nhưng để ý suy nghĩ, thì thấy chữ “mới” ý nghĩa rất tế nhị. Hoạn Thư đã núp nghe rành rõ lâu hơn nửa giờ rồi, mà còn giả vờ như mới đến chưa nghe thấy gì mà tưởng Thúc mới đến đây như mình, nên mới hỏi “Chàng mới lại đây bao giờ ?” vừa làm cho chồng khỏi ngỡ ngàng, vừa làm cho Kiều biết rõ mình bí hiểm lại càng sợ hơn.

8/ Trong các phần tả cơ mưu Hoạn Thư đánh ghen, đều là đòn cay độc kín đáo, làm cho chồng và tình địch đau đớn vô cùng mà đành lặng lẽ chịu đòn, rồi kết cục đành phải “nghiến răng mà bẻ chữ đồng làm hai.”

9/ Trong các phần tả cuộc đối đãi nhau giữa đôi tình địch Hoạn Thư -Thúy Kiều, chúng ta thấy hai bên đều là tay tuyệt đối cả : Kiều thì tuyệt đối khôn biết trung hậu thật thà, tuyệt đối kiên nhẫn chịu đựng khổ cực; Hoạn thì tuyệt đối khôn ngoan quỷ quyệt kín đáo, tuyệt đối khéo sử dụng mưu kế. Chỉ khác lúc còn xa nhau, Kiều thì đoán biết được tâm trạng nham hiểm của Hoạn Thư, mà Hoạn Thư mãi lúc ở với nhau mới biết được tài tình cao thượng của Kiều, và có thể gọi là thành đôi tri kỷ được, mặc dù địa vị một vực một trời.

10/ Những lời Hoạn Thư khen Kiều như “Bút pháp đã tinh ... Không thua thiếp Lan đình ... Nghìn vàng cũng nên mua lấy tài... Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên...” đều là lời khen thành thật cả, đúng như lời Hoạn kể sau này để gỡ tội : “Lòng riêng riêng cũng kính yêu / Chồng chung chưa để ai chiều cho ai.”

11/ Ấy chỉ vì cái nỗi “không ai chiều chồng cho ai” đó mà thành ra Hoạn - Kiều càng hiểu biết nhau, lại càng phải tìm cách xa nhau. Kiều biết rằng, tài hoa mình đã làm cho Hoạn phải kính yêu, nhưng lại có thể làm cho Hoạn phải gờm sợ một ngày kia cướp lại mất “chồng chung” mà không thể bao dung mình mãi ở cảnh tu vờ vĩnh này được. Bởi vậy lúc nào Kiều cũng mong dịp được gặp riêng chàng Thúc để xin chàng “liệu bài mở cửa cho ra” và để tỏ tình thủy chung với mối tình “Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta” chứ không nỡ “Cũng liêu một hạt mưa rào” để cho chàng phải thêm phần xót xa.

12/ Về phần Hoạn Thư cũng vậy. Cô rất kính yêu tài hoa phi thường của Kiều, nhưng cô cũng sợ cái giá “đáng đúc nhà vàng để chứa” đó không thể nào chàng Thúc bó tay bỏ lỡ mãi được, biết đâu chẳng có lúc họ “lên thác xuống ghềnh, sống chết với tình cho xong.” Mặc dù gác kinh đã quan phòng then chặt lưới mau, nhưng cô lúc nào cũng không khỏi quan tâm được, chỉ có cách đuổi hẳn Kiều đi là vững chắc nhất, hết lo ngại. Nhưng đuổi bằng cách nào để vừa cho Kiều đi thật mất tích, Thúc hết tìm, vừa để cô khỏi mang tiếng là tàn tệ, là ghen tuông mà bị Kiều khinh rẽ coi thường, mà còn trái lại để nàng phải sợ phải phục. Bởi vậy cô phải suy tính nhiều, nghĩ ramưu sâu dụ địch mắc vào vòng phục kích ở gác Quan Âm, để rồi chỉ dọa mát : “Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng” mà khiến Kiều phải “són gai rụng rời” vội vàng nửa đêm lấy trộm cả pháp bảo mà trốn đi ! Thế là cô ta đã chẳng mang tiếng tàn nhẫn gì mà đuổi tình địch như chơi, mà

sau này lại còn được lời kêu van đúng lý “Nghĩ cho khi gác viết kinh / Bỏ ra khỏi cửa dứt tình chẳng theo” khiến cho “Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư” mà được thả ngay ở trước tiên.

13/ Xét ra thật đôi tình địch này có lòng sợ phục lẫn nhau, nên Hoạn Thư thật dạ lập tâm sắp sẵn đồ độ thân cho Kiều đi trốn, mà không truy tìm nữa để tỏ lòng quý Kiều. Và Kiều cũng phục Hoạn Thư có lòng thương quý mình như thế, nên nghe lời Hoạn Thư nhắc lại, liền tha ngay tội không báo thù nữa. Rõ ràng là hai tình địch này là hai kẻ tri kỷ với nhau, nên xử với nhau mới cùng có độ lượng như thế.

14/ Câu Kiều xin với Thúc Sinh “Liệu bài mở cửa cho ra / Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu” tình ý rất thâm : Tưởng là ân sâu tình nặng gì ? Hóa ra chỉ là xin mở cửa cho được ra khỏi nhà chàng ! Thật cũng là một câu đoạn trường.

15/ Câu “Thong dong nổi gót thư trai cùng về” – nếu chỉ đọc qua thì thoáng nhiên thế vậy thôi – nhưng nghĩ kỹ thì thấy ý nghĩa sâu sắc vô cùng : Đối với Hoạn Thư thì thật là một cuộc vui vẻ thắng trận ra về; đối với Thúc Sinh thì chỉ ung dung bề ngoài, còn trong lòng thật đầy thương nhớ, nhất là đối với Kiều thì thật đủ các thứ cảm tình sầu khổ, bơ vơ, tủi cực, nhớ tiếc. Kẻ thắng trận càng làm ra vẻ ung dung bao nhiêu, thì kẻ bại trận càng đau buồn bấy nhiêu. Thế là vĩnh biệt tình nhân, hết cuộc “ái ân có ngần ấy thôi.”

16/ Câu “Tiếng gà điếm nguyệt, dấu giày cầu sương” đã mượn ý câu thơ cổ để tả rất hay rất đúng cảnh buồn bã băng khuâng lúc đi đêm hơi gần sáng, nhưng còn ngầm tả nỗi lòng sợ sợ lo lo của Kiều, lúc nào cũng để ý nghe trước nhìn sau, không sinh tai mắt, nghe thấy gà gáy cũng sợ trời sắp sáng, người đuổi tìm sắp đến, thấy vết chân mình in trên ván cầu đầy sương, cũng sợ người đuổi tìm nhận thấy dấu vết của mình.

17/ Câu “Canh khuya thân gái dặm trường” chỉ có 6 chữ mà tả đầy đủ tình cảnh cô gái lưu lạc lúc đó, nào bơ vơ, nào sợ hãi, nào lo âu, nào liêu mạng, nào thương thân. Một nhà văn sĩ Pháp đọc đến câu này đã phải bái phục là câu văn hay gọn tuyệt vời, không đâu có câu văn hay như thế !

CHƯƠNG 22

CÂU 2061 ĐẾN CÂU 2164 “Trú chân nhà Bạc, nối tiếp lầu xanh”

2061. Cửa thiên vừa cũ cuối xuân, [1]
 Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời. [2]
2063. Gió quang mây tạnh thành thơi,
 Có người đàn việt lên chơi cửa già. [3]
2065. Giở đồ chuông khánh xem qua,
 Khen rằng: “Khéo giống của nhà Hoạn nương!”
2067. Giác Duyên thực ý lo lường,
 Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
2069. Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,
 Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay:
2071. “Bây giờ sự đã dường này,
 Phận hèn dù rủi, dù may, tại người.” [4]
2073. Giác Duyên nghe nói rụng rời,
 Nửa thương, nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
2075. Rỉ tai mới kể sự lòng: [5]
 “Ở đây cửa Phật là không hẹp gì;
2077. E chẳng những sự bất kỳ,
 Để nàng cho đến thế thì cũng thương!
2079. Lánh xa, trước liệu tìm đường,
 Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê! [6]
2081. Có nhà họ Bạc bên kia,
 Am mây quen lối đi về dầu hương. [7]
2083. Nhấn sang, dặn hết mọi đường,
 Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.” [8]
2085. Những mừng được chốn an thân,
 Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.
2087. Nào ngờ cũng tỏ bọm già,
 Bạc bà học với Tú bà đồng môn! [9]
2089. Thấy nàng nhợt phấn nhàm son, [10]
 Mừng thầm được món bán buôn có lời. [11]
2091. Hư không đặt để nên lời, [12]
 Nàng đà nhón nhác rụng rời lấm phen.
2093. Mụ càng khua giục cho liền, [13]
 Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần. [14]
2095. Rằng: “Nàng muôn dậm một thân,
 Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa. [15]
2097. Giống oan gia, của phá gia,
 Còn ai dám rước vào nhà nữa đây! [16]
2099. Kíp toan kiếm chốn xe dây,
 Không dừng chưa để mà bay đường trời!

2101. Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
2103. Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cùng trong thân thích ruột rà, chẳng ai. [17]
2105. Cửa hàng buôn bán châu Thai,
Thực thà có một, đơn sai chẳng hề. [18]
2107. Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
2109. Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bề rộng sông dài thênh thênh. [19]
2111. Nàng dù quyết chẳng thuận tình, [20]
Trái lời nẻo trước lụy mình đến sau.”
2113. Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm. [21]
2115. Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,
Thế cùng nàng mới xa gần thờ than:
2117. “Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung rày đã sợ làn cây cong! [22]
2119. Cùng đường dù tính chữ tòng, [23]
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao? [24]
2121. Nửa khi muôn một thế nào,
Bán hùm, buôn sói, chắc vào lưng đâu? [25]
2123. Dù ai lòng có sở cầu, [26]
Tâm mình xin quyết với nhau một lời. [27]
2125. Chứng minh có đất, có trời,
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?”
2127. Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
2129. Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp hương. [28]
2131. Bạc sinh quì xuống vôi vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng, Thổ công. [29]
2133. Trước sân lòng đã tỏ lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
2135. Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
2137. Thuyền vừa đỗ bến thành thơi,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
2139. Cũng nhà hành viện xưa nay, [30]
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
2141. Xem người định giá vừa rồi,
Món hàng một, đã ra mùi, thì buông. [31]
2142. Mượn người thuê kiệu rước nường,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa!
2145. Kiệu hoa đặt trước thêm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vôi vàng.
2147. Đưa nàng vào lễ gia đường,

Cũng thân mày trắng, cũng phường lâu xanh!
 2149. Thoát trông nàng đã biết tình,
 Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
 2151. Chém cha cái số hoa đào, [32]
 Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
 2153. Nghĩ đời mà chán cho đời,
 Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen!
 2155. Tiếc thay nước đã đánh phèn,
 Mà cho bùn lại vắn lên mấy lần!
 2157. Hồng quân với khách hồng quân, [33]
 Đã xoay đến thế, còn vắn chữa tha.
 2159. Lỡ từ lạc bước bước ra,
 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi. [34]
 2161. Đầu xanh đã tội tình gì?
 Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
 2163. Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
 Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

Đính chính và xác định

Câu 2089 – “*Thấy nàng nhọt phấn nhàm son*” = Da nàng chỗ màu trắng thì đẹp hơn phấn, bôi phấn vào thì nhọt nhạt xấu đi; chỗ màu hồng thì đẹp hơn son, bôi son vào chỉ thêm nhàm vô ích. (Nhóm chữ “mặt phấn tươi son,” in trong một số bản Kiều, nghĩa đã không thâm thúy, mà lại còn không hợp với cảnh Kiều lúc này, vì nàng đã đi tu ăn mặc nhà chùa, còn phấn son đâu nữa mà nói là mặt tươi?)

Câu 2090 – “*Mừng thăm được món bán buôn có lời*” – Chữ “món” đây tức là một món hàng mua bán nghĩa rất đúng, và trong một bản Kiều nôm cũ cũng viết đích là “món” [房] (“mịch” + “môn”). Nhiều bản Kiều quốc ngữ in “món” ra “mối.” Có lẽ đó là vì có bản Kiều nôm mới in sau cũng khắc chữ này là “mối” [緡] (“mịch” + “mối”). Chữ “mối” thật sai nghĩa với câu này vì “mối hàng” là người mua bán với cửa hàng, còn “món hàng” mới là đồ mua bán; Bạc Bà coi Kiều là một “món hàng.”

Câu 2092 – “*Nàng đà nhón nhác rụng rời lấm phen*” – “Nhón nhác” rõ đúng nghĩa với ý sợ hãi ở đây. Nhiều bản Kiều quốc ngữ in câu này là “Nàng đà lớn sự rụng rời lấm phen” thật sai lầm, lời không trôi chảy, nghĩa cũng ngô nghê.

Câu 2093 – “*Mụ càng khua giục cho liền*” – Chữ “khua” bản nôm viết là [搯] (“thủ” + “khu”) và “giục” viết là [𢵒] (“khẩu” + “trục”) nghĩa rất đúng và rất liền nghĩa với câu trên: Bạc Bà đã bịa đặt ra những tin nọ tin kia để dọa cho Kiều nhiều phen nhón nhác sợ hãi, rồi mụ lại nói những điều làm cho Kiều rối bụng, lo sợ thêm, như giục nàng phải mau tìm cách tránh tai nạn, kéo bị bắt ... Nhiều bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “khua giục” làm ra “sua đuổi” thật vô nghĩa đáng tiếc.

Câu 2097 – “*Giống oan gia, của phá gia*” – “Giống oan gia” = Hạng người xấu vía, ở đâu cũng làm cho người ta mắc tội vạ oan vì mình. “Của phá gia” = Hạng người ăn chơi, ở đâu cũng phá hoại gia đình người ta. Câu này rất liền ý nghĩa với câu dưới: những hạng ấy, còn ai dám đón vào nhà nữa. Không hiểu sao nhiều bản Kiều lại đổi “giống oan gia” ra “khéo oan gia” thật tối nghĩa.

Câu 2098 – “*Còn ai dám rước vào nhà nữa đây!*” – “Rước” nguyên nghĩa là đón một cách long trọng, nhưng khi nói mỉa mai người ta cũng hay dùng chữ “rước,” như khi mình trót mang một vật gì hay là người nào chẳng ra gì vào nhà, thường than nói “biết thế này thì rước cái của nợ ấy về nhà làm gì!” Chữ “rước” trong câu Kiều này cũng dùng nghĩa mỉa mai đó. Nhiều nhà xuất bản

truyện Kiều không hiểu ý nghĩa mỉa mai chữ rước này, mới đổi ra chữ “chứa” e không ăn nghĩa với chữ “vào,” vì nếu là “chứa” thì phải nói là “chứa ở nhà...” mới thật đúng nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Cữ cuối xuân* = Đạo cuối mùa xuân.

[2] *Vẻ ngân* – Về cuối mùa xuân, trời trong nhưng còn hơi sương, nên mặt trăng sáng êm đẹp trông trắng như bạc; bởi vậy chữ Hán có câu “Nguyệt sắc như ngân” [月色如銀] = Sắc mặt trăng như bạc.

[3] *Đàn việt* [檀越] nguyên nghĩa là người có nhiều công đức với nhà chùa. Về sau thành tiếng chung để gọi những người hay đi lễ chùa. Nguyên chữ “đàn” tức là “đan na” ở kinh nhà Phật và nghĩa là “thí chủ” [施主]; và chữ “việt” là từ thành ngữ “Việt bản cùng hải [越貧窮海] = Vượt bể nghèo khổ.

[4] Chữ *người* ở câu này là tiếng gọi tỏ lòng kính một người bực trên, có địa vị cao quý, tức là tiếng “ngài” nói trạnh lên cao hơn một bực. Đây là cách Kiều gọi Giác Duyên.

[5] *Sự lòng* = Từ chữ “tâm sự” dịch ra, nghĩa là mọi sự lo nghĩ ở trong lòng.

[6] *Ngồi chờ nước đến* – Lấy ý ở câu tục ngữ “Chờ để nước đến chân mới nhảy mà muộn quá.”

[7] *Đi về dầu hương* = Hay mang đồ lễ đến chùa cúng lễ Phật.

[8] *Trú chân* = Đến ở nhờ tạm một thời gian.

[9] *Đồng môn* [同門] = Cùng vào một cửa trường, cùng học một thầy.

[10] *Nhọt phấn nhàm son* – Xem lời xác định câu 2089.

[11] *Món* = Một số hàng hóa – Xem lời xác định câu 2090.

[12] *Hư không đặt để nên lời* = Bỗng không bịa đặt ra những tin đồn nọ kia nguy hiểm để dọa Kiều.

[13] *Khua giục* – Xem lời xác định câu 2093.

[14] *Lời hung hiểm* = Lời dọa dữ dội nguy hiểm cho thân Kiều.

[15] *Tiếng dữ gần, tiếng lành xa* – Ta có câu tục ngữ “Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa” nghĩa là ai có sự gì tốt lành thì mọi người chỉ nói ít ở nơi gần nhau thôi, còn ai có sự gì dữ ác thì người nọ tuyên truyền cho người kia, đồn đi xa lắm. Tác giả mượn ý câu này để nói Bạc Bà dọa Kiều rằng; tình thế nàng bây giờ việc dữ thì gần đến, mà việc lành thì đi xa rồi.

[16] *Rước vào nhà* – Xem lời xác định câu 2098.

[17] Chữ *ruột rà* tôi không biết nghĩa đích xác là gì, chỉ đoán tạm là chỗ họ hàng thân, nên biết lòng biết dạ nhau lắm.

[18] *Đơn sai* = Người không hề lừa đảo ai bao giờ, có thể tin được lắm.

[19] *Bể rộng sông dài* = Ví như con cá đang ở trong chậu nước được thả ra sông bể, tha hồ tự do, muốn đi đâu cũng không sợ gì.

[20] Chữ *dù* này cũng nghĩa là “nếu” như nhiều chữ “dù” khác ở trong Truyện Kiều. Bạc bà dọa Kiều, nói: nếu mà Kiều không thuận tình theo lời mẹ, thì mẹ có lẽ phải tố giác để tránh tội chứa Kiều, Kiều sẽ bị bắt ngay.

[21] Chữ *dần* đây nghĩa là bị đánh rất đau như người nhà bếp lấy gong dao dần miếng thịt cho mềm, cho nát cả xương bên trong.

[22] *Phải cung rày đã sợ làn cây cong* – Sách Nho có câu “Thương cung chi điều kiến khúc mộc nhi cao phi” [傷弓之鳥見曲木而高飛] = Con chim đã bị cung bắn hể thấy thanh gỗ congcong là sợ mà cao bay ngay.

[23] *Tính chữ tông* = Tính cuộc lấy chồng, theo chồng.

[24] *Biết người biết mặt biết lòng làm sao* – Do câu chữ Hán “Tri nhân, tri diện, bất tri tâm” [知人知面不知心] dịch ra.

[25] *Bán hùm buôn sói* – Tục ngữ có câu “Buôn da sói, bán da hùm” để nói về kẻ điên đảo lừa người khờ dại, nhất là lừa gái.

[26] *Sở cầu* [所求] – Nghĩa đen hai chữ này là “cái mà mình tìm kiếm ước ao.” Câu này hàm ý là “ai muốn lấy tôi, thì phải đem lòng thành thật mà thề với tôi là không lừa đảo tôi.”

[27] *Tâm minh* [心盟] = Đem lòng thành thật mà thề.

[28] *Trác* [桌] = Cái bàn để bày đồ cúng tế mà tiến dẫn lên bàn thờ.

[29] *Thành hoàng, Thổ công – Thành hoàng* [城隍] là ông thần coi từng khu to như tỉnh, phủ; *Thổ công* [土公] là ông thần coi một khu nhỏ, như một xóm, một phố. Câu này có nghĩa là Bạc Hạnh quý xuống khấn thề rất cẩn thận trước các vị thần to nhỏ, xin làm chứng cho lòng nó không lừa đảo.

[30] *Hàng viện* [行院] = Nhà hàng thanh lâu hay ca kỹ.

[31] *Buông* = Bán đi, như buông tay thả hàng ra bán cho người ta.

[32] *Số đào hoa* – Theo phép lấy số tử vi, số đàn bà mà có sao Đào hoa và sao Hồng loan chiếu vào cung Mệnh thì cả đời sống kiếp trăng hoa giang hồ.

[33] *Hồng quân* [洪鈞] – Nghĩa chữ “hồng” là lớn, nghĩa chữ “quân” [鈞] là cái mặt tròn to nặng ở dưới mặt bàn tròn nặn đồ sành đồ sứ tròn. Người thợ nặn lấy chân đạp cái hồng quân ở dưới quay lấy đà quay mặt bàn nặn ở trên, và dùng tay khéo uốn nắn đất dẻo ở mặt bàn thành hình các đồ tròn đẹp như bát đĩa, lọ, nôi. Cổ nhân cho ông trời là cái máy quay ngàm rất to rất tài, để nặn nên muôn vật, nặn nên vận mệnh, cho nên gọi Trời là Hồng quân.

[34] *Liệu* = Tường tượng đoán trước những sự sẽ xảy ra cho mình sau này mà lo tính trước lấy cách đối phó lại cho khỏi khổ.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2061, 2062 = Đạo ấy vào cỡ cuối mùa xuân, cảnh chùa rất đẹp, dưới thì bóng hoa đầy mặt đất, trên thì vàng trắng trong sáng, êm dịu như màu bạc từ ngang trời chiếu xuống.

Câu 2063, 2064 = Trời xuân quang đãng, gió xuân hòa ấm, thật là thành thời cho khách đi văn cảnh. Có một người đàn việt vào thăm cảnh và lễ Phật ở am Chiêu ân.

Câu 2065, 2066 = Thấy những đồ chuông khánh quý đẹp, người ấy mới giở ra xem, ngấm nghĩa mãi và khen rằng “sao mà khéo giống như đồ của nhà bà Hoạn Thư như thế!”

Câu 2067, 2068 = Sư Giác Duyên, chắc là đã nghe tiếng đồn việc nhà họ Hoạn mất trộm, nên khi nghe người đàn việt này nói thế, bà có ý nghi ngờ, lo sợ. Mới nhân lúc đêm khuya vắng, hỏi Kiêu cho biết tông tích những đồ chuông khánh đó.

Câu 2069, 2070 = Kiêu nghĩ bụng rằng không thể nào giấu mãi được những điều mà trước kia mình đã nói dối để giữ thể diện cho đẹp, nên nàng mới kể rõ đầu đuôi sự thật của mình cho Giác Duyên nghe.

Câu 2071, 2072 = Rồi nàng tạ tội và nói tiếp “bây giờ, sự đã trót xảy ra như vậy, xin nhờ lượng Sư trưởng xử cho, dù rủi dù may thế nào cũng xin chịu, không dám oán trách.”

Câu 2073, 2074 = Nghe rõ truyện nàng kể, Giác Duyên sợ quá như rụng rời cả chân tay, vừa thương tình nàng, vừa sợ tội vạ vào mình, lòng sư thật bối rối, lo âu chẳng biết tính sao cho ổn thỏa câu truyện.

Câu 2075, 2076 = Rồi Sư mới sẽ rí tai bảo nhỏ cho Kiêu rõ tâm sự của bà rằng nơi cửa Phật này thật rộng rãi, bao dung được nàng.

Câu 2077, 2078 = Nhưng chỉ e người đàn việt này về nói với Hoạn nương thì nàng sẽ bất kỳ bị bắt về làm tội thì tôi rất thương.

Câu 2079, 2080 = Vậy ta phải tìm đường mà lánh xa trước đi thì hơn, không nên ở yên đây mãi, đến lúc nước đến chân mới nhảy, thì khờ lắm, quê lắm.

Câu 2081, 2082 = Tôi đã tính, có bà họ Bạc ở bên kia vẫn hay đi lại dầu hương lễ Phật ở am này, tôi rất quen biết.

Câu 2083, 2084 = Tôi nhắn bà ta sang đây dặn dò đủ đường, vào bảo bà ta dọn nhà cho nàng sang tạm ở trú chân bên đó ít lâu rồi sẽ tính sau.

Câu 2085, 2086 = Kiều đang lúc lo sợ, được chỗ yên thân như vậy, lòng những mừng lắm, nào kịp tính gần tính xa gì.

Câu 2087, 2088 = Nào có ngờ đâu mẹ Bạc cũng là tay tổ bọm già như mẹ Tú, hai bà như cùng học một thầy.

Câu 2089, 2090 = Bạc Bà thấy Kiều tuy ăn mặc nâu sòng, mà mặt mày vẫn trắng đẹp hồng hào, không cần phải phấn son cho thêm nhảm, lòng mẹ mừng thầm là được món hàng buôn bán rất lời.

Câu 2091, 2092 = Mẹ liền nghĩ cách lừa bán nàng đi cho mau. Bắt đầu mẹ bỗng dung bịa đặt ra những lời đồn đại ghê gớm làm cho nàng nhiều phen hãi hùng nhón nhác.

Câu 2093, 2094 = Thấy nàng đã sợ choáng hồn đi rồi, mẹ lại dọa già như khua động thêm lòng sợ hãi của nàng lên, như thúc giục nàng phải liệu tìm đường tránh nạn cho mau. Rồi mẹ mới đem lờidọa dẫm nguy hiểm mà ép nàng phải lấy chồng.

Câu 2095, 2096 = Mẹ bảo nàng là nàng từ nơi xa muôn dặm tới đây, đã một thân một mình chẳng nhờ cậy vào ai được, lại còn mang tiếng trốn chủ lộn chồng, trộm cắp của Phật, lừa dối Sư Trưởng, xa gần đồn đại thật là nguy hiểm.

Câu 2097, 2098 = Nàng nay đúng là kẻ người ta gọi là “người oan gia” ở đâu gây tội oan cho người ta ở đó, hay là “của phá gia” ở đâu cũng làm tan cửa nát nhà người ta ở đấy, nên chẳng còn ai dám rước nàng vào nhà người ta nữa.

Câu 2099, 2100 = Vậy nàng phải xem ai muốn lấy nàng, thì nàng lấy người ta ngay đi. Nếu không thì tôi e lúc tai vạ đến thì chưa dễ đã bay lên đường giới mà trốn được. (Câu này là Bạc Bà có ý dọa Kiều nếu không nghe mẹ mà lấy chồng cho mau, thì mẹ sẽ phải tố giác để khởi bị tội lấy vì chừa Kiều. Đúng với câu “Lấy lời hung hiểm ép duyên Chu Trần” ở trên).

Câu 2101, 2102 = Tôi đã lo tính giúp nàng; lấy người ở đây thì không tiện, vì có thể nàng bị truy tầm; mà muốn lấy người ở xa, thì tôi chẳng biết ai ở xa cả.

Câu 2103, 2104 = Tôi nghĩ chỉ có người này là nàng lấy được – Đó là chàng Bạc Hạnh, là cháu họ thân thiết với tôi.

Câu 2105, 2106 = Nó có nhà buôn bán ở châu Thai; nó là người rất thật thà có một, ta có thể tin cậy, không sợ sai lầm chút nào.

Câu 2107, 2108 = Tôi khuyên nàng nên nghe tôi mà lấy nó là xong hết mọi nỗi lo sợ. Khi đã thành vợ thành chồng rồi, thì sẽ mang ngay về châu Thai cho xa hẳn vùng này.

Câu 2109, 2110 = Khi đã đi châu Thai rồi thì còn ai biết nàng là ai nữa, rõ như cá đang ở trong chậu mà được thả ra sông bể, tha hồ mà thênh thang, chẳng e sợ gì nữa.

Câu 2111, 2112 = Nếu nàng nhất định quyết tâm không nghe tôi, thì tôi bảo thật cho nàng biết là hễ nàng trái lời tôi trước, là tội vạ vướng ngay vào thân nàng sau! Hai câu này rõ tỏ ra mẹ trắng trợn dọa Kiều, bắt buộc phải nghe mẹ mà lấy Bạc Hạnh).

Câu 2113, 2114 = Kiều càng nghe mẹ nói, càng ủ mặt chau mày, bụng càng đau đớn như bị đánh dẫn nát xương.

Câu 2115, 2116 = Biết mình gặp bước túng đất sây chân vào tay mẹ, thật thế cùng, không biết đi đâu được nữa, nàng mới thở than mọi nỗi xa gần mà nói:

Câu 2117, 2118 = Tôi nay như con én lạc đàn bơ vơ, đã bị cung bắn mấy lần, nên hễ thấy cành cây cong là sợ hãi, sợ lại bị tên bắn. Tôi cũng vậy, đã bị lừa nhiều lần, nên tôi cũng sợ lại bị lừa nữa lắm.

Câu 2119, 2120 = Bây giờ gặp bước đường cùng này mà phải lấy chồng, tôi chỉ biết người biết mặt bên ngoài, chứ trong bụng người ta ngay lành hay điên đảo thế nào, thì biết đâu mà tin được.

Câu 2121, 2122 = Nếu khi muôn phần có một phần không may, tôi lấy phải kẻ diên đảo buôn người, như những kẻ buôn da sói, bán da hùm, đánh lừa bảo lấy làm vợ rồi về bắt làm gái điếm, thì tôi còn biết chắc cậy vào đâu làm căn cốt để gỡ ra được?

Câu 2123, 2124 = Bởi vậy, nếu ai muốn lấy tôi, thì phải đem lòng thành thật mà quả quyết thề với tôi một lời.

Câu 2125, 2126 = Khi đã thề nguyện có trời đất quỷ thần chứng minh rồi, thì tha hồ muốn mang tôi vượt bể ra khơi tôi cũng đi không quản ngại.

Câu 2127, 2128 = Được lời nàng hứa vậy, Bạc Bà liền ra đi mách cho Bạc Hạnh biết tin mà sắm sửa lễ cưới.

Câu 2129, 2130 = Thề là cả nhà dọn dẹp linh đình, nào là quét nhà quét sân, nào là kê bàn lễ Tơ hồng, sửa bàn thờ cúng Trời Đất để thề, nào là rửa bình cắm hoa, bày đỉnh đốt hương.

Câu 2131, 2132 = Bàn thờ bày xong, Bạc Sinh vội vàng quỳ xuống và quá lời thành kính khấn cầu thề nguyện trước Trời Đất, trước các vị Thành Hoàng, Thổ Công.

Câu 2133, 2134 = Khi làm lễ cúng ở trước sân xong rồi, thì vào buồng buồng màn xuống làm lễ Tơ hồng, nhờ thần kết duyên thành vợ chồng.

Câu 2135, 2136 = Khi cưới nhau rồi, Bạc Sinh mới rước Kiều xuống thuyền mà thuận buồm thuận gió xuôi về châu Thai.

Câu 2137, 2138 = Lúc thuyền tới nơi vừa đỗ bến thành thoi, thì Bạc Sinh lên trước, nói dối là về sắp sửa nhà và thuê kiệu rước dâu về; nhưng thật ra là nó đi tìm nơi buôn bán đã quen từ lâu mọi ngày.

Câu 2139, 2140 = Đó vẫn là nhà hàng thanh lâu xưa nay, và cũng vẫn tinh phường bán thịt, những tay buôn người.

Câu 2141, 2142 = Khi đã xem người định giá với nhau rồi, Bạc Sinh thấy tiền lời đã gấp mười tiền vốn, liền buông tay trao hàng bán ngay,

Câu 2143, 2144 = Rồi nó mượn người thuê kiệu đến lừa Kiều rước về thanh lâu, còn nó thì đem cái mặt bạc của nhà họ “Bạc” nó mà tìm đường trốn cho xa.

Câu 2145, 2146 = Kiều những tưởng là kiệu rước mình về nhà Bạc Sinh, nào ngờ khi kiệu hoa đặt xuống trước sân hoa, thì thấy một mục ở trong nhà bước ra vội vàng.

Câu 2147, 2148 = Mục ra đón nàng, rồi đưa nàng vào lễ bàn thờ trong nhà. Nàng thấy trên bàn cũng thờ thần Mây trắng, thì ra cũng một phường lâu xanh như Tú Bà.

Câu 2149, 2150 = Thoạt trông, nàng biết ngay là nàng bị lừa rồi, nhưng khôn nổi chim đã bị bẫy vào lồng rồi, thì còn cất cánh bay sao được?

Câu 2151, 2152 = Nàng chỉ nguyện rửa cho cái số có sao Đào hoa chiếu mệnh của nàng làm cho đời nàng phải ô nhục mãi; mới gỡ ra khỏi kiếp ô nhục trước, thì lại bị buộc như chơi vào kiếp ô nhục này.

Câu 2153, 2154 = Nàng nghĩ mà chán cho đời nàng sao lại tài tình quá để cho trời đất ghen mà làm khổ nàng mãi cho bỏ lòng ghen.

Câu 2155, 2156 = Nàng tiếc cho thân nàng như chum nước đã được đánh phèn cho trong rồi, nay bỗng bị cho bùn vào mà quấy lên cho lại vẫn đục, chẳng biết còn bị quấy đục lên mấy lần nữa mới thôi?

Câu 2157, 2158 = Nàng trách ông thợ Giời như cái mặt tròn to nặng, quay ngằm ở dưới mặt bàn xoay nặn nên hình vạn vật kia, sao mà đối với khách hồng quần lại tệ thế! Ông đã xoay cho nàng phải khổ cực đến thế, mà vẫn còn xoay vắn mãi chưa tha!

Câu 2159, 2160 = Kể từ khi nàng bán mình bước ra đi khỏi gia đình, nàng đã lo liệu tính toán cho đời nàng ngay từ lúc đó, thế mà đến bây giờ vẫn chẳng khỏi cảnh bơ vơ đau khổ như lúc ra đi.

Câu 2161, 2162 = Nàng than thân nàng chẳng biết lúc mới đầu xanh tuổi trẻ này, nàng đã làm nên tội tình gì, mà đã phải đền mất quá nửa thì xuân xanh rồi mà vẫn chưa xong!

Câu 2163, 2164 = Nàng biết thân tránh chẳng khỏi được tội trời nên đành lại liều đem đôi má phấn ra đền tội cho hết đời xuân xanh.

Những câu có ý móc nối hoặc châm biếm

-Hai câu đầu tả cảnh cuối xuân chùa ở đoạn này “Cửa thiền gập cũ cuối xuân / bóng hoa đầy đất, về ngân ngang giới”, tác giả thật đã khéo dụng ý để báo điềm Kiều sẽ lại vướng vào kiếp lầu xanh. Chữ “cửa thiền” và chữ “cuối xuân” nói bóng ý “Kiều tuy ở chùa đi tu, và tuổi xuân Kiều tuy đã hơi già.” Chữ “bóng hoa” và chữ “về ngân” nói bóng đến cuộc trăng hoa ở lầu xanh.

-Câu “Nhấn sang dặn hết mọi đường” mở màn rất kéo cho cuộc Bạc bà dọa dẫm lừa Kiều, vì mục biết đủ tông tích Kiều là trốn chủ, là lộn chồng, là trộm đồ kim ngân, mục mới bịa đặt được những tin dọa đúng tình thế Kiều, và mới dám bảo Kiều là “giống oan gia, của phá gia” để ép Kiều phải lấy chồng.

-Hai câu “Bạc sinh quý xuống vội vàng / quá lời nguyện hết thành hoàng thổ công” ứng với ba câu Kiều yêu cầu Bạc bà “Dù ai lòng có sở cầu, tâm mình xin quyết với nhau một lời, chứng minh có đất có trời.”

-Đoạn này có nhiều câu mỉa mai than thở cho đời như: (a) Biết bao nhiêu người “am mây quen lối đi về dầu hương” mà hóa ra người “cũng tổ bọm già, học với Tú bà đồng môn”; (b) biết bao nhiêu kẻ khoe là “thật thà có một, đơn sai chẳng hề” lại hóa ra “phường bán thịt, tay buôn người”; (c) biết bao nhiêu kẻ vừa mới kính cẩn “quá lời nguyện hết thành hoàng thổ công” mà mấy hôm sau đã “món hàng một đã ra mười thì buông.”

-Tác giả đã mạnh bạo dùng tiếng chửi “chém cha” để mỉa mai than thở cho số phận những người tử tế tài giỏi, mà bị cả đời long đong gặp nhiều sự không may.

-Trong hai câu lục bát “Hồng quân với khách hồng quân / đã xoay đến thế còn vắn chưa tha” chữ “xoay” và chữ “vắn” ở câu dưới nghĩa đen đã thật luyện với chữ “hồng quân” là cái mặt quay ở cầu trên, mà nghĩa bóng chữ “xoay vắn” lại rất luyện với chữ “hồng quân”: khách hồng nhan bị trời xoay vắn làm khổ mãi không tha.

-Trong Truyện Kiều có nhiều câu hay lạ lùng thì hai câu này là một – nghĩa đã thâm thúy, chữ đã rất ăn luyện với nhau, âm điệu lại rất êm đẹp, lại có ý chơi chữ rất tài tình: “hồng quân” với “hồng quân” tên gọi gần giống nhau như thế mà sao lại nở quay quắt làm khổ nhau mãi.

-Từ câu “Chém cha cái số Hoa đào” đến câu “Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha” đều tả ý Kiều thương thân trách phận, nhưng rất có thứ tự: (a) Câu 2151, 2152 trách số đê phải giờ xấu – đào hoa chiếu mệnh; (b) Câu 2153, 2154 trách mình tài tình quá để hại vào thân; (c) Câu 2155, 2156 trách thói đời lừa lọc hại mình; (d) Câu 2157, 2158 trách trời nở xử tệ mãi với mình.

CHƯƠNG 23

CÂU 2165 ĐẾN CÂU 2288

“Gặp người tâm phúc, hả chí anh hùng”

2165. Làn thêu gió mát trắng thanh, [1]
 Bồng đầu có khách biên đình sang chơi, [2]
 2167. Râu hùm, hàm én, mày ngài,
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
 2169. Đường đường một đấng anh hào,
 Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài. [3]
 2171. Đội trời đạp đất ở đời, [4]
 Họ Từ tên Hải, vốn người Việt đông.
 2173. Giang hồ quen thú vẫy vùng,
 Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. [5]
 2175. Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
 Tấm lòng nhi nữ cùng xiêu anh hùng.
 2177. Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
 Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa. [6]
 2179. Từ rằng: “Tâm phúc tương cờ [7]
 Phải người trăng gió vật vờ hay sao?
 2181. Bấy lâu nghe tiếng má đào,
 Mắt xanh chẳng để ai vào có không? [8]
 2183. Một đời được mấy anh hùng,
 Bõ chi cá chậu, chim lồng mà chơi!” [9]
 2185. Nàng rằng: “Người dạy quá lời, [10]
 Thân này còn dám coi ai là thường!
 2187. Chút riêng chọn đá thử vàng, [11]
 Biết đâu mà gởi can tràng vào đâu? [12]
 2189. Còn như vào trước ra sau,
 Ai cho kén chọn vàng thau tại mình. [13]
 2191. Từ rằng: “Lời nói hữu tình, [14]
 Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân. [15]
 2193. Lại đây xem lại cho gần,
 Phỏng tin được một vài phần hay không?”
 2195. Thưa rằng: “Lượng cá bao dung, [16]
 Tấn Dương được thấy mây rồng có phen. [17]
 2197. Rộng thương cỏ nội hoa hèn, [18]
 Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau!”
 2199. Nghe lời vừa ý gật đầu,
 Cười rằng: “Tri kỷ trước sau mấy người!
 2201. Khen cho con mắt tinh đời,
 Anh hùng đoán giữa trần ai mới già! [19]
 2203. Một lời đã biết tên ta,
 Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau!” [20]

2205. Hai bên ý hợp tâm đầu, [21]
 Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân!
2207. Ngỏ lời nói với băng nhân, [22]
 Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn. [23]
2209. Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
 Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên. [24]
2211. Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
 Phi nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười ròn. [25]
2213. Nửa năm hương lửa đương nồng,
 Trọng phu thoát đã động lòng bốn phương. [26]
2215. Trông vời trời bể mệnh mang, [27]
 Thanh gươm, yên ngựa lên đàng thẳng giông.
2217. Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng,
 Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi!”
2219. Từ rằng: “Tâm phúc tương tri, [28]
 Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình? [29]
2221. Bao giờ mười vạn tinh binh,
 Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường [30]
2223. Làm cho rõ mặt phi thường,
 Bảy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia, [31]
2225. Bằng ngay bốn bể không nhà,
 Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
2227. Đành lòng chờ đón ít lâu, [32]
 Chầy chẵng là một năm sau vội gì?”
2229. Quyết lời rút áo ra đi, [33]
 Gió đưa bằng tiện đến kì dặm khơi. [34]
2231. Nàng thì chiếc bóng song mai, [35]
 Đêm thâu đặng đặng, nhật gài then mây. [36]
2233. Sân rêu chẳng vẽ dấu giày, [37]
 Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân. [38]
2235. Đoái thương muôn dặm tử phần [39]
 Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa; [40]
2237. Xót thay huyên cỗi xuân già,
 Tấm lòng thương nhớ, biết là có nguôi.
2239. Chốc là mười mấy năm trời,
 Còn ra khi đã da mồi tóc sương. [41]
2241. Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
 Dầu lìa ngõ ý, còn vương tơ lòng! [42]
2243. Duyên em dù nói chi hồng,
 May ra khi đã tay bông tay mang.
2245. Tác lòng cố quốc tha hương, [43]
 Đường kia nổi nọ ngổ ngang bời bời.
2247. Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
 Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
2249. Đêm ngày luống những âm thầm,
 Lửa binh đâu đã âm âm một phương,
2251. Ngắt trời sát khí mơ màng, [44]

Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh. [45]
 2253. Người quen thuộc, kẻ chung quanh
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 2255. Nàng rằng: “Trước đã hẹn lời,
 Dầu trong nguy hiểm, dám rời ước xưa.”
 2257. Còn đương dùng dằng ngăn ngại
 Mé ngoài đã thấy bóng cờ tiêng la. [46]
 2259. Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 Đồng thanh cùng gửi: “nào là phu nhân?”
 2261. Hai bên mười vị tướng quân,
 Đặt gươm, cởi giáp, trước sân khấu đầu.
 2263. Cung nga, thê nữ nói sau, [47]
 Rằng: “Vâng lệnh chỉ rước châu vu qui.” [48]
 2265. Sẵn sàng phượng liễn, loan nghi, [49]
 Hoa quan giáp giới, hà y rỡ ràng. [50]
 2267. Dựng cờ, nổi trống lên đàng,
 Trúc tơ nổi trước, đào vàng theo sau. [51]
 2269. Hoả bài tiền lộ ruổi mau, [52]
 Nam đình nghe động trống châu đại doanh. [53]
 2271. Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 2273. Rõ mình, là vẻ cân đai,
 Hãy còn hàm én mảy ngài như xưa.
 2275. Cười rằng: “Cá nước duyên ưa, [54]
 Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
 2277. Anh hùng mới biết anh hùng,
 Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?”
 2279. Nàng rằng: “Chút phận ngây thơ,
 Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
 2281. Đến bây giờ mới thấy đây, Mà
 lòng đã chắc những ngày một hai.”
 2283. Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Đan tay về chốn trướng mai tỵ tình.
 2285. Tiệc bày thưởng tướng khao binh
 Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
 2287. Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
 Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Đính chính và xác định

Câu 2186 – Câu này bản Kiều nôm in là *Thân này còn dám coi* [睺] *ai là thường*. Nhiều bản Kiều quốc ngữ lại in là “Thân này còn dám xem ai là thường.” Chữ “coi” với chữ “xem” tuy nghĩa giống nhau nhưng chữ “coi” ở đây đúng hơn chữ “xem” vì có ý so sánh cân nhắc. Ta thường nói “Coi người bằng nửa con mắt” nghĩa là khinh người.

Câu 2273 – *Rõ mình lạ vẻ cân đai* – Chữ “lạ” trong câu này, các bản nôm, bản thì in là [𠵹] (lạ), bản thì in là [𠵹] (là). Tôi thì cho chữ “lạ” đúng hơn chữ “là” vì có ý

liền với câu dưới hơn: Tuy chỉ lạ vì vẻ áo mũ rực rỡ cao quý, nhưng vẫn còn hàm yên mây ngai như trước. Nhưng có một cụ đồ đã khảo cứu nhiều về Truyện Kiều thì lại nhất định chữ “là” đúng hơn; cụ nói “Rõ mình là vẻ cân đai” có vẻ văn chương đẹp đẽ và ý nghĩa thâm thúy hơn. Vậy xin ghi vào đây để quý vị độc giả suy nghĩ cân nhắc.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Lần thâu* = Lần hồi hết ngày đêm nọ đến ngày đêm kia vui vẻ với khách trong cảnh trăng gió.

[2] *Biên đình* = Triều đình ở ngoài biên thùy. Tác giả có ý cho là Từ Hải ở riêng một khu biệt lập khác sang đây chơi.

[3] *Lược thao* = Do thành ngữ “Lược thao tam lược” [六韜三畧] = Hai thiên trong sách Binh pháp dạy những phép dùng cơ mưu và dùng quân đánh nhau. Nên những người có tài làm tướng cầm quân gọi là có tài lược thao.

[4] *Đội trời đạp đất* = Chí khí ngang tàng, trên đầu mình chỉ có trời, chứ không còn ai hơn mình nữa; dưới thì chân đạp đất mà đi khắp mọi nơi chẳng ai cản được, nên ta vẫn gọi hạng người “đầu đội trời, chân đạp đất.”

[5] *Guom đàn nửa gánh, non sông một chèo* – (Chữ “đàn” đây nghĩa là cái cung). Câu Kiều này lấy điển ở hai câu thơ của Hoàng Sào cuối đời nhà Đường. Sào thi tiên sĩ hồng mãi, nổi lên thành một tướng giặc to mạnh, có hồi đánh phá cả kinh thành, vua phải bỏ chạy. Sào có câu thơ tỏ chí khí mình rằng:

[半肩弓劍憑天縱] = Bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng = Nửa vai mang cung kiếm nhờ tài trời buông thả ra cho,

[一棹江山盡地維] = Nhất trạo giang sơn tận địa duy = Một mái chèo đi khắp non sông bốn phương đất.

Tác giả mượn hai câu thơ trên để nói Từ Hải có chí làm giặc.

[6] Chữ *liếc* trong câu 2178 này nghĩa là ngắm nhìn xem tướng nhau. Vì chữ “liếc” này, nên hai bên mới đoán biết nhau đều là có tướng anh hùng.

[7] *Tâm phúc tương kỳ* [心腹相期] = Lấy lòng bụng ra mà hứa hẹn với nhau. Ý Từ muốn nói “tôi muốn tìm người có tài trí to để tôi có thể đem chí to chứa chất trong lòng tôi mà tỏ cho nhau biết được để cùng lo việc lớn.”

[8] *Mắt xanh* – Nguyễn Tịch [阮籍] đời nhà Tấn, quý ai thì làm mắt hóa màu xanh mà vui vẻ nhìn; không thích ai thì làm mắt trắng mà nhìn. Người đời sau nói quý ai là “đề vào mắt xanh.”

[9] *Cá chậu chim lồng* = Những người tầm thường chịu người trên lấy lợi danh bó buộc được mình, như cá bị nhốt vào chậu, chim bị nhốt vào lồng.

[10] *Nàng rằng “Người dạy quá lời”* – Chữ “người” đây nghĩa là “ngài” nói trànhra để tỏ lòng tôn kính như thần thánh. Kiều gọi Từ Hải là “người” để tỏ lòng rất quý trọng. (Tôi thấy người ăn trộm ý Truyện Kiều và ý của cuốn Phong Tình Lục để viết ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân (TTTN) đã không hiểu nghĩa chữ “người” này mà dịch câu Kiều này ra chữ Hán là [此人言之過也] = Thử nhân ngôn chi quá dã

= Đó là người ta nói quá lời như thế. Đọc đến câu chữ Hán đó ta biết ngay là Thanh Tâm Tài Nhân dịch ở Truyện Kiều ra, chứ đâu phải Truyện Kiều dịch ở cuốn TTTN ra như nhiều nhà văn sĩ lầm tưởng, lại cứ lấy cuốn TTTN ra để giải thích Truyện Kiều).

[11] *Chọn đá thử vàng* – Các nhà buôn vàng ta xưa vẫn dùng một thứ đá màu đen để mài cục vàng lên mà xét xem vàng tốt, hay vàng xấu. Người ta mài thử vàng lên mặt nhẵn hòn đá để xem màu vết mài mà đoán.

[12] *Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?* – Câu này và câu “Khiên người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” lấy điển ở hai câu cuối cùng bài Hàm Đan Thiếu Niên Hành ở Đường Thi. Hàm Đan Thiếu Niên Hành là bài hát tả một người thiếu niên ở đất Hàm Đan là Kinh đô nước Triệu đời Chiến Quốc, nổi tiếng có nhiều tay hào hiệp. Bài ca này, những câu đầu đại khái nói: Một người tuổi trẻ ở Kinh Đô Hàm Đan chơi bời với bạn bè, tốn phí hết hàng nghìn vạn lạng vàng không tiếc chút nào, mấy mươi phen liều mạng báo thù cho người khác mà không chết; nhà lúc nào cũng ồn ào đàn hát vui với trăm người khách, cửa lúc nào cũng ngổn ngang đầy xengựa. Tiếp đãi đông khách như thế trong mười mấy năm, mà kết cục vẫn phải than (ở hai câu kết) rằng:

[不知肝膽向誰是] = Bất tri can đảm hướng thù thị = Chẳng biết đem gan mật mà hướng vào ai để tin cậy cho đúng,

[令人却憶平原君] = Linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân = Khiến ta đây lại nhớ đến lời nói của Bình Nguyên Quân.

Tác giả mượn ý câu “bất tri can đảm hướng thù thị” để nói ý Kiều nói “tôi có chí kén mãi mà chưa được người nào đáng tin cậy để gửi thân nương nhờ tử tế được.” Còn điển tích câu nói Bình Nguyên Quân thì xin xem kê rõ ở lời chú giải số [15] dưới đây.

[13] *Vàng thau* – Những kẻ gian thương vẫn hay dùng thau làm vàng để bán cho người khờ dại. Những nhà giàu trước cũng hay dùng thau làm đồ vàng giả để lừa quân kẻ cướp. Tôi đã được xem một người mang một con trạch bằng đồng thau giả vàng đến bán cho bà cô tôi. Bà nhờ tôi xem hộ thật hay giả. Tôi cân được đúng năm lạng. Tôi bảo người bán nếu là vàng thật, thì tôi thả con trạch này xuống nước mà cân lại thì hao ít, còn bốn lạng tám đồng cân; nếu là thau chỉ còn bốn lạng là cùng. Lúc cân lại còn gần bốn lạng, anh ta vội vàng thu lại đi ngay. Lại một người đào được một hũ đầy vàng đúc hình con hến (đây là vàng giả nhà giàu chôn để lừa kẻ cướp), anh ta mừng lắm, mang giấu một gói đến nhờ tôi xem hộ. Tôi cũng dùng cách cân như trên, mà nghiệm ra bảo là thau không phải là vàng, anh ta ngăn người tiếc quá nói “rõ vợ chồng tôi được một con mừng hão.”

[14] *Lời nói hữu tình* = Lời nói có ý nghĩa tình tứ hay. Từ Hải hiểu là Kiều có ý mến phục mình lắm, muốn gửi thân nhờ mình.

[15] *Câu Bình Nguyên Quân* = Câu Bình Nguyên Quân than là xem người rất khó. Sự tích câu than ấy như sau: Bình Nguyên Quân tên là Triệu Thắng, là em vua Triệu, lại là Tướng Quốc nước Triệu. Lúc nào trong nhà cũng nuôi ba nghìn người khách. Gặp khi quân Tần vây đánh kinh đô Hàm Đan nước Triệu rất nguy cấp, ông phải đi sang cầu cứu nước Sở. Ông định kén lấy 20 người khách thật giỏi để đi cùng, mà chỉ được có 19 người. Có người khách vào hạng kém nhất xin đi theo, ông hỏi tên gì và đến ở đây từ bao giờ? Người đó nói tên là Mao Toại và đến đây đã được ba năm rồi. Ông cười nói: Người giỏi ở đời như cái dùi nhọn để trong túi, thế nào cũng phải hờ mũi nhọn ra. Nay tiên sinh ở nhà tôi đã ba năm, mà tôi không được nghe chút tài nào của tiên sinh, đủ biết tiên sinh văn võ đều kém cả. Toại nói: Bây giờ tôi mới xin vào trong túi, nếu được vào túi, thì tôi sẽ hờ cả chuôi ra chứ đâu chỉ hờ có mũi nhọn! Ông thấy Toại nói lời lạ, mới đành cho đi cho đủ số. Khi sang tới nước Sở, Bình Nguyên Quân ngồi ở trên bàn với Sở Vương xin liên kết hai nước Sở Triệu để chống Tần, nhưng Sở Vương sợ Tần, tìm lời từ chối mãi. Mao Toại chống gươm bước lên bực thềm hỏi Bình Nguyên Quân: Việc liên kết này tôi tưởng chỉ nói vài lời là xong, sao mà bàn từ sáng đến trưa rồi vẫn chưa quyết định

được? Vua Sở mắng là sao dám lên léo nhéo nói leo, và quát thét đuổi xuống. Toại tiến gần Sở Vương nói: Việc liên kết hai nước là việc to, ai cũng có quyền bàn đến. Sao Đại Vương dám thét đuổi tôi trước mặt vua tôi? Rồi Toại kể cho Sở Vương nghe mọi lẽ Sở rất cần phải liên kết với Triệu. Chỉ vì Sở trước bỏ Triệu mà bị Tần đánh thua nhục nhiều phen. Nay Sở cần phải liên kết với Triệu để rửa những nhục đó. Sở Vương liền xin đoàn kết và làm lễ uống máu ăn thề, rồi sai tướng mang quân sang cứu. Đây là lời than của Bình Nguyên Quân khi về nước:

“Ba tác lữ của Mao tiên sinh mạnh hơn trăm vạn quân. Thắng này xem người đã nhiều mà bỏ rơi mất Mao tiên sinh. Từ nay về sau, Thắng không dám xem ai trong thiên hạ nữa!”

Câu Từ Hải nói “Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” này là rất khen phục Kiều là giỏi hơn Bình Nguyên Quân, chỉ xem mình chốc lát mà biết ngay mình lảnh hùng, mà muốn gửi can tràng vào mình.

Mấy câu Kiều nói: “Chút riêng chọn đá thử vàng / Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu!” và Từ Hải nói: “...lời nói hữu tình / Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” cho thấy tác giả đã khéo mượn hai câu thơ cổ đặt thành lời Kiều - Từ đối đáp với nhau, thật nhã nhặn thân thiết, thật thâm thúy đầy tình tứ tri kỷ, vui mèn lẫn nhau. Nhưng vì ý nghĩa thì thâm thúy mà lời văn lại quá vắn tắt nên rất khó hiểu. Có mấy ông văn sĩ lại giảng lầm là: Từ Hải tự ví mình là Bình Nguyên Quân! Ôi! Ở với Mao Toại ba năm trời mà không biết Toại tài giỏi, thì đâu phải là người có mắt tinh đời để cho Từ Hải muốn so sánh với mình!

[16] *Lượng cả bao dung* = Hạng người anh hùng độ lượng, rộng lớn, bao dung được hết thấy mọi người sang hèn, hay dở, như bể cá, sông trong, sông đục, sông lớn, sông nhỏ, sông nào chảy vào cũng nhận hết. Câu này lấy điển ở câu có người khen vua Hán Cao Tổ: “Đế khoáng đạt đại độ, khoan nhân ái nhân = Tâm trí to rộng hiểu biết, và độ lượng lại rộng rãi nhân đức bao dung được mọi người.” Ý câu này nói: Kiều khen Từ Hải có độ lượng bao dung như vậy có thể làm vua được.

[17] *Tán Dương được thấy mây rồng có phen* – Ông Lý Uyên làm quan nhà Tùy, trấn thủ ở Tấn Dương, thấy có điềm làm vua (mây rồng hiện lên ở trên) bèn lên ngôi vua, mang quân đi lấy được thiên hạ lập ra cơ nghiệp nhà Đường, tức là vua Cao Tổ nhà Đường.

[18] *Cổ nội hoa hèn* – Kiều tự xưng mình một cách khiêm tốn, coi mình như hoa cỏ tầm thường mọc hoang ở ngoài đồng (nội = đồng).

[19] *Anh hùng đoán giữa trần ai mới già* – Câu này lấy ý ở câu chữ Hán “Vật sắc trần ai [物色塵埃]” = Xem tướng mặt mà biết được người sau này sẽ thành sự nghiệp to, từ lúc còn ở nơi gió bụi. Từ Hải khen Kiều thật là tay tài giỏi không vừa (mới già), biết mình lúc hãy còn ở trong đám gió bụi hèn mọn này.

[20] *Muôn chung nghìn tít* – Chung [鍾] = Đồ đồng cổ, theo tự điển tính ra được chừng 320 lít. Tứ [駟] = Cỗ xe bốn ngựa. Muôn chung thóc và nghìn cỗ xe là bổng lộc bực vương hầu đời xưa.

[21] *Ý hợp tâm đầu* [意合心投] = Ý hợp với nhau và tư tưởng cũng như vào đúng chỗ với nhau.

[22] *Băng nhân* = Người làm mối trong việc cưới xin.

[23] *Nguyên ngân phát hoàn* [原銀發還] = Xem số tiền vốn mua trước là bao nhiêu lượng bạc (nguyên ngân), thì lại trả đúng số bạc đó để chuộc Kiều ra.

[24] *Màn Bát Tiên* = Bức màn chung quanh có thêu hình 8 vị tiên xưa:

1- Chung Ly Quyền [鍾離權]

2- Lã Động Tân [呂洞賓]

3- Trương Quả [張果]

4- Lý Thiết Quái [李鐵拐]

5- Lâm Thái Hoà [林泰和]

6- Tào Quốc Cữu [曹國舅]

7- Hà Tiên Cô [何仙姑]

8- Hàn Tương [韓湘]

[25] *Sánh phượng, cưới rồng* – Trai lấy được vợ giỏi đẹp gọi là *sánh phượng*; gái lấy được chồng tài giỏi gọi là *cưới rồng*.

[26] *Lòng bốn phương* = Lòng ngang tàng của người anh hùng xông pha đây đó để lập nên công nghiệp to, làm vua làm tướng.

[27] *Trông vời* = Trông xa bốn phương trước mắt.

[28] *Tâm phúc tương tri* [心腹相知] = Biết lòng biết dạ anh hùng cao xa của nhau.

[29] *Nữ nhi thường tình* = Tâm tình tầm thường của đàn bà con gái quán quýt chồng con.

[30] *Bóng tinh* – Tinh [旌] là thứ cờ rước đi trước đoàn quân cho oai; bên lá cờ có giải đẹp, đầu cán cờ có mũi nhọn và có túm lông mao, lá cờ có màu năm sắc để chỉ rõ binh chủng nào.

[31] *Nghi gia* [宜家] = Đón dâu về nhà chồng. Kinh Thi có câu Chi tử vu quy, nghi nhĩ thất gia [之子于歸, 宜尔室家] = Cô ấy về nhà chồng, lập nên một gia đình êm ấm thuận hoà.

[32] *Chờ đón* = Chờ ngày làm lễ thân nghinh [親迎] đón dâu về nhà chồng.

[33] *Dứt áo* = Dứt vạt áo vợ co lại mà ra đi.

[34] *Bằng tiện* [鵬便] = Cuộc chim bằng bay bổng bay xa khi được dịp thuận tiện. Nghĩa bóng chữ “bằng tiện” để nói người hào kiệt khi gặp dịp ra đi lập công danh. Cô nhân nói bằng là loài chim to lắm, nằm thì như quả núi, bay thì như đám mây lớn. Trang Tử nói: Khi chim bằng bay về cõi trời Nam, thì làm nước bể nổi sóng ba nghìn dặm, rồi nhân gió cuốn lên cao mà bay một mạch chín vạn dặm. Điển chữ “bằng tiện” lấy ở lời này của Trang Tử.

[35] *Chiếc bóng song mai* – Thơ Tô Đông Pha có câu “Độc lập vô tình tự, ý song điểm mai hoa [獨立無情緒, 倚窗点梅花]” = Một mình đứng vắn vợ chẳng nghĩ gì, tựa cửa sổ mà ngắm hoa mai. Câu Kiều này lấy điển ở câu thơ đó.

[36] *Then mây* [瑤碓] – Chữ Hán có câu “Vân phong vũ toả [雲封雨鎖]” = Lấy mây làm cánh cửa đóng lại, lấy mưa làm khóa khoá lại.

[37] *Sân rêu chẳng vẽ dấu giày* – Ý nói ngồi buồn ở trong nhà luôn luôn không hề ra đến sân, nên sân thì rêu mọc mà chẳng có vết giày nào in vào rêu.

[38] *Cỏ cao hơn trước* – Ý nói buồn ngán không sửa sang cắt sén cho cảnh sân gọn đẹp. Liễu gày là nói bóng đèn Kiều vì buồn quá gày đi đôi chút; vì thân con gái hay nói ví mềm yếu như cây liễu.

[39] *Tử phần* [梓粉] = Hai thứ cây có hoa đẹp bóng mát. Người Tàu xưa hay trồng chúng ở quanh làng, nên văn chương hay dùng chữ “tử phần” để nói quê hương.

[40] Chữ “mây Tần” đây lấy điển ở trong câu thơ Hàn Dũ tả cảnh đi đường khi ông phải đổi quan đi xa

“Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại? [雲橫秦嶺家何在]” = Mây chắn ngang núi Tần, nào ta có biết nhà ta ở đâu?

“Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền [雪擁籃関馬不前]” = Tuyết ôm kín cửa đèo Lam, ngựa không lên được.

[41] *Da môi* = Da người già thường mốc mác lang lổ như vậy đời môi.

[42] *Ngó ý tơ lòng* – Tích này lấy điển ở câu sách Hán “Ngẫu đoạn nhi ti bất đoạn [藕斷而絲不斷]” = Cái ngó sen đứt bẻ rời ra rồi, nhưng tơ vẫn còn vướng với nhau. Người ta dùng ý câu này để nói tình giai gái khi đã hẹn hò lấy nhau rồi, mà sau không lấy được nhau, thì tình vẫn không sao quên được. Ý câu này nói: Kiều tuy đã không lấy được Kim Trọng nhưng tình vẫn không sao quên hẳn được.

[43] *Cố quốc tha hương* [故國他鄉] = Lòng nhớ nước cũ ở nơi đất khách xa lạ.

[44] *Sát khí* [刹氣] = Luồng khí bốc lên bùng bùng như sủi giục người ta chém giết nhau.

[45] *Kình ngạc* – Kình [鯨] = Cá voi. Ngạc [鰐] = Cá sấu. Chữ “kình ngạc” đây nghĩa bóng nói những thuyền binh có vẻ dữ mạnh.

[46] *Tiếng la* = Tiếng đánh thanh la bằng đồng để tập trung tướng sĩ lại một nơi. Thanh la là thứ nhạc khí bằng đồng hình như cái mâm, một mé có hai lỗ buộc dây xích. Trong phép hành quân nghe tiếng trống thì tiến, nghe tiếng la thì dừng lại, tụ lại.

[47] *Cung nga thế nữ* [宮娥彩女] = Những hầu gái ăn mặc lộng lẫy đủ màu sắc như các cung nữ ở trong cung vua.

[48] *Lệnh chỉ* [令旨] = Chỉ thị của vua. Đây dùng chữ “lệnh chỉ” để nói Từ Hải coi mình như vua con, riêng một góc trời.

[49] *Phượng liễn loan nghi* [鳳輦鸞宜] – “Phượng liễn” là kiệu có hình đôi chim phượng ở trước; “loan nghi” là có rèm cheu chim loan ở hai bên. Phượng liễn loan nghi là hạng xe kiệu riêng cho các bà hoàng phi công chúa.

[50] *Hoa quan* [花冠] = Mũ có trang sức bằng hoa vàng ngọc của các bà chúa đội.

Hà y [霞衣] = Áo màu đỏ hồng như màu ráng trời rực rỡ buổi chiều.

[51] *Đào vàng* = Đoàn xe đón dâu, ngoài thành xe thì nạm vàng lóng lánh, càng xe, bánh xe thì sơn màu đỏ hoa đào. (Do điển Văn xa của Ngụy Văn Đế đón nàng Tiết Linh Vân ở trong Tình Sử).

[52] *Hoả bài* [火牌] = Những lính kỵ mã có mang bài chỉ (những biển gỗ con để viết chỉ thị ngắn) hình ngọc lửa để tỏ ý khẩn cấp.

[53] *Nam đình* = Triều đình phía Nam, tức là dinh đồn Từ Hải đóng lập thành một triều đình con.

Trống châu = Trống to ở đại doanh để đánh ra lệnh cho cả ba quân.

[54] *Cá nước duyên ư* = Do nhóm chữ “duyen hài ngư thủy [緣諧魚水]” dịch ra; nguồn gốc chữ này ở lời ông Lưu Bị nói: “Ta được Khổng Minh như cá gặp nước.”

Diễn ra văn xuôi

Câu 2165, 2166 = Thế là Kiều đành lần hồi hết ngày đêm nọ sang ngày đêm kia, vui những cảnh gió mát trăng thanh với khách ở thanh lâu. Bồng đầu có một người khách ở triều đình phía ngoài biên giới sang chơi.

Câu 2167, 2168 = Người này râu cứng như râu hùm, hàm rộng như hàm chim yến, giống hàm Trương Phi, và lông mày như con tằm nằm giống lông mày Quan Công; vai thì rộng năm tấc, mình thì cao chín thước.

Câu 2169, 2170 = Về người trông chừng, đường hoàng rõ là bực anh hùng hào kiệt. Võ nghệ thì các môn đánh côn đánh quyền đều không ai bằng, và cơ mưu thì cũng chẳng thua ai.

Câu 2171, 2172 = Chí khí thì thật ngang tàng, đầu đội trời, chân đạp đất coi như chẳng ai hơn mình, chẳng ai cản được bước xông pha của mình. Người khách anh hào đó họ Từ, tên Hải và vốn là người vùng Việt Đông.

Câu 2173, 2174 = Xưa nay ông ta vẫn quen những thú vầy vùng trong cuộc xông pha giang hồ, chỉ muốn những tung hoành thiên hạ cho phỉ tài cung kiếm trời buông thả cho mình, và vững tay chèo lái đi khắp non sông bốn phương, mặt đất, đứng như câu thơ Hoàng Sào nói:

Cung kiếm nửa vai trời thả bước,
Giang sơn một mái đất cùng phương.

Câu 2175, 2176 = Khi qua chơi vùng châu Thai này, nghe tiếng đồn Kiều là bực hoa khôi lộng lẫy, tấm lòng ham chuộng gái đẹp của Từ cũng làm xiêu được chí khí anh hùng của Từ.

Câu 2177, 2178 = Từ mới đưa danh thiếp vào tận nơi lầu hồng Kiều ở. Khi hai bên cùng liếc mắt coi tướng nhau thì thấy hai lòng cùng ưa mến nhau ngay.

Câu 2179, 2180 = Từ thấy Kiều có vẻ thông minh linh lợi khác thường, mới bảo Kiều rằng: Ta đến đây là để ước mong tìm được người bạn đồng tâm đồng chí, có thể cùng mưu việc lớn được, chứ đâu có phải đến để tìm thú trăng gió lờ phờ như kẻ khác đâu!

Câu 2181, 2182 = Bấy lâu nay ta vẫn nghe người ta đồn là nàng coi thường hết thấy mọi người, chẳng thèm để ai vào cặp mắt xanh, có phải không?

Câu 2183, 2184 = Ủ, thế là phải lắm! Ở đời này có được mấy kẻ anh hùng đâu! Chỉ tình những đồ luồn cúi bó buộc mình vào trong cuộc lợi danh như cá trong chậu, chim trong lồng, những hạng người đó thì đâu nàng bỏ lòng giao kết thân tình với họ được!

Câu 2185, 2186 = Kiều nói: Thưa Người, Người dạy thế là quá lời! Thân tôi này còn có ra gì mà dám coi ai là thường nữa!

Câu 2187, 2188 = Chẳng qua lòng riêng tôi muốn kén chọn lấy một người tôi có thể nhờ vả suốt đời được, nên thử thách mọi người mãi đó thôi. Nhưng nào có biết ai đáng tin cậy được đâu, nên chưa biết đem tâm sự ruột gan mà gửi vào đâu.

Câu 2189, 2190 = Còn như những người vào cửa trước ra ngay cửa sau, ai người ta để cho tôi có thể kén chọn được ai là vàng, ai là thau, ai là kẻ hay, ai là người dở.

Câu 2191, 2192 = Từ nói: Lời nàng nói thật có tình ý lắm! Nghe câu nàng nói ta lại nhớ đến câu của Bình Nguyên Quân than nói là xem người rất khó, nuôi 3000 khách trong mấy mươi năm, mà chỉ có Mao Toại là người giỏi nhất lại vẫn không biết! Thế mà nàng gặp ta trong chốc lát đã biết ngay ta, nàng thật giỏi hơn Bình Nguyên Quân! (Xem lời chú thích [12] và [15] ở trên).

Câu 2193, 2194 = Vậy xin nàng lại gần mà xem ta cho rõ, xem có là người nàng tin cậy được một vài phần hay không?

(Lời ghi thêm: Từ Hải tự giới thiệu mình là người tài giỏi với Kiều, như Mao Toại tự giới thiệu với Bình Nguyên Quân).

Câu 2195, 2196 = Kiều thưa rằng: Người có độ lượng cao cả, bao dung được mọi người, giống vua Hán Cao Tổ như thế, tôi chắc rằng tôi sẽ được trông thấy Người làm nên sự nghiệp to tát Đế Vương, như người ta được trông thấy rồng mây nổi lên ở đất Tấn Dương báo điềm vua Đường Cao Tổ được lên ngôi vua.

Câu 2197, 2198 = Vậy xin Người đem lòng cao cả mà thương lấy kẻ hèn mọn như cỏ đồng hoa dại này! Tấm thân bèo bọt này còn muốn phiền Người cho nhờ việc sau này nữa.

Câu 2199, 2200 = Từ nghe lời Kiều thưa vậy, vừa ý lắm gật đầu cười nói: Xưa nay đã thấy được mấy người gặp bạn tri kỷ như ta và nàng gặp nhau đây!

Câu 2201, 2202 = Thật đáng khen cho nàng có con mắt tinh đời, xem người trong đám phong trần hèn mọn mà đoán biết được ai là khách anh hùng, thế mới thật là tay tài giỏi già giặn.

Câu 2203, 2204 = Nghe một lời nàng nói đủ biết là nàng biết chí khí cao xa của ta. Đã là hạng tri kỷ của nhau như thế, thì cuộc giàu sang muôn chung nghìn tứ sau này hẳn là phải có nhau để cùng hưởng!

Câu 2205, 2206 = Khi hai bên đã một ý một lòng ưa nhau hợp nhau như thế, thì có cần gì ai phải cầu ai nữa, tự nhiên là thân mật tha thiết với nhau.

Câu 2207, 2208 = Rồi ngỏ lời nói với người làm mối đề sẽ làm mọi lễ cưới xin, và hoàn lại đủ số tiền vốn của nhà hàng đã xuất ra mua nàng là mấy trăm lạng bạc.

Câu 2209, 2210 = Các việc đó đã xong xuôi cả rồi, Từ công mới sửa sang một chôn phòng riêng rất thanh thoi, và sắm một bộ giường thất bảo, treo một bức màn bát Tiên để đón Kiều về ở chung.

Câu 2211, 2212 = Thế là trai anh hùng gặp gái thuyền quyên; trai thì phi nguyên lấy được vợ hay, gái thì đẹp duyên lấy được chồng giỏi.

Câu 2213, 2214 = Ở với nhau được nửa năm, tình duyên hương lửa đương thắm nồng, thì chí khí trượng phụ của Từ bỗng thúc giục Từ động lòng đến cuộc vùng vẫy bốn phương.

Câu 2215, 2216 = Chàng đưa mắt nhìn xa vùng trời bề rộng mênh mang, rồi cầm gươm lên ngựa thẳng đường ra đi.

Câu 2217, 2218 = Kiều nói: Tôi là phận gái, lấy chồng thì phải theo chồng; nay chàng đi, thiếp tôi cũng quyết lòng xin đi theo chàng.

Câu 2219, 2220 = Từ gạt đi nói: Ta với nàng đã hiểu nhau lắm là đều có lòng anh hùng cao cả, sao nàng lại vẫn chưa thoát khỏi được chút tình tầm thường đàn bà con trẻ đó?

Câu 2221, 2222 = Bao giờ trong tay ta có mười vạn quân tinh nhuệ, đi đâu thì tiếng chiêng đánh rung đất, bóng cờ bay rợp đường.

Câu 2223, 2224 = Làm tỏ rõ được mặt phi thường của ta, bấy giờ ta mới sẽ làm lễ vu quy rước nàng cùng đi với ta.

Câu 2225, 2226 = Còn như bây giờ, trong bốn bề ta chưa có nhà, nàng đi theo chỉ thêm bận bịu cho ta, chứ biết về nơi nào được!

Câu 2227, 2228 = Vậy nàng hãy tạm ở đây, chờ đợi ít lâu cái ngày ta sẽ làm lễ thân nghinh long trọng đón nàng đi đó.

Câu 2229, 2230 = Nói một lời quả quyết thế rồi Từ dứt áo ra đi, như chim bằng tới kỳ gió đưa thuận tiện bay đi nơi xa thăm mịt mù.

Câu 2231, 2232 = Từ đi rồi, Kiều lẻ loi ngơ ngẩn, ngày thì thường đứng tựa cửa sổ ngắm hoa mai đêm từng cái, tối thì đóng cửa đặng đặng thức thâu đêm.

Câu 2233, 2234 - Ngoài sân bỏ mặc mọc đầy rêu, chẳng hề có dấu giày nàng in trên rêu xanh đó.

Câu 2235, 2236 = Mỗi khi nàng trông về phương làng quê ở Bắc Kinh thì như gửi cả tâm hồn nàng đi theo đám mây xa tít về phía đó.

Câu 2237, 2238 = Nàng những xót sa thương bố mẹ già, chẳng hay bố mẹ đã khuây khỏa khỏi thương nhớ nàng chưa?

Câu 2239, 2240 = Nàng nghĩ thoáng một chốc nàng đã xa cách bố mẹ chín mười năm trời, may mà còn sống nữa chắc đều già lắm, da thì mốc như đồi mồi, tóc thì trắng như sương tuyết.

Câu 2241, 2242 = Nàng lại tiếc cuộc tình nghĩa cũ càng giữa nàng và chàng Kim, đành rằng nay hai bên đã lìa rẽ nhau hẳn rồi, nhưng lòng nàng không sao quên được, y như lời người ta nói “ngó sen dù bể đôi, tơ lòng còn chưa dứt.”

Câu 2243, 2244 = Nếu em Vân mà nối nghĩa lấy chàng, thì may ra đã mấy con, tay bông, tay bé rồi.

Câu 2245, 2246 = Lòng nàng phần nhớ tưởng quê cũ, phần thì đau cảnh lưu lạc quê người, thật là trăm đường kia, nghìn nỗi nọ, làm cho ruột gan nàng rối nghĩ toi bời. Câu 2247, 2248 = Hết nhớ nhà thương cảnh, lại ngóng người đi mưu việc cao xa, như con chim hồng trắng cánh bay trên trời cao thăm, mà nàng đăm đăm mong nhìn đã mòn đôi mắt vẫn chẳng thấy tin tức gì về.

Câu 2249, 2250 = Đương lúc nàng ngày đêm âm thầm buồn bã, thì bỗng thấy binh lửa âm âm nổi lên ở một phương nọ.

Câu 2251, 2252 = Rồi thấy một vùng sát khí bốc lên lờ mờ cao ngất trời đáng sợ, rồi liền đó trên bộ thì lính mặc áo giáp kéo đến chật đường, dưới sông thì đầy những chiến thuyền to mạnh đáng sợ như cá voi cá sấu.

Câu 2253, 2254 = Những người quen thuộc chung quanh hàng xóm khuyên nàng hãy tạm tránh đi nơi khác cho qua lúc nguy hiểm này.

Câu 2255, 2256 = Nhưng nàng nói: Trước kia chồng tôi đã hẹn sẽ đến đón tôi ở đây. Bây giờ đâu nguy hiểm thế nào, tôi cũng ở đây để đợi, không dám sai bỏ lời hẹn.

Câu 2257, 2258 = Trong lúc nàng còn đương ngỡ ngàng dùng dằng chưa biết tính sao, thì mé ngoài đã thấy bóng cờ tinh tiến đến và tiếng thanh la đánh từng hồi.

Câu 2259, 2260 = Rồi binh sĩ quay lại quanh nhà, đồng thanh đưa lời lên thưa rằng: Nào xin mời Bà Phu Nhân ra cho chúng tôi lạy chào!

(Lời ghi: Câu “Nào là phu nhân” này, tôi không hiểu rõ tiếng cổ đích xác là thế nào, hãy xin tạm diễn giải như lời trên, mong ai hiểu rõ phụ chính cho, cảm ơn).

Câu 2261, 2262 = Khi thấy nàng ra rồi, hai bên có mười vị tướng quân đặt gươm xuống, cởi áo giáp ra, làm lễ lạy chào ở trước sân.

Câu 2263, 2264 = Tiếp sau là bọn cung nga, thê nữ áo mũ lộng lẫy ra lạy chào và kính cẩn thưa rằng: Kính thưa Lệnh Bà, lũ thân thiếp chúng tôi vâng lệnh đức Đại Vương đến kính đón rước Lệnh Bà làm lễ vu quy.

Câu 2265, 2266 - Họ sắp sửa sẵn sàng đủ cả nghi vệ rực rỡ, sang trọng hết sức. Kiệu nàng ngồi đằng trước có đôi chim phượng vàng mỏ ngậm chuông khánh, chung quanh kiệu có những bức nghi môn thêu hình chim loan. Mũ nàng đội lông lánh những hoa vàng ngọc, áo nàng mặc bằng gấm đỏ như màu ráng hồng đẹp buổi chiều, trông thật rõ ràng.

Câu 2267, 2268 = Khi những cung nga thê nữ đã phù nàng lên kiệu rồi, thì quân tướng dựng cờ nổi trống rước dâu lên đường, có phường nhạc đàn sáo đi trước kiệu, sau kiệu có đoàn xe các cung nga thê nữ, xe nào cũng thành xe nạm vàng, bánh xe sơn đỏ màu hoa đào.

Câu 2269, 2270 = Một toán lính kỵ mã mang hỏa bài chạy trước lần lượt phi báo là dâu đã đến từng trạm nào cho Từ công biết. Khi sắp đến, đã xa xa nghe tiếng trống to ra hiệu lệnh, vang động ở đồn Đại quân Triều đình cõi Nam.

Câu 2271, 2272 = Khi dâu đến nơi, thì cò trên lũy kéo lên phát phới, súng trên thành bắn mừng đi đùng để chào mừng, và Từ công cười ngựa ra cửa ngoài làm lễ thân nghinh.

Câu 2273, 2274 = Nàng ngắm Từ công rực rỡ cân đai tuy có vẻ lạ thật, nhưng vẫn râu hùm hàm yến như ngày trước.

Câu 2275, 2276 = Từ công cười nói: Chúng ta phận đẹp duyên ưa như cá gặp nước. Nàng còn nhớ lời ta nói với nàng ngày nào trước đây không? (tức là những câu 2221-2224).

Câu 2277, 2278 = Nàng thật là tay anh hùng, nên mới biết được ta là anh hùng. Nay nàng thấy chúng ta được thế này, phỏng đã hả lòng nàng mong ước hồi xưa đó chưa?

Câu 2279, 2280 = Nàng nói: Thiếp tôi là một gái ngây thơ, nay tâm thân hèn yếu bìm sấn của thiếp này được nhờ bóng cả cây cao của chàng thế này thật là may mắn!

Câu 2281, 2282 = Tuy bây giờ mới thấy sự nghiệp oanh liệt như vậy, nhưng thật ra lòng thiếp đã cảm chắc từ ngày mới biết nhau được một hai hôm rồi!

Câu 2283, 2284 = Rồi hai người cùng nhìn nhau cười to vui vẻ, và đan tay nhau vào trong trướng nói chuyện tơ tình trước sau.

Câu 2285, 2286 = Lễ thân nghinh xong, mới mở một bữa tiệc thưởng tướng khao quân, trống trận nhạc quân vang lên thật hào hứng.

Câu 2287, 2288 - Cuộc vinh hoa này thật bỏ lúc phong trần trước và chữ tình càng ngày càng thêm đậm thắm, thêm xuân tươi.

Những câu có ý móc nối, thán thở, mỉa mai

(1) Hai câu đầu chuyển xuống đoạn này, câu “Lần đầu gió mát trăng thanh” trên thì liên tiếp với cảnh ở thanh lâu đoạn trước, dưới thì báo trước điềm Kiều được thanh thân, mát mặt mấy năm.

(2) Câu “Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa” móc nối thật rộng với nhiều câu trên, dưới, xa, gần. Chữ “liếc” đây nghĩa là liếc mắt xem tướng để xét thân sắc hiện ra ngoài mặt có đúng với những điều mình trông thấy hay nghe thấy ở bên ngoài không. Từ Hải thì liếc xem thân sắc Kiều có xứng đáng với tiếng đồn là “Mắt xanh chẳng để ai vào” không; nên khi liếc thấy tâm hồn Kiều hiện ra mặt có vẻ cao siêu phi thường rồi, lòng Từ rất ưa, mà nói ngay câu “Tâm phúc tương cò (tương kỳ), rồi sau lại nói câu: “Lại đây xem lại cho gần” chứ mới liếc xa thế thì chưa biết rõ lòng ta được.

(3) Kiều thì liếc coi thân sắc Từ Hải xem chí khí trong tâm hồn hiện ra mặt có xứng đáng với “bộ râu hùm hàm yến mày ngài” không; nên khi nàng liếc thấy chí khí anh hùng trong tâm hồn Từ hiện ra đúng với tướng anh hùng bên ngoài rồi, nàng liền tỏ ý muốn “gửi can tràng vào” ngay.

(4) Câu “Lại đây xem lại cho gần, Phỏng tin nhau được vài phần hay không?” ứng với câu “Chút riêng chọn đá thử vàng / Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu.” Kiều nói chưa chọn được ai để gửi can tràng, nên Từ xin Kiều lại gần mà xem rõ liệu có tin nhau mà gửi can tràng vào nhau được không.

(5) Câu “Đến bây giờ mới thấy đây / Mà lòng đã chắc những ngày một hai” ứng với câu “Thưa rằng lượng cả bao dung / Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.”

(6) Những câu tả cuộc đón dâu linh đình, nào tướng sĩ, nào cung nga thể nữ, nào phượng liền loan nghi, ứng với mấy câu Từ hẹn Kiều:

“Bao giờ mười vạn tinh binh / Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường / Làm cho tỏ mặt phi thường / Bây giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.”

(7) Trong đoạn này có hai chữ, nếu chỉ đọc qua thì thấy rất tầm thường, không đáng kể lại đáng chê nữa, nhưng suy nghĩ kỹ thì thấy là hai chữ rất quan trọng trong đoạn, đó là chữ “liếc” ở câu “Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa” và chữ “đón” ở câu “Đành lòng chờ đón ít lâu.” Ý liên hệ của chữ “liếc” thì đã nói trên, vì liếc mắt xem thần sắc mặt nhau mà hai bên cùng sinh phục mến lẫn nhau. Chữ “đón” cũng vậy, vì có hẹn rồi sẽ làm lễ thân nghinh đón Kiều mà sinh cuộc đón đủ nghi vệ linh đình.

(8) Câu lục bát “Còn như vào trước ra sau / Ai cho kén chọn vàng thau tại mình” cũng vậy. Mới đọc qua tưởng là vu vơ hình như thừa, chỉ đặt ép để liền vần, nhưng suy nghĩ kỹ thì biết Kiều kết lời nàng bằng câu này rất có thâm ý, yêu cầu Từ Hải phải lưu ý đến nàng, chớ bỏ nàng ra ngay như ai vào trước ra sau, mà nàng không kén chọn cho biết đích là vàng hay thau. Từ Hải biết ý nàng đã lưu ý đến mình, nên phải khen là “lời hữu tình”, và xin nàng “Lại đây xem lại cho gần / Phỏng tin nhau được vài phần hay không.”

(9) Suốt đoạn đối thoại lần đầu giữa Từ Hải và Kiều, tác giả kể rất đầy đủ tình ý và rất có thứ tự từ nông vào sâu cho đến kết cục là thành đôi bạn tâm phúc tương tri, lược kể như sau:

(a) Lúc mới thì Từ Hải chỉ “Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi” mà vào gặp nhau, và Kiều chỉ mới biết tên Từ trong danh thiếp;

(b) Khi hai bên cùng liếc nhìn xem thần sắc mặt nhau, biết nhau là cùng có tâm hồn cao cả khác người hiện ra ngoài mặt rồi, thì sinh lòng và quý nhau, và bắt đầu nói truyện để tỏ cho nhau biết là hiểu lòng nhau, quý phục nhau;

(c) Từ ngỡ lời là: Đến để mong tìm được người bạn tâm phúc, chứ không phải là tìm thú giớ trắng, và khen Kiều biết khinh lũ “cá chậu chim lồng” là phải;

(d) Kiều biết Từ khen mình như vậy là vừa tỏ lòng quý mình, vừa có ý tự giới thiệu Từ không phải là hạng người tầm thường để cho mình để ý tới Từ, nên nàng mới trả lời là nàng đâu dám khinh ai. Sở dĩ tôi không để ai vào mắt, là vì tôi muốn chọn lấy một người tôi có thể tin cậy nhờ vả được, mà chưa chọn được ai đó thôi. Rồi nàng than thở ai cũng khinh nàng vào lại ra ngay, không để nàng kén chọn;

(e) Từ biết Kiều tuy mến mình nhưng chưa thật lòng tin mình, vội khen lời Kiều có tình ý hay, và xin nàng lại gần mà xét lại xem có tin được phần nào không;

(f) Và khi được Kiều phục mình là có độ lượng, bao dung, muốn đem thân nhờ vả, Từ liền vui cười khen nàng là có mắt tinh đời, và nhận lời ngay với câu “Muôn chung nghìn tử ắt là có nhau.”

Đoạn này (từ câu 2165 đến câu 2288) thật đủ ý đủ tình, lời văn đúc chuốt lưu loát, vừa đẹp vừa hay, vừa thâm thúy, thật là một đoạn văn kiệt tác nhà ngọc phun châu.■

(Còn tiếp)

Đàm Duy Tảo

[Trở về mục lục](#)

Tháp Babel và ngôn ngữ ngày xưa

Nguyễn Văn Ưu

G iản lược: Tìm hiểu một vài cấu trúc tiêu biểu của ngôn ngữ thời xa xưa được thực hiện qua cảm phát từ câu chuyện Tháp Babel của Thánh Kinh Cựu Ước. Phân tích cấu trúc bằng nhiều thí dụ cụ thể cho thấy chính yếu của việc này nằm ở đường hướng *bất trực tuyến* (*non-linear*), tương phản với đường hướng *trực tuyến* (*linear*) thường thấy trong khoa học. *Bất trực tuyến* không dựa vào nguyên lý cơ bản *Nếu A thì B*, hoặc đại khái, không đồng thuận với ranh giới địa lí và lịch sử giữa các ngôn ngữ. Theo đó, cấu trúc của ngôn ngữ vào thời mới tạo dựng ngôn ngữ được lí giải bằng thí dụ về tiếp từ *và* (*and*), về thể *ngghi vấn* và thể *phủ định*, cũng như của cụm từ *bao nhiêu*, dùng cho câu hỏi.

1. Ngôn ngữ và Tháp Babel

Genesis 11:1-9 của Thánh Kinh Cựu Ước, có câu chuyện về Tháp Babel (Migdal Bavel). Trong chuyện này, người Babylon tại một đế quốc nằm ở khu vực Lưỡng Hà (Mesopotamia) vào khoảng thiên niên kỉ thứ 2 trước Công Nguyên, có công trình xây dựng một thành phố với một cái tháp cao thật cao, gọi tên là *Tháp Babel*, để tạo đường đi lên Thiên Đàng. Nhưng được một khoảng thì công trình xây dựng bị Đức Chúa Trời gián đoạn, bằng cách cho công nhân và phu thợ nói những thứ tiếng khác nhau, để không thể hợp tác nhau nữa trong việc thi công công trình. Rồi từ đó tản mác đi khắp nơi trên mặt đất. Chứ trước đó, con người dùng chung một ngôn ngữ và một thứ tiếng, không bị *lộn xộn nhằm lẫn* và có thể thông hiểu nhau dễ dàng (xem Wikipedia hoặc The Bible).

Theo câu chuyện này, có thể nói trước thời Tháp Babel, con người nói và hiểu nhau bằng một thứ tiếng, và sau thời Tháp Babel, con người tản mác ra khắp nơi trên mặt đất, nói những thứ tiếng khác nhau, và tóm tắt là *giống nhau* lúc trước Babel, và *khác nhau*, sau Babel. Cũng có thể hiểu, trước thời Tháp Babel, người không bị *lộn xộn nhằm lẫn* vì tiếng nói, và có thể thông hiểu nhau dễ dàng. Trước thời Babylonian và tháp Babel, cùng trong khu vực Lưỡng Hà (Mesopotamia) là thời của người Akkadian (trong khoảng thiên niên kỉ thứ 3 TCN), và trước đó nữa là Sumerian, và hai thứ tiếng, Akkadian và Sumerian, thường được nhiều học giả xem như có nhiều điểm tương đồng (xem Wikipedia). Ngôn ngữ trên thế giới ở thế kỉ 21, nói chung, mang tính *khác nhau lẫn giống nhau*, và trên thực tế và thông thường, có thể tìm dữ liệu về *giống nhau của khác nhau* hoặc *khác nhau của giống nhau*, khá dễ, nhất là khi cố gắng vượt ra khỏi những ràng buộc của *khác nhau* và *giống nhau*, theo hoạch định của tính *song thể* (dualism) và *mô pháp* (paradigm). Nhưng muốn thấu đáo câu chuyện Tháp Babel, nói về *giống nhau* giữa những ngôn ngữ cổ thời, theo những khoa học về ngôn ngữ hoặc cơ viện của khoa học, tức *mô pháp* (paradigm), và dựa vào dữ liệu về ngôn ngữ thời nay, rất có khả năng, đó là một chuyện rất khó và nhiều khi bất khả thi. Với nguyên do chính là cả *mô pháp*, và khoa học về ngôn ngữ, đều mang nặng tính *song thể* (dualism), hiểu đại khái là *A là A*, và *A khác với B*, trong khi *tiếng* của nhiều sắc dân thời *trước-Babel*, dựa vào câu chuyện *Tháp Babel*, rất có khả năng, vẫn nằm trong dạng *phi song thể*, tức chưa có chuẩn định về từ vựng, cú pháp, văn phạm, cũng như những cách phát âm khác nhau, hay những ngữ nghĩa khác nhau, cho cùng một thứ từ vựng, tức chưa có rõ nét trong phân xếp loại ngôn ngữ dính liền với dân tộc và quốc gia, hay những đặc tính chính của ngôn ngữ theo hiểu biết thời nay. Nói một cách khác, sẽ có một quan điểm, nếu chưa có, cho rằng liên hệ giữa ngôn ngữ và dân tộc làm một phát kiến chỉ xuất hiện trong một hai thế kỉ gần đây, mãi sau khi có tiếng nói và ngôn ngữ của từng khu vực, và sau khi ý niệm về quốc gia được hình thành rõ nét tại nhiều nơi trên quả đất. Khó khăn

chính của *khoa học* hay *mô pháp khoa học*, thường thấy là đòi hỏi phải có chứng cứ, tức *dữ liệu*, mà dữ liệu của ngôn ngữ, nhất là các thứ ngôn ngữ cổ thời, dính liền với tiếng nói hoặc/và cử chỉ, sẽ mất đi ngay sau khi nói, hay ra dấu hoặc cử chỉ. *Chứng cứ*, ngoài việc chịu điều động bởi ý thức cốt lõi của *mô pháp*, còn thường xuyên đi đôi với thống kê, và thống kê rất ít khi cho ra một con số 100%, thích hợp cho *chân lí độc thể* (monistic truth). Ngôn ngữ trong dạng chữ viết ngày xưa, nếu có, cũng là một sản phẩm hiếm quý, dùng để ghi khắc (trên đá) những dữ kiện chính yếu về vua chúa, hay văn bản tôn giáo hoặc về thuốc men y dược, hay kỹ thuật toán học (trên da hay trên giấy papyrus), chứ không phải là một bộ phận quan trọng nhưng dễ thấy của ngôn ngữ như trong vài thế kỉ gần đây. Ngôn ngữ chữ viết, xưa cũng như nay, được dùng nhiều trong giới ê-lít, và theo với thời gian sẽ khác với dã ngữ (vernacular) dùng trong dân gian. Thêm vào đó, một số tiền đề chính của ngôn ngữ học, như *một dân tộc một ngôn ngữ*, như đề cập ở trên, tự nó mang tương phản nặng với ngôn ngữ *trước-Babel*, theo với câu chuyện trong *Genesis* của thánh kinh Cựu Ước, và như vậy có vẻ rất khó dùng những nguyên lí cơ bản của ngôn ngữ học để tìm hiểu về câu chuyện chung quanh *tháp Babel*.

Tuy thế, nếu thử dùng trò chơi chữ nghĩa sẽ thấy ngôn ngữ *trước* và *sau Babel*, có thể được thay thế bằng, theo tuần tự, *giống nhau trong khác nhau* và *khác nhau của giống nhau*, và hai thứ này, qua ngôn ngữ của *song thể* (dualism), có thể viết gọn trở lại là *giống nhau* và *khác nhau*. Mặt khác, nếu áp dụng một số hiểu biết từ *kiến thức tiên định* hay *trực thức* (a-priori knowledge [1]), tức thứ kiến thức thu đạt từ suy luận, hoặc nghe thì có thể hiểu ngay chứ không qua chứng minh dài dòng hay tìm tòi chứng cứ, thì có thể thấy dạng thức và kích cỡ của ngôn ngữ thời xa xưa rất đơn giản và nhỏ bé hơn thời bây giờ rất nhiều, hoặc biên giới định ra ngôn ngữ hay dân tộc không dính sát với biên giới địa lí hoặc lịch sử của quốc gia, sau khi có ý niệm về quốc gia. Chủ yếu của giao tế bằng ngôn ngữ, nhất là vào ngày xưa thông thường là để hỗ trợ cho sinh hữu, với ngôn ngữ mang nghĩa của dụng cụ thiết yếu cho sinh tồn. Trong chuyện hỗ trợ này, giao tế bằng ngôn ngữ bao gồm mua bán, trao đổi hàng hóa, hoặc ngay cả nghệ thuật, văn hóa, mang tính *địa phương*, với nhân mạng ở *sinh hữu*, chứ không liên hệ đến kinh tế, chính trị, và văn hóa, của các cộng đồng lớn, mang ý nghĩa *quốc gia*, như trong vài thế kỉ gần đây. Có nghĩa, chuyện *giống nhau* và *khác nhau* cũng tùy vào *không gian* và *thời gian* của những ngôn ngữ hay *hiện thể* cần quan sát. Và bước đầu trong việc thử quan sát *giống nhau* và *khác nhau* có thể không phải dùng đến *khoa học* hay *mô pháp* tức *paradigm* mà *khoa học* nằm gọn trong đó, mà là tìm xem *cái gì thuộc về bản chất của giống nhau* hoặc *cái gì đã, hoặc có thể gây ra khác nhau*. Hoặc, theo một góc nhìn khác, *giống nhau ở những chỗ nào* và *khác nhau ra sao*. Nói rộng ra hơn nữa, vào thời *trước-Babel*, những *chỗ giống nhau* này có thể vượt qua khỏi 2 đặc tính của ngôn ngữ theo hiểu biết của thời nay là *từ vựng* và *vấn phạm* hoặc *cú pháp*, hay chẳng. Để khi người B nghe người A thốt lên một số từ cộng với cử chỉ hoặc ánh mắt nào đó, thì B có thể hiểu được A muốn nói cái gì, cho dù rằng A và B sinh ra và lớn lên ở những bộ tộc khác nhau, và nói những thứ *tiếng mẹ đẻ* khác nhau. Thứ *thức mã* này xem ra nằm trong một tiền đề quan trọng, và đó là ngôn ngữ trong thời đại nào, và dù sơ khai cách mấy, vẫn là ngôn ngữ. Từ đó có thể thấy, muốn tìm hiểu ngôn ngữ thời *trước-Babel*, không nhất thiết phải dựa vào ngôn ngữ, hoặc học thuật hay kiến thức về ngôn ngữ, theo hiểu biết của thời nay hay trong vài thế kỉ trở lại đây. Cũng có thể có nghĩa *giống nhau trước-Babel* bao hàm những ý nghĩa nằm ngoài các kích thước hay tiêu chí dùng để định ra *giống nhau* liên hệ đến việc tạo ranh giới địa lí cho những *nhóm ngôn ngữ* theo mô hình *cây và cành*, như thường thấy trong một hai thế kỉ nay.

Khác nhau giữa ngôn ngữ có thể dùng câu chuyện *Chạy đua giữa Achilles và Con Rùa* làm thí dụ. Câu chuyện này nói lên *ngôn ngữ* dùng trong *luận thuật* (discourse) về khoa học và triết học, xoay quanh một nghịch lí (paradox) khá nổi tiếng của Zeno, nhà hiền triết Hy Lạp ở Elea (Zeno of Elea, khoảng. 490–430 TCN), xem Wikipedia. Nghịch lí nói về cuộc chạy đua giữa người hùng Achilles và con rùa. Trong câu chuyện này, Achilles cho con rùa chạy trước chừng 100 mét, rồi mới bắt đầu đuổi theo. Khi

Achilles chạy được 100 mét rồi thì con rùa đã chạy thêm một khoảng nữa, và cứ như thế kéo dài mãi mãi, đưa đến kết luận là Achilles sẽ không bao giờ bắt kịp với con rùa. Bởi giữa con rùa và Achilles lúc nào cũng có một khoảng cách, mặc dù có thể cực ngắn. Nghịch lý này được dựng theo *ngôn ngữ của triết học về lập luận*, chung quanh kiến thức về *bắt kịp* giữa hai vật thể chuyển động với tốc độ khác nhau, trong cùng một *lộ tuyến* (lane). Định nghĩa *bắt kịp* dùng trong ngôn ngữ bao hàm ý nghĩa là khoảng cách giữa hai vật thể đó phải tiến về zero (0) khi vật thể chạy nhanh *bắt kịp* vật thể chạy chậm (trên cùng một *lộ tuyến*). Nhưng nếu dùng một thứ ngôn ngữ tự nhiên, liên hệ đến *trực thức* (*a-priori* knowledge [1]), tức kiến thức có thể biết ngay hay nhận ra ngay sau khi nghe nói, và xem khoảng cách giữa hai vật thể khác nhau đặt cạnh nhau, như một tảng đá lớn nằm đè trên mũi chiếc ô tô, thì khoảng *cách cự* (gap, discontinuity) giữa hai vật thể, không bao giờ bằng với zero (0), dù hai vật thể khác nhau đó có chạy đua với nhau, một nhanh một chậm, trên cùng một *lộ tuyến* (lane), hoặc khi cả hai đều ở trong trạng thái tĩnh và nằm yên, một trên một dưới, sát cạnh với nhau. Chuyện cho thấy, cùng một ngữ ý, nhưng với hai thứ ngôn ngữ khác nhau, thì người quen với ngôn ngữ này có thể không hiểu ý khi nghe đến câu chuyện dùng ngôn ngữ kia. Để ý, khác nhau giữa ngôn ngữ trong chuyện diễn giải cùng một ngữ ý, như trong chuyện Achilles / Con Rùa và chuyện *cách cự* của hai vật thể ở sát bên nhau, thường bắt nguồn ở phát triển văn minh. Có nghĩa, phát triển văn minh có thể đưa đến một lối nói khác đối với cùng một sự kiện hay một hiện thể.

Giống nhau và khác nhau trong ngôn ngữ, có thể được hiểu từ những góc nhìn khác nhau, và những góc nhìn này thường có thể truy về những *tiền đề* ban đầu về ngôn ngữ. Nói một cách đơn giản, *tiền đề* có thể hiểu như một định nghĩa tổng quát cho ngôn ngữ. Thí dụ như khi nói *ngôn ngữ* dính liền với *sinhhữ* hay *sự sống*, hoặc ngôn ngữ là một thứ *minh chiếu* (manifestation) của *sự sống*, thì có thể suy ra ngay là khi *sự sống* hay *tổ chức đời sống* còn đơn sơ, như vào thời hồng bàng của loài người, thì *sự sống* phải giống nhau, và do ở chuyện *minh chiếu*, ngôn ngữ phải giống nhau, ít ra trong một số khía cạnh nào đó. Thí dụ như ý nghĩa bên trong của cách đặt câu hỏi (thể nghi vấn) hay lối nói phủ định rất giống nhau, giữa nhiều thứ tiếng khác nhau. Hoặc có thể chứng minh rằng ba cụm từ của 3 thứ tiếng

Anh, Trung và Việt: *how much*, *duoshao* 多少, *bao nhiêu*, đều mang cùng chung một ý nghĩa bên trong là *ít hay nhiều* (xem phía sau), hoặc ý nghĩa bên trong của mạo từ *le* và *la* trong tiếng Pháp rất giống ý nghĩa dùng để phân biệt *cái* và *con* trong tiếng Việt (xem [2]). Những điểm giống nhau nho nhỏ này rất khó phát hiện nếu *luận thuật* dựa vào một tiền đề khác, như tiền đề *một dân tộc một ngôn ngữ* hoặc *một ngôn ngữ nằm trong một nhóm ngôn ngữ có nhiều đặc tính chung*.

Giống nhau của khác nhau, cũng có thể truy về tính *universal* (phổ quát) của ngôn ngữ, điển hình là theo kiểu *văn phạm phổ quát* (Universal Grammar; xem Wikipedia). Nhưng, đa phần các lý thuyết về *universal* (phổ quát) (xem Wikipedia) không liên hệ đến các đặc tính *phổ quát* của *Tháp Babel*, nói nôm na là người ở nơi này có thể nói hay ra cử chỉ sao đó, để người từ chốn khác có thể hiểu được. Hoặc có thể có những nguyên lý chung nào đó trong lối tạo thêm từ vựng từ những từ vựng cơ bản, để những thứ tiếng khác nhau từ những nơi xa nhau, có chung những nguyên lý tạo dựng từ vựng mới trong những giai đoạn ở thời hồng bàng của ngôn ngữ. Muốn quan sát thêm về câu chuyện *giống nhau* của ngôn ngữ vào thời cổ đại, trước hết, xin ghi nhận một vài nhận xét mang nhiều tính phổ quát, hay giống nhau trong cơ bản, của ngôn ngữ, đa phần thường liên kết với nhau.

Trước hết, để ý là những người cư ngụ tại vùng biên giới của hai ba quốc gia, ngay cả vào thời nay, thường hiểu và nói được tiếng của người quen hoặc có giao tế, cư ngụ ở những nước láng giềng sát đó. Chuyện này cũng giống như chuyện rất nhiều người Việt trong các cộng đồng di tản hoặc dời cư, vào khoảng thập niên 80-90 ở thế kỷ trước, tức thế hệ 1 của đời cư, mê xem phim tập bằng băng thu phim từ Hongkong, trong lúc làm việc tại nhà, như nhận may thuê từ những hãng lớn, và sau một thời gian,

nhiều người có thể nghe và nói được tiếng Quảng. Hoặc chuyện một người Việt bán phở ở khu phố Tàu Chinatown ở Sydney, chỉ sau một thời gian thường xuyên tiếp xúc với khách hàng người Hoa, đã có thể bán hàng dễ dàng bằng tiếng Hoa với người Hoa. Hay một thanh niên bán hàng ở chợ Bến Thành ngày nay, như trình bày trong những phim ngắn có trên YouTube, có thể nói và hiểu được nhiều thứ tiếng như Thai, Nhật, Trung, Anh, v.v. qua việc buôn bán với khách du lịch nước ngoài. Hoặc nói về văn bản, cần đề ý đến *Rosetta Stone (Tảng Đá Rosetta)* tìm được ở thành phố Rosetta, gần Alexandria, vào năm 1799. Trên tảng đá hoa cương này có ghi khắc ba thứ chữ viết khác nhau, của hai tiếng Hy Lạp và Ai Cập cổ, và tảng đá này được tạo dựng vào khoảng thế kỉ thứ 2 trước Công Nguyên [3].

Chuyện ngôn ngữ cũng liên hệ trực tiếp đến ý niệm *tiếng mẹ đẻ* hay *tiếng nước tôi*, rất phổ biến ở những thế kỉ trước. Tuy thế, ý niệm về ngôn ngữ của *tiếng mẹ đẻ*, từ cuối thế kỉ 20 có thể trở thành *tiếng cha nuôi*, đối với thế hệ 1.5 hoặc thế hệ 2 của con em sinh hoặc/và lớn lên ở một xứ mới được dòicư đến, và nhận nơi đó làm quê hương, nhất là khi xứ mới định cư có chuyện bình đẳng trước cơ hội. Quan sát này rất quan trọng, bởi nó chỉ có sau, ít lắm cũng vài chục năm, những lí thuyết lớn về ngôn ngữ, nhất là những lí thuyết nói kết tiếng mẹ đẻ với *chúng thể* (genetic makeup), hoặc *bản năng bẩm sinh*, hay *innatism*. Chuyện những người từ những nơi khác nhau có thể thông hiểu với nhau bằng một hay hai thứ tiếng nói, có khả năng giống với một em bé có mẹ Việt cha Mỹ và anh em chú bác nói tiếng Hàn, và em bé này, rất có khả năng nói và hiểu được tiếng Việt, Mỹ và Hàn. Hoặc nhiều người nói và hiểu được dăm ba thứ tiếng khác nhau, và tất nhiên đa phần những sinh ngữ này không phải là *tiếng mẹ đẻ*. Cũng giống như nhiều thú vật nuôi trong nhà, như chó, thường có thể nghe và hiểu được tiếng chủ nhà, không đề ý đến tiếng nói của chủ, thí dụ như không phân biệt *đi* và *go*, *ăn* và *eat*, *đem đến đây* hay *bring here*, v.v., và số từ, thường là mệnh lệnh, có thể lên đến cả 100 thứ từ khác nhau (xem Wikipedia). Những từ này không có phân biệt ngôn ngữ khác nhau, tức chủ người Pháp thì nói tiếng Pháp, chủ Việt nói tiếng Việt, và chó không phân biệt tiếng Pháp hay tiếng Việt, bởi cả hai đều là sinh ngữ 1 đối với con chó trong nhà. Hoặc con chó nuôi trong nhà có nhiều chủ, mỗi chủ có tiếng mẹ đẻ hay tiếng cha nuôi khác nhau. Câu chuyện một thứ ngôn ngữ chung cho nhiều dân tộc khác nhau còn dính dáng đến tiếng *Esperanto* được Ludwik Lejzer Zamenhof một bác sĩ nhãn khoa, gốc Do Thái ở Warsaw (Ba Lan) “phát minh” vào năm 1887, với mục đích tạo dựng một sinh ngữ thứ hai dùng cho cả thế giới. Tiếng *Esperanto*, mặc dù khá đơn giản và dễ học, nhưng muốn nói tiếng này bắt buộc phải qua lớp học. Trong khi tiếng Anh tự nhiên trở thành tiếng quốc tế, từ vài ba thập niên cuối thế kỉ 20, nhờ ở tiên bộ kỹ thuật truyền thông, phim ảnh, và giao dịch, giao lưu toàn cầu, cho mãi đến ngày nay. Trước tiếng Anh, ở Âu Châu có thể là tiếng Pháp, và xưa hơn nữa là tiếng Latin và tiếng Hy Lạp, hoặc tiếng Sanskrit, tiếng Pali hay tiếng Hán ở Á Châu. Đặc biệt, tra Wikipedia sẽ thấy một thứ tiếng thời cổ La Hy, gọi là *Koiné*, mang nghĩa như *tiếng chung*, một dạng của tiếng Hy Lạp, có nhiều người từ những nơi khác nhau dùng đến, và thông đạt nhau dễ dàng.

Ngôn ngữ có liên hệ mật thiết đến sinh hữu và cộng đồng. Thời ban sơ, nhu cầu sinh sống đơn giản, nhất là khi chưa có bóng dáng của văn minh, và văn minh có thể hiểu đơn giản là liên quan đến đời sống của thành thị, có chợ búa và tổ chức chính quyền. Như vậy, tính phức tạp và qui ước của ngôn ngữ, dù lúc nào cũng mang tính thiết yếu đối với sinh tồn, mang tỉ lệ thuận, và nhiều khi theo tỉ lệ của cấp số nhân, với tăng trưởng của cộng đồng, và tổ chức cộng đồng, cũng như với phát triển văn minh. Thí dụ, thử tra từ tương đương với *trai tứ chiếng* trong các tiếng như Hoa, Việt, Thai, Lao, Khmer, Mon, Bahnar, từ các tự điển trực tuyến, như [4][5][6], sẽ thấy những từ giống kiểu *trai tứ chiếng* này rất khó tìm trong tự điển tiếng Mon hay Bahnar, bởi *trai tứ chiếng* thông thường chỉ xuất hiện ở những nơi thành thị, ứng với một hai thứ tiếng nào đó, có liên hệ trực tiếp đến “văn minh”, hay đời sống thành thị.

Truyền chuyên ngôn ngữ, và chi tiết của truyền chuyên, xưa nay thường không có ghi chép trong sách vở lịch sử. Nhất là kiểu hội nhập ngôn ngữ vì sinh tồn, trong những cuộc bôn đảo, chạy giặc, tránh nạn đói, trốn ách đô hộ hay kiếp nô lệ, hoặc ngay cả vượt ngục. Rất thường, hành trang ngôn ngữ của những cuộc bôn đảo này, là ngôn ngữ trước khi có ngôn ngữ, tức trước khi có ngôn ngữ dùng bởi chính quyền trung ương của quốc gia. Những người này thường chạy đi thật xa, “vượt biên” ra khỏi những vùng lộn xộn, có chiến tranh, nghèo đói, nhiều đe dọa cho sinh mạng, để tìm an toàn cho cuộc sống. Chi tiết, nhất là chi tiết ngôn ngữ, của những người dời cư hay bôn đảo thời xa xưa gần như hoàn toàn không có ghi lại trong sử sách. Ngược lại, sử ký ở những thế kỉ trước mang truyền thông chính yếu là ghi lại diễn biến lịch sử liên hệ đến các triều đại vua chúa, chiến tranh, và thôn tính lãnh thổ. Những ghinận lịch sử này, dễ thấy trong sách vở, rất ít khi ghi lại thành phần, hoặc thay đổi thành phần, chủng tộc và ngôn ngữ của cư dân trong các lãnh địa của lịch sử. Khi dùng *cấu trúc* lịch sử (structuralism) để đối chiếu và nghiên cứu về ngôn ngữ hay thay đổi của ngôn ngữ, thành tố chính liên hệ đến ngôn ngữ, tức ngôn ngữ của cư dân hay binh lính, ở vùng đất nói đến trong lịch sử, rất có khả năng, bị thiếu sót trầm trọng. Khiếm khuyết trong chuyện sách vở lịch sử không đề cập đến những thứ tiếng người bôn đảo chạy xa, và gia nhập vào cộng đồng nơi định cư sau đó, mang nhiều ảnh hưởng đến nghiên cứu ngôn ngữ dùng khoa học phương Tây cho những thứ tiếng ở nhiều nơi, cho dù những nơi này có tiến đến hình thái quốc gia hay không.

Lấy một thí dụ về dấu vết ngôn ngữ của người đi xa mang theo, là từ chỉ số 4 trong tiếng Sumer ở phía Nam khu Mesopotamia (Lưỡng Hà), tức phía nam nước Iraq ngày nay, cách đây khoảng trên 5000 năm, là chữ có ngữ âm như *limmu* hay *lim* [7]. Chữ *lim* chỉ số 4 trong tiếng Sumer, rất có khả năng, mang âm rất gần với ngữ âm [alim] chỉ con cừu đực có 4 chân, và, rất có thể, chính là tiền thân của chữ *limb* (tứ chi) tiếng Anh. Có một liên hệ ngữ âm giữa *limb* (tứ chi) và *lamb* (cừu non, bê cừu), dùng trong tiếng Assyrian khoảng 4000-5000 năm trước, tức phương ngữ phía bắc của tiếng Akkadian, được phản ánh qua [ar-ba] chỉ số 4, và [er-ba] với nghĩa con cừu [8]. Liên hệ ví phỏng giữa *limb* (tứ chi) và *lamb* (cừu), phản ánh qua ngữ âm, còn có thể thấy trong các tiếng như Danish (lem/lam), Dutch (lid/lam), Icelandic (lemur/lamb), German (Glied/Lamm), v.v.. Đặc biệt rất xa khu vực dùng tiếng Sumer ngày xưa, là tiếng Fiji, Samoa và Tonga, và ở những tiếng này, ngữ âm chỉ số 5, trong hai tiếng Fiji và Samoa là [lima] trong khi trong tiếng Tonga là [nima], Với ghi nhận biến âm giữa [lima] và [nima], cả hai chỉ số 5, là biến âm theo kiểu [lam][lom] và [nam][nom] trong tiếng Việt, và số 5 trong tiếng Rapa Nui (Easter Island) có phát âm [rima], thay âm đầu [l] bằng [r]. Để ý, biến chuyển giữa phụ âm [l] với [n] hay [r], như giữa [lima], [nima] và [rima] (cùng chỉ số 5), hiểu theo kí âm dùng a-b-c (Latin) là chuyện rất “bình thường” giữa những tiếng khác nhau, nhưng thường cho là ngông, theo song thể giữa một phương ngữ với phương ngữ khác, chiếu với dạng chuẩn, kiến tạo sâu xa qua đường rãnh kiến thức. Có thể truy chữ [lima] chỉ số 5 vào tiếng Sumer bằng cách cho số 5 của tiếng Fiji là [lima] bằng với “số 4 tiếng Sumer [lim] cộng với số 1 tiếng Sumer [aš]” tức là: $4[\text{lim}] + 1[\text{aš}] = [\text{lima}] = 5$. Trong khi số 6 tiếng Sumer cũng có ngữ âm [aš] giống như số 1 [aš]. Và nghịch lí này có thể giải thích là số 6 có nghĩa như số 1 đếm tiếp vào bàn tay thứ hai, với bàn tay thứ nhất đã biểu hiệu cho số năm (5). Theo lí giải này, là chuyện có khả năng người bôn đảo đi xa, xuất phát từ những nơi dùng âm [limmu] hay [lim] chỉ số 4, và âm [aš] chỉ số 1, sẽ cho ra những âm như [lima], [rima], [nima] chỉ số 5.

Lí giải trình bày về số 4, số 5 ở trên, phần lớn không dựa vào những ngành ngữ học rất phổ biến hiện nay, với những giới hạn tạo nên bởi chính mô pháp (paradigm) của khoa học. Quan trọng nhất của *mô pháp* là tiến trình của lí luận phải “hợp ro” với những kiểu cách hay phương thức mà những nhà khoa học trong ngành dùng đến, cũng như thường xử dụng cùng một thứ *tiền đề*. Khác một chút cũng không được, mặc dù những kiểu cách của *mô pháp* được bắt nguồn sâu xa từ những tiền đề chính của khoa học hay tiến trình khoa học. Và tiền đề chính của khoa học về ngôn ngữ, hay khoa học nói chung, nhất

là khoa vật lí học, thường rất ít khi được nhắc đi nhắc lại, hay hiện rõ nét trong *luận thuật* (*discourse*). Bởi từ lâu, những tiền đề này đã được chấp nhận như *nguyên lí*, không cần đề cập đến, cũng như không cần nhắc đi nhắc lại, xem [9]. Cũng xin phép nhấn mạnh khác nhau giữa *mô pháp* (*paradigm*) và *khoa học* (*science*) theo hiểu biết trình bày ở đây. *Paradigm* gọi nôm na theo tiếng Việt là *mô pháp*, là ý niệm triết học về khoa học, được Thomas Kuhn (1922-1996) giới thiệu vào năm 1962 với quyển *The Structure of Scientific Revolutions* [10]. Nếu thử khai triển rộng ra ý niệm *paradigm* của Kuhn, có thể sẽ dẫn đến việc cho *paradigm* chính là *thể chế* định ra lối làm việc của khoa học gia, giống như thể chế chính trị cho cộng đồng công dân trong quốc gia. Như vậy, bản chất của *mô pháp* tuy có vẻ giống, nhưng có thể khác với *khoa học*, nhất là *mô pháp*, là một thứ *thể chế*, có nhiều cơ hội hơn khoa học trong mối liên hệ với *quyền lợi* và *quyền lực*. Trong khi, quan trọng nhất của *khoa học* hay *tinh thần khoa học* là *ngghi ngờ*, và *ngghi ngờ* có vẻ không phải là chú tâm của *mô pháp*. Trái lại, là một *thể chế* cho *khoa học*, *mô pháp* luôn mang khuynh hướng tích cực quảng bá cho tính *tin cậy* của khoa học, thường tạo nên tính *chung định* cho những gì liên hệ đến khoa học. *Chung định* có thể xem như tương đương với chữ *arbiter* tiếng Anh, nhưng không giống nghĩa chính của *arbiter* là *trọng tài* hay *người phán xét*. Đặc biệt, tính *chung định*, tức chấp nhận kết quả khoa học như gần với *chân lí* trên cơ bản mang tính tạm thời, và *tạm thời* có khi kéo dài cả thế kỉ, cả một thời gian rất dài bao gồm nhiều thế hệ, và như thế, *chung định tạm thời* có thể hiểu như *vĩnh cửu*. Tính *tạm thời* này sẽ biến mất theo với một cuộc *cách mạng*, thay đổi cả *thể chế* cho khoa học, gọi là *paradigm shift* (*chuyển đổi mô pháp*) như trình bày trong [10].

Còn có thể kể ra những đặc tính khác của *mô pháp* hiểu như một *thể chế*. Quan trọng nhất là hai đặc tính. Thứ nhất, *mô pháp* mang tính *phân chia công tác* (*division of labour*). *Phân chia công tác* sẽ mau chóng dẫn đến *chuyên khoa* trong cùng một ngành, và người chuyên khoa trong lãnh vực này rất ít khi theo dõi, hoặc am hiểu tường tận *ngôn ngữ* của những lãnh vực khác, tuy cùng chung một ngành. Thí dụ như một kỹ sư ngành xây dựng ngày nay, ít khi am tường các công việc của một kỹ sư hóa học, hay kỹ sư tin học. Mặc dù vào cuối thế kỉ 19, ở Âu Châu chỉ có 2 ngành kĩ sư, là kỹ sư dân sự và kĩ sư công binh. Có nghĩa *phân chia công tác* và *tiến triển khoa học kĩ thuật*, trong một thời gian có thể tạo ra hố ngăn cách ngôn ngữ giống kiểu *sau-Babel*. *Phân chia công tác* cũng dẫn đến *tương kính đồng nghiệp* (*professional courtesy*), hiểu đơn giản là người chuyên khoa ngành này rất ít khi bỏ thì giờ nghiên cứu ngành chuyên khoa khác thuộc lãnh vực của đồng nghiệp, và rất thường, tôn trọng kết quả khoa học công bố bởi đồng nghiệp, khác ngành chuyên khoa. Thứ hai, là một “tổ chức”, *mô pháp* sẽ thường xuyên quảng bá cho tính *chung định* của kết quả khoa học, hoặc ít lắm *mô pháp* sẽ mang khuynh hướng chú tâm đến *kết quả*, hoặc tính cách gần giống với *nguyên lí* của các phương pháp khoa học và kết quả khoa học, mà rất thường, sẽ không để ý đến các *tiền đề*, bắt đầu cho tiến trình tìm tòi của khoa học, hay *giới hạn của ngôn ngữ khoa học* [9]. *Ngôn ngữ khoa học* có thể xem như gói ghém tất cả những thứ ngôn ngữ dùng cho lí luận, kể cả ngôn ngữ toán học, và những bước suy luận dẫn đến kết quả khoa học, hay môi trường và ngôn ngữ dùng để trình bày những kết quả này. Như vậy, đối với khoa học, từng ngành khoa học có thể xem như có một thứ ngôn ngữ riêng biệt. Chắt cốt lõi hay kiến thức tạo nên từ khoa học, do đó sẽ tùy thuộc vào *tiền đề* và *giới hạn của ngôn ngữ*, và cả hai rất ít khi được trình bày trong *mô pháp*, mà lại có vẻ như không có trong ngôn ngữ của *mô pháp*. Có thể thấy, nguyên ủy của chuyện này là triết học về khoa học của Tây Phương, ngay từ thời Aristotle qua *tam đoạn luận*, không cho tiêu cự nằm ở *tiền đề*, thông thường hiểu như *nguyên lí cơ bản*, biết đến như *chân lí* không cần chứng minh, thí dụ [11]. Có thể thấy, trên tổng quan, chuyện không để ý đến *tiền đề*, sẽ vô hình chung có thể đưa toàn bộ lí luận và khám phá khoa học vào cái vòng *luân hoàn* (*convolution*). Hiểu một cách đơn giản, *luân hoàn* đưa ra kết quả là những hệ luận, hoặc kết quả từ chứng minh hay tìm chứng cứ *chotiền đề*, trong khi chứng cứ hay chứng minh cho chính *tiền đề* thường vắng bóng, chỉ ít trong những khía cạnh của *tiền đề*, chưa được biết đến một cách tường tận và rộng rãi. Nói một cách khác, trong

khoa học, lô gích và thực nghiệm, nhất là lô gích, dùng để minh chứng cho tiên đề, chứ không phải chứng minh tiên đề là chân lí, bởi đẳng thức giữa tiên đề và chân lí là một đẳng thức hết sức phức tạp, thường dính liền với chuyện chân lí có thể mang tính đa chiều, trong khi tiên đề thường mang ý nghĩa của *song thể*, xem chi tiết ở [9].

2. Ranh giới ngôn ngữ giữa *Trước-* và *Sau-Babel*

Có thể tìm hiểu tiến trình phát triển ngôn ngữ bằng cách đặt chú tâm vào *ranh giới giữa ngôn ngữ trước- và sau-Babel*. Hiểu đơn giản, ở thời gian *trước-Babel*, người ở vùng này có thể hiểu được người ở vùng khác muốn “nói” gì, mặc dù hai người có tiếng mẹ đẻ khác nhau. Ngược lại là thời gian *sau-Babel*. Cũng hiểu theo lối đơn giản, thời gian *sau-Babel* có vẻ dính liền với lối sống cộng đồng càng ngày càng khác nhau, cũng như có sự xuất hiện của những “trung tâm văn minh”. Những trung tâm này tuy không nhiều, nhưng dấu ấn của văn minh trên chữ nghĩa và ngôn ngữ thường rất đậm nét, và văn minh thường tạo nên mô hình cho ngôn ngữ những nơi lân cận noi theo. Phân biệt rõ rệt ngôn ngữ *trước-Babel* và ngôn ngữ *sau-Babel*, nhất là khi dựa vào chất tính của ngôn ngữ *trước-Babel*, rất có khả năng sẽ vẽ lên một bức tranh về ngôn ngữ trong thời thiết lập ngôn ngữ hoặc sau thiết lập không lâu. Để *ýgiống nhau* và *khác nhau* trong ngôn ngữ *sau-Babel* thường không đồng nghĩa với *giống nhau* và *khác nhau* giữa các ngôn ngữ *trước-Babel*. Ý nghĩa thường dùng trong bài này của *trước-Babel*, do đó không mang tính chính xác về niên đại, mà chỉ đơn thuần mang nghĩa của thời gian xa xưa khi ngôn ngữ còn giống nhau ở nhiều khía cạnh, phản ánh trung thực lối sống gần giống nhau giữa cộng đồng này với cộng đồng kia, với ngôn ngữ là dụng cụ thiết yếu hỗ trợ cho sinh tồn, cũng như hòa nhập với sinh hữu.

Giống nhau trong ngôn ngữ *trước-Babel*, rất có khả năng, tập trung trong lối phát minh và thiết lập ngôn ngữ, tất cả dính sát với sự sống và sinh tồn. Từ nhận xét này, có thể suy ra rằng *giống nhau* và *khác nhau* trong ngôn ngữ *sau-Babel* có lẽ sẽ liên hệ trực tiếp nhiều hơn với hình thái hay cấu trúc của ngôn ngữ, nhấn mạnh ở từ vựng và cú pháp, với điểm đặc trưng cuối cùng là *phần lớn của từ vựng đều mang tính trợ*, nhất là trong lối xử dụng ngôn ngữ hằng ngày. *Tính trợ* có thể xem như tương đương với chữ *arbitrary* trong tiếng Anh, mặc dù không hoàn toàn giống như vậy. Hầu hết các lí thuyết về ngôn ngữ phương Tây đều dựa trên tiên đề về *arbitrary* này. Điển hình là lí thuyết của Ferdinand de Saussure

[12] đại khái cho rằng ngôn ngữ là một hệ thống bao gồm những dấu hiệu, âm thanh hay chữ viết, với dấu hiệu được xem như ngữ từ (*signifier*) tương ứng với ngữ nghĩa (*signified*), và hai thứ này liên hệ nhau qua tính *trợ* hay *định để* (*arbitrary*) [12]. (Để ý, cả hai chữ *signifier* và *signified* đều chứa chữ *sign* (dấu hiệu, làm dấu, ra dấu) trong đó.) Nói đơn giản, *A là A*, *cái bàn là cái bàn*, mà người xưa đã đặt ra tên, hay gọi như vậy. Nhưng, tiên đề *arbitrary* này mang tương phản rất mạnh với những khám phá thuộc ngành *từ nguyên học* (*etymology*), Đông cũng như Tây, kể cả giả thuyết về *từ vay mượn*, và do đó, có khả năng, cần thêm vào, hoặc thay chữ *arbitrary* (tính trợ) bằng *vị trí mặc nhận* (*default position*) là *tính trợ*, chứ không phải đơn sơ là *tính trợ*. Thí dụ như chữ *bàn* (*cái bàn*), nếu không có *từ nguyên học*, chữ *bàn* sẽ mang tính trợ, bởi không biết âm tiết hay ngữ nghĩa cơ bản ban đầu của *bàn* là

gì, nhất là khi so với chữ Hán (ngày nay) *cái bàn* gọi là 桌子 [zhuo zi]. Từ nguyên học, phát triển trong vài chục năm nay, sẽ cho biết, chữ *bàn* này, rất có khả năng, có ngữ âm liên hệ đến chí ít một trong, hay cả 4 chữ: 板 [bản] mang nghĩa chính *tấm ván*, 磐 [pán] nghĩa: *tấm đá lớn, bàn thạch* (để đồ đạc trên đó được), và 盤 [pán] hay 样 [pán], nghĩa: *mâm, khay, tảng đá lớn*. Nói về *tính trợ* của từ vựng, có thể xem lại chữ *bánh tét*. Chữ *bánh tét*, khi hiểu theo nghĩa trợ, có thể hiểu theo một nghĩa của chữ *tét*, dẫn đến việc cho *bánh tét* là thứ bánh, muốn ăn phải *tét / tách* ra từng khoanh ngắn. Nhưng với tin liệu dồi dào ở thế kỉ 21, âm [tét] trong bánh tét có thể được liên kết với nhiều thứ ngữ âm khác, của nhiều thứ tiếng trong khu vực, đưa đến khẳng định *tét* là một âm tương đương với *đất*, giống như chữ *chung*

trong *bánh chưng*. Cả hai thứ, *bánh tét* và *bánh chưng*, đều ứng với *bánh đất* làm ra để khấn tế thần đất vào dịp cuối năm, và *tét* cũng là âm tương ứng với *Tết* (xem [19][20]).

Phản nghĩa với *tính trợ* của từ vựng là *tính hữu cơ*, đại khái nói là từ vựng diễn đạt ít nhiều ý chính hay ý nguyên thủy, hoặc *ý nghĩa sinh hữu* dính sát với sự sống hay nhu cầu của sự sống, khi từ vựng mới được thiết lập, như kiểu từ nguyên của *cái bàn*, trình bày ở trên. Hoặc đơn giản hơn, ngữ từ hay ngữ âm, hoặc cả hai thứ, mang tính hữu cơ, khi có thể diễn đạt được tính sinh hữu của từ vựng, hoặc từ vựng tự nó có thể vẽ lên bức tranh của sinh hoạt và sự sống, ít ra trong lúc ban đầu. Thí dụ như chữ *đầu hàng* khi truy theo từ nguyên sẽ cho bao gồm hai ý là *vứt bỏ vũ khí* và *cúi đầu*, hai động tác mang tính sinh hữu của *đầu hàng*. Từ đó, sẽ thấy ý nghĩa hữu cơ của *capitulate* là *cúi đầu*, khi thấy rõ *surrender* mang nghĩa chính là *quăng bỏ vũ khí*. Nếu truy tìm từ nguyên của *capitulate* bằng cách tìm từ gốc của chữ này nằm ở tiếng nào, thì truy tìm đó vẫn dựa vào *tính trợ*. Nhưng truy tìm từ nguyên của *capitulate* bằng cách đối chiếu với chữ *hàng* trong *đầu hàng*, trong một hai ngôn ngữ khác, xa cách ngôn ngữ của *surrender* và *capitulate*, mang nghĩa *cúi đầu xuống*, thì sẽ không cần biết *capitulate* có từ gốc là gì, mà chỉ biết là *capitulate* có liên hệ với chữ *caput* (cái đầu) [13], và mang nghĩa xa xưa là *cúi đầu xuống*, một trong hai động tác chính của *đầu hàng*.

Tương tự, chỉ cần biết từ nguyên của chữ *diplomat* (nhà ngoại giao) là chữ *diploma*, mang nghĩa ban sơ là *chứng thư* hay *chứng từ*, chứng nhận là nhà ngoại giao có chứng thư của nguyên thủ quốc gia, hay vua chúa, tông trấn cho biết người đó được nguyên thủ cử làm đại diện cho một cộng đồng hay quốc gia tại một nơi khác, xứ khác. Khó khăn ở đây sẽ nằm ở chỗ *diploma* đã thay đổi ngữ nghĩa, với ý nghĩa thường dùng ngày nay như một chứng chỉ tốt nghiệp một học trình huấn nghiệp, khác và để phân biệt với, chứng chỉ (certificate) xong trung học phổ thông, hay học vị cử nhân, tiến sĩ tốt nghiệp ở đại học (university degree). Trong khi *chứng từ* cần có của một nhà ngoại giao, ngày nay thường gọi là *letter of credence* hay *letter of credentials*, hay đơn giản là *credentials*, tức *Ủy Nhiệm Thư*, tách xa khỏi hai chữ *diploma* và *diplomat*.

Như vậy, có thể thấy lần ranh giới giữa *tính trợ* và *tính hữu cơ* của từ vựng cũng rất mơ hồ. Giống như *dù* hay *ô* xưa nay thường hiểu như mang *tính trợ*, nhưng với phương tiện internet ngày nay qua các tự điển trực tuyến có thể thấy hai âm [dù] và [ô] này tương ứng với âm Quảng Đông [jyu] và âm Phúc Kiến [ô], [hÔ] hay [u]. Tất cả những âm này ứng với với âm Việt [vũ] 雨, với [vũ] gần âm [vu] tiếng Hạc Việt (Hẹ / Hakka) [14], có nghĩa là *mưa*. Nghĩa của *dù* hay *ô*, là ngữ nghĩa gọi tắt của 雨遮 [ô zia] Phúc Kiến, hay [jyu ze] Quảng Đông (dù che) [yũ che], tức (*đồ*) *che mưa*. Âm [dù] [ô] ứng với [vũ] (mưa) (雨), và trọn chữ 2-âm *vũ già* (雨遮) mới mang nghĩa là *đồ vật che mưa*. Để ý tiếng Mường không dùng chữ *dù* hay *ô* mà dùng chữ *dà* [15] để chỉ *umbrella*, và chữ *dà*, tuy mang chiếc áo *tính trợ*, chính là *già* ghi theo tiếng Việt (*vũ già*), ứng với âm [za] tiếng Hẹ, hay [zia] tiếng Phúc Kiến/Triều Châu, cho chữ 遮 [zhe] (*che*). Còn âm “Nôm” [che] (遮) ứng với âm [ze] [zhe] (遮) các tiếng Quảng Đông, Quan Thoại hay Nam Kinh, mang nghĩa *che*. Tiếng Mường [15] còn dùng 2 từ khác để chỉ *dù / ô* là *dần dã* và *dần dù*. Chữ *dã* trong *dần dã* chính là *dà* ứng với *già* trong *vũ già* (雨遮), giống y như âm tiếng Hẹ [vu za] mang nghĩa *đồ che mưa*. Còn *dần* trong *dần dã* hay *dần dù*, rất có khả năng, ứng với âm [yang] trong 洋伞 [yang san], có nghĩa là *dù làm theo kiểu Tây*. Để ý phân tích từ nguyên của *dù / ô* phải qua vài ba đường hướng khác nhau. Thứ nhất, không chú trọng đến *nghĩa trợ* theo kiểu chuyên ngữ *dù / ô* tương đương với vật che mưa, *parapluie* (che mưa) hay *parasol* (che nắng) tiếng Pháp (che mưa) và *umbrella* (che cho bóng mát) tiếng Anh, hay 雨遮 [jyu ze]/[yũ che] (che mưa) tiếng Quảng. Thứ hai, không để ý đến phân biệt Hán Việt với thuần Việt, bởi phân biệt này chỉ cho biết từ Hán Việt tương ứng với âm [yu] Quan thoại hoặc âm [vu] Hạc Việt / Hẹ, hay [yũ] tiếng Quảng cho chữ 雨 (mưa), là *vũ* và chỉ [vũ] mà thôi. Tức phân biệt này không thể cho biết *dù* hay *ô* tương ứng với *vũ*, hoặc

[vũ] là âm rất gần âm [vu] tiếng Hẹ cho chữ 雨 [yu] (mưa). Thứ ba, không để ý đến chuyện tiếng Việt và tiếng Hoa có cùng nằm trong một nhóm ngôn ngữ hay không, hoặc từ nào là từ vay mượn. Thứ tư, những cách phát âm khác nhau *dù, vũ, yũ, yù, vú, ô, hô* xem như ứng với ngữ từ 雨 [yu] là kết quả của lối xem xét *án khớp* và *đa chiều*. Nói thêm chi tiết, *dù* ứng với *ô*, tương đương với [yu] ứng với [o], cả hai âm này đều ứng với âm của 雨 [yu] trong 雨遮 [yuzhe] (Quảng Đông) hay [o jia] Triều Châu, mang nghĩa *mưa che*, tức *che mưa*, tức *dù* hay *ô*. Trong khi, xin nhắc lại, tiếng Mường gọi *dù / ô* là *dá* hay *dã*. ứng với âm Việt [già] hay âm Tiều [jia], tức [che]遮 trong (đồ) *che mưa* (yuzhe 雨遮). Tóm tắt, có trên 3 thứ ngôn ngữ khác nhau dùng để lí giải cho trùng hợp ngữ nghĩa sinh hữu của từ *dù* và *ô*, với ngữ âm khác nhau, và cũng khác với âm [vũ] ứng với chữ 雨 [yu] (mưa), và âm Việt [vũ] 雨 ứng với [vu] tiếng Hẹ.

Còn thêm một lí giải đáng để *từ nguyên* trong ngôn ngữ là nghiên cứu về âm Trung Cổ của tiếng Trung (Middle Chinese), do các học giả Tây Phương đề xướng dựa vào học thuật rất phổ biến trước thời internet. Đại khái Middle Chinese có thể gọi là kiểu phát âm có trong khoảng thời nhà Đường (618-907), thường được tái thiết bằng cách ráp vắn từ những quyển sách vắn ở thời đó được tìm ra sau này, hoặc suy ra từ âm tiếng Việt ngày nay, và cho rằng âm này do quan quân thời nhà Đường, đem sang nước Nam rồi truyền lại đó, nhưng về sau những âm này biến dạng ở bên nước Trung. Nằm bên trong của học thuật về âm Trung Cổ này là một *giả dụ* về một cách và chỉ một cách phát âm chuẩn của một ngôn ngữ ở vào một thời đại nào đó. Thí dụ như âm Trung Cổ của 箸 [zhu] (đũa / chopsticks), theo học thuật này, là [driã], rất gần với [đũa]¹, hay âm xưa của 雨 [yu] (mưa) là [wuã] rất gần âm Việt quốc ngữ [vũ] (xem [16]). Nhưng nhiều *apps* trên điện thoại, hay tự điển trực tuyến ở thế kỉ 21, cho biết âm Triều Châu của chữ 箸 [zhu] (đũa) là [deu] rất gần [đũa], và âm Hẹ (Hạc Việt) của 雨 [yu] (mưa) là [vu] rất gần [vũ] tiếng Việt, trong khi các âm [jyu] tiếng Quảng Đông, [yu] Quan Thoại / Nam Kinh, gần âm [dù] (雨), và âm Phúc Kiến [o] [hO] [u] (雨) lại gần với âm [ô] tiếng Việt. Nói theo kiểu *trước-và-sau-Babel*, hiện thể *dù-ô-yu-vũ*, xem như một ngôn ngữ, thì vào lúc mới thành lập người nói *dù*, người nói *ô* hay *yu* hoặc *vũ* rất có khả năng có thể hiểu nhau khá dễ dàng, nhưng đối với các thứ ngôn ngữ dùng để lí giải cho cùng một hiện thể này, thiết lập trong vài thế kỉ gần đây, thì muốn hiểu mỗi thứ lí giải, bắt buộc phải trải qua một số học trình. Thêm vào đó, rất có khả năng, vào lúc mới sáng tác ra chữ *dù* hay *ô* để gọi tắt cho *vũ tán* (umbrella), những người xử dụng các từ này thời đó đã hiểu rõ là âm [dù] hay [ô] cũng là ngữ âm dùng để chỉ *mưa*, *trời mưa*; giống y như thế hệ đầu gọi *quấy* biết là gọi tắt cho *dầu chá quấy*, hoặc gọi *dượng* thì biết đó là âm địa phương nào đó ứng với *trượng phu* (chồng) hay *cô trượng*, với *dượng* tương đương của *trượng 丈* (chồng), và *cô trượng* mang nghĩa là *chồng của cô*. Cũng cần nhớ là chữ *trượng* (丈), có 3 phát âm trong tiếng Nôm là *chông*, *dượng* và *dôn*. Âm [chông] giống âm Hẹ [chong] cho chữ *trượng* (丈), âm [dượng] gần âm Quảng Đông [zoeng], và âm [dôn] rất gần âm [dzan] tiếng Hàng Châu, thuộc địa bàn của nước Việt, vào khoảng thời Xuân Thu / Chiến Quốc trong thiên niên kỉ thứ nhất trước Công Nguyên. Hàng Châu cũng nằm trong địa bàn nước Ngô Việt về sau này (907-978 SCN.), xem Wikipedia.

3. Ngôn ngữ có trước ngôn ngữ

Vấn đề chính của việc truy tầm đặc tính ngôn ngữ thời *trước-Babel*, hay nói rộng hơn, *trước khi ngôn ngữ nằm ở dạng có thể nghiên cứu bằng học thuật* phát triển trong một hai thế kỉ gần đây, vẫn không phải xoay quanh chuyện *từ nguyên*, mà là những *cơ lí* (*mechanics*) có thể nối kết với chuyện phát triển ngôn ngữ vào lúc chưa có ngôn ngữ. Chuyện phát triển ngôn ngữ vào thời hồng bàng của ngôn ngữ, rất có khả năng, gắn nối với những nguyên lí cơ bản gắn liền với *sinh hữu*, mà những dân tộc chưa có phát triển ngôn ngữ, khi tiếp cận với những dân tộc đã có ít nhiều phát triển ngôn ngữ, thấy đó hoặc nghe đó thì hiểu ngay và hiểu cũng như áp dụng rất nhanh. Có thể nói, việc hội nhập hay áp dụng kiến thức về

phát triển ngôn ngữ kêu thây thì nhận ra ngay, rất giống *kiến thức trực thức*, tức *a-priori knowledge* của Kant [17].

Chuyện phát triển ngôn ngữ dính sát với chuyện rập theo một mô hình có trước, ở trong một hay nhiều tiếng nói lân cận hay có tiếp cận, hoặc tỏa ra từ trung tâm văn minh, là điểm cơ bản của sinh hữu, của sự sống, xưa cũng như nay, xuyên qua nhiều lãnh vực của tổ chức đời sống, xã hội, cũng như nhân sinh. Nhưng đối với chuyện kiến tạo ngôn ngữ từ chỗ không có ngôn ngữ, thì rất có khả năng, mô hình đầu tiên phải là mô phỏng theo những gì thường xuyên được mắt thấy tai nghe. Chuyện mô phỏng hay *bất chước* này, vào thời hồng bàng của ngôn ngữ, rất có khả năng, không bị giới hạn bởi ranh giới địa lí của ngôn ngữ, chỉ biết đến trong vòng vài ba thế kỉ gần đây, song song với tiền đề ẩn tàng *một dân tộc một ngôn ngữ*.

(i) Onomatopoeia (Từ nhại thanh) và Metaphory (Từ ví phỏng)

Lấy thí dụ về *từ nhại thanh*, tức *onomatopoeia*. Như *con cóc* thường phát ra tiếng kêu mà tiếng Anh kí âm là *croak*, hoặc, có khả năng, âm gần đó là *frog* cho ra tên gọi *con cóc* là *frog*. Trong khi, *croak* (cóc kêu) có âm nhại thanh *onomatopoeia* rất giống tiếng kêu con cóc, và có âm gần như *cóc*, tiếng Việt, cho ra từ *cóc*, chỉ *con cóc*. Cũng như thí dụ ở trên cho thấy, trong tiếng Assyrian, cách đây khoảng 4000-5000 năm ở Trung Đông, ngữ âm chỉ số 4 là [ar-ba] [8] hay [er-be] [18], rất gần với âm [er-ba] với nghĩa con cừu [8]. Và âm [er-ba] với ngữ nghĩa *con cừu* có vẻ mang âm *nhại âm* (*onomatopoeia*) tiếng cừu kêu. Đề ý từ *nhại thanh* thay đổi tùy theo phương ngữ và tùy theo tác giả bài văn, bài thơ hay bản nhạc. Như từ nhại tiếng mưa rơi thấy trong Anh ngữ là *pitter patter* dùng trong bản *Rythmn of the Rain* (The Cascades), trong khi các bản nhạc *Phố Buồn* (Phạm Duy, 1954) và *Mưa* (Văn Phụng, 1956), cho tiếng mưa rơi là *tí tách*. Theo ngữ âm, do đó tiếng kêu của con dê và con cừu có vẻ rất giống nhau, và rất có khả năng, được phản ánh qua từ gọi con dê hay con cừu là 羊 [yang], với âm [yang] rất gần âm [yan] của một từ 羴 [yan] mang nghĩa *con dê*, hoặc âm [yuan] 羴, mang nghĩa *dê rừng*. Trong tiếng Việt chữ *dê* trong *con dê*, có khả năng xuất từ tiếng nhại thanh của dê kêu là 咩 [mie], đọc [myê], hay [m-yê], cho ra âm [dê] của *con dê*. Từ nhại thanh khác cũng thường thấy cho tiếng dê kêu là [be-he], và chính từ này cho ra ngữ âm [be:] trong tiếng Bahnar, hay [keh] hoặc [mbe?] tiếng Katu, hoặc [høbe?] tiếng Mon, để chỉ *con dê* [5]. Từ thí dụ về từ nhại thanh này, có thể dựng lên một mô hình về sáng tác từ vựng dựa vào tiếng kêu con thú cho ra tên con thú. Tiếng kêu nhận ra khác nhau tùy người, tùy nhóm người, và tùy thứ tiếng, nhưng có vẻ được nhất thống nhanh chóng trong lúc tạo dựng ngôn ngữ. Và người ở bộ tộc này có thể hiểu ngay tiếng người bộ tộc khác khi người vừa “sáng chế” ra tên gọi, nói lên tên gọi và vừa nói vừa ra điệu bộ nhại thanh.

Chữ *onomatopoeia*, tức *từ nhại thanh*, xuất từ tiếng Latin và Greek, mang hai từ gốc là *onoma* (từ vựng, tên gọi) và *poiein* (sáng tác, đặt ra) [13], thường dùng trong nghĩa là từ hoặc chữ đặt ra nhại theo âm thanh của động thái hay của thú vật. *Onomatopoeia* mang đặc tính chính là nó tùy vào từng ngôn ngữ, và cũng tùy vào tác giả, như nhà văn, nhà thơ hay nhạc sĩ, và rất thường, biến dạng theo âm và chữ viết, sau khi hội nhập từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. Lấy thí dụ là chữ nhại thanh *bì bạch* trong câu đối *Da trắng vỗ bì bạch*, là một chữ do tác giả sáng tác nhại theo âm tay vỗ vào da thịt trong khi tắm. Chữ *bì bạch* trong câu đối được gọi là từ nhại thanh ô-nô-ma, nhưng lại không thể thấy trong một bản văn nào khác, hay được nghe từ những nhà văn, nhà thơ hay nhạc sĩ khác, hoặc từ những người xài tiếng Việt. Thường hơn, âm thanh tạo nên từ va chạm của tay chân với da thịt qua làn nước là *bì bôm, lôm bôm, lạch bạch, bành bạch, bạch bạch*, v.v., và rất có khả năng, *bì bạch* là một từ nhại thanh được sáng tác bởi tác giả chỉ để dùng trong câu đối. Với nhận xét đó, câu đối đó có thể được đối dễ dàng hơn bởi có thể đối luôn cái cấu trúc của *bì bạch*. Thí dụ: *Chó đen rú cầu-u* (hay *cầu-ô*) có

thê dùng để đối *Da trắng vỏ bì bạch*. Do ở chỗ đen được thay bằng câu-ô (câu 狗 là chó, ô 乌, đen), và *câu-u* hay *câu-ô* được xem như từ nhại tiếng chó hú. Câu đối này chỉ đưa ra để giải lý về tính cách sáng tác của hai chữ *bì-bạch*.

Khi dùng chữ *câu* như từ ô nô ma chỉ tiếng chó sủa, thì *câu* có liên hệ mật thiết với tiếng kêu chó sủa [gấu-gấu] rất gần với phát âm nhiều nơi ở Trung quốc là [gau] hay [gao] (viết 狗 [gǒu]), đọc theo tiếng Việt là [câu], mang nghĩa *con chó*. Phát âm tiếng Việt [câu] 狗 gần với phát âm phía nam Quảng Đông nhất [kâu]. Từ nhại thanh có đặc điểm là mỗi nơi, người xử dụng nhại phỏng một kiểu. Không ai bắt chước ai. Kéo theo một nhận xét mang nhiều tính *hữu cơ*, là ô-nô-ma của tiếng xứ này có thể trở thành danh từ tiếng xứ kia, mang cùng một thứ *ngữ nghĩa cốt lõi* tức *noumenon* theo Kant [17]. Tiếng chó sủa tiếng Spanish [gatau gatau] rất giống [gấu gấu], gọi tắt là [câu] 狗 tức *con chó*. Người Bahnar có tiếng nhại [kuh kuh] chỉ chó sủa. Từ đó họ có từ dùng chỉ chó là [kɔʔ] [3]. Cũng giống như từ [kuli] dùng để chỉ *dog* (chó) tại một số hải đảo ở Thái Bình Dương. Phát âm theo tiếng Vô Tích (Ngô Việt) cho chữ *câu* (狗) là [kei] rất gần với âm [cây] (*con cây*) tiếng Việt. Trong khi âm tiếng Hẹ cho chữ 狗 [câu] với âm [kau] (Quảng Đông), là [giu] hay [kiu], ăn khớp với định luật bỏ túi về biến chuyển qua lại giữa âm [au] và [iu] (xem [21]), như kiểu: *câu* hoán chuyển với *kiều* (*kiều lộ*), *gió hiu hiu* hoán chuyển với *hau-hau* (*tiếng Rapanui*). Âm [kiu] có phát âm không dựa vào chữ viết rất gần với [ku] như âm chó sủa [kuh kuh] tiếng Bahnar, hay âm [kɔʔ] chỉ con chó, hoặc các âm như [kuli] trong các tiếng hải đảo, cũng dùng để chỉ con chó.

Một thí dụ khác là âm [ong] chỉ *con ong* (螞 hay 蜂). Rất có khả năng âm [ong] vào thuở ban đầu cũng nhại theo âm ong bay [o-o-ng-o-o-ng] giống như tương âm giữa *bees* (*con ong*) và *buzz* (*tiếng vo ve ong bay*). Chữ 螞 [ông] còn có nghĩa *ruồi trâu*, cho thấy âm [ruôi] hay [ruy] (Khmer) có thể là một từ nhại thanh cho tiếng ruồi bay. Chữ *ong* (螞) có lối viết và âm tiếng Việt giống y như chữ Ông (Mister), viết với từ gốc 翁 [weng], hay từ chỉ tiếng *vo-ve* 喙 [ong] (*vo-ve* có âm đầu [v]). Trừ chữ 蜂 [hong] (Phúc Kiến), ba chữ kia (螞翁螞) đều có âm Triều Châu, Phúc Kiến là [ong], và âm Ngô Việt (Chiết Giang/Thượng Hải) là [on] (rất giống [Ôn]). Nhưng âm 3 chữ này trong tiếng Hẹ là [vung] và tiếng quan thoại là [weng] có vẻ như khác với âm ô-nô-ma, của âm [ong], hay [vung] (Hẹ), nhưng âm [vung] lại có thể gần [vù vù] hay [vo ve]. Chuyện âm [ông] 翁 theo tiếng Triều Châu, có thể phát âm là [ôn] theo tiếng Ngô Việt, dễ đưa đến một nhận xét về chữ quốc ngữ. Đó là, những ngữ âm khác nhau, [ong] hay [on], theo từng khu vực sẽ ứng với một ngữ từ, hay được viết với cùng một dạng chữ viết (翁), nhưng đối với quốc ngữ viết theo chữ cái a-b-c, thì lại viết với các lối ráp vần khác nhau: [ông], [ôn], hoặc đôi khi [ông]. Ráp vần kiểu [ông] thật ra là kết quả của lối phát âm, theo qui ước, chọn 1 trong 2 giữa [ông] và [ôn]. Thật ra [ông] cũng không hoàn toàn giống [ôn] hoặc [ong], và ngữ âm của cả [ôn] và [ông] rất dễ phân biệt với [ong], không giống như giữa [an] và [ang]. Để ý, tiếng Jarai dùng để chỉ tiếng *ong* hoặc côn trùng kêu là *ong*, có âm cũng gần giống như *ông* mang nghĩa *you* (ông) dùng cho giống đực, hoặc *ông* dùng để chỉ giống đực nói chung. Chữ Ông mang nghĩa *you* (ông) cũng có âm gần như chữ *oñne* [ông-nơ] mang nghĩa *you* (ông) trong tiếng Rohingya ở Myanmar (Miến). Có thể phân tích từ nguyên của chữ Ông tiếng Việt bằng kiểu *onomatopoeia* và *metaphornym* (ví phỏng từ) nhập lại, bằng cách liên kết: (1) chữ *ong* là từ ô-nô-ma có nguồn từ tiếng ong kêu; (2) con *ong* mang nghĩa như *ong thợ*, đa phần thuộc giống đực, nay viết bằng 螞 [ông], và chữ này có cấu trúc dựa vào ngữ nghĩa của 虫 [chong] (sâu bọ, côn trùng), và ngữ âm của 翁 [ông] (ông lão). Chữ 翁 [ông] này có thể khi xưa là ngữ âm cho *con ong*, mang cấu trúc của ngữ âm và ngữ nghĩa là: 翁 [ông]= 公 [công] (đực)+羽 [vũ]+羽 [vũ] (2 cánh), có âm gần với [vù-vù], hay [vùng-vùng], hay [vo-ve]; và (3) chữ Ông (*you*) cũng là một thứ đại từ chỉ chung về *người đàn ông* (giống đực).

Trở lại chuyện chữ hay âm *cầu*, dùng để chỉ *con chó*, là âm tương đương với âm [gấu gấu] của tiếng chó sủa. Như ở trên, ngữ âm [ar-ba] [8] hay [er-be] [18] dùng để chỉ số 4 trong tiếng Assyrian, rất gần với âm [er-ba] với nghĩa con cừu, với lí do là con cừu, một con thú có 4 chân, gần gũi và quen thuộc với người xưa, vào thời bình minh của ngôn ngữ. Tương tự, trong tiếng Việt, số chín (9) còn gọi là *cừu*, với âm *cừu* nằm giữa [kầu] và [kiu] (xem định lí [au]-[iu] ở trên), tương đương với 九 [jiu], tiếng Quảng đọc [gau] và Hẹ, [giu]. Thật ra số 9 là số 4 đếm theo bàn tay thứ hai, bởi bàn tay kia đã là số 5 rồi. Bởi số 9 có thể xem như số 4 (của bàn tay thứ 2), số 9 có thể làm “đại biểu” cho số 4, hay 4 chân hoặc con chó có 4 chân. Từ chỗ này có thể thấy âm chỉ con chó 狗 [gǒu] trong tiếng Việt *cầu* rất giống *cừu* (9), và y như tiếng Quảng và Hẹ [gau] và [giu] (cho cả hai từ 狗 (cầu, chó) và 九 (cừu, chín)). Cấu trúc như vậy chưa thật vững nếu không chú ý đến một thứ âm lịch ngày xưa đưa tháng Dần thành tháng Một, tức tháng Giêng. Tháng Dần (tháng thứ 3 đếm từ Tí), là tháng bắt đầu năm âm lịch tính theo lịch nhà Hạ, khoảng 2070-1600 TCN, và được hiệu đính khoảng năm 104 TCN thời nhà Tây Hán (206 TCN-9 SCN). Dần (寅) tương ứng với [yan] tiếng Quảng và [yin] hay [zin] tiếng Hẹ, rất gần [giêng] trong tháng Giêng, tức Kháng Chiêng, tiếng Mường. Chiêng tiếng Mường tương ứng với Chính tiếng Việt, và tiếng Hán có thể gọi tháng Giêng là tháng Chính (Chánh) tức tháng đầu tiên, chính nguyệt 正

月 [zheng yue]. Người Hoa không gọi tháng Giêng là tháng Một, mà gọi *tháng Dần* hay *tháng Chính* (Chính nguyệt). Tháng Tí (chủốt) mới là tháng Một theo một thứ lịch khác (lịch nhà Châu 1045-256 TCN), nhằm vào tháng 11, và bởi vậy cách đây trên nửa thế kỉ nhiều nơi ở Việt Nam hã còn gọi tháng 11 là tháng 1. Nhiều cộng đồng người Hmong hiện vẫn theo kiểu lịch nhà Châu, tính tháng đầu năm là tháng Tý, nhằm vào tháng 11 âm lịch hiện nay. Nếu tháng Dần là tháng chính của lịch nhà Tây Hán, đếm là số 1, như kiểu âm lịch thông dụng hiện nay thì tháng Tuất (con chó) sẽ chiếm vị trí số 9. *Cừu* (9) gắn liền với *cầu* (chó) qua số 4, 4 chân, và qua số 9, qua tháng Tuất (戌) tức tháng thứ 9 nếu tính tháng Dần/Giêng là tháng đầu tiên. Cũng để ý *Tuất* tiếng Việt có âm gần với [tchuat] tiếng Hmong mang nghĩa số 9.

Biến chuyển giữa âm [gấu] qua [cầu], gọi là *biến chuyển nhại thanh*, trong khi biến chuyển từ [cầu] sang [cừu] (9) là *biến chuyển ví phỏng* (metaphorical), với ngữ nghĩa của *metaphor* dùng ở đây giới hạn ở nghĩa “đen”, và không giống nghĩa bóng, nghĩa nói ví như trong Anh ngữ. Lấy thêm một thí dụ về *ví phỏng*. Chữ *và* (and) trong tiếng Việt trước thời internet có thể xem như một từ thuần Nôm. Ngày nay có thể kiểm chứng rằng chữ *và* có ngữ âm và ngữ nghĩa rất gần và giống âm [va] trong tiếng Ba Tư (Persia), tức Iran ngày nay, mang cùng nghĩa là *and* tiếng Anh. Theo cấu trúc của *ví phỏng*, chữ *và* có thể cùng gốc với [dva] tiếng Nga, hay [dwa] tiếng Chàm, mang nghĩa số 2, và [dva] hay [dua], tức *deux* tiếng Pháp, hay nhiều ngữ âm gần như [dua] của rất nhiều tiếng trên thế giới (xem Google Translate), cũng mang nghĩa số 2. Ý niệm này cũng có thể thấy thể hiện trong chữ mang nghĩa *và* trong tiếng Trung là 兀 [er], có âm [er] quan thoại, hay [nhì] Việt, [ji] Quảng Đông, rất gần với âm [er] quan thoại, [nhì] Việt, hay [ji] Quảng Đông cho chữ 二 [er] mang nghĩa số 2. Ý niệm cho chữ *và* tiếng Việt hay âm [va] tiếng Ba Tư, mang cùng nghĩa *ví phỏng* (metaphornym) với ngữ âm chỉ số 2, là một ý niệm khá mới, chỉ thích hợp với giả thuyết trình bày ở đây về lối sáng tác ra từ vựng mới vào thời chưa có đầy đủ từ vựng cho ngôn ngữ. Chính yếu là ngữ nghĩa của *và* sẽ cho là những gì nói ra tiếp sau chữ *và* thuộc thứ tự của số 2, của số đếm thứ hai, trong một liệt kê về điểm muốn nói. Có nghĩa chữ *và* mang ngữ nghĩa ban đầu là *điểm thứ hai nói ra đây hoặc sự vật kế tiếp cần kể đến*, tức *và* và số 2 dùng như *từ làm dấu* (marker) trong ngôn ngữ vào thời hồng bàng. Phát minh mang tính *ví phỏng* này có khả năng xảy ra liền sau phát minh về số đếm hay số thứ tự. Cũng cần để ý là phân biệt giữa số thứ tự và số đếm chỉ xảy ra sau khi ngôn ngữ đã phát triển, nhất là sau phát minh của toán số. Chữ vào lúc mới phát minh ra con số hay tên gọi con số, rất có khả năng, không có phân biệt giữa số thứ tự và số đếm.

Bước ví phỏng giữa *và* và [dva] (số 2) tạo nên từ ngữ nghĩa của ngôn ngữ dính liền với sự sống. Chữ *và* tiếng Việt giống âm [va] tiếng Ba Tư, và *Ve* tiếng Turkiye (xem Bảng Đối Chiếu ở dưới), và tất cả giống như âm, và mang ngữ nghĩa của, [dva] tiếng Nga, chỉ số 2. Có nghĩa ngữ từ “khẩn yếu” thuộc tiếng nơi này, dựa vào ngữ từ của tiếng chỗ khác, với ngữ nghĩa không nhất thiết hoàn toàn giống nhau, khi nhớ là ngữ âm chỉ số 2 trong tiếng Ba Tư không phải là [dva] mà là [do], giống *dos* tiếng Spanish. Cũng như số 2 trong tiếng Việt là *hai* lại giống chữ *hai* chỉ Thứ Hai, hay *mặt trăng* (*Monday / Moonday*), và như *hai* (*mặt trăng*) trong tiếng Tay-Nung. Cũng để ý âm [hai] chỉ số 2, cũng là âm [haaj] mang nghĩa *và* trong tiếng Khmer (xem Bảng Đối Chiếu).

Bảng Đối Chiếu *Và / Một* trong nhiều ngôn ngữ (xem Google Translate)

Việt	English	Czech	Belarusian	Basque	Filippino
Và * / Một	AND / AN ¹	A ¹ / Jeden	I / Adzin ²	Eta / Bat	At ³ / isa
Afrikaans	Catalan	French	Haitian	Kurdish	Cantonese
En / Een	I / Un	Et / Un	Ak ³ / Youn	Û / Yek ⁴	而 Ji / 一 Jat
Persian	Luxembourg	Lithuanian	Turkish	Khmer	Yiddish
Va * / Yok	An ⁵ / Een	Ir / vienas	Ve * / Bir	Haaj ⁶ / Muay	Aun / Eyner

GHI CHÚ: * Âm [Và] giống nhau mang nghĩa AND; 1. AN & A là âm của mạo từ tiếng Anh với nghĩa *1 (một)*. Âm [an] tiếng Anh rất gần âm chữ *un* tiếng Pháp mang nghĩa mạo từ chỉ *một*; 2. Âm [i] trong nhiều tiếng chỉ số 1 hay *mặt trời*. Adzin (1) tương đương với *Odin* tiếng Nga chỉ *số 1*, phản ánh tên gọi Thần số 1 Bắc Âu *Odin*. 3. *At* (Và) tiếng Phi, có âm gần [et] tiếng Pháp, và có âm giống [Át] tiếng Việt chỉ *mặt trời* hay số 1 trong nghĩa gốc. 4. [yek] có âm gần [jat] (1) tiếng Quảng Đông, [yok] tiếng Ba Tư. 5. **An** (và) có âm gần [An] tiếng Anh chỉ số 1; 6. Âm [haaj] [5] rất gần [hai] tiếng Việt nghĩa số 2 và *mặt trăng* (thứ hai=Monday (Moon-day)). 7. [Aun] rất gần âm [un] tiếng Pháp chỉ số 1.

Ngữ nghĩa của chữ *AND* hay *VÀ* vào lúc mới kiến tạo ra ngôn ngữ cũng có thể được ví phỏng theo vai trò ngữ nghĩa của số 1, trong đó *số 1* xem như là *từ làm dấu* (marker) bắt đầu cho chi tiết kế tiếp theo cho một số ý nghĩa khác nhau và giống nhau, dùng trong liệt kê. Như kiểu dùng dấu *bullet* thay cho *từng điểm một*, và dấu *bullet* (đạn) có hình dáng là:

- (dấu bullet), đánh dấu giống như vai trò số 1, bắt đầu cho chi tiết, ý nghĩa, hoặc sự vật kể ra tiếp theo sau dấu bullet. Như vậy, ngữ nghĩa của bullet sẽ giống nghĩa số 1 hay *điểm 1*, và cũng giống như **and** hay **và**. Rất ngộ, chữ *bullet* tương đương với chữ *đạn* (đạn bắn súng), và chữ *đạn* (彈) viết và có âm [dan] dựa vào chữ *đơn* 單, có ngữ nghĩa cơ bản giống như *số 1*.

Từng điểm liệt kê, tức *số 1* cho mỗi điểm, như vậy sẽ mang ngữ nghĩa của **and** hay **và** cho ngôn ngữ vào lúc mới thiết lập ngôn ngữ, như trình bày trong Bảng Đối Chiếu ở đây. Cũng cần nhấn mạnh là ví phỏng giữa ngữ nghĩa của *VÀ* và *điểm 1 / số 1 / từng điểm*, không nhất thiết dựa vào từ vựng của cùng một ngôn ngữ, giống y như liên hệ ví phỏng giữa âm [va] (and) tiếng Persian và [dva] tiếng Nga, hoặc *två* tiếng Swedish, [dva] tiếng Serbian, [dwa] hay [dua] tiếng Chàm, *twa* tiếng Frisian, *tveir* tiếng Icelandic, *dua* tiếng Malay, *duo* tiếng Latin, v.v., tất cả mang nghĩa của *số 2*.

Ý nghĩa của *ví phỏng* trong việc sáng tác thêm từ mới dựa vào một từ cũ, không nhất thiết thuộc cùng một thứ tiếng theo sắp xếp ngôn ngữ thời nay. Đó chính là tính *bất trực tuyến* (*non-linear*) so với tính chất thường thấy của ngôn ngữ khoa học là *trực tuyến* (*linear*). *Vi phỏng* dùng tạo ra *ví phỏng từ* (*metaphornym*) thường chỉ dựa vào ý niệm tổng quát, hay ý nghĩa hao hao giống, nhưng thật ra lại khác, với ngữ âm gần giống, giữa hai từ, mới và cũ. Nói đơn giản, sáng tác từ mới theo kiểu ví phỏng (metaphor) gần giống như tất cả những kiểu kiến tạo từ mới trong tiếng Trung, như *tượng hình* (象形),

chỉ sự (指事), *hài thanh* (諧聲), *hội ý* (會意), *chuyển chú* (轉注), và *giả tá* (假借), thí dụ [27]. Nhưng *metaphornym* (*từ ví phỏng*) dùng ở đây khác với cách sắp xếp từ tiếng Hán, ở chỗ cách thức *ví phỏng* thường nằm ngoài tầm nhìn thông thường của phân xếp loại dựa vào *dualism* (*song thể*). Cũng có thể ghi nhận là phương thức tạo từ mới theo kiểu *từ ví phỏng*, theo hiểu biết sơ khởi trình bày ở đây, có vẻ được thể hiện trong rất nhiều thứ tiếng trên thế giới. Theo thí dụ dẫn trong [20]: Chữ *wét* tiếng Anh cổ, tức *wet* ngày nay, ứng với tiếng Việt *UỐT*, viết với chữ [u] ở đầu, tức *wót* ghi trong tự điển Alexandre de Rhodes [28], về sau chuyển thành *uót* trong tự điển Taberd [24]. Chữ *wét* tiếng Anh cổ, rất giống *wót* tiếng Việt cổ, có âm gần với *wæter* (nước) [29], tức *water*. Chữ *nằm mơ* có âm và nghĩa *ví phỏng* gần với *nói mơ*. Hoặc *nằm* có nghĩa là *nằm* và *ngủ*. Hay *bánh tráng* có chữ *tráng* mang âm gần với *trang* trong *trang giấy*. *Bánh tráng* còn gọi là *bánh đa*, tránh chữ *tráng* kỵ húy với Chúa Trịnh Tráng (1577-1657), với chữ *đa* có âm rất gần âm [dua:] viết bằng chữ 單 [dua:], hay 禪單 [puədua:] tiếng Triều Châu [30], mang nghĩa như *trang mỏng* (*sheet*). Âm [puə] 禪 tiếng Triều Châu ứng với [chan] tiếng phổ thông, và do đó chữ 禪單 [chan][dua] có âm giống như [tráng][đa], dùng [tráng] cho *bánh tráng*, và [đa] cho *bánh đa*. Hoặc liên hệ *ví phỏng* giữa chữ *miếng* và *nước miếng*. Chữ *nước miếng* ăn khớp với *tik moat* (nước miếng) tiếng Khmer [5], với *tik*=nước, *moat*=miếng), có nghĩa *nước miếng* là *nước miếng*, *nước trong miếng*.

Tạo chữ theo kiểu *ví phỏng* (*metaphory*), theo ý niệm trình bày ở đây, sẽ bao gồm nhiều thứ phân biệt từ vựng, như *faux amis* (*bạn giả*), *homonym* (*đồng âm dị nghĩa*), hoặc *contronym* (*phản nghĩa từ*), với lí do là tất cả những ngữ nghĩa không hoàn toàn giống nhau, hoặc trái ngược, của cùng một ngữ từ, hay ngữ âm gần giống, trong một thứ tiếng, hay giữa vài thứ tiếng khác nhau thường có thể truy về một cây dù chính là ý nghĩa bản thể (*noumenon*) [17] của nhiều ngữ âm gần giống, xuyên qua nhiều thứ tiếng, mang ngữ nghĩa khác nhau, nhưng có thể móc nối nhau, qua chuyện nằm dưới một cây dù của *noumenon*. Lấy thí dụ về *bạn giả* (*faux amis*) giữa *an* tiếng Tây, mang nghĩa *tuổi*, *năm*, và *an* mạo từ tiếng Anh chỉ số 1. Có thể thấy ý niệm về *năm*, về *tuổi* là ý niệm, theo *noumenon*, về từng bước *một* của đếm số. Ở phía trên, cũng cho thấy âm [an] cũng rất gần âm [and] mang nghĩa *và*. Từ *đồng âm dị nghĩa* (*homonym*) trong tiếng Việt có thể kể chữ *nhị* trong đầu *Nhị Thiên* (*Đường*), và *nhị* mang nghĩa của *nhì*, của số 2. *Nhị* trong *Nhị Thiên*, và cả *Nhị Thiên*, mang nghĩa như *không có không được*, khi so sánh đó là một bầu trời, một mặt trời thứ hai (*nhị*), với bầu trời, mặt trời mà ai cũng biết là *không có không được*. Hoặc chữ *galant* tiếng Pháp (lịch sự với phái nữ), với *gallant* tiếng Anh (dũng cảm), cả hai nằm dưới cây dù với ngữ nghĩa chung là *đầy nam tính*. *Phản nghĩa từ* (*contronym*) có thể hiểu qua chữ *sanction*, mang hai nghĩa đối chọi nhau là *cấm vận* và *đồng ý*, *cho phép*, cả hai có thể nối nhau bằng chuyện *có được chấp nhận hay không* từ một “cấp trên”. Trong tiếng Việt, *phản nghĩa từ* có vẻ thường dính với những từ du nhập, như: *tu* (*sửa đổi / không màng thế sự*), *chống* (*chống trả / chống đỡ*), *giác* (*thức, biết / ngủ*), *lưu* (*ở lại / di chuyển*), v.v..

Thí dụ về *từ ví phỏng* xuyên qua các ngôn ngữ theo kiểu *Trước-Babel*, có thể dùng chữ *Bắc*, chỉ hướng Bắc, và chữ *back* (lưng) tiếng Anh, là hai *từ ví phỏng* (*metaphornym*) với nhau. Lí do chính là rất nhiều dân tộc phía Đông dùng cánh tay trái để định vị hướng Đông, đối với người đứng nhìn về hướng Nam, và do đó hướng Bắc sẽ ứng vào *cái lưng* (*back*). Để ý liên kết giữa chữ Anh *back* và từ tiếng Việt *Bắc* chỉ thực hiện được khi không đề ý đến *rãnh kiến thức* tạo dựng nên bằng học thuật Hán Nôm, cũng như ngữ học Tây Phương. Liên kết giữa *back* với *Bắc* cũng cho thấy những dân tộc dùng âm gần với [bắc] hay [bei] để chỉ hướng Bắc đều biết ngữ âm gần đó là [back] mang nghĩa là *cái lưng*. Cũng cần đề ý ngữ âm [bak] (Quảng Đông) hay [bei] (phổ thông) mang nghĩa *hướng Bắc* ứng với ngữ từ 北 [bei] viết theo miêu tả hai người ngồi *đầu lưng* với nhau, trong khi ngữ từ mang nghĩa *cái lưng* 背 [bei] lại dựa vào chữ gốc 北 [bei] chỉ *hướng Bắc* (viết nằm trên chữ 月 [yue]). Đề ý âm giống âm của chữ *back* liên

hệ đến *cái lưng*, và chữ *Bắc* chỉ hướng Bắc, cũng có thể tìm thấy trong các từ kí âm là, hoặc rất gần, [bak] trong các thứ tiếng bản địa như Aslian, Bahnar, Khasi, Palaung, thuộc nhóm ngữ gọi chung là Mon-Khmer, mang nghĩa như *mang trên lưng* (carry on back), xem [5]. Lối sáng tạo từ dựa trên kiểu *ví phỏng* cho rằng *tay trái* ứng với hướng Đông hay hướng mặt trời mọc, *tay phải* ứng với hướng Tây cũng có thể tìm thấy trong ngôn ngữ của Ai Cập cổ: *iAby* mang nghĩa *tay trái* và *hướng Đông*; và *imn* mang nghĩa *tay mặt* và *imnt* [31] nghĩa *hướng Tây, phương Tây*.

Ví phỏng giữa chữ *Bắc* tiếng Việt và *back* (lưng) tiếng Anh, cũng giống với chữ *pHww* tiếng Ai Cập chỉ *hướng Bắc* mang ngữ âm gần với chữ *pHwy* chỉ *cái lưng*, hay *ở đằng sau* (xem [31]). Đề ý áp dụng chuyện *ví phỏng* trong kiểu nảy sinh ra chữ mới, từ một ngữ âm có sẵn, hoặc cùng một lúc sáng tác ra hai ba chữ, có chung một nghĩa bản thể *noumenon*, như trong trường hợp của *cái lưng* và *hướng Bắc* tìm thấy qua những ngôn ngữ khác nhau, nhưng chia sẻ chung một kiểu liên kết *ví phỏng*. Có thể nói, do đó, giống nhau giữa nhiều ngôn ngữ khác nhau, không phải giống nhau ở *tuồng chữ, ngữ âm hay ngữ từ, hoặc cú pháp*, mà là cách thức sáng tạo từ vựng vào thời ban sơ của ngôn ngữ. Ý nghĩa của *giống nhau* giữa ngôn ngữ khác nhau, theo lối *trước-Babel*, có vẻ là lối sáng tác từ vựng thường dựa vào *ví phỏng* chứ không phải đơn thuần bằng cách *định để* (arbitrary), tức *tính trơ* của từ vựng. Hiểu một cách khác, có thể hiểu vào thời ban sơ của ngôn ngữ, *ngôn ngữ* chính là *khoa học*, là *kiến thức*, là *văn hóa*, là *tập quán*, và cũng là *tín ngưỡng*. Từ vựng hay *chữ nghĩa* sáng tác vào thời thượng cổ của loài người có vẻ như phải mang nặng các yếu tố về tôn giáo, thần linh, tập quán cũng như kiến thức và khoa học, và tất cả đều đan xen hay quyện vào nhau như một dụng cụ thiết yếu cho sinh tồn, có sức mạnh như một mệnh lệnh từ ở trên cao. Từ chỗ đó, có thể thấy *ngôn ngữ* hay *chữ nghĩa* rất khó được lan truyền hay chấp nhận và nhớ lâu, theo kiểu giáo dục hay truyền bá một sinh ngữ nước ngoài, bằng những lớp học, như ngày nay. Chính yếu là *chuyện chữ nghĩa* vào thời ban sơ phải luôn hòa nhập với *tín ngưỡng, thần linh, và sinh tồn*, tức rất có thể luôn luôn dính liền với *chuyện kể* (narrative) và *tín ngưỡng*. Cần đề ý là chữ *tín ngưỡng* ở đây được dùng với nghĩa thật rộng về niềm tin, của cá nhân hay tập thể, ở một *đáng thể* (thực hay ảo) có thể che chở hoặc phù hộ cho nhân sinh.

Trở lại thí dụ về từ chỉ *con chó* là *cẩu*. Âm [cẩu] là âm biến từ [gấu][gấu] giống y tiếng chó sủa, và [cẩu] giống âm Quảng Đông [kau] (狗), còn đọc là [kiu] tiếng Hẹ, mang nghĩa *con chó*. Âm [kau] hay [kiu] (chó) lại rất gần như âm của 九 [jiu] mang nghĩa *số 9 (cửu)*, với *ví phỏng* cho rằng số 9 là số 4 đếm theo ngón tay ở bàn tay thứ hai. *Số 9* đứng kế *số 10* (mười), và *10* có thể xem là *ngón tay thứ nhất*, hay *ngón số 1* đếm ngược lại, trên hai bàn tay 10 ngón. Ngữ âm chỉ số 1 trong tiếng Khmer là [moy], [muay] hoặc [muəj], và [moy] sẽ ứng với *mỗi* tiếng Việt, mang nghĩa giống như *một (1)*, trong khi [muay] hay [muəj] sẽ ứng với *mười (10)* chỉ *số 10*, tức số 1 được tính từ ngón thứ 10 của lối đếm “kia”. Như vậy *mười* tương đương với *một* thì *chín (9)* sẽ tương ứng với *hai (2)*. Tức để tránh lộn xộn trong lối tạo dựng thêm từ vựng dựa vào *số*, có thể dùng *10* và *9* thay cho *1* và *2*. Như vậy nếu dùng số 10 thay cho 1, và 1 chính là số thay cho *Mẹ*, thì 9 là 2, thay cho *Em của Mẹ*, tức cho ra âm [Cậu] (舅), cũng mang âm [kiu] tiếng Hẹ và [kau] tiếng Quảng Đông. Có khả năng, sợ dĩ phải dùng 10 và 9 thay cho 1 và 2, là vì số 1 và 2 đã được xử dụng vào “chuyện khác”. Âm số 1 dùng để chỉ người Mẹ: 母 [mou][mo] (giống *mợ*), có phát âm Hẹ là [bhu] giống [bu] tiếng Việt, và 媽 [ma] (giống *má, mạ*). Số 2 để chỉ người Con. như *thằng Hai, con Hai*, với nghĩa ban đầu của *hai* là *con*, hoặc 兒 [er] (con) có âm phổ thông [er] và âm Quảng Đông [ji] giống âm chỉ số 2 [er][ji] (二), và [ji] chính là [nhị] hay [nhì] (2) tiếng Việt. Âm [ji] này mang nghĩa thứ 2 cũng dùng để chỉ *Dì (姨 [yi])*, em của Mẹ, người có vai vế thứ 2 so với Mẹ. Trong mẫu hệ vào thời xa xưa, người Cha đứng ở vị trí thứ 3, phản ánh qua âm [baa] (Quảng Đông) cho chữ 爸 [ba], với phát âm Thượng Hải [pa] giống như *papa* tiếng Pháp. Cũng có khả năng, vị trí người Cha (Ba) đứng ở số 2, khi so với âm [ba] trong tiếng Mon ở bản địa có nghĩa là 2, số

hai. Nhưng chắc chắn, trong mẫu hệ, vị trí người Cha không phải ở số 1. Sẽ đi vào chi tiết chuyện này trong một bài khác.

(ii) Số 2 và Cấu Trúc của Nghi Vấn và Phủ Định

Cần nhấn mạnh, mô hình ngôn ngữ dùng ở đây là mô hình *cây và đất*, khác với mô hình *cây và cành* thường dùng chung với nguyên lý *một dân tộc một ngôn ngữ* (xem [21]). Thứ dùng thí dụ sau đây để giới thiệu lý thuyết *cây và đất*. Câu hỏi tiếng Nhật viết theo romaji: *Nan desu ka?* (Cái gì đó?) có [ka] rất giống với tiếng Việt [cà]: *Sao vậy cà?* Hoặc [kah] trong tiếng Mã-Lai: *Awak ada rumahkah?* (Anh có nhà hay không?). Tức có thể xem âm [ka] như chất bồi dưỡng chạy từ lòng đất vào rễ các cây biểu hiệu cho ngôn ngữ Nhật, Việt và Mã Lai. Âm [ka] trong 3 thứ tiếng này có thể được liên kết với chữ tượng hình [KA], giống như hai cánh tay giơ lên 𠄎, trong chữ Ai Cập cổ tiêu biểu cho linh hồn, tức phần kia hay phần thứ hai của con người, tức số 2 hay số thứ 2 [22]. Và [KA] biểu diễn cho số 2 có thể xem như mang ý nghĩa của thể nghi vấn so với thể xác định là thể số 1. Mô hình *cây và đất* có thể xem như mang thêm tính chất hữu cơ, tức mang chất sinh sống. Mô hình này có vẻ “ăn khớp” với việc tìm kiếm *cơ lý (mechanics)* của việc sáng tạo và phát triển ngôn ngữ, ở thời chưa có ngôn ngữ.

Thứ đảo sâu chuyện *thể nghi vấn* (interrogative) mang chất tính của *số 2* hoặc *số thứ 2*. Câu hỏi tiếng Việt:

- Anh muốn đi ra đầu làng **không?**

Có thể thay bằng:

- Anh muốn đi ra đầu làng **hôn?**
- Anh muốn đi ra đầu làng **hông?**

Hoặc:

- Anh muốn đi ra đầu làng **chũng?**

Có thể thấy những câu hỏi dùng **không** hoặc **chũng** đều có thể suy ra từ cấu trúc *có hay không*, nói tắt bằng cách bỏ qua *có hay*:

- Anh muốn đi ra đầu làng **hay không?** => Anh muốn đi ra đầu làng **không?**
- Anh muốn đi ra đầu làng **hay chũng?** => Anh muốn đi ra đầu làng **cũng?**

(Thể phủ định của **chũng** là **chũng**: Tôi **chũng** muốn ra đầu làng)

Nhưng rất ít khi nghe câu hỏi:

- Anh muốn đi ra đầu làng **hay hôn?**
- Anh muốn đi ra đầu làng **hay hông?**

Theo giải thích kiểu *thuần nhất*, có thể cho chữ **hay** trong **hay hôn(g)** đã sát nhập với **hôn(g)** bởi cả hai đều bắt đầu bằng âm chữ **h** và thường dùng trong tiếng nói hơn chữ viết. Cũng giống như câu hỏi: *Đi về chưa **hè?*** Rất ít khi thay thế **hè** bằng **chũng** => *Đi về chưa **chũng?*** Bởi kẹt ở chỗ cả *chưa* và **chũng** đều là âm cùng bắt đầu bằng **ch**.

Theo kiểu phân tích cú pháp, sẽ thấy đại khái *thể hỏi* bao gồm 2 mệnh đề hỏi giống nhau: *Anh muốn đi ra đầu làng (1) hay Anh không muốn đi ra đầu làng (2)?*

Có nghĩa theo qui ước về cú pháp, có thể thấy vào lúc sáng tác cú pháp rất có khả năng, thể hỏi tuần tự tóm gọn nhanh chóng qua 3 giai đoạn:

Ban đầu: *Anh muốn đi ra đầu làng hay Anh không muốn đi ra đầu làng?*

Kế tiếp: *Anh muốn đi ra đầu làng hay không muốn đi ra đầu làng?*

Tiếp theo: *Anh muốn đi ra đầu làng hay không?*

Sau cùng: *Anh muốn đi ra đầu làng không?*

Như vậy, thể hỏi sau cùng: *Anh muốn đi ra đầu làng không?* có thể xem như được thiết lập lại từ thể hỏi dùng cú pháp vào lúc ban đầu, bao gồm 2 mệnh đề:

(1) *Anh muốn đi ra đầu làng.* -HOẶC: (2) *Anh không muốn đi ra đầu làng?*

Diễn dịch ra *thể hỏi* là *thể xác định* xuất hiện như một sự chọn lựa giữ 2 trường hợp trong cùng hoàn cảnh tương tự nhưng tương phản nhau. Hiểu theo kiểu khác, *thể hỏi* là *thể xác định* tách ra 2 dạng, tức trình bày 2 dạng tương phản của song thể, để người kia được chọn lựa. Và có thể hiểu đó là hình thái thứ 2, nói rộng từ hình thái số 1, của câu nói mang tính xác định thuần túy. Có thể hiểu luôn, qua *ăn khớp*, trong thời ngôn ngữ ban sơ, người xử dụng ngôn ngữ có thể rành *số 1 / số 2*, tức đàn ông – đàn bà, sáng – tối, mặt trời – mặt trăng, tay trái – tay phải, ngày – đêm, trời mưa – trời nắng, sống – chết, tức các *cá thể* và *song thể*, hơn tất cả mọi thứ liên quan đến hiện hữu và sinh tồn. Có nghĩa *thể hỏi* là *thể số 2*, trong khi *thể xác định* là *thể số 1*. Diễn dịch *số 1 / số 2* thêm một bước nhỏ, sẽ thấy những học giả sáng tác ra ngôn ngữ, vào thời chưa có học giả, có thể *làm dấu* cho câu nói mang *thể hỏi* biến dạng từ câu nói *xác định*. Thí dụ như dùng *particle* (cú từ) mang âm [ka] mang nghĩa *noumenon* là *số 2*, như trong tiếng Ai Cập cổ:

- Câu hỏi tiếng Nhật viết theo romaji: *Nan desu ka?* (Cái gì đó?)
- Tiếng Việt [cà]: *Sao vậy cà?*
- Tiếng Mã-Lai: *Awak ada rumahkah?* (Anh có nhà hay không?).
- Tiếng Mã Lai: *Inikah lampu? Cái này (ni) phải là cái đèn không? (ni giống ini)*
- Tiếng Hàn: *Nongdamhaneun nikka?* Có phải anh đùa không?
- Particle (cú từ) [**kah**] cũng dùng cho câu hỏi và câu phủ định trong tiếng Katu.

Trong tiếng Anh dấu vết của số 2 biến từ thể xác định (số 1) được thể hiện bằng cách đảo ngược cú pháp: *You went downtown* (Anh đã xuống phố) – đổi sang câu hỏi bằng cách đảo ngược cú pháp: *Did you go downtown* (Anh đã xuống phố chẳng?). Hoặc rõ hơn: *You can swim* (Anh biết bơi) – đảo ngược thành câu hỏi: *Can you swim?* (Anh biết bơi hay không?).

Trong tiếng Việt, chữ **chăng** có thể xem như *cú từ* (particle) cho thể hỏi. Chữ **chăng** này có thể xem như dạng số 2 của một từ tương đương **chẳng** dùng trong thể *phủ định*, và đối với *phi-song-thể* vẫn có thể xem **chẳng** là *thể xác định*, trong nghĩa *cái này cái kia*, hề cái này là 1 thì cái kia là 2. Và dấu vết của **chăng** là thể số 2 chính là bớt đi dấu hỏi từ **chẳng**, hay ngược lại. Trong kiểu *ăn khớp* có thể thấy những cặp **chẳng/chăng**, **khổng/không**, **hổng/hôn(g)** tương ứng với nhau. Từ đó, cũng theo *ăn khớp*, **chẳng** rất có khả năng sẽ mang nghĩa *lỗ hổng* hoặc *không*, *trống không*. Tra các tự điển trực tuyến trên mạng sẽ thấy âm [**chăng**] là âm quốc ngữ tương ứng với các âm [chiang] hay [seang] tiếng Mon, mang nghĩa của *phủ định*, và các âm này gần với [sang] tiếng Mon [23], chỉ *lỗ hổng* hay *hang động*, hay [tsang-hok] tiếng Khmer, mang nghĩa *hang hốc* hay *lỗ hổng*. Âm [chăng] hay [chăng] cũng rất gần với âm [chaawng] tiếng Thai [25], hay [chuŋ] tiếng Bahnar, tiếng Mon [5], mang nghĩa *lỗ hổng*.

Điểm cần nhận mạnh là tiếng Việt ưa dùng ý niệm về *số không*, *không có* (*gì hết*), *thình không* (*không khi*), *lỗ hổng*, cho thể phủ định, so với nhiều thứ từ liên hệ đến số 1, như *mà*, *bất*, *mất*, cho thể phủ định, mô phỏng với ý niệm số 1 biểu hiện cho mặt trời, với sự xuất hiện của mặt trời thì đêm tối sẽ trở thành sáng hoặc ban ngày, hay ngược lại. Dùng ý niệm *không có* này cho câu nói: *tôi đâu biết* (tương đương với *tôi không biết* hay *tôi hổng biết*) sẽ có thể truy ra từ nguyên của **đâu**. Đó là âm quan thoại [dou] ứng với chữ viết 𡗗 [dòu] mang âm Hán Việt là *đâu* (giống âm Triều Châu/ Thượng Hải), trong khi chữ Nôm *đâu* (*Tôi đâu biết*) lại giống âm Nam Kinh. Chữ *đâu* (𡗗 [dòu]) này mang 1 nghĩa là *lỗ*

hông, và *đâu* cũng giống như *hông* (*tui hông biết*), đều là cú từ (particle) cho thể phủ định mang nghĩa liên hệ đến *lỗ hông*, tức *trống không* hoặc *không có*.

Nhưng chữ *đâu* trong *tôi đâu biết* có thể khác với chữ *đâu* đứng phía sau như trong *ai mà biết đâu* hoặc *tôi đâu có biết đâu*. Chữ *đâu* đứng sau này mang thêm ý nhấn mạnh, giống như *even* hoặc *not at all* trong tiếng Anh, viết theo chữ Hán là 都 [dū] hay [dōu], phát âm kiểu Hán Việt là *đô* (giống âm Hẹ / Thượng Hải) và Nôm là *đâu* giống phát âm [dou] Bắc Kinh. Chữ 都 [dō] này người Việt thường biết theo danh từ như *đô thị*, *thủ đô*, và liên kết chữ *đô* (都) với chữ *đâu* trong *ai mà biết đâu*, dùng nhấn mạnh như *even*, *not at all*, chỉ có thể khám phá vào thế kỉ 21 với các tự điển trực tuyến có đây trên mạng. Nhưng *đâu* trong câu hỏi *Anh ở đâu?* Cũng lại khác những chữ *đâu* kia, chữ *đâu* trong thể hỏi ở *đâu* sẽ ứng với ngữ âm [dou] của tiếng Quảng trong cụm từ [bin dou] 邊度, mang nghĩa *ở đâu* (where). Tóm tắt, *đâu* trong *tôi đâu biết* ứng với *đâu* (窻 [dòu]); *đâu* trong *ai mà biết đâu* ứng với âm [dou] của 都 [dōu]; và *đâu* trong *anh ở đâu?* ứng với âm Quảng Đông [dou] của 度 [du]. Ý nghĩa *trống không* của *đâu*, *hông*, *chăng*, *không*, dùng cho phủ định còn có thể thấy xữ dụng trong chữ *bạc phước* (không có phước), trong đó chữ *bạc* không mang nghĩa *trắng*, như *đầu tóc bạc*, mà mang nghĩa *trống không*, cũng viết 白, mang phát âm Chiết Giang hay Quảng Đông rất gần [bạc]. hay 薄 [bo] mang phát âm Hán Việt là *bạc*, với nghĩa là *mỏng*.

Trở lại với thể nghi vấn và thể phủ định chung quanh các cú từ *hôn*, *hông*, *hông* và *không*. Những cú từ (particle) như *hôn*, *hông* và *hông* (*em hông thèm đâu*) theo kiến thức bình dân hay học thuật cổ truyền, thường xem là âm của chữ *không*, phát âm sai, hay không được chuẩn. Những âm này (*hông*, *hôn*, *hông*) thật ra rất giống phát âm [hong] của chữ 空 [k^hong] trong các tiếng ở Quảng Đông, tức 空 [k^hong] phát âm là [hong] ở Quảng Đông, hay chữ 孔 [kong], [không] có âm Quảng Đông [hung] mang nghĩa *lỗ hông*, *lỗ mở*. Trái với quan niệm thông thường cho rằng *hông* là một từ lô-can hay phát âm sai, *hông* có ghi rõ trong tự điển Taberd [24] bằng *trống hông* (trống không) viết với chữ Nôm 閩 [hông], và chữ Nôm 閩 (*hông*) này viết như vay mượn (âm) từ chữ 閩 [hông], [xiàng], [hông], [hông] (tiếng Trung), với ngữ nghĩa khác với *hông* hay *hông*. Nên dùng kí âm theo a-b-c theo kiểu rập vần chữ Mường [15][26], những âm như [hôn] [hông] [hông] đều có thể viết như *hôn*, và chữ *hôn* này có âm, rập chữ, và ngữ nghĩa giống như chữ *hole* tiếng Anh, hay *hol* tiếng Faeroese, có nghĩa *lỗ hông*. Thật ra *hông* hay *hông* có thể xem giống như chữ *không*, nhưng *không* hay *không* không phải hoàn toàn tương đương với *hông*; có nghĩa *hông* = *không*, nhưng *không* ≠ *hông*, như trong thí dụ sau:

- Muốn đi xi-nê (hay) **không**?

[Có thể nói: Muốn đi xi-nê **hôn(g)**, nhưng không nói: Muốn đi xi-nê **hông**]

Đáp:

- **Không** [Cũng có thể nói: **hông**, nhưng không nói: **hôn**]

Hoặc:

- **Hông** muốn (*hông* phải được theo bằng động từ)

Thí dụ khác:

- **Biết ai đây (hay) không**?

Đáp:

- **Biết**. HOẶC: **Hông** biết, HOẶC: **Không** biết – Chữ không nói **Hôn** biết.

Khác biệt giữa *hông* / *hông* và *không*, có thể giải thích theo một chiều hướng mới nữa, không nằm trong học thuật xưa nay, là chữ *hông* gần như là từ hỗn hợp giữa âm [hong] 空 tiếng Quảng Đông (ngày xưa nằm trong xứ Nam Việt), ứng với *không* trong các thứ tiếng khác. Với âm [‘hu?] của tiếng Mon thuộc lớp hạ tầng tiếng Việt, tức tiếng Việt thời ban sơ hay tối cổ. Ngữ nghĩa của [‘hu?] tiếng Mon là *do not* hay *is not* tức *hông* hay *không*, đi theo bằng động từ: *hông* *thèm* / *không* *thèm*. Chữ *hông* tiếng

Việt cũng có âm giống với âm [houn] trong tiếng Triều Châu cho từ 否 [fou][pi] mang âm tiếng Việt là [phủ], [bĩ], [phâu], với âm quen thuộc nhất là *phủ* như trong *phủ nhận*. Tức nêu cho *hổng* tương đương với [houn] (否) tiếng Tiều thì *hổng* vẫn thường dùng trong thể phủ định chứ không thay cho *không* trong câu hỏi. Bởi nghĩa sâu bên trong giữa *hổng* dựa theo [houn] (否), vẫn khác với *không*, dựa theo [k^hong] (空). Từ giống như *hổng* nhưng dùng trong câu hỏi là *hả* hay *hà* (hoặc *hè*, *hở*):

- Muốn đi xi-nê không **hả**?
- Làm bài chưa **hà**?
- Làm bài chưa **hở**?
- Đi về chưa **hè**?

Những cú từ *hả*, *hà*, *hè* hay *hở* này có thể kết nối với từ [ha?] cũng trong tiếng Mon dùng cho câu hỏi, cũng như kí âm quốc ngữ cho từ 何 [he] hay 吓 [he], mang phát âm các tiếng địa phương giống [haa], [hè] và [hở] như trong tiếng Việt, và hai Hán tự (何 [he] - 吓 [he]) này có thể dùng trong thể câu hỏi. Đôi khi chữ **hà** có thể đổi thành **à**: *Về tới rồi à?* Cũng rất ngộ là chữ *hổng* cũng mang nghĩa *lỗ hổng* tức *lỗ trống* (gần với *trống hổng* ghi trong tự điển Taberd [24]), mang nghĩa căn bản là *trống không, không có*, thích hợp cho áp dụng trong thể phủ định. Chữ *hổng* (孔) trong *lỗ hổng* viết giống như chữ *khổng* trong Khổng Tử (孔子), và mang âm giống y như [hông] trong tiếng Triều Châu và tiếng Quảng Đông.

(iii) Bao nhiêu, duoshao và How much

Đi tìm *giống nhau* giữa *bao nhiêu*, *duoshao* và *how much*, trình bày ở đây, dựa vào những tiền đề nằm trong dạng *phi song thể* (non-dualism), tức đại khái hơi khác với những tiền đề thường thấy trong ngữ học cũng như trong Hán Nôm học. Trước hết, *bao nhiêu* trong tiếng Trung là 多少 [duoshao], âm tiếng Việt là [đa thiểu], tức *nhiều ít, nhiều hay ít*, và đó là ngữ nghĩa có thể gọi là ban đầu của *bao nhiêu*. Trong tiếng Quảng Đông, thứ tự *nhiều ít* (bao nhiêu) được sắp xếp ngược lại thành *ít nhiều*, gọi theo âm Quảng Đông là [kei to] 幾多, ứng với âm Việt thường là [kì tổ]. với 幾 [kei] là *ít, nhỏ*, và 多 [to], tương đương với *đa*, mang nghĩa *nhiều*.

Chữ đầu, 多 [duo] (quan thoại) và 幾 [kei] (Quảng Đông) trong thể hỏi *bao nhiêu*, có khả năng, sau đó không lâu, biến thành *cú từ* (particle), giống như chữ *bao* tiếng Việt hoặc *how* tiếng Anh, dùng cho thể hỏi, như kiểu: *bao xa, bao lâu, bao lớn*:

- Ni kai zhe jia dian **duojiu** le? 你开这家店多久了: How long have you opened this shop? (xem Google Translate): Bà mở tiệm này được bao lâu rồi? => Dùng 多 [duo] (nhiều) với 久 [jiu] (lâu) cho ra *bao lâu* (多久 [duo jiu]). Chuyển sang tiếng Quảng Đông, cần thay 多 [đa] (nhiều) bằng 幾 [ki] (ít / nhỏ):
- Nei hoi ne gaan dim **gei noi** le? 你開呢間店幾耐了: Bà mở tiệm này bao lâu rồi? => Dùng [kì nại] 幾耐, nghĩa chính là *ít lâu*, cho ra nghĩa *bao lâu*. Thêm thí dụ về [đa] và [kì]:
- Anh bao nhiêu tuổi (Anh mấy tuổi)? Quan thoại: 你今年多大? (Ni jin nian duo da). Quảng Đông: 你幾歲了? (Nei gei seoi le) – và 多 [duo] thay lẫn nhau với 幾 (几) [gei], mang nghĩa giống như *bao* hay *mấy*.
- Đề ý, tiếng Bắc Kinh ưa dùng [duo da] 多大 (đa đại – *nhiều lớn*) cho *mấy tuổi*, trong khi tiếng Quảng Đông thì gọi [gei seoi] 幾歲 (kì tuế - *ít tuổi*) cho *ý mấy tuổi*. Chuyển ngữ từng chữ không cho ra ý nghĩa giống như cách dùng trọn cụm từ. Như vậy, ngữ nghĩa ban đầu của [duo] 多 trong [duoshao] 多少 (đa thiểu) là *nhiều*, trong khi nghĩa ban đầu của [gei] 幾 (几) tiếng Quảng, là *ít*, nhưng cả hai dùng trong các câu hỏi khác, như *how far* – 多远 [duo yuan]/ 几远

[gei jyun] – *bao xa*, mang nghĩa như *cú từ* dùng cho câu hỏi, tương đương với *how* hay *bao*, chứ không còn mang nghĩa cơ bản (*nhiều / ít*) nữa.

Hiểu theo kiểu lí giải cơ bản, như kiểu *câu hỏi* ở trên, *cú từ bao* hay 多 [duo] hoặc 几 [ki/ gei] hoặc *máy* hoặc *how*, có thể xem như bước phát triển thứ 2 sau phát minh về câu hỏi, như kiểu nói chuyện với trẻ thơ: - *Cháu có thương bà hay không?* – Dạ thương. – *Thương ít hay thương nhiều?* – Thương “jiều”. Và có thể để ý, cấu trúc của *thương bao nhiêu*, dùng trong ngôn ngữ người lớn, bắt nguồn từ ngôn ngữ của *Thương ít hay thương nhiều*, cho trẻ thơ mới tập nói. Với *bao nhiêu* đồng nghĩa với *ít nhiều*, với *ít hay nhiều*.

Chữ *máy* trong tiếng Việt cũng thường được dùng thay cho *bao* hay *bao nhiêu*, trong câu hỏi: - *Anh Chị có máy cháu?* = *Anh Chị có bao nhiêu đứa con?* Chữ *máy* này thường xem như thuần Việt bởi đơn giản là không thấy chữ tương tự trong các tự điển Hán Việt. Nhưng tin liệu từ trên mạng ở thế kỉ 21 cho rằng chuyện này không đơn giản như vậy. Tiếng Quảng Đông có ngữ âm [mei] rất gần [máy], ứng với chữ 彌 hay 洑 [mí] (âm quan thoại) rất ít có đề ngữ (entry) trong các tự điển Hán Việt, và nếu có thì cho âm phiên thiết là *nhĩ* ứng với âm Hakka [ni] với nghĩa không giống với ngữ nghĩa ghi trong nhiều tự điển Anh-Trung là *many* (nhiều). Chữ 彌 (洑) này có vẻ như một từ rất cổ của cư dân nước Nam Việt (204-111 TCN), bao gồm Bắc Việt, Quảng Đông và Quảng Tây. Ngữ âm tiếng Việt của 彌 hay 洑 là [máy], ứng với âm [mei] tiếng Quảng Đông. Tự điển Petrus Trương Vĩnh Ký [32] ghi nghĩa của *máy* là *combien* (bao nhiêu) giống như tự điển Taberd [24]. Dùng *trò chơi chữ nghĩa* sẽ thấy *Chú có máy người con?* = *Chú có bao nhiêu người con?* Hay *máy người đó* = *những người đó*, sẽ cho biết là *máy* cũng mang nghĩa *nhiều, những*, trong khi *sức máy* = *sức bao nhiêu*, cho biết *máy* = *nhiều*, mang thêm tính ngờ vực hay bất định. Nghĩa đặc thù của *máy* trong tiếng Việt, xưa và nay, do đó gồm *máy* = *nhiều* + *bất định*. Nhưng cũng có khi, không phải *bất định* như vậy, như trong kiểu dùng *máy người* = *you guys*. Đặc biệt âm [máy] rất gần với một âm trong từ vựng của nhiều tiếng khác nhau, nhất là các tiếng như Lao, Khmer, Myanmar, mang nghĩa như *many, máy*, như trong Bảng Đối Chiếu ngữ từ có ngữ nghĩa giống âm [máy] tiếng Việt, trình bày dưới đây, đa phần dựa vào *Google Translate*.

Bảng Đối Chiếu: Từ có âm và nghĩa giống máy (several, many)

English	Belarusian	Bulgaria	Thai	Finnish	Galician
many	šmat	mnogo	mākmāy	monta	moitos
Icelandic	Italian	Korean/Hanja	Burmese	Portuguese	Scots-Gaelic
margir	molti	mahn-eun/彌 mi	mja:	muitos	mòran
Khmer	Lao	Chinese	Việt	Icelandic	Tagalog
mii	mña:p / mū:	彌/洑 mǐ / mei ^{QD}	máy	margir	marami

Trở lại câu chuyện của *bao nhiêu*. Như đã thấy trong cấu trúc cơ bản *bao nhiêu* ứng với tiếng Bắc Kinh [duo shao] 多少, và Quảng Đông [gei do] 幾多 hay [gei ho] 幾何 [ki hà], với *hà* (何) tương đương với những *cú từ tiếng Việt* như: *hở, há, hè, hà*, dùng trong thể hỏi. Tóm lại ở thời mới có ngôn ngữ, câu hỏi dính dáng đến ý niệm *bao nhiêu* (*how much*) liên hệ ngữ từ và ngữ nghĩa với ý niệm *ít hay nhiều*. Sau đó, ý niệm cơ bản của *bao nhiêu* dùng cho những tính từ hay trạng thái khác sẽ được nói tắt, từ *cao bao nhiêu, xa bao nhiêu, lớn bao nhiêu, ...*, thành *bao cao, bao xa, bao lớn*, với chữ *bao* ứng với ngữ âm [duo] 多 (đa / nhiều) hay [gei] 幾 (ki / ít), nhưng không nhất thiết tương ứng với ngữ nghĩa, của cả hai

từ này. Từ Việt tương đương với 多 [duo], dùng cho *bao nhiêu* chính là *mấy* mang nghĩa *nhiều, số nhiều*, với *mấy* có âm gần với ngữ âm Quảng Đông [mei] cho từ 彌 hay 尔 [mĩ].

Nếu phân tích *bao nhiêu* theo kiểu *bất trực tuyến (non-linear)*, xem [9], tức không phân tích dựa vào ranh giới địa lí và lịch sử của ngôn ngữ, sẽ thấy âm [nhiều] trong chữ *bao nhiêu* chính là *nhiều*, ứng với từ 饶 [rao] có âm Tô Châu là [nyiau] [14], âm Quảng Đông là [yiu] rất gần [nhiều] (Hán Việt) và *nhiều* (Nôm), có nghĩa như *nhiều, nhiều tiên (giàu), phì nhiêu (đất)*, v.v.. Nghĩa chữ *bao* trong *bao nhiêu* tương phản với nghĩa của ngữ âm [nhiều] đưa đến việc chọn ra âm [bao] và nghĩa của chữ 薄 [bao][bo][bu], với hai nghĩa tương phản với *nhiều* trong *bao nhiêu*. Nghĩa thứ nhất là *ít, kém, thiếu*, giống [ki] 幾 trong [ki tổ] 幾多, hay [shao] 少 trong [duoshao] 多少, và nghĩa thứ hai là *xấu, không được phì nhiêu*[33], phản nghĩa với *nhiều* 饶 [rao], với nghĩa *phì nhiêu*. Âm “Hán Việt” của chữ 薄 [bao] là [bạc] [bác], rất gần với âm Triều Châu [boh] hay âm Nam Quảng Đông [bok] [14].

Bao nhiêu hay [ki tổ] 幾多, có ngữ từ *nhiều* và 多 [tô], mang ngữ từ và ngữ nghĩa giống như *much* (nhiều) trong *How much* (bao nhiêu), trong khi cách dùng của *how* trong các thể khác như *how far* (bao xa) / 几远 [ki viễn] [gei jyun], cũng giống như *bao*, hay 几 [ki][gei]. Như vậy *how much* sẽ gợi ý tò mò chung quanh chuyện tìm kiếm âm [how] có liên hệ gì đến một ngữ âm gần đó mang ngữ nghĩa gần như *bao* tức *ít, số nhỏ, bé*, đối với *nhiều* là *nhiều*, giống như vị trí của 幾 [ki] (*ít*) trong 幾多 [ki tổ] (*ít nhiều*), mang nghĩa *bao nhiêu* hay *how much*.

Bảng Đối Chiếu trình bày dưới đây cho thấy các thứ tiếng Luxembourg, Đức, Malay, có vẻ có cấu trúc ngữ nghĩa của *how much* tương đương với *ít nhiều* giống như *bao nhiêu*: Chữ đầu *wéi, wie, berapacó* âm gần với những chữ chỉ *ít, số nhỏ*, trong khi chữ thứ hai (*vill, viel, banyak*) mang nghĩa giống như *nhiều*.

BẢNG ĐỐI CHIẾU HOW MUCH // MUCH qua 10 thứ tiếng

English	Luxembourg	Malay	Malayalam	Norwegian
how much	wéi vill	berapa banyak	ethra ³	hvor mye
little/ much	wéineg / vill	beberapa ² / banyak	kurachu / ethra	få ⁴ / mye
German	Icelandic	French	Catalan	Danish
wie viel	hversu mikið	combien//comment ⁵	quant // com ⁵	hvor ⁶ meget
wenig / viel	lítið / mikið	peu / beaucoup	poc / molt	lidt / meget

GHI CHÚ: 1. A little= e bessen; 2. beberapa= some, sedikit= a little; 3. ethra= much, how much; 4. few=få, litt=a little; 5. comment=how=com; 6. how: hvordan

Đề ý hai chữ *wéi* (Luxembourg) và *wie* (Đức) có âm gần với chữ *wee* tiếng Anh, mang nghĩa *nhỏ, bé*, tuy tự điển từ nguyên cho là chữ *wee* chỉ xuất hiện vào khoảng thế kỉ 15 [13]. Trong khi ngữ âm cổ của chữ *how* là *hu* hoặc *hwo*, rất gần âm *ho* hay *hwo* hoặc *wo* tiếng Low German (Đức Phía Bắc). Ngữ âm [hwo] hay [wo] mang vị trí của *how*, trong tiếng Bắc Đức cổ, rất gần âm [wat] hay [wäkke] (Low German) mang nghĩa *ít, một vài*, và cũng rất gần âm [hwæt lytles] (có âm đầu [hwæt] gần [hwo] (how)) tiếng Anh cổ, mang nghĩa *một ít* [34][13]. Đặc biệt âm cổ [hwo] của *how*, rất gần với âm [hwón] hay [hwónlic] tiếng Anh cổ, mang nghĩa *ít / nhỏ* [29], ăn khớp với ngữ nghĩa và vị trí của *bao* trong *bao nhiêu*, tức *ít nhiều*, hoặc của 几 [ki] (*ít*) trong 几多 [ki tổ] (*ít nhiều*) tiếng Quảng Đông, và của *how* trong *how much*. ■

Nguyễn Văn Ưu

Sydney, cuối tháng 8, 2023

THAM KHẢO

1. The Critique of Pure Reason by Immanuel Kant, translated by J. M. D. Meiklejohn (2010-2013). The Electronic Classics Series.
2. Nguyễn Văn Ưu (2023) Ngôn Ngữ của Cái và Con: <https://issuu.com/warrennguyen/docs/cai-con-comprehensive>
3. Andrew Robinson (2002) Lost Languages – The Enigma of the World’s Undeciphered Scripts. Tess Press (Black Dog & Leventhal Publishers, Inc.)
4. Yabla Chinese English Pinyin Dictionary: <https://chinese.yabla.com/chinese-english-pinyin-dictionary.php>
5. SEAlang Mon-Khmer Languages Project: <http://sealang.net/monkhmer/dictionary/>
6. <http://www.thai-language.com/dict/search>
7. John A. Halloran: Sumerian Lexicon (Version 3.0): <http://www.sumerian.org/sumerian.pdf>
8. Agha Petros Elloow (1920) Assyrian, Kurdish & Yizidis Dictionary. Revisited by Khoshaba, Matti P. AL-Bazi. Computer Edition: <https://www.yumpu.com/xx/document/read/50822845/assyrian-kurdish-yizidis-dictionary>
9. Nguyễn Văn Ưu (2023) Giới hạn của ngôn ngữ và Giãn nở của thời gian. <https://mitchongnz.blogspot.com/2023/08/nguyen-van-uu-gioi-han-cua-ngon-ngu-va.html> & <https://issuu.com/vanuunguyen/docs/time-dilation-final>
10. Thomas S. Kuhn (1970) The Structure of Scientific Revolutions (2nd Edition). International Encyclopedia of Unified Science (Vol.2 No. 2). The University of Chicago Press.
11. Stuart G. Shanker, Ed. (1996) Routledge History of Philosophy, Volume 9 – Philosophy of Science, Logic and Mathematics in the 20th Century. Routledge (London) – Edition by the Taylor & Francis e-Library (2004).
12. Beata Stawarska (2015) Saussure’s Philosophy of Language as Phenomenology: Undoing the Doctrine of the Course in General Linguistics. Oxford University Press. 286pp
13. Online Etymology Dictionary: <http://www.etymonline.com>
14. <http://cn.voicedic.com>
15. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chí, Hoàng Văn Hanh (2002) Từ Điển Mường-Việt. Nxb Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội).
16. Edwin G. Pulleyblank (1991) Lexicon of Reconstructed Pronunciation in Early Middle Chinese, Late Middle Chinese. And Early Mandarin. University of British Columbia Press (Vancouver)
17. The Critique of Pure Reason by Immanuel Kant, translated by J. M. D. Meiklejohn (2010-2013). The Electronic Classics Series.
18. A. Leo Oppenheim (Ed.), Erica Reiner, Michael B. Rowton, Elizabeth Bowman (1958) The Assyrian Dictionary – Vol. E. The Oriental Institute of the University of Chicago.
19. Nguyễn Văn Ưu (2022) Từ vựng cũ, phân tích mới. *Firmament (Thế Hữu Văn Đàn)*, Volume 15, No. 1, April 2022, pp 88-115.

20. Nguyễn Văn Ưu (2023) Tết Ta và Tiết Nguyên Đán. *Firmament*, Vol.15, No. 4, January 2023, pp 163-182
21. Nguyễn Văn Ưu (2022) Thử tìm nghĩa gốc của vài từ ngữ quen thuộc. *Firmament (Thế Hữu Văn Đàn)*, Vol.14, No. 4, January 2022, pp. 64-74.
22. https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_Egyptian_hieroglyphs
23. SEAlang Library Mon: <http://sealang.net/mon/dictionary.htm>
24. A J. L. TABERD (1838) Dictionarium Anamitico-Latinum. Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học – Nhà Xuất Bản Văn Học tái bản (2004). Bản Điện Tử: The Vietnamese Nôm Preservation Foundation:
<http://nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?uiLang=vn>
25. Online Internet dictionary of the Thai language: thai-language.com/dict
26. Nguyễn văn Ưu (2022) Nôm na là cha mách qué. *Firmament (Thế Hữu Văn Đàn)*, Vol.15, No 3, October 2022, pp 182-199
27. Lục thư chữ Hán: Chữ tượng hình, Chỉ sự, Hội ý, Chuyên chú, Giả tá, Hải thanh:
<https://chinese.com.vn/tong-hop-luc-thu-chu-tuong-hinh-chi-su-hoi-y-chuyen-chu-gia-ta-hai-thanh.html>
28. Alexandre de Rhodes (1651) Dictionarium Annamiticum – Lusitanum – Latinum. Hiệu đính: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính. Tái bản: Viện Khoa Học Xã Hội – HCM 1991.
29. The Old English Dictionary: <https://old-engli.sh/dictionary.php>
30. App: WhatTCSay
31. Paul Dickson (2006) Dictionary of Middle Egyptian (in Gardiner Classification Order) – The Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 2.5 License:
<http://www.pyramidtextsonline.com/documents/DicksonDictionary.pdf>
32. J.B.P. Trương Vĩnh Ký (1924) Petit Dictionnaire Francais-Annamite (Small French-Vietnamese Dictionary). Imp. De L'Union Nguyen Van Của (Saigon).
33. Từ Điển Hán Việt Trích Dẫn: <http://www.vietnamtudien.org/hanviet/>
34. Multilingual Translation Dictionary:
<https://www.majstro.com/Web/Majstro/adict.php?gebrTaal=eng&bronTaal=eng&doelTaal=ang&teVertalen=few>

HOÀI NIỆM NHẠC SĨ NGUYỄN VINH MỘT NGƯỜI BẠN TÂM GIAO NHẠC PHẨM CUỐI CÙNG, MỘT ĐIỀU NHẠC HAI TÂM TƯ (HAY TÌNH CA VIỆT ĐẦU TIÊN VINH DANH THÀNH PHỐ LYON)

Khuất Duy Tường

1. LỜI NÓI ĐẦU

Nhạc sĩ Nguyễn Vinh không xa lạ với THVĐ.

Cách đây 12 năm, Nguyễn Vinh, một độc giả trung thành và hâm mộ nhiệt tình của Firmament đã trân quý chia sẻ hồi ức “Ngoảnh Lại Cuộc Đời” với văn thi hữu của THVĐ, kể lại những thăng trầm trong cuộc đời thường của mình. Hồi ức này đã được đăng trong Firmament, Vol 4, No 2, July 2011 (trang 82 -128).

Nhạc sĩ Nguyễn Vinh (23/7/1939 – 29/10/2020) không còn trên cõi đời này và vài dòng Hoài Niệm hôm nay của một người bạn tâm giao cốt gợi lại tiếc nhớ và kỷ niệm 3 năm sau ngày Nguyễn Vinh lặng lẽ “Bỏ đời Bay Đi”, đồng thời để giới thiệu vài tình ca tiêu biểu trong hơn 50 sáng tác của anh, và kể lại giai thoại về một nhạc phẩm tiếng Việt, có lẽ tình ca đầu tiên, vinh danh thành phố Lyon.



Nguyễn Vinh (Vientiane - 35 tuổi- Lyon 2008)

Bài thơ Vĩnh biệt

TIẾN ANH VINH,

Gió đưa mây trắng về trời,
Anh nương cánh gió bỏ đời bay đi,
Nhân sinh nhược mộng xá gì !
Thác về sống gửi còn chi tiếc đời ?

Bây giờ hồn đã rong chơi,
Đầu đời nhớ tiếng Mẹ hời **Mẹ Ru.**
Nỗi niềm, Mắt Biếc Hồ Thu ,
Nửa Vầng Trăng sáng, Tình Thu tuyệt vời.

Hong dòng lệ nóng ai đi,
Bước phiêu linh đó cho người **Hoài Mong,**
Ngày xưa Thân ái thong dong,
Vientane còn đó **Đẹp lòng Lúa Đồi**

Thoảng men Xuân, đã qua rồi,
Về tìm Máu chảy, hương đời ngất ngây.
Chuyện tình Minh tựa men say,
Đạt dào kỷ niệm còn đây **Ẩn Tình.**

Bây giờ dừng **Bước Phiêu Linh,**
Dặn dò ai đó cho **Tình Lên Ngôi.**
Dù cho vật đổi sao dời,
Hồn anh vĩnh cửu ngàn đời phiêu diêu

Nhớ anh nhớ cả trăm chiều,
Nhớ ngàn kỷ niệm nhớ nhiều ...anh ơi !⁽¹⁾

DUY TƯỜNG Lyon 04 /11/2020

Bài thơ lưu niệm với một số tựa nhạc phẩm (**chữ đậm**) sáng tác bởi Nhạc Sĩ NGUYỄN VINH (hơn 50 nhạc phẩm)

* (1) Những giây phút anh em mình đàn ca và luận bàn vui vẻ như vẫn còn đầu đây..

Và anh như vẫn luôn còn đây, chưa hề vắng bóng, ít nhất trong tâm tưởng của những người thân, yêu mến anh.

2. VÀI HÀNG DẪN NHẬP dựa trên hồi ức “Ngoảnh Lại Cuộc Đời”

Cậu bé Nguyễn Đức Vinh vì hoàn cảnh gia đình và đất nước đã theo thân sinh sống tha hương tại nước Lào từ thuở ấu thơ. Sự vắng mặt của người Cha trí thức dẫn mình trong hoạt động kháng chiến, với ý thức nợ nước nặng hơn tình nhà, và sự bất kham của người Mẹ, thiếu điều kiện vật chất và khả năng trí thức để chu toàn giáo dục đứa con thơ, ngoài việc chịu khó tần tảo bán bưng thường nhật để nuôi gia đình. Điều này làm cho cậu bé ý thức thân phận và hoàn cảnh của mình.

Người Mẹ quê mùa đơn thân thâm nhuần đạo đức cổ truyền, chỉ biết chuyên cần lo cho con cơm ngày hai bữa nhưng cũng thường xuyên ân cần khuyên bảo, dạy con cư xử trong đời sống theo nguyên tắc ngũ thường.

Cậu bé Vinh có một đam mê bẩm sinh là âm nhạc lúc đó được 14 tuổi, sống nơi quê hương thứ hai là xứ Lào, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ngừng bước học đường, rời làng ra tình học nghề để mưu sinh và đồng thời tìm cách thực hiện giấc mơ nghệ thuật.

Một chuỗi hạnh ngộ với nhiều Mạnh Thường Quân động lòng quảng đại trước chú bé dễ thương, đã là những cơ hội đào tạo để bé Vinh có thể tiếp nhận những kiến thức căn bản đầu tiên về âm nhạc và văn chương cũng như nghề nghiệp. Những kiến thức âm nhạc tiếp nhận lúc đầu đã kích lệ cậu bé say mê tiếp tục con đường cầu học và tự học, trau dồi nhạc lý để đi đến trình độ sáng tác.

Con đường nghề nghiệp, tình cảm và.. âm nhạc cứ thế dần trôi trong cuộc đời với những cuộc tình ít nhiều ngang trái của chàng trai Nguyễn Vinh đa tình đa cảm có tâm hồn nghệ sĩ, theo nhịp thăng trầm trên đất nước Lào.

Trong giai đoạn sống nơi xứ sở này Vientiane là tình ca chan chứa được sáng tác để tri ân và vinh danh xứ Lào, quê hương thứ hai của tác giả. Và nhạc phẩm " Bước Phiêu Linh " ghi lại những thăng trầm của cuộc sống.

Xin nghe theo những đường dẫn dưới đây

<https://www.youtube.com/watch?v=-Gq7E8uHtKU>



VIENTIANE sáng tác NS Nguyễn Vinh - (Ca sĩ Quỳnh Lan)

<https://www.youtube.com/watch?v=JxPWj5IJIZ0>



Nhạc phẩm Bước Phiêu Linh, niệm khúc về cuộc sống thăng trầm (Ca sĩ Quỳnh Lan)

3. LYON Pháp quốc (2005 - 2020) - Giai đoạn sống cuối đời và vài sáng tác tiêu biểu.

Những biến cố lịch sử, nghề nghiệp và tình cảm trong đời đã đưa Nguyễn Vinh từ Lào sang Pháp để định cư và kinh doanh tại Paris và cuối cùng dừng bước phiêu linh tại thành phố Lyon để sống giai đoạn cuối đời. (Cf. Hồi ức Ngoảnh lại cuộc đời).

Tôi được quen biết NS Nguyễn Vinh tại Lyon vào năm 2007 nhân cơ hội gặp gỡ trao đổi trong một chương trình văn nghệ Tết của Cộng Đồng VN.

Cuộc sơ ngộ ý hợp tâm đầu về văn hóa nghệ thuật cũng như về cá tính đưa chúng tôi đến một vài cơ hội hợp tác để sáng tác, kết hợp khả năng của mọi người, theo nguyên tắc thì anh Vinh viết nhạc theo chủ đề còn tôi thì làm lời cho thích hợp.

Nhạc phẩm Đào Hoa Nữ dưới đây, lấy cảm hứng từ bài thơ Hoa Đào của Thôi Hộ là một kỷ niệm văn nghệ ăn ý của chúng tôi.

Cá nhân tôi rất thích nguyên tác bài thơ huyền thoại này và ngoài bản dịch xuất sắc của Tản Đà, còn một bản dịch khác khá độc đáo. theo thể lục bát gây chú ý, nên tôi rất sốt sắng phần khởi nhận lời đề nghị của anh.

Nguyên tác:

Khử niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiêu đông phong
(Thôi Hộ giai đoạn Trung Đường)

Bản dịch:

* Cửa đây năm ngoái cũng ngày này,
Má phấn, hoa đào ửng đỏ hây.
Má phấn giờ đâu, đâu vắng tá,
Hoa đào còn bốn gió xuân đây. (Tản Đà)

* Năm qua trong cánh công này,
Màu hoa cùng với mặt ai ửng đào.
Giờ đây người ở nơi nào,
Hoa đào như cũ cười chào gió đông. (Nguyễn Thị Bích Hải)
Xin nghe nhạc phẩm này theo đường dẫn dưới đây

<https://www.youtube.com/watch?v=IDh0L16eJ9E>



Đào Hoa Nữ . Nhạc : Nguyễn Vinh . Lời Duy Tường Ca sĩ : Thuỳ Dương

Một giai thoại kỷ niệm khác.

Giáo sư David Lý Lãng Nhân, một thân hữu thi văn nghệ chung của chúng tôi có gửi một nhạc phẩm Tựa Đề “Đường Tôi Đi”, một thể loại Ngôn Hoài áp ủ khí phách và hoài bão tác giả, nhờ anh Vinh hòa âm và thân hữu văn nghệ Lyon hợp ca làm kỷ niệm .

Hai Anh Lý Lãng Nhân và Nguyễn Vinh đều đang phiêu diêu trong cõi vĩnh hằng nhưng video dưới đây đối với tôi là kỷ vật vô cùng quý báu từ hai huynh trưởng.

<https://www.youtube.com/watch?v=GM87Z5Ao3jY>



NHẠC PHẨM CUỐI CÙNG, MỘT ĐIỀU NHẠC HAI TÂM TƯ (HAY TÌNH CA VIỆT ĐẦU TIÊN VINH DANH THÀNH PHỐ LYON)

Vào năm 2014, sau vài lần nhập viện vì vấn đề sức khỏe, anh Nguyễn Vinh có tâm sự với tôi là sẽ viết một bài tình ca cuối cùng như một lời trần trối vì cảm thấy không còn cảm hứng để sáng tác và nhất là vì có sự cần thiết để lại cho đời một tiếng kêu cuối cùng phát xuất từ tận cùng trái tim.

Vào tháng 4 2014 anh cho tôi nghe nhạc phẩm Hạnh Ngộ nhạc và lời của anh mà ca từ vang lên như một hồi ức trần trối và nhạc điệu xót xa thâm trầm. Tôi nghe xong và có cảm giác như một requiem!

Một khoảng thời gian sau, anh ngỏ ý nhờ tôi viết lời hai cho nhạc phẩm này nhưng chủ đề phải liên hệ đến thành phố Lyon vì anh xem nước Pháp như quê hương thứ ba và Lyon dấu yêu như nơi nương dựa cuối đời và anh muốn tặng Lyon món quà này. Đề nghị này như một đề nghị cuối cùng của anh và tôi hân hoan nhận lời vì hai lý do. Thứ nhất tôi xem đó như một thách đố vì xưa nay có lẽ chưa có bài tình ca Việt nào viết về thành phố Lyon. Thứ hai là với cùng một nhạc điệu, tôi sẽ khoác cho ban nhạc một chiếc áo tình yêu chan chứa lạc quan hơn.

Nhạc phẩm Tình Tự Lyon từ đó ra đời và sẽ là lời hai của Hạnh ngộ.

Quý thân hữu có thể nghe nhạc phẩm một điệu nhạc hai tâm tư này qua những đường dẫn dưới đây.

LINKS BÀI HÁT

<https://www.youtube.com/watch?v=iW6YHbD8ZQE>



HẠNH NGỘ - TÂM CA - NHẠC VÀ LỜI Nhạc Sĩ NGUYỄN VINH

<https://www.youtube.com/watch?v=aemLSP1cOYQ>



TNH TỰ LYON (2014) - Nhạc NGUYỄN VINH - Lời DUY TƯỜNG - Ca Sĩ TUYẾT DUNG.

*HẠNH NGỘ.... ĐỜI TÔI**Nhạc và lời NGUYỄN VINH(2014)*

Tôi đã đi tìm niềm vui suốt cả một đời
 Lẻ loi lẻ gót khắp nơi khắp bốn phương trời
 Lời ca nốt nhạc tình tôi với bao nụ cười
 Dầu cho cuộc đời nài trời gió swong tại bởi
 Tôi vẫn đi tìm niềm vui thắm tô cho đời
 Dù tình chưa thắm trên môi, nói chưa nên lời
 Tìm trong giấc mộng mà thôi ngát hương tình đời
 Đê rồi mơ ước thể thôi đón cho mộng mơ
 Duyên thơ vắng tiếng to dòng gió mưa ngày lòng
 Đường chiều hoang vắng mình ta bước đi lẻ sầu vớt mi xót thương đời.
 Tại nghe tiếng ca điệu dang ngọt ngào như mưa thiết tha mong chờ. Lòng ta ngàn
 ngơ sóng vỗ bờ.
 Tiếng hát êm dềm như ru . Gió thu mơ màng
 Đàn ta say đắm miên man ngát hương duyên tình
 Non nước hữu tình bình minh nắng xuyên qua mảnh
 Dáng thơ điệu dang thắm mơ đã bao năm chờ
 Một chút tâm tình cùng nhau xóa bao đau sầu
 Rồi ta cùng bước bên nhau tiếng ca cung đàn
 Đê dang cho đời niềm vui dang duyên nụ cười
 Đời người chờ mong thể thôi, bóng chiều ngừng trôi

TÌNH TỰ LYON

Nhạc: Nguyễn Vinh

Lời: Duy Tường

BOSTON

Tôi mến một dòng sông Rhône thiết tha nhớ nguồn. Vẽ yêu một nhánh sông Saône thiết tha gọi buồn

Hẹn nhau đến nơi tình yêu biết bao nhiêu chiều. Dưới chân thánh đường Fou Vière chứng cho câu thể

Trong ánh nắng vàng lung linh nhớ hai đứa mình. Nhìn hoa đua sắc khoe hương thắm tươi bên

đường. Lặng nghe gió ru hoàng hôn xuyên sao tâm hồn. Rồi bao ôm ấp ước

mơ kết thành bài thơ... Belle-cour tắm suối nắng vàng Dưới chân thánh đường, hoàng hôn dần

xuống Kìa vua thái dương lòng còn vấn vương phút huy hoàng Vieux Lyon dấu xưa chua tàn Hồi chuông Sant

Jean thiết tha dụi dăng Hồn tôi bằng khung Phút nguyện cầu Đây lối mộng vào bóng lai.. Tête D'or hữu tình

Hồ xanh rạng liễu buông tơ gió lay bóng hình Chợt nghe tiếng chim gọi xa biết đâu là nhà

Áng mây khuất nẻo trời xanh biết sao duyên tình. Theo bước nhịp câu tình nhân nhớ hai đứa mình

Nhìn chàng bướm trắng yêu hoa lẳng lơ đưa tình. Nụ hoa khép mộng tình yêu dưới ánh nắng chiều

Thẹn thùng hòa trong giấc mơ rót mật tình yêu Tôi mến một dòng sông Rhône Yêu

Trong đoạn cuối của hồi ức « Ngoảnh Lại Cuộc Đời », Nguyễn Vinh đã trải lòng ước vọng.

« ... Đêm nay nhìn lên bầu trời mênh mông lấp lánh hằng hà sa số những vì sao, tôi nhớ lại hình như đã có lần nghe nói rằng số sao trên trời còn nhiều hơn số nhân loại trên trái đất và mỗi người đều có một vì sao của riêng mình. Tôi không biết vì sao của tôi hiện ở đâu trong dải Ngân Hà nhưng tôi chắc rằng đó là một vì sao cuối đời đang sáng chói mãnh liệt với cái tinh anh cuối cùng của nó trước khi tắt lịm... thắm nguyện để lại một lần chót, một vết sáng dù phù du, nhưng đó là dấu vết của tình yêu chân thật, của sự tri ân, của luyến lưu và hy vọng khi thẳm ngoảnh nhìn lại cuộc đời đã qua..... »

Tôi nghĩ rằng vì sao của anh đang sáng chói mãnh liệt và đang dẫn anh ngao du vạn cõi thiên hà để tích lũy thêm những niềm Hạnh Ngộ. ■

KHUẤT DUY TƯỜNG

(Lyon - Août 2023)



MỘT SỚM CHỚM THU

NGUYỄN GIỤ HÙNG



*Ảnh người viết (NGH) chụp
tại vườn Nhật-Portland-Oregon-Hoa Kỳ*

Hôm nay có phải trời như đang chớm ngả sang thu? Thời tiết hơi lạnh lạnh so với mấy ngày nóng bức trước đây.

Sáng sớm thức dậy, tôi đứng nhìn qua cửa sổ thấy bầu trời vẫn xanh và trong vắt. Trong sân sau nhà, ở cuối bãi cỏ, những cánh hoa hồng vẫn rực rỡ khoe sắc thắm. Cây cổ thụ bên nhà hàng xóm chia cành sang, lá vẫn xanh tươi, không chiếc lá vàng rụng sao tôi thấy trong lòng có chút gì vương vãi, man mác buồn vu vơ như đang chìm mình trong cái dịu dàng của mùa thu thường đem đến cho tôi. Thu đã đến với đất trời hay mới chỉ đến trong lòng tôi với cái buồn nhẹ nhẹ.

*Sầu thu lên vút, song song
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.*

(Thơ Huy Cận)

Không biết lúc này tôi có đang giống như những cô thiếu nữ của nhà thơ Xuân Diệu hay không?

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói

Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Tôi chợt nhớ đến những mùa thu miền Bắc. Mùa thu miền Bắc không có nhiều cây với lá màu rực rỡ như ở đây (Mỹ), ngoại trừ thường thấy nhất ở cây bàng với lá vàng lá đỏ, còn phần lớn là những màu héo úa để chờ đợi rơi rụng và trở thành tro bụi vào mùa đông. Tuy không có nhiều lá thu rực rỡ, nhưng nó có gió heo may lành lạnh, không đủ lạnh để mặc áo bông, nhưng đủ lạnh để ta mặc chiếc áo len mỏng. Các cô thiếu nữ điếm tô cho thu bằng những chiếc khăn "san" màu, theo gió nhẹ bay phủ bờ vai.



Mùa thu là mùa của sen trắng sen hồng đua nhau mọc trong hồ sen. Cô thiếu nữ với chiếc yếm hồng chèo chiếc thuyền nhỏ, lách lượn trong hồ để hái nụ hay hoa sen đem ra chợ bán. Hình ảnh này cũng là hình ảnh đẹp và phổ thông như một biểu tượng của mùa thu miền Bắc.



Mùa thu là mùa của cốm, mà cốm nổi tiếng nhất là cốm của làng Vòng thuộc ngoại ô Hà Nội, nôm na gọi là *cốm Vòng*, có màu xanh biếc của ngọc lại dẻo và thơm, thơm mùi lúa non lẫn mùi lá sen dùng để gói cốm. Người ta ăn quả hồng chín đỏ mềm mại hay “chuối tiêu” với cốm. Hồng không phải ở tỉnh nào miền Bắc cũng có. Riêng hồng Bạch Hạc thuộc Việt Trì nổi tiếng ngon hơn cả, thường được mua để biếu nhau.

Gánh công kén hộ cốm Vòng

Kén hồng Bạch Hạc cho lòng anh vui

Mùa thu là mùa của rươi, chúng được gánh đi bán trên đường phố. Rươi là món ăn được ưa thích thường được rán với trứng, trộn lẫn tỳ vỏ quýt thái nhỏ làm gia vị. Rươi có vị bùi và béo bèo. Món ăn này còn được gọi là *chả rươi*. Mỗi năm có vài ngày có rươi. Chỉ được ăn một lần là đã hết mùa rươi. Rươi nở rộ vào vài ngày “mưa rươi” ở những vùng ven biển.



Nhưng mùa thu không phải chỉ để ăn những món ngon lạ trong mùa mà còn là mùa dành cho loài người cái êm dịu của thiên nhiên làm lòng người rất dễ dàng rung động với nó. Thu thường hay mang cho ta những nỗi buồn vu vơ, trầm trầm như những tiếng thủ thi của lá cây xào xạc trong cơn gió nhẹ. Chẳng thế mà bao nhiêu thi sĩ và nhạc sĩ đã trải lòng mình rung động với thu và cống hiến cho đời biết bao nhiêu tuyệt phẩm về thu, vượt cả thời gian lẫn không gian.

Trong văn chương Việt Nam, nói về thu, ta không thể không kể đến ba bài thơ của cụ Nguyễn Khuyến đó là *Thu điếu*, *Thu ẩm* và *Thu vịnh*. Ba bài thơ này đã được đưa vào chương trình giáo khoa của học sinh bậc Trung Học trước đây (trước 1975).

Trong 3 bài thu trên, bài *Thu Điếu* (Mùa thu ngồi câu cá) là bài được nhắc nhở đến nhiều hơn cả.

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng nước theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Với tôi, bài thơ này nói lên gần hết được cái cảnh, cái tình của mùa thu miền Bắc:

Trong cái không gian bao la ở phía trên với

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Cảnh vật bên dưới thì yên lặng buồn tênh với

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*

Chiếc thuyền con chứa đựng hình ảnh của một ngư ông

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được

Và bên cạnh đó là cái cô quạnh của một

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

Mọi thứ tĩnh lặng chỉ trừ một chút lay động nho nhỏ rơi vào cái tĩnh mịch đủ để cho cảnh thu ấy không chết như với tý gió heo may tạo nên *Sóng nước theo làn hơi gợn tí*, hay của *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*, hay với *Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo*.

Cái hay là ta cảm nhận ngay được hình ảnh lá vàng bay trong gió nhẹ, vì lá quá nhẹ, ắt hẳn phải là lá trúc mà cụ đã giới thiệu trong bài thơ nên mới có thể bay vèo. Và chính cái bay vèo của đám lá nhẹ được cụ Nguyễn Khuyến sử dụng làm đối trọng của sự tĩnh mịch, để cảnh vật không trở nên buồn chán. Và cũng chính những đám lá này nó tạo nên được cái âm thanh xào xạc, âm thanh quen thuộc của mùa thu. Âm thanh này lại làm tăng thêm cái yên tĩnh lên một cách linh động. Bức tranh của cụ chỉ toàn màu xanh được điểm tô bằng những chiếc lá vàng bay, hình ảnh thật thu biết chừng nào.

Từ hình ảnh, màu sắc đến âm thanh được cụ diễn tả thật tài tình bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc và khung cảnh cụ dựng nên, ta có thể gặp bất cứ ở đâu tại miền Bắc nước ta. Nếu cụ chỉ cần thêm một tý màu xám của mây với chút màu trắng đục của mưa phùn thì cảnh vật này sẽ trở nên u ám có khi đến thê lương của mùa đông.

Để trở về với thời gian gần gũi với chúng ta hơn, ta hãy thử đọc vài bài thơ của vài nhà thơ "tiền chiến".

Nếu nhớ đến thu mà không nhắc đến bài thơ "Tiếng thu" của thi sĩ Lưu Trọng Lư (LTL) thì thật là một thiếu sót.

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thôn thức?*

*Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?*

*Em không nghe rùng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?*

So với hình ảnh "chân quê" trong thơ của cụ Nguyễn Khuyến thì hình ảnh thu của LTL có tính cách "thơ" và "ước lệ" hơn, với con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô. Hình ảnh của thơ đôi khi không nhất thiết phải là hình ảnh thực tế quanh ta. Bài thơ "Tiếng Thu" của LTL vẫn là một trong những bài thơ mà tôi thích nhất trong những bài thơ nói về thu sau này.

Nếu ta nghe thấy trong thơ LTL có tiếng lá cây xào xạc thì ta cũng thấy một buổi chiều thu hiu quạnh của Huy Cận:

*Sầu thu lên vút song song
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.*

Trong khi thơ của Chế Lan Viên tha thiết với thu biết chừng nào

*Chao ôi! mong nhớ, ôi mong nhớ!
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.*

thì thu trong thơ Vũ Hoàng Chương (VHC) lại tiêu cực và yếm thế làm sao.

*Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết
Một ván cờ khuya ngã bóng chiều
Ai khóc đời ai trên bắc lụi
Đây mùa thu tới lửa dần thiêu.*

Khác với VHC, thu của Xuân Diệu có vẻ êm ả, nhẹ nhàng, lộng lẫy.

*Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.*

hoặc

*Gió thu hoa cúc vàng lưng dậu
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên*



Nói đến Xuân Diệu ta phải nhắc thêm đến những vần *thơ yêu*. Những vần thơ được các cô các cậu chép đi chép lại nhiều lần ở tuổi học trò, hay mượn lời thơ để tỏ tình với cô "em" cùng lớp.

...
*Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hôn hiu quạnh.
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh,
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi!*

...
(trích “Trương tư, chiều ...” trong tập Thi Nhân Việt Nam)

Thơ yêu của Xuân Diệu là như thế đấy.

Trên trời xanh, vài cụm mây trắng hồ hững bay, hồ hững bay vì cứ bay và bay mãi không ngừng. *Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay* (Tản Đà dịch từ bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu).

Trong cái yên tĩnh của sáng nay, tôi dường như đang nghe thấy tiếng nhạc lớn vồn đầu đây, trong đó có tiếng hát réo rắt lẫn chút ai oán của cô ca sĩ Ngọc Hạ trong bài “Buồn Tàn Thu” của cố nhạc sĩ Văn Cao mà tôi yêu thích và đang đưa tôi đi xa vào cõi không. Giọng ca và sự diễn tả của người ca sĩ này sao điêu luyện quá. Tôi nghĩ, nếu cụ Văn Cao còn sống hẳn sẽ hài lòng và cảm ơn cô vì cô đã có thể truyền đạt được hết cái hay của bản nhạc lẫn tâm sự của mình đến người nghe. Với bài hát này, theo tôi, sau Ngọc Hạ còn ai nữa nhỉ? ■

Nguyễn Giø Hùng

Mời nghe

Buồn Tàn Thu

Nhạc: *Văn Cao* - Ca sĩ: *Ngọc Hạ*

<https://www.youtube.com/watch?v=8-HocxnE-y0>

Bài thơ Tiếng thu

Thơ: *Lưu Trọng Lư*- Diễn ngâm: *Ngọc Sang*

https://www.youtube.com/watch?v=c5RVyHI_TeU&list=RDC5RVyHI_TeU

Đây mùa thu tới

Thơ: *Xuân Diệu* - Diễn ngâm: *Ngọc Sang*

<https://www.youtube.com/watch?v=mnAzZFq147g>

Ngọc Hân Công Chúa

Nguyễn Tuấn Huy

Hôm nay là lễ giỗ ba năm của chồng tôi. Ông chết ngay đúng vào thời Đại Dịch Covid-19. Nhưng ông không bị chết vì Covid mà chết vì bệnh ung thư phổi. Mặc dù ông không bị con vi khuẩn covid giết một cách đột ngột nhưng cái chết nhanh chóng của ông vì ung thư cũng làm cho tôi chới với. Vì cách ly thời đại dịch và cộng thêm số lượng người chết quá sức tưởng tượng, vất vả lắm tôi mới chôn cất được ông cho tử tế. Năm vừa tròn 50 tuổi, tôi đột nhiên trở thành một bà quả phụ. Tối hôm qua tôi nhắn tin cho ba đưa con gái về việc viếng mộ bố ngày hôm nay. Đứa con gái lớn nhất của tôi sống ở một tiểu bang miền bắc nước Mỹ. Mỗi năm tôi được thấy mặt nó hai lần trong những dịp đại lễ. Đứa con gái thứ hai đã lấy chồng và dọn ra riêng. Tuy rằng nó sống ở cùng thành phố với tôi nhưng thỉnh thoảng nó mới ghé thăm tôi. Cô gái út của tôi còn đang học đại học ở ngay thành phố nên vẫn còn ở chung nhà với tôi. Mặc dù sống ở chung nhà nhưng tôi cũng ít khi nào gặp mặt nó. Nó thuộc loại động vật sống về khuya. Buổi tối nó ở trong phòng học bài, vừa coi phim vừa chat với bạn bè ở trên phone hay đi chơi với nhau cho đến khuya. Buổi sáng khi tôi thức dậy đi tập thể dục ở gym rồi đi làm, nó vẫn chưa ra khỏi phòng. Chỉ có cuối tuần tôi ở nhà thì hai mẹ con mới có dịp gặp mặt, nói chuyện với nhau vài câu.

Tôi không biết là hôm nay hai đứa nó sẽ ra thăm mộ của bố nó giống như là tôi đã nhắc hay không. Cũng nên biết rằng tụi nó không những chỉ là Mỹ con như bao nhiêu đứa trẻ em Việt đẻ ở Mỹ, mà tụi nó còn có giông máu Mỹ ở trong người vì chồng tôi là một người Mỹ trắng. Anh lớn hơn tôi 25 tuổi, là một người trí thức, cựu giáo sư đại học ở trường con gái út tôi đang học bây giờ. Các con của tôi được chồng tôi giáo dục giống như Mỹ trắng nên nhiều lúc tôi không giải thích được văn hóa Việt Nam với chúng nó. Việc viếng mộ cũng như việc tôi sinh hoạt ở trong ca đoàn tại giáo xứ đối với chúng là văn hóa riêng của tôi, không dính dáng gì đến chúng. Chúng tôn trọng thế giới riêng của tôi, không tọc mạch hoặc xoi mói cuộc sống cá nhân của tôi, từ công việc làm cho đến chuyện tình cảm của tôi. Nhưng ngược lại, chúng cũng muốn tôi cũng phải tôn trọng cuộc sống riêng tư của tụi nó. Tuy là mẹ chúng, nhưng nhiều lúc tôi cảm thấy mình giống như là một người giúp việc ở trong nhà, chỉ được phép thương chúng nó ở đằng xa. Cả ba đứa đều có gen Mỹ từ bố nhiều hơn gen Việt của mẹ nên nhìn giống Mỹ hơn là Việt Nam. Hồi nhỏ khi tôi dẫn chúng nó ra ngoài công viên chơi, mấy bà mẹ người Mỹ khác cứ tưởng tôi là người giữ trẻ cho gia đình. Cái này không biết có phải lỗi của tôi vì vẫn còn giữ nét văn hóa Việt Nam của tôi hay là vì chúng nó thân tượng hóa bố của tụi nó nên từ khi anh mất đi, tôi hình như không còn chỗ đứng ở trong cuộc sống của tụi nó.

Phong trào lấy chồng người ngoại quốc chỉ là một hiện tượng mới đây trong văn hóa Việt Nam. Ngày xưa, việc phải lấy chồng xa là một mối đau lòng của người con gái. Ở miền Nam có bài hát ru “...má ơi đừng gả con xa, chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.” Năm 1306, vua nước Chiêm Thành là Chế Mân dâng hai châu Ô và Lý làm của hồi môn xin làm rể, vua Trần Anh Tông chấp nhận và gả con gái là Công chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Cho đến bây giờ người ta vẫn còn tiếc thương Công chúa Huyền Trân vì là một con vật tế thần cho cuộc hôn nhân bang giao này qua câu ca dao, “Tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằn lằn, thằn lằn nó leo.” Do đó những cô gái phải lấy chồng người ngoại quốc vì gia đình thường được ví von là theo gót Huyền Trân. Khi những người lính viễn chinh Pháp và Mỹ ở Việt Nam rút về nước, những người vợ Việt của họ cũng theo về nước. Tuy nhiên những cô gái

này bây giờ không còn được xã hội thương tiếc là những Huyền Trân thời đại và còn lại bị gán cho những danh hiệu khinh chê như là “me Mỹ” hoặc “me Tây”. Thật ra tôi thấy xã hội Việt Nam hơi thiên vị người đàn ông trong những hôn nhân dị chủng. Khi các ông đi du học ở Mỹ hoặc Pháp rồi lấy vợ đầm thì được coi là một giống như người có tài, ngược lại khi phụ nữ lấy chồng ngoại quốc thì lại bị khinh thường. Những ai đọc hồi ký của những “me Mỹ” như bà Lê Lý Hayslip thì sẽ thấy được những khó khăn, khổ cực của những con gái khi phải lấy chồng ngoại quốc ở xứ người. Bà theo chồng về Mỹ năm 1970 lúc mà chưa có nhiều người Việt Nam định cư. Mấy chục năm sau, xã hội Việt Nam vẫn tiếp tục còn những cô gái theo chồng về Đài Loan, Nhật Bản, Châu Âu, Úc và nhiều nhất là Mỹ. Ở những nơi đã có cộng đồng người Việt sinh hoạt mạnh mẽ như Mỹ hoặc Úc thì còn đỡ. Chỉ tội nghiệp cho những cô gái Huyền Trân thời đại phải sống những nơi không có nhiều người Việt Nam đồng hương sinh sống.

Kinh nghiệm lấy chồng Mỹ của tôi cũng tương tựa như câu chuyện của bà Lê Lý. Bà đến Mỹ năm 1970, thời mà người Mỹ chỉ thấy người Việt trên màn hình mỗi tối trong những phóng sự chiến trường. Thời đó, ngoài những ông sĩ quan VNCH qua Mỹ thụ huấn, nhóm người Việt duy nhất ở Mỹ là du học sinh và những cô vợ Việt Nam, những “me Mỹ”. Gia đình chồng có ác cảm với bà vì họ nghĩ bà là người lợi dụng ông để sang Mỹ. Lần đầu tiên chồng tôi dẫn tôi về ra mắt mẹ chồng, bà nhìn tôi với một con mắt nghi ngờ. Gia đình chồng tôi ở tiểu bang Kentucky tức thuộc phía bắc miền Nam nước Mỹ. Vùng này thuộc loại đất nghèo nên người Việt Nam mình chưa mò tới lập nghiệp. Kể cả người Mỹ đen cũng tránh vùng này vì sợ bị kỳ thị. Chỉ có mấy người dân Mễ chịu khó làm việc ở trong các nông trại là dám ở vùng này thôi. Do đó, gia đình bên chồng tôi không có dịp để tiếp xúc với người Á Đông. Mẹ chồng tôi tuy tỏ ra rất lịch sự nhưng giữa tôi và bà vẫn có một khoảng cách vô hình vì khác màu da. Đến khi tôi đi ra cho bà ba đứa cháu nội thì tôi mới thực sự cảm thấy mình được chấp nhận ở trong gia đình của họ.

Tuy rằng tôi lấy chồng Mỹ nhưng tôi không nghĩ mình giống Huyền Trân mà giống như Ngọc Hân Công Chúa. Nhưng Ngọc Hân Công Chúa lấy ông vua Quang Trung là một người Việt Nam mà! Thật ra ngày xưa Ngọc Hân ở Đàng Ngoài của nhà Trịnh còn Nguyễn Huệ xuất thân từ Đàng Trong của nhà Nguyễn. Trong suốt 45 năm, hai bên Trịnh Nguyễn đánh nhau bảy lần. Đây là cuộc nội chiến đầu tiên của Việt Nam, phân chia đất nước làm hai không khác gì Bắc Cộng Sản, Nam Cộng Hòa trước năm 75. Cuộc tranh chấp này kéo dài gấp đôi cuộc chiến giữa Quốc Gia và Cộng Sản. Vì vậy vào thời đó, Đàng Trong và Đàng Ngoài giống như hai quốc gia riêng biệt. Nên đối với Ngọc Hân, Nguyễn Huệ cũng là một người ngoại quốc không khác gì anh chồng Mỹ của tôi. Nguyễn Huệ đem quân Tây Sơn ra Bắc để lật đổ nhà Trịnh dưới danh nghĩa “phò Lê diệt Trịnh”. Đẹp xong nhà Trịnh, Nguyễn Huệ triều bái vua Lê là Lê Hiển Tông. Lúc đó Nguyễn Huệ chưa lên ngôi hoàng đế mà vẫn còn là một tướng của Tây Sơn ở Đàng Trong. Do đó, vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm Quốc Công và gả con gái cùng là Ngọc Hân Công Chúa để thưởng công. Sử chép rằng lúc đó Nguyễn Huệ oai phong, lẫm liệt nên cho dù Ngọc Hân bị gả cho một người ngoại quốc, nhưng chắc bà cũng mê tí tởm anh hùng áo vải Nguyễn Huệ giống như tôi mê ông thầy người Mỹ tài hoa của tôi. Thừa ấy tôi vừa mới sang Mỹ, may mắn được ghi danh vào đại học thì bị ông thầy Mỹ cưa, tôi đổ lúc nào không hay.

Sở dĩ mà tôi biết rành về Vua Quang Trung và Công Chúa Ngọc Hân là vì hồi còn nhỏ tôi mê đọc truyện Hoàng Lê Nhất Thống Chí của Ngô Văn Gia Phái. Mẹ tôi thì hay cần nhần, “Con gái gì mà không lo học hành, chỉ thích coi truyện.” Bố tôi thì chỉ tùm tùm cười. Ông hay đọc truyện Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa nhưng thỉnh thoảng hai bố con tôi lại tranh luận về mưu mô của Nguyễn Hữu Chỉnh giống như người ta bàn về táng đa nghi của Tào Tháo. Vì vậy bố tôi cũng có tay trong việc tôi thích học về lịch sử. Tội của ông cũng lớn không thua gì tôi! Chắc ông không bao giờ ngờ rằng sẽ có một ngày

con gái cưng của ông lại phải lấy chồng ngoại quốc và cũng phải khóc tang chồng khi chẵn gối còn đang mặn nồng như bà Ngọc Hân. Thật ra thì tôi không biết là bà Ngọc Hân có thật sự yêu ông Nguyễn Huệ hay không vì bà bị ép gả làm vợ bé. Tôi nghĩ rằng cho dù không yêu thì ít ra bà cũng kính phục chồng của mình. Bằng chứng là khi ông mất, bà viết một bài thơ song thất lục bát dài 164 câu với tựa đề là “Ai Tư Vãn” để khóc chồng. Tôi đọc mà còn rơi nước mắt nói chi bà. Riêng tôi thì tôi thật sự yêu chồng vì không ai bắt ép tôi cả. Anh chàng theo đuổi tôi. Tôi thích anh ta nên nhận lời cầu hôn của anh trong sự tự do hoàn toàn. Lúc tôi còn trẻ, ai thương thì tôi lấy chứ tôi cũng không nghĩ đến chuyện phải lấy chồng Việt Nam.

Vua Quang Trung mất sau khi mới lên ngôi được bốn năm. Bà Ngọc Hân là vợ thứ nên con bà không được lên ngôi vua. Vì vậy quyền lực của bà ở trong triều cũng mất đi. Bà đem con vào sống ở trong chùa và mất sớm khi mới có 29 tuổi. Ngày xưa các cô gái trẻ được tuyển vào cung làm cung nữ lúc mới 14, 15 tuổi. Sau 10 năm tức là khoảng 25 tuổi nếu chưa được vua chọn làm phi tần thì họ phải xuất cung và trở về làm thường dân. Những cô gái này đối với thời xưa thì đã được coi là già, quá tuổi thành hôn. Nhưng họ vẫn có cơ hội để lấy những người đàn ông góa vợ hoặc làm vợ bé những người giàu. Ngược lại những phi tần, cung nữ đã được ân ái với vua thì cho dù xuất cung cũng không được phép lấy chồng. Đa số vào tu ở trong chùa cho đến chết. Ngày xưa người ta nâng cao ngôi vị của vua lên đến hàng thần thánh. Cái gì mà vua đã dùng qua rồi thì người thường không được đụng tới, kể cả những phụ nữ mà vua đã ngủ với, cho dù chỉ là một đêm. Nếu số phận của những phi tần, cung nữ này phải sống cô đơn suốt đời chỉ vì một lần được ngủ với vua, thì số phận của những bà góa chồng cũng không sáng sủa gì. Xã hội ngày xưa tôn vinh những người đàn bà sống thủ tiết thờ chồng nuôi con. Đến khi chết đi, họ được vua ban sắc chỉ “Tiết Hạnh Khả Phong” khắc ở trên bảng gỗ, đem để ở trên bàn thờ. Đây là một vinh dự lớn lao cho con cháu.

Tôi không hiểu tại sao xã hội Việt Nam ngày xưa lại không muốn cho người đàn bà tái giá hay lấy chồng khác. Ngày xưa Chúa Giêsu cũng thương hại cho một bà góa thành Naim nên mới làm phép lạ cứu sống con trai bà từ cõi chết. Như vậy, không phải chỉ có xã hội Việt Nam ức hiếp những người góa phụ và cả xã hội Do Thái thời xưa cũng vậy. Tại sao là như vậy? Xã hội ngày xưa tuy là do người đàn ông đứng đầu nhưng họ cũng phải có sự ủng hộ của người đàn bà. Tôi nghĩ các bà không muốn cho các bà góa được tái giá để giảm bớt cạnh tranh. Phần các ông thì nếu các bà phải ở góa thì sẽ tăng thêm quyền lực của họ. Nói cách khác những bà vợ sẽ không phải lo sợ những bà góa dành chồng của mình. Còn các ông chồng thì lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc của các bà góa mà làm khó dễ họ. Giống như một người có tiệm bán bánh mì. Chẳng may cửa tiệm bị cháy nhưng không có bảo hiểm. Vì vậy người chủ không có tiền bồi thường để xây lại tiệm. Các tiệm bánh mì khác vui mừng vì bớt đi sự cạnh tranh. Người chủ đất, người bán bột mì thừa lúc người chủ không có lợi tức để xiết nợ, chiếm đoạt tài sản còn lại. Như vậy tất cả mọi người đã thừa thời cơ, hòa nhau để ức hiếp người xấu số.

Vì vậy ở nước Mỹ này nghề bán bảo hiểm là một nghề không bao giờ đói vì làm cái gì người ta cũng phải mua bảo hiểm, từ bảo hiểm nhà, bảo hiểm xe cộ, bảo hiểm sức khỏe cho đến bảo hiểm chó mèo. Sau khi chồng tôi chết, tôi đi làm nghề bán bảo hiểm vì tôi không muốn ai có thể lợi dụng cơ hội để ức hiếp tôi như các bà góa ngày xưa. Tôi không mê cái danh dự “Tiết Hạnh Khả Phong” của người xưa mà ở giá thờ chồng vì đó chỉ là một vinh dự hão. Tôi không cần có một người đàn ông để đem lại hạnh phúc cho tôi. Nhưng nếu có ai thương tôi muốn cùng tôi chung sống thì tôi cũng sẽ không từ chối vì có chồng cũng có những ích lợi của nó. Tuy nhiên tôi không bao giờ ngờ có một ngày mình lại lấy một người chồng ngoại quốc ở trên xứ người. Rồi tôi lại sanh ra những đứa con hai dòng máu. Tụi nó lớn lên mà không bao giờ phải thắc mắc về quá khứ hoặc nguồn gốc giống như tôi. Lịch sử của những người di dân là như thế đó. Thế hệ ban đầu còn bỡ ngỡ, cố gắng giữ lại những nét văn hóa Việt trên quê

người nhưng rồi đến thế hệ sau thì sẽ không còn những ưu tư đó nữa. Từ Huyền Trân, Ngọc Hân, bà Lê Lý, những nàng dâu Đàng Ngoài, những người xuất khẩu lao động ở Đông Âu cho đến phong trào xuất khẩu lao động qua Nhật Bản gần đây, tất cả sẽ tìm cách thích ứng vào đời sống mới. Dần dần họ sẽ mọc rễ và bám lấy mảnh đất mới. Họ sẽ sinh hoa trái và con cháu của họ sẽ hòa nhập vào xã hội mới. Cho đến một lúc nào đó di tích văn hóa của họ chỉ còn tồn tại trong những món ăn như phở và bánh mì mà bây giờ người Mỹ thích ăn như là pizza hoặc spaghetti của người Ý. Tôi, Ngọc Hân Công Chúa cũng sẽ hoà tan trong xã hội mới, lãng chìm theo thời gian không còn để lại dấu vết. ■

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

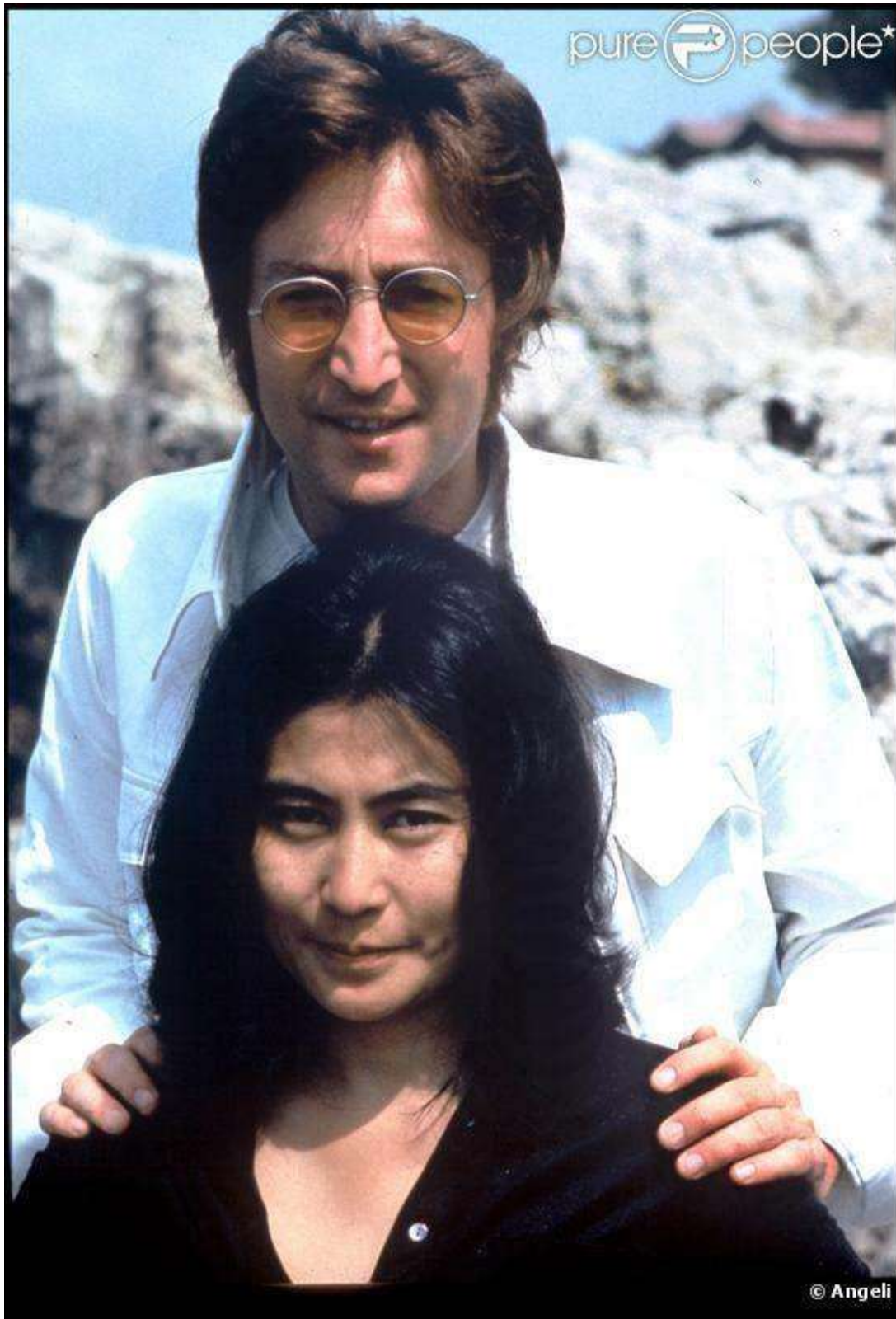
Ngày 5 tháng 8 năm 2023

JOHN LENNON VÀ YOKO ONO

Dã-Thảo

Chắc các bạn sẽ đặt câu hỏi tại sao Dã Thảo lại hay viết từ Thơ cho đến Văn, bao giờ cũng ướm át về cái chữ TÌNH ? TÌNH YÊU là một thứ gì rất khó nói lắm phải thế không các bạn ? Nhưng, nếu trong đời sống buồn bã này không có một chữ TÌNH để thương yêu, để mơ mộng, để khổ đau, để hờn giận, thì cái ruộng đời của mỗi một con người trong chúng ta, chắc chắn nó sẽ rất là khô cằn và thiếu sinh khí, nếu nó có phì nhiêu đi chăng nữa, thì cũng là một thứ phì nhiêu giả tạo vì sự sống của nó rất tẻ nhạt, không có màu sắc trẻ trung.... Có thể là những bài viết của Dã Thảo hơi táo bạo trong một khuôn khổ của một tờ báo văn học rất nghiêm túc, mà những cây bút kỳ cựu trong ấy, ít chấp nhận được cái tư tưởng quá phóng khoáng và siêu lãng mạn (như các nhà báo Paris vẫn hay phê bình như thế)...nhưng Dã Thảo vẫn thường tự bảo với mình rằng : « *L'écriture pour moi est une évacuation parfaite, je ne pensais pas devenir écrivaine. On peut comparer un lac à un océan, ils sont tous les deux remplis d'eau, mais ce n'est pas du tout la même chose, j'écris, car j'ai besoin de rêver, d'imaginer, d'inventer des univers, je ne suis pas sûre que le réel soit aussi passionnant, mais c'est une conception de vie à laquelle j'aimerais noter tout ce qui se passe dans ma tête, dans mes pensées, des fois la douleur d'écrire me fait hurler de rire, et c'est un privilège que je ressens en moi.* » Đó cũng là một chút tâm tình của Dã Thảo gửi gắm đến các bạn, Dã Thảo mong mỗi rằng những « bài tùy hứng này » với những chuyện tình có khi hơi điên cuồng một tí, hơi rồ dại một tí, những cuộc du ngoạn dù là chỉ đi tham quan, nhưng nó cũng làm cho các bạn hình dung đến một sự lang thang với người tình bên cạnh của một thời vàng son trẻ dại nào đó đã qua.... Đẹp quá phải không các bạn ? Như thế là Dã Thảo đã mang đến cho Thê Hữu Văn Đàn thêm một chút tươi mát, trẻ trung, dí dỏm...một tí màu sắc giữa một trời Thu u ám, dầm dề hạt mưa như ngày hôm nay...Vi thể, mưa đang rơi ngoài trời, mưa rơi trong lòng, Dã Thảo chợt nhớ đến một chuyện tình hơi quái đản, cuồng loạn của ba mươi năm trước, đã một thời làm xôn xao dư luận báo giới không ngừng, nên xin kể lại cho các bạn nghe, gọi là món quà cuối năm của Dã Thảo, đó là chuyện tình của chàng JOHN LENNON (trong nhóm BEATLES) và một nàng da vàng Nhật Bản, YOKO ONO.

Cái TÌNH YÊU LIÊN HỢP này mà Dã Thảo tạm gọi là « *L'Amour Fusion* » của hai người, cũng đã tượng trưng cho bao nhiêu điều không tương bằng bấy nhiêu điều cùng cực quá đáng, của những năm 1970. Phải nói rằng chuyện tình của JOHN LENNON và YOKO ONO, dù bị gièm pha tột bực, vẫn tồn tại một cách khác thường trong truyền thuyết nhạc ROCK.



Hắn vừa được bốn mươi tuổi....Khởi đầu như một bài hát, để cuối cùng kết thúc như một quyển tiểu thuyết thám thật tội : năm viên đạn được bắn thật chính xác, JOHN LENNON ngã xuống, ở bên

giường của người hấp hối, một người đàn bà nhỏ thó có mái tóc đen huyền thét gào : đó là YOKO ONO, vợ của hắn, góa phụ của hắn. Rất nhanh, cái chết của JOHN LENNON được chính thức công bố. Trên toàn thế giới, sự xúc động thật tương xứng với ảnh hưởng mà người lãnh đạo nhóm BEATLES đã ban cho cả một thế hệ. Tất cả những người hai mươi tuổi trong những năm 1960, đều có mang một chút gì đó của JOHN LENNON, cho dù họ không biết rõ hay có tự bào chữa đi chăng nữa. Cái di sản thừa kế đó như thế nào ? Những bức ảnh đã hoen ố, những bài hát không bao giờ quên được, những giấc mơ còn mòn.... Trong ba mươi năm, thế giới này đã đổi thay, mang đi những ảo tưởng, cái thông điệp hoà bình, sự độ lượng bao dung, đôi khi rất hồn nhiên, chất phác, nhưng vô cùng thành thật của những năm LENNON.



Sau khi thành lập được một nhóm – và nhóm nào đây, lạ quá ! với

» (*Elle est ma mère supérieure*), hắn vừa nói vừa cười chế diễu, nàng cũng là người bạn tâm tình, người bạn thân nhất, là giáo chủ, là y sĩ, là nàng thơ, là chủ ngân hàng của hắn. Rất nhiều vai trò. Quá nhiều, tất nhiên là thế. Một cặp mà tất cả đều như quá đáng !

YOKO ONO ! Hiếm có một phụ nữ nào đã bị nguyên rủa và căm ghét đến thế... Ba mươi năm sau cái chết của thần tượng của họ, những kẻ hâm mộ cuồng nhiệt của nhóm BEATLES vẫn tiếp tục bêu xấu, lãn nhục, tố giác nàng về mọi thứ tai ương. Trước tiên là đã thúc đẩy LENNON rời khỏi nhóm BEATLES, và đã làm tan rã ban nhạc. Sự buộc tội này, nguyên nhân chính của sự thù hận của họ, hình như không có cơ sở chính đáng : Thật sự ra thì JOHN LENNON cũng đã sắp đặt sẵn cho sự chia tay này rồi. Có thể là sự có mặt của YOKO ONO đã làm gia tăng tốc độ cho sự ly thân của họ. Một sự tố cáo khác : nàng này đã lôi kéo JOHN trong việc xử dụng bạch phiến và các chất kích thích nặng. Nhưng chàng BEATLES kia cũng đâu có cần phải chờ đến sự có mặt của nàng để thưởng thức những cảnh đê mê của thiên đàng nhân tạo.... Vậy thì, YOKO ONO là thiên thần hay ác quỷ ? Tất nhiên, nàng cũng chẳng phải là thánh thiện, mà cũng chẳng phải là quỷ satan, hay nói một cách khác, đúng hơn, nàng là hiện thân lẫn lộn của cái thiện và cái ác, giống như JOHN LENNON vậy.

Xuất thân từ một giai cấp rất thượng lưu của Nhật Bản, YOKO ONO rất phóng khoáng tư tưởng, tính tình lại độc đoán, vừa táo bạo và trào lộng. Một cá tính được rèn luyện trong những khổ hạnh của quê hương nàng trong thời đệ nhị thế chiến. Về sau này, giao du với trào lưu nghệ thuật tiên phong, nàng đã tự giải phóng mình khỏi những sự khắc nghiệt của truyền thống Nhật Bản. Hai lần ly dị, nàng là mẹ của một bé gái tên là KYOKO. Nhỏ thó người, nước da màu nâu sậm, tiếng nói đặc giọng điệu Nhật, nàng chẳng có một tiêu chuẩn nào về sắc diện, và cũng không giống một tí nào với các phụ nữ trẻ mà người ta thường gặp, theo những dấu chân của nhóm BEATLES. Hơn nữa, nàng lại lớn hơn JOHN bảy tuổi. Vì nàng, JOHN sẽ rời CYNTHIA, người vợ và cũng là mối tình đầu đời của hắn. - Kể ra, thì tình cảm

giữa cặp này cũng chẳng còn keo sơn gắn bó với nhau nữa – và vì YOKO, hẳn chấp nhận thay đổi triệt để cách sống của hẳn từ trước đến nay.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ bắt đầu từ năm 1966, khi một hôm bước chân của JOHN LENNON lạc vào một phòng trưng bày nghệ thuật với những tác phẩm của YOKO ONO, mà tiếng tăm không vượt ra khỏi những môi trường bình dân của cư dân thành phố Luân Đôn. Nàng chỉ mơ hồ biết về đám BEATLES, mặc dù sự nổi danh của nhóm này lúc ấy, đã là toàn cầu, tuy nhiên, vừa nhìn JOHN, nàng như rơi xuống dưới sức quyến rũ của hẳn, và tự thề với mình rằng sẽ lấy JOHN cho bằng được, chẳng có gì có thể làm rung chuyển được sự quyết tâm của nàng.

Thế là họ viết thư cho nhau, gặp lại nhau, khám phá ra nhau, để rồi sau cùng nàng ngang nhiên dọn vào nhà hẳn ở, trước sự ngạc nhiên của CYNTHIA LENNON, khi cô này và con trai là JULIAN, một hôm của tháng mười một năm 1968, đi nghỉ hè từ HYLAP về, vừa bước vào nhà đã bắt gặp YOKO ONO trong những quần áo của chính mình, tóc tai rối bù, đang ngã người trong phòng khách, còn khinh khỉnh nhìn CYNTHIA với ánh mắt của một kẻ thắng trận. (Một người đàn bà như thế, để có mấy tay phải thế không các bạn ?)

Thú thật, thoát nhìn vào cặp JOHN-YOKO, hình như chẳng có gì cân xứng với nhau cả. Những người kẻ cận đều đánh cuộc cho một sự gãy đổ rất chớp nhoáng, nhưng cũng thật nhanh, đôi tình nhân này trở thành rất keo sơn gắn bó, một cặp uyên ương hợp nhất. Trong cặp mắt của đa số, và thứ nhất trong đám BEATLES, thì hình như JOHN đang bị chi phối bởi người đàn bà này. RINGO STARR, người gõ nhịp trong ban nhạc, đã lên tiếng một cách nghiêm khắc : « *YOKO đã biến JOHN thành một thứ ma quỷ, cô ta đã tước đoạt hết tất cả nhân cách vì cái moi lợi nhuận* ». (YOKO a fait de JOHN un zombie, elle l'a dépossédé de toute personnalité par appât du gain). Còn theo ý kiến của ALLEN KLEIN, người chủ điều khiển nhóm, thì cho rằng : « *JOHN rất cần YOKO hơn là YOKO cần JOHN* » (JOHN avait plus besoin de YOKO que YOKO n'avait besoin de lui).

Năm 1969, Hai người thành hôn với nhau ở GIBRALTAR. Đó cũng là năm Liên Hoan ở WOOD-STOCK, với phong trào HÒA BÌNH VÀ THƯƠNG YÊU (**mouvement Peace and Love**) cũng như phong trào chống đối chiến tranh VIỆT NAM. JOHN và YOKO mang cái tiếng tăm vô hạn của mình vào việc phục vụ cho hoà bình. Với minh họa khẩu hiệu « *Hãy yêu thương – Không Hận Thù* » (**Faites l'amour, pas la guerre**), họ đã tổ chức ở AMSTERDAM, rồi ở MONTREAL, cái việc chống đối ngồi trên giường, rất được nhiều người biết đến (gọi là bed-in). Họ điều khiển những cuộc họp báo từ nơi giường của họ. Mặc một bộ đồ ngủ màu trắng, họ trao đổi với những phóng viên – các người này cũng ngồi trên hoặc chung quanh giường ngủ của JOHN – và cùng nhau hát ca khúc hoà bình. Những bức ảnh từ phòng ngủ của cặp này, được lần lượt xử dụng như khán đài chính trị, hoặc lớp diễn xuất nghệ thuật thực nghiệm, và cũng là phòng ghi âm - được chuyển đi vòng quanh thế giới.



JOHN đã thay đổi dáng vẻ bên ngoài của mình. Từ cái diện mạo BEATLES xưa kia, được nối tiếp theo cái dáng vẻ của một giáo chủ, với mái tóc dài, chòm râu quai nón và cặp kính đeo mắt tròn. Đôi uyên ương ở ẩn, tự giam kín trong nhà ngục huy hoàng của bất động sản TITTENHURST của họ, ở phía nam Luân Đôn, tập hợp quanh mình với những người lên đồng, hấn say mê với khoa chiêm tinh, bài tarot và khoa bói toán bằng số học của Trung Hoa. Năm 1970, JOHN và YOKO đi theo cách điều trị của bác sĩ ARTHUR JANOV, chữa bệnh dựa theo nguyên tắc cơ bản của tiếng khóc đầu đời, chủ yếu là đặt lại con bệnh vào những trường hợp nguy kịch nhất khi mới vừa lọt lòng mẹ, và thời thơ ấu của họ, để từ đó giải phóng họ ra khỏi những chấn thương tâm thần. Hình như cách chữa trị này rất tốt đẹp, đặc biệt cho JOHN. Có thể là những buổi thực tập đó đã giúp JOHN hàn gắn lại những vết thương của một thời ấu thơ rất ai oán, đau lòng, giữa một người cha luôn vắng mặt và một người mẹ không có tình mẫu tử. Hấn được một người cô thu nhận về nuôi trong những điều kiện vật chất rất khó khăn.



Sau những lần chữa trị này, hấn thu bản nhạc **MẸ (Mother)**, trong ấy hấn hát « *Mẹ đã có con, nhưng con không bao giờ có được Mẹ* » (*Mother, you had me, but I never had you – Maman, tu m'as eu, mais moi, je ne t'ai jamais eue*), một trong những tựa đề rất xúc động, bài này hấn dâng tặng cho người Mẹ đã mất, bị hức ngã bởi một cảnh sát viên say rượu khi hấn được mười tám tuổi.

Năm 1970, nhóm BEATLES chính thức tuyên bố sự chia tách của họ. Hơn bao giờ hết, YOKO ONO là mục tiêu cho tất cả những sự chỉ trích, bị buộc tội là đã giết nhóm BEATLES bằng cách làm hoàn toàn mê hoặc JOHN. Từ đây, cặp vợ chồng này đã chuyển nơi cư ngụ của mình sang Nữ Ước. Vượt sang bờ Đại Tây Dương, JOHN vội tìm cách che chở cho YOKO ONO khỏi sự căm ghét của đại chúng và những người Anh quốc say mê cuồng nhiệt nhạc của mình. Họ sống trong toà nhà DAKOTA Building, một cao ốc rất sang trọng và rất được bảo vệ kỹ lưỡng của MANHATTAN. Một thời gian sau, cái đĩa nhạc chung của hai người, tựa đề là « **ALBUM ĐÁM CƯỚI** » (**Wedding album**), gọi lại liên miên trong

nhiều đoạn khúc, những lần sảy thai của YOKO ONO. Đĩa ấy chứa những ghi âm nội tử cung, hoà lẫn với những âm thanh rất kỳ lạ, và trong cái túi nhỏ đựng đĩa, có kèm theo một bản fax của tờ chứng nhận hôn nhân của hai người, cùng hình một phần của cái bánh đám cưới bằng bì cứng. Tiếc thay, tác phẩm ấy được đón nhận một cách pha trộn và dè dặt hơn là cái giá trị khả dĩ xứng đáng của nó.

Đến năm 1973, đôi uyên ương chia tay với nhau. Sự chung sống đã trở thành một điều thiên nan vạn khó. JOHN bỏ đi Los Angeles cùng với MAY PANG, cô thư ký xinh đẹp của hai người, gần như được chỉ định đóng vai trò tình nhân của JOHN, bởi YOKO ONO....Lại là một âm mưu ? Hay là ý chí muốn giữ chồng một cách gián tiếp, dưới sự kiểm soát của nàng ? Thế là lúc ấy bắt đầu một việc mà về sau này JOHN nôm na gọi đó là « *một cuối tuần đáng thương hại* » của hắn, (**his Lost week-end – son week-end paumé**). Chuyến ly thân này kéo dài mười tám tháng. Một dấu ngoặc thật dài trong khi ấy JOHN sống, ở bên bờ biển phía Tây của nước Mỹ, một cuộc sống dưới dấu hiệu của rượu, ma túy và một bản năng giới tính vô độ, mà đồng thời cũng nảy sinh ra một năng lực sáng tạo rất mãnh liệt., tạo nên những bản nhạc có giá trị lớn.

Xem như thời gian chuộc tội đã hoàn thành, JOHN trở về lại căn nhà ở Nữ Ước. Với một số điều kiện nào đó áp đặt bởi YOKO ONO : như phải tẩy uế thân thể, từ bỏ ăn thịt, theo một chế độ nấu nướng với những món ăn trường sinh, trọng ngũ cốc và rau quả, không được hút thuốc và phải giao cho nàng quản lý toàn bộ tài sản. Hắn chấp thuận tất cả, không một chút tranh cãi. Hắn còn đưa cho YOKO xem quyển nhật ký tâm tình của « cái cuối tuần đáng thương hại của hắn », trong ấy được ghi chú, ngoài những buổi soạn nhạc và ghi âm, hắn đã trôi dạt theo rượu chè và những cuộc ẩu đả.....Sau đó thì hắn mang đốt nhật ký, dấu hiệu của một trang đời cũ đã lật qua, thả theo giòng quá khứ...Bây giờ thì đôi phu thê lập lại những lời thề nguyện hôn phối, trong căn phòng khách màu trắng mênh mông của căn hộ, dưới ánh sáng leo lét của ngọn nến.

Từ đây, YOKO ONO và JOHN LENNON đã đổi thay hoàn toàn, hắn đã giải trừ được những tà ma trong người hắn, và nàng thì, hình như ít bị ám ảnh bởi nghề nghiệp và cái hình ảnh đặc thù của chính mình. Sự liên minh này của họ trở nên mạnh mẽ hơn, thanh thản hơn và hài hoà hơn. Và, vào năm bốn mươi hai tuổi, cuối cùng YOKO cũng đã có mang sau bốn lần sảy thai. Con trai của họ, SEAN, ra chào đời vào ngày chín tháng mười năm 1975, cũng là ngày sinh nhật của JOHN. Tức khắc, người ca sĩ tạm thời buông bỏ sự nghiệp và cuộc sống với quần chúng của mình vào các dấu ngoặc, để chuyên tâm vào sự giáo dục của cậu quý tử. Một điều kiện khác do YOKO ONO bắt buộc ...đó là điệu nhạc duy nhất mà hắn được chơi, chỉ dành riêng vào mục đích ru ngủ đứa trẻ buổi tối. Có những tiếng đàn đại diện cuồng lan truyền ra ngoài, rằng cặp vợ chồng này chỉ còn giao tiếp với nhau bằng điện thoại nội bộ. Rồi, vào đầu năm 1980, sau năm năm dài vô tận lặng tiếng im hơi cho những người ái mộ nhạc mình, JOHN cho ghi âm tập album « *Một sự phóng khoáng nhân đôi* » (**Double Fantasy**). Được xem như một cuộc nổi dậy ! bao gồm tất cả mười bốn ca khúc (bảy bản của JOHN, bảy bản còn lại của YOKO), tạo thành một cuộc đàm thoại giữa một người nam với một người nữ. Tập album này với những giai điệu rất tinh xảo được đánh giá như một kiệt tác.



« **Double Fantasy** » vừa ra mắt, JOHN LENNON bắt đầu làm việc lại để sửa soạn cho một tập album khác. Nhưng vào ngày tám tháng mười hai, lúc hai mươi hai giờ năm mươi hai, một người trẻ tuổi má phính, dáng vẻ kỳ lạ, đã chia súng bắn năm phát vào JOHN, khi hắn vừa bước xuống xe với YOKO, mặc dù vài giờ trước đó, MARK CHAPMAN, tên hung thủ, đã xin hắn một bản bút tích. Trước đó một ngày, đôi uyên ương này, đồng mưu và hợp nhất, công bố tập album mới, sắp hoàn thành, và một chuyến lưu diễn toàn cầu của LENNON. Hai người đồng thanh thổ lộ với một phóng viên đang phỏng vấn họ về cái hạnh phúc được sống tại MANHATTAN : « Ở đây, không có một người nào đến quấy rầy chúng tôi, dù chỉ để xin một bút tích hay hỏi thăm đứa bé con như thế nào » (Personne ne nous importune ou juste pour demander un autographe et savoir comment va le petit).

CÒN NGÀY HÔM NAY ? Nàng YOKO ONO đã bảy mươi tám tuổi, vẫn còn cư ngụ tại Dakota Building và điều hành gia sản nghệ thuật lẫn tài chính của JOHN LENNON : những thiết chế còn làm tồn tại kỷ niệm về JOHN, căn nhà tuổi thơ của hắn ở LIVERPOOL, những tổ chức từ thiện và gia sản tích lũy của người ca sĩ này, và là một nhà doanh nghiệp khôn khéo, nàng đã phát triển sự nghiệp của JOHN một cách tốt đẹp. Hiện nay, nàng là một trong những phụ nữ giàu nhất nước Mỹ. Năm 2007, như một câu trả lời dành cho những kẻ gièm pha nàng ngày nào, YOKO ONO đã cho xuất bản một tập album với nhan đề : « *Phải, tôi là một mụ phù thủy* » (Yes, I'm a witch – Oui, je suis une sorcière) : hai năm sau lần ấy, tức năm bảy mươi sáu tuổi, YOKO đã cho làm lại tập album « Plastic Ono Band » của nàng với cậu con trai, SEAN LENNON, trong vai của cha cậu, thời gian của một album....và chắc chắn câu chuyện về YOKO ONO sẽ không kết thúc...■

Dã-Thảo/ PARIS ngày 4/12/2011

Vietnamese Poetry-Part 5 Luu Trọng Lư (1911-1991)

by
Thomas D.Le

Born on June 6, 1911 at Cao La Hạ Hamlet, Hạ Trạch Village, Bồ Trạch District, Quảng Bình Province, (he died on August 10, 1991 in Hanoi), Luu Trọng Lư came from a scholarly mandarin family. He attended the Quốc học High School in Huế, then left for Hanoi, where he continued his education in private schools. Before long he dropped out for a career in journalism writing poetry and literary pieces.

Founder of the *Ngân Sơn Tùng Thu* (The Silver Mountain Literary Review) at Huế in the years 1933-1934, he became after 1954 Head of the Theater Division of the Ministry of Culture and Secretary General of the Theater Society of Vietnam.

His representative works are the poems: the collection *Tiếng Thu* of 52 poems (The Sound of Autumn, 1939), *Người Con Gái Sông Gianh* (*The Young Girl from Gianh River*, 1966), *Từ Đất Đây* (*From This Land*, 1971), *Tuổi Hai Mươi* (*Age Twenty*, a drama, 1973), *Nàng Công Chúa Huế* (*The Princess of Huế*, a novel), *Người Sơn Nhân* (*The Highlander*, a novel), *Nửa Đêm Sực Tỉnh* (*Waking up at Midnight*, memoir, 1989), and many more.

His works mostly appeared first in periodicals such as *Phụ Nữ Tân Văn* (*Women's Modern Literature*), *Phụ Nữ Thời Đàm* (*Women's Times*), *Tiến Hoá* (*Progress*), *Hà Nội Báo* (*Hà Nội Daily*), *Tân Thiếu Niên* (*Modern Youth*), *Tao Đàn* (*Literary Forum*), *Phổ Thông Bán Nguyệt San* (*Popular Semi-Monthly Review*).

Although he is the most ardent advocate of the New Poetry, his own works generate a different impression. His poetry is still very much an echo of the old melody, but is very emotionally personal, evocative and genuine.

The critics Hoài Thanh and Hoài Chân judged many of his poems to be lacking in poetic quality, in the sense that they are not artistic enough, but to be mere intimate musings that cause our own hearts to vibrate in harmonic resonance. That's only a partial assessment of these two critics. who wasted no time to eulogized Luu in a fuller discussion

The Background of the New Poetry Movement

Some years back I wrote the following in an introduction of the New Poetry Movement.

Toward the end of 1932, the first shot across the bow was fired when a stern poem, for all its curious title *Từ Nhập Thi Xuân* (*Drunken Spring Poem*), appeared in the issue No. 6 of *An Nam Tạp Chí* (*Annam Review*), in which the doyen of all poets, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, be-

rated the Moderns in the Phong Hóa (Culture) camp for their brazen impudence and irreverence, and warned them of retaliation in veiled threats. Not to be intimidated, the Moderns did not take long to pick up the gauntlet in a parallel rhyme-for-rhyme riposte that appeared in the Phong Hóa issue No. 28 of 30 December 1932. The acerbic poem excoriated Tân Đà for his inebriated, smelly breath, his stubbornness, his vacillating feet, his short tongue, and his incorrigible attitude, all of which should seem to earn him institutionalization. Rarely has the Vietnamese literary arena been animated with such colorful ad hominem diatribes!

At first, the New Poetry Movement seemed to be an uncoordinated collection of actions spontaneously sprung up from various locales throughout the length and breadth of the country. From Hanoi to Saigon and, especially in towns in between, poets schooled in the new colonial educational system began writing free verse with incredible individuality, freedom, freshness and originality never seen before in the classical tradition. The feudalistic constraints had been shattered. It was among the Vietnamese intelligentsia nothing short of an intellectual clash between East and West, the Ancients and the Moderns, and traditionalism and modernity, if you will. This is the beginning of a paradigm shift in Vietnamese literature.

Young poets, born in the twentieth century and imbued with new-found freedom and style, began and continued to compose poems unfettered by traditional Tang versification rules, motifs, and worldview (i.e., the old almost exclusively) by adopting the new dispositions learned from French poets, invented techniques, or by completely abandoning any pretense at rhyming in the old-fashioned way.

What was really *new* must be found not so much in the free-form verse, although it was ubiquitous alongside the old bound-forms, but in the *weltanschauung*, the outlook, the attitude toward modernism and life, the spirit of adventure, discovery and experimentation, the linguistic awareness, the poetic vision, the inspiration, the atmosphere, all the way to the themes, motifs, and imagery dressed in original, stunning and imaginative garb. It was the flowering of a new, individual creativity, and a new poetic sensibility.

However, given the oppressive French colonial system, the new poetic orientation was channeled toward a romanticism drenched in utter melancholy. To be more exact, it is a romanticism of manifold strands: the lyric, the elegiac, the epic, the heroic, the reflective, the nostalgic, and the melancholic.

The young poets were keenly aware of their roles as part of the new intelligentsia, who were schooled in Western thoughts in politics and philosophy as well as literature and history. From the schools they were exposed to the political thoughts of Rousseau, Montesquieu, Voltaire among others as well as the doctrines of liberty, equality, fraternity, life, pursuit of happiness. From French, European and American histories they read about feudalism, monarchy, empires, colonialism, imperialism, democracy, fascism, revolutions, wars, and so on. Because of the emphasis on French literature, they were exposed to and/or influenced by great poets and writers such as Corneille, Racine, Molière, Ronsard, Musset, Lamartine, Hugo, Dumas, Verlaine, Mallarmé. Baudelaire (through this last to Edgar Allan Poe), Apollinaire, and many more.

Given that background, they could easily shed the mantle of Tang versification rules and backward-looking traditionalism, but many of them were perceptive enough to sense their powerlessness to change the political and social system to suit their aspirations. They found themselves hemmed in by

the Charybdis of feudalism and the Scylla of colonialism. Hence, the melancholy and a sense of despair at the impasse. Those among them who cut their teeth on the old Tang style did borrow their models from the traditional paradigm, but only did so temporarily as a preparatory stage on their craft's path to a full-grown mastery of the new aesthetic. Hàn Mặc Tử and Bích Khê were two such outstanding examples.

Other educated young men or women were not poets or writers. They fanned out throughout the economy to find employment in the public and private sectors. They and the French colonialists formed the backbone of the colonial economy and administration. They were essentially apolitical, or more or less pro-establishment, and more concerned with making a living than with involving in political activism. The more enterprising of them got rich and could afford to send their children to France for further education. In time these created the new bourgeoisie with various political orientations, and tended to ally themselves with the old-line traditionalists in the propertied and educated classes who were adopting modernity.

[As an aside, when the opportunity appeared near the conclusion of World War II, when France's power in Indochina was weakening, the floodgate was opened and many discontented young men rushed in droves to the new revolution with the enthusiasm of the emancipated, eager to do their parts in the upcoming struggle against colonialism. There began an era of reckoning and loss of innocence for the country, which is best discussed as history.]

As was expected, the old-school poets and scholars were also exposed in varying degrees to the new educational system. Their tendency toward activism led them to work each in his capabilities to modernize the country in order to rid it from the colonial rule. They had an impressive combination of talents, all patriots without exception, all activists for independence; all were born in the latter half of the nineteenth century: Phan Bội Châu (1867–1940), Phan Châu Trinh (1872–1926), Huỳnh Thúc Kháng (1876–1947) and Trần Quý Cáp (1870–1906), to name just a few prominent ones. At the beginning of the twentieth century they founded the Modernization (Duy Tân) Movement, the Đông Du (Go East) Movement that encouraged travel to Japan for further education, and the Tonkin (Đông Kinh, Hanoi) Free School that provided free education to all Vietnamese shackled by enormous illiteracy. The Đông Kinh Nghĩa Thục school faculty also translated French works, wrote books and publications to finance their operations. However, all attempts by the patriots to promote education and modernization outside the colonial system were quickly suppressed by French colonialists within a few months of operation. At first, the stick of crackdown seemed to be the only tactic the French knew how to deal with Vietnamese resistance. In time they applied the carrot of promoting "healthy living, happy living" by encouraging a hedonistic way of life.

In such an atmosphere of overt permissiveness and covert repression, it was in the domain of literature and of ideas, rather than in the political-military arena, that the new Vietnamese elite began to make a modicum of headway. The Ancients knew the pen is mightier than the sword. So while they berated the upstart intelligentsia for their brashness, they gradually realized it was about time to pass the torch on to the young generation. And thus, it so happened that another scholar Phan Khôi (5 October 1887– 16 January 1959), with one foot in the traditional and the other in the modern world, who initiated the new poetry movement with a poem written in the vernacular titled "Tình Già" (Old Love) published in *Women's Modern Literary Review* (*Phụ Nữ Tân Văn*), No. 122, on 10 March 1932. Phan Khôi was both well versed in Confucian studies and in modern Western Enlightenment ideas. In spite of the fa-

miliar but taboo topic of love, the poem broke new ground: Its free-verse form verges on prose; its treatment of the theme of love is novel in its open and uninhibited approach, in its oblique but bold attack on the feudalistic order; and it celebrates the individual in defiance of a suffocating feudal mindset that gripped the individual and society and prevented them from growing and developing their potential. Here is "Tình Già":

TÌNH GIÀ

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh, kề nhau than thở !
" Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là không đặng ;
" Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau "
" Hay ! Nói mới bạc làm sao chớ ! Buông nhau làm sao cho nữ !
" Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy.
" Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ?
Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau ;
Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung, đó có nhận ra được
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi ! Con mắt còn có đuôi.*

Old Love

Twenty-four years ago, on a stormy night
in a cottage, a young couple by the dim lamp huddled together to sob!
"Alas! We're deeply in love, and yet cannot marry.
"Why not quit now to avoid only deeper sorrow in the future.
"Stop it! What nonsense! We can't just quit seeing each other!
"Let's keep loving forever even if Heaven might forbid.
"We're just friends, not married couple to talk about forever.
Twenty-four years later in a foreign land they met again by chance.
Both heads are white. If they hadn't been so close before, they couldn't have recognized each other now.
They simply tell each other old tales again, at a furtive glance! Their eyes still retain their natural curve.

Translated by TDL, 30 September 2023.

With this unpretentious poem, startling by its simple language for the common folk, Phan Khôi, unintentionally, in retrospect, had started a revolution in Vietnamese poetry from the top down. What an ingenious way to launch the greatest movement that is destined to change the face and nature of Vietnamese poetry forever!

At first, Lư Trong Lư was worried. After Phan Khôi dropped his bomb, there was insufficient repercussion among the reading public. Could it be just a dud? The author was just as silent as the audience. This prompted Lư to write him a letter to voice his concerns. (Nguyễn Tấn Long, 2000, p. 8). He complained politely that the old scholar had acted halfheartedly by not following through, i.e., *beating the drum and throwing away the sticks* (*đánh trống bỏ vùi*), as the Vietnamese would colorfully describe the situation. To him this was no time for complacency; instead the Moderns had to strike the iron while it was still hot, lest the initial enthusiasm would begin to deflate and the movement would be-

come unraveled. He urged Phan Khôi not to concede any ground to the old poets and not provide any opportunity for them to rehash their vapid verse by encouraging the young poets to innovate and to be more productive. He curiously signed his letter "Miss Liên Hương from Faifo" (Hội An).

Ironically, the person who saved the revolution was not a Modern but an Ancient, Vũ Bằng, who, by a ferocious personal attack on Phan Khôi on *Annam Review*, No. 39, appearing on 30 April 1932, triggered the collective fury among the Moderns. The powder keg had exploded and the war of words had begun on a grand scale.

The Torchbearer of the New Poetry Movement: Lư Trong Lư (19 June 1912 – 10 August 1991)

In time and owing Lư's appeal, young poets nationwide produced an endless avalanche of great poetry in the modern style and spirit that dwarfed in quantity and quality anything the traditionalists could muster, which was a trickle by comparison, polemic excepted. Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên, Đoàn Phú Tứ, Hoàng Cầm, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Hoàng, T.T.Kh. among other exceptionally talented poets, flooded the poetic ecosystem with works that rivaled or surpassed anything later comers or even some of them had created since.

Although the year 1932 is remembered as the starting shot of the new poetry revolution, the use of free verse dated back to (and published in) 1916, when Nguyễn Văn Vĩnh began translating La Fontaine fables. Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu himself began to write free verse shortly before and not long after that. The new poets had to contend with the traditionalists for the hearts and minds of the literate public. In Saigon Nguyễn Thị Kiêm aka. Nguyễn Thị Mạnh Manh delighted her standing-room audience at the Society for the Advancement of Learning (Hội Khuyến Học), for the first time in its twenty-five years history, with feminist rhetoric never before heard anywhere in the country. She defended the new poetry with cogent, irrefutable arguments against the male polemicist Nguyễn Văn Hanh at the same venue on 16 January 1935. She became a darling of literate women.

When one of the Ancients, Lam Giang, ridiculed the new poetry for sounding totally cacophonous, with meaning as nonsensical as "bitter melon" to Eastern ears or "jack fruit fiber" to Western taste, Lư Trọng Lư stepped in as *chef de file*. (Hoài Thanh and Hoài Chân, 2006, p.28), Wisely, the Moderns also preemptively censured their own new poetry in order to improve it. These self-criticisms had a salutary effect of blunting the Ancients' assaults.

While the war between the Moderns and the Ancients was intensifying for almost two years, Lư Trọng Lư, who was twenty-three years younger than Tản Đà, undertook his charm offensive by writing him (addressing him as *Tiên Sinh-Your Honor*) a very respectful, very tactful and very civil letter praising his poetry by citing specific examples. By this admission he demonstrated an affinity with Tản Đà, who reciprocated with wisdom by showing his "new" poems. If Lư defended the yearning for change among the young poets, it was no different from Tản Đà's own dream for a better future. In the final analysis, Lư had achieved a remarkable coup without leaving resentment in Tản Đà. While a myriad of incendiary skirmishes between the two camps were raging around the country, the relationship between the two men remained on an even keel, always respectful if not almost friendly.

On his front Lư proceeded to launch an impassioned appeal for the new poets to rally behind modernization efforts, to combat the old culture of irrelevance, of stagnation, and of stultifying conservatism, and to push the country on the path of rejuvenation. With Lư's enthusiastic and relentless goading and

their awareness of bitter reality, the young poets created works that embodied a new choice of approaches: romanticism, symbolism, and surrealism.

Underscoring the generation gap between the elders and the younger generation, Luu recorded his thoughts in the following terms, according to Nguyễn Tấn Long, 2000:

The elders adore the yellow moonlight's reflection on the water; we only relish the sunlight's shimmering gaily in the bamboo tops. The elders favor deep red; we prefer light blue. A stream of blood horrifies them while a coffin draped in red paper moving under the midday sun gives us goosebumps. They feel anxious at the sound of nocturnal insects, and we are excited to hear the cock crow at noon. Looking at a pretty and innocent girl is sin to them, but to us it's freshness in a green field. To us love takes on a multitude of qualities: passionate, casual, intimate, dreamlike, illusory, innocent, mature, ephemeral, eternal...

We are the younger generation, very much alive. We have the right to live, and to live for ourselves. And You, Old Age and Death, don't make us serve your ghostly world! (pp. 132-133)

By 1937, it looked as if the conflict between old and new poetry was over though in 1941 Huỳnh Thúc Kháng, in a rearguard action, would still predict the latter's impending demise.

The Reluctant Antagonist: Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu (19 May 1889 – 7 June 1939)

Arrayed against the New Poetry was a coterie of poets with disparate inclinations: Nguyễn Văn Hanh, Thái Phi, Bích Ngọc, Tân Việt, Hoàng Duy Từ, Tường Vân, Phi Vân. Tùng Lâm Lê Cương and other allies put up a spirited fight to the bitter end (Hoài Thanh and Hoài Chân, 2006, p. 26). Hoài Thanh told how one of the Ancients who was a PhD (in those days) declared angrily to his face, "When it comes to science, do whatever you people want, but when it comes to literature, you must leave it to us." He was also reported as saying that Luu Trọng Lư deserved to be guillotined (p.29). Tempers got very ugly for several years and did not cool down until the Ancient Defender in chief died in 1939.

He was Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu, the most venerable and the most prestigious of them all, who led the counteroffensive with extreme care. In retrospect, he was ill-suited for the role because by his works, thoughts and attitude toward life he was almost modern with one foot still mired in tradition. Eccentric, sardonic, individualistic, and idiosyncratic, freethinker Tấn Đà was a rather tragic figure, a lot that was forced upon him by circumstances. By all accounts, he was a brilliant individual, a child prodigy who mastered the Chinese classics by age fifteen, but whom fate disfavored. He flunked the *thi hương* (provincial examination) twice. He also failed the *hậu bổ* examination for colonial civil service by stumbling on the French oral interview. The woman he loved began to keep her distance. One traditional option for a man like him would be teaching at the village level. Instead, being more modern in outlook, he chose literature and journalism in the city, and became a prolific and adored writer, poet, playwright and translator. His founded a publishing house and a newspaper with no business training, a fact that indicated he was not afraid to try to succeed in the modern world. Somewhere along the series of failures, however, he took to rice wine, which was to be his companion till the end. Yet the volume and quality of his works surpassed that of many Moderns.

According to Tấn Đà (2022) in Wikipedia, between 1915 and 1926, he was the undisputed favored poet and writer, with a book of poems *Khối Tình Con* (*A Little Love*, 1915) followed by *Giấc Mơ Con* (*A Little Dream*, 1917). He also authored a succession of five plays, the last of which was produced in

Haiphong in 1916. He collaborated with *Nam Phong Tạp Chí* (monthly review), which was founded by the mandarin-scholar Phạm Quỳnh. After a scathing review of *Giấc Mơng Con* by the latter, he quit *Nam Phong* to write as a freelance a series of textbooks and fiction from 1919-1921. In this period he was friends with Bùi Huy Tín and became editor of *Hữu Thanh Tạp Chí (Review)*. In 1922 he established a publishing house named after him to publish his works and those of Ngô Tất Tố and Đoàn Tu Thuật until 1925. After *Hữu Thanh Tạp Chí* folded in 1926, he founded *An Nam Tạp Chí* based in Hanoi and used it a decade later as a platform to debate with the Moderns in the *Phong Hóa (Mores)* camp. He tried to earn a living by financing at a usurious rate his writing and publishing. Soon, reality prompted him to complain that "literature in this world is dirt (*bèo-duckwheat, water hyacinth*) cheap." What meager income he was able to eke out called for fresh borrowing, and the cycle continued endlessly. This precarious situation could be distilled from a number of his quite candid poems, and presaged the beginning of his fortune's decline.

During the first few years of his "business," he toured the country from north to south mostly to seek financial support or to avoid creditors. Still, he was able to devote time to write works from philosophy to fiction, and publish them until 1929 while his magazine after a good start appeared only irregularly, from dire financial straits.

In 1931-1932 a heated debate with Phan Khôi on morality and Song studies so incensed him that he threatened to tie his adversary in front of the Temple of Literature and whip him in his derriere. Also at this time he traveled to Saigon to take charge of the literature desk of the *Đông Dương Thời Báo (Indochina Times)* newspaper headed by Diệp Văn Kỳ and to collaborate with the *Thần Chung (Divine Bell)* newspaper. Before long he went back to Hanoi to work on resuscitating his magazine.

In the midst of Tản Đà's adversity, Phan Khôi launched the revolution in poetry in 1932 that Tản Đà was to oppose now. The year 1933 saw the demise of his magazine *An Nam Tạp Chí (Annam Review)* again. All in all the magazine died three times and was revived three times. This prompted Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu in the Moderns camp to satirize its death with a sarcastic obituary. Tản Đà held his peace. Not until 1934 did he finally offer a mild and conciliatory advice. The Moderns, smelling blood, savaged him mercilessly on his drunkenness while he was struggling to survive in abject poverty.

In 1936, harried by penury, he launched a last-ditch effort to stay afloat by compiling and publishing a collection of his best poems that had earned plaudits over the years. But the publication went largely unnoticed. Suddenly there appeared in the newspaper an ad for ghostwriting placed by Tản Đà. A later ad offered fortune telling at five piasters or three piasters or whatever the client could spare, also placed by Tản Đà. The situation was so sad that his young tormentors were seized with remorse. The ads were like an accusation of them. Belated attempts to rehabilitate him were taken: On 10 October 1937 the daily *Today* published his translation of Tang poems accompanied by a eulogy, and the Self-Reliant Literary Group planned to publish the poems of the man they had ridiculed not too long ago. But it was all for naught. The young Moderns had so completely demolished Tản Đà's reputation that nothing short of death could make any difference. On 7 June 1939 he died. At his funeral a procession of mourners from both camps, including Xuân Diệu, took turns to pay their respects and express their admiration in eloquent speeches to the most unfortunate personality in Vietnamese literature but one, Thúy Kiều, who was a fictitious character, a situation that affirms once again an inexorable adage written by Nguyễn Du: *Có tài mà cậy chi tài/Chữ tài liền với chữ tai một vần (Having talent is no guaranty, for it can turn to adversity.)*

From that time on, there were no longer talks about old or new poetry, but Vietnamese poetry one and indivisible from beginning to eternity. There were categories, however. Now literary historians recognize the Classical genre, which consists of literature produced throughout the country's history up to the first two decades of the twentieth century, follows the pattern of Classical Chinese model, and is written in Chinese characters (also known as Hán-Việt, Sino-Vietnamese when transliterated) by and for the old aristocracy and lettered class; the Modern genre (*thơ mới*), written in Chữ Quốc ngữ (romanized script created by Portuguese missionaries), which began to be produced in response to contact with Western culture by the newly established bourgeoisie from the twentieth century onward; and the perennial Popular genre, native to the agricultural, i.e., rural population, which was largely oral until scholars reduced it in the (Hán) Nôm script. Though the name Popular is not exact, it's a nod to Ockham's Razor, for it encompasses most classics in Vietnamese literature which were written in Chữ Nôm until well into the nineteenth century. They include the *Tale of Kiều*, *Cung Oán Ngâm Khúc (Lament of an Odalisque)*, *Chinh Phụ Ngâm (Sorrows of a Soldier's Wife)*, Hồ Xuân Hương's unique poetry, among others. All three poetic traditions exist side by side in today's Vietnam, where Chữ Quốc ngữ rules as the sole national written language, relegating Chinese characters and Chữ Nôm to the realm of academic scholarship.

Tự Lực Văn Đoàn-The Self-Reliant Literary Group

Tự Lực Văn Đoàn was founded in 1932-1933 by Nhất Linh, Khái Hưng, forward-looking French-educated men who were committed to modernize Vietnam. Its members included Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Xuân Diệu, Thế Lữ, Huy Cận, and Tú Mỡ. TLVĐ appeared on the literary scene contemporaneously with the New Poetry Movement, in which it participated on the side of the Moderns.

In addition, TLVĐ had reformist social and political agendas, designed to transform Vietnam into a modern democracy by selecting what works best in capitalism and socialism.

However, their real influence is achieved in the literary domain. Their publishing arms, the *Phong Hóa (Mores)* newspaper, the *Ngày Nay (Today)* newspaper, and *Đời Nay (Modern Era)* Publishing House printed writings from the Moderns, novels, poetry, paperback books as well as news for a large audience including the underprivileged. *Phong Hóa* chose satire to discuss political and social issues; it was closed by French censors in 1935. *Ngày Nay* was founded a few months before *Phong Hóa's* closure. It experimented with photojournalism, but the prohibitive cost forced its closure after 13 issues.

The few newspapers, magazines and publishing houses founded in the first three decades of the twentieth century coupled with the debate between Ancients and Moderns served as training ground for the young Vietnamese to learn about mass (both print and verbal) communication that in time aided the struggle against French colonialism.

The Nhân Văn Giai Phẩm Affair

After the Điện Biên Phủ battle in 1954, which forced the departure of the French, the government began to apply harsh measures following the Soviet and Chinese models, such as agrarian reform, class struggle, and the further tightening of controls. Land reform had been attempted before in 1949 as a nod both to the tenant peasantry and to the landlords, who still retained considerable power at the village level. Also the number of the emerging bourgeoisie who cast their lot with the revolutionaries in

the struggle for national independence had to be handled with care in the interest of national unity essential to the fight for independence. After the victory at Điện Biên Phủ, the literary bourgeoisie began to feel the heat of ideological dogmatism in art in the guise of increased censorship. The *Nhân Văn Giai Phẩm* Affair of 1955-59, involving writers of the *Nhân Văn* (Humanities) magazine and the *Giai Phẩm* (Masterpieces) magazine, highlighted the split between the writers who opposed the stifling of freedom of expression and those whose favored dogmatism. Even the military writers joined in demanding freedom of expression, human rights and democracy.

The final result was that the crackdown had succeeded in what colonialism before it had done, shutting up the voice of dissent, only better. Phan Khôi, who supported the revolution, was disillusioned along with scholar Đào Duy Anh, Lawyer Nguyễn Mạnh Tường among a host of other influential poets, writers, intellectuals, and scholars. A number of protesters were imprisoned.

The *Nhân Văn Giai Phẩm* Affair was a major watershed event that divided the die-hard revolutionaries and those committed to liberty of the country and freedom of the individual.

Lưu Trọng Lư as Poet

In inspiration, Lưu Trọng Lư perhaps couldn't hold a candle to Xuân Diệu, who was an unquestioned prince of love poetry. Neither was he as passionate, daring, exhilarating and artistic as Xuân Diệu, who had an untamed and untamable spirit. But Lưu's poetry is inspiring and charming. There are gems in his poetry that sparkle and delight the heart. The self shines through each verse even if it's someone else's self. However, if he is not adventurous, he is quietly excited. His feelings are just as intense as Xuân Diệu's, but he keeps them within serene bounds. Both are the most romantic of all the young poets in the Modern camp.

A case in point is the poem *Tiếng Thu*, whose title serves as the name common to a collection of 52 poems dealing with the same topic. Thanks to the tender feelings elicited by the autumn sight and sound, the poem is so endearing that a reader, whether careful or casual, would not fail to notice a tremulous feeling in her heart and peaceful elation in her soul. Lưu takes her into his confidence and whispers with a soothing tone the voice of his heart in an act of intimate sharing, by asking softly, "Did you hear...?"

The poem engages our senses with vivid images: We hear autumn while seeing the dim moon in its act of sobbing. We hear the stirring caused by the image of a warrior in his lonely wife's heart. We hear the autumn forest, the autumn leaves making rustling sound while falling; and we espy the tawny deer startled by the sound of autumn as it tramples on the crackling dried leaves. The musicality of the poem is a treasure to cherish. What an enchanting scene Lưu conjures up for our ecstatic hearts!

Tiếng Thu

Lưu Trọng Lư

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thỏn thức ?
Em không nghe rạo rục

Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?

Em không nghe rùng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ? ■

Les sons d'automne

*Entends-tu donc les sons d'automne
Qui sanglotent sous la terne lune ?
Entends-tu les frémissements
Pour l'image du guerrier
Du coeur de sa femme isolée ?*

*Entends-tu la forêt d'automne
Dont les feuilles en tombant frissonnent
Parmi des chevreuils étonnés
Qui foulent les feuilles desséchées ? ■*

*Traduit par Thomas D. Le
11 April 2004*

The Sound of Autumn

Did you hear this season of fall
Sobbing in the dimming moonlight?
Did you hear at all the stirrings
For the image of the war knight
Of his lonely wife's strained heartstrings?

The woods of autumn, did you hear
Shaking off their whispering leaves
Amid the startled tawny deer
Treading on the dead yellow leaves? ■

Translated by Thomas D. Le
11 April 2004

Trăng Lên

Vùng trăng lên mái tóc mây,
Một hồn thu tạnh, mơ say hương nồng.
Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em. ■

Lưu Trọng Lư

Moonrise

The night orb rises o'er your silky locks
My soul's drunk with your scent of fall in ecstasy
Your eyes are such a steady stream
In which my boat swims quietly. ■

Translated by Thomas D. Le
1 November 2004

Một Chút Tình

Chưa biết tên nàng, biết tuổi nàng,
Mà sầu trong dạ đã mang mang.
Tình yêu như bóng giăng hiu quạnh,
Lạnh lẽo đêm trường, giải gió sương.

A Little Love

I do not know your age or name.
Why's it my heart's in such turmoil?
This lonely love does so embroil
Through long cold nights my soul's in flame.

Ta chỉ xin em một chút tình,
Cho lòng thắm lại với ngày xanh.
Sao em quên cả khi chào đón,
Tình ái, chiều xuân, đến trước màn ?

Rộn rã cười vang một góc lầu,
Ngày thơ em đã biết gì đâu !
Đêm khuya trăng động trong cây lá,
Vò vò ta xe mấy đoạn sầu.

Lác đác ngày xuân rụng trước thềm,
Lạnh lùng ta rồi bước chân em,
Âm thầm ập mỗi xa xa... vọng;
Đường thế đâu tìm bóng áo xiêm ?

Đợi đến Luân hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.
Chờ anh dưới gốc sim già nhé !
Em hái, đưa anh... đóa mộng đầu. ■

Lưu Trọng Lư

I ask of you a little love
To warm my heart as in old days.
Why ignore you the greetings of
My love offered in spring dusk haze.

Your loud laughs echoed on the loft
Throughout your youthful carefree days!
Peeking through trees the moon glowed soft
While I wove strands of pained sadness.

In drips spring days fell on the yard.
Coldly I followed in your way
Silent and lone I pined afar.
How can I grasp you in my sway?

Let's wait awhile till our next life
When we can tell old tales again.
Just stand under the old myrtle
And pick the fruit of our first dream. ■

Translated by Thomas D. Le
1 November 2004

When Fall the Autumn Leaves flowed through my translation "pen" so spontaneously that the original felt like it was written in English with no corrections, as if it were my brainchild instead of Luru's. I submitted it to a large online poetry website, and received a prompt recognition of "Great poem!" written on the white space of the page. It was anthologized along with other submissions, and inscribed on a commemorative plaque along with an invitation to a presentation gala at Las Vegas. Since I was busy teaching at that time, I had to pass.

The poem is so moving. The man was desperate for love, which the nubile girl had bestowed elsewhere despite his earnest plea. He spread his recollections over the seasons from spring to winter, hoping against hope to somehow soften her heart. He retained vivid images of the old days when she never said one intimate word to him amid an autumn landscape of leaves falling on a deserted porch as the flute was playing beyond the blinds. He recalled her nonchalantly touching the leaves and laughing at the birds and the wind while he was consumed in bitter thoughts. Like an autumn lake his heart grew cold as the moon was looking at itself in the dark water. He implored time to slow down, yet she just let time pass by without a care. Then when winter arrived at the riverside, she hastily tied the knot leaving him to remember his painful yearning all summer long.

Khi Thu Rụng Lá

Em có bao giờ nói với anh,
Những câu tình tứ, thuở ngày xanh,

When Fall the Autumn Leaves

Have you ever whispered to me
Soft tender words of days of yore

Khi thu rụng lá, bên hè vắng,
Tiếng sáo ngân nga, vắng trước màn.

Em có bao giờ nghĩ tới anh,
Khi tay vịn rủ lá trên cành ?
Cười chim, cợt gió, nào đâu biết:
Chua chát lòng anh biết mấy tình ?

Lòng anh như nước hồ thu lạnh,
Quạnh quẽ đêm soi bóng nguyệt tà...
Ngày tháng anh mong chậm chậm lại,
Hững hờ em mặc tháng ngày qua...

Mùa đông đến đón ở bên sông,
Vội vã cô em đi lấy chồng,
Em có nhớ chẳng ngày hạ thắm:
Tình anh lưu luyến một bên lòng ? ■

Lưu Trọng Lư

When fall leaves dropped on lost alley,
And flute echoed beyond the door?

Have you ever thought about me
Your hand touching the leafy trees
Laughing with wind and birds merry
And my bitter love memories?

My heart is like cold lake in fall
Reflecting moon in midst of night.
I wish the days more slowly flight,
Yet mindless you care not at all.

When winter came by the river,
You hastily walked down the aisle.
Do you recall last hot summer
When my heart lingered all the while? ■

Translated by Thomas D. Le
1 November 2004

Thomas Le

Revised 12 October 2023

Acknowledgment.

I owe Poet/Researcher Sóng Việt Đàm Giang a debt of gratitude for providing a large quantity of documents regarding "Tinh Già."

Bibliography

Hà Minh Đức. (1997-2023). Nhà thơ Lưu Trọng Lư với tình yêu và mộng đẹp. *VN Express*. Retrieved October 3, 2023 from <https://vnexpress.net/nha-tho-luu-trong-lu-voi-tinh-yeu-va-mong-dep-2141505.html>

Hoài Thanh và Hoài Chân. (2006). *Thi Nhân Việt Nam*. TPHCM: Nhà Xuất Bản Văn Học.

Lưu Trọng Lư. (2023, September 15). In *Wikipedia*. Retrieved September 15, 2023 from https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0u_Tr%E1%BB%8Dng_L%C6%B0

Nhân Văn–Giai Phẩm affair (2023, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved September 29, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2n_V%C4%83n%E2%80%93Giai_Ph%E1%BA%A9m_affair

Nguyễn Huệ Chi. (2020). **THỬ ĐỊNH VỊ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN**. *Bauxite Viet Nam*. Retrieved October 3, 2023 from

<https://boxitvn.blogspot.com/2012/09/ung-ngay-nay-80-nam-truoc-bao-phong-hoa.html>

Nguyễn Tấn Long. (2000). *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*. TPHCM: Nhà Xuất Bản Văn Học

Nguyễn Thị Mạnh Mạnh. (2021, December 30). In *Wikipedia*. Retrieved September 30, 2023 from

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Th%E1%BB%8B_Manh_Manh

Phan Bội Châu. (2023, September 26). In *Wikipedia*. Retrieved September 29, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Phan_B%E1%BB%99i_Ch%C3%A2u

Phan Khôi. (2022, September 26). In *Wikipedia*. Retrieved September 29, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Phan_Kh%C3%B4i

Self-Reliant Literary Association. (2023, September 18). In *Wikipedia*. Retrieved October 4, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Self-Reliant_Literary_Association

Tản Đà. (2023, September 29). In *Wikipedia*. Retrieved October 5, 2023 from

https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A3n_%C4%90%C3%A0

Tản Đà. (2022, August 21). In *Wikipedia*. Retrieved September 29, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A3n_%C4%90%C3%A0

Tự Lực Văn Đoàn. (2023, August 19). In *Wikipedia*. Retrieved October 3, 2023 from

https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B1_L%E1%BB%B1c_v%C4%83n%C4%91o%C3%A0n

Thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến Dọn đường cho thế hệ 1930-45

Võ Thu Tịnh

Mùa thu và thi nhân vốn có nhiều duyên nợ. Trước cảnh thu không ai cảm xúc sâu sắc bằng các nhà thơ, cho nên trong các bài thơ hay kim cổ, phải kể đến các bài vịnh về mùa thu. Từ xưa, một loạt 8 bài Thu hứng của Đỗ Phủ (712-770) đã được Kim Thánh Thán liệt vào số sáu tác phẩm tài tử hay nhất đời Đường.

Về sau, ở nước ta, trong các bài thơ nôm vịnh thu, phải kể đến ba bài Thu điếu, Thu ẩm và Thu vịnh của Nguyễn Khuyến (1835), người làng Yên-đỗ (Hà-nam, Bắc phần), là những thi phẩm tuyệt tác hiện còn truyền tụng cho đến ngày nay.

Thu điếu

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng đặt,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Thu ẩm

*Năm gian nhà nhỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm khuya đóm lập lòe.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt,
Mắt lão không viển cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy
Độ năm ba chén đã say nhè.*

Thu vịnh

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ thơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông chừng như khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra sợ thẹn với ông Đào!*

Chú giải: Thu điếu : mùa thu câu cá (điếu: câu cá). Thu ẩm : mùa thu uống rượu (ẩm: uống). Thu vịnh : mùa thu làm thơ vịnh (vịnh: ngâm lên, tức cảnh).

Bản chất của thơ là tình cảm, nên thơ trước hết được cảm nhận bằng *trực giác*. Khi ta nghe (hay đọc) ba bài thơ này, qua trực giác, ta cảm thấy như chính ta cũng có những xúc động như tác giả hoặc đã có lần ta cũng muốn thốt ra những lời tương tự. Như thế, ở đây là vì giữa thi nhân và ta đã sẵn có một *lối truyền đạt ngôn ngữ* như nhau, một nếp, một vốn suy tư, cảm xúc Việt Nam như nhau.

Truyền đạt ngôn ngữ

Trong ba bài thơ trên, Nguyễn Khuyến dùng toàn những *lời nói hàng ngày của thường dân Việt*, không xen lẫn một danh từ Hán-Việt hay một từ, một điển tích ngoại lai nào (trừ điển tích "ông Đào" ở cuối bài Thu vịnh), và dùng *nhiều từ vô nghĩa*, như: lạnh lẽo, veo, tẻo teo, gọn tí, đưa vèo, lơ lửng, vắng teo (Thu điếu); le te, lập loè, phát phơ, lóng lánh, ngắt, đỏ hoe, say nhè (Thu ẩm); lơ thơ, hắt hiu (Thu vịnh)...

Trong ngôn ngữ Việt, mỗi từ phải có một nghĩa, nhưng cũng có nhiều từ vô nghĩa, dạng thể đơn như: *veo, ngắt, hoe...*, hoặc dạng thể kép, như 2 tiếng vô nghĩa được ghép với nhau: *le te, lơ thơ, hiu hắt*; hoặc một tiếng vô nghĩa ghép với một tính từ (adjectif) tạo thành những tính từ kép như: *lạnh lẽo, lạnh lùng, lạnh buốt*, hay *xanh rờn, xanh lè, xanh ngắt*, hay trong *veo*, trong *vắt*, trong *trẻo...* làm cho ngữ nghĩa tiếng Việt được phong phú, tinh tế hơn. Đó là một đặc thù của ngôn ngữ Việt, tương ít ngôn ngữ nước nào có.

Chú ý : Những "từ vô nghĩa" ở đoạn trên đây viết xiêng.

Cấu trúc theo luật thơ nhà Đường

Trong một bài thơ "Đường luật", nhà làm thơ thường gọi

- hai câu đầu 1 và 2 là "mạo" giới thiệu tổng quát đề,
- hai câu 3 và 4 là "thực" tả rõ đề,
- hai câu 5 và 6 là "luận" nhân cái thực mà bàn luận thêm,
- hai câu cuối 7 và 8 là "kết" hợp các ý cả bài mà khai triển tình tự.

Hai câu thực (3 và 4), cũng như hai câu luận (5 và 6) phải đối nhau.

Nguyễn Khuyến đã trình bày tình ý trong cấu trúc gò bó Đường luật ấy một cách dễ dàng uyển chuyển:

Đề bài *Thu điếu* là mùa thu đi câu, sau cảnh sóng gọn, lá vàng bay theo gió của mùa thu, thì tâm tình của nhà thơ đã lơ lửng gửi vào các tầng mây, đã cảm thấy vắng teo qua ngõ trúc, đề quay trở về đề mà than rằng "ôm cần lâu chẳng được!"

Đề bài *Thu ẩm* là mùa thu uống rượu, sau cảnh khói nhạt trên giậu, bóng trăng loe trên ao của mùa thu, thì tâm tình nhà thơ vẫn vương theo các câu hỏi "trời, ai nhuộm mà xanh ngắt?", "mắt, ai viền mà đỏ hoe?" để quay trở về đề mà than rằng "binh thường giới uống rượu, mà sao nay vài chén đã say nhè!"

Đề bài *Thu vịnh* là cảm hứng trước mùa thu mà làm thơ. Sau cảnh khói phủ trên nước biếc, trăng xuyên qua song cửa của đêm thu, thì tâm tình nhà thơ dẫn khởi theo "hoa năm ngoái", "ngõng nước nào?" để rồi quay trở về đề mà than rằng "toan làm thơ mà then với Đào Tiềm, một thi hào xưa chán cảnh lòn cúi của quan trường, đã từ chức về vườn, làm bài "Qui khứ lai từ" nổi danh tuyệt tác

Nguồn thi hứng Việt Nam

Các nhà thơ xưa thường tìm cảm hứng trong cảnh vật Trung-hoa, như sông Xích-bích, hồ Động-đình, bến Tầm-dương, sông Tiêu-tương, bến Phong-kiều,... Nhưng trong các thi phẩm Nguyễn Khuyến tuyệt nhiên không thấy

có các cảnh Trung-hoa, hay các cảnh xây dựng theo tưởng tượng, mà những cảnh *quen thuộc thường ngày của nông thôn Việt Nam*.

Hình tượng thuộc về mùa thu

Cho nên, nhà thơ Yên-đỗ đã trình bày cảnh thu quen thuộc thường ngày ấy, qua tất cả các đặc tính hằng hữu của mùa thu: Mùa thu là mùa của gió heo may, của trời xanh, trăng sáng, là mùa lá rụng, là mùa côn trùng sinh sản, đêm tối đóm lập lòe đầy vườn, mùa thu là mùa nước ấm hơn đất và khí trời, nên bốc hơi lên như khói tỏa (vì nước bao giờ cũng lạnh hay nóng lâu hơn đất và khí trời), mùa thu còn là mùa hoa cúc nở, là mùa chim trời bay tìm nơi ấm áp, tránh lạnh mùa đông... Phải là người *đã sống và hòa mình thật sự với cảnh vật đồng quê Việt Nam* như Nguyễn Khuyến mới có thể cô đọng tất cả các nét đặc thù của mùa thu, để dồn vào ba bài thơ "Đườngluật" chặt chẽ như thế được.

Có thể cho rằng ba bài thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến là ba bức tranh sơn thủy. Xưa, Tô Đông Pha đã từng khen Vương Duy (701-761) "*Trong thơ có họa, trong họa có thơ*". Và chính J. F. Marmontel (1723-1799) ở phương Tây, cũng cho "*thơ là một bức họa biết nói, là một ngôn từ có thể vẽ ra được bằng các hình tượng*".

Dẫn khởi sâu rộng hơn

Trong thi ca, hình tượng, văn ảnh là những phương tiện tạo ra cảm giác mãnh liệt tới đa, mà đặc tính là dẫn khởi, tức là từ những hình ảnh này dẫn lần đến những hình ảnh, hay tình ý khác, đưa tâm tư ta đến những xúc cảm, tình tự cao xa hơn. Nhưng theo André Breton, khác với hình tượng, "văn ảnh" là một sáng tạo của trí óc thuần túy. Văn ảnh không thể phát sinh từ một sự so sánh giữa hai sự vật tương tự, mà từ một sự đưa hai hai thực tại khác nhau đến gần sát lại với nhau. Mối liên hệ càng xa cách, càng chính xác, thì văn ảnh càng mãnh liệt... càng có nhiều cường lực xúc cảm, càng có nhiều thực chất thi vị hơn" (1)

Nếu bảo rằng "Thi ngôn kỳ chí dã" (thơ nói lên cái chí của mình) như trong sách Lễ Ký (thiên Nhạc Ký) xưa có câu, thì các hình tượng, văn ảnh về mùa thu của Nguyễn Khuyến hẳn cũng có thể dẫn khởi đến một tâm sự u ẩn gì của tác giả.

Phải chăng đó là tâm sự của một bại thân, vì tuổi già, sức yếu mà đành khoanh tay trước nạn nước mất nhà tan. Nguyễn Khuyến thi Hương đỗ đầu năm 1864, đến năm 1871, đỗ đầu thi Hội và thi Đình (tam nguyên), làm quan đến chức Bộ-chánh, Tổng-đốc... Gặp lúc quân Pháp đánh chiếm Nam kỳ, Bắc-kỳ, rồi Hà-nội và Huế lần lượt thất thủ, triều đình ký hòa ước nhận quyền bảo hộ của Pháp, Nguyễn Khuyến liền lấy cớ đau mắt nặng mà cáo quan về hưu năm 1885, già ngu, già dại để khỏi bị Pháp ép ra làm quan :

*Trong thiên hạ có anh già điếc
Khéo ngơ ngơ, ngác ngác, ngờ là ngậy...*

Vận nước đã cùng, Nguyễn Khuyến chỉ còn biết tìm lần quên trong các thuyết Lão Trang, trong đời sống xóm làng, trong cảnh thanh nhàn giữa cảnh vật thiên nhiên, và thường ký gửi tâm sự mình vào những vần thơ bằng chữ nôm.

Thu điếu : Ở đây, sóng ao thu hơi gợn tí: phải chăng phong trào Cần Vương ngày một yếu dần. Lá vàng theo gió bay vèo: vua Tự Đức, người cương quyết kháng chiến đến cùng, đã băng hà. Mây lơ lửng: vua Hàm Nghi bị lưu đày. Ngõ trúc khách vắng teo: trong nước người hiền tài ngày một hiếm. Ôm cần lâu chẳng đặng: như Lã Vọng đi câu chờ thời mà tuổi già sức yếu e không còn sức đợi lâu được .

Thu ẩm : Đêm khuya mùa thu, chỉ có bóng trăng loe, ánh đóm lập lòe, khói nước nhọt nhạt: tình trạng nước nhà nhiều nhượng đen tối. Ai nhuộm mà trời xanh ngắt?: ai kiềm chế các vua đương thời? Không ai viên, sao mắt

lại đổ hoe: vì đâu mà khóc? Có tiếng giới rượu mà sao mới vài chén đã say nhè? Xưa có câu "*Túy bất tại tửu, tại hồ thiên địa chi gian*", say không phải tại rượu mà tại nơi khoảng giữa trời đất giang sơn này. Hơn nữa, "*thu ẩm hoàng hoa tửu*" là một trong bốn cái thú hưởng nhân thanh tao của người xưa, (2) sao lại uống đến say nhè, cho mắt đổ hoe?

Thu vịnh : Trời xanh thăm, gió heo may, nước biếc, trăng sáng: tất cả cảnh vật mùa thu đã gợi niềm cảm hứng. Hoa năm ngoái: nhìn cúc nở, nhớ những ngày qua. Nghe ngỗng trên trời kêu: có phải tin tức các nhà cách mạng lưu vong từ nước nào bên ngoài nhả về chăng? Cảm hứng trước mùa thu, Nguyễn Khuyến toan làm thơ vịnh cảnh, mà thẹn với người xưa, vì trước nạn xâm lăng, đã không làm gì được để cứu nước, sao còn bày trò ngâm vịnh làm gì cho thêm xấu hổ!

Và dần khởi xa hơn nữa: Bầu trời thu bao la, nước ao thu trong veo, người đi câu bé nhỏ thu hình trên chiếc thuyền tí hon: có sự tương phản trước cái vô cùng của Trời đất với cái mong manh về hình hài, làm cho ta phải suy gẫm về thân phận con người trước không gian và thời gian vô tận của vũ trụ. Nhìn hoa thu năm nay mà tưởng như hoa năm ngoái, nghe ngỗng kêu ngang trời mà băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào: tâm tư của thi nhân đã vượt ra ngoài thực tại ngày tháng và băng tìm theo mọi ngõ từ phương trời xa khuất.

Nhưng, có người sẽ hỏi : các điều suy đoán như trên, quả thật có đúng với nguyên ý của Nguyễn Khuyến không? Hay đó chỉ do chủ quan của chúng tôi đã tưởng tượng thêm dệt ra chăng?

Paul Valéry đã từng cảnh cáo rằng: "Đây là một sai lầm phản lại tính chất của thơ, đến có thể giết chết thơ đi, khi ta khẳng định rằng mỗi một thi phẩm chỉ tương ứng với một ý nghĩa đúng thật, độc nhất và phù hợp hay đồng nhất với một ý tưởng của tác giả mà thôi". (3) Riêng về những lời suy đoán của chúng tôi trên đây, tưởng không phải là không có căn cứ, vì tương truyền, vào những ngày cuối đời, Nguyễn Khuyến đã âm thầm sống trong một thứ *mặc cảm tội lỗi và tủi nhục*.

*Sách vở ích gì cho buổi ấy?
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già!
...On vua chưa chút đền công
Cúi trông thẹn đất, ngẩng trông thẹn trời!*

Mùa thu với Đỗ Phủ

Trong những tự tình qua các bài về mùa thu này, Nguyễn Khuyến và Đỗ Phủ đều có những tâm sự đau buồn như nhau. Nhưng nếu Nguyễn Khuyến dùng cảnh thu tượng trưng cho những nỗi niềm chán nản, tủi nhục của mình một cách xa xôi, thì Đỗ Phủ đã dùng những hình tượng trong thiên nhiên làm bối cảnh, để miêu tả rõ ràng những uất hận trong đời ông.

Như ở hai câu thơ bất hủ trong bài Thu hứng số 1:

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

(Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ/ Con thuyền buộc chặt mối tình nhà. - Nguyễn Công Trứ dịch)

Mà Nguyễn Khuyến đã Việt hóa, và *cô đọng lại một cách lơ lửng kín đáo* hơn:

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái.

Và nếu Đỗ Phủ luôn luôn tự tình lộ liễu, như ở bài Thu hứng số 3 của ông chẳng hạn:

Đông học thiếu niên đa bất tiện
Ngũ-lãng cừ mã tự khinh phi.

(Bao nhiêu bạn trẻ nghèo xưa /Áo cừ, ngựa béo nhờn như kinh thành - Trần Trọng San dịch)

Thì Nguyễn Khuyến trình bày tâm sự mình kín đáo dẫn khởi xa xôi hơn:

*Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy
Mới năm ba chén đã say nhè*

Cô đọng, xa xôi qua những cảnh thu, cả một hệ thống hình tượng của Nguyễn Khuyến là những văn ảnh giàu dẫn khởi, "đưa hai thực tại xa cách nhau đến gần sát lại với nhau" để làm tăng cường lực xúc cảm, để tăng thêm thực chất thi vị.

Mùa thu với nhà thơ thế hệ 1930-45

Mỗi năm, khi hoa cúc nở giữa những chiếc lá vàng rơi, khi gió heo may hiu hắt dưới vầng trăng trong sáng... một số thi sĩ thế hệ 30-45, cũng cảm thấy rạo rức, cần mượn thi ca mà bộc lộ những nỗi hoài cảm riêng tư. Hoặc than khóc cho duyên kiếp dở dang như bà Tương Phố trong Giọt lệ thu:

Trời thu âm đạm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm sầu lòng em.
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng?

Hoặc lắng nghe hồn mình ngỡ ngác, đơn cô giữa mùa thu, như Lưu Trọng Lư trong *Tiếng thu*:

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thôn thức?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rùng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên là vàng khô?

Hoặc duyên dáng mơ màng như Xuân Diệu trong *Đây mùa thu tới*:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;
Đây mùa thu tới - mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.
... Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh:
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mong manh...

Nhìn soát lại, về những bài thơ mùa thu, ngày xưa, Thi hứng của Đỗ Phủ là một trong sáu tác phẩm tài tử hay nhất đời Đường, bút pháp miêu tả kỳ diệu, chuyên dùng những hình tượng trong thiên nhiên làm bối cảnh trợ lực để tự tình những nỗi uất hận bình sinh của tác giả.

Ngày nay, vào thế kỷ XIX ở nước ta, các bài Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh của Nguyễn Khuyến là những bài thơ chữ nôm tuyệt tác trứ danh, được người đời truyền tụng cho đến ngày nay, *tuy xây dựng theo những qui luật gò bó chặt chẽ của thơ "Đường luật", mà bao nhiêu tình ý, cảnh trí thuần chất Việt Nam đã được giao thoa một cách dung dị, uyển chuyển chưa từng thấy.*

Nhà thơ Yên-đỗ đã Việt hóa hoàn toàn lời thơ và tình tự cảm hứng, đã thăng hoa những "từ vô nghĩa" đặc thù của ngôn ngữ ta để dùng làm phó từ (adverbe) bồi nghĩa khởi sắc cho những tính từ (adjectif) và động từ (verbe), khôi phục lại những thanh âm giàu nhạc tính hằng hữu của tiếng Việt. Đặc biệt hơn cả là dùng những văn ảnh giàu tính cách dân khởi cao xa, có thể cho rằng phần nào đã gần với khuynh hướng của thi pháp "tượng trưng" Tây phương, chủ trương thơ dùng hình ảnh để biểu tượng cho tình ý, cảm xúc, không cần giải thích rõ, mà chỉ để dẫn khởi, hơn là để miêu tả so sánh, một khuynh hướng đã thấy manh nha trong các văn thơ mùa thu của thế hệ 30-45 trích dẫn trên đây.

Giá trị nghệ thuật của thơ vốn tùy thuộc vào đặc tính của ngôn ngữ, của lối diễn đạt tình ý và của quan niệm thẩm mỹ riêng biệt của mỗi dân tộc. Nguyễn Khuyến đã dùng bình cũ Trung-hoa để chứa đựng rượu mới cất lên từ những chất men nghìn đời ấy của dân tộc Việt Nam.

Với một bút pháp tân kỳ đặc thù phát sinh từ lòng đất mẹ, nhà thơ Yên-đỗ đã Việt hóa hoàn toàn những sở đắc Hán học của mình, và chỉ với ba bài thơ nôm vịnh thu thôi, cũng đủ để gây được trong giới thức giả đương thời một niềm tin tưởng vững chắc vào khả năng diễn đạt thẩm mỹ thi ca của tiếng Việt, dọn đường cho các nhà thơ chịu ảnh hưởng văn hóa Tây phương sau này.

Giáo sư Thanh Lăng trong *Biểu nhất lãm văn học cận đại*, đã từng xác nhận "Các nhà thơ của thế hệ 30-45 mắc nợ Yên-đỗ rất nhiều... nhất là qua những bài thơ về mùa thu."

Trong những dân tộc cùng một nền văn hóa, hay ngay trong một dân tộc riêng rẽ, quan niệm về thơ còn thay đổi theo các khuynh hướng văn học, theo các biến hóa xã hội và lịch sử.

Viên Mai, thi sĩ đời Thanh, khuyến cáo:

"Nhà thơ rất nhiều, không nên khẳng khăng tin vào lời nói của một người nào cho đó là chân lý, mà khinh bạc các nhà thơ trước ta... Nên biết rằng thơ Vương Xương Linh và Mạnh Hạo Nhiên là u nhân thanh nhã, nhưng hai nhà thơ đó có làm được thơ biên tái đâu? Đỗ Phủ, Hàn Dũ thì thơ hùng tráng, nhưng khó đưa vào âm nhạc [...] Thương hoa xót nguyệt, không phải Ôn Đình Quân, Lý Đông Lang thì không thành. Sánh việc dựng lời, không phải Nguyễn Chân, Bạch Cư Dị thì không thạo.

"Người xưa, mỗi người nổi tiếng một môn, truyền mãi đến nay. Người sau không thể không học thông nhiều lối, theo từng đề tài mà sáng tác." (4) ■

Võ Thu Tịnh

CHÚ THÍCH

(1) Pierre Reverdy : "L'image est une création pure de l'esprit. Elle ne peut naître d'une comparaison mais du

rapprochement de deux réalités éloignées. Plus le rapport de deux réalités seront lointaines et justes, plus l'image sera forte...plus elle aura de puissance émotive et de réalité politique."

(2) Xuân du phương thảo địa, hạ ngoạn lục hà trì, thu ẩm hoàng hoa tửu, đông ngâm bạch tuyết thi (Xuân đạo đất cỏ thơm, hè xem ao sen biếc, thu uống rượu hoa vàng, đông ngâm thơ vịnh tuyết).

(3) P. Valéry: "C'est une erreur contraire à la nature de la poésie, et qui lui serait même mortelle, que de prétendre qu'à tout poème correspond un sens véritable, unique, et conforme ou identique à quelque pensée de l'auteur" (*Variété*).

(4) Nam Trân, trích dịch *Thơ Đường*, Lời tựa, Hà-nội 1987, trang 19.

Hoa Nắng

Vũ Thị Ngọc Thu

Câu chuyện sắp được kể trong những trang dưới đây gồm một số ký ức nhiều yêu thương của những ngày tháng âm êm, ngọt ngào ở Sài Gòn của Nụ, đứa bé di cư từ Hà Nội vào Sài Gòn từ khi còn rất nhỏ. Vào Nam, Nụ đã được ở Sài Gòn suốt những năm niên thiếu nhỏ dại, trước khi lưu lạc xa xứ gần cả cuộc đời còn lại. Những năm ngắn ngủi được ở quê nhà là quãng thời gian có nhiều cánh thơ bay, hoa nắng thơm hương, và giấc mơ nguyên xuân mượt mà nhất của Nụ. Chuyện về Nụ được bắt đầu kể từ bài *Hạt Mưa Ký Úc*, đã đăng trong Firmament số tháng 4, 2023.

Trường Tiểu Học Phan Đình Phùng

Độ một tuần sau khi định cư ở Sài Gòn vào tháng 10 năm 1954, anh Cường bắt đầu vào lớp Năm ở trường tiểu học công thuộc khu Bàn Cờ. Mấy năm sau, lúc Nụ được nhận vào học thì trường chính thức được đặt tên là Phan Đình Phùng.

Thời đó, trường là căn nhà gạch một tầng, khá lớn, sân rộng, mái ngói nâu. Cổng trường có hai trụ đá xây cao, bên trên treo bảng tên trường. Qua cổng là một lối đi tráng nhựa, rộng rãi dẫn vào khuôn viên trường thoáng mát bóng cây. Đầu cổng vào là phòng ông hiệu trưởng, rồi đến phòng họp của giáo viên. Các lớp học nằm bao quanh một sân cỏ lớn. Giữa sân có cột cờ đặt trang trọng trên một bệ ciment nhỏ, nơi học trò các lớp phải tụ tập xếp hàng chào cờ hàng ngày. Gần cột cờ là cây hoa phượng xum xuê cành lá, vòm tỏa xanh mát, che rợp cả một khoảng sân rộng. Chung quanh góc phượng là tụ điểm chơi đùa được ưa thích nhất của học trò vào mỗi giờ ra chơi. Lần nào nhìn cây phượng, Nụ cũng nhớ cây sung ở sân nhà ngày xưa, dù quả phượng dài đẹp, màu nâu đen nhìn giống trái bồ kết của u già, không tròn đẹp, xinh xắn, nhiều màu sắc như những quả sung. Nhưng hoa phượng khi vào hè lại nở từng chùm, đỏ thắm, vô cùng rực rỡ.

Từ khi anh Cường đi học, ngày ngày bố mẹ dù bận rộn thế nào cũng vẫn để ý xem xét tập vở của anh, kiểm tra nhắc nhở anh học bài mỗi buổi tối, và cũng luôn nhiệt tâm theo dõi sinh hoạt ở trường, hỏi han các thông tin về thầy giáo và bạn bè cùng lớp của anh. Những ngày ấy, Nụ thơ thẩn chơi một mình trên sân thượng ở mặt sau nhà, thuộc phần cuối của tầng hai nhìn xuống ngã ba có xưởng đúc, nơi thỉnh thoảng trong ngày có tiếng động cơ khá ồn ào của máy móc. Hàng ngày, bà ngoại dẫn anh Cường đi học, và bất cứ khi nào bà chuẩn bị rời nhà mà thấy Nụ đã đội sẵn mũ ngồi chờ, bà cũng luôn dẫn cả Nụ theo. Vì thế, dường như ngày nào Nụ cũng được theo bà và anh Cường đến trường. Chiều chiều, bà thường dẫn Nụ lên chùa Linh Chưởng thắp hương, lập Phật. Bà luôn cung kính cắm hoa, sắp lễ cúng lên bàn thờ chánh điện, giúp chăm bón vườn cây, và khi rảnh rỗi, cũng chuyện vãn với các ni sư, bà vải. Bố Nụ làm công chức, ngày hai buổi đi về, mức lương ổn định có phụ cấp và trợ giúp y tế hào phóng mỗi khi người trong gia đình phải nhập viện chữa trị. Mẹ sinh thêm các em nhỏ. Cuộc sống bình lặng trôi. Nụ lớn dần.



Học trò tiểu học ngày xưa. Ảnh: Internet

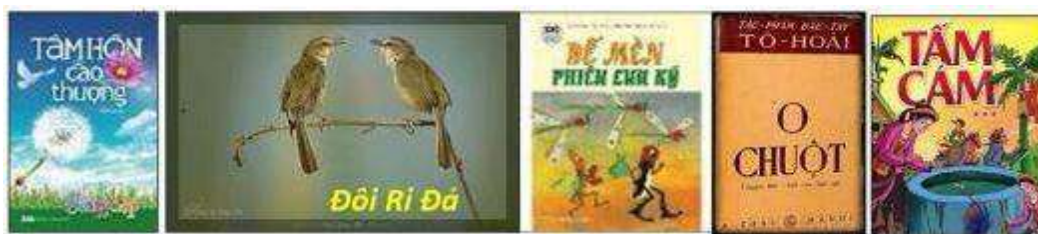
Mấy năm sau Nụ bắt đầu đi học. Vào khoảng thời gian này mọi người trong nhà đều cố tình không gọi tên Nụ nữa. Nụ đã thành Thi hay chị Thi theo như người lớn và các em trong nhà gọi. Và khi Thi lên lớp tư thì cả nhà như đã quên hẳn cái tên Nụ, chỉ trừ bà ngoại, những khi lần thẩn xa vắng chìm trong thế-giới-ngày-xưa rất riêng của bà, vẫn luôn gọi Nụ cho đến ngày bà cháu phải xa nhau vĩnh viễn. Không được nghe ai kêu là Nụ nữa cũng làm Thi man mác buồn, nuối tiếc như bị mất một thứ gì rất quý, đã từng thân thiết gắn kết không rời.

Những năm ở trường tiểu học Phan Đình Phùng của Thi khá mờ nhạt. Đứng ra thì hơn một nửa quãng thời gian này, Thi cũng phải sống xa xứ, nên ký ức về thời tiểu học ở Sài Gòn rất ít ỏi, không có gì đặc biệt, rồi loãng phai dần, chỉ còn phảng phất mơ hồ trong tâm trí. Có lẽ những ngày đó phảng phất bình yên quá nên Thi chỉ loáng thoáng nhớ sân trường có cây hoa phượng to tỏa bóng lá, nơi Thi hay nhảy lò cò với hai bạn cùng bàn ở lớp là Thoa và Vân. Và Thi đã được học với hai cô giáo người Sài Gòn, cô Tâm dạy lớp tư và cô Hạnh dạy lớp nhất. Cả hai cô luôn nhỏ nhẹ dịu dàng gọi học trò là con, nghe thân thương, dịu ngọt vô cùng. Cô Hạnh, nghiêm và khó hơn, có cái roi mây, bẻ bằng bằng đầu chiếc đĩa to dùng xào nấu đồ ăn và bẻ dài cỡ bằng cây chổi lông gà. Trò nào không thuộc bài hay làm toán sai đều bị cô khê hai cái vào bàn tay trái.

Thời gian đó, Thi chưa bao giờ được nhận bằng danh dự, nhưng vẫn nhớ năm lớp nhất, Thi rất thích mỗi khi cô Hạnh cho làm “toán chạy”, một hình thức thi đua để xác định khả năng giải bài đúng và nhanh của học trò trong lớp, Thi đều đều được hạng nhì mỗi khi được thi như vậy, và thỉnh thoảng may mắn trúng tủ, cũng vơ được hạng nhất. Thi ít viết sai chính tả, nên có thể vì thế mà điểm tập làm văn của Thi cũng thường được trên trung bình. Tuy nhiên, Thi luôn bị ngắc ngứ, không thuộc hết bài, không thể đọc trôi chảy trơn tru như các bạn khác mỗi khi bị gọi lên bảng “trả” các bài Sử Ký, Địa Lý, Vệ Sinh Thường Thức, hay Công Dân Giáo Dục, nên hạng điểm tổng kết tất cả các môn học của Thi chỉ ở mức trung bình trong lớp. Sau này, Thi nhận ra có lẽ vì hơi khá toán và ít vướng lỗi chính tả khi làm luận văn nên Thi đã dễ dàng trúng tuyển kỳ thi vào đệ Thất của trường Trung học Gia Long, vì đề thi thời đó chỉ gồm một bài luận văn và hai bài toán đố.

Lần cuối bố dẫn Thi vào trường Phan Đình Phùng chào từ giã thầy hiệu trưởng và các cô giáo, Thi đã rất hãnh diện khi cùng 2 bạn nữa của lớp nữ và 5 bạn bên lớp nam, trúng tuyển vào các trường Trung Học Công Lập ở Sài Gòn niên khóa 1961-1962, được lên nhận quà từ ban giám hiệu, mỗi người một phần thưởng gồm nhiều quyển sách thiếu nhi. Phần sách của Thi có những quyển truyện vô cùng đáng

yêu như Tâm Hồn Cao Thượng [1], Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, O Chuột, Chim Chích Lạc Rừng [2], và Truyện Cổ Tích Việt Nam. Những câu chuyện sôi động, hào hứng, thú vị trong các tập sách thiếu nhi đặc biệt này đã giúp Thi có được những ngày hết sức êm ả, vui nhộn trong suốt thời gian hè nhàn hạc còn lại của năm cuối bậc Tiểu Học. Nhưng cũng có đôi ba truyện từng làm Thi buồn bực, cáu giận vì sự vô tâm, lấu lỉnh, hay ngờ nghếch của các con thú đoảng như mụ Ngan hay em Chích Bông [3]. Thi đã nghiền ngẫm đọc đi, đọc lại nhiều lần tất cả mười mấy quyển sách và đã rất yêu thích, luôn cười, khóc theo những nhân vật trẻ con, chim chóc, ngan gà, chó mèo, giun dế trong các truyện về loài vật vô cùng hài hước và giàu tình cảm của nhà văn Tô Hoài. Tất cả những con vật ngộ nghĩnh hồn nhiên trong truyện, dù thật thà chăm chỉ, đáo đả gian tham, hay mưu mô xảo quyệt, đã luôn lảng vảng rất triu mến, thân thương trong tâm trí Thi bao năm tháng đầu ở bậc Trung Học.



Sách Thiếu Nhi. Ảnh: Internet

Vườn Mai Ngậm Sương

Thi không sao quên được những ngày đầu tiên đi học ở trường Gia Long. Trời tháng 9, nắng hanh vương nhẹ trên nhiều đoạn đường rợp bóng cây dẫn về trường; Không gian dịu mát dễ chịu hơn bao ngày oi ả nóng nực của mùa hè thành phố. Buổi trưa ngày tựu trường, Thi được bố chở đi học bằng xe đạp. Ngồi trên porte-bagage đằng sau xe, gương ngịu trong chiếc áo dài trắng còn phảng phất hương lụa lạnh thơm mát, Thi băn khoăn nghĩ ngợi về trường, lớp mới, và vừa lúng túng ôm cặp, vừa vụng về giữ tà áo không để bị bay cuốn vào bánh xe. Tâm tư Thi hơi bất an, lo ngại không gặp được bạn bè quen ở trường và cũng vu vơ sợ bị xếp vào lớp được dạy bởi thầy, cô khó tính. Như đoán được tâm trạng của Thi, bố huyền thuyên nói chuyện, dặn dò nhiều thứ, nhưng Thi chỉ dạ, vâng qua loa vì đang tự lự với bao âu lo, nghĩ ngợi. Đôi khi Thi cũng hơi bực mình vì hai tà áo như luôn tinh ranh đùa nghịch, nhúng nhằng rong bay ngược xuôi theo gió làm Thi phải để ý nắm giữ, không thoải mái như khi mặc áo ngắn. Thi không ngờ lần đầu tiên mặc áo dài lại hơi phiền hà như vậy, nhưng vẫn cố gắng cẩn thận ngồi thật yên trên xe để không gây khó khăn cho bố.



Thuở mới vào trường. Ảnh: internet

Bố chở Thi chậm chậm qua mấy đoạn phố quen gần nhà, qua ngã tư Lê Văn Duyệt rồi vào đường Phan Thanh Giản rợp bóng hai hàng cây sao rì rào tiếng gió, trước khi ngừng lại ở ngôi trường mái đỏ, rất lớn, thanh thoát nổi bật trong vẻ đẹp cổ điển giữa bốn con đường nhiều cây cỏ thụ xanh mướt. Khu phố tĩnh mịch, vắng xe qua lại. Nhìn từ bên ngoài, vẻ đẹp của trường như còn tiềm ẩn sự tự hào tiêu chuẩn, phong cách văn hóa, và vị thế uy tín của một cơ sở giáo dục công, tiêu biểu của miền Nam. Một trường học truyền

thống mang trọng trách giáo dục để nâng cao trình độ văn hóa theo tiêu chí toàn mỹ các phẩm chất: thông tuệ, chính trực, đạo đức; Và chu toàn các phương châm: nhân bản, dân tộc, khai phóng [4] của đất nước. Sự khẳng định trang trọng này Thi đã đọc trên các văn bản của trường nhận được cùng tờ chứng chỉ trúng tuyển kỳ thi vào Đệ Thất. Đặc biệt hơn nữa là ngôi trường danh giá, nổi tiếng này chỉ dành cho nữ sinh; nên sự hiện diện của trường giữa trung tâm thành phố đã biểu hiệu phần nào ý thức bình đẳng giáo dục nam, nữ ở thời buổi mà nhân quyền của phụ nữ trong xã hội Việt Nam chưa được nhà nước thật sự lưu tâm.

Mặt tiền trường nằm sâu sau bờ tường rào thấp, bên trên có thêm hàng chấn song ngắn, thưa, nên nhìn từ ngoài, sân trước luôn thấp thoáng hàng hoa sứ trắng, cành dáng đài trang, dịu dàng thả hương; và xen kẽ là mấy bụi trúc bách diệp được chăm tía gọn gàng. Bên ngoài, các lối gạch quanh trường luôn miên man tiếng gió, thoảng bay thanh âm những tiếng cười con gái trong trẻo, hồn nhiên. Bờ rào trường được cố định bằng các trụ gạch trang trí vuông, cách quãng đều nhau, vững chắc. Những thiết kế hình học thẳng, đều, vuông, kiên cố; đặt cùng cây cảnh thanh tao sắc màu, nhìn như kiểu mẫu một mô hình giàu tiềm năng phát triển, dành cho thiếu niên, nơi mà nguyên tắc giáo dục và căn bản đạo đức luôn được duy trì nghiêm túc. Kiến trúc tổng thể bên ngoài của trường nhìn rất hài hòa, mỹ thuật. Nét đẹp trang trọng cổ điển cũng gợi cho người qua đường đôi phút băng khuâng hiêu kỳ về các thông điệp ẩn sau những đường nét kỹ hà được khắc họa tinh tế trên vòm cổng, khung cửa sổ, và các bờ tường ở mặt trước của trường.

Chiều hôm ấy và một số buổi chiều nắng đẹp sau này, dường như có những khoảnh khắc trên vách tường trông bên phải mặt tiền của trường đã bắt chợt dấy lên một phiến nắng óng vàng trong vắt. Ở đó lung linh khúc xạ hình chiếc vòm cong bên trên căn hai cung ngói màu trang trí từ cửa sổ một lớp học, thoáng nhìn như bóng một chiếc hồ bán nguyệt có bờ thành dát gốm đá xưa. Nhập nhòa hư thực trên phiến nắng, mặt nước sóng sánh của hồ còn dập dờn phản chiếu dải mây trắng lơ lửng giữa bầu trời xanh. Hình ảnh khơi gợi câu chuyện huyền thoại về cái hồ Tiên thoáng ả, thoáng hiện này, người nào trong nhóm bạn Thi, sau này, cũng đã được nghe, và đã bao lần những ánh mắt phượng ngậy ngó của họ từng kín đáo mãi mê tìm kiếm không chỉ cái hồ Tiên mà còn cả khu vườn Thúy trữ tình, được nghe kể trong giờ học thơ Kiều, khi đã lên lớp cao hơn. Nỗi tò mò càng tăng gấp bội vào những buổi trưa sân trường thấp thoáng những vạt nắng lạ, màu sắc trong hơn và hồng hơn, đẹp lạ kỳ. Mẫu chuyện hư ảo lăm lăm này đã từng làm tâm trí bầy con gái lau hau tuổi 11, 12, 13 bần khoản, mê mẩn bao năm tháng êm đẹp ở trường. Như biểu cảm sự đồng tình với câu chuyện ngộ nghĩnh trẻ con đó, những đốm nắng vàng trên lối gạch dưới chân Thi cũng đang hồn nhiên vui tươi nhảy múa. Chùng như, có làn gió lang thang lạc lối trong buổi tựu trường êm ả ngày hôm ấy, thỉnh thoảng đã la đà chậm lại, dò tìm âm hưởng khúc sáo trạng nguyên, thanh thoát mơ hồ thả từ ngày hội Chử Thuở trường thi còn dập diu lều chõng.

Trước cổng trường đông vô kể học sinh, ai cũng thướt tha tà áo trắng còn óng sắc tơ, thơm hương lụa mới. Nhìn mọi người, Thi bỗng hơi tủi thân, mắt ngân ngấn nước, tự ti quá nhỏ bé vì đang đứng trong nhóm học sinh Đệ Thất, lớp thấp nhất của trường. Hơi lạc lõng, Thi lơ đãng đưa mắt nhìn quanh, hướng nào cũng nhẹ nhàng những tà áo tung bay ngợp trắng cả hai, ba đoạn phố lân cận khuôn viên trường, nhưng nhiều và đông nhất là nhóm học trò mới đang háo hức chờ trước hai cánh cửa cao ở cổng chính của trường, vẫn còn đóng. Không gian mênh mang nắng vàng ấm áp. Tiếng chuyện trò vui tai của những người bạn cũ gặp lại nhau cứ râm ran khúc khích từ các nhóm học trò Đệ Lục hay Đệ Ngũ. Chẳng tìm thấy ai quen, Thi đành tiếp tục vờ nhìn quanh, bỗng nó ngỡ ngàng chú ý đến hai tà áo bay quần quít theo một chị, có mái tóc chấm vai thật đẹp, đang đi từ góc đường Đoàn Thị Điểm rực rỡ nắng về quãng nhiều bóng cây, nơi Thi đứng. Lạ vô cùng vì tà áo chị chơi vui kỳ ảo như không

thật, đang vừa như dải voan trong suốt, óng ả loáng ánh bạc chao lượn giữa nắng vàng, bắt chợt lúc đến dưới bóng mát, đã như thành chiếc khăn san trắng, nhu mì dịu dàng buông lơi trong heo may của một mùa thu nào đã vời vợi xa. Cây lá lao xao, lối đường như còn vương nhẹ hương hoàng lan dịu quen từ tà áo lụa hay dải khăn san đang ngập ngừng bồi rối trên bờ vai cô nữ sinh Sài Gòn. Đẹp đến nỗi, trong thoáng chốc Thi quên cả việc dầm dẫm với hai tà áo bay lượn phiêu hà của nó.

Đang vẫn vơ tìm thêm mây, gió trong các tà áo bên cạnh thì bỗng xoa đầu Thi, vẫy tay dặn dò lúc về phải đứng chờ bố đón ở góc đường bên chùa. Hồi trống mở cổng trường bắt đầu năm học mới vừa trang trọng vang lên. Thi nao nao ngỡ ngàng nhìn theo dáng bố dắt xe đi, rung rung nhớ đoạn thơ có câu thảnhthoảng bố hay ngâm nga ở nhà, *partir c'est mourir un peu*,[5], lòng băng khuâng ngổn ngang tâm trạng của ngày đầu tiên bước vào ngôi trường trung học quá lớn.

Nhóm học trò Đệ Thất được cô giám thị hướng dẫn đến xếp hàng ở khu dành riêng cho từng lớp trong nhóm. Niên khóa 1961-1962 có 14 lớp Đệ Thất, các lớp Thất 1 đến Thất 7 thuộc ban Anh Văn; Thất 8 đến Thất 14 thuộc ban Pháp văn. Thi vào hàng với các bạn cùng Đệ Thất 6 năm ấy. Mọi người đều có chút e dè, ngỡ ngàng khi được cô giáo hướng dẫn chỉ định một ai đó vào xếp hàng cùng, nhưng đều thân thiện chúm chím cười làm quen ngay với người bạn mới. Thi được xếp hàng với Thủy, cả hai ngập ngừng cười chào nhau và tự giới thiệu tên. Như định mệnh, từ hôm đầu tiên ấy cho đến hết bốn năm trung học Đệ nhất cấp, Thi đã luôn ngồi cạnh Thủy và từ tuần lễ thứ nhì năm Đệ Thất, cả hai và các bạn Thìn, Vinh ngồi bàn bên trái, ngày nào cũng đi học với nhau vì tất cả đều ở quanh quần xóm trên hay xóm dưới trong khu Bàn Cờ, và nhà này cách nhà kia chỉ vài blocks đường. Trong xóm còn có vài chị lớn hơn học cùng trường, bọn Thi thường đi theo họ, cả đoàn sáu, bảy cô bé tung tăng như đàn bướm trắng, ríu rít chuyện trò cười nói. Bao đốm nắng vàng đã theo hóng chuyện đàn bướm khắp các hè phố quen dần về cổng trường những năm tháng vô tư êm đềm ấy.

Từ buổi học đầu tiên, các cô học trò Đệ Thất đã được nghe hướng dẫn về ý nghĩa hoa mai vàng, biểu tượng của trường. Tất cả đều được phát huy hiệu màu xanh trên có đóa mai nhỏ lấp lánh, đặc biệt chỉ để cài lên áo dài màu xanh vào các ngày lễ phải tham dự diễn hành; thêm hai phù hiệu bằng vải nền trắng có thêu đóa mai xinh xắn cạnh tên trường bằng chỉ màu đỏ và được dạy cận kề cách đơm phù hiệu lên gò áo dài trắng, đồng phục mặc hàng ngày. Cô Huỳnh Thị Nữ, giáo sư hướng dẫn lớp Thi và cũng phụ trách môn Việt Văn, đã dạy hoa mai vàng là hình tượng cao quý ẩn dụ cho khả năng tiếp nhận nhân lý của con người. Hoa mai còn tượng trưng cho đức trung thực, tính can đảm, lòng kiên trì, và sự phú quý nên học trò của trường sẽ được đào tạo thành những người có tâm, tài, đức, hữu ích cho đất nước, dân tộc.

Năm Đệ Lục, cô Thân Thị Tố Tâm, giáo sư Việt Văn người Huế, còn thảnhthoảng trù mển gọi học trò của cô là những nụ mai nhỏ trong vườn Hạnh, vườn Xuân. Và Cô đã giải thích vườn Hạnh là nơi chỉ có hạnh phúc, bình yên, thương yêu dành để ươm dạy, chăm chút những búp mai xinh đẹp. Hoặc diễn tả như cô Hiếu Hạnh, giáo sư hội họa khi nghe bọn Thi thú vị kể lại lời cô Tố Tâm, thì vườn Hạnh được cô họa sĩ phác họa là nơi rất bình yên, muôn thuở thì thảo gió nhẹ, nắng hồng, lá rơi, mai chúm chím, tươi mát trong cõi vàng lừng vang tiếng chim hót. Những câu nói ân cần ngọt ngào mang ý hướng xác định và đề cao năng lực học trò của các thầy, cô giáo đã là các khích lệ lớn lao, tích cực giúp các cô gái nhỏ nẩy nở sự tự tin, cố gắng hành xử theo khuôn phép, quan tâm trau dồi đức hạnh, và phát triển tinh thần nhân ái để trở thành người hiểu biết, trân trọng lễ nghĩa, chuyên chú học tập, và thương quý thầy bạn.

Những nguyên tắc căn bản về sinh hoạt học đường được nghiêm túc chỉ dạy từ những ngày vừa vào trường và thường xuyên được nhắc nhở bởi các thầy, cô hướng dẫn lớp, vào mỗi đầu năm học mới hay sau khi tổng kết thành quả kỳ thi lục cá nguyệt của cả lớp. Thời ấy, học trò rất thương quý, nể trọng, vâng lời thầy cô, và rất chăm chỉ học hành, luôn tích cực giúp đỡ bạn bè và tham dự những hoạt động từ thiện do trường tổ chức. Thêm vào đó, còn được huấn luyện để có ý thức trách nhiệm, tinh thần đồng đội nên học trò rất đoàn kết, nâng đỡ nhau tận tình mỗi khi được trường tuyển hay chỉ định tham dự các cuộc thi đua liên trường hay toàn quốc, như Văn Chương Phụ Nữ hay Nữ Công Gia Chánh. Học trò của trường thường xuyên đạt được những thành quả danh giá trong nhiều cuộc thi đua nổi tiếng của thành phố Sài Gòn thời bấy giờ.

Nhắc về trường mà không kể đến các gánh me, mâm cóc; các mẹt mía ghim, keo chùm ruột; hay các xe cóc có tú kính bán đu đủ bò khô, bò bía, đậu đỏ bánh lọt, và bao gánh rong quả vật quanh trường là một



Trái cóc bán quanh trường. Ảnh: Internet

thiếu sót khi diễn tả nếp sinh hoạt của những cô nữ sinh Sài Gòn tuổi 13, 17 lúc đó. Con đường nhỏ sát chùa Xá Lợi ở đối diện trường bên ngã đường Bà Huyện Thanh Quan là nơi tụ tập của các hàng quà vật đáng yêu này. Các cô học trò thích từ vợ chồng chú thím xắm lai bán đậu đỏ, đậu xanh bánh lọt với tiếng đá bào loạt xoạt liên tục vừa vui tai, vừa tung rải bao hạt đá trong veo mát rượi như những hạt cườm thủy tinh lóng lánh lên tà áo của đàn bướm xúm xít ăn hàng; Thêm chú Ba lác cắc tiếng múa kéo cắt bò khô thoăn thoắt thả vun lên mấy đĩa đu đủ sợi giòn thơm vị ớt, kích thích mỗi đĩa chỉ cỡ lòng bàn tay người lớn; Nào bà Bảy có thầu me ngào óng lịm màu mật ong và những chiếc bánh phồng giòn rụm; Có chị Hai

bán những xâu chùm ruột vàng thơm ngậm chua ngọt thơm lựng vị cam thảo, nhìn rất quyến rũ trong cái keo thủy tinh kèn cang trong suốt mà có lẽ cả nhóm con gái ngồi quanh xúm lại cũng không thể xê dịch nổi. Nhưng trội nổi hơn cả là mâm cóc phủ phê đầy vun của thím Mươi; Tất cả các quả cóc thơm, ừng hừng trên mâm đã được cẩn thận tĩa thành những búp hoa có cánh múp míp, và quanh mâm còn có những mảnh lá chuối rất nhỏ đã xếp sẵn thành hình phễu xinh xinh để đựng mắm ruốc hay muối ớt phụ kèm từng đóa cóc xanh giòn. Mâm luôn ăm ắp những búp hoa cóc mây căng năm, sáu cánh xanh muốt... Nhưng chỉ gần cuối năm, giữa mùa cóc, mới được thưởng thức những đóa cóc tươi giòn mê ly như thế thôi, lúc trái mùa thì thi thoảng lắm mới thấy thím Mươi đến với hai keo cóc ngậm chua ngọt, nhưng toàn trái nhỏ, không thoảng hương the chua rất riêng, rất đặc biệt trong không gian dịu mát, hơi se lạnh của những ngày cuối năm.

Thì không hiểu tại sao chỉ những năm học buổi chiều, thời còn thuộc ba cấp lớp nhỏ nhất của bậc Trung học: Thất, Lục, Ngũ, thì những món quà vật mới có vị ngon đặc biệt như thế. Khi lớn hơn, học buổi sáng, tự nhiên cả bọn ít dám thường xuyên ngồi lê ăn quà quanh trường nữa, chỉ thỉnh thoảng góp tiền, bốc thăm chỉ định một, hai bạn trong nhóm mua đem vào sân trường, rồi cùng chia nhau nhâm nhitrên mấy băng ghế đá hay nơi góc phượng ở sân thể thao góc sau trường. Nhiều lần trong những lúc đó, cả bọn đều ngờ ngẩn nhớ những buổi chiều nắng mật vàng ong, vừa ngậm me hay nhai cóc, vừa quan sát màu sắc của mây loại mạn trong thúng này hay các nhánh chùm ruột tươi vàng ở mẹt kia, và bên tai luôn vang vang nhiều tiếng nói, đăm thắm nhỏ nhẹ của người bán, kẻ mua, rất quen. Bao giờ những âm

thanh rộn rã trong trẻo đó cũng hòa trộn nhiều tiếng cười vui nhộn và lấp lánh những giọt nắng hồng của ký ức ấm áp hạnh phúc. Trải nghiệm yên bình, dễ chịu như khoảnh khắc được nhìn muôn vàn mảnh kim tuyến lung linh theo nhau rơi phủ khắp không gian, lay tỉnh toàn cảnh vật đã êm ái ngủ yên trong quả cầu trang trí bằng pha lê. Những ngày thơ dại đẹp như trong truyện cổ tích; Và ở đó, bạn bè, thầy cô, trường lớp, hàng hoa sứ, lối gạch quanh trường, vòm phượng rực rỡ vào hè ... dù không còn là một thực thể để được trở về trải nghiệm thêm nữa, nhưng vẫn âm thầm quyến luyến, nhẹ nhàng ru êm, băng qua ẩn hiện; lúc rộn rã vang động, khi nhẹ nhàng bông bênh, trong bầu sáng âm áp bao dung, che chở, rất yên bình.

Năm lên đệ Tứ, để chuẩn bị thi bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, Thi theo Thủy, Thìn, Vinh và vài bạn nữa ghi danh học luyện thi về Toán, Lý, Hóa. Từ đó, buổi sáng học ở Gia Long, và ba buổi chiều trong tuần, phải đi học thêm, mỗi buổi khoảng 2 giờ, ở trường Nguyễn Huệ, một trường tư ở trên đường Công Lý. Trường luyện thi này được dạy bởi giáo sư Bùi Hữu Đột và con của thầy là giáo sư Bùi Hữu Chính. Nhiều học sinh trung học ở Sài Gòn thời đó đều biết thầy Bùi Hữu Đột là giáo sư dạy toán rất nổi tiếng. Trường Nguyễn Huệ ở khá gần phố Lê Lợi thuộc khu trung tâm Sài Gòn, gần chợ Bến Thành. Cả bọn Thi đều rất thích các buổi học thêm này, vì không khí lớp học không bị nhiều áp lực, không phải cố gắng để đạt điểm trung bình hoặc khá hơn trong các bài tập, không phải thi lục cá



Trong giờ học. Ảnh: Internet

nguyệt. Và có lẽ vì tinh thần được thoải mái, nên bài vở ở lớp học thêm của bọn Thi lại luôn có kết quả khá hơn so với điểm số ở lớp học chính, nơi luôn phải cố gắng để giữ được thứ hạng cao trong lớp. Những buổi học này còn tạo cơ hội được rong chơi vui nhộn cùng bạn bè, rất thú vị. Lớp học thêm tan vào 4 giờ chiều, nắng vẫn lura thừa vàng dưới hai hàng cây nhiều bóng mát. Cả nhóm nhả nha rủ nhau đi bộ từ trường Nguyễn Huệ về trung tâm phố và hay ngừng lại khá lâu ở ngã tư rẽ vào đường Lê Lợi, nơi có nhiều sạp bình dân nhỏ bán báo và những kiosque đẹp bán sách, trưng bày mỹ thuật thu hút hơn.

Các bạn của Thi thích la cà ở khu này để xem bìa những quyển sách bày trên kệ và những tờ nhạc nhiều màu sắc. Ngắm nhìn những

khuông nhạc với bao nốt đặt diu bay nhảy lên xuống, mà tưởng như được nghe âm điệu thánh thót của những bài tình ca đã được nhà văn Nguyễn đình Toàn trau chuốt diễn giải trên chương trình Nhạc Chủ Đề vào những tối Thứ Năm. Đại khái, theo nhà văn, đó là những khúc hát bao gồm sự phối hợp tuyệt diệu của lời (thơ) thể hiện xúc cảm trữ tình và nốt nhạc đan lượn thanh âm trầm bổng.

Những bản nhạc dịu êm, lời ca mượt mà đã tích cực giúp đời sống tinh thần của những cô gái nhỏ được phong phú, thi vị hơn. Bìa các tờ nhạc luôn có tranh minh họa mỹ thuật vừa lạ mắt, vừa sắc sảo, màu sắc đẹp trang nhã. Bảy giờ, dù rất thích, nhưng chẳng ai có tiền để tiêu pha cho món hàng xa xỉ đáng yêu này, bọn Thi chỉ có vài đồng mẹ cho vừa đủ mua me, mua cóc nên chưa bao giờ có khả năng mua bán bất cứ thứ gì mỗi khi lên phố rong chơi như vậy. Nhưng các dì, các chú chủ gian hàng luôn ân cần chào đón bày thiếu nữ có những đôi mắt sáng như sao này, có lẽ vì nghe họ láu táu phê bình hay đàn hanh so sánh tờ này, tờ kia cũng vui tai; và rồi thể nào cũng có vài khách tre trẻ, bộ điệu nghiêm trang

người lớn hơn họ cùng dừng chân chọn nhạc, báo, sách và lân la bắt chuyện với Thủy vì cô nàng xinh như một nàng thơ nhỏ. Tà áo mảnh mai nổi cao chiếc cổ thanh như cuống hoa mềm mại nâng gương mặt búp sen tươi mát của Thủy vừa tinh khôi hé nở dưới vầng nắng hồng. Nhánh sen đẹp thanh thoát, nhẹ nhàng tỏa hương làm những con sóng hồn phiêu bồng ngỡ ngần không biết đang ngao du vườn sen hay lạc trôi trong bóng râm ngày hội mùa trăng.



Người về hoa nắng trên tay ...

Ảnh: Internet

Thi cũng phải sững sờ ngạc nhiên vô cùng, vì tuy luôn rất thân thiết, ngày ngày cùng đi học với Thủy, mà không hề biết, từ bao giờ, Thủy đã thần kỳ hóa thân thành nàng thơ quá yêu kiều, xinh đẹp như vậy nữa. Quả là thiên nga của vườn mai ngâm sương.

Mùa chớm sen hồng

Em chớm nguyệt

Tình chớm quỳnh hương

Em chớm rằm

Con chim nào múa trên cành phượng

Lá chợp hàng mi mắt lá rằm

(Trích từ “Phượng Hồng”, thơ Lê Văn Trung)

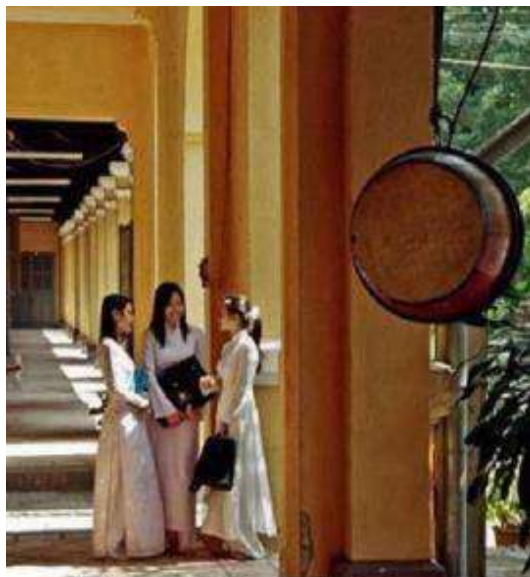
Thi chỉ mê mẩn các tờ nhạc, nhất là bài hát nào đã từng yêu thích khi nghe qua chương trình ca nhạc của đài phát thanh. Thi tản mẩn xem những bức tranh lạ và đẹp trên bìa tờ nhạc, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa họa sĩ muốn gửi cùng bài hát; Nếu nghĩ không ra, Thi tưởng tượng một mẩu chuyện nào đó để liên kết bức vẽ với nội dung bài hát hay lời một, hai câu trong bài mà Thi thích nhất, rồi vòng vo kể lại câu chuyện như câu đầu ngô, mình sở cho Thủy, Thìn, Vinh để thích thú thấy mắt mấy cô bạn tròn xoe thán phục. Nhớ làm sao những góc phố cũ, bao ngã đường hoa thơm nắng Sài Gòn,

phổ nhộn nhịp tiếng xe, những quây hoa lung linh màu sắc, tiếng cười đùa như không bao giờ dứt của những ngày tháng thơ dại.

Một xế trưa gần vào hè, trong lần cuối đến lớp học thêm trước khi nghỉ chờ ngày thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, cả bọn đã khám phá ra một cây muồng hoàng yến, cổ thụ, hoa vàng rữ từng chùm sáng rực như những lồng đèn treo lơ lửng đong đưa ở các ngày hội. Cây ở trước một biệt thự trên đường Phan Thanh Giản, đoạn gần rẽ vào Công Lý. Thật ra, ở con ngõ gần chùa Xá Lợi cũng có một cây như thế, nhưng vẫn còn nhỏ, chưa bao giờ trổ hoa, nên cả bọn không ai biết hoa hoàng yến khi vào mùa lại quá đổi rực rỡ mỹ miều như vậy. Các bạn và Thi đã thay phiên nhau đứng dưới những chùm hoa hoàng yến, nghiêng bóng nắng đợi gió lay, chờ dây hoa vàng vờ vắn sa nhẹ lên tóc, rải vương tà áo, để tưởng tượng như đang cùng những nụ hoa vàng ngày Xuân chơi vui trong khúc nhạc mùa nhẹ êm. Từng dây hoa dịu dàng lướt quay theo tà áo óng ngà sắc tơ, chấp chới quyện vòng các dải nắng thủy tinh trong veo. Buổi chiều êm ả nhịp luân vũ tuổi chanh, tuổi hồng vẫn tinh thoảnh nhẹ nhàng, vờ vắn trong tâm trí Thi.

Ở những năm đệ nhất cấp, Thi và các bạn không những được dạy dỗ để mở mang, phát triển kiến thức khoa học, văn chương mà còn được các cô giáo chuyên về âm nhạc, hội họa, nữ công, gia chánh, hướng dẫn các nguyên lý đọc viết nốt nhạc, giữ tiết nhịp khi ca hát, cách phác họa hình thể, tô vẽ màu sắc, và may vá thêu thùa, nấu nướng. Những hiểu biết thực dụng về nữ công, gia chánh giúp cả bọn tháo vát hơn khi phải đỡ đần công việc nhà cho bố mẹ; và những khái niệm về nghệ thuật đã góp phần khơi mở làm tươi mát tâm hồn, giúp các cô nữ sinh nhỏ thêm dịu dàng, đảm thắm.

Thú vị hơn tất cả là những giờ Việt Văn, môn học đặc biệt luôn được sự tập trung lắng nghe hết sức say mê của các cô học trò. Trong những buổi học nhẹ nhàng thoải mái đó, cả bọn chỉ phải để ý nhớ một số quy luật căn bản về cú pháp, viết văn, làm thơ, hoặc phương cách nhận định giá trị của một số tác phẩm văn học. Phần lớn thời giờ còn lại, học trò được nghe những lời giảng giải hay phân tích thiết thực, hào hứng, và cặn kẽ về nội dung nhiều trích đoạn nổi bật trong các tác phẩm văn học; và cũng không ít lần, họ được thưởng thức giọng diễn ngâm chan chứa tình cảm khi các cô giáo ngẫu hứng nhấn nhá những đoạn thơ trữ tình hay nỉ non các khúc ngâm da diết nỗi niềm. Văn chương, thi phú bình luận trong giờ học bao giờ cũng phong phú ý tưởng cao đẹp, cảm xúc chân thật, ngôn ngữ sáng tạo, nhịp điệu dịu êm, và những câu chuyện về các điển tích cổ hay lời khai mở bao ẩn dụ từ vừng thâm thúy. Nội dung của phần lớn những tác phẩm trong chương trình học đều sâu sắc đề cao các giá trị chân, thiện, mỹ của cuộc sống. Và những thông điệp tích cực này đã được các thầy cô tinh tế chuyển tải, hướng dẫn để học trò dễ dàng thấm nhuần mọi tư tưởng đạo đức, nhân văn tiềm ẩn, ngoài các lý thuyết căn bản về ngữ văn.



Hành lang lớp học. Ảnh: Internet

Ngẫm nghĩ lại, Thi không sao quên được cảm giác bồi hồi, tự hào khi được học về những bài thơ Nôm chọn lọc từ Quỳnh Uyển Cửu Ca Thi Tập của vua Lê Thánh Tông và các thi nhân trong hội Tao Đàn do vua lập ra từ thế kỷ thứ 15. Nhớ vô cùng những lời ca tụng của cô Phạm Quy [6], giáo sư dạy Việt Văn năm đệ Ngũ, đã ví von hội tao đàn của vua là một bức phá văn học lịch sử quan trọng của đất nước. Còn hình ảnh nào cao đẹp, yên bình, và diễm lệ hơn cảnh vua quan, quần thần hài hòa thù tạc thanh tao trong các buổi xướng họa thi phú, diễn giải lịch sử, thảo luận về đạo học, về chính sự của đất nước. Những chương trình luận bàn quốc sự hay nhã nhạc tiêu khiển đậm sắc văn hóa nghệ thuật đã được thường xuyên tổ chức gần như suốt khoảng thời gian trị vì của đức vua tài ba; Người cũng được xưng tụng là bậc nguyên súy của trào lưu văn học cung đình cao quý.

Trên tất cả, đất nước ta thời đó đã phát triển vượt bậc nhờ tài năng và đức độ lớn lao của vị minh quân, Lê Thánh Tông. Chẳng thế mà *Sử Việt - 12 Khúc Tráng Ca* đã ghi về Ngài như sau “*Vua là đại diện của sự ấm no và an lành, của thái bình và thịnh trị. Nhắc đến Ngài là nhắc đến một dòng suối mát phủ lấy trang sử xanh của dân tộc.*”. Và Đại Việt Sử Ký Toàn Thư bày tỏ sự tôn kính công đức của Ngài qua dòng “*Triệu dân vô yên, trăm việc chấn chỉnh, văn giáo rộng ban, vũ công đại định*”. Vua Lê Thánh Tông là một bậc anh tài và là một vị vua suốt đời vì dân.

Ngoài các đề mục chính của môn học, các bạn và Thi còn rất yêu thích mỗi khi được nghe kể thêm những giai thoại kỳ thú về tác giả hay những nhân vật trong tác phẩm, về nếp sống xã hội của thời đã qua, về các tư duy, định kiến hay thành kiến, của con người trong bối cảnh cuộc sống của họ từ các tác phẩm cùng thời hay các nguồn thông tin văn nghệ khác. Những câu chuyện hư thực trong phần phụ bản, hoặc ngoại truyện, đã giúp môn học thêm thú vị, đa sắc, gần gũi với cuộc sống hiện thực của xã hội hơn. Trong các buổi học, không gian lớp học thường rất sôi nổi sống động, luôn phảng phất hình bóng của một quá khứ tuy đã lùi xa, nhưng vẫn có tình thân ái kết nối trong dòng chảy xuôi an bình từ thế hệ tiền bối, và lãng đãng tiếng đồng vọng tha thiết tình tự quê hương. Những năm trung học nhỏ dại đó, nhất là những giờ được học văn chương thâm thúy, nghiền ngẫm tư tưởng về đạo đức làm người, và tiếp cận với nghệ thuật của ngôn từ có lẽ là trạm dừng an nhiên kỳ thú nhất của chuyến tàu cuộc đời mà sau này các bạn và Thi đều phải qua rất nhiều bên gập ghềnh, gian nan, mệt mỏi.

Hoa Nắng Sân Trường

Mùa hè sau năm Đệ Tứ, tất cả các cô học trò trong nhóm Thi đều đỗ bằng trung học Đệ Nhất Cấp một cách dễ dàng. Điều này cũng không có gì ngạc nhiên vì tỉ lệ học sinh của trường thi đỗ các kỳ thi căn bản ấn định bởi bộ Giáo Dục đều luôn rất cao. Hãnh diện hơn nữa là gần phân nửa số người đỗ đạt đã trúng tuyển có hạng như Ưu, Bình, hay Bình Thứ. Thi nhớ trong năm cuối ở trường, có một bạn đã đỗ hạng Tối Ưu kỳ thi Tú Tài 2. Hình như năm đó toàn quốc chỉ ba học sinh đạt được số điểm để được xếp vào hạng bậc danh giá này. Ngày đó, nhiều bạn của Thi học rất chăm, rất giỏi, nhưng cũng mơ mộng thả thơ, viết văn, gọi mây, vợ nắng, suốt những năm dưới mái trường yêu dấu. Vài nụ thơ học trò mà Thi còn nhớ:

*Hoa sao lấm tẩm trên bờ tóc
Cỏ biếc nằm nghe tiếng guốc khua
Hồ điệp theo vào trong lớp học
Mơ màng nhìn giọt nắng đọng đưa
(Trích từ “Đường Phan Thanh Giản”, Quỳnh Châu, GL 1965)*

*Xin trả cho tôi nắng Sài Gòn
Thênh thang đường phố lụa Hà Đông
Xin trả cho tôi mưa ngày ấy
Và trả cho tôi cả cuộc tình...
Hoàng Lan Chi (GL 67)*

*Chiều rơi nhẹ vào mắt
Trời chớm đông lạnh ngắt
Gió lay nhẹ hàng cây
Dáng em mờ trên mây
(Trên tờ bích báo Đệ Nhất A1 năm 1968, không có tên tác giả)*

Những nụ thơ mềm mại trên có thể đã hình thành từ bao buổi chiều trời xanh mây trắng lãng đãng trên sân trường ngày nào. Thời đó, đã biết bao lần các bạn và Thi tranh nhau đuổi nhặt những bông hoa nắng được gió miên man rải từng vạt vương vãi dưới các bóng cây trong khuôn viên trường. Vui nhất là những bước nhảy chân sáo dưới hàng cây lòa xòa bóng lá dẫn từ vòm cổng chính đến khu có phòng Hiệu Đoàn riu rít tiếng học trò ăn quà. Những giờ ra chơi mãi mê tìm đếm từng cánh hoa pha lê nhấp

nháy ân, hiện trên các lối đi nhiều bóng nắng, đặc biệt là trên lối đường có hai hàng cây luôn rì rào tiếng lá reo được rất yêu thích bởi các cô học trò. Lối đường đó bao giờ cũng vang tiếng nhiều bước guốc nhỏ qua lại, và đôi khi để ý kỹ, còn như có cả những âm guốc mơ hồ vọng về từ một thời xa vắng nào đó.

Bao giờ vào cuộc chơi, những cánh hoa trên đường cũng lao xao như sợ bị guốc các cô đùa dẫm lên. Vì thế, chúng thường nhanh chóng bay lên tà áo của một ai đó trong nhóm, nhấp nháy vài giây, rồi nhanh nhẹn chuyen qua mái tóc hay bờ vai một bạn khác. Cứ thế, hoa như theo mọi người chạy quanh, áo và tóc người nào cũng lấp lánh vài cánh hoa nắng, kể nhiều người ít, ai cũng thích thú vì được tha hồ ngắm những nụ hoa như bướm pha lê hay đom đóm lập lòe trên áo nhau. Cao điểm cuộc chơi là những so đo, lý sự, chí chèo, khen chê các mẫu hoa được cài trên từng tà áo; Nhất là lúc tranh nhau hít hăđêm những cánh hoa, vốn có hiện hữu chẳng bao giờ phân minh, còn luôn tinh quái chấp chờn: lúc sáng, lúc mất. Những tiếng đếm 1, 2, 3, ... dứt khoát vội vàng. Rồi bỗng bắt chợt, ai đó bật ra một, hai tiếng khúc khích nhỏ, rồi vài tiếng cười bắt chước, dần dần nhiều tiếng cười theo nhau ồn ă hơn, và chẳng mấy lúc đã òa vỡ thành từng chuỗi cười liên tục, không dứt được.



Sân trường Gia Long ngày thi. Ảnh: Internet

Đôi khi đang tập trung kiểm số hoa để quyết định ai nhặt được nhiều, thì nắng bỗng dưng nhạt hẳn, và chỉ trong chớp mắt, áo ai cũng trơn trắng bình thường, hết nhau, không còn hoa lá nữa. Cả bọn đều ngó ra ngẩn ngơ vì ngàn ấy cánh hoa đang nháy chớp như mùa, đã đột ngột tan mất hết. Nhưng chỉ một thoáng sau, nắng bừng lên, đám hoa nghịch ngợm lại bất ngờ xuất hiện, nhưng chấp chờn sáng như các đóm đèn trang trí trên thân cây, không đậu trên bất cứ tà áo ai.

Cũng nhiều lần, trưa đỏ vàng như tô, như vẽ trên vòm cây xanh thẳm, trời vắng gió, hoa nắng trên lối đi nằm lặng yên không chớp, tựa như đã được in tạc vào mặt đường nhựa và càng lúc càng nổi rõ nét, óng đẹp hơn dưới vạt nắng say nồng. Thế mà bọn Thi cũng vẫn bị lạc mất vài bông đã đếm, câu bực đến nỗi phải ngẩng mặt lờm đê hai con nồm sáo [7] phá đám đã

khua lá làm bay hết hoa, còn năn nhờ huyết gió nhạo đùa khi vút bay trốn về tháp chuông bên chùa. Thật chẳng ngoa khi bọn sáo đoảng này đã luôn bị mắng trong mấy bài học về ca dao thành ngữ:

*Con chim sáo sậu
 Ăn cơm nhà cậu
 Uống nước nhà cô
 Đánh vỡ bát ngô
 Bà cô phải đền*

Những ngày gần đến hè năm đó mọi người trong lớp Thi đều bận rộn lo lắng, không còn nhộn nhơ chào đón phượng nở, ve vang như các mùa hè trước. Ai cũng nghiêm túc chăm chỉ học bài chuẩn bị cho kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp. Bộn bề, nhưng lòng họ cũng ngổn ngang nhiều ưu tư khi biết hai chị bạn lớn tuổi ngồi bàn cuối lớp, sẽ thôi học luôn để lấy chồng. Nhưng hoang mang chạnh lòng nhất là chuyện ba cô bạn hiền lành, không bao giờ nghịch ngợm hay to tiếng, cũng rời trường sau khi thi xong, tìm việc làm để phụ giúp gia đình. Những giờ học cuối của năm 1965 trôi qua thật buồn.

Không gian lớp học càng lúc càng căng thẳng bất an hơn, mọi người đều lo lắng bồn chồn khi ngày thi càng lúc càng cận kề. Những bạn sắp phải rời xa trường luôn thần thờ, buồn bã, đôi khi còn tủi thân thút thít ở một góc nào đó ngoài sân trường. Lưu bút chuyện tay nhau như bướm bướm. Tự nhiên, các cô nhỏ như nhạy cảm hơn, dễ xúc động, dễ khóc mỗi khi nhìn những người bạn sắp phải thôi học, nên đã gửi tặng nhau hay ghi chép đặc dày những câu thơ, đoạn văn lên bích báo số mùa hè, nhiều hơn hẳn những năm học trước. Tuy Thi cũng áy náy, buồn xót thương mấy bạn phải thôi học, nhưng vô tâm mãi chơi, nên không nghĩ ngợi nhiều, có lẽ vì quanh Thi vẫn luôn còn đông đủ Thủy, Thìn, và Vinh. Sau này, khi đã lên lớp trên và phải học cùng vài người bạn mới quen từ các trường khác chuyển đến, Thi đã rất nhớ ba cô bạn kém may mắn trong lớp học xưa, cũng đã không ít lần ân hận tự trách quá thờ ơ vô tình, không quan tâm nhiều đến hoàn cảnh các bạn.

Hôm liên hoan bãi trường, mọi người đều mãi miết viết lưu bút. Thi cũng bắt chước các bạn nắn nót 4 câu thơ con cóc, ngụ ý tả hoa nắng, gửi vào lưu bút tặng Thủy. Thơ dở quá nên Thủy suy nghĩ mãi mà vẫn ngơ ngác, bối rối không hiểu Thi định ba hoa chuyện gì khi viết mấy câu như bài về bán thuốc rong đó. Ngụ ngợ hiền lành như *chim chích lạc rừng*, [8] thì làm sao Thủy biết được:

*Người vẽ hoa nắng trên tay
Cầm câu thơ thấy nắng đây trong thơ
(Trích từ “Hoa Nắng” – thơ Lê Văn Trung)*

Qua mùa thi, các bạn và Thi đều vui mừng háo hức chờ ngày khai giảng năm học mới. Đôi lúc cả bọn cũng ngậm ngùi nhắc đến các bạn bị hoàn cảnh đẩy đưa, bắt buộc phải lớn lên, bước vào đời quá sớm. Chạnh lòng làm sao mỗi khi nghĩ đến lúc trở lại trường, sân vẫn ngập hoa nắng, nhiều tiếng cười; Nhưng không bao giờ còn được gặp những gương mặt thân quen, hiền hòa đã cùng là bạn học từ những ngày đầu tiên vào trường. Có những ngày cả bọn Thi nhớ ba cô bạn nhỏ vô cùng.

*Em không đến trường mùa thu năm ấy nữa`
Em cũng không đến trường cả mùa thu năm sau
Chiếc lá rụng xuống hoàng hôn xẹt lửa
Nghe mùa thu tiếc nuối chảy qua cầu.*

(Trích từ “Xa Lắc Mùa Thu”, thơ Trương Nam Hương)

Thú đam mê tìm nhặt hoa nắng trong sân trường có lẽ đã làm nảy sinh ý hướng cố gắng tìm kiếm những điểm sáng trên các lối đi, ngã rẽ của đường đời sau này. Trò chơi thơ đại ngày ấy cũng giúp các bạn và Thi mơ hồ cảm nhận những gì được định giá là hào quang rực rỡ của cuộc sống, cũng chỉ hiện

hữu rất mong manh vô thường, dễ có dễ mất; nhưng có thể giúp làm một phân đoạn cuộc sống thêm sinh động, nhiều sắc màu. ■

Vũ Thị Ngọc Thư

Chú Thích

[1] Tâm Hồn Cao Thượng, được chuyển ngữ từ bản dịch qua tiếng Pháp: Les Grands Coeurs by Edmond De Amicis, bởi nhà văn Hà Mai Anh).

Tâm hồn cao thượng (tiếng Ý: Cuore) là một cuốn tiểu thuyết về trẻ em của nhà văn người Ý Edmondo De Amicis. Truyện dùng bối cảnh lúc nước Ý được thống nhất, nội dung đề cao tinh thần yêu nước. Tiểu thuyết được xuất bản đầu tiên vào ngày 18 tháng 10, năm 1886, ngày khai trường ở Ý, và ngay lập tức trở thành một hiện tượng sách được nhiều người ái mộ, liên tục tái xuất bản rất nhiều lần.

[2] Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, Tô Hoài (1955); O chuột, Tô Hoài (1937); Chim Chích Lạc Rừng, Tô Hoài (1949) là những truyện ngắn về loài vật đã được phát hành trong các thập niên 1950, 1960 ở Sài Gòn như những tập truyện nhỏ. Mỗi truyện được in thành một tập chỉ độ 5-10, trang. Nhiều năm sau, một số truyện về loài vật, trẻ em được tập hợp thành các tuyển tập truyện ngắn như tập truyện “Chim Chích Lạc Rừng” hay tập truyện “O Chuột”.

[3] Mụ Ngan là một truyện ngắn của Tô Hoài, sau này được in trong tập truyện ngắn Chim Chích Lạc Rừng. Chích Bông là một trong hai nhân vật chính trong truyện ngắn Chim Chích Lạc Rừng của Tô Hoài (1949)

[4] Phương châm, chỉ tiêu của nền Giáo Dục Miền Nam nhân bản, dân tộc, khai phóng được viết trong bài “Nhìn lại nền Giáo dục VNCH: Sự tiếc nuối vô bờ bến”, Huỳnh Minh Tú. Nguồn:

<https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/e-f-g-h/huynh-minh-tu/nhin-lai-nen-giao-duc-vnch-su-tiec-nuoi-vo-bo-ben>

[5] *Partir c'est mourir un peu* là câu đầu của bài thơ Rondel de l'adieu (Vĩnh Biệt Ca) của Edmond Haraucourt, dựa theo tài liệu trên:

<https://www.thivien.net/Edmond-Haraucourt/V%C4%A9nh-bi%E1%BB%87t-ca/poem-jqsX7owLcsd2UFHUQYbwSQ>

[6] Giáo sư Phạm Quy, khuê danh Trần Thị Thương Thương, dạy Việt Văn Trung Học Đệ Nhất Cấp ở trường Gia Long thập niên 1960, 1970. Bà được nhiều học sinh biết đến như một nàng thơ nhỏ trong mộng của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Huyền thoại này cũng được kể trong bài “Thương Thương, Nàng Là Ai?”, được đăng tại: <https://phanxipang.wordpress.com/2012/10/06/bi-mat-han-mac-tu-xiv/>

[7] Đôi sáo chùa Xá Lợi. Khoảng năm 1963-1964 có vài con sáo hay đến đậu, hót trên mấy cây cổ thụ trong sân trường Gia Long. Học trò đồn có một gia đình sáo làm tổ trên cây bên chùa Xá Lợi, chiều chiều chúng thường bay sang sân trường chơi.

[8] “Ngớ ngẩn như chim chích lạc rừng” là câu thành ngữ trêu chọc, bỡn cợt những người khờ dại, dễ tin.

[Trở về mục lục](#)

Paris. Pantheon. France Sáu Phụ nữ được vinh danh tại Điện Pantheon.

SV Đàm Giang

Sáu người phụ nữ có tên ở Điện Panthéon, Paris là ai? Sáu người phụ nữ được vinh dự có một vị trí trong hầm mộ của Pantheon là những nhân vật nào?

Ở trung tâm khu phố Latinh, quận 5, Paris, có một công trình đứng sừng sững, uy nghi từ nhiều thế kỷ nay. Đó là điện Panthéon nằm trên đồi Sainte- Geneviève với mái vòm cao vút, nổi bật trên nền trời. Ở mặt tiền, phía trên cao tòa nhà có khắc dòng chữ trang trọng : «*Tổ Quốc nhớ ơn những con người vĩ đại*» (*Aux grands hommes, la patrie reconnaissante*).

Ban đầu Pantheon được dựng lên như một nhà thờ để tôn vinh Sainte Geneviève, nhưng sau Cách mạng Pháp, Panthéon đã được biến thành một ngôi đền, nơi những nhân vật lịch sử và những người đã làm rạng danh cho nước Pháp được tôn vinh.



Lăng mộ của các danh nhân như Voltaire, Jean-Jacques Rousseau, Victor Hugo, Emile Zola, Alexandre Dumas, Louis Braille...và các nhà khoa học như Pierre và Marie Curie được tìm thấy trong hầm mộ. Nhân vật mới nhất được vinh danh vào Panthéon (tháng 11 năm 2021) là Josephine Baker, một trong sáu người phụ nữ được vinh danh tại Panthéon.

Năm trong số sáu người phụ nữ ở Panthéon Paris này có những hoạt động đáng kính phục và những thành tựu phi thường trong cuộc sống. Bài viết này là phần giới thiệu ngắn về những người phụ nữ đã được vinh danh ở Panthéon, liệt kê theo thứ tự mà họ đã được mang vào Panthéon.

1- Sophie Berthelot (1837-1907)

Năm được nhập vào Panthéon là 1907.

Sophie Berthelot là người phụ nữ đầu tiên có mộ phần được đặt ở Panthéon và được gọi là "người vô danh của Panthéon." Lý do vì bà Sophie là vợ của Marcellin Berthelot, một nhà hóa học nổi tiếng trên

thế giới, người đã được vinh dự an táng tại Panthéon. Hai vợ chồng ông qua đời cùng ngày và lời yêu cầu cuối cùng của Marcellin Berthelot là được chôn cất bên cạnh vợ ông.

Do đó, người phụ nữ đầu tiên được chôn cất tại Panthéon vào năm 1907, không chính xác là do công lao của bà. Và phải mất tám mươi tám năm (88) sau thì người phụ nữ thứ hai được chôn cất ở Panthéon mới là nhờ công đức của chính bà.



Sophie & Marcellin Berthelot



Marie Curie

2- Marie Curie (1867-1934)

Bà được nhập vào Panthéon năm 1995.

Nữ bác học Marie Skłodowska Curie (7 November 1867, Warsaw, Poland – 4 July 1934, Passy, France) sinh ra ở thủ đô Warszawa, Ba Lan trong thời kỳ Nga chiếm đóng Ba Lan. Curie là họ chồng bà mà bà thêm vào sau này.

Bà sống và học ở Warsaw đến năm 1891 mới sang Paris, Pháp để tiếp tục học thêm.

Năm 1895 bà lấy ông Pierre Curie.

Năm 1903 bà là người phụ nữ đầu tiên nhận giải Nobel vật lý cùng với chồng Pierre Curie (1895-1906) và Henri Becquerel cho các nghiên cứu về bức xạ.

Năm 1906 ông Pierre Curie chết trong một tai nạn bị xe ngựa cán trên phố tại Paris.

Năm 1906 bà là người phụ nữ đầu tiên trở thành giáo sư tại University of Paris.

Năm 1911 bà nhận giải Nobel Hóa học trong việc khám phá ra hai nguyên tố hóa học Radium và Polonium, dùng kỹ thuật tự phát minh ra để cô lập các đồng vị phóng xạ. Những nghiên cứu đầu tiên của bà được áp dụng trong việc điều trị các khối u bằng cách sử dụng chất đồng vị phóng xạ.

Bà là một trong hai người duy nhất đoạt hai giải Nobel (tuy có chia giải cùng khoa học gia khác) trong hai lĩnh vực khác nhau (người kia là Linus Pauling). Bà đã dùng tên quê hương Ba-lan của bà để đặt cho nguyên tố Polonium. Bà là nữ Giáo sư đầu tiên dạy học tại đại học Paris (University of Paris.)

Năm 1920, tên bà được đặt cho Viện Curie tại Paris Năm 1932 tên bà được đặt cho Viện Paris tại Warsaw.

Căn nhà bà ra đời ở Thành phố Warsaw, Ba-lan, hiện nay được dùng làm một bảo tàng viện mang tên Maria Skłodowska-Curie Museum. Bà qua đời ở Pháp vào cuối mùa xuân năm 1934 sau khi về thăm lại quê hương Ba-lan vì mắc bệnh thiếu máu, nguyên do có lẽ vì bà làm việc và bị phơi nhiễm với những chất phóng xạ. Bà được chôn ở Sceaux, Pháp.

Sáu mươi năm sau (1995) phần mộ thi hài của bà và chồng bà, ông Pierre Curie được chính phủ Pháp vinh danh và mang đặt vào điện Panthéon ở Paris, Pháp.

3- Germaine Tillion (1907-2008)

Nhập Điện Panthéon ngày 27 tháng 5 năm 2015

Ngày 27 tháng 5 là Ngày Kháng chiến và vào năm 2015 là kỷ niệm 70 năm giải phóng các trại tù. Vào ngày này, hai người phụ nữ dũng cảm và mạnh mẽ của Kháng chiến Pháp đã bước vào Panthéon: Germaine Tillion và Geneviève de Gaulle-Anthonioz. Hai nam chiến binh kháng chiến Pierre Brossolette và Jean Zay cũng đã được đưa vào Panthéon vào cùng ngày.



Germaine Tillion



Geneviève de Gaulle-Anthonioz

Germaine Tillion là một nhà dân tộc học đã nghiên cứu nhóm dân tộc Berber ở Algeria từ năm 1934 đến năm 1940.

Germaine Tillion là một chiến binh kháng chiến tích cực của Pháp trong Thế chiến II. Germaine ban đầu chỉ là một thành viên và sau đó là người đứng đầu mạng lưới thoát tù nhân chiến tranh được gọi là Musée de l'Homme. Nhóm này bị khám phá và Germaine đã bị tố cáo, bắt giữ và gửi đến Ravensbrück, một trong những trại tập trung của Đức Quốc xã.

Germaine Tillion đã sống sót một cách kỳ diệu trong các trại tập trung. Năm 1973, bà đã xuất bản một cuốn sách có tựa đề "*Ravensbrück: Một nhân chứng về một trại tập trung dành cho phụ nữ*", kể câu chuyện của mình cùng với nghiên cứu sâu rộng của bà sau chiến tranh.

Năm 1947, Germaine Tillion đã nhận được giải thưởng Pulitzer cho những hành động anh hùng của mình trong Thế chiến II.

Năm 2008 ở tuổi 100, Germaine Tillion qua đời. Bảy năm sau (2015), bà được vinh danh với một vị trí trong hầm mộ của Panthéon.

4- Geneviève de Gaulle-Anthonioz (1920-2002)

Nhập Điện Pantheon năm 2015. Geneviève de Gaulle-Anthonioz, cháu gái của Tướng Charles de Gaulle, là một thành viên của cuộc kháng chiến Pháp trong Thế chiến II. Năm 1943, cô bị bắt và sau đó vào năm 1944, bị đưa đến Ravensbrück, trại tập trung dành cho phụ nữ của Hitler.

Sau khi được giải phóng, Geneviève de Gaulle-Anthonioz đã hoạt động tích cực trong Bộ Văn hóa và là Chủ tịch của hiệp hội chuyên giúp đỡ các cựu nhân bị trục xuất trong Thế chiến II. Sau này trong cuộc đời, bà đã viết một cuốn sách kể lại cuộc sống trong trại Ravensbrück có tựa đề “*La Traversée de la Nuit*”.

Mười ba năm sau khi qua đời, Geneviève de Gaulle-Anthonioz đã được vinh danh với một vị trí trong hầm mộ của Panthéon mặc dù hài cốt của bà vẫn ở nghĩa trang nơi bà được chôn cất tại Bossey, Pháp.

5- Simone Veil (1927-2017)

Nhập Điện Panthéon ngày 1 tháng 7 năm 2018.

Toàn bộ gia đình của Simone Veil (người Do Thái) đã bị đưa vào trại tập trung tháng 4 năm 1944 và bị gửi đến Auschwitz-Birkenau và sau đó là trại Bergen-Belsen. Mẹ bà chết trong trại tập trung. Cha và anh hoàn toàn mất tin sau khi bị chuyển trại. Sau khi được tự do (4/1945) Simone Veil và chị gái/em gái Madeleine, Denise trở về từ trại giam và Simone bắt đầu học luật và khoa học chính trị.

Simone Veil đã có một sự nghiệp phi thường với tư cách là một luật sư, thẩm phán và chính trị gia tận tâm. Sử dụng tiếng nói mạnh mẽ của mình với tư cách là một nhà hoạt động vì quyền của phụ nữ, bà đã dẫn dắt sự thay đổi đối với luật pháp Pháp về biện pháp tránh thai và phá thai (tạo ra luật Veil/Loi Veil). Simone Veil cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền của tù nhân, người nhập cư và nạn nhân AIDS. Simone Veil là Chủ tịch Nghị viện Châu Âu và được đưa vào Academie Française, một vinh dự thường dành cho nam giới.

Sau cái chết của bà Simone, công dân Pháp đã hợp lại nghị đơn yêu cầu Simone Veil được vinh danh trong đền Pantheon.



Simone Veil



Josephine Baker

6- Josephine Baker (1906-1975)

Đã nhập Điện Panthéon ngày 30 tháng 11 năm 2021, Josephine Baker lớn lên cực kỳ nghèo ở St. Louis, Missouri và kết hôn lần đầu tiên ở tuổi mười ba.

Josephine Baker đã hát và nhảy và tham gia các đoàn nhạc hài kịch trình diễn cho khán giả da đen ở New York. Từ đó, cô ấy được chọn đóng vai chính trong một chương trình có tên La Revue Nègre ở Paris.

Josephine Baker trở thành công dân Pháp vào năm 1937 và rất tích cực trong cuộc Kháng chiến Pháp trong Thế chiến II. Sau chiến tranh, cô ấy được vinh danh với Croix de Guerre từ quân đội Pháp.

Josephine Baker đã nhận nuôi mười hai đứa trẻ mồ côi trong "Bộ lạc Cầu vồng" của cô ấy, từ khắp nơi trên thế giới. Cô ấy đã sống với họ trong Château des Milandes của cô ấy. Khi Josephine bị phá sản, Công chúa của Monaco đã giúp cô ấy.

Josephine qua đời năm 1975. Phần mộ bà được chôn tại Nghĩa trang Monaco và hài cốt vẫn lưu lại đó theo yêu cầu của gia đình bà.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, có một đám rước lớn cho Josephine Baker khi quan tài tượng trưng cho Josephine được mang lên đường Soufflot đi về phía Panthéon. Bên trong là bốn nắm đất từ cuộc đời của Josephine Baker: Saint Louis, Paris, Milandes và Monaco.

Josephine Baker là người Mỹ đầu tiên và là người phụ nữ da đen đầu tiên được vinh danh ở Panthéon. Tổng thống Emmanuel Macron đã đánh giá cao Josephine Baker trong bài phát biểu cảm động của ông: "Nữ anh hùng chiến tranh, chiến binh, vũ công, ca sĩ, người da đen, bảo vệ người da đen, nhưng trên hết Josephine Baker là một người phụ nữ bảo vệ loài người, người Mỹ và người Pháp." ■

SV Đàm Giang

Photos Internet.
September 2023.



"Aux grands hommes, la patrie reconnaissante"

Nhất Tự Cách Trùng

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

- Ô kìa! Kim phải không? Helen nè. Còn nhớ mình không?

Người nữ phục vụ Á Đông mặc đồng phục của nhà hàng Denny's mang bảng tên Kim, không nhìn tôi mà trả lời bằng tiếng Anh.

- Xin lỗi. Bà nhìn nhầm người rồi. Tôi không quen biết bà.

Tôi hơn chung hững một chút. Rõ ràng người đàn bà đứng trước mặt tôi phải là Kim. Người bạn cùng phòng với tôi trong suốt ba năm ở trường y khoa. Chúng tôi ở với nhau lâu đến nỗi, tôi đã thuộc lòng những thói quen của Kim. Kim thuộc loại người bị bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế. Tiếng anh gọi là obsessive-compulsive disorder và viết tắt là OCD. Có nghĩa là Kim có những thói quen mà nếu không được làm theo ý mình thì Kim không chịu được. Thí dụ ở trong phòng tắm, không ai được đụng đến cái lược của Kim. Nó được nằm riêng một chỗ của nó. Không ai được dời nó đi chỗ khác. Giả tiiiiiiếu có ai vô tình dùng cái lược của Kim chỉ một lần, Kim sẽ vất nó đi và mua cái khác. Đó chỉ là một thí dụ nhỏ thôi và còn cả hàng chục những chi tiết khác mà tôi phải thuộc lòng hết. Vì vậy tôi mới có thể ở chung với Kim một suốt thời gian còn là sinh viên y khoa. Nhưng ngược lại, Kim có một trí nhớ như máy chụp hình. Cô ta gần như học thuộc lòng tất cả những sách y khoa mà chúng tôi phải đọc. Nếu có bệnh nào mà không nhớ, tôi chỉ cần hỏi Kim là có ngay câu trả lời giống như người ta tìm kiếm trong Google bây giờ. Cô ta không thích tọc mạch vào chuyện của người khác mà chỉ lo chăm chú vào việc học hành. Vì vậy mà tôi thích ở chung phòng với Kim. Không có nhiều hài kịch hoặc bi kịch mà chỉ có hai đứa lo học hành. Bây giờ tôi biết chắc chắn người đàn bà đứng trước mặt mình phải là Kim. Không ai có thể quên hoặc nhầm lẫn sau ba năm chung sống với nhau. Do đó tôi vẫn không bỏ cuộc.

- Đúng là Kim rồi. Mình ở chung phòng với nhau hồi còn học ở trường y khoa đó.

Nét mặt của người phụ nữ vẫn không thay đổi. Chị ta vẫn không nhìn thẳng vào mắt tôi khi trả lời:

- Một lần nữa tôi xin lỗi bà. Tôi chưa bao giờ học ngành y khoa. Tôi chỉ là một người phục vụ nữ bình thường như bà đang thấy đây.

Tôi biết Kim không muốn nói chuyện với tôi nên không hỏi nữa và để chồng gọi món ăn cho mình. Tôi và chồng đang trên đường đi tham dự một cuộc hội nghị về bệnh tâm thần tại thành phố Hope thuộc tiểu bang Arkansas. Bình thường thì tôi hay lấy vé máy bay bay thẳng đến thành phố một mình. Nhưng lần này hai vợ chồng tôi tính làm một chuyến phiêu lưu bằng xe, sau hội nghị, tui tôi sẽ lái xe đi tham quan những thắng cảnh ở tiểu bang Arkansas. Vì đi xe nên tôi mới gặp lại Kim tại một quán ăn ở bên cạnh xa lộ xuyên bang. Nếu không có chuyến đi này thì chắc chắn không biết bao giờ tôi mới gặp lại được Kim. Chồng tôi với tánh quen ít nói nên không hỏi han gì về cuộc đời vừa diễn ra giữa tôi và Kim. Tôi cũng không muốn giải thích gì thêm. Hai đứa cầm cú ăn để rồi tiếp tục lên đường lái xe đến khách sạn trước khi tôi khuya. Lúc tính tiền, một người phục vụ khác đến đưa hóa đơn cho chúng tôi. Như vậy là Kim thật sự muốn tránh mặt tôi. Tôi cũng không có nhiều thời gian để nán lại và tìm hiểu thêm. Thôi coi như là tôi thật sự đã mất đi một người bạn.

Hôm sau, tôi và một đồng nghiệp cùng thuyết trình về đề tài chữa trị bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế (OCD). Chúng tôi trình bày những kết quả trong quá trình chữa trị bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế tại trung tâm chữa trị bệnh tâm thần nơi tôi làm việc. Tôi là một trong những bác sĩ tâm thần tại trung tâm. Chúng tôi dùng từ thuốc ketamine cho đến giải phẫu óc để đốt cháy phần hồi đại để chữa bệnh OCD. Phần hồi đại thuộc về hệ thống của bộ óc có trách nhiệm chính cho đời sống tình cảm, cảm xúc và các xung động cơ bản. Nhờ có hệ thống này con người ta có thể tạo những ký ức liên quan đến những cảm xúc. Đối với những người bị OCD, thường thì họ hay có những ký ức xấu đối với một số cảm xúc. Để tránh những ký ức khó chịu này, họ tìm mọi cách để tránh những cảm xúc đó. Khi đốt cháy phần hồi đại thì người bị OCD giảm bớt đi những biểu hiện của cảm xúc để họ có những sinh hoạt như người bình thường. Đa số những ca chữa bệnh OCD của trung tâm chúng tôi trong ba năm vừa qua đã có kết quả khả quan nên cuộc thuyết trình của chúng tôi được mọi người khen ngợi.

Sau buổi thuyết trình, một người đàn ông Mỹ nán lại sau cùng như muốn đến nói chuyện tôi. Anh ta tiến đến và hỏi tôi:

- Helen phải không? Tôi thấy tên của thuyết trình gia in ở trong tờ chương trình là Helen Nguyen nên tôi nghĩ ngay đến cô. Tôi biết có rất ít bác sĩ người Việt Nam chuyên về khoa tâm lý. Nhất là khi người đó tên là Helen thì tôi quả quyết đúng là cô rồi. Cô còn nhớ tôi không?

Tôi phải bụm miệng lại và thốt lên:

- Trời ơi. Có phải là John đó không? Không ngờ là tự nhiên được gặp lại anh ở đây. Trong chuyến đi này tôi bất ngờ được gặp lại hai người ở trong quá khứ của tôi. Anh có thể đoán người kia là ai không?

John mỉm cười hỏi:

- Helen đã gặp lại ai?
- Anh thử đoán xem?

John lắc đầu:

- Tôi chịu thua. Đã hơn 10 năm rồi mình mới gặp lại nhau làm sao tôi đoán được.

Tôi tỏ ra bí mật và trả lời:

- Tôi gặp lại Kim ở quán ăn Denny's ở bên cạnh xa lộ xuyên bang I-30 ở gần biên giới tiểu bang Texas và Arkansas.

Lần này đến phiên John ngạc nhiên không kém gì tôi hôm qua:

- Kim? Kim của tụi mình? Kim bồ cũ của tôi và bạn chung phòng của cô?

Tôi gật đầu theo kiểu Mỹ đã thành thói quen: ờ hờ.

John rủ tôi đi ăn trưa. Tôi nghĩ bốn phần của mình đã xong nên tôi nhận lời mời để có dịp nói chuyện với bồ cũ của Kim và hy vọng có thêm tin tức về Kim.

John nhìn không đẹp trai nhưng hiền lành. Anh có dáng của một con mọt sách. Có lẽ vì thích đọc sách mà John say mê Kim, một người thuộc hết những gì mình đã đọc qua như một thư viện sống. John tánh kiên nhẫn và tỉ mỉ nên có thể chịu đựng được những thói quen của Kim. Hai năm đầu tôi và Kim chỉ chăm lo học hành. Đến năm thứ ba, chúng tôi đã bắt đầu quen với chương trình y khoa nên bắt đầu quây một chút. Chúng tôi chịu khó chung diện lên một chút là có người chú ý ngay. Ban đầu chúng tôi tưởng là chỉ đùa giỡn một chút, không ngờ Kim lại là đứa có bò trước, cho dù bò của Kim là một con mọt sách. Tôi không ghen tị gì với Kim vì tôi cũng không nghĩ là mình có khả năng vừa học vừa yêu được.

Lễ Tạ Ôn năm cuối cùng trước khi chúng tôi đi thực tập, Kim bay về nhà với bố mẹ. Tôi tiếc tiền vé máy bay nên ở lại trong ký túc xá. John thấy tôi ở lại có một mình nên mời tôi về nhà ăn mừng Lễ Tạ Ôn với gia đình anh. Truyền thống của người Mỹ là gia đình họ tụ họp với nhau trong dịp lễ này giống như dịp Tết của mình. Nếu gặp bạn bè mà không có gia đình thì họ mời về ăn chung với họ để khỏi phải bị lẻ loi trong ngày lễ. Tôi biết phong tục của họ như vậy nên nhận lời cho John vui vì không muốn phụ lòng tốt của anh. Đối với tôi nó cũng là một phép lịch sự mà thôi. Giữa hai chúng tôi không hề có một chuyện gì xảy ra sau đó.

Nhưng khi Kim biết được chuyện này thì cô nàng nhất định không nhìn mặt tôi và dọn ra ngay sau đó. Tôi không thể nào thuyết phục được Kim đó chỉ là một bữa ăn với gia đình John trong dịp lễ và giữa hai chúng tôi không có một tình ý gì hết. Tôi biết tôi đã là người đã đụng vào cây lược của Kim nên cho dù không cố ý, tôi đã khiến cho Kim phải vất cây lược đó đi cho dù chúng tôi đã có một thời thân thiết với nhau. Vì cái tánh OCD của mình, Kim đã vất bỏ đi mối quan hệ giữa tôi và Kim trong suốt ba năm qua bởi vì một hành động không ý thức của tôi. Tôi mất liên lạc với Kim từ lúc đó. Tôi tưởng Kim cũng sẽ đi thực tập và ra trường làm bác sĩ giống như tôi. Tôi đâu có ngờ ngày gặp lại, Kim lại là một người phục vụ nữ ở một tỉnh lỵ nhỏ bé. Người xưa khi đi thi làm quan có câu nói “nhất tự cách trùng”. Ai đậu làm quan thì thi cuộc đời thay đổi hoàn toàn. Còn ai thi rớt thì về làm thường dân như trước. Tuy rằng mới hôm trước còn là bạn học với nhau, như sau khi thi đỗ thì đã có sự cách biệt giữa quan và dân. Mới ngày nào hai đứa còn đi học chung với nhau, không có một đồng xu dính túi. Vậy mà bây giờ một đứa làm bác sĩ được bao nhiêu người kính trọng, còn một đứa đi bung đồ ăn cho người ta. Tuy rằng chỉ khác nhau có một chữ “MD” ở đằng sau tên (nhất tự), nhưng cuộc sống của hai đứa thì thật sự đã cách nhau ngút ngàn (cách trùng).

Trong bữa ăn, John kể cho tôi nghe sau khi dọn ra riêng, Kim hay bị chứng nhức đầu như búa bổ. Cô không thể tiếp tục học. Vì vậy bác sĩ phải cho chụp MRI óc của cô. Kết quả MRI cho thấy Kim có một cục bứu ở trong óc, ngay ở nơi liên quan đến trí nhớ. Bác sĩ cho rằng vì cục bứu này nên Kim mới có một trí nhớ khác thường. Nhưng cũng vì cục bứu này mà Kim có chứng nhức đầu kinh niên khi cô bị stress. Giải pháp tốt nhất là giải phẫu để cắt đi cục bứu. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến trí nhớ của cô. Kim đã nhất định không chịu cắt cục bứu vì cô ta cho rằng nếu cô ta mất đi trí nhớ như máy ảnh thì cô sẽ trở nên một người bình thường. John cố gắng thuyết phục Kim rằng cho dù không có một trí nhớ phi thường, cô vẫn có thể tiếp tục học để ra trường thành bác sĩ và có ích lợi cho xã hội. Nếu cô không làm giải phẫu thì cô không thể tiếp tục việc học vì chứng bệnh nhức đầu kinh niên của cô. John cho rằng Kim đã có một sự chọn lựa ích kỷ vì cô ta chỉ nghĩ đến cái trí nhớ phi thường mà không nghĩ đến tương lai và ích lợi chung. Họ đã có một cuộc tranh luận lớn tiếng và Kim dọn đi mà không cho ai hay biết. Kể từ đó đến hôm nay, John cũng bật tin tức về Kim. Đến bây giờ hai chúng tôi mới biết được là Kim đã dọn về một chỗ thật heo lánh, nơi mà không ai biết về quá khứ của cô. Cô đã chọn một cái nghề mà không cần phải tận dụng trí óc để khỏi phải bị stress. Nhưng điều đáng buồn

cười nhất là Kim đã từ bỏ làm bác sĩ để bảo vệ cái trí nhớ như máy ảnh của cô. Rốt cuộc thì cô lại chọn một cái nghề mà không cần một trí nhớ phi thường. Người thường ai cũng làm được. Có lẽ Kim có thể nhớ hết tất cả mọi khách hàng của cô và những món ăn mà họ đã gọi. Nhưng điều này thì quả thật phí phạm ba năm trời ở trong trường y khoa và một tương lai hứa hẹn.

Tôi nghĩ trong cuộc sống ai cũng gặp những điều hên xui may rủi mà không tự chủ được. Tuy nhiên số phận của con người cũng tùy thuộc vào những lựa chọn cá nhân của mỗi người. Nếu giả tí Kim đừng có khư khư làm theo ý mình mà bất chấp mọi hậu quả thì có lẽ bây giờ cả hai đứa đã đều là bác sĩ. Kim có thể đổ lỗi cho tánh OCD của mình đã khiến cho cô có một cuộc sống như vậy. Tôi có một bệnh nhân người Công Giáo cũng mắc bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế. Chồng của cô ta đã ngoại tình với một người đàn bà khác. Cô ta không thể nào tha thứ được cho anh ta cho dù bao nhiêu người kể cả vị linh mục linh hướng của cô ta đã khuyên bảo phải ráng cố gắng tha thứ. Lý do là vì tánh OCD của cô ta, cô ta chỉ có thể nhớ và chú trọng đến những ký ức xấu thay vì những kỷ niệm tốt đẹp giữa hai người. Cô ta luôn bị ám ảnh là anh chồng sẽ phản bội cô. Ngay cả những khi thân mật với chồng, cô chỉ có thể tưởng tượng ra cảnh anh chồng đã phản bội cô với người khác. Bình thường tôi không nhận những ca bệnh này mà giới thiệu họ đến những nhà tâm lý học. Nhưng vì tôi cảm thấy quá tội nghiệp cho chị, một người rất thánh thiện, rất muốn thực hiện lời Chúa mà không làm được nên tôi mới nhận lời chữa trị cho chị.

Chương trình chữa trị của tôi được chia ra thành ba phần. Phần thứ nhất là tôi nói chuyện với chị để thay đổi lối suy nghĩ và những hành động sẽ làm cho chị cảm thấy áy náy, không yên ổn. Phần thứ hai là tôi tập cho chị làm quen với những cảm giác làm cho chị lo lắng, đau khổ. Thí dụ, chị ấy không muốn nghĩ đến cảnh chồng mình ái ân với người khác, nhưng càng không muốn nghĩ đến chuyện đó, chị lại càng cảm thấy bồn chồn, lo lắng rồi rút cuộc chị lại nghĩ đến nó nhiều hơn. Tôi tập cho chị những cách để chị có thể tránh nghĩ đến những điều mà chị không muốn nghĩ đến. Phần cuối cùng là tôi giúp chị chuyển những ý nghĩ tiêu cực thành những ý nghĩ tích cực. Tôi không bảo đảm được rằng sẽ giúp được chị tha thứ cho người chồng và cứu vãn hôn nhân của họ. Có thể đó là số phận của cả hai. Chị thường từng nói với tôi rằng, chị phải bảo vệ hạnh phúc của cá nhân chị trước, có nghĩa rằng ai muốn nói gì thì nói. Do đó tôi không biết được đâu là giới hạn của đức tin, đâu là giới hạn của con người và đâu là quyền tự do chọn lựa. Rốt cuộc cũng vì một chữ đức tin mà làm cho người ta chia cách nhau vì quan niệm của đức tin nó khác với mỗi người. Nhất tự cách trùng. ■

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Houston, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

Mất việc

Linh Vang



Từ phòng ông sếp, Liểng loạng choạng bước ra, đầu óc anh vẫn còn choáng váng. Anh vừa nghe anh bị mất gióp. Công ty làm ăn thất bại, giá cổ phần của nó mấy tháng nay cứ tiếp tục xuống. Ban điều hành ngồi họp lại, phải quyết định cắt người, đóng vài cơ xưởng mà lâu nay không kiếm ra lời cho công ty. Xem chừng sếp anh, ông Dan Swisher thấy cũng áy náy, khó khăn lắm khi phải nói tiếp, anh làm việc giỏi, tận tâm, đã đóng góp nhiều cho công ty, nhưng tôi rất tiếc, tôi cũng không giúp gì anh được. Như anh thấy đó, cả một cái xưởng này đóng, tôi cũng bị kêu về trung ương ở Texas. Chỉ có một việc tôi có thể giúp anh, là viết cho anh một lá thư giới thiệu, anh cứ cầm nó mà đi xin việc, anh là nhân viên tốt, và tôi chúc anh may mắn trong việc tìm kiếm một cái gióp khác. Ông cũng không quên cho anh biết là công ty sẽ trả không công cho anh ba tháng lương. Nói xong, ông liền đưa cho anh một bao thư dày. Rồi ông bắt tay anh nói *good luck*.

Anh phải ngồi nơi bàn làm việc của anh thêm một tiếng nữa, để cho đầu óc anh bớt chóng mặt, rồi anh mới lái xe về nhà. Vợ anh đang nấu cơm khi anh lịch kịch mở cửa, bước vô nhà. Anh vội nói với vợ, *lay-off* rồi, *lay-off* rồi. Nói nhanh như muốn trút hết gánh nặng. Rồi thấy vợ đứng ngó mà không nói gì, thì anh lập lại lần nữa rồi nói, thật sự như vậy, ông Dan kêu vô, đóng cửa, đưa giấy tờ... Tay anh cầm bao thư mà run, dù cố gắng để khỏi run, hiệu lực từ hôm nay, trả ba tháng lương.

Đã một năm rồi anh vẫn chưa có việc làm. Tiền thất nghiệp ăn sáu tháng cũng đã hết. Ngày nào anh cũng đọc báo kiếm gióp - cái việc này còn căng thẳng hơn là việc làm trước đây của anh! Vợ anh sau mấy tháng, té nhị không hỏi thúc gì, nay đã bắt đầu than mọi thứ vật giá leo thang, tiền sưởi mùa đông tốn kém, thuê nhà thuê đất tăng, tiền phen anh gọi về Việt Nam nhiều đủ để đi chợ một tuần... Nhưng anh nghĩ bụng anh còn có cha mẹ già, anh chị em, cháu chắt bên nhà, anh phải quan tâm. Ông già than nhưc mỗi gân cốt, bà già than mất mồi. Ông anh lớn xin tiền cắt nhà, thằng em út xin tiền làm lại cái hàng rào. Đứa cháu xin tiền mua xe cub để đi học. Đạp xe đạp ngày nào cũng mất một tiếng đi về, không còn thì giờ để học bài. Thằng cháu này còn muốn anh cam kết nuôi cho nó học thành bác sĩ mà anh chưa dám cam kết!

Anh gọi phen về Việt Nam... Ông già anh nói ba đang xắt khoai phơi khô đây con, phơi ở sân trước. Anh hoảng lên. Sao ba phải làm chuyện ấy? Tiền con gửi về mỗi tháng ba trăm không đủ ăn à? Năm nay nắng quá, sợ hạn hán đó con, sợ đói đó con. Cái mớ khoai ba trồng ngoài chuồng, ba cho vô bao bố, cột vô xe đạp rồi đẩy về, nặng lắm con, lên cái dốc sau chùa Từ An, ba thở hồng hộc, khỏe thôi con.

Sao ba phải làm? Mấy đứa nhỏ đâu? Anh hỏi với ý là mấy thằng em trai và mấy thằng cháu của anh ở đâu mà chúng để ba anh phải làm vậy. Nhưng ba anh chỉ nói tới hai thằng cháu. Thằng Hùng, thằng Dũng mắc bận học con!

Anh quên là ở thế hệ của cha anh, bác anh, họ vẫn coi quý những đứa cháu trai hơn là cháu gái. Và hai thằng này là cháu nội trai duy nhất của ông thì đời nào ông để tụi nó làm. Có món ngon vật lạ nào ông cũng để dành cho chúng. Vợ anh có lần nhỏ mọn phân bì nói, may mà mấy đứa con gái của anh không ở bên ấy, không thì cũng có ngày chúng thèm thuồng chảy nước miếng nhìn hai thằng cháu trai của ba anh ăn mà làm mình xấu hổ với thiên hạ.

Bây giờ nghe ông bênh hai thằng cháu lười biếng, anh nổi sùng nói lớn tiếng với ba anh:

– Sao xin tiền (sách vở, ăn quà) thì được mà bỏ chút thì giờ mỗi đứa một tay thì không được? Ba không được làm gì hết! Ba già rồi, ba biết không? Nhờ ba quy xuống thì sao?

Nghe trong phon anh xì nẹt dữ quá, ông hét than, trở qua nói giả là:

– Ba làm được mà con!

Ông cứ làm những chuyện không đáng phải làm như vậy rồi sau đó lại than nhức mõi. Còn bà già? Hôm nghe bà đi chữa mắt và vui vẻ cho anh biết nay mắt đã sáng, anh mừng thấy nhẹ người. Vì cái con mắt ấy, anh nghe bà than tới hai năm rồi, anh nghe mà bắt mệt và anh cũng đã gửi bốn lần tiền nhắc bà đi chữa, nhưng rồi không thấy chữa lại cứ nghe than mắt mờ khó chịu. Đạo đó, chính anh cũng tự hỏi, bà có mấy con mắt bị hột cườm. Anh phì cười nghĩ trong bụng, chính anh cũng nghĩ như vậy, hướng chỉ vợ anh. Nhưng sao anh cho phép anh nghĩ như vậy mà vợ anh nếu có nói ra điều ấy thì anh lấn áp mắng vợ là xỏ xiên ác ý?

Bữa nói chuyện qua đường dây viễn liên được kết thúc bằng lời nhắc của ba anh. Ngày bốn tháng sáu ta, giỗ ông nội, ngày mười tháng bảy ta, giỗ bà nội. Ba nhắc để hai con nhớ. Hai con gởi tiền ngay đũa bìa kịp lo giỗ ông bà. Ông nội giỗ chay thôi, con. Bà nội giỗ mặn, phải mời quan chức làng xã, với lại con cháu bên bà nội đông, tốn kém hơn, con. Anh dạ dạ hơi một chút ngạp ngừng so với những lần bị hỏi tiền khác.

Anh vẫn chưa cho ba anh biết là anh bị mất việc được một năm rồi!! Sáu tháng nay, anh đã rút tiền ở quỹ tiết kiệm ra ăn dần. Anh xấu hổ không muốn ai biết là anh mất việc. Người Mỹ khác mình, khi nó mất gióp là nó thông báo bạn bè, thân nhân, đồng nghiệp cũ, để họ thấy việc ở đâu là chỉ giùm-người ta còn cho ra những cuốn sách dạy nên có những *networking* ngay khi mình còn giữ cái gióp hiện tại -, còn mình thì lại giấu việc mất gióp, như mèo giấu cứt, sợ nói ra không ai giúp được mà còn khinh khi mình. Anh đi đứng, xã giao bình thường. Chuyện cưới hỏi, sinh nhật, hội hè gì, ai mời anh cũng đi. Phải bình thường thôi, để không ai biết là anh bị mất việc. Anh sợ thiên hạ cười. Anh sợ người ta xì xầm, cái cha Liễn thất nghiệp rồi! Anh sợ nghe câu nói đó còn hơn sợ người ta nói, cha Liễn bị bệnh ung thư ở giai đoạn cuối, chữa không được, thật tội. Mà đâu phải đi tay không, chỗ này tốn một ít, chỗ kia tốn một ít. Đám cưới một trăm, hội thân hữu đồng hương này nọ, hai, ba chục đô thôi. Hội Võ Bị Đà Lạt, Hội Thủy Quân Lục Chiến, Hội Thân hữu Người Việt hội nào cũng là chỗ bạn bè cả!

Anh càng phải giấu người bên Việt Nam. Nói ra, người bên đó có giúp được anh kiếm một cái gióp không? Và họ có tin anh mất gióp, không tiền không?

Bữa nay, anh vừa đi một cái *job interview* về -anh bị 5 cha quay anh như quay chong chóng - thì anh nhận một lá thư từ Việt Nam. Con anh hay nói thư Việt Nam thì chỉ có than thở bệnh tật và xin tiền, đọc *depressed* quá. Bệnh thì toàn bệnh nặng -ung thư, lao phổi, sa tử cung....-và xin tiền toàn là chữa bệnh, sửa nhà, cất nhà, cho con học đại học, vốn làm ăn, gặp khó khăn.

Con anh đưa mắt ra dấu cho anh thấy là có cái thư Việt Nam để trên bàn:

– Không biết kỳ này ai bệnh nữa đây ha?

Anh trừng mắt nhìn nó. Nó sợ thôi nói. Nhưng rồi như không cảm được, nó vừa bỏ đi xuống nhà vừa nói thêm:

– Lại một bữa cơm sẽ nuốt không vô!

Ông anh cả xin tiền cất nhà! Nhà gì mà lại phải cất nữa? Thì ra cất nhà cho bà vợ hai của ông! Bà vợ anh bất mãn vì biết lại mất tiền nữa đây. Dù bao lâu ở Mỹ, cũng đi cày đầu tắt mặt tối như ai, dù có baolần lên tiếng đòi bình đẳng này nọ, có lớn tiếng phản đối thì tiền cũng ra thôi, nàng biết như vậy. Chỉ là những câu than thở:

– Người ở bên đó sướng hơn, tóc bà chị dâu đâu đâu có bạc, mà tóc anh với em ở bên này bạc trắng hết. Ông anh ông còn cất nhà cho vợ bé!

Anh cũng thấy việc ông anh hỏi tiền kỳ này là vô lý hết sức, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, chuyện ông có hai bà vợ là chuyện lâu rồi, bây giờ đâu có thể giải quyết được gì? Mà bao năm nay ông chịu cảnh xích mích lời qua tiếng lại giữa hai bà vợ cũng đủ rồi. Thật ra thì hai bà ở chung nhà nhưng mỗi bà mỗi góc, nấu cơm ăn riêng. Cũng phải cất cho bà nhỏ một căn nhà riêng cho bà ở chứ, dù gì bà cũng đã đẻ cho ông anh hai thằng con trai, bà đã làm đúng cái sứ mạng của bà rồi. Và nhờ bà dâu này mà ba anh có thằng cháu nội đích tôn!

Kỳ sửa nhà lần trước, lúc anh còn cái gióp, cuối cùng năn nỉ vợ, anh nói anh mượn tạm tiền từ cái thẻ tín dụng của nhà băng. Anh hứa anh sẽ làm giờ phụ trội để kiếm thêm tiền, sẽ đi đưa báo buổi sáng, sẽ đi lau chùi cầu tiêu cao ốc buổi tối, sẽ đi sơn nhà cuối tuần cho thiên hạ ...và anh đã gửi về hai ngàn. Gửi một lúc hai ngàn đô la Mỹ, anh cũng đau. Nhưng rồi vợ anh không cho anh đi làm, các con của anh nói với mẹ chúng là việc đi làm thêm của anh sẽ ảnh hưởng tới *quality time* của gia đình. Nàng nói thêm các con đang ở tuổi lớn, không anh thì em phải thay phiên nhau dành thời giờ cho chúng, chứ chẳng lẽ đã khổ cực mang chúng qua đây lại để cho chúng hư?

Đó là thời anh còn có gióp chính. Bây giờ gióp chính tìm chưa ra, mà gióp phụ cũng không ai muốn, vì họ thấy anh còn về...ông chủ quá. Không có hai ngàn để trả kỳ nợ đó, và còn nợ thêm linh kinh những món nợ khác, nên anh dần dần mất uy tín với vợ, bị vợ lái nhái tung kinh hoại. Vợ anh thì chỉ có dám làm thế. Khi anh bực mình lên vì cái lèng èng nhúc tai của vợ, anh quát lên, thì chị lại im thin thít. Mỗi khi anh nhìn vợ anh ngồi cất từ trong báo từng cái *coupon* để *save* chỗ này 50 xu, chỗ kia 25 xu...anh thấy vừa hồi hận, nhột nhạt, vừa thấy thương vợ. Anh xài tiền ngàn mà vợ anh đi tiết kiệm tiền xu! Nhưng làm đàn ông như anh, biết thì biết vậy, anh không bao giờ mở miệng nói lên được những lời thông cảm và thương yêu vợ.

Từ ngày bảo lãnh vợ con qua Mỹ, chỉ vài tháng sau là vợ anh phải đi làm quần quật, anh chưa đưa vợ đi *vacation*, đi nghỉ mệt. Chỉ có một lần, anh đưa vợ đi Cali chơi cho biết. Và lần đi đó khi về lại mệt hơn, vì thấy bạn bè ai cũng thành công, có nhà lớn, có cơ sở làm ăn vững vàng, con cái học thành tài, chúng có lương bổng cao...Nàng nghe rồi nhìn lại mình qua sau thua sút bạn bè...Làm kiểu Mỹ mà đi nghỉ mệt kiểu Việt Nam, thì còn mệt hơn!

Thế là chuyện cất nhà cho bà hai của ông anh đành phải gác lại. Có mấy ngàn trong quỹ IRA để dành khi về hưu mà lấy ra xài, thì anh cũng đã lấy ra mất rồi. Khi lấy tiền ra, bị phạt vì rút trước thời hạn, vợ biết được, cự nự quá trời, vợ nói có mấy ngàn bạc mà để không yên! Nếu còn chỗ rút thì anh đã rút. Tưởng lờ đi thì mọi việc sẽ qua, ai dè ông anh viết thư qua chửi anh một mách, nào là ông xấu hổ mang tiếng có em ở Mỹ mà không cất được cái nhà cho ra hồn!! Nào là ông mất mặt phía bên bà vợ hai! Cái cha Hảo qua sau mà đã gửi tiền về cho anh em mỗi người cất một cái nhà lớn. Anh muốn hỏi lại, cái cha Hảo đó ở Mỹ làm cái giống gì, có khai gian ăn tiền bệnh rồi đi làm lén lấy tiền mặt không?

Giá mà anh không mất việc thì anh cũng đã giúp rồi. Vì quả thật là không ai coi nặng tình gia đình, anh em bằng anh! Thì bao năm nay anh vẫn nặng nợ vì cái gia đình đầy thôi. Mà quên hẳn cái gia đình nhỏ trong đó có vợ có con của anh mới quả thật là cái gia đình.

Anh đọc thư mà buồn mấy hôm. Anh vẫn còn thất nghiệp. Chỗ nào họ cũng gửi thư cảm ơn, và có nơi còn nói rõ là anh *overqualified*. Nhiều nơi anh còn nghĩ là họ chê anh già! Họ sợ bị thua là kỳ thị tuổi tác mà không dám nói ra đó thôi. Giá mà không có cú phôn giữa đêm khuya gọi collect call của mẹ anh-anh rất sợ những cú phôn hốt hoảng vào giờ này- , thì anh còn buồn tình về lá thư của ông anh biết tới bao giờ. Bà gọi chưa nói gì thì đã khóc rùng trong phôn. Mẹ cần năm ngàn để trả nợ, con ơi. Mẹ biết đây là số tiền lớn, sẽ phiền vợ chồng con không ít, nhưng mẹ hết đường kêu cầu cứu rồi con ơi. Mẹ bị họ gạt. Mẹ không có tiền trả cho họ, họ sẽ bắt mẹ ngồi tù, mẹ năm nay trên bảy mươi rồi con ơi. Con thương mẹ, con giúp mẹ lần này, chỉ lần này thôi con.... Để rồi con Mười sẽ viết thư cho con rõ...■

Linh Vang



ĐI THĂM THÀNH CỔ LOA

Truyện của NGUYỄN GIỤ HÙNG

Lời mở đầu:

-Nội dung câu chuyện được ghi lại theo ký ức của một người xa quê lâu năm nhớ về “những năm tháng ấy” tại quê nhà vào giai đoạn đầu thập niên 1950, trước hiệp định Geneve 1954, ở miền Bắc nước ta

PHẦN 1

SỰ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT CỔ LOA

Uyên và tôi ngồi bên mâm cơm, thức ăn đã được dọn sẵn lên chiếc “mâm đồng” đặt giữa bàn. Trong mâm, với đĩa cá kho, đĩa thịt “ba rọi” (ba chỉ) luộc, bát canh rau cải xanh nấu với tôm khô, đĩa dưa chua, đĩa cà pháo và một bát nước mắm đặt chính giữa. Mâm cơm như thế này có thể được gọi là *sang trọng* cho những kẻ còn phải đi trọ học như chúng tôi.

Vì phòng nhà trọ, tuy là khu riêng biệt nhưng cũng không được rộng rãi lắm nên một số sinh hoạt phải thực hiện ở ngoài sân.

Trong khi Uyên chờ Thi ngồi vào bàn ăn, nàng lơ đãng nhìn quanh nhà dù đây không phải là lần đầu tiên Uyên ghé Hà Nội thăm chúng tôi. Có khi Uyên đã ở lại đây đôi ba ngày vào những dịp cuối tuần hay những ngày nghỉ lễ dài.

Uyên là chị cả của Thi, năm nay nàng khoảng mười tám mười chín, cái tuổi mặn mà của người con gái. Nàng hơn Thi đôi ba tuổi và ít tuổi hơn tôi. Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, Uyên đang được thực tập tại một trường tiểu học ngay thị xã Sơn Tây. Nàng cũng có ý định xin được dạy luôn tại trường này cho gần nhà.

Những khi chúng tôi được nghỉ học về thăm nhà, tiện đường đi ngang qua thị xã, tôi và Thi thường ghé thăm Uyên, có khi để ăn với nhau một bữa cơm, cũng có khi cả ba chúng tôi cùng đáp chuyến xe khách hay cùng đạp xe về làng thăm nhà một thể. Làng chúng tôi thuộc huyện Quảng Oai cách thị xã Sơn Tây độ mươi cây số.

Kể từ ngày thân với Thi tôi mới có những dịp tiếp xúc với Uyên nhiều hơn trước dù rằng cả ba chúng tôi đã quen nhau từ nhỏ và cùng ở một làng, chỉ cách nhau có một cái ngõ.

Uyên đoán tôi đã đói bụng nên nàng dục Thi:

- Em có cần chị giúp một tay không? Thôi, ra ăn cơm đi chứ em!

Thi đáp vọng từ ngoài sân vào:

- Xong ngay! Xong ngay! Em vào ngay đây!

Thi đem vào đĩa “cam sành” vừa bóc vỏ được đặt trên đầu bàn ăn. Những quả cam tươi mát được trình bày một cách nghệ thuật trông như những cánh hoa ôm lầy những múi cam mọng nước, nhìn thật ngon và hấp dẫn làm sao.

Thi vừa ngồi vào bàn, như chợt nhớ ra điều gì vội đứng bật dậy hỏi:

- À quên, anh và chị muốn uống gì? Em có mấy chai nước cam “sô đa”.

Thi nhìn tôi nói tiếp:

- Hay anh uống bia? Để em chạy đi mua!

Tôi nhanh nhẩu:

- Anh có chai *rượu vang*, để anh về phòng lấy xuống đây đãi khách nhé.

Uyên cười:

- Anh định mời chúng em uống rượu vang của anh với cá kho và dưa chua đây à!

Tôi nhận ra lời của Uyên là đúng nên thôi, cười cười đánh trống lảng và nói với Thi:

- Em cho anh uống nước gì cũng được, “sô đa” cam cũng được hay “nước lọc” cũng được.

Uyên tán đồng:

- Thôi, nước lọc đi, khỏi phải chạy đi mua “đá” (nước đá).

Thi ngồi xuống “xới” cơm vào bát cho mọi người, rồi cầm đũa lên mời:

- Em mời anh Nam, mời chị Uyên “xoi cơm” (ăn cơm) ạ!

Uyên cũng cầm đũa, hướng về tôi mỉm cười mời:

- Mời anh “xoi cơm”!

Tôi là người lớn nhất trong bọn nên mời sau cùng:

- Mời mọi người! Chúng ta ăn nhé!

Uyên gấp miếng cá đầu tiên đưa lên miệng nếm thử. Uyên nhìn Thi khen:

- Cô này học nấu món cá kho này ở đâu mà ngon quá vậy!

Thi nhìn chị rồi nhìn tôi cười cười không nói.

Uyên lại khen tiếp:

- Ngon lắm! Ngon lắm! Thi nấu ăn giỏi thật! Hơn chị nhiều rồi. Kho cá cho ngon như thế này là khó lắm đấy.

Lần này Thi cười tủm tỉm, một bàn tay che mặt, một tay chỉ ngón trỏ về phía tôi:

- Không phải em! Không phải em! Người này này!

Uyên nhìn tôi tròn tròn mắt:

- Anh nấu? Sao anh giỏi thế! Sau này ai lấy được anh chắc phải sướng lắm nhỉ?

Tôi hướng mắt về phía Thi, Thi vội cúi xuống. Như để giữ vẻ tự nhiên, tôi sai Thi:

- Em lấy cho anh chai “nước lọc”.

Thi bật đứng dậy với nét mặt còn hơi thoáng ngượng mà chỉ riêng tôi mới có thể nhận ra được điều đó.

- Ô, em quên!

Tôi mỉm cười vì tự hài lòng về cái nhìn đầy tình ý và kín đáo ấy của mình. Tôi ít khi bỏ lỡ cơ hội để bày tỏ tình cảm u uẩn của lòng mình đối với Thi.

Thi trở lại với chai nước lọc và ba cái cốc (ly) thủy tinh. Tôi đỡ lấy rồi rót cho mỗi người một cốc “nước lọc” đầy. “Nước lọc” là nước đun sôi, để nguội, được đổ vào chai bằng cái phễu (quặng) qua một lớp bông (bông gòn) mỏng để lọc bỏ những cặn trong nước đã đun, nếu có.

Thi phàn nàn với tôi:

- Mẹ chỉ dạy cho chị Uyên em những món ăn dùng trong những ngày giỗ tết thôi, như nem rán, canh bóng, canh miến, canh măng, thổi (nấu) xôi vò hay xôi gấc, lại còn những món xào đặc biệt đi kèm theo nữa chứ. Mẹ chẳng dạy em vì chê em còn bé. Em có còn bé nữa đâu!

Thi chợt quay sang Uyên với giọng hơi nhõng nhẽo:

- À này, chị Uyên ơi! Mùa đông này chị nấu cho em một nồi *thịt đông* để ăn trong dịp Tết năm nay nhé. Được không?

Thi quay sang tôi khoe:

- Chị em nấu *thịt đông* ngon lắm! *Thịt đông* chỉ nấu được vào mùa lạnh vì mùa lạnh những miếng *thịt mỡ* mới “*đông*” lại được và phải nấu sao cho *thịt đông* không nhèo hay béo ngậy. *Thịt đông* ăn với dưa chua (cải chua) thì thật ngon. Em thích món này lắm.

Uyên chậm rãi nói như phân bua:

- Làm chị cả khổ lắm, cái gì cũng phải học để phụ mẹ hay thay mẹ mà nấu nướng trong những ngày giỗ tết. Để gìn giữ được những món ăn cổ truyền của các cụ để lại nên em cũng cố gắng học mẹ.

Uyên quay sang Thi tủm tỉm cười:

- Thôi được rồi! chị hứa sẽ nấu cho cô em một nồi *thịt đông* ăn Tết. Cô em chị xinh đẹp thế này thì ai mà có thể từ chối cho được.

Tôi tí nữa phì cười vì thấy hai chị em cứ ngồi khen nhau mãi.

Trong bữa cơm, chúng tôi ăn thong thả và có nhiều câu chuyện để nói với nhau. Có những câu chuyện vui làm chúng tôi không thể nhịn cười. Thi bao giờ cũng là người cười to nhất và thật hồn nhiên với tuổi của nàng.

Uyên thì lịch thiệp, nhu mì và có nhiều nghệ sĩ tính. Uyên biết chơi đàn Tây ban cầm (guitare) và biết thổi khẩu cầm (harmonica). Uyên biết hát nhạc Ta, nhạc Tây và cả nhạc dân tộc nữa, đặc biệt là những bài hát quan họ trữ tình. Giọng nàng trong và nhẹ, khi luyến láy, lên xuống rất ngọt ngào. Uyên lại đẹp nữa chứ, nên mỗi khi có hội hè ở trong làng hay trên huyện, nàng thường được mời trình diễn.

Bữa cơm chiều đã xong và trời cũng đã bắt đầu ngả sang tối tối mà ta thường gọi đó là giờ *tranh tối tranh sáng*, nhìn không trông rõ mặt người.

Thời gian thoáng qua nhanh. Trời đã gần tối hẳn. Cả ba chúng tôi kéo nhau ra sân, ngồi bên giàn hoa nhỏ. Hoa tỏa hương thơm nhẹ nhẹ. Hôm nay trăng lên muộn, ánh sáng đèn điện ngoài đường hắt vào sân cũng đủ mờ nhạt lung linh như ánh trăng thanh. Khung cảnh nơi chúng tôi ngồi trò chuyện thật nên thơ và thanh bình. Thi không quên đem ra ấm nước chè mạn với mấy cái tách con để trên khay.

Thi vào trong nhà đem ra chiếc đàn Tây ban cầm đưa cho Uyên và yêu cầu nàng hát. Uyên cầm đàn dạo vài tiếng rồi quay sang hỏi tôi:

- Anh thích em hát bài gì nào?

Tôi trả lời:

- Tùy Uyên! Cho anh nghe bài nào cũng được, hay bài “*Dư âm*” của Nguyễn Văn Tý đi.

Uyên có vẻ ngập ngừng:

- Bài này để con trai hát mà!

Tôi hỏi:

- Sao vậy? Uyên có thể đổi lời từ “anh” sang “em” và ngược lại là được mà.

Uyên cười nhẹ:

- Anh thử tưởng tượng xem nhé, có câu sửa lại nó sẽ thành thế này “*em như lâu vắng, anh như ánh trăng...*”. Con trai, đàn ông mà ví như ánh trăng thì yếu quá, ủy mị quá. Rồi thì, như câu “*Em muốn thành mây, nương nhờ làn gió, đưa em tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên chàng*”. Em không chịu đâu, con gái ai lại hát thế.

Tôi cười:

- Thôi thì Uyên hát cho anh nghe bài nào cũng được.

Uyên bắt đầu lên dây đàn và hát cho chúng tôi nghe vài bản nhạc tình ca của Đoàn Chuẩn Từ Linh đang thịnh hành, rồi nhạc Văn Cao, Dương Thiệu Tước. Tôi ngồi khom lưng, tay chống cằm nhìn Thi nhưng giả vờ như vẫn chăm chú nghe Uyên hát bài *Em đến thăm anh một chiều mưa* của Tô Vũ. Bài hát này nhắc tôi nhớ lại một lần tôi ghé thăm Thi vào một buổi chiều mưa. Cũng vừa lúc ấy, đài phát thanh Pháp Á cho phát thanh bản nhạc này nên làm chúng tôi nhớ mãi như một kỷ niệm đáng yêu. Đến bản *Biệt ly* của Doãn Mẫn thì tiếng hát của Uyên làm tôi day dứt lắm vì bài hát thật buồn.

Uyên cho tôi biết trong cái nhớ nhung của tình yêu đôi lứa trong “nhạc mới” (nhạc tiền chiến) không thể day dứt bằng cái nhớ nhung trong dân ca, tỷ dụ như bài *Bèo giạt mây trôi* phảng phất âm điệu dân ca quan họ chẳng hạn. Này nhé, Uyên vừa nói vừa se sẽ hát:

- Ban ngày thì chờ mong: *Bèo giạt, mây trôi, chôn xa xôi, anh ơi, em vẫn đợi. Bèo giạt, mây (í ì ì) trôi, chim sa, (tang tình tình) cá lượn. Ngậm một tin trông, hai tin đợi, ba bốn tin chờ. Sao chẳng thấy anh?*

Ban đêm thì ngồi thức suốt canh thâu vì nhớ nhung: *Một mảnh trăng treo suốt canh thâu, anh ơi, trăng đã ngã ngang đầu. Thương nhớ (ơ ờ) ai, sương rơi, đêm sắp tàn, trăng tà. Cành tre đưa trước ngõ, (là) gió la đà, em vẫn mong chờ. Sao chẳng thấy anh?*

Khi trời vừa trở sáng, nhìn chim bay vội nhắn gửi đôi lời: *Mòn mỗi trông theo suốt canh thâu, chim ơi, cho nhắn gửi đôi lời, Thương nhớ (ơ ờ) ai, sương rơi, đêm sắp tàn, trăng tà. Người đi xa có nhớ (là nhớ) ai ngồi trông cánh chim trời sao chẳng thấy anh? Người đi xa có nhớ, (là) nhớ ai ngồi trông cánh chim trời. Sao chẳng thấy anh?*

Sau vài bài hát dân ca với lời dẫn chứng, tôi không thể không đồng ý với Uyên là trong một số trường hợp nào đó, đặc biệt là những tình khúc thì dân ca kể cả âm điệu lẫn lời ca, theo tôi, nghe thắm thía hơn thể loại “nhạc mới”. Nhưng vì những bản dân ca thường khó hát và người nghệ sĩ khó diễn đạt được đến cái hay, cái tuyệt mỹ của nó nên không được phổ biến rộng rãi như “nhạc mới” hay còn gọi là nhạc “cải cách”.

Quả thật thế, những thể điệu nhạc dân tộc thuộc loại cao cấp như *ca trù* chẳng hạn, nó đòi hỏi người nghệ sĩ hay “ca nhi” phải có một giọng hát thật điêu luyện, sự diễn tả và trình độ kỹ năng chuyên nghiệp phải thật vững vàng. Đồng thời người thưởng thức ca trù cũng phải có trình độ để thưởng thức hay *xướng họa* đồng bộ với người hát mới được. Chính cái giá trị cao của nghệ thuật ca trù, nếu ta không có những chương trình khuyến khích hay đào tạo kịp thời những nghệ sĩ thể nhạc này cho tương lai, thì chẳng bao lâu nữa, ca trù có thể có nguy cơ bị phai mờ theo thời gian. May thay, cho tới hiện nay, dù có nhiều khó khăn về mặt phổ biến rộng rãi trong quần chúng, nhưng ca trù vẫn còn đứng vững dù chỉ một cách khiêm nhường trong nền nhạc thuật dân tộc Việt Nam.

Tôi tự hỏi, có phải chăng người trình bày những bài hát dân tộc thì được gọi là *nghệ sĩ*, còn người trình bày nhạc mới thì được gọi là *ca sĩ*. Hẳn nó phải *hàm chứa một điều gì cho sự khác biệt ấy?*

Cả ba chúng tôi như còn lảng động trong những suy tư, những cảm nhận của mình qua những bài hát của Uyên vừa trình bày.

Thi đang ngăn người chiêm ngưỡng người chị tài ba của mình. Bỗng nàng hỏi:

- À, ngày mai Chủ nhật, nhân chị Uyên ra chơi, anh có định đưa chúng em đi chơi đâu không?

Câu hỏi bất chợt của Thi làm tôi và Uyên nhìn nhau.

Tôi hỏi lại:

- Hai cô muốn anh đưa đi chơi đâu nào?

Uyên vội lên tiếng ngay:

- Anh cho chúng em đi thăm thành Cổ Loa đi!

Tôi hỏi:

- Sao lại là Cổ Loa mà không phải là nơi khác?

Uyên trả lời tôi:

- Em đang dạy học trò về thành Cổ Loa mà.

Tôi hỏi thêm:

- Thế Uyên biết gì về thành Cổ Loa, kể cho anh nghe nào?

Uyên ngẫm nghĩ một vài giây rồi chậm rãi trả lời:

- Cứ như theo sách vở em dạy trong lớp thì em chỉ biết là thành Cổ Loa là một thành *cổ nhất* của nước ta được xây dựng dưới đời vua Thục Phán An Dương Vương vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, cách đây hơn hai nghìn năm.

Sau khi Thục Phán thay vua Hùng Vương thứ 18, đã cho sát nhập nước Âu Việt của nhà Thục vào nước Lạc Việt của vua Hùng, tức nước Văn Lang, để lập thành nước *Âu Lạc*. Thục Phán lên làm vua nước Âu Lạc, lấy niên hiệu là An Dương Vương.

Theo lời đề nghị của danh tướng Cao Lỗ khuyên vua nên **dời đô** từ *Phong Châu* thuộc Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ (nay là tỉnh Vĩnh Phú), kinh đô của các vua Hùng, là vùng đồi cao thuộc trung du, **để về Phong Khê** (tên cũ của Cổ Loa), là miền đồng bằng để dễ bề phát triển đất nước và dễ phòng ngự chống giặc phương Bắc. Như thế, Cổ Loa đã trở thành **kinh đô thứ hai** của đất nước ta sau kinh đô Phong Châu thuộc các đời vua Hùng ở Phú Thọ.

Vua An Dương Vương giao nhiệm vụ xây thành Cổ Loa cho tướng Cao Lỗ. Vì Cổ Loa lúc đó là vùng đất trũng, có nhiều sông ngòi chảy qua nên khó xây thành đắp lũy. Cứ xây xong đoạn này thì lại đổ đoạn kia, tốn kém rất nhiều kể cả về nhân lực lẫn vật lực.

Theo truyền thuyết, trong lúc gặp nhiều khó khăn trong việc xây thành như thế thì một đêm vua An Dương Vương nằm mơ thấy thần mách bảo rằng ngày mai sẽ có thần Kim Quy tới giúp. Sáng dậy vua thấy một con Rùa vàng, biết nói tiếng người. Vua biết là thần linh ứng nghiệm với giấc mơ đêm qua nên rất quý trọng và rước Rùa về cung. Thần Kim Quy chỉ vẽ cho nhà vua cách xây thành. Sau khi thành hoàn tất, thần Kim Quy ở lại trong thành ba năm rồi mới ra đi. Trước khi ra đi thần Kim Quy giao cho nhà vua một cái nỏ thần và dùng móng Rùa của thần Kim Quy làm “nẩy nỏ”. Nỏ thần có thể bắn một lần giết được vạn địch. Nhà vua mừng lắm, giao nỏ thần cho tướng Cao Lỗ để giữ thành.

Trong khi đó, Triệu Đà thuộc dòng dõi người Hán, được vua Hán gửi đi đánh chiếm các nước miền nam thuộc các bộ tộc Bách Việt. Sau đó, Triệu Đà phản lại nhà Hán, xưng Vương lập nên nước Nam Việt ở ngay giáp giới phía bắc của nước Âu Lạc. Triệu Đà muốn mở mang bờ cõi thêm xuống phương nam nên đem quân tiến đánh thành Cổ Loa. Mỗi khi tiến đánh Cổ Loa, Triệu Đà đều phải thất bại vì sự hiệu nghiệm của “nỏ thần”. Triệu Đà không sao chiếm được thành.

Triệu Đà bèn dùng gian kế giao hòa với nước Âu Lạc, xin cưới con gái của vua An Dương Vương là My Nương cho con trai mình là Trọng Thủy và Trọng Thủy được ở rể để làm con tin. Cao Lỗ biết là gian kế nên khuyên vua đừng chấp thuận. Vua không nghe tướng Cao Lỗ và vẫn nhận đề nghị hòa giải của Triệu Đà.

Quả nhiên, Trọng Thủy có mưu gian. Trọng Thủy xin My Châu cho xem nỏ thần. My Nương tin chồng mang nỏ thần cho xem nhưng không ngờ bị Trọng Thủy đánh tráo. Sau khi được nỏ thần, Trọng Thủy lấy cớ xin về nước thăm cha. Trước khi chia tay với My Nương, Trọng Thủy dặn vợ là nếu sau này có xảy ra binh biến thì nàng cứ đi tới đâu nhớ để lại dấu vết, ta sẽ tìm tới.

Chẳng bao lâu, Triệu Đà mang quân sang đánh Âu Lạc. Thành Cổ Loa bị vây hãm. Vua An Dương Vương đem nỏ thần ra bắn thì không còn hiệu nghiệm gì nữa. Vua biết không thể giữ được thành liền lên ngựa, My Châu ngồi sau cha, cả hai cùng tìm đường trốn chạy. Có điều lạ là khi nhà vua chạy tới đâu thì quân địch cũng biết để đuổi theo tới đó. Tới khi nhà vua chạy tới bờ biển, đến đường cùng, chợt nhớ tới thần Kim Quy. Nhà vua khẩn thần Kim Quy và xin cứu mạng. Thần hiện ra và nổi lên nói “*Giặc ngồi ở ngay sau lưng nhà vua đó*”. Vua quay lại mới biết sự tình là My Nương đã nhờ lông ngỗng trên chiếc áo choàng của mình rải xuống đường để chỉ dấu cho quân giặc biết chỗ mà tìm tới. Nhà vua liền quay lại chém đầu My Nương rồi nhảy xuống biển cùng Rùa rẽ sóng đi mất.

Trọng Thủy tới nơi thì thấy My Châu đã chết, vội ôm xác vợ chạy về thành Cổ Loa, khóc lóc thảm thiết rồi nhảy xuống giếng trong thành tự vẫn.

Triệu Đà chiếm được Cổ Loa cũng là kinh đô nước Âu Lạc. Và từ đó, nước ta bị sát nhập vào nước Nam Việt của Triệu Đà, *mở đầu cho giai đoạn đau thương của nước ta, hơn một nghìn năm dưới sự đô hộ của người Tàu.*

Và cho tới năm 938 sau Công nguyên, vua Ngô Quyền mới dành lại được nền độc lập trở lại cho đất nước ta với chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng. Tháng giêng năm 939, vua Ngô Quyền

quyết định chọn Cổ Loa làm kinh đô. Thế là Cổ Loa đã *hai lần là kinh đô*, một lần của nhà Thục, một lần của nhà Ngô, cách nhau hơn một nghìn năm.

Giai đoạn lịch sử ban đầu của thành Cổ Loa là một giai đoạn lịch sử bi hùng của triều đại An Dương Vương với nhiều huyền thoại thời lập quốc của dân tộc ta.

Uyên vừa chấm dứt câu chuyện nói về thành Cổ Loa, tôi lên tiếng:

- Uyên kể như thế, kể ra cũng là tạm đủ. Một giai đoạn lịch sử quan trọng như thế nếu được tìm hiểu một cách sâu sắc hơn thì hẳn ta còn có nhiều điều học hỏi và đáng ghi nhớ hơn nữa.

Tôi nghĩ, đúng như Uyên nói, trong câu truyện lịch sử của thành Cổ Loa vừa kể, chúng ta thấy trong đó có nhiều *huyền thoại*, nào từ việc nhà vua gặp thần Kim Quy đến cái “nỏ thần” và bên cạnh đó là cái chết bi thương của cặp vợ chồng Trọng Thủy-Mỹ Châu.

Nhiều sự kiện lịch sử, nhất là trong những giai đoạn con người còn chưa có chữ viết hay tất nhiên trong đó còn có những yếu tố lịch sử đã không cho phép người xưa nói thẳng ngay ra được mà phải cần đến những câu truyện huyền thoại hay truyền thuyết để nhắn gửi lại những điều muốn nói cho con cháu sau này. Mà theo nhà triết học Hengel thì “*Truyền thuyết vì như giàn giáo chống đỡ cho lịch sử, nếu gỡ bỏ truyền thuyết đi thì lịch sử có nguy cơ bị sụp đổ*”

Thấy câu chuyện đã kéo dài, tôi đề nghị mọi người nên đi ngủ để lấy sức ngày mai còn dậy sớm đi thăm thành Cổ Loa, **nơi tôi đã đến thăm** và may mắn được người địa phương hướng dẫn, giải thích một cách cặn kẽ cách đây không lâu.

Uyên đứng dậy chào tôi rồi đi vào nhà trước, Thi theo sau. Tôi vội nắm tay Thi siết nhẹ, khẽ nói đủ để Thi nghe:

- Chúc em ngủ ngon!

Thi vội rút tay lại đưa một ngón tay lên môi mình ra dấu như muốn bảo tôi đừng nói thêm. Tôi nhìn theo Thi cho tới khi bóng nàng khuất sau cánh cửa phòng nàng tôi mới leo lên gác dành riêng cho tôi ở cuối sân.

Tôi ngồi nhìn qua cửa sổ tới khi ngọn đèn trong phòng của Thi vừa tắt tôi mới lên giường với bao nhiêu ước vọng mênh mang. Sao mới mấy phút cách đây thôi mà tôi đã nhớ Thi như thế. Tôi tự mỉm cười với những cảm nhận của chính mình.

Ánh trăng khuya đã bắt đầu chiếu sáng, lan cả vào phòng và đưa tôi thiếp vào giấc ngủ êm đềm.

* * *

Sáng sớm hôm nay, mới 6 giờ sáng chúng tôi đã tươm tất để chuẩn bị lên đường. Uyên thướt tha trong chiếc áo dài màu tím hoa cà còn Thi vẫn đơn giản trong chiếc áo dài trắng học trò thường ngày.

Cả ba chúng tôi đạp xe ra quốc lộ 2. Dọc đường, chúng tôi được phóng mắt nhìn cánh đồng bát ngát. Đã có lác đác người ra đồng làm việc. Trên đường sáng nay không có xe lớn nên chúng tôi có thể lái xe đạp hàng ngang một cách thoải mái và chuyện trò với nhau.

Xa xa là những ngôi làng nhỏ bao bọc bởi lũy tre xanh. Những thửa ruộng đã được trồng rau, đậu như một thứ hoa màu phụ bên cạnh mùa lúa chính trong năm. Một vài con trâu ngừng gặm cỏ, nghển cổ, lắc lắc đầu để đuổi ruồi rồi lại cúi xuống ăn cỏ một cách bình thản như coi đây là chốn đất riêng của chúng, mọi việc đều được “để ngoài tai”.

Gió đồng nội thổi mát mang theo chút ít hương thơm mùi cỏ ướt.

Chúng tôi đi tới cây số 17 thì rẽ vào tay phải. Đây là địa phận của huyện Đông Anh, thuộc ngoại ô Hà Nội, cách Hà Nội khoảng gần 20 cây số. Càng tiến gần vào vùng cổ thành Cổ Loa thì mật độ dân chúng càng đông hơn, xóm thôn ngang dọc.

Chúng tôi dừng xe lại tại một nơi đất trống. Một dòng sông nhỏ chảy trước mặt.

Uyên hỏi tôi:

- Ta đến Cổ Loa rồi hả anh?

Tôi gạt đầu rồi dựng xe vào một gò đất gần đấy. Uyên và Thi cũng làm theo tôi.

Hôm nay trời mát, chắc không nắng nhiều nên tôi tin là thời tiết sẽ thật lý tưởng cho một cuộc du ngoạn. Uyên và Thi cùng đứng bên tôi quan sát khu thành cổ nơi chúng tôi sắp sửa vào thăm.

Đứng trước mảnh đất thiêng liêng và thần bí của Tổ tiên ta để lại từ hơn hai nghìn năm nay, tôi tự nhiên có cái gì xúc động bất ngờ. Tôi như cảm thấy gần gũi với người xưa quá. Gần gũi đến độ như tôi có thể trông thấy họ đang sinh sống, đang vật lộn với thiên nhiên để tạo dựng mảnh đất này trở nên phú cường cho con cháu sau này.

Có lẽ Uyên và Thi cũng thấy như thế. Cả ba chúng tôi đều yên lặng, trầm mặc như để nghe từng nhịp thở của tiền nhân. Họ đã tạo dựng, đã đổ bao xương máu để gìn giữ cho con cháu mảnh đất này, mà ngày hôm nay, chúng tôi cùng được sống yên bình và cùng được đứng ở đây bái vọng công ơn.

Mảnh đất này, dòng sông kia đang chảy ở trước mặt chúng tôi, chúng đã hiện hữu từ bao giờ? Và ngày hôm nay, mảnh đất ấy vẫn còn nằm đây, dòng sông kia vẫn còn đây, đang chảy và tiếp tục chảy. Chúng đã tự mang trong bản thân mình biết bao nhiêu trang lịch sử oai hùng của nòi giống Việt. Nhìn dòng sông bình thản trôi, tôi như cảm nhận được sự hiện diện của tiền nhân cùng đang trôi chảy với dòng sông ấy theo thời gian vô định.

Tôi lên tiếng hỏi Uyên và Thi:

- Hai em có thấy tiền nhân đang ở trước mặt ta không?

Uyên và Thi nhìn nhau im lặng không trả lời tôi.

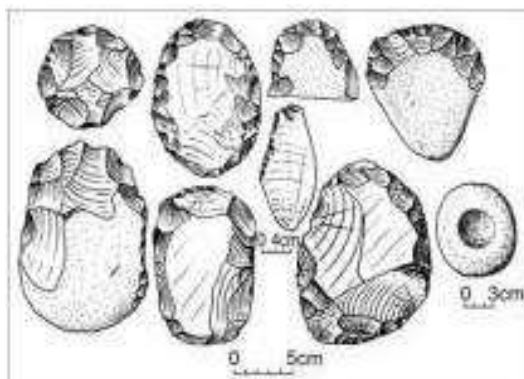
- Hai em hãy đi ngược lại dòng thời gian, hãy tưởng tượng ra những gì mà hai em đã từng được nghe, được đọc, được học hỏi về Cổ Loa này. Các em phải thấy được nó một cách rõ ràng, rõ ràng như ta có thể đang tiếp xúc được với tiền nhân vậy. Có như thế cuộc du ngoạn thăm cổ thành ngày hôm nay của chúng ta mới mang thêm nhiều ý nghĩa, hơn là chỉ đơn thuần đến nhìn xem nó mà thôi. Không phải đồng đất nào cũng giống đồng đất nào, không phải cái cây nào cũng giống cái cây nào hay cục đá nào cũng giống cục đá nào. Mỗi thứ chúng ta bắt gặp ở đây đều mang cái linh hồn của riêng nó mà chúng ta cần phải tìm hiểu, nắm bắt và cảm nhận nó.

Uyên và Thi sừng sốt về một bài “diễn thuyết” ngắn của tôi. Cả hai nhìn nhau mỉm cười.

Tôi cho Uyên và Thi biết huyện Đông Anh là *địa thế chuyển tiếp*, là *cái gờ* của miền trung du, một vùng đất cao của thềm *phù sa cổ* với những dãy đồi trùng điệp, sang một vùng đồng bằng đất trũng với *phù sa mới* màu mỡ thích hợp cho ngành **nông nghiệp lúa nước**, một nét đặc thù của nền văn minh của những con người từng đã sống trên vùng đồng bằng Bắc Việt từ hàng chục nghìn năm trước.

Nhắc đến đây, tôi chợt liên tưởng về “chủ nhân” của nền *văn minh lúa nước* này, họ đã từng tạo nên những nền văn hóa cao của nhân loại, hay ít ra, nó cũng đã được phát triển mạnh trong vùng rồi lan tỏa đi, sang những vùng khác thuộc miền nam Trung Hoa, các nước Đông Nam Á như Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cao Miên và các hải đảo thuộc biển Đông như Nam Dương, Mã Lai, Nhật Bản, và có thể,

lan sang cả Úc Châu. Những nền văn hóa đó được các nhà khảo cổ quốc tế định danh qua *tên của những địa danh* trên đất nước Việt nam, nơi tìm ra được những di chỉ khảo cổ đầu tiên như văn hóa *Tiền Sơn Vi* (với niên đại C14 là 33.000 năm so với ngày nay), rồi đến *Sơn Vi* (đá mảnh- 18.000 năm), *Hòa Bình* (đá cuội-10.800 năm), *Bắc Sơn* (đá cuội mài-10.000 năm), *Phùng Nguyên* (đồng thau-đầu thời Hùng Vương-4.000 năm), *Đông Sơn* (bắt đầu thời kim loại sắt- cuối đời Hùng Vương trở về sau- hơn 2.000 năm.) Tất nhiên là những tầng văn hóa này là những “mảng thời gian” chồng lên nhau chứ không phải phân chia rõ rệt thời gian riêng rẽ của mỗi thời kỳ văn hóa riêng biệt.



Văn hóa Hòa Bình-đá cuội (nguồn ảnh: từ Internet)

Ta cũng nên lưu ý một điểm trong sinh hoạt khảo cổ ở nước ta và quốc tế. Nữ học giả M. Colanie là người đầu tiên nói tới nền văn hóa Hòa Bình, cũng như học giả R. Heie Gelden là người đầu tiên nói tới nền văn hóa Đông Sơn. Họ đã đem tên của những nền văn hóa này vượt ra khỏi biên giới nước Việt Nam để lan tỏa ra thế giới và đã được *quốc tế hóa* tên gọi Hòa Bình, Đông Sơn trong ngành khảo cổ của nhân loại.

Tôi tạm dừng sự liên tưởng của mình để tiếp tục cắt nghĩa cho Uyên và Thi biết bối cảnh của việc dời đô của vua An Dương Vương. Ngài từ *Phong Châu* ở Phú Thọ, kinh đô các vua Hùng, thuộc miền trung du dời về *Phong Khê*, tên cũ của Cổ Loa, thuộc miền đồng bằng. Có những nguyên nhân:

- Do áp lực dân số gia tăng
- Do áp lực xâm lăng của giặc phương Bắc. Đất nước vừa phải trải qua mười năm chiến đấu gian khổ để đánh tan 50 vạn quân của Tần Thủy Hoàng. Và kế tiếp đó, là áp lực rất gần và thường trực của vương triều Triệu Đà nước Nam Việt, một nước kề cận ngay phía bắc Âu Lạc.
- Do một phần chính nữa, nước Âu Lạc cần phát triển kinh tế trên mảnh đất của đồng bằng phù sa phì nhiêu *vừa được thành hình lần thứ hai*, có nhiều sông nước, vừa thuận lợi cho nông nghiệp lúa nước và vừa thuận tiện cho việc vận chuyển trên sông ngòi. Vốn quen sống trên sông nước là một nét đặc thù của dân ta đã được diễn tả trên những “hoa văn” của những trống đồng thời đại các vua Hùng.

Uyên hỏi tôi:

- Tại sao anh lại nói đồng bằng Bắc Việt ta “*thành hình lần thứ hai*” trong giai đoạn ấy?

Tôi cắt nghĩa thêm vài điều căn bản:

- Như anh đã nói, căn cứ theo những giả thuyết mà nay đã được kiểm chứng bởi các nhà khảo cổ và được số đông chấp nhận. Cách đây hàng chục vạn năm, loài người đã sống trên mảnh đất này. Đồng bằng Bắc Việt ta rất rộng, rộng lắm, có thể kéo dài tới gần đảo Hải Nam, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Úc Châu và ăn lan sang cả vùng biển Ấn Độ nữa vì nước biển hồi đó rất thấp, thấp

hơn mặt nước biển ngày nay cả trăm mét. Cánh đồng rộng mênh mông ấy làm người trong lục địa có thể tiếp xúc và trao đổi văn hóa với những vùng hải đảo xa xôi rất dễ dàng. Đó là thời kỳ đồng bằng vùng Bắc Việt *thành hình lần thứ nhất*. Nhưng cách đây vào khoảng gần hai chục nghìn năm (17.000 năm) trái đất bị *nạn hồng thủy* do băng hà tan gây ra hiện tượng *biển tiến*. Đồng bằng Bắc Việt, dần dần sau mấy nghìn năm, đã trở nên vùng biển cả ngập nước, không bóng người ở. Và cũng do đó, những di chỉ của nền văn minh ở đây tự nhiên bị *biến mất* một thời gian từ 10.000 đến 6.000 năm cách ngày nay. Sau đó, đồng bằng Bắc Việt lại xuất hiện trở lại với những di chỉ của nền văn hóa cao hơn.

Trong khi biển tiến, những cư dân trên vùng đồng bằng Bắc Việt thuộc nền văn hóa Hòa Bình đã phải di cư dần lên vùng đất cao, sống trong hang động, hay lan tỏa đi khắp nơi. Thời gian này, *ý niệm về “quốc gia” chưa có* nên họ lan tỏa đi lên những vùng cao của toàn vùng Đông Nam Á, sang cả phía tây như Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cao Miên và lên cả phía bắc thuộc miền nam Trung Hoa ngày nay cho tới sông Dương Tử để tạo nên những chủng tộc Bách Việt, nguồn gốc người Hoa Nam bây giờ. Họ khác với người Hoa Bắc tức dòng Hán tộc sống về phía Bắc nước Trung Hoa ngày nay. Những người di dân này, họ mang theo nền văn minh của họ đến nơi định cư mới và đặc biệt là họ truyền bá kỹ thuật trồng lúa nước.

Các nhà khảo cổ quốc tế ngày nay, kể cả những nhà khảo cổ nổi danh người Trung Hoa, với những tiến bộ khoa học (như dùng chất phóng xạ C14) có khả năng định niên đại của di vật khảo cổ một cách hết sức chính xác, cùng những nhà khoa học liên ngành như những nhà nhân chủng học, cổ sử học, ngôn ngữ học, di truyền học đã khẳng định, không còn nghi ngờ gì nữa, họ (những người di dân) là những chủng tộc ở phía nam Trung Hoa (Hoa Nam) ngày nay có nguồn gốc *từ phương nam đi lên và họ mang theo kỹ thuật trồng lúa nước và kỹ thuật luyện kim đúc trống đồng dầy cho người Trung Hoa ở phía bắc (Hoa Bắc)*.

Vào khoảng thời gian từ 6.000 đến 2.000 năm cách ngày nay là giai đoạn *biển lùi*. Đồng bằng Bắc Việt lại được tái lập tức *hình thành lần thứ hai* và có con người xuất hiện trở lại sống trên vùng đất “vũng” này. Cách đây 2.000 năm, mực nước biển rút nhưng còn cao hơn ngày nay 3 mét. Chính khoảng thời gian *biển lùi* này, nó phù hợp với câu chuyện mở đầu lịch sử nước ta, câu chuyện Tiên-Rồng hay Âu Cơ và Lạc Long Quân đẻ ra trăm trứng, nở ra 50 người nữ thuộc giống Tiên và 50 người nam thuộc giống Rồng. Tiên ở trên vùng cao giữ nước và phát triển vùng đồi núi có sẵn, còn Rồng trở về vùng đồng lầy khai khẩn theo từng bước biển lùi.

Ta cũng nên biết, trong khoảng gần 5.000 năm trở lại đây, *ý niệm “quốc gia” bắt đầu được thành hình*, và cũng từ đó, những cuộc chiến tranh tiêu diệt lẫn nhau giữa các chủng tộc đã trở nên khốc liệt với mục tiêu mở mang bờ cõi, mở rộng tầm ảnh hưởng và tạo sức mạnh kinh tế cho chủng tộc mình. Chủng tộc Hán là dân du mục, họ sống trên những vùng thảo nguyên thuộc phía bắc Trung Hoa. Từ nghìn xưa họ sinh sống bằng săn bắn, hái lượm nên thiện chiến hơn những chủng tộc sống định cư canh tác nông nghiệp như những chủng tộc miền nam.

Chủng tộc Hán, vốn có óc bá quyền và hiếu chiến, lần lần chiếm cứ bằng quân sự những vùng đất của những chủng tộc phía nam để thành lập quốc gia Trung Hoa rộng lớn như ngày hôm nay. Khi họ tới vùng đất của hai chủng tộc gần cực nam là Âu Việt và Lạc Việt, sau sát nhập để trở thành Âu Lạc dưới thời Thục Phán An Dương Vương, thì bị khụng lại. Tới thời kỳ của Triệu Đà thì Âu Lạc mới mất nước về tay người Hán. Và từ đó, dân ta chịu sự đô hộ của người Tàu hơn một nghìn năm.

Mãi tới khi vua Ngô Quyền, sau chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 sau công nguyên, ngài mới đem nền độc lập thật sự trở lại cho dân ta. Kế tiếp đó, sự tự cường của dân tộc ta dám sánh ngang hàng với đại Hán, đại Đường, đại Tống bên Tàu được thể hiện rất rõ ràng kể từ đời

nhà Đinh tức Đinh Tiên Hoàng Đế đóng đô ở Hoa Lư, Ninh Bình. *Và tinh thần tự cường, bất khuất đã được kéo dài cho tới ngày nay.*

Chúng tôi vừa dắt xe đi bộ vừa nói chuyện. Hai chiếc áo dài màu tím hoa cà của Uyên và màu trắng của Thi bay phất phới nơi cánh đồng quê làm nổi bật lên dáng vẻ thị thành giữa những bà nhà quê đang nói chuyện lao xao, gánh hàng mang ra chợ bán.

Những mớ rau tươi, hoa quả, ngũ cốc trong thúng, nặng trĩu trên hai đầu đòn gánh. Những chiếc váy đen dây cộm phủ màu thời gian đã ngả màu bạc phéch theo bước chân trần đi vội vã tạo nên những tiếng sột soạt nhịp nhàng cùng những tiếng kẻo kẹt của quang gánh đang nhún nhảy trên vai mấy bà nhà quê. Những chiếc áo màu nâu đất đã bạc nói lên sự lam lũ của người mặc. Vài bác nông phu đang làm lũi vác cuốc ra đồng, lưng lẳng bên hông chiếc “điều cây”.

Dăm ba cháu nhỏ đứng nhìn chúng tôi một cách tò mò. Có em bé gái khoảng tám, chín tuổi đang “eo xương sườn” để “ấm cặp nách” (bể ngang hông) đưa em trai “thò lò mũi xanh” (chảy nước mũi) đứng nhìn chúng tôi chăm chú như nhìn những gì thật xa lạ với em. Cổ Loa không xa Hà Nội lắm, chỉ với khoảng cách gần 20 cây số, ấy thế mà đã là một khoảng cách chênh lệch khá lớn về mức sống giữa thành thị với thôn quê.

Đông Anh là vùng đất trũng, chằng chịt sông ngòi và lạch. Cổ Loa cũng là vùng “tứ giác nước” bao bọc bởi những con sông chạy ngang qua huyện Đông Anh gồm phía bắc có sông Cà Lồ, phía nam có sông Đuống. Ngày xưa có con sông **Hoàng** khá lớn chảy ngang qua giữa huyện, nối liền sông Hồng và sông Cầu.

Ngày nay sông Hoàng đã trở thành con sông “chết” và bị cắt đứt thành từng đoạn, chỉ chảy giới hạn trong sự nối liền với hệ thống thủy lợi trong vùng mà thôi. Sông chết này, *khúc đầu* phía đông-bắc huyện được gọi là sông **Thiếp**; *khúc giữa* là sông **Hoàng Giang** chảy ngang qua Cổ Loa. Theo nhà sử học (Trần Quốc Vượng) thì có thể là tên khúc sông này bắt đầu từ thời Ngô Vương Quyền đóng đô ở đây từ tháng giêng năm 939; *khúc cuối* bắt đầu từ phía đông Cổ Loa được gọi là sông **Ngũ Huyện Khê** vì chảy ngang qua năm xã. Khúc sông Ngũ Huyện Khê có đê xây từ thời vua Hùng. Điều này chứng tỏ đê điều là *hệ thống trị thủy* khôn ngoan có từ thời các vua Hùng của nước Văn Lang.

Trên những cánh đồng ruộng của Đông Anh, lên cả đến bên kia phía sông Cà Lồ của huyện Sóc Sơn còn có rải rác những ao, chuôm lớn mà người dân ở đây gọi là “*bước chân thánh Gióng*” Người xưa dùng những ao, chuôm này là những nơi chứa nước vào mùa mưa và dùng nước dự trữ đó vào mùa khô trong canh tác nông nghiệp như một hệ thống thủy lợi vậy.

Đứng về mặt chiến lược quân sự, Cổ Loa là cái “*yết hầu*” đứng giữa vùng trung du và đồng bằng. Nó quan trọng nhờ ở địa thế dễ dàng tiến lên trung du, lại có thể từ đây phối hợp hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình để lan tỏa đi khắp nơi trong vùng đồng bằng. Ta cũng không nên quên là chính nơi đây cũng đã từng là *căn cứ quân sự* của thời Hậu Lý Nam Đế năm 692.

PHẦN 2

THÀNH XƯA VÀ ĐIỆN THỜ, ĐÌNH, MIẾU

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã tới trước cửa thành phía nam tức cửa Nam, cửa chính của thành Cổ Loa. Trước cửa thành có sông Hoàng Giang chảy bao bọc, ôm lấy thành từ hướng đông nam, qua nam, rồi vòng sang hướng tây nam của thành để làm “*hào thiên nhiên*” bảo vệ thành ở vòng ngoài.

Chúng tôi lên xe đạp tiến vào bên trong của khu thành Cổ Loa. Khi ngang qua cửa Nam, chúng tôi thấy hai bên cửa có hai ụ đất cao sát cổng thành có miếu thờ hai vị trấn tướng. Vì là cửa thành chính nên có hai trấn tướng còn những cửa phụ khác của thành chỉ có một trấn tướng mà thôi. Hai miếu này đã bị bụi cây che gần kín, phải để ý lắm mới thấy. Qua cổng chính không bao xa, chúng tôi gặp một ụ đất to, đó là Mả Tre nơi tìm thấy *trống đồng Cổ Loa*.

Con đường dẫn chúng tôi tới đền An Dương Vương còn gọi là *Đền Thượng* hay "*Tiên Từ Đệ Nhất*" là con đường đất lớn, có đoạn lát gạch. Dọc theo hai bên đường là những xóm đông người với sinh hoạt nhộn nhịp, thảnh thơi có những thửa ruộng xen kẽ.

Đền được xây trên nền của Hoàng cung cũ, một thửa đất cao hẳn lên so với những thửa đất rộng chung quanh. Theo phong thủy, đền nằm trên thế đất hình con rồng mà đền được xây trên lưng rồng. Trước cổng đền có một mô đất trên đó có cây mọc nên được ví như rồng đang nhả viên "*ngọc châu*". Sau hòn "*ngọc châu*" là "*giếng Ngọc*" hay "*giếng Trọng Thủy-Mỵ Châu*". Thật sự "*giếng*" chỉ là cái *ao tròn* không có miệng giếng, được xây bằng gạch như những "*giếng làng*". Nơi đây Trọng Thủy đã gieo mình tự tử chết theo Mỵ Châu. Xác Trọng Thủy theo dòng sông Hoàng Giang mà trôi xuống các xã phía dưới. Do đó, khu vực Cổ Loa gồm 8 xã trên chỉ thờ vua An Dương Vương và Mỵ Châu, còn 6 xã cuối thờ thêm Trọng Thủy như thờ vong linh, hồn ma mà thôi. Thật sự thì sau khi Cổ Loa không còn là kinh đô của Âu Lạc nữa, cấu trúc thành được quy hoạch lại nên giếng Trọng Thủy nay ở ngay trước cửa đền vua An Dương Vương.



Quang cảnh phía trước Đền Thượng

Vì là *đền thờ vua* nên đền An Dương Vương có 2 *tam quan*, “tam quan ngoại” và “tam quan nội”. Tam quan ngoại có một kiến trúc cổ rất đẹp và thanh thoát, hoàn toàn mang sắc thái văn hóa bản địa độc đáo của dân ta chứ không vay mượn từ kiến trúc Trung Hoa. Trước cửa tam quan ngoại có cặp rồng đá tạc rất công phu. Cặp rồng đá này được coi là tác phẩm nghệ thuật quý giá của nhà Lê. Ba cây hương bằng đá trước cặp rồng có niên hiệu Vĩnh Hựu thuộc thế kỷ thứ 17. Phía trên tam quan ngoại có



gác chuông và có hàng đại tự “*Phủ Ngưỡng Thiên Cổ*” tức “Chiêm bái muôn năm.”

*Tam quan Ngoại với hai con rồng đá
và ba cây hương đá.**

Tam quan Nội ()*

Uyên và Thi theo tôi vào sân Đền. Uyên mua hương, hoa để vào chiêm bái đức Vua.

Sau “tam quan ngoại”, tới một sân rộng, rồi tới “tam quan nội”. Qua “tam quan nội” bằng cổng phụ, chúng tôi tới nhà Đại Bái là nơi tế lễ. Trước cửa nhà Đại Bái có hai “*con nghê*” bằng đá. Ý nghĩa của hai “con nghê” này là chúng có nhiệm vụ kiểm soát tư tưởng thanh tịnh của khách hành hương khi vào đền lễ bái trước bàn thờ ngài An Dương Vương.

Phía trong cùng nhà Đại Bái là *khu thờ cúng* có tượng đồng của Đức vua An Dương Vương. Nơi thờ Ngài thì tối, trên bàn thờ chỉ thắp một ngọn đèn dầu nhỏ lơ mờ. Được biết nơi thờ phượng thường để tối như thế để tỏ lòng cung kính và tạo sự trang nghiêm.



*Nhà Đại Bái với hai con “Nghê”
đá hai bên cửa vào (*).*



Bàn thờ An Dương Vương

Trong đền có cặp ngựa gỗ màu đỏ đậm, được tạc vào đời nhà Lê, tượng trưng cho thời kỳ Đức An Dương Vương dùng ngựa để đánh Tần đuổi Triệu.

Ngoài ra trong đền còn lưu trữ và trưng bày trong tủ kính một số mũi tên đồng, vài loại khác nhau. Ông từ (người coi đền) cho chúng tôi biết, theo dân gian truyền tụng lại, trong thời kỳ Hai Bà Trưng đánh nhau với quân Mã Viện, Hai Bà có ghé qua đây cầu xin Đức An Dương Vương dùng thần lực phù trợ giúp cho sự chiến đấu của Hai Bà được thành công.

Uyên, Thi và tôi lại trở ra ngoài tam quan ngoại. Ngay hai bên cổng tam quan ngoại có, một bên là một ụ đất nằm ngay phía bên tay phải, một bên là một hồ hơi trũng nằm ngay phía bên tay trái hướng từ Đền nhìn ra. Dân trong vùng gọi đó là hai con mắt của con rồng. Một mắt bị hư mù tức là hồ đất trũng khô nước, mắt còn sáng là ụ đất cao. Được biết, có cái lạ là, dù vào mùa nắng khô, ụ đất ấy luôn luôn ướt. Dân gian gọi con rồng này là “*rồng độc nhãn*” tức rồng một mắt.

Chúng tôi leo lên gác chuông của tam quan ngoại. Trên gác chuông có một quả chuông rất lớn. Nếu đánh chuông lên, tôi tin là tiếng chuông sẽ ngân vang và lan ra xa có thể tới mấy làng chung quanh.

Từ gác chuông cao, chúng tôi có thể quan sát gần như toàn bộ cổ thành. Tôi chỉ cho Uyên biết một vài nơi nhìn thấy trước mặt như Xóm Mít mà dân ở đây trước là dân chài, nay họ lên *bờ thành Ngoại* sinh sống mà lập nên xóm này.

Phía tây nam là quốc lộ 2, và gần đó có đình Mạch Tràng, là kho lương thực của thành Cổ Loa.

Đặc biệt là những di tích của những vòng thành còn sót lại, cách nhau bởi những hào nước mà nay đã trở thành ruộng. Nơi cột cờ là hướng chính nam có cửa chính của thành gọi là cửa Nam mà chúng tôi vừa đi qua.

Uyên chỉ những bức tường đất xa xa hỏi tôi:

- Có phải những đoạn tường đất xa xa kia, trước đây là những bức tường thành của thành Cổ Loa mà nay đã bị sụp đổ từng phần đó không?



Bức tường thành xưa (*)

Nhân đó, tôi chỉ cho Uyên và Thi biết thêm những chi tiết về thành Cổ Loa qua cảnh vật hiện thực chung quanh và phối hợp với bản đồ của thành cổ này đã được trưng bày ở một vài nơi trong Đền.

Thi chợt hỏi:

- Thế thành có mấy vòng hở anh?

Tôi ngừng lên, cười với Thi:

- Em đoán là có mấy vòng?

- Thưa anh, em không biết, chắc phải nhiều vòng lắm.

Uyên mỉm cười trước câu trả lời của cô em:

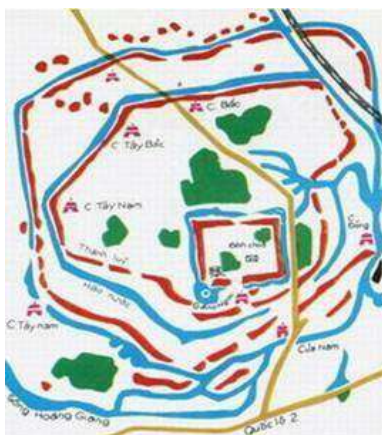
- Em quên rồi sao? Trên bản đồ trong Đèn đã vẽ rõ là thành có 3 vòng thành có hình đường cong khép kín. Em không chịu để ý đấy thôi!

Nghe chị nói, Thi giả vờ đóng vai cô học trò nhỏ khoanh tay, cúi đầu lễ phép đáp trả:

- Xin lỗi cô giáo! Lần sau “con” không dám thế nữa ạ!

Tôi bật cười, cốc nhẹ vào đầu Thi:

- Thôi, anh xin cô giáo tha cho. Phải ngoan đấy!



Vòng màu đỏ: tường thành, ụ đất

Vòng màu xanh dương: sông, hào

Tôi nói tiếp về những bức tường thành:

- Cứ dựa theo sự chỉ dẫn và chú thích trên bản đồ, vòng ngoài gọi là “*thành Ngoại*” dành cho quân lính ở, có chu vi là 8 cây số. Vòng ở giữa gọi là “*thành Trung*”, dành cho quan lại ở, có chu vi là 6,5 cây số. Cả hai vòng thành Ngoại và Trung là những đường cong không có hình dáng nhất định, khép kín, vì lúc xây thành người ta cố lợi dụng “*uốn*” tường thành theo địa thế thiên nhiên có sẵn như những ụ đất hay đê của khúc sông Ngũ Huyện Khê để xây dựng thêm lên. Đồng thời, người ta cũng lợi dụng nương theo những hệ thống sông, lạch chằng chịt để biến chúng thành những hào thiên nhiên bảo vệ thành. Vòng trong cùng được gọi là “*thành Nội*” hay “*thành Cẩm*”, nơi vua và hoàng gia ở. Thành Nội được xây tương đối hình chữ nhật trên thửa đất cao, có chu vi vào khoảng 1,5 cây số. Có những nhà khảo cổ cho rằng thành Nội được xây thêm vào thời vua Ngô Quyền, cũng có người cho rằng nó được xây từ thời Mã Viện sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng vì nơi đây đã tìm được những dấu vết của văn hóa Hán tộc và kiến trúc xây thành Nội cũng tương tự như thành của nhà Hán rất phổ biến thời bấy giờ. Nếu quả như vậy, thành Cổ Loa là sự phối hợp của hai nền văn minh Hán-Việt và thuần Việt cổ.

Các tường thành có chiều cao từ 4 đến 5 mét, ba người công kênh nhau lên mới tới. Có chỗ cao tới từ 8 đến 12 mét. Chân tường thành rộng từ 20 đến 30 mét, mặt thành rộng từ 6 tới 10 mét, quân có thể di chuyển hàng mười. Thành tường bên ngoài dựng đứng, bên trong soai soãi để dễ di chuyển, do đó bên ngoài đánh vào rất khó nhưng bên trong đánh ra rất dễ. Trên mặt thành lại có những “*hỏa hồi*” cao để có thể quan sát cả một vùng rộng lớn.

Ngoài 3 tường thành còn có những “*lũy tiền vệ*” ở cả phía bắc thành Ngoại và nằm khoảng giữa thành Ngoại và thành Trung. Hướng bắc luôn là hướng tấn công chính của địch.

Uyên chọt hỏi tôi:

- Thế còn những truyền thuyết hàng đêm có hàng nghìn cô tiên đến giúp xây thành, rồi lại có truyền thuyết có thần Kim Quy đến giúp, theo anh nghĩ thế nào về những truyền thuyết ấy?

- Ủ, truyền thuyết dân gian thì nhiều lắm, đặc biệt trong việc xây dựng thành Cổ Loa này. Theo các nhà nghiên cứu cũng như chúng ta đã biết đây, vùng đất này khi xưa là vùng đất trũng, nền móng là đất mềm nên rất khó xây tường thành đứng vững. Có thể cứ xây xong lại đổ nên dân gian có những truyền thuyết ấy để diễn tả sự khó khăn cần phải có thêm thần linh giúp đỡ mới xong. Vào thời đó dân ta còn trọng tín ngưỡng tôn thờ “vật tổ” mà những vật tổ thông thường mà ta thường nghe đến là Tiên, Rồng, Rắn, Chim, Rùa ... Những truyền thuyết đó nói lên những khó khăn một phần và cũng là một thứ *chiến tranh tâm lý* một phần. Công việc nào có “Trời” giúp cho thì phải tốt, bền vững, linh thiêng hơn những công trình thuần chỉ do sức người xây dựng lên, và cũng từ đó, nó tự tạo nên một niềm tin tuyệt đối trong dân gian.

Thật sự ra, theo các nhà khảo cổ “mổ xẻ” bức tường thành, họ cho thấy những nơi đất trũng và mềm, người xưa đã cho “tăng cường” thêm ở phía dưới chân tường bằng những tảng đá to. Cộng thêm vào đó là những cục đá hòn có đường kính từ 15 đến 60 phân tây và những mảnh sành đất nung vỡ có độ nung già non khác nhau.

Dưới chân phía ngoài những tường thành đều có hào nước để bảo vệ thành. Những hào nước rộng từ 10 đến 30 mét thường là những nhánh sông, lạch thiên nhiên chảy vào và ăn thông với nhau tạo thành một mạng lưới thủy văn chằng chịt. Thuyền có thể di chuyển hàng ba dễ dàng. Những nhánh sông này được tiếp nước từ những con sông lớn như sông Cầu và sông Hồng. Những hào này, ngày nay đã trở thành những dải ruộng khô.

Trên là thành cao, dưới là hào rộng và sâu nên thành Cổ Loa *dễ dàng phối hợp cả bộ binh lẫn thủy binh*.

Uyên chợt hỏi tôi:

- Thưa anh, sao người ta gọi thành này là thành có hình tròn ốc (Cổ Loa)?

Tôi khen Uyên:

- Câu hỏi này rất hay! Uyên hãy nhớ lại trên bản đồ thành Cổ Loa ta xem lúc trước, ba vòng thành Nội, Trung và Ngoại gần như chúng có một đoạn giáp lại rất gần nhau, đó là cửa Nam mà lúc vào thành chúng ta đã đi ngang qua. Vì có chỗ chụm lại gần nhau như thế nên thành có hình dáng của đường xoáy ốc mà khu Đền Thượng này cũng là Hoàng cung xưa chính là tròn ốc. Chính cái không đều đặn của thành và hào sâu chằng chịt ăn thông nhau tạo cho thành những “bát quái đồ” hay “mê hồn trận”. Khi quân địch có vào được thành cũng khó tấn công thêm hoặc khó rút ra.

Cũng dựa trên luận cứ của những nhà nghiên cứu về thành Cổ Loa cho ta thấy thêm những tính toán quân sự của người xưa trong việc xây thành. *Cửa Nam* là cửa chính và cũng là cửa thành duy nhất mà ba vòng thành có thể ăn thông với nhau. Ngoài ra, những cửa của thành Trung và thành Ngoại, không kể cửa Nam, gồm những cửa phụ như *cửa Đông* ăn thông với sông Hồng và có *đầm Cả* mà những nhà quân sự ngày nay cho là đó là *quân cảng* của Cổ Loa ngày xưa; *cửa Bắc* quan trọng hơn cả vì là hướng trực diện với quân thù do tướng Cao Lỗ đích thân trấn giữ nên nay có tượng thờ tướng Cao Lỗ, tức là ông Nỏ, ở cửa thành này; *cửa Tây bắc* và *cửa Tây nam*. Những cửa này không có cửa nào ăn thông suốt với cửa kia như cửa Nam, nên quân địch không thể dùng thế đánh “gong kìm” hay tiếp ứng cho nhau dễ dàng được.



Đứng trên gác chuông cao, tôi chỉ cho Uyên và Thi những vị trí cần biết mà những người đến thăm thành Cổ Loa không thể không lưu tâm đến, đó là những khu vực mà các nhà khảo cổ đã đào tìm ra được những di chỉ cổ xưa, như:

- Ở Bãi Mèn hay Đường Mèn đã tìm được những di vật đầu thời đại Đồng thau
- Ở Cầu Vực tìm được hàng vạn đầu mũi tên đồng. Điều này chứng tỏ Cổ Loa đã có một kỹ nghệ chế tạo vũ khí khá quy mô.
- Ở gò Mả Tre đã tìm được *trống đồng Cổ Loa*, nổi tiếng sánh ngang với những trống đồng *Ngọc Lũ* và trống đồng *Hoàng Hạ* cùng có niên đại trên 2.000 năm.

Cứ như những cổ vật tìm được ở trên thì ta thấy đã có người sinh sống bên bờ sông Hoàng Giang này cách nay từ trên 2.300 năm.

* * *

Chúng tôi rời Đền Thượng, theo hướng trở lại cửa thành phía Nam để đến *Đình Cổ Loa* gần đó. Đình này còn gọi là đình “*Ngự Triều Di Quy*” xây trên di tích còn sót lại của “*Điện Ngự Triều*” trong “*thành Nội*”, nơi vua họp bàn việc nước cùng các quan.

Cổng đền “Ngự Triều Di Quy”

Sân đình “Ngự Triều Di Quy” ()*

Ngôi đình cũ đã bị tàn phá bởi chiến tranh. Ngôi đình hiện tại có niên đại chính xác vào đời vua Thành Thái (1891). Đình được mua từ Việt Trì, cách Cổ Loa khoảng 50 cây số, được thả bè trôi sông tới sông Đuống thì được kéo lên, đem về đây lắp lại. Quanh khu đình là một khoảng đất rộng, kang trang. Kiến trúc cổng đình và tường xây chung quanh rất đẹp, mang rất rõ nét đặc thù *văn hóa cổng đình* của Việt nam.

Trong đình có bàn thờ, trước bàn thờ có nhiều câu đối và có một tấm “*võng thờ*” sơn son thếp vàng, trạm trổ long, ly, quy, phượng rất công phu và tuyệt đẹp. Hai bên bàn thờ là đôi hạc và hai bộ “*bát bộ*” (vũ khí thời xưa).



Bàn thờ với tấm “cửa võng” trạm trổ tinh vi.

Bên cạnh đình có một cây đa, dân địa phương gọi là “cây đa nghìn tuổi”, do chính tay vua Ngô Quyền trồng khi ngài đóng đô ở đây. Rễ đa được bao trùm lên cổng vào của miếu thờ Công chúa My Châu. Rễ chính của cây đa đã chết, nay nó chỉ sống nhờ vào những rễ phụ.



Cây đa “nghìn tuổi” được vua Ngô Quyền trồng năm 939 khi ngài đóng đô ở Cổ Loa. Rễ cây đa phủ lên cổng vào miếu My Nương.

Chúng tôi vào trong miếu My Châu. Trong miếu có một tượng thờ cụt đầu ở thế ngồi xếp chân “bằng tròn”, mặc áo công chúa màu vàng, rộng phủ hết ngôi tượng, cổ đeo nhiều vòng trang sức xanh đỏ sắc sỡ. Nghe nói tượng này là phiến đá mang từ đường Công Sứ về.

Theo truyền thuyết thì trước khi bị cha chém đầu, Công chúa lạy thưa cùng vua cha: “*Lạy cha. Vì con nhẹ dạ tin người nên bị người lừa, chứ con không có bụng dạ nào phản cha, hại nước. Nếu quả con có lòng theo giặc làm phản, thì chết đi con sẽ trở thành tro, thành bụi. Nếu trước sau con vẫn một dạ thờ cha thì con sẽ thành đá, thành ngọc, ngược dòng trôi về cửa cha*”. Theo truyền thuyết này, xác My Châu trôi về Cổ Loa và được dân làng vớt lên chôn cất. Hàng năm cứ đến ngày 13 tháng 8 âm lịch thì dân chúng trong vùng có tục lệ “ăn sêu” bà Chúa, chỉ ăn bún chứ không ăn cơm.

Trong miếu thờ, ánh sáng lù mù của đôi đèn nhỏ làm không khí nơi thờ phượng công chúa My Châu trở nên âm u như có những vong linh lẩn quất nơi đây. Thi riu ríu đi bên tôi như có vẻ sợ hãi.

Tượng công chúa My Châu

Tôi nói với Thi:

- Em ra khẩn gì đi, bà Chúa linh thiêng lắm đấy!

Thi nhìn tôi rồi cũng rón rén ra trước tượng Công chúa cụt đầu chấp tay lâm râm khẩn vái.

Khẩn xong, Thi lại rụt rè đi về phía tôi mà trên nét mặt nàng vẫn còn phảng phất nét nửa e dè, nửa trịnh trọng, trang nghiêm và thành khẩn.

Thi hỏi tôi:

- Anh không khẩn à?

- Anh khẩn rồi.

- Anh khẩn gì vậy?

Tôi nheo mắt trêu Thi:

- Em biết rồi mà!

Thi nhìn thẳng vào mắt tôi rồi ngượng nghịu cúi xuống, nói nhỏ:

- Em không biết!

Vừa đúng lúc đó Uyên bước vào. Thi nhanh nhẩu nói:

- Chị Uyên vào khẩn bà Chúa đi! Em vừa cầu xin sức khỏe cho Thầy mẹ và gia đình mình.

Nói xong Thi nhìn tôi mỉm cười. Tôi biết, thế là Thi đã hiểu được những gì tôi vừa muốn nói. Con gái họ cũng tinh ý lắm.



Thi bỏ ra ngoài để mặc tôi và Uyên ở lại trong miếu. Uyên, cũng với bộ mặt nghiêm trang, tiến tới đứng gần tôi nhìn quanh. Uyên nắm cánh tay tôi kéo ra ngoài.

Vừa tới cửa miếu, Uyên nói với tôi bằng một giọng thật nhẹ nhàng:

- Em cảm ơn anh!

- Cảm ơn gì hở Uyên?

Uyên nhìn tôi cười với ánh mắt biết ơn:

- Em cảm ơn anh đã đưa chúng em đi chơi ngày hôm nay.

Tôi vội quay người lại, đối diện với Uyên, tay phải để trước ngực, cúi rạp mình xuống:

- Hân hạnh! Hân hạnh!

Uyên cười đánh nhẹ vào cánh tay tôi:

- Cái anh này!



Chợt Thi ở đầu chạy lại với hai quả quýt trên tay:

- Anh và chị có chuyện gì mà vui thế? Em mới xin được “lộc” cho anh và chị đây này.

Chúng tôi ra khỏi đình, đạp xe thẳng tới cửa Bắc để chiêm bái tượng ngài *Cao Lỗ*.

Cao Lỗ, người tướng tài của vua Thục An Dương Vương, đã từng theo vua đi đánh giặc Tần, đã từng khuyên vua dời đô từ vùng trung du về miền xuôi đồng bằng vì vùng đất đó hứa hẹn sự phát triển mau chóng cho đất nước về sau. Ông cũng là người có công lớn trong việc xây dựng nên thành Cổ Loa và đã phát minh ra “nỏ thần” bắn được nhiều mũi tên trong một lần bấm cò.

Mỗi khi nhắc tới nỏ thần, dân gian cho đó là một loại vũ khí *chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan*. “Cò nẩy” của nỏ thần là một “bí mật quốc gia” mà vua An Dương Vương đã để bị tiết lộ bởi gian kế của địch quân Triệu Đà. Tin vào quân địch, bỏ tướng trung, việc mất nước của vua An Dương Vương là điều có thể hiểu được và cũng là bài học mà con cháu phải trả một giá quá đắt với một nghìn năm nô lệ. Nhân dân đời sau rất thương quý vua An Dương Vương nhưng cũng phê phán: *Người cơ mưu chẳng nghiệm, thương con, tin rẽ thì còn trách ai*.

Khi được tin Triệu Đà đánh thắng vua An Dương Vương, Cao Lỗ vội từ quê nhà trở lại Cổ Loa để cứu vua, nhưng quá trễ. Cao Lỗ bị Triệu Đà giết chết trong trận đánh cuối cùng. Ta cũng nên biết, danh tướng Cao Lỗ đã bị nhà vua đuổi đi hoặc ông đã tự xin từ chức về quê vì đã hết mực ngăn cản việc giao hòa với Triệu Đà bằng cách nhận cho Trọng Thủy vào thành ở rể mà không thành. Tướng Cao Lỗ quả là một nhân vật lịch sử, quân sự tài ba, nhìn xa biết rộng của thuở sơ khai lập quốc của dân tộc ta. Thật đáng tiếc thay

Đền và tượng tướng Cao Lỗ hay ông Nỏ ()*

Tên đồng Cổ Loa

Bên cạnh truyện ông Nỏ ta cũng còn truyện *ông Nồi* tương tự trong thời gian ấy. Theo sử sách kể lại, có một nhà nghèo nọ ở Hương Canh, nay thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú) làm nghề nặn nồi niêu. Hai vợ chồng sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Nồi.

Nồi càng lớn càng thông minh, lại giỏi võ nghệ. Nhân vua An Dương Vương mở khóa thi võ để chọn người tài, Nồi dự thi và giật giải đô vật và giải võ, được cử làm tướng trong triều. Ông Nồi lấy vợ ở làng Chiêm Trạch gần Cổ Loa, để hai con trai là Đổng và Vực. Ba cha con cùng theo giúp vua An Dương Vương. Cũng như ông Nỏ, ông Nồi nhất quyết can ngăn nhà vua cho Trọng Thủy được ở trong

thành. Thấy các Lạc tướng trong triều được Triệu Đà mua chuộc, vua lại không nghe lời khuyên can của mình nên ba cha con ông Nồi cùng bỏ triều đình về quê sinh sống ở Chiêm Trạch.

Khi Triệu Đà đánh thắng vua An Dương Vương, ba cha con ông Nồi chiêu binh, lập căn cứ ở Chiêm Trạch để chống trả lại Triệu Đà. Cuộc chống trả không thành công, ba cha con ông Nồi bị bắt. Triệu Đà dụ hàng, ba cha con ông Nồi không chịu, Triệu Đà giết đi cả.

Thêm nữa, vua An Dương Vương không phải chỉ có tướng giỏi trong giai đoạn đóng đô ở Cổ Loa mà ngay cả trong thời gian xảy ra trận chiến 10 năm chống quân Tần Thủy Hoàng sang xâm lăng Âu Việt (Thục) và Lạc Việt (Văn Lang). Vua Thục An Dương Vương lúc đó đã biết sử dụng chiến tranh du kích và tiêu thổ kháng chiến để đánh thắng 50 vạn quân Tần bách chiến bách thắng từ xa tới. Tướng nguyên soái cầm đầu đoàn quân viễn chinh ấy là Đồ Thư cũng bị giết chết. Trong cuộc chiến tranh 10 năm ấy, có một tướng tài của vua Thục Phán là Lý Ông Trọng.

Cuộc chiến tranh dài ấy, lúc đánh lúc hòa. Lúc cần hòa vua Thục Phán đã sai ông Lý Ông Trọng đi sứ sang Tần. Nhà Tần lúc đó đã xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn chặn người Hung Nô ở phía bắc nước Tần thường sang đánh phá ở biên giới. Vạn Lý Trường Thành không đủ ngăn cản nổi sự tấn công của người Hung Nô. Tần Thủy Hoàng nhờ Lý Ông Trọng đến biên giới để đánh quân Hung Nô.

Đánh đâu thắng đó, vua Tần Thủy Hoàng rất yêu quý ông và gả công chúa cho. Vua Tần muốn giữ ông ở lại, nhưng ông Trọng nại có tuổi đã cao nhất quyết xin về nước. Vua Tần đành phải cho ông về. Theo truyền thuyết trong *Lĩnh Nam Chích Quái* có ghi là sau khi ông Trọng về rồi, vua Tần Thủy Hoàng sai đúc tượng đồng giống ông rất lớn. Mỗi khi quân Hung Nô sang đánh nước Tần, quân Tần lại kéo tượng ông tới trận tiền. Quân Hung Nô tưởng ông có mặt thì rút lui. Sau này người Tàu gọi chung những tượng lớn là “tượng Ông Trọng.”

Uyên và Thi yên lặng nghe tôi nói về những vị tướng lịch sử mà dân gian yêu quý đã trở thành truyền thuyết hay huyền thoại. Thi cứ ngắt cả người ra nghe như đang nghe tôi kể chuyện cổ tích. Tôi nhẹ đùa xoa đầu Thi khen là học trò ngoan. Thi chỉ mỉm cười. Nàng còn đang chìm đắm trong những huyền thoại về những nhân vật lịch sử mà tôi vừa kể.

Những huyền thoại trong dân gian nước ta lại dường như được lồng vào trong những thực tại, nên ta có thể coi huyền thoại như một thực thể có thật được diễn tả dưới dạng dân gian. Như “nỏ thần” là có thật, đã tìm được, mà nay nó được nhìn nhận như một *phát minh cơ khí* của tướng Cao Lỗ với hàng vạn mũi tên đồng nay tìm được ở Cầu Vực, Cổ Loa. Cũng như truyện Sơn Tinh-Thủy Tinh là những khó khăn *trị thủy* của dân ta qua hệ thống đê điều. Huyền thoại và thực tế đan lồng vào với nhau để diễn tả một sự việc có thật dưới dạng một hệ thống tâm thức, tư duy hay tâm linh khác.

PHẦN 3

TRỒNG ĐỒNG CỔ LOA

*Những người mang tiếng là nhà văn hóa Trung Quốc đã phát biểu những cái không có cơ sở văn hóa, không hiểu về lịch sử và nói bậy thì tôi cho những cái đó mình không có gì phải sợ, Ví dụ như chuyện nền văn minh lúa nước. Tại sao nền **văn minh lúa nước** lại ở Việt Nam? Vì Việt Nam là vùng trũng, tập trung nhiều nước còn Trung Quốc làm gì có chuyện đó! Nó ở vùng đất khô cằn, vùng thảo nguyên thì làm sao nó sang dạy ta trồng lúa nước được?*

Rồi những nhà nghiên cứu **trống đồng** cũng bị nó nói là trống đồng của nó. Những trống đồng đó có niên đại bao nhiêu năm? . . . Trong khi trống đồng Đông Sơn (của ta) đào lên từ bao giờ? Các nhà nghiên cứu khảo cổ họ biết thừa, rõ ràng là chỉ lừa được người không biết mà thôi.

KTS Trần Thanh Vân

(Người viết trích từ đài Á Châu Tự Do).



Trống đồng Cổ Loa

https://encrypted-tbn0.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcScVh-sybEAK4_GSmNU0iiTMWP1bSdxWOATz3jIH0KHOExUBtaSTg

Trời đã xế chiều, chúng tôi chuẩn bị trở về Hà Nội.

Vừa ra khỏi công thành Cổ Loa, Thi xuống xe và sà ngay vào một quán bên đường mua mấy cái bánh gai gói bằng lá chuối khô được xâu vào với nhau bằng sợi lạt. Thi nói mua về để tôi nay ra sân ăn bánh, uống trà.

Trên đường về, đường vắng xe, cánh đồng đã vắng bóng người làm đồng. Nhìn cảnh vật êm đềm của đồng ruộng, trong lòng tôi thấy thật thanh bình. Chúng tôi lái xe hàng ba mà vẫn không sợ choán đường của ai. Uyên và Thi đạp xe bên tôi trong im lặng.

Vì có chị đi bên cạnh nên Thi giữ ý tứ hơn, ít khi tỏ ra nhí nhảnh như thường lệ trong những lần đi chơi riêng với tôi.

Để phá vỡ cái không khí yên lặng ấy, tôi rủ Thi đạp xe đua xem ai chạy nhanh. Thi nhìn chị rồi lắc đầu mỉm cười không nói. Hai chiếc áo dài, một tím hoa cà, một trắng, phát phới trong gió chiều, đẹp làm sao. Áo dài Việt Nam giản dị nhưng nó luôn luôn đẹp ở bất cứ nơi đâu, và ta có thể mặc nó ở bất cứ trường hợp nào mà vẫn giữ được dáng vẻ thanh lịch.

Uyên đạp xe đến gần tôi hơn. Nàng hỏi nhẹ:

- Anh cho em hỏi anh một câu hỏi ngắn nữa thôi. Được không?

Tôi nhìn Uyên hỏi:

- Chuyện gì vậy cô giáo?

Uyên ngập ngừng:

- Anh kê cho em nghe về cái **trống đồng Cổ Loa** đi!

- Ái chà! Cô giáo hỏi anh câu hỏi “hắc búa” (khó) quá. Câu hỏi này đâu có ngắn hử Uyên!

Uyên để tay nhẹ lên tay tôi:

- Nếu thế thì thôi, ta đề khi khác vậy!

Tôi cũng vỗ nhẹ lên tay Uyên:

- Ừ, anh sẽ nói với Uyên nhiều hơn về vấn đề này khi có dịp. Nay, Uyên đã hỏi thì anh sẽ nói, nhưng anh chỉ đưa ra vài điều ngắn gọn thôi đấy nhé. Trống đồng Cổ Loa là loại trống đồng lớn, khi khai quật, trống nằm ngửa trong đó có chứa 200 cổ vật khác gồm cả lưỡi cày, rìu đồng và tên đồng. có

niên đại trên 2000 năm. Đặc biệt ngoài “hoa văn” còn có “chữ khắc” ở đế trống. Tuy nhiên ở đây anh chỉ nói khái quát về trống đồng mà thôi chứ không nói riêng về trống đồng Cổ Loa.

Trống đồng Cổ Loa với “hoa văn” trên mặt trống và chữ khắc trên đế trống



Lưỡi cây trong trống đồng Cổ Loa

Theo những tài liệu anh được đọc, trống đồng nước ta đã hiện diện qua nhiều triều đại. Nó được dùng như một biểu tượng của uy quyền kể cả trong vương triều lẫn ngoài dân gian. Nó còn được dùng trong hội hè hay trong chiến tranh nữa. Vào thời nhà Lý, ở Thăng Long ta có đền Đồng Cổ thờ trống đồng. Hàng năm vua quan phải tới đó để thề trung thành với nhà vua và trung thành với tổ quốc.

Về trống đồng Cổ Loa, thật sự ra, cũng giống như trống đồng Ngọc Lũ hay trống đồng Hoàng Hạ mà thôi. Nó có cùng khoảng niên đại nhưng ít nổi tiếng hơn hai cái trống kia. Các nhà nghiên cứu khảo cổ quốc tế đã tìm thấy nhiều trống đồng ở nhiều nước trong vùng Đông Nam Á kể cả miền nam Trung Hoa.

Các nhà khảo cổ chia trống đồng thành vài loại khác nhau. Có một điều, nhờ vào khoa học tiến bộ ngày nay, nhất là nhờ vào chất phóng xạ C14 đã có thể định niên đại cổ vật một cách chính xác, họ mới khám phá ra rằng những trống đồng càng tiến gần trung tâm đồng bằng Bắc Việt thì niên đại càng cao, nghĩa là càng lâu đời hơn, và những hoa văn trên trống đồng cũng càng tinh xảo và đẹp hơn so với những trống đồng tìm thấy ở những nơi khác hoặc những nước khác. Điều đó chứng tỏ rằng kỹ thuật đúc đồng của nước ta vào thời kỳ văn hóa Phùng Nguyên và Đông Sơn được coi là rất cao. Không những kỹ thuật đúc đồng mà còn kể cả về kỹ thuật luyện kim cũng đã phát triển lắm rồi, như biết pha đồng với những tỷ lệ đồng với chì, thiếc. . . một cách chính xác và khoa học để thay đổi tính chất của kim loại. Những mũi tên đồng tìm được ở cổ thành Cổ Loa cũng là một thí dụ điển hình. *Trống đồng được phát triển cao độ ở thời các vua Hùng.*

Sự khác biệt niên đại của các trống đồng của ta, dù có niên đại lâu hơn so với những nước khác, nhưng cũng không nhiều lắm. Điều đó cũng dễ hiểu vì vào thời kỳ văn hóa Đông Sơn, thời văn hóa đồng-sắt, những phương tiện di chuyển đã khá tiến bộ nên việc trao đổi hàng hóa và kỹ thuật được nhanh hơn so với thời kỳ văn hóa Hòa Bình. Kỹ thuật về đồng thì ta tiến nhanh, nhưng kỹ thuật về sắt thì ta lại tiến chậm hơn nước Tàu rất nhiều.

Uyên hỏi:

- Cứ như anh nói, trống đồng ở nước ta có trước Trung Hoa à?

- Đúng như thế! Ngoài những nhà khảo cổ quốc tế, những nhà khảo cổ danh tiếng và chuyên nghiệp của Trung Hoa ngày nay cũng đã xác nhận như thế. Nếu Trung Hoa và ta có *đôi co* về trống đồng thuộc của *ai trước ai sau* thì Trung Hoa cũng chỉ dám so sánh giữa vùng văn hóa *miền nam Trung Hoa với ta* mà thôi. Như anh đã nói với Uyên, anh cần nhắc lại để Uyên nhớ thật rõ là người miền nam Trung Hoa ngày nay thuộc những chủng tộc Bách Việt xưa, mà các nhà khảo cổ học, nhân chủng học, ngôn ngữ học và di truyền học trên thế giới đã xác nhận những dân tộc Bách Việt *có nguồn gốc từ miền nam đi lên miền bắc trong thời kỳ biến tiến và đã mang theo nền văn hóa Hòa Bình của họ*. Họ ở lại sinh sống nơi định cư mới này.

Họ cũng đã từng bị người Hán dùng sức mạnh xâm chiếm đất đai của họ để thành lập một phần lớn lãnh thổ thuộc phía nam của nước Trung Hoa ngày nay. Ta cũng nên nhớ là những dân tộc Bách Việt có thời họ liên kết với nhau để trở thành những nước như Sở, Ngô, Việt hùng mạnh, đủ sức tranh giành Trung nguyên với người Hán. Người Hán thiện chiến hơn, chiếm đất người Bách Việt ở miền nam bằng quân sự. Tuy đã bị đồng hóa với người Hán nhưng người miền nam cũng đã ảnh hưởng ngược lên người Hán bằng chính văn hóa của mình, bằng nền *văn minh lúa nước* và *văn minh đồng* của mình một cách nhẹ nhàng.

Những người trong số chủng tộc Bách Việt bị xâm lăng, không chịu ở lại để sống trên đất Trung Hoa dưới sự cai trị của người Hán, họ rút về phía nam. Ngoài ra, trong số họ, cũng có những người muốn *hỏi cổ hương*, trở về nơi xưa chôn cũ trước thời biến tiến, để thành lập ra những quốc gia mới như ngày nay. Như Việt Nam của tộc Âu Lạc (Tây cổ) hay Lạc Việt (Mã Lai cổ); Miến Điện của tộc Tạng-Miến; Thái Lan và Lào của tộc Tây-Thái. . . vân vân.

Anh nhắc lại: sự tranh cãi của người Tàu với ta về trống đồng, họ cũng chỉ dám giới hạn trong phạm vi thuộc lãnh thổ xưa của những chủng tộc thuộc người miền nam Trung Hoa đã bị đồng hóa thành người Tàu bây giờ mà thôi, *chứ họ không thể đi xa hơn mà nhận trống đồng phát xuất từ giống dân Hoa Hán ở miền bắc Trung Hoa được*.

Tương tự, cũng như trong bao năm, người Tàu luôn tự hào về *nền văn hóa Ngưỡng Thiều* (Hà Nam) của họ ở phương bắc. Theo miệng lưỡi của một nước lớn, người Tàu luôn cho rằng nền văn minh của toàn cõi Trung Hoa, hay còn lan ra ở vùng Đông Nam Á Châu, đều được phát xuất từ nền văn hóa Ngưỡng Thiều của họ mà ra. Nhưng ngày nay, thế giới đã chứng minh là điều đó không phải như thế mà nền văn hóa này cũng lại là chính của người miền nam đi lên mang theo. Lại nữa, người ta chứng minh được rằng “người vượn Bắc kinh” không phải là người “già nhất” *so với những người sống trên đồng bằng Bắc Việt thuộc nền văn hóa Tiên Hòa Bình hay Tiên Sơn Vi*.

Uyên neho mắt nhìn tôi như còn có điều gì nghi ngờ, nằng hỏi:

- Thế, ... anh còn có điều gì để chứng minh cho rõ hơn về việc trống đồng của ta có trước trống đồng của người Trung Hoa nữa không?

- Có chứ! Đây nhé, cứ dựa vào sử liệu ta thấy được đôi điều:

Theo Hậu Hán Thư viết vào thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên, Mã Viện sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng đã tiêu diệt văn hóa ta bằng cách tịch thu hết trống đồng của dân Giao Chỉ, tượng trưng cho văn minh Việt tộc, để đúc thành ngựa chiến, tượng trưng cho văn minh Hán tộc, dâng lên vua Hán lập công. Và lấy trống đồng đúc “trụ đồng” đem chôn với một câu mà dân ta không bao giờ quên được mỗi cảm thù này, ấy là “Đông trụ chiết, Giao Chỉ diệt”, nghĩa là nếu trụ đồng này đổ thì dân Giao Chỉ phải diệt vong (Câu chuyện “Đông trụ” chỉ là truyền thuyết của ông cha ta đặt ra để đề cao tinh thần độc lập của dân tộc Việt).

Hậu Hán Thư cũng như các sách sử đời sau như Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh nói về trống đồng thường với giọng miệt thị cho là của giống man di mọi rợ.

Sứ giả nhà Nguyên là Trần Lương Trung khi sang Việt Nam đời Trần Nhân Tông (1291) đã làm bài thơ chép trong *Sứ Giao Châu Tập* nói đến chuyện chỉ nghe thấy tiếng trống đồng rộn rã của ta mà liên tưởng đến chuyện quân Nam đuổi đánh quân Nguyên (Mông Cổ) đã làm khiếp sợ đến đầu bạc trắng trong bài “Sứ hoàn cảm sự”, tức cảm tưởng đi sứ về.

“ . . . Kim qua ảnh lý đản tâm khô,
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh.
Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại,
Mộng hồi do giác chuông hồn kinh.

Dịch:

(. . . Qua ánh gương đao lòng thêm cay đắng,
Nghe tiếng trống đồng (ở Giao Chi) tóc càng bạc nhanh!
Mong được trở về thân mạnh khỏe,
Nhưng nằm mơ màng vẫn cứ hoảng sợ)

Sử sách Trung Hoa cổ xưa *chưa bao giờ* thừa nhận trống đồng là di sản của nòi Hoa Hán.

Trong văn chương, thi phú Trung Hoa ta thấy cũng không thiếu những câu thơ khẳng định trống đồng là của người Man tức người miền nam.

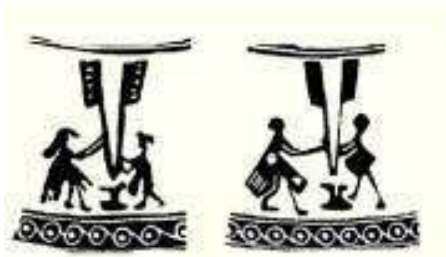
- Đỗ Mục

*Đằng các trung xuân ý tịch khai
Thác chi Man cổ ân tình lô*

Dịch:

Mùa Xuân trái chiếu gắm giữa gác Đằng
Qua lá cành, tiếng trống Man hòa trong tiếng sấm

- Trần Vũ (đời Đường) trong bài “Thành Hạ văn dĩ ca”:



*Thử dạ khả liên giang thượng nguyệt
Di ca đồng cổ bất thăng sầu*

Dịch:

Đêm nay trăng sáng trên sông
Trống đồng hát Rợ cho lòng buồn thương.

Tôi nói đến đây, Uyên liếc tôi một cái thật dài:

- Anh thuộc nhiều thơ quá há!



Hải điệu bay mừng khi thuyền về
(Thập Đạo Thịnh)

Tôi cười đáp:

- Anh không thuộc nhiều bài hát và hát hay bằng Uyên!

Uyên cười phá lên:

- Anh thật khéo nịnh “đằm” (đàn bà). Cái miệng này thì khỏi cô mê!

Tôi lắc đầu phân bua:

- Tới giờ này Uyên thấy bên cạnh anh đã có ai mê đâu?

Thì quay về phía tôi cười, nói nhanh:

- Khi nào em lớn em sẽ mê anh. Chịu không?

Tôi hỏi vọng theo Thi khi nàng vừa chuẩn bị rướn người lên đạp phóng xe đi:

- Khi nào thì em mới lớn?

Thì phóng xe lên trên một quãng ngắn quay lại nói lớn:

- Khi nào em “già” cơ!

Nói xong câu ấy Thi cười to rồi phóng xe lên nhanh hơn để vượt lên trên thêm một quãng nữa rồi mới từ từ đi chậm lại đợi chúng tôi. Tôi và Uyên cùng cười phá lên, tiếng cười vang xa trong đồng vắng. Chúng tôi lại im lặng đạp xe bên nhau. Gió chiều mát quá. Đồng ruộng cũng êm ả quá.

Tôi thấy câu chuyện về trồng đồng như đang còn bỏ dở nên muốn nói thêm một vài điều với Uyên:

- Để anh nói tiếp thêm vài điều về câu chuyện trồng đồng cho Uyên nghe nhé!

Uyên nhìn tôi với ánh mắt biết ơn:

- Vâng, anh nói tiếp cho em nghe đi!

Tôi tiếp:

- Vào thời tiền sử, vì chưa có chữ viết nên người xưa đã thường gửi gắm cho hậu thế những nhắn gửi về sinh hoạt kinh tế, văn hóa, tư tưởng của thời đại mình đang sống qua nhiều phương tiện khác nhau, mà một trong những phương tiện đó phải kể đến là những hoa văn trên mặt trống đồng hay trên “thạp đồng”. Ngày nay các nhà văn hóa nước ta và thế giới tin là đã *giải mã* được một đôi phần những hoa văn ấy ở mức độ khả tín khá cao.

Những điều giải mã được, anh chỉ có thể tóm tắt một vài điều chính ở đây thôi đấy nhé, như:

Văn hóa đồng

Biết đúc đồng đến mức tinh vi qua những hoa văn chìm nổi với kỹ thuật luyện kim như pha đồng với chì và thiếc, biết dùng nỏ với mũi tên đồng đúc, dùng mũi tên độc, chế vũ khí dài (cây qua) có thể tấn công địch ở khoảng cách xa hơn vũ khí thường dùng thời bấy giờ. Sau người Hán biết khai thác vũ khí này để đi chinh phục các nước khác.

Văn minh lúa nước

Biết trồng lúa nước cách đây hàng chục nghìn năm. Vì có văn hóa lúa nước nên dân đã biết sống định canh, tạo nên đời sống tập thể, xây dựng xóm làng. Cũng vì định canh nên biết phát triển về trồng ngũ cốc, đào mương dẫn nước, trị thủy như hệ thống đê điều có từ thời Hùng Vương, thuần hóa trâu và gia súc, tiên đoán thời tiết. Vì biết xây dựng làng xóm nên có luật lệ chung, biết tục gả cưới, mai táng, thờ cúng ông bà, cầu tự.

Văn minh biển, sông nước

Biết đóng thuyền dài, biết xâm mình, thủy táng, giỏi về thủy chiến.

Lễ hội

Hội mừng được mùa màng, hội xuân, đua thuyền.

Kiến trúc.

Biết làm nhà sàn và nhà hội.

Y phục.

Biết búi tóc, cắt tóc ngắn, quần ngắn cho đàn ông và váy cho đàn bà tức là đã có kỹ thuật dệt vải, nhuộm màu.

Tín ngưỡng.

Biết thờ vật tổ, thờ thần mặt Trời như hình vẽ trên các mặt trống đồng, thờ linh vật như rồng, rắn, chim. . .

Về mặt tư tưởng

Biết luật cân đối, đối xứng, chẵn lẻ và kỷ hà trong nghệ thuật qua những hoa văn trên mặt trống và tang trống (bên hông). Biết luật âm dương và có thể điểm này đã là căn bản cho Kinh dịch, nó thể hiện nét căn bản tư duy của triết lý Đông phương. Tin vào luân hồi và thế giới bên kia. Các hoa văn được chuyển dịch ngược chiều kim đồng hồ tức theo sự vận chuyển của mặt trời.

Uyên hỏi tôi:

- Thế ra văn hóa Việt Nam ta cao và khác hơn văn hóa của người Trung Hoa sao?

Tôi đáp:

- Nói hay hơn hay cao hơn thì anh không dám nói, nhưng anh muốn chứng minh với Uyên một điều là dân tộc ta có một nền văn hóa bản địa hoàn toàn Việt Nam. Nếu ta có hòa nhập với văn hóa Trung Hoa sau một nghìn năm bị đô hộ thì cũng chỉ là sự hội nhập bình thường như sự hội nhập với nhiều nền văn hóa khác trên thế giới mà thôi, chứ không nhất thiết chúng ta đã bỏ đi hẳn cái của ta mà theo hoàn toàn cái của người khác. Văn hóa ta đứng vững thì dân tộc ta trường tồn. *Văn hoá lúa nước* và *văn hoá trống đồng* là hai nền *văn hóa sáng ngời* của người Việt Nam chúng ta nói riêng và của nhân loại nói chung.

Uyên hỏi tiếp:

- Trong sử Việt Nam, em thấy vài nhà viết sử cận đại của ta viết là 2 quan Thái thú Sĩ Nhiếp và Nhâm Diên đã dạy dân ta biết trồng lúa, tục cưới hỏi và những tập tục khác. Họ coi đó như là sự khai hóa của người Trung Hoa cho dân mình, cho một dân tộc thiểu số bán khai man rợ, mọi rợ ở phía nam cơ mà?

Tôi trả lời:

- Đây là một vấn đề chúng ta cần phải xem xét lại. Những sử sách của chúng ta bị thất lạc, bị người Tàu đốt đi, hay bị phá bỏ bởi chính giữa những triều đại của chúng ta với nhau. Với một nghìn năm bị đô hộ, đặc biệt thời giặc Minh, chỉ trong hơn 20 năm chiếm đóng, trong 10 năm đầu chúng đã tiêu huỷ gần như toàn bộ những sách vở của ta. Những sử của ta viết sau này, đặc biệt là thời gian *cổ sử*, phần lớn phải dựa vào sử sách của người Tàu, một dân tộc luôn luôn có óc bành trướng và đã từng miệt thị dân ta. Nếu ta chỉ dựa vào một nguồn tài liệu duy nhất như thế và thiếu sự phán đoán sâu sắc của người viết sử, thì quả thật, đấy là một di hại không nhỏ cho con cháu sau này. Anh cũng không đồng ý với một vài sử gia ta ngày nay, đã coi triều đại Triệu Đà của xứ Nam Việt như là một triều đại của Việt Nam. Triệu Đà là người Hán, kinh đô nước Nam Việt của Triệu Đà lại không nằm trên lãnh thổ Việt Nam, quan lại trong triều đều là người Hán. Đất nước ta lúc đó chỉ còn là quận huyện thuộc hệ thống cai trị của tập đoàn ly khai Hoa Hán này xâm lăng từ phương Bắc tới mà thôi. Cũng có thể những nhà viết sử này muốn mọi người có ý niệm là lãnh thổ chúng ta trước đây gồm cả đất đai của triều đại Triệu Đà và mong sao con cháu ta giành đòi lại (?!).

Chẳng bao lâu chúng tôi đã vào thành phố Hà Nội, câu chuyện không thể kéo dài thêm vì xe cộ trên phố đã trở nên đông đúc. Tôi hứa với Uyên và Thi là tôi sẽ trở lại vấn đề trống đồng này và văn hóa Phùng Nguyên khi có dịp đi thăm Đền Hùng, nơi thờ những vị Tổ Hùng Vương đã có công xây dựng nên đất nước thân yêu cho chúng ta.

Chúng tôi về tới nhà thì trời đã chạng vạng tối.

Uyên và Thi nhanh nhẹn chuẩn bị cho bữa ăn tối với những món ăn đã được chuẩn bị nấu nướng từ hôm qua. Còn tôi về phòng thay quần áo, rửa mặt, ngả lưng nghỉ ngơi một lát rồi trở xuống phòng Thi để cùng ăn cơm. Những câu chuyện vui lại nổ ran. Tiếng cười của Thi vẫn rộn rã hơn cả.

Những nét ngây thơ nhí nhảnh và hồn nhiên của Thi đã trở về với nàng sau bữa cơm. Chúng tôi ngồi ôn lại vài điều thú vị trong chuyến đi chơi hôm nay. Và vì vui câu chuyện nên quên cả thời gian cho tới khi chúng tôi cùng nhận ra ánh sáng trắng đã rọi qua khung cửa sổ lọt vào phòng nơi chúng tôi đang ngồi trò chuyện.

Mấy chiếc bánh gai Thi mua ở cổng thành Cổ Loa được bung ra sân với khay nước chè mạn. Chúng tôi ngồi ăn bánh uống nước chè và nghe Uyên hát. Tiếng đàn trầm bổng của Uyên với lời ca ngọt dịu, tình tứ của bản “Đur âm” mà tôi yêu cầu nàng hát tối qua nhưng đã bị từ chối. Uyên nay tự động hát bài này như ngầm ý thay cho một lời cảm ơn tôi đã đưa nàng đi chơi Cổ Loa.

Nhìn Thi một cách kín đáo, tôi se sẽ hát theo: “*Anh muốn thành mây, nương nhờ làn gió, đưa anh tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên nàng.*” Thi cũng thoáng liếc nhìn tôi một cách kín đáo tương tự rồi cúi xuống mỉm cười.

Để đáp lễ, tôi yêu cầu Uyên đệm đàn để tôi hát bài “Nỗi lòng” của Nguyễn Văn Khánh. Tôi cất tiếng hát: “*Yêu ai yêu cả một đời. . . vì yêu ai mà lòng hằng nhớ. . .*” Tôi muốn gửi đến Thi tất cả nỗi lòng thầm kín của mình, nên xuất thần, tôi cũng tự cảm thấy mình đang hát thật hay.

Tôi vừa chấm dứt, cả Thi lẫn Uyên đứng lên vỗ tay. Thi cứ nhảy lên vỗ tay như chưa bao giờ được nghe ai hát hay như thế. Thi rộn rã nói:

- Anh hát hay như thế mà em không biết. Anh dấu em nhé!

Thi cứ luẩn quẩn bên tôi tấm tắc khen như đang được chiêm ngưỡng hay được bắt tay một nghệ sĩ nổi tiếng.

Uyên thì dịu dàng hơn nhưng không dấu được sự xúc động trong câu khen:

- Anh hát hay quá! Hay đến độ em không ngờ!

Tôi chỉ còn biết ngồi cười trừ.

Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Cuộc đi chơi nào cũng phải chấm dứt. Uyên phải trở về thị xã Sơn Tây ngày mai để tiếp tục chương trình thực tập giáo sinh của mình.

Trước khi vào nhà, Uyên đứng lặng nhìn tôi nói nhẹ:

- Em cảm ơn anh. Em mong lại được anh đưa đi chơi để được vừa ngắm cảnh vừa được học hỏi nơi anh. Ngày mai em trở về Sơn Tây. Chúc anh có nhiều sức khỏe.

Tôi lại đặt một bàn tay lên trước ngực, cúi rạp mình trước mặt Uyên nói đùa:

- Hân hạnh! Và rất hân hạnh!

Uyên lại đánh vào cánh tay tôi, cười:

- Lúc nào anh cũng chỉ muốn trêu em!

Uyên bỏ vào nhà, mặc Thi còn đứng lại. Tôi nói với Thi:

- Chúc em ngủ ngon, hay ăn chóng lớn! Và chóng “già”!

Thi hiểu ý tôi muốn nhắc lại câu nói của nàng lúc ban chiều: *Khi nào lớn em sẽ mê anh.* Nàng nhõng nhõng “không” một tiếng nhẹ mà vẫn giữ má phồng to, lắc lắc đầu rồi quay bỏ đi. Đi được vài bước nàng quay lại và ra lệnh cho tôi với cái giọng ngang hàng:

- Ngày mai đi học nhớ gọi em đấy!

- Ừ!

Tôi đi về phía cuối sân, dùng hai tay nắm lấy hai tay vịn cầu thang lộ thiên đu người lên như Tarzan, và chỉ mấy bước là tôi đã phóng tới cửa phòng trên gác. Tôi nhìn xuống sân, Thi vẫn đứng đó vẫy tay chào tôi rồi mới vào phòng. Tôi mỉm cười.

Ngày vui qua mau! ■

Nguyễn Giò Hùng

Tham khảo:

- Theo Dòng Lịch Sử - Trần Quốc Vượng (NXB Văn Hóa-1996)
- Nghìn Xưa Văn Hiến - Trần Quốc Vượng (NXB Hà Nội-2000)
- Tài liệu video về Cổ Loa - Nguyễn Nhã
- Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam - Cung Đình Thanh (NXB Tư Tưởng-2003-Úc Châu)
- Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc - Will Durant (do Nguyễn Hiến Lê dịch)
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim (Sử gia)
- Tạp chí Tư Tưởng (ấn bản ở Úc Châu)
- *Những hình ảnh* trong bài viết được lấy từ: do người viết (NGH) chụp (có dấu *), hoặc từ Internet và “card postal”



Mời nghe

[Bèo Giat Mây Trôi](#)

<https://www.youtube.com/watch?v=LBxXWnl0ocM&list=RDMM&index=1>

[Ca trù: Tây Hồ Hoài Cổ](#)

<https://www.youtube.com/watch?v=wpnlG--lgqA>

Ngựa ba chân và gà ba chân

Nguyễn-Lê-Hiếu

I- Ngựa ba chân

Phong-trào về nguồn ôn-cổ tri-tân

Vào hai thập-niên bán-lẽ 1930-40, trong xã-hội ta dấy lên một phong-trào trở về nguồn; thể-hệ trước phải thỏa-hiệp với phương Tây, gọi là duy-tân mà chính là theo Âu-tây, sinh ra một thể-hệ mới hoàn-toàn đào-tạo theo khuôn-khó Pháp-Việt hay Pháp-mẫu-quốc. Những người ưu-tư đặt vấn-đề giáo-dục và đào-tạo thể-hệ nối-tiếp dung-hòa Âu-Á hay Đông-Tây; Nam-Phong có phần chữ Hán bên phần Quốc-ngữ, những tiểu-thuyết mô-tả môi xung-đột tân-cổ, một số tác-giả viết về chủ-đề về nguồn, một số viết tiểu-thuyết lịch-sử. Dẫn-dã, ba nhóm tư-tưởng thành-hình: *Thanh-ngự* muốn phổ-biến cái hay mới từ Âu-tây, nhóm *Tri-tân* mong ôn-cổ truy-tầm cái hay cổ-truyền, và nhóm tiến-bộ nhắm thực-hiện một cái đặc-thù của ta, lấy hiệu là nhóm *Hàn-Thuyền*. Thể-hệ chúng tôi, sinh-trưởng và lớn-lên trong khoảng mấy thập-niên đó có cái may lớn là được hấp-thụ nền giáo-dục đa-dạng, đọc Nam-phong, mê Tự-lực, học Việt-Nam sử-lược, truyền tay cuốn Nam-hải dị-nhân. Có một cuốn nhiều giai-thoại văn-học sử-ký là cuốn *Việt-Hoa thông-sử sử-lược* của Sông-Bằng Bể-Lăng-Ngoạn biên-soạn và Văn-Hạc Lê-Văn-Hoè san-nhuận và xuất-bản năm 1943. Cuốn sách có câu chuyện *Ngựa ba chân* (trang 150 – mà chúng tôi đã nhắc đến trong bài *Lang-bang về Ngôn-ngữ*).

Truyện Trịnh-Thiết-Trường và ngựa ba chân

Truyện tóm-tắt kể rằng *Niên-hiệu Thái-Hòa (1443 -1453) đời Lê-Nhân-Tông (1443 - 1459), Trưng-nguyên Nguyễn-Trực và Bàng-nhân Trịnh-Thiết-Trường sang sứ Trung- Quốc. Gặp kỳ thi, hai vị đó cùng xin ứng-cử.*

Thiết-Trường báo Trực rằng văn mình tuy là bàng-nhân nhưng mạnh hơn văn trọng Trực; bây-giờ vì thể-diện quốc-gia, sẽ không tranh tài mà hạ Trực. Thế là trong bài văn của Trịnh-Thiết-Trường có câu "Bắc chi mã", Thiết Trường liền viết chữ "mã" có ba nét chấm, ý chế ngựa Trung-quốc khắp-khẽnh. Bởi vậy, văn Thiết-Trường tuy hay nhưng người Trung-quốc lấy Thiết-Trường đồ Bàng-nhân mà Nguyễn-Trực đồ Trưng-nguyên.

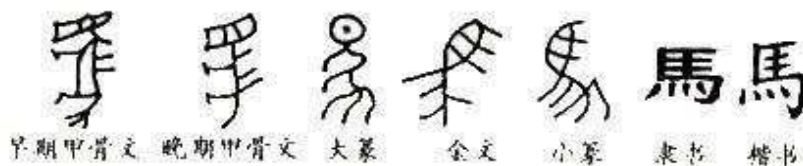
Người Trung-quốc cảm-tức chữ "Bắc mã" là ngựa Tàu mà chỉ có ba chấm, tức ngựa khắp-khẽnh có ba chân, nên khi tiền sử Việt Nam về nước, họ đem con ngựa buộc một chân lại để Trịnh-Thiết-Trường cười. Trịnh-Thiết-Trường mới làm một cái chân giả bằng gỗ buộc vào chân ngựa nên ngựa-ba-chân mà vẫn đi được! Thấy thế Trung-quốc chịu Trịnh-Thiết-Trường ứng-biến giới bên thảo-côi chân ngựa cho đi về.



Hỏi nhỏ, tôi đọc sách của Bể-Lăng-Ngoạn thì câu chuyện chỉ có vậy nhưng sau này, báo-chí ở nước nhà gửi thêm những "hậu-giai-thoại" như là vua Thái-tông hứa nếu thi đỗ đệ-nhất-cấp sẽ gả công-chúa lúc đó mới !!

tuổi cho Thiết-Trường. 6 năm sau,, khi đỗ Bảng-nhân thì ở tuổi 70 nên Thiết-Trường xin thoái-thác nhưng vua mới, Nhân-tông ép phải theo lời dặn của tiên-vương, rồi cho cưới công-chúa.

Chữ mã qua các giai-đoạn tượng-hình dẫn đến chữ cận-đại có bốn chấ bốn chân



Giai-thoại hay lại có về thực

Lê-Quý-Đôn trong cuốn *Kiến-văn-tiểu-lục*, (Phạm-Trọng-Điễm phiên-dịch và chú-thích, nxb Văn-hóa Thông-tin, 2007) quyển 12 Tùng-đàm (tr.527-8) có nhắc đến câu chuyện này nhưng ngay sau đó, có lời bàn rằng: “*Câu truyền-thuyết này rất là vô-lý đáng chê cười.*”

Một số chi-tiết có dáng thực. *Danh-sách Các vị Trưng-nguyên, Bành-nhân, Thám-hoa* do Trần-Hồng-Đức ghi lại (nxb Văn-hóa Thông-tin, Hà-nội, 1999) có ghi tên trạng-nguyên Nguyễn-Trực, 1442, đời Lê-Thái-Tông, (tr.39); Khi Nguyễn-Trực đỗ trạng-nguyên thì Trịnh-Thiết-Trường đỗ đồng-tiến-sỹ, tức là đệ-tam-giáp; Thiết-Tường chê, không nhận tước-vị, trở về học thêm, đến khóa thi sau, 1448, đời Lê-Nhân-Tông, thi lại, đậu đệ-nhất-giáp, hạng nhì tức là Bảng-nhân (sđd, tr. 41). Cuối đời Nhân-tông, năm 1457, Thiết-Trường làm phó-sứ đi Trung-quốc.

Thực hư?

Lại cũng có vài chi-tiết không ăn khớp. Bê-Lãng-Ngoạn ghi là Nguyễn-Trực đi sứ năm 1445 tức là hai năm sau khi đỗ trạng-nguyên; lúc đó, Thiết-Tường chưa thi lại, chưa đỗ Bảng-nhân; vậy không có chuyện hai người đi sứ cùng một lượt; lại không có chuyện bàn-bạc nói rằng văn bảng-nhân hơn văn trạng-nguyên. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, (kỷ nhà Lê, Nhân-tông) ghi Thiết-Tường làm phó-sứ, không phải cho Nguyễn-Trực mà cho Lê-Hy-Cát vào năm 1457 (niên-hiệu Diên-ninh, giai-đoạn trưởng-thành của Nhân-tông, sau khi thái-hậu thôi nhiếp-chính và trao-trả quyền lại cho vua con).

Lại có thuyết ghi là thấy ông không ưng-ý với thành-quả đỗ đồng-tiến-sỹ (đệ-tam-giáp) nên tính thi lại để vào đệ-nhất-giáp tam nguyên, vua Thái Tông khen mà phán rằng: “*Quả là người có chí, nếu khoa sau đỗ vào hàng Tam khô, ta sẽ đem công chúa năm nay mới 11 tuổi gả cho!*” Khi Thiết-Tường đỗ bảng-nhân thì Thái-tông đã mất, ông tâu với vua con là Nhân-tông rằng: “*Đội ơn bệ hạ, nhưng công chúa mới tròn 17, thân đã 70 tuổi, thật không xứng. Xin bệ hạ rút lại lời vàng.*” (<https://giaoducthudo.giaoducthoidai.vn/bang-nhan-viet-nam-ky-1-khong-cam-long-de-tam-quyet-chi-danh-de-nhat..>); cũng là theo *Đại-Nam nhất thống chí, q.17, tỉnh Thanh-Hóa, tập hạ* (tr.101), do Á-Nam Trần-Tuân-Khải phiên-dịch, nxb Nha Văn-hóa Bộ QGGD, 1960.

Bê-Lãng-Nguyên ghi là năm 1442, trạng-nguyên Nguyễn-Trực 26 tuổi và Thiết-Trường, 25 tuổi; vậy sáu năm sau, khi đỗ bảng-nhân, mới 31 chứ không phải 70 tuổi. Lại nói vua Thái-tông hứa gả con gái 11 tuổi nếu thi lại mà đỗ đệ-nhất-giáp; nhưng vua Thái-tông, lúc băng ở vườn vải Lê-Chi của Nguyễn-Trãi và Thị-Lộ, có bốn con trai do bốn bà vợ, mấy con trai đều ẵm bế trên tay vì vua mới có 19 tuổi, vậy không thể có con gái 11 tuổi! Lại khi đỗ bảng-nhân, truyền-thuyết là vua mới ép lấy công-chúa sau thành phò-mã nhưng Nhân-tông lên ngôi lúc 2 tuổi, khi gặp Thiết-Trường thì vua mới 4 tuổi, thái-hậu nhiếp-chính, không có công-chúa nào để có thể làm cho

Thiết-Trương thành phò-mã! Lại nữa, nếu đỗ 70 tuổi, thì mười năm sau, năm 1457, lúc đi sứ đó đã gần 80 tuổi, nghe có vẻ không thực-tế vào thời-điểm đó.

Giai-thoại

Chúng ta biết là giai-thoại là chuyện hay ý đẹp, có vẻ như thực nhưng không nhất thiết là thực. Vậy ở đây, cái hay chữ-nghĩa là chữ mã có bốn chấm bị phá-phách còn có ba để trêu-chọc Trung-quốc. Giai-thoại cũng nói lên mối giao-hảo giữa hai nước, một lớn một nhỏ khiến cho sứ-thần nước ta thường phải là người có tài ứng-biến, đối-đáp sao cho giữ được quốc-thể mà cũng không làm hỏng việc lớn là bang-giao.

(Từ mã nghĩa là ngựa, nói lên thành tiếng [mã], viết ký-hiệu tượng-hình như 馬 là đơn-vị ngôn-ngữ. Nếu bỏ đi một chấm, thành một ký-hiệu vô-nghĩa, không có cách đọc, không còn là đơn-vị ngôn-ngữ.)

II- Gà ba chân

Phan-Khôi

Mấy thập-niên giữa thế-kỳ 20 ở nước ta lại có hiện-tượng gà-ba-chân. Đó là tên-hiệu mà một số người quy-chụp cho Phan-Khôi, một nhân-vật đặc-biệt thời đó. Năm 19 tuổi, đi thi hương, không đậu cử-nhân, chỉ được tú-tài, Phan-Khôi âm-ức khóc (như kể trong truyện ngắn *Ông Năm-Chuột*). Quay sang học quốc-ngữ và Pháp-ngữ, ra Hà-nội viết cho báo *Nam-Phong*, phụ-trách mục *Nam-âm thi-thoại* trong một thời-gian ngắn; rồi bỏ vào Sài-gòn viết cho tờ *Lục-tỉnh tân-văn*; trở lại ra Hà-nội viết cho tạp-chí *Hữu-Thanh*; dịch *Thánh-kinh Ky-tô-giáo* (bản Tin-lành); rồi lại



vào trong Nam, sau cộng-tác với các tờ báo lớn *Thần-chung*, *Đông-pháp thời-báo* và *Đông-Tây tuần-báo*; rồi làm chủ-bút tuần-báo *Phụ-nữ tân-văn* được bốn năm thì báo bị đóng cửa; lại ra bắc làm chủ bút cho *Phụ-nữ thời-đàm*. Nghiệp làm báo có phận long-đông nhưng những chuyện ông gây ra bàn-cãi thì rất sôi-nổi. Ông đề-cao phụ-nữ và vai trò quan-trọng của họ trong gia-đình và xã-hội, thông tin chị em đấm thanh-lâu trên một trăm năm chục cô biểu-tình đình-công, *rủ nhau đem trả giấy phép làm đi lại cho sở Đốc lý lấy cớ rằng thuế cao quá, làm không đủ tiền mà nộp, xin từ chức hết thảy. Họ lại thanh ngôn rằng sẽ làm reo, không tiếp khách nữa, kỳ chodến khi nào chánh phủ hạ thuế xuống*; rồi làm thơ tức-sự... *Gấp năm lần thuế, tiền đâu quá, Chơi chục đồng đêm, khách vắng teo.* (Thông-tin từ nhà nghiên-cứu Lại-Nguyên-Ân). Ông lại viết *thâu oan cho Võ-hậu* (Võ-Tắc-Thiên) bị chụp cho tội *phá-hoại kỹ-cương xã-hội*. Bài này không nhằm giới-thiệu nhân-vật Phan-Khôi và các vụ tranh-cãi thời đó, nhưng chính là kể đến cái lý-do tại sao Phan-Khôi lại gây sóng-gió trên văn-đàn và trong nhóm người cầm bút đọc-báo trong mấy thập-niên đương-thời, để rồi được hay bị gán-ghép cái hiệu gà-ba-chân.

Lý-đoán, luận-lý-học hay Logique

Hồi 1936, nhân bàn về đạo-giáo, Phạm-Quỳnh có phát-biểu, đại-khái *các nhà truyền-giáo biện-luận giỏi, khó bắt-bẻ được là tại vì họ có khoa lý-đoán*. Phan-Khôi thắc-mắc hỏi lý-đoán là gì thì Phạm-Quỳnh chỉ nói được: “*Lý-đoán là...lý-đoán*”. (Phan-thị-Mỹ-Khanh: *Nhớ cha tôi*, tr.116-8) Bà Mỹ-Khanh viết tiếp rằng “*Tính cha tôi cái gì cũng rạch-ròi, rõ-ràng nên khi nghe vậy, ông biết rằng “lý-đoán” có lợi, nên ông lục tìm trong các sách. Té ra cái lý-đoán đó chính là khoa luận-lý-học (logique) trong Triết-học của tây-phương.*” Rồi từ đó, Phan-Khôi áp-dụng luận-lý-học vào mọi sinh-hoạt, luôn luôn mang lý-luận vào trong nhiều cuộc tranh-luận thời đó nên bị một số người đương-thời chế-riễu là gàn-gàn-dở-dở như gà-ba-chân. Cũng có những vụ tranh-cãi lớn—mà chúng tôi chỉ nhắc qua—nhưng cũng có những vụ vô-bổ như việc Phan-Khôi trách Nguyễn-Văn-Sắt (tác-giả *Nghĩa-hiệp kỳ-duyên*) và Đặng-Thúc-Liêng (nhà báo, tác-giả tuồng *Gia-long tẩu quốc*) viết sai tên mình đáng lẽ phải là Sắt và Liêng, đôi co mãi cho đến khi có người chia khai-sinh và số gia-bạ ra, ghi đúng tên Sắt và Liêng thì chuyện mới yên (Phan Thị Mỹ-Khanh, sđd, tr.185-6)

Ngôn-ngữ

Phan-Khôi áp-dụng luận-lý-học vào văn-chương đã đành nhưng lại còn mang vào cả ngôn-ngữ-học. Trong khi các đệ-tử của ông thầy ngữ-học Saussure bên trời Tây còn loay-hoay với tập bài học thầy để lại thì ông *Gà-ba-chân* mang ra áp-dụng vào Kiều; nhưng chẳng bàn về cốt truyện, hay lời văn bóng-bẩy, hay điển-tích phong-phú, hay đạo-lý thâm-sâu. Ông mang lý-luận ra phân-tích cách dùng từ ngữ, khi nào nói *những*, khi nào dùng *các*, và khi nào lại viết *mấy* trong bài *Cách đặt quán-từ* in trên tờ *Phụ-nữ tân-văn* vào năm 1930. Ông dùng từ quán-từ theo cách dịch của Đào-Duy-Anh theo qua tiếng Hán. Chờ dăm bảy năm sau, nhóm Trần-Trọng-Kim và Phạm-Duy-Khiêm không dùng quán-từ mà gọi là mạo-tự.

Phan-Khôi mở-xé ba từ *những*, *các* và *mấy*, ba từ chỉ số nhiều nhưng khác nhau trong công-dụng. Ông dẫn Kiều: *Trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau-đớn lòng rồi Tú-bà với Mã-gám-sinh, các tên tội ấy đáng tình còn sao*; nhưng ở đoạn khác lại viết *Mấy người bạc ác tình ma, mình làm mình chịu kêu mà ai thương*. Ông viết: *Tôi làm sự nghiên-cứu ấy theo phương-pháp quy-nạp rồi dần-dà dẫn đến kết-luận, những dùng để trên danh-từ số nhiều mà không nhất định, không đếm được, không thấy được, không chỉ ra được còn các dùng ở trước một số nhiều nhất định (déterminé); và còn mấy có ý chỉ một phần trong số nhiều (partitif).*

Ở đây và ngày hôm nay, chúng tôi không bàn đến việc đúng sai, mà thú-thực, với chút biết lóm, không đủ hiểu-biết để mà định được phải trái, sai đúng. Chỉ muốn ghi lại rằng gần một thế-kỷ trước, có ông Tú-tài cổ-học, chuyên sang tân-học và Pháp-văn, đã mang cái môn luận-lý áp-dụng vào mọi việc, nâng các cuộc tranh-luận hay suy-luận lên cấp cao, đi trước thời-thế nên “bị chê” là gàn như gà-ba-chân. Cái mũ-chụp đó coi như là một bảng danh-dự.

■

Nguyễn Lê Hiếu

Kỷ Niệm Ngày Về Trường Xưa - 05/12/2004

Kim Oanh

Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập trường Trung học Tổng Phước Hiệp, Vĩnh Long. (2/2/1949 - 2/12/2004)



(Kim Oanh - Nga)

Tôi về một sáng sớm mai, gót hài nhẹ bước chờ ai cùng về, mắt tôi sao bỗng cay cay. Ô hay! giọt lệ vương buồn hay vui?.

Công trường huyền ảo tiếng cười, hai bên lối bước vào trường, một chút gì nhớ nhớ thương, dường như một chút tơ vương thuở nào! Học sinh áo trắng đón chào, hai tay em vẫy muôn màu sắc bay.

Năm mươi lăm năm kỷ niệm dài, từ ngày thành lập đến nay, bao mùa mưa nắng sắc phai, có ai biết được đổi thay rất nhiều? Bao nhiêu thế hệ đã qua, nhưng tình nghĩa cũ chan hòa thương yêu.

Tổng Phước Hiệp, trường xưa tôi đó, một thời cho tôi sống và mơ, cho tôi trọn một tuổi thơ hiền hòa. Bao năm tôi đã đi xa, tìm tôi vẫn một quê nhà nhớ nhung! Tùng ...tùng ... tiếng trống ra chơi, giờ đây lòng những rối bời làm sao!

Xa quê tôi vẫn nhớ trường, nhớ người xưa ấy còn vương cuối đường. Gia Long sáng nắng chiều mưa, nhưng không vắng bóng người đưa đón người...Nụ cười khép nhẹ bờ môi. Người ơi! một góc tim tôi có người.

Trường tôi đó, ngày nay tên mới, nhưng cây xanh lá vẫn vẫy quanh. điểm thêm một chút nắng hanh hanh vàng. Giờ đây trường vẫn khang trang một thời. Phượng buồn vài cánh hoa rơi, tôi nghe thương nhớ về khơi nỗi lòng.

Hoa ơi! có nhớ tôi không? Lá ơi! có biết nỗi lòng tôi mong. Người ơi! Người có về không? Thầy ơi! Thầy biết em trông thầy về. Cô ơi! Cô có về đây? Bạn ơi! Bạn đã xa bay phương nào? Một đời tôi vẫn khát khao, tìm tôi vẫn mãi dạt dào nhớ mong...Xa trường người có về không? Để cùng nhau kể chuyện lòng ngày xưa, ngày xưa trong một cơn mưa, có hai mái tóc xanh vừa bâng khuâng!

Thư viện đó, những sách đầy vết tích, từng dấu tay mở những trang thơ.Vần thơ dang dở hôm nào, giờ đây chợt nhớ cũng nao nao lòng. Ai còn đó xếp vần hộ nhé! Để tơ lòng vương vấn chiều mưa. Giọt mưa ướt tóc ai bay, tóc nay vẫn thế nhưng phai sắc màu. Xa nhau nhưng vẫn nhớ nhau, nhớ nhau mới hiểu niềm đau ngậm ngùi

Phòng Khánh Tiết những mùa Xuân Hạ, nơi cho tôi những nụ cười hoa, những đêm trăng sáng Thu sang, lời ca tiếng trống tiếng đàn ngân vang. Nhưng tôi chợt biết phòng xưa không còn.

Phòng sinh ngữ, những âm thanh tiếng nói, những ngôn từ không là tiếng mẹ trong nôi, nơi đây vẫn mãi không rời chúng tôi.

Về lớp cũ ngày nao yêu dấu, chợt ngậm ngùi bóng dáng người xưa, người xưa của một cơn mưa, của ba mươi năm trước vẫn chưa nhạt nhòa. Nơi góc nhỏ người nhìn tôi lặng lẽ, đôi mắt người khe khẽ niềm vui, riêng tôi thoáng một bụi ngùi vì trông mắt ấy đôi lời trách tôi.

Ra đi lòng những rối bời, chia tay chẳng nói một lời cùng nhau. Người ơi! Người biết tôi đau, xa nhau với những thương đau ngập hồn? Ra đi tôi chẳng nói chi, vì tôi không muốn chia ly người buồn.Thà tôi ôm mối tơ vương, còn hơn để một đau thương cho người. Ra đi biết có ngày về? Nhưng tôi không muốn tái tê lòng người...Xin người giây phút này thôi, để nghe lòng ấm...bồi hồi nhìn nhau, trao nhau những kỷ niệm đầu, nhắc nhau những phút ban đầu thơ ngây...



(Hành Lang nói hai dãy lớp)

Chúng ta ngày ấy một thời, hành lang kỷ niệm những giờ ra chơi, nơi góc nhỏ có đôi mắt biếc, những thẹn thùng những liếc mắt tinh anh, giả vờ hay nói loanh quanh. Nhưng tim thổn thức thư tình người trao, chào nhau mà chẳng dám chào, nhưng lòng thì đã trao nhau mất rồi, đôi lòng thì đã bồi hồi nhưng vờ chẳng biết để rồi mất nhau. Mất nhau mới hiểu vì sao ...vì sao không nói lạc nhau cả đời...

Thuở học trò đẹp như trang vở, em một lần bỏ ngõ từng trang. Anh thần thờ nhẹ bước lang thang, từng dòng mực tím ngồn ngang, anh thì viết vội em chưa kẻ dòng, tình ngày ấy trắng như trang vở, thật nhẹ nhàng và thật tinh khôi.

Ba mươi năm trôi qua em trở lại trường, người thương còn đó mái trường rêu phong. Em về vào một ngày đông, chợt nghe một chút sóng trong lòng. Và cả một trời hồng giữa đêm đông! ■

Vĩnh Long 05/12/2004

Lê Thị Kim Oanh

Niên khoá 1969-1976

(Viết cho Đặc San Hội Ái Hữu CHS Tổng Phước Hiệp, Cali 2006)

Những Điều Chưa Nói

Yên Sơn



Hững ngày chớm thu ở Houston khí trời mát dịu hẳn ra. Mùa hạ cháy bỏng đã thực sự đi qua, trả lại sự dễ chịu cho con người và những sắc màu tươi thắm cho cây cỏ. Tiếng phong linh diu dặt nghe như những hồi chuông giáo đường, đôi khi dồn dập, đôi khi rời rạc ở sân vườn sau. Phong cầm tách cà phê bước ra ngoài cùng với gói thuốc trên tay.

Không biết đã bao nhiêu lần rồi Phong tự hứa với mình, hoặc hứa với vợ là sẽ bỏ hút thuốc. Thực sự việc hút thuốc của chàng chỉ là một thói quen nhiều hơn là ghiền vì chất nicotine. Nếu phải bận bịu với công việc, Phong có thể không hút thuốc cả tuần cũng được cơ mà. .

Thế nhưng, khi nào tâm hồn lãng đãng, uống rượu với bạn bè, rỉ rả với cà phê thì chàng lại muốn hút thuốc.

Lá vàng đã rơi khá nhiều trên sân cỏ sáng nay, đậu hờ hững, rung rinh trước gió. Mỗi khi nghe tiếng phong linh dồn dập thì lá vàng lại lá tả bay trong gió hoà nhập với đàn bướm vàng dập dìu bên mấy khóm cúc vàng tươi trong một không gian tĩnh mịch. Khung cảnh này làm chàng nhớ ngay đến câu hát của họ Trịnh trong Nước Mắt Mùa Thu. “hàng cây trút lá, nghĩa trang điêu hiu...” Phong đang mơ màng thả hồn theo khói thuốc bỗng tiếng điện thoại reo vang:

- Anh Phong ơi! Anh có bận gì sáng nay không?
- Châu đó hả? Anh đang ngồi đây uống cà phê một mình và ngắm lá vàng rơi.
- Nghe giọng anh như đang tìm vần thơ! Em qua chơi với anh một lúc được không?
- Chỉ là thăm nhau hay có chuyện gì quan trọng?
- Dạ thấy buổi sáng mùa thu đẹp dịu dàng nên muốn qua anh xin tách cà phê thôi.
- Thì qua ngay đi. Hôm nay không đi làm sao quờn quá vậy?
- Em đâu có đi làm cuối tuần thường xuyên đâu
- Ừ nhỉ! Mới đó lại đã cuối tuần.

* *

Châu là một người bạn trung niên. Vừa là bạn vừa là học trò của Phong. Chỉ trẻ hơn chàng năm tuổi nên Phong biểu chỉ nên gọi nhau bằng anh em. Châu đến với trường võ – thẩm thoát cũng đã gần hai năm – ngay sau khi Phong đi VN lo công việc của Huệ xong trở về. Thấy Châu hiền lành ít nói, dễ mến, siêng năng nên Phong rất lấy làm an ủi; vừa mất một người lại được ngay một người khác.

Châu là con trai của một cựu Trung Tá Không Quân, theo cha mẹ qua Mỹ theo diện HO, cùng với hai người chị lớn, năm 1992. Đại gia đình đều cư ngụ tại San Jose, California. Hai chị đã có chồng con và Châu vừa đi học vừa đi làm bán thời gian nên mãi đến hơn 32 tuổi mới ra trường với mảnh bằng Kỹ sư Điện Toán, ngành Software, và được hãng Hewlett Packer thu nhận. đưa về làm việc ở chi nhánh Houston, Texas. Mọi người trong gia đình đều trông đợi, hồi thúc hẳn lập gia đình để có cháu đích tôn nối dõi tông đường... nhưng chỉ để nghe hẳn nói “chưa tìm được bạn gái!”.

Nhưng bất thành linh trong một ngày đẹp trời California, đại gia đình hẳn vui mừng nhận hồng thiệp báo tin hẳn làm đám cưới với một cô bạn gái người Việt làm chung sở. Thế là bao nhiêu mong đợi cháu đích tôn lại luôn luôn như một bản nhạc hay, được Ba Mẹ hẳn nhắc nhở, thúc hối mỗi khi điện thoại thăm hỏi hay về thăm Cali. Và cứ thế, thời gian cứ vô tình đi tới. Sau đám cưới vài năm thì Ba hẳn qua đời; Mẹ của hẳn cũng theo chồng ít năm sau đó mà tấm hơi của đứa cháu đích tôn vẫn chìm trong bóng đêm.

Tính tình Châu điềm đạm, tâm hồn có chiều sâu mà theo Phong thì đó là mẫu người chồng lý tưởng cho những ai muốn có một gia đình hạnh phúc. Nhưng không ngờ Châu lại không may mắn trong con đường vợ con. Theo lời kể của Châu, hẳn gặp phải một người vợ quá quắt, thích ăn diện, đua đòi, chạy theo vật chất. Hẳn với vợ có quá nhiều khác biệt mà không thể bù đắp cho nhau. Sau 12 năm chung sống, những nhường nhịn, chịu đựng, chia sẻ ban đầu đã lần lượt ra đi; càng ngày tính tình hai người càng thể hiện như con đường với hai lối ngược chiều; cái hổ cách biệt càng lúc càng lớn... Hai người lại không có con, không biết lỗi của ai... nên hạnh phúc gia đình và sự gắn bó vợ chồng trở nên phai nhạt dần theo năm tháng buồn bã trôi qua. Cho đến một ngày, không ai còn chịu đựng nổi với ai, hai người đồng ý chia tay, trả lại cho nhau đời sống tự do dù có hơi muộn màng.

Lúc đầu, Phong chỉ nghe nhưng không hẳn tin chỉ là lỗi của một người. Nhưng càng về sau, từ cách ăn ở, đối xử với mọi người chung quanh đã cho Phong niềm tin về những điều Châu nói. Cũng theo lời kể của Châu. Khi bàn việc ly dị, hẳn cho Loan toàn quyền quyết định; nói đúng hơn, hẳn cho Loan gán hết tài sản chung của hai người, chỉ giữ lại căn nhà với mortgage còn gần hai mươi năm và một ít tiền mặt để phòng thân. Châu làm Software Engineer cho Hewlett Parker. Hẳn nói công việc hiện tại cũng có vẻ ổn định nên không có gì đáng lo. Sau khi hồ sơ ly dị hoàn tất, Loan đã bay về California ở với cha mẹ – Châu nói vậy; còn hẳn ở lại với căn nhà rộng thênh thang và một vườn hoa luôn cần người chăm sóc. Cũng may, Châu rất thích cây cỏ nên ngoài giờ làm ở sở, giờ tập võ, Châu dành hết thời gian còn lại cho vườn tược ban ngày và viết vẽ ban đêm. Văn thơ của hẳn thể hiện cái nhân bản của tâm hồn hẳn, hấp dẫn người đọc. Mới 50 tuổi đời mà hẳn sống khép kín như một ông cụ non, một thân đơn lẻ, không nhiều bạn bè, không hút thuốc, không rượu chè be bét, ca hát lai rai đôi khi. Giọng hát Karaoke của hẳn cũng rất trầm ấm, có hạng nhưng không phải là sở thích thường xuyên mà chỉ khi nào tụ họp với bạn bè.

Có hẳn ở gần bên Phong cũng vui. Khi nào buồn, hai anh em lại hú nhau bù khú. Chuyện gì hẳn cũng biết chút chút, đem ra luận bàn rôm rả mua vui. Điều mà Phong thích nhất ở Châu là tình tự quê hương; nó thể hiện qua văn thơ của hẳn, qua tấm lòng nhân hậu, sẵn lòng giúp đỡ người khác, nhất là bạn bè khôn khó ở quê nhà.

* * *

Trong khi ngồi chờ Châu, bỗng Phong nghĩ tới mẹ con Phương Lan.

Gần hai năm nay, Phong vẫn giữ liên lạc với mẹ con Phương Lan đều đặn. Gần hai năm nhưng có quá nhiều thay đổi theo chiều hướng rất tốt. Không ngạc nhiên để biết con bé học rất giỏi và luôn luôn là một đứa bé hiếu hạnh, ngoan ngoãn. Bà Cụ vẫn khỏe mạnh, nhà cửa đã được sửa chữa khang trang hơn và Phương Lan đi làm cho một tiệm thuốc tây gần nhà, được ông bà chủ tiệm yêu mến và tận tình hướng dẫn trong công việc buôn bán. Là một người thông minh, học mau, nhớ lâu nên không bao lâu, Phương Lan được xem là cánh tay đắc lực của ông bà trong việc buôn bán. Sau hơn một năm làm việc, nàng đã chiếm hoàn toàn cảm tình của họ và được họ tin cậy như người trong gia đình. Phương Lan lại đề nghị họ thuê luôn chị Tần – người y tá chích dạo quen biết trong xóm – vì sự hiểu biết và mát tay của chị ấy. Thu xếp mở văn phòng trong nhà thuốc để chị Tần giúp đỡ người bệnh mà không cần phải đi chích dạo như trước, trừ phi có trường hợp tối cần thiết. Khi nào không có bệnh nhân, chị Tần phụ việc bán thuốc với nàng. Chị Tần cũng rất giỏi nên Phương Lan cũng học hỏi được rất

nhieu ở chị. Công việc buôn bán càng lúc càng phát đạt kể từ ngày có Phương Lan và chị Tần nên ông bà chủ rất thương yêu, tin tưởng; vì thế, mỗi lần họ có công việc cần đi xa, họ giao hết quyền quản lý cho nàng không một chút bận tâm.

Mấy tháng trước, Phong được Phương Lan cho biết là ông bà chủ ngỏ ý với nàng muốn nghỉ hưu, muốn giao hết công việc quản lý tiệm thuốc tây cho nàng để có thời gian đi chơi thăm con chi ở Mỹ và Canada, Và nàng đã vui mừng nhận lời. Dĩ nhiên đó là một tin vui và là một cơ hội rất lớn cho mẹ con nàng. Phong chia sẻ niềm vui và sự may mắn đó với tất cả tám lòng. Phong thăm nghĩ có lẽ Huệ vẫn luôn quanh quẩn để che chở và phò hộ cho mẹ con nàng.

Có một vài lần Phong đề cập đến việc bước thêm bước nữa của nàng, nhưng nàng quả quyết nói, “chưa hề nghĩ tới, và có lẽ sẽ không cần nghĩ tới; tương lai đích thật của em là con bé Lan Huệ. Hơn nữa, tất cả những đàn ông tử tế không còn, hoặc không có ở miền đất này nữa”. Phong vọt miệng nói đùa, “vậy để anh tìm một người bên này giới thiệu cho em nha?”. Phương Lan lặng yên một lát rồi trả lời, “khi mô anh gặp được một người đó có đủ tiêu chuẩn, có tính tình giống anh thì lúc đó em sẽ suy nghĩ lại.”

Phương Lan nói đúng. Những người đàn ông lý tưởng cho hoàn cảnh của nàng quả là khó kiếm. Chẳng những ở Quảng Ngãi, ở Việt Nam mà ở Mỹ lại càng khó hơn. Những người tử tế, đủ điều kiện thì đã yên bề gia thất. Chẳng thương cảm nghĩ rằng, nếu nàng cứ chờ cho con bé học hành xong rồi mới lo cho mình thì sẽ lỡ mất hết cả xuân xanh. Đàn bà ở lứa tuổi của nàng là lứa tuổi đẹp nhất giống như một đoá hoa hương sắc đang ở trong thời kỳ rực rỡ nhất...

Đang chìm sâu trong suy tư thì Châu xuất hiện. Thấy hấn vui vẻ chào hỏi, trong thâm tâm của Phong lại vang lên: “Ừ nhỉ, sao không giới thiệu Phương Lan cho Châu. Có thể là một kết hợp tuyệt vời!”

- Anh đã viết được bài thơ nào sáng nay chưa? – Châu cười hỏi.
- Chưa tìm được vần thơ, còn Châu thì sao?
- Em mới ngủ dậy, thấy thời tiết đẹp quá nên muốn qua anh uống cà phê thôi.
- Để anh đi pha cà phê cho chú.
- Để em làm được rồi.

Châu vào bếp nấu nước bằng microwave, lấy phin cho đầy cà phê vào trong khi Phong lục tủ chè tìm được một ít bánh ngọt cùng đem ra bàn sau vườn. Lá vàng vẫn thưa thớt rơi trong gió và nắng vàng hanh như tám lưa mỏng trải đều trên cây cỏ. Tiếng phong linh vẫn lưa thưa gõ nhịp. Phong chợt nghĩ nếu thời tiết ở Houston luôn được như thế này, chắc hẳn Houston không còn đất trống. Hiện tại Houston đã là một trong năm thành phố đáng sống nhất trên đất Mỹ rồi!

Hai anh em ngồi lặng yên như để tận hưởng sự bình yên của một buổi sáng mùa thu đẹp tuyệt vời. Tiếng chim hót líu lo trên các ngọn cây quanh sân và đàn bướm vẫn dập dìu bên những khóm cúc vàng hai bên liếp hoasát chân tường, dưới thảm nắng vàng rực rỡ. Chợt nghĩ tới điều muốn nói, Phong lên tiếng để phá tan sự tĩnh lặng chìm lắng:

- Công việc làm của chú chắc vẫn êm chứ?
- Dạ vâng, một ngày như mọi ngày.
- Êm đêm như một bài thơ phải không?
- Đôi khi cũng cảm thấy buồn anh à; tự hỏi không biết mình sống cho cái gì. Nhưng chẳng thà như vậy còn hơn đời sống cũ.

- Anh hiểu chú muốn nói gì. Chú có bạn gái nào chưa hoặc có bao giờ nghĩ đến việc lập gia đình trở lại?
- Em như con chim bị đạn bắn hụt nên sợ cả cành cong, chưa dám nghĩ tới sẽ đậu xuống nơi nào.

Ngừng một chút, hấn nói tiếp:

- Và nữa, ở tuổi của em thì tìm đâu ra một người thích hợp để cùng đi đến cuối đường?
- Với điều kiện của chú nếu về Việt Nam sẽ có khối cô theo.
- Có lẽ anh nói để mà nói, chứ con gái Việt Nam bây giờ làm sao tin được vào tình yêu của họ. Ở lứa tuổi của em, nếu là con gái gia đình nề nếp, tư cách nghiêm trang thì đã có một gia đình đang hoàng, đã nên danh nên phận cả rồi.

– Bộ chú không thấy nhan nhản mấy ông già nghỉ hưu mà còn về cưới con gái tuổi con cháu của mình đó sao?

– Cách nói của anh đã chứa đựng mầm móng phản đối rồi, còn hỏi em làm gì? Có bao giờ em cổ vũ cho những điều quái dị như vậy đâu, nếu không nói là em rất coi thường việc làm của họ. Dân tộc mình đã và đang tả

toi dưới ách thống trị của bạo quyền Việt cộng, nếu mình không thể làm điều gì tốt đẹp hơn cũng không nên làm những điều tồi tệ như thế mới đúng chứ.

– Châu à! – Phong nhìn thẳng vào Châu ngậm ngừng. – Châu tin cần anh nhiều không?

– Châu có vẻ ngạc nhiên, nhìn chàng dò hỏi:

– Đường như... đường như anh có gì nghiêm trọng muốn nói với em hả?

– Thì chú cứ trả lời cho anh đi.

– Anh là thầy và là người anh tinh thần thân thiết nhất của em bây giờ, nếu không tin anh còn có thể tin ai?

– Anh muốn nói về chuyện gia đình tương lai của chú.

Châu bật cười:

– Chắc anh có ai muốn gả cho em hả?

– Nếu anh nói anh biết có một người rất thích hợp với hoàn cảnh của chú, chú có muốn tìm hiểu thêm không?

– Thật tình em không mấy hứng thú để nói về chuyện vợ con. Nhưng anh nói em xin lắng nghe

– Ủ! Cả vợ và con.

– Có nghĩa là người đàn bà đó đã có con?

– Một đứa con gái 9 tuổi rất dễ thương và đặc biệt thông minh.

– Bà con gì với anh?

– Là vợ con của chú học trò tên Huệ mà anh có nói sơ với chú lúc chú tới ghi tên học đó. Cô ta hơn 30 tuổi, thông minh, xinh đẹp và hiền lành theo nhận xét của anh.

– Em không còn nhớ mấy về chuyện đó!

Phong sơ lược kể lại hoàn cảnh của mẹ con Phương Lan rồi nói với Châu:

– Chú không cần trả lời anh trong lúc này mà anh muốn chú suy nghĩ thật kỹ xem có thật sự muốn anh làm cầu nối cho hai người tìm hiểu nhau không, rồi cho anh biết.

– Đâu phải em muốn là được đâu?

– Dĩ nhiên, nhưng khi nào chú nói với anh xúc tiến thì anh sẽ nói chuyện với Phương Lan. À, tên cô ấy là Phương Lan – rồi sẽ tùy cơ ứng biến.

– Vâng, bất ngờ quá! Anh cho em thời gian suy nghĩ. Em không muốn đùa cho qua chuyện, cũng không muốn bỏ qua tâm ý của anh. Em cảm ơn anh đã lo nghĩ đến tương lai của em.

– Cái đó tùy thuộc vào hai người, anh chỉ làm công việc môi giới để hai người tìm hiểu nhau. Anh không có trách nhiệm gì về tương lai của hai người, và không một cá nhân nào có đủ bản lĩnh quyết định giùm vận mạng của người khác.

– Em đồng quan điểm với anh.

Ngồi với nhau thêm một lúc thì Châu ra về. Phong suy nghĩ miên man về những bàn luận vừa qua để tìm cách làm một gạch nối mà chàng tin là cần thiết và thích hợp. Phần rất thương con bé và thương cả hoàn cảnh của hai tấm lòng nhận hậu và chân thật, Phong quyết tâm sẽ thuyết phục được hai người tiến lại với nhau.

* * *

Phong và Châu ra phi trường đón mẹ con Phương Lan. Quang cảnh phi trường trông rất lạ, nửa Mỹ nửa Việt. Hành khách tấp nập mà phần đông nói toàn tiếng Việt, kể cả mấy người khách ngoại quốc cũng bập bẹ tiếng Việt dù rất khó khăn. Thấy một đám chòm nhum ở chỗ lấy hành lý, cãi cọ gây cần. Hai người bước tới nơi... té ra đó là mẹ con Phương Lan đang giằng co cái va ly với anh công an hải quan Việt cộng. Anh ta nhất định đòi \$50 đô mới cho lấy va-ly.

Phương Lan nổi giận, “đây là xứ Mỹ chứ không phải ở Việt Nam mô nghe. Hành lý của tui chỉ là quần áo, không có đồ quốc cấm, rặng anh lại đòi tiền vô duyên rứa?” Anh công an tay nắm chặt va-ly miệng nói “không đưa tiền thì tui giữ hành lý!” Hai bên đang lòi qua tiếng lại chưa ngả ngũ vào đâu cả.

Phong và Châu cùng bước tới. Vừa thấy Phong, bé Lan Huệ phóng tới ôm cứng chàng, tỏ vẻ vô cùng mừng rỡ, miệng luôn gọi “Ba Phong, Ba Phong!”. Phong cũng ôm chặt con bé vào lòng với bao nhiêu thương nhớ; cùng lúc Phương Lan ngó chàng bật khóc, tay vẫn giữ chặt cái va-ly, quay mặt nói với Phong “anh coai nì, cái ôn nì dị chưa tề, đòi em phải đưa tiền mới cho lấy va-ly!” Phong chưa kịp nói gì với Phương Lan, buông con bé ra, tiến tới giật cái va-ly ra khỏi tay anh công an rồi chỉ mặt hắn nói, “anh ăn hôi lộ giữa ban ngày ban mặt, tui gọi cảnh sát thì anh ở tù một gông.” Anh ta quay mặt bỏ đi không nói một lời. Ngay lúc đó thấy một cảnh sát người Mỹ chạy ngựa tới hỏi chuyện gì xảy ra, bé Lan Huệ liếng thoăn chỉ tay về hướng của anh công an vừa đi,

và nói với ông ta bằng tiếng Mỹ rằng “công an hải quan đòi tiền hối lộ mẹ tôi. Ông ta vừa bỏ đi phía bên kia kia” Ông cảnh sát bỗng vội lên ngựa rồi chạy về hướng tay chỉ. Phương Lan hoảng hốt ú ớ rồi ngã quy xuống ngất xỉu. Phong nhanh nhẹn tới đỡ Phương Lan, còn Châu chạy biến theo ngựa cảnh sát...

Phong đang loay hoay cứu chữa cho Phương Lan thì Châu dắt bé Lan Huệ trở lại. Phương Lan cũng đã hồi tỉnh, đứng dậy đưa tay đón Lan Huệ nhưng con bé lại chạy tới ôm Phong mừng rỡ... Những người khách qua đường khi nãy bu chung quanh giờ cũng dạt đi đâu mất hết, bỏ lại sân ga vắng tanh. Nhóm người của Phong cùng đi ra chỗ đậu xe; Con bé nắm tay Phong còn Phương Lan và Châu nắm tay nhau rất thân mật làm Phong rất bất ngờ, thậm chí nghĩ “mình chưa kịp giới thiệu họ với nhau sao đã thân thiết như thế, có lẽ họ quen biết nhau từ trước rồi nhưng sao không hề nghe họ nhắc tới?” Chàng mừng thầm trong bụng, nghĩ trong đầu “vậy là mình không cần phải giới thiệu dài dòng nữa.”

Ra tới chỗ đậu xe nhưng không thấy xe đâu, Phong biểu mọi người đứng một chỗ để mình đi tìm tiếp, vừa xoay qua thì bị một chiếc xe trờ tới đụng vào người; trước khi bất tỉnh, Phong còn nghe tiếng Lan Huệ kêu thét lên... “Ba ơi!...” làm chàng giật mình!

Phong tung chăn ngồi dậy, đưa tay sờ khắp người thấy không hề hấn gì, lòng mừng vô kể. Ngó chung quanh một lúc mới nhận ra là mình đang ngồi trên giường ngủ. Căn nhà vắng lặng đến nỗi chàng nghe cả tiếng gió rì rào đi qua bên ngoài, va vào thành cửa sổ. Chàng lười biếng nằm xuống, mơ màng nghĩ về giấc mơ vừa qua, nhớ đến gương mặt dễ thương với đôi mắt linh hoạt thông minh, lạnh lợi cùng với nét ngây thơ, hồn nhiên của bé Lan Huệ, lòng thấy ấm áp, rạt rào thương mến.

Gần hai năm qua chàng vẫn thường gọi điện thoại thăm hỏi gia đình Phương Lan; nhắc chừng bé Lan Huệ. Có một lần, cũng gần cả năm rồi, chàng bị Phương Lan thuyết phục làm bố nuôi con bé. Mới đầu chàng không chịu, vì thấy mình có làm gì được cho con bé đâu mà nhận một vai trò lớn lao như vậy. Phương Lan nói là Lan Huệ rất thèm có Ba để gọi như những bạn bè khác; hơn nữa, nó vẫn nhắc đến “chú Phong”, mặc dù nàng đã chinh nó nhiều lần phải gọi chàng bằng Bác cho đúng vai vế, nhưng nó lại đề nghị hay là cho nó làm con nuôi “chú Phong”. “Nếu anh không ty hiềm điều chi, em mong anh nhận lời. Anh không có bất cứ một trách nhiệm pháp lý nào đối với chúng em mà chỉ là một nghĩa cử tinh thần, làm cha đỡ đầu, để nâng đỡ, dìu dắt cháu tiến về tương lai; được như rứa, không những mẹ con em rất vui mừng, hạnh diện mà chắc chắn Huệ cũng sẽ rất an lòng nơi chín suối.” Ngập ngừng một lúc, Phong cảm động nói với Phương Lan, “nếu em không ngại, và điều đó làm cho con bé vui vẻ, phấn khởi thì anh nhận lời vì anh cũng rất thương yêu nó.” Và kể từ đó, mỗi lần nói chuyện điện thoại nó đều gọi chàng bằng Ba một cách rất tự nhiên và vui sướng.

Càng ngày Phong càng cảm thấy quyến luyến con bé, muốn tìm một giải pháp nào đó đưa nó qua Mỹ để có tương lai. Chàng đem ý định này nói với Phương Lan:

– Em à! – Chàng cũng quên mất từ lúc nào và tình cảnh nào mà chàng đã gọi nàng bằng Em thay vì vẫn gọi tên như cũ.

– Anh vẫn nghĩ tới việc làm giấy tờ chính thức nhận làm con nuôi và đem nó sang Mỹ.

– Dạ em có nghĩ nhiều về trường hợp cho nó qua Mỹ nhưng chưa được anh à.

– Vì em còn có bà Cụ và không muốn xa con phải không?

– Vâng, chính xác là rứa! Giấy tờ hôn thú của em hợp lệ; Khai sinh của Lan Huệ là công dân Mỹ do Ba nó đã làm khi cháu mới sinh.

– Ủi nhỉ! Nó đã là công dân Mỹ nên qua lại dễ dàng; em có thể làm giấy tờ qua Mỹ theo diện vợ con của một công dân Mỹ qua cố; nhưng theo anh biết là việc này phải tiến hành trong vòng hai năm kể từ ngày người chồng, cha qua đời; sau hai năm thì cần phải tham khảo luật sư, hoặc đi toà lãnh sự, toà đại sứ để biết phải làm gì... nhưng chắc không phải là một trở ngại đáng lo lắng đâu, anh nghĩ vậy. Trong hoàn cảnh của em, thời gian đòi hỏi đã sắp hết hạn, nhưng anh biết em không thể đi đâu vào thời điểm này khi bà Cụ còn hiện tiền và dĩ nhiên em đâu muốn xa rời con gái. Nhưng nếu một ngày nào đó sau này có sự thay đổi, chúng ta sẽ tính tiếp em há?

– Em cảm ơn anh.

* * *

Pha xong ly cà phê, Phong quyết định gọi điện thoại cho Phương Lan. Bây giờ là 10g đêm ngày Thứ Bảy Quảng Ngãi. Chuông reng một lúc nghe đầu giây bên kia giọng Phương Lan trả lời:

– Xin lỗi ai gọi đây ạ?

– Anh Phong đây. Em khoẻ không, cả nhà vẫn bình an chứ? Xin lỗi anh gọi trễ.

– Dạ vẫn còn sớm mà anh. Em đang xem lại sổ sách. Cụ và Lan Huệ đã ngủ.

- Vẫn buôn may bán đất?
 - Em đang tính gọi anh để báo tin vui thì anh gọi.
 - Chắc là ông bà Thành, chủ tiệm thuốc tây, đã chính thức giao em quản trị công việc?
 - Sao anh biết hay vậy?
 - Thì em nói đang xem sổ sách buôn bán trong ngày.
 - Không giấu anh được điều chi. Dạ, ông bà chủ chính thức nhận em làm con nuôi, đã nghỉ hưu và sắp đi một vòng vài ba tháng qua Mỹ với Canada thăm gia đình các anh chị bên nớ.
 - Những người con của ông bà có biết việc này không?
 - Có lẽ đã được ông bà cho biết trước nên họ đồng lòng nhất trí với quyết định của ông bà. Vợ chồng anh Hai Siêu ở Mỹ về chơi từ tuần trước và hiện còn ở đây thêm ít lâu để giúp Ba Mẹ một số công việc cần thiết, rồi đón ông bà cùng qua bên nớ để thăm và dự đám cưới cháu nội.
 - Anh chị Hai Siêu có nói gì riêng với em không? Họ đối xử với em như thế nào?
 - Anh chị nớ rất vui vẻ, nhất là chị Dung vợ anh Siêu đẹp và hiền hoà, tính tình đôn hậu, dễ thương chi lạ. Chị ấy quanh quẩn ở tiệm thuốc cả tuần nay để xem em làm việc và chỉ dẫn thêm cho em rất tận tình những chỗ còn yếu. Nghe ba mẹ nuôi của em nói anh chị rất thành công bên Mỹ, có nhiều chi nhánh phòng mạch và chị Dung coai nhà thuốc tây riêng rất lớn ở bang Florida. Anh chị có hai người con trai xong đại học rồi, đều theo nghiệp cha làm Bác sĩ, mỗi người coai một chi nhánh, chưa có ai lập gia đình.
 - Còn mấy người khác ở đâu và có ý kiến gì không?
 - Tất cả mọi người đều tỏ vẻ vui mừng khi biết ba mẹ đã có quyết định nghỉ hưu. Họ còn nói họ rất vui vì có em làm em nuôi nữa. Anh Tâm chị Xuân đều làm địa ốc ở San Jose, Cali cũng rất thành công, có 2 người con. Con trai lớn còn độc thân, làm kỹ sư cho một hãng điện tử; con gái mới ra trường về ngành Tài Chánh, sắp làm đám cưới; Chị Linh anh Bình nhỏ nhút ở Toronto, Canada có một con gái còn nhỏ. Nói nhỏ nhút nhưng cũng lớn hơn em. Chị Linh anh Bình cũng là Bác sĩ, đang làm việc cho các nhà thương trong vùng.
 - Anh thành thực chúc mừng cho em được làm con nuôi trong một gia đình đại phú quý. Có lẽ em đã cho họ biết tình trạng gia cảnh của em chứ?
 - Anh đừng lo, em có nói tất cả mọi việc cho họ biết rồi. Em cũng nói nếu một mai mạ em trăm tuổi, rất có thể em sẽ mang con sang Mỹ cho nó học hành để có tương lai. Họ khuyên em cứ yên tâm làm việc, đến lúc đó tính tiếp, bất quá bán tiệm cũng sẽ có nhiều người muốn mua.
 - Em đã quyết định vậy thì cứ làm vậy đi.
 - Em nói trước để anh an tâm là sớm muộn chi thì Lan Huệ cũng sẽ ở Mỹ. Hoàn cảnh bi chừ không cho phép em nghĩ xa hơn.
 - Anh biết công việc và trách nhiệm sẽ chiếm hết thì giờ và tư tưởng của em trong thời gian tới. Nhưng dù sao, không nói em cũng đã biết rồi, anh chỉ nhắc thêm, cố giữ gìn sức khoẻ.
 - Em cảm ơn anh vẫn luôn quan tâm đến mạ con em. Em biết em là trụ cột của gia đình nhỏ bé này. Rất may, sức khoẻ của em từ hôm nớ đến chừ vẫn ổn. Thời gian nớ có lẽ vì áp lực cuộc sống và buồn phiền cho duyên kiếp của mình nên em ngã bệnh. Chừ em rất khoẻ vì đã có phương hướng cho cuộc đời của mạ con em. Em đứng vững tới ngày hôm nay cũng nhờ tài sản của Huệ để lại nhưng đặc biệt là nhờ sự an ủi, khuyến khích, và động viên tinh thần của anh để em vượt qua khỏi mọi khó khăn cuộc sống.
 - Anh rất vui để biết em có đầy nghị lực, vui khoẻ và nhất là đã an định trong cuộc sống.
 - Đó là nhờ công ơn của anh góp phần quan trọng.
 - Xin đừng nói tới việc ơn nghĩa nữa em à.
 - Em không phải hạng người bội ơn.
 - Cho dù có tiền, có sự khuyến khích của anh nhưng nếu gặp một người bình thường nào khác thì có lẽ không có kết quả tốt như em có ngày nay. Âu cũng là sự công bằng của tạo hoá.
 - Em rất vui mỗi lần anh gọi, ví như anh mang thêm cho em một nguồn năng lực để em có thể bước thẳng về phía trước... nhưng em cũng muốn hỏi anh, ngoài việc thăm hỏi, anh có điều chi chỉ dạy thêm không?
- Phong đoán một lúc; thật là khó mở miệng để nói chuyện mai mối trong lúc mọi nỗ lực của nàng đều dồn vào công việc hiện có trong tay:
- Cũng có tý chuyện... nhưng anh không biết mở đầu ra sao!
 - Anh tìm được người trong mộng cho em rồi sao?

Phong bật cười thành tiếng để che bớt sự lúng túng của mình. Dẫu biết Phương Lan rất thông minh, cơ trí hơn người nhưng chàng không thể ngờ nàng có thể đọc được tư tưởng của chàng giỏi đến như vậy. Chàng tên tò nói:

- Em đoán không sai; bái phục bái phục!
 - Anh đừng buồn em nghe. Có thể nào mình thảo luận chuyện ni ở một thời gian thuận tiện nào khác sau này được không anh?
 - Dĩ nhiên là được. Anh chỉ lo đời người ngắn ngủi mà thời gian đâu có chờ đợi ai.
 - Anh sợ em để lỡ xuân thì phải không?
 - Cũng đúng. Nhưng em chưa muốn nói tới thì chờ cơ hội khác vậy.
 - Dạ, anh cho em thêm một thời gian để ổn định công việc buôn bán đã.
 - Thôi bây giờ đã muộn rồi, anh để em đi ngủ, mai còn phải mở tiệm sớm phải không?
 - Dạ, tiệm mở cửa 7 ngày một tuần từ 6g sáng đến 8g tối.
 - Làm sao em chịu nổi lâu dài?
 - Không hề chi anh à, em quen rồi, với lại có chị Tần giúp đỡ nữa; Chị Tần là người tin cậy và trung thực, em may mắn lắm. Thực ra, công việc ni không quá vất vả, không phải bon chen như việc buôn bán ngoài chợ, chỉ là dài giờ thôi anh.
 - Như vậy Cụ và con bé ra sao?
 - Em muốn người làm để chăm sóc Cụ và lo cơm nước cho hai bà cháu. Được cái là con bé rất ngoan ngoãn, luôn luôn là học sinh giỏi nên em cũng đỡ lo.
 - Anh mừng cho em và bây giờ thì anh xin chào tạm biệt. Cho anh gửi lời kính thăm bà Cụ và hôn con bé giùm anh.
 - Bao giờ anh lại về thăm Việt Nam, ghé Quảng Ngãi thăm mẹ con em?
 - Không biết chắc em à. Dù bà con rất đông, dù rất thương nhớ con bé nhưng mỗi lần đọc báo, xem tin tức Việt Nam lại cụt hứng liền, lại buồn bực quá đỗi!
 - Dạ số phận của dân tộc mình luôn sống trong điều linh, thân phận nhược tiểu mà lòng người thì chỉ thấy cái lợi lộc nhỏ cho bản thân trước mắt mà không thấy hoặc cố tình làm ngơ trước những hậu quả tai hại lâu dài cho quê hương, đất nước, đồng bào! Chuyện Việt Nam như chuyện 1001 đêm... triền miên tăm tối! Nhưng thôi, càng nói càng buồn, em xin chào anh. Anh nên nhớ là lúc mô nghe điện thoại của anh em cũng rất vui mừng.
 - Ủ, có dịp anh sẽ gọi thăm mẹ con em.
- Phong cúp điện thoại, lòng nao nao u hoài. Chuyện quê hương đất nước bao giờ cũng là nỗi trăn trở trong lòng kể từ ngày buộc phải “bỏ thuyền bỏ bến bỏ dòng sông”. Còn việc muốn thực hiện được “cái ngu thứ nhất” chắc là phải tùy duyên rồi đó. Phong cảm thông hoàn cảnh của Phương Lan trong hiện tại. Lẽ ra người tài trí như nàng phải có một đời sống tốt đẹp, hạnh phúc chứ sao lại phải đơn thân độc mã chống chọi trước bao nhiêu nghịch cảnh cuộc đời! Phải chi nàng được sống trong một môi trường thích nghi thì khả năng đó chắc chắn không thua kém bất cứ một ai trong xã hội tự do, phồn vinh này.

Chuông đồng hồ đổ 12 tiếng, báo hiệu cho Phong biết đã hết một buổi sáng bình yên. ■

Yên Sơn

Vũ Thụy Nhung – Thi sĩ lãng tử của làng văn nghệ



Vũ Thị Như Mai

Tôi không nhớ đã biết nhà thơ Vũ Thụy Nhung từ lúc nào, có lẽ từ khi tôi quay trở lại Facebook sau nhiều năm vắng mặt và bắt đầu kết nối với nhiều người trong đó có anh. Chúng tôi sau đó thân hơn từ đợt dịch Covid-19 vì nhiều chuỗi sự kiện kết nối. Nick name trên Facebook của anh là Dung Mai và chúng tôi quen gọi anh bằng cái tên thân thiện này. Dung Mai ngoài công việc chính ở một công ty thời trang, anh còn tham gia công tác xã hội ở phường với chức vụ Phó ban CÔNG TÁC MẮT TRẦN (anh bảo là phải viết hoa lên như thế nên tôi nghĩ chắc chắn là công việc đem lại niềm vui cho anh rất nhiều). Với chức vụ ấy, anh được cấp giấy đi lại tự do trong thành phố thời giãn cách xã hội. Việc này tạo sự thuận lợi cho anh trong việc kết nối giữa những nhà hảo tâm trong và ngoài nước với những người dân đang cần trợ giúp lúc ấy. Thời điểm nóng bỏng, nhà thơ Trần Hạ Vi là người hoạt động tích cực nhất, kêu gọi được rất nhiều khoảng hỗ trợ để anh Dung Mai có thể chạy lui chạy tới như con thoi cùng với ekip làm việc cùng anh ở phường. Tôi ấn tượng đến mức đã làm hẳn một bài thơ thật dài để tặng anh. Rồi thì chúng tôi lại gặp nhau ở trang Dấu Chấm Than Quay Ngang, nơi anh và tôi và một số bạn cùng làm quản trị viên, vượt qua bao nhiêu vui buồn để cùng nhau trụ lại cho đến ngày hôm nay.

Cũng từ anh, chúng tôi được biết đến Bích Quyên, thi sĩ Nguyễn An Bình, thi sĩ Băng Phương Lâm và rất nhiều anh chị em văn nghệ khác. Anh Dung Mai là cầu nối cho tất cả mọi người theo cách riêng của anh ấy. Ở đâu cũng thấy anh xông xáo chạy lui chạy tới, ồn ào với cái giọng Quảng Ngãi không thể nào lẫn vào đâu cho được. Nói thật tình là tôi chưa nể anh, cứ thấy anh thế nào ấy, mà không thể giải thích được. Thơ anh thì lâu lâu tôi được đọc vài bài ngắn ngắn, rải rác, kiệm chữ, tôi không theo dõi hết để có thể yêu thích ngay dòng thơ này. Anh cầm bản thảo *Ngồi hát vu vơ* đi “xin chữ”, người này tặng anh một bài viết, người kia tặng anh một lời bạt, người nọ nắn nót viết về anh, riêng tôi, nhất định không, nhất định đứng khoanh tay nhìn anh chạy lui chạy tới, tôi chỉ ủng hộ anh phía sau chứ không ra mặt, đôi lúc cảm thấy mình cũng nhỏ nhen thiệt luôn, nhưng mà tôi biết, có lẽ lúc ấy tôi cũng chưa sẵn sàng và công việc cứ chông chênh nên anh cũng ra chiều thông cảm cho tôi. Với lại có quá nhiều người viết về anh rồi, tôi biết nói gì đây.

Tập sách *Ngồi hát vu vơ* ra đời, xinh đẹp, duyên dáng với tranh bìa và phần trình bày của họa sĩ Trần Thắng. Thú thật cầm tập sách trên tay là tôi yêu thích nó ngay, đẹp, sang trọng và tạo một cảm giác vô cùng dễ chịu. Anh Dung Mai có buổi giới thiệu sách với hội đồng hương Quảng Ngãi, một buổi ra mắt sách rất ấm cúng, tình cảm và thành công lắm. Nhà thơ Tương Giang tham dự và về cứ khen mãi. Sau đó ít hôm, anh có một buổi giới thiệu sách nữa, lần này kết hợp với Bích Quyên với cùng sách đầu tiên của nàng có tên *Trôi về miền nhớ*. Tôi giúp hai bạn kê băng rôn, thiết kế thiệp mời và đồng thời theo dõi buổi giới thiệu thơ nhạc vô cùng thú vị. Qua năm tháng, tôi cũng cự anh rất nhiều lần, những chuyện lật vạt khi làm việc sinh hoạt văn nghệ cùng nhau, có lúc tôi còn chẳng muốn nhìn mặt anh, nhưng trong lòng tôi thì quý anh lắm. Thú thật, anh luôn làm tôi liên tưởng đến anh trai Thái Bình

của mình, người cũng hăng say làm công tác xã hội như anh vậy, cũng ròm ròm như anh và cũng độc thân nhiều năm.

Tôi có ấn tượng mạnh về cuốn *Ngồi hát vu vơ* như thế, là tôi đang nói đến hình thức, chứ tôi chỉ xem qua một số bài trong đó mà chưa đọc kỹ. Khi cầm bản thảo tập *Diệu Thẩm & tôi* lên, tôi nghĩ trong bụng, sao mỏng manh sương khói rứa trời. Tôi dòm trang lại để in ra cho dễ đọc thì thấy chưa đến mười trang giấy A4, bầm góc và để phát phơ trong cặp. Cho đến ngày hôm qua, anh bảo, “bò ơi bò (bà ơi bà), tui bỏ sung thêm mấy bài nữa, do tui để trong laptop chừ mới tìm ra, bò bỏ tập kia đi và dùng tập ni cho tui với hi, tui cho bò hưa ngày, dòm cho tui rồi thầy qua liền nghe”. Trời, làm như tên lửa vậy nè. Có lẽ do anh biết tôi khá bận rộn và do tôi cũng hơi lơ là với thơ anh, nên lần này anh hỏi thúc một cách khẩn trương, như thể trời sắp sập đến nơi vậy. Mà tôi cũng không biết anh nhờ tôi làm gì, sắp xếp lại bài và viết bạt thì phải. Chiều thứ sáu, tôi ngồi xuống, bắt đầu mở tập bản thảo ra xem, và bất chợt có ý định chuyển ngữ một số bài. (Thường khi chuyển ngữ xong một bài là tôi hiểu về bài ấy lắm). Chuyển ngữ hết một bài tôi lại làm sang bài khác, như một cách đọc sâu, đọc kỹ thơ anh vậy. Làm đến bài thứ tư và năm thì tôi không dừng lại được nữa, tôi làm việc tiếp như một con ong chăm chỉ, đọc kỹ thơ và hiểu thơ theo hình thức ghi lại bằng tiếng Anh, ghi nhanh, ghi vội, với những vốn kiến thức và từ vựng tôi có được. (Có một bài tôi đã dịch rồi nhưng không ưng ý và dịch lại, khi so sánh hai bản dịch, nhiều từ, nhiều câu phần tiếng Anh rất khác nhau. Thế mới nói, một bản dịch có thể có rất nhiều cách chuyển ngữ và dòng suy nghĩ cũng như cảm nhận cũng khác nhau tại những thời điểm khác nhau). Công việc khá trôi chảy có lẽ do tôi đã chuyển ngữ hơn năm trăm bài thơ Việt nên từ vựng cũng đã có sự lặp lại. Càng làm, tôi càng nảy sinh tình cảm với từng câu, từng chữ trong thơ anh và kết nối với chúng một cách kỳ lạ.

Thơ Dung Mai không nhiều, anh tổng hợp mãi mới ra được tập *Ngồi hát vu vơ* và bây giờ là tập thơ này nhưng thơ anh hay từng bài, từng câu, tạo một ấn tượng bất ngờ và vô cùng nhất quán. Tôi gọi nói anh điều này nhưng có vẻ như anh không tin cho lắm, anh cũng không nghĩ là thơ mình hay, tôi đoán thế. Anh còn bảo “hay bò thiên vị tui”. Những vần thơ của anh vận vào cuộc đời anh, hoặc ngược lại, là tôi nghĩ lan man như thế trong lúc này, khi mà cảm xúc vẫn đang tròn đầy. Đọc thơ anh, tôi không dám suy nghĩ quá nhiều hay liên tưởng quá nhiều về cuộc đời anh hay những gì đã diễn ra, đã trải qua, tôi chỉ muốn nhìn thấy anh trong thơ, những vần thơ suy tư, khắc khoải, chông chênh của một trái tim đa sầu, đa cảm. Thơ của một người độc thân với những cuộc hạnh ngộ, vừa thiếu thiếu lại vừa tiếc nuối, vừa đau khổ lại vừa buồn buồn tim gan.

Chắc hẳn bạn đọc sẽ tò mò bởi cái tên Diệu Thẩm, và tôi cũng thế thôi, tò mò, đoán lờ mờ và không hỏi gì thêm. Đọc từng câu thơ có cái tên rất đẹp ấy, rồi bạn sẽ hiểu, rồi bạn sẽ nghĩ đến những đường hướng, lý tưởng và niềm tin của những tâm hồn đặc biệt, những người xuất hiện đặc biệt trong một giai đoạn nào đó của cuộc đời này. Mà cuộc đời chúng ta được xâu chuỗi lại bằng những khoảnh khắc, sẽ có những người bước qua cuộc đời bạn, nắm lấy tay bạn chẳng nói năng gì, ôm bạn vào lòng vỗ về an ủi hay đi cùng với bạn qua một con phố, dưới hàng cây và thậm chí cả hai có thể sưởi ấm cho nhau dưới một tấm chăn giữa trời đông giá rét. Có những người sẽ ở lại bên bạn lâu hơn, giúp bạn vượt qua cách trở, gian nan và truyền cho bạn nguồn năng lượng để bạn bước tiếp, đầu sau đó họ sẽ biến mất như một làn khói, để lại bạn đứng ngơ ngẩn như trời trong và sau đó dành ra nửa đời để tri ân, để kiếm tìm và để ngu ngơ tự hỏi: Mình là ai? Mình đang đi đâu? Đang làm gì và ai sẽ đứng đợi mình trên con đường phía trước?. Những dòng thơ của Dung Mai sẽ cho bạn những khoảnh khắc, những suy tư như thế.

Xuyên suốt tập thơ, chúng ta bắt gặp thi sĩ lãng tử Dung Mai viết vè vài dòng cho L.n, cho Th., cho Trang, cho Thảo Đang, cho Thạch Thảo và đặc biệt, cái tên Diệu Thẩm ẩn và hiện, nơi này và nơi khác, vừa rõ ràng nhưng lại vừa kín đáo, một cái tên đi liền với áo nâu, câu kinh, tiếng chuông, tiếng mõ, ngôi chùa, với những từ ngữ nhẹ nhàng phảng phất hương vị thiền, ý nghĩa cuộc đời, với giải mê, hạnh ngộ. Tôi nghĩ anh đã viết ra trong ngậm ngùi, trong nước mắt chảy ngược của đàn ông và trong nỗi day dứt, tiếc nuối. Trong nỗi day dứt tiếc nuối đó, chúng ta bắt gặp đến hơn mười từ NGỘ, mà người nói ra là NGỘ thì chưa chắc họ đã NGỘ được, nhưng thơ anh khéo léo, kín đáo, đủ để ta cảm nhận được sự e dè, kính cẩn, trân trọng, yêu thương. Anh buồn nhưng anh vui, buồn cho số phận của mình và vui vì người ấy đã tìm được lối đi riêng, lối đi của một người tầm đạo và học đạo, giác đạo và ngộ đạo.

Hình ảnh gió bắc cũng được tác giả sử dụng trong những bài thơ trữ tình của mình. Như khi ta nhìn lên bầu trời, có một ngôi sao đầu tiên ló dạng và vẫn còn ngái ngủ. Ngay lúc ấy, một cơn gió bắc thổi qua, thả những nụ hôn mùa lên chiếc lá đung đưa. Có khi ta đi ngược chiều gió làm làn da xước nhẹ, không quá đau nhưng đủ để nhớ. Gió trong thơ Dung Mai hao gầy, trần trụi, làm anh nghĩ đến mẹ, đến cha, đến tháng Chạp, mẻ cá linh, vàng hoa điên điển hay khô trầu héo, gió của ngày cuối năm, của đêm giao thừa, phiên chợ quê, gió của sắc tàn hương rụng để rồi mưa rơi xuống sắc bừng hương bay. Dung Mai hay “bắt chợt”, “viết vè” bởi anh bận loay hoay và quên hẳn mình là nhà thơ. Anh không ngồi xuống để cố viết, mà chỉ khi có một điều gì đó xảy ra như một sự kiện, một sự việc, một cảm xúc, một yêu thương, đến mức mừng mủ, bung ra và nở thành đóa hoa thơ. Có lẽ anh hay trải qua những giây phút một mình, nhất là vào những dịp lễ hội, dịp Tết. Khi mọi người đang tề tựu đông vui với ai đó thì Dung Mai của chúng ta ngồi ngẫm nghĩ về cuộc đời, thời cuộc, ngồi “đếm lại đời mình”.

Với khuôn khổ hạn hẹp của bài viết, tôi chỉ xin dừng lại ở đây. Tôi quyết định không trích thơ anh mà để các bạn đón đọc và cảm nhận. Tôi tin sẽ có nhiều tác giả yêu quý tập thơ này và sẽ viết về *Diệu Thẩm & tôi*. Cảm ơn tác giả Dung Mai đã đem cho Như Mai thật nhiều cảm xúc. Mong các bạn đón nhận tập sách với nhiều yêu thương, cảm thông và trân quý, bởi vì tập thơ này không chỉ đơn thuần là những con chữ được sắp xếp lại thành những bài thơ mà là tâm lòng và tâm hồn lãng đãng cùng những trải nghiệm phong phú rất đời của một thi sĩ lãng tử của làng văn nghệ. ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

NGHĨ VỀ THƠ VÀ CHÀNG THƠ LƯƠNG TÚY VÂN VƯƠNG DẤU HƯƠNG MÙI NHỚ

Võ Thị Như Mai

Nhận tập bản thảo thơ Lương Túy Vân có tựa đề NHÀ THƠ/ MỘT ĐỜI THƠ được thi sĩ Nguyễn Liên Châu dàn trang và trình bày phong phú, chuyên nghiệp với số trang lên đến hơn 400, lòng tôi không khỏi xúc động và xuyên xao, đến mấy hôm. Tôi nghĩ đến tình cảm của các thi sĩ dành cho thi ca, đến sự lựa chọn chủ đề, hình thức, cấu trúc cũng như bối cảnh văn học mỗi thời kỳ diễn ra khác nhau, đến vẻ đẹp ngôn ngữ và nhất là tâm tình, tấm lòng của người viết, một người thơ, một đời thơ.

Một trong những chủ đề luôn hấp dẫn của thơ là sự khám phá muôn màu muôn vẻ tình yêu và các mối quan hệ con người (tình yêu lãng mạn, vợ chồng, cha mẹ con cái, anh chị em ruột thịt, bạn bè). Theo thời gian, thơ liên quan rất nhiều đến những khía cạnh của tình yêu (thất tình, yêu từ cái nhìn đầu tiên, tình yêu đích thực, yêu đơn phương, bí mật, ám ảnh, ghen tị). Thơ trữ tình liên quan đến đời sống tình cảm của nhà thơ, được viết ra bằng ngôn ngữ, suy nghĩ và cảm xúc nhất định. Chúng ta nhìn thế giới từ góc nhìn cá nhân và đầy nội tâm của mình.

Thơ cần thiết và giúp chúng ta hiểu vạn vật xung quanh, thấy được những điều mới mẻ mà trước đây chúng ta chỉ xem là đương nhiên, trang bị cho chúng ta những quan điểm mới về những điều quen thuộc. Thơ giúp ta nhìn lại cuộc sống bằng đôi mắt tươi mới như đôi mắt của một đứa trẻ để hiểu thế giới xung quanh mình sâu sắc hơn. Nhà thơ thường biết tạo ra hình ảnh trong tâm trí người đọc bằng nhiều chi tiết cảm giác và ngôn ngữ tượng hình, tạo ra nhạc tính, âm thanh.

Về hình thức, cũng là cấu trúc chung của bài thơ, có ảnh hưởng lớn bởi thời kỳ và bối cảnh lịch sử mà bài thơ được viết ra. Sở dĩ tôi nhắc đến điều này vì thi sĩ Lương Túy Vân của chúng ta là một tác giả đặc biệt, đời thơ của ông trải qua rất nhiều giai đoạn đổi thay của đất nước, của thời cuộc. Mỗi nhà thơ sẽ có lối viết khác nhau, đơn giản dễ hiểu cụ thể hay trừu tượng nhiều tầng nhiều lớp nghĩa. Túy Vân chọn cách viết không cầu kỳ văn hoa mà bằng quan tâm chủ quan và đi tìm sự đồng cảm. Vẻ đẹp trong thơ ông mang tính trữ tình (*Em biết chăng/ Ngày tháng năm mô đó/ Thương thật thương/ Nhưng em phải đợi chờ/ Vì quê hương/ Thời lửa đạn*); có mối quan hệ chuyển động của âm thanh và hình ảnh (*Túy Vân say mộng nghiêng chiều tím/ Bạch Mã ru hồn vọng biển xanh/ Qua lại buồm căng tròn bụng gió/ Đò về sóng vỗ nhạc đêm thanh*). Vẻ đẹp trong thơ ông lan tỏa do niềm đam mê văn chương và hết lòng vì bạn bè văn nghệ, điều này được thể hiện qua từng vần thơ mang tính truyền cảm hứng bằng ngôn ngữ diễn giải. Đọc thơ ông để cảm nhận cái tình cũng như chúng ta nghe nhạc bằng cảm xúc chứ không phải chỉ nghe âm thanh. Thông thường vần điệu như là yếu tố then chốt của bài thơ, nó ảnh hưởng đến nhịp độ, giọng điệu ở một mức độ nhất định nhưng bản thân ý nghĩa bài thơ và cách liên kết giữa các câu với nhau trong thơ ông lại là điểm nổi bật hơn. (*Chiều nay/ Chúng con về với biển/ Nhớ thuở nào/ Mẹ đứt ruột chia con!/ Cha già Lạc Long Quân/ Dạy chúng con khôn lớn/ Tìm mẹ Âu Cơ/ Tuyệt diệu buổi nào*).

Chẳng hiểu sao và không biết tự khi nào, tôi lại đi lạc vào thế giới vườn thơ của người Việt. Càng đi lạc tôi càng nhận ra sao nhiều người làm thơ đến thế, sao nhiều nhà thơ đến thế và sao nhiều thơ hay đến thế. Trong khi các bạn tôi tung tăng trên phố, du lịch đây đó, tập yoga, chạy bộ, xem phim, nghe nhạc, và nếu ai đó nhắc đến hai từ “nhà thơ” thì họ lại cười phá lên như thể một điều xa lạ vô bổ

được nhắc đến không đúng lúc, thì tôi, ngồi làm thơ và đọc thơ say mê. Mà tôi không hề đơn lẻ, xung quanh tôi và trong vòng bạn bè văn nghệ, mọi người sáng tác thơ văn, in sách, phổ nhạc, dịch thuật. Thi sĩ Lương Túy Vân của chúng ta cũng thế: làm thơ và chủ biên, thi ca và bạn bè, đầu mấy mươi năm trôi qua, từ tập sách đầu tiên đến tập sách tạm gọi là cuối cùng, hừng hực, nhiệt huyết, nồng ấm, tình cảm.

Thi ca có sức cuốn hút một cách kỳ lạ và đem lại niềm vui gần như bất tận. Túy Vân, cũng như rất nhiều thi sĩ khác, bị thu hút bởi sân chơi này, mê đắm, yêu thích, ngay cả với nhiều tác phẩm không do họ viết ra. Thế nên khi thi sĩ thực sự sáng tác, họ truyền tải thông điệp vào tác phẩm bằng linh hồn. Linh hồn phổ quát giải phóng năng lượng nhịp nhàng từ vũ trụ tinh thần và từ ý tưởng diễn giải lớn, sức mạnh cảm xúc được gói gọn trong tầm nhìn sáng tạo ban đầu. Niềm vui thiêng liêng ấy là cái mà tâm hồn nhà thơ cảm nhận được, chinh phục được người đọc để rồi tác phẩm được đón nhận một cách rộng rãi.

Trong bất kỳ lãnh vực nào, con người cần phải dùng đến kỹ thuật tinh tế để hướng đến sự hoàn hảo. Nhưng để tiến đến sự hoàn hảo ấy, có cả một thế giới bên ngoài trước khi bạn đến gần những gì cần tìm kiếm. Đối với tôi, thi ca nằm trong thế giới này, tức là ít dùng kỹ thuật hơn so với các ngành khác. Thi ca của trí tưởng tượng, thi ca của nghệ thuật với nhạc cụ, nhịp điệu, của sáng tạo nghệ thuật phi vật chất, của giá trị tư tưởng và trí tuệ. Sức mạnh ngôn từ nhịp nhàng của nhà thơ qua tầm nhìn bản thân và thế giới trở thành hình thức cao nhất tác động vào xúc cảm người đọc. Một bài thơ viết tự nhiên bằng xúc cảm rung động chân thật vẫn dễ đi vào lòng người hơn bài thơ uốn éo vận dụng quá nhiều kỹ thuật biểu diễn. Thơ của Lương Túy Vân là như thế. Hãy đọc một số câu thơ thật đẹp của anh: *Rả rích, hồn thơ rung cảm thức/ Tuổi đời xanh mãi hạt mưa đêm; Tôi không thể nhìn em/ bằng đôi mắt tròn xoe vô cảm/ để tự thức rằng/ em sẽ có nụ cười mông lung xa thẳm nào đó/ về tôi; cảm ơn đình làng cây bàng xưa vẫn đợi/ tâm lòng trĩu nặng / cong cả mái ngói âm dương; Có duyên gặp gỡ/ vậy là... / Chữ duyên đưa lối/ tình xa vẫn gần; Mưa chiều/ Con đò quay trở/ Thời gian một phép cân/ Trong tôi/ Sự đổi thay không biến biển trời nhỏ lại/ Vẫn Tam Giang, Túy Vân, Bạch Mã/ Và chuỗi ngày thơ ấu bỏ tôi.*

Với cảm quan thi ca, nhà thơ thông qua những bài thơ để thể hiện sắc màu cuộc sống hay chân lý của tự nhiên, tìm kiếm vẻ đẹp an vui và khám phá thực tại sâu sắc. Thơ phải quan trọng lắm thì mới cuốn hút thi sĩ Lương Túy Vân từ năm này qua tháng khác lâu đến thế. Thơ giúp ông hiểu và trân trọng thế giới xung quanh. Thơ là nhạc, là nhịp phách của nhạc, là vận, là tư tưởng trữ tình, là sự sắp xếp các con chữ để chúng có ý nghĩa theo ý thích nhà thơ muốn viết. Thơ là phong cách, ngắt dòng và trình bày. Thơ cũng là suy nghĩ và ý tưởng, là đam mê cuộc sống từ trái tim. Thơ là hương, là nét, là làn điệu của giấc mơ, cảm giác, màu sắc và hình ảnh. Bạn đọc thơ để nhịp tim rung lên, như thể đang nhìn thấy đôi cánh thiên nga của trí tưởng tượng, hòa vào bầu trời trong xanh. Thơ của cuộc đời, một đời, và thế giới. Đọc thơ Lương Túy Vân bạn sẽ thấy bức tranh tổng quát về thơ là như thế, đủ mọi cung bậc, đủ mọi chiều cảm xúc và nhất là rất tình cảm, có ý nghĩa đặc biệt với riêng tác giả và với bạn bè văn nghệ cũng như gia đình, người thân.

Vì đây là tập thơ tổng hợp một quá trình rất dài, thật khó để đi sâu vào từng chi tiết. Bạn chỉ có thể cầm sách lên, lâu lâu hứng thú đọc vài trang, ngẫm nghĩ, suy tư về một con người, một tấm lòng, để bạn sẽ thấy mình yêu quý cuộc đời này biết nhường nào. Tôi quý người thơ Lương Túy Vân và sự nhiệt tình của ông dành cho văn nghệ, điều này đã truyền cho cá nhân tôi một nguồn năng lượng lan tỏa nhiệt thành, để rồi khi nghĩ về bạn bè, nghĩ về những người sáng tác, tôi chỉ ước gì mình có thể đóng góp một phần nhỏ nhoi nào đó, để thơ họ được tỏa sáng hơn nữa và được biết đến nhiều hơn nữa trên bầu

trời thi ca. Chúng ta vẫn mãi mê đuổi theo thơ là bởi vì thế giới thơ bao la rộng lớn với nhiều chiều kích, đa lĩnh vực, đa văn hóa, nghệ thuật và nhân văn, kiến thức và trí tuệ.

Những bài thơ của Lương Túy Vân đến với tôi như những đoàn tàu tiếp nối trên sân ga, đoàn tàu của suy nghĩ và ý tưởng, hình ảnh và giấc mơ, phản chiếu từ xa cho đến khi chúng tiến đến gần tôi, một lữ khách cô đơn đứng đó, đắm chìm trong suy nghĩ và quên mất mình phải lên chuyến nào và dừng lại ga nào. Tôi thương các nhà thơ vì một lẽ nào đó, trong khi các nhà khoa học luôn có thể biến giấc mơ của họ thành sự thật thì các nhà thơ tội nghiệp của chúng ta cứ mơ mãi, ước mãi, ngụp lặn trong những niềm tin hiện sinh hay hư vô, chất vấn sự tồn tại hay suy tư về thời gian ngắn ngủi trên cõi đời này.

Cũng may chàng thơ yêu dấu của chúng ta không đến nỗi quá bi quan, quá đau buồn mà thông dong dạo chơi trên cuộc đời này, trên cánh đồng thơ này. Thơ ông viết về quê hương và những địa danh, chỉ cần đọc qua, ta thấy một trời yêu thương trong tâm hồn (*Huế người thương, quê hương yêu dấu/ Đùm bọc nhau thời buổi gió sương/ Đông qua xuân đến, mắt em cười...; Ta không muốn thân đi mà lòng còn nặng trĩu/ Gánh nghĩa/ Gánh tình/ Và nặng hơn cả: QUÊ HƯƠNG; Ghé đường ăn bátbún riêu/ Quê hương vọng lại bao chiều hương quê/ Hương trầm hương bưởi làn về/ Hương tình biển gọi mần về hạt vàng/ Còn em nét ngọc xuân sang/ Một thì lá vẫy xanh làng có hoa/ Tôi đi qua biển sương nhòa; Mỹ Lợi - Quê hương từ buổi ấy/ Biển xé bờ - Dinh Ông đất lở; Tết năm này có khác Tết xưa/ Bạn hiền dám hỏi Huế hanh tạnh hay mưa/ Nghe nay thời tiết nhiều thay đổi/ Huế lạnh như “RI”... Huế mới vừa).*

Cũng như hầu hết những nhà thơ khác, Túy Vân viết về bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông và gửi cái tình vào những khúc mùa ấy, thơ của nghệ thuật yêu thương hương thơm ngọt ngào, những bông cúc bé dại đầm sương trong buổi sáng mùa thu hay những con đường nhựa dưới nắng nóng khói bụi, thơ của những người cày ruộng xới đất chuẩn bị cho vụ mùa hay những vần thơ sinh thái. (*Đông Huế lạnh nhạt nhòa sơn phấn/ Chiếc đồ ngang áo trắng mưa dầm/ Cầu Trường Tiền dáng vóc cao thâm/ Con Bạch Hồ chìm trong sương khói; Mai, đào/ Khoe sắc dáng xuân/ Tì trong nụ bầm/ trâm luân biển vèo/ Xuân đất trời - cảnh hòa theo/ Cảm xuân trời đất/ cánh bèo tím hoa; hấn em cũng rõ rồi/ mùi mắm ruốc ngậy ngậy đường rom ra/ những chiều mùa hạ/ rừng liễu hát.../ gió nồm lên...; Rong ả đến giờ cũng phải thức dậy/ Mùa linh thiêng tự khắc phơi bày/ Cúc vàng em mùa thu thức ngộ/ Ánh dương tình phía biển bão tiêu tan)*

Tôi nghĩ rằng Túy Vân dành cho bạn bè văn nghệ một chỗ đứng không nhỏ nên xuyên suốt tập thơ, hình ảnh những người bạn xuất hiện khắp nơi, ông tặng thơ cho người này, kỷ niệm cuộc gặp mặt người kia, trân quý khoảnh khắc nọ. Không như mối quan hệ gia đình, tình bạn chủ yếu dựa trên quyết định cá nhân, trên sự đồng cảm và cảm xúc tính cực, sự chính trực đạo đức, sự kiềm chế, kiên nhẫn cũng như bản chất mỗi người nói chung và sự hòa hợp giữa những tâm hồn cũng như vòng tròn bè bạn mà chúng ta tiếp xúc cùng với trách nhiệm đối với gia đình, xã hội. Đọc những bài thơ Túy Vân dành tặng bạn bè mà yêu, mà quý (*Tặng anh Hồ Trọng Ám và chị Nguyễn Thúy Ái; Tặng anh Vương Tử; Tặng họa sĩ Phan Chi; tặng Trương Như Bá; Tặng Toàn, Mai; Tặng Loan; Tặng Sư Tâm Ảnh; Tặng hương hồn anh Thiét; Tặng nghệ sĩ Song Nguyễn; Tặng anh Phan Ngộ; Tặng các anh Địa chính; Tặng hai cặp vợ chồng anh Nguyễn Văn Ngôn và Huỳnh Văn Thân; Tặng Nguyễn Xuân Bảy – Nguyễn Sơn Hải; Tặng Mặc Phương Tử; Tặng Trang; Kính tặng gia đình anh chị Lưu Hoàng Thao; Tặng anh chị Trương Đình Quế; Tặng em Thanh Trung*). Sở dĩ tôi tỉ mỉ liệt kê ra đây là để tri ân tấm lòng anhdành cho bạn bè, cũng như có rất nhiều tình cảm bạn bè quý mến dành cho anh (*Tranh tặng bởi các họa sĩ Phan Chi, Nguyễn Đình Thuận, Vũ Hà Nam; ký họa của Hồ Quốc Nhạc; Thư pháp Song*

Nguyễn, Thich Minh Tông; thơ Lương Túy Vân được phổ nhạc bởi Thanh Nga, Hoàng Châu, Hà Mai Tân, Nguyễn Văn, Khánh Vinh, Mai Phạm, Minh Châu; ảnh nghệ thuật của Lê Nhật Ánh; Thơ tặng bởi Hải Cát, Mặc Phương Tử; Bài cảm nhận được viết bởi Nguyễn Đăng Trình, Đoàn Vị Thượng, Trần Dza Lữ, Lê Nhật Ánh, Nguyễn Nguyên Thủy, Nguyễn Liên Châu, Võ Thị Như Mai)

Và ngạc nhiên chưa, một đời thơ, ông dành rất ít bài thơ tặng vợ, có lạ lùng không. Mấy lần tôi biết ông du hành đây đó, chưa lần nào không có phu nhân đồng hành. Thế đấy, những vần thơ và những sinh hoạt văn nghệ có được, thăng hoa, hưng phấn, sẽ kém tươi tốt mỡ màu nếu không có sự ổn định gia đình. Gia đình là nền tảng và cũng là yếu tố chính giúp chúng ta đứng vững giữa cuộc đời này và giao lưu vui vẻ với người thân bạn bè. Đọc CẢM ƠN NGƯỜI để yêu làm sao NHÀ THƠ - MỘT ĐỜI THƠ: *Ta cảm ơn/ Cảm ơn người vợ hiền nhiều năm chịu đựng/ Vì thương chồng nên dằn dưng/ Cho/ Một mái nhà ấm áp/ Bấy nhiêu thôi! Vây mà... / Chiều chiều/ Ta lại lang thang/ Tìm bè bạn qua từng quán cóc/ Con đường nho nhỏ/ Cuộc sống thiếu khó/ Quán cóc đêm về... bạn bè ngất ngểu/ Chia tay/ Người vợ/ Chờ/ Từng đêm... khuya khoắt/ Cảm ơn người!...*

Tập bản thảo thơ Lương Túy Vân gợi cho tôi quá nhiều suy tư, đưa tôi đến với những trở trăn về thi ca nói chung và những thi sĩ hàng ngày trò chuyện với mọi người bằng thơ nói riêng. Túy Vân viết không phải vì niềm vui riêng của mình mà truyền tải suy nghĩ cảm xúc đến độc giả. Ông viết bằng ngôn ngữ của những người bình thường và thể hiện niềm quý trọng với chúng ta một cách nghiêm cẩn. Ông nhạy cảm quan sát và ghi lại bằng cảm nhận, bằng trí tưởng tượng. Thi sĩ am hiểu bản chất con người và thấu rõ sự đam mê của bạn bè văn nghệ, cảm nhận được nhịp đập của những người bình thường xung quanh mình và viết lại bằng ngôn ngữ chân phương mộc mạc. Hơn nữa, Túy Vân có niềm đam mê cuộc sống một cách nhiệt tình, yêu thích sự vận hành của thế giới xung quanh và vui vẻ truyền đạt lại niềm vui cuộc sống của mình cho người khác. Tôi xin được kết lại bài viết bằng những lời yêu thương dành cho tác phẩm NHÀ THƠ – MỘT ĐỜI THƠ: Nơi nào đó trên địa cầu, tiếng thở dài cồn cào phở vãng. Mảnh trăng khuya thềm lặng, ai trở về ước sững mộng mơ. Có kẻ bơ vơ, ai người đợi chờ, ngày và đêm xoắn vào nhau vương dấu hương mùi nhớ. Đêm ơi ngủ ngoan nào, ngoài kia tiếng sóng biên lao xao, nhịp yêu thương thồn thức, len vào giấc mơ hồng. Ở nơi ấy chỉ còn lại bầu trời xanh trong, cho tâm thức chạm nhau, chỉ chạm nhau thôi mà hóa thành vĩnh cửu. Rất là thơ! ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

KHANG QUỐC NGỌC – NGƯỜI CHIẾU CHÙM ĐUỐC LÊN BẦU TRỜI ĐÊM**Võ Thị Như Mai***(Đọc Lay Con Chữ Thức của tác giả Khang Quốc Ngọc, NXB Hội Nhà Văn, 2023)*

Nhiều khi tôi tự hỏi, tại sao người ta có thể trò chuyện hàng giờ về một bài thơ mà người ngoài lắng nghe mãi không bao giờ chán. Điều này thật thú vị. Chúng ta kết nối với nhau qua ngôn ngữ và một khi có đề tài đủ thu hút, đủ hấp dẫn, cuộc đối thoại cứ thế tiếp diễn. Phê bình và cảm nhận văn học cũng thế, phải vừa có tính soi sáng, vừa có tác dụng giải trí thì mới có khả năng thuyết phục bạn đọc. Nhiều bài bình luận thơ văn cứ như một biên bản cuộc họp, khô khan, cứng nhắc, áp đặt và quên đi mục đích chính của sức sống văn học dành cho. Nhà phê bình văn học giống bạn ở một điểm là họ sẽ nhìn thấy những gì bạn nhìn thấy, họ sẽ nói những gì bạn có thể nói, nhưng họ có niềm tin và hi vọng được viết ra những điều cảm nhận ấy một cách đẹp nhất, thấu đáo nhất và lôi cuốn nhất có thể.

Nhà thơ, nhà viết kịch và nhà phê bình văn học Anh T.S.Eliot đã từng phát biểu rằng sở dĩ phê bình thơ có mặt trên cõi đời này là để làm sáng tỏ tham vọng và sở thích của chính nhà thơ. Mỗi nhà phê bình sẽ có thị hiếu và giọng điệu văn xuôi riêng của mình, họ quan tâm và đeo đuổi say mê một hoặc nhiều mảng nghệ thuật nào đó và chủ đề nào đó để rồi làm chiếc cầu kết nối giữa người viết và bạn đọc, bởi vì nhà thơ chân chính viết ra theo bản năng rung động của thời đại và nhà phê bình chân chính cũng sẽ nghe theo chính bản năng sáng tạo đó.

Đôi khi nhà phê bình phải bước ra ngoài những phân tích hàn lâm về văn học, viết về thơ như một cách đáp trả nghĩa là thảo luận về các bài thơ, ý tưởng về thơ dựa vào các thông tin gom được. Bởi vì, thơ ngoài giá trị về cuộc sống tâm trí, nó còn có giá trị tồn tại qua những thời khắc của hiện tại, của sự bình thường trong cuộc sống vì đó là môi trường nơi thơ ca hoạt động tốt nhất.

Một nhà phê bình văn học tinh thông sẽ có cách tiếp cận uyên bác, cá nhân nhưng không ích kỷ, kể chuyện cũng như chú giải rất tế nhị, nhân văn. Một bài thơ chỉ là một giọt nước trong đại dương bao la nhưng bài thơ ấy sẽ trở thành một tác phẩm văn học đáng ghi nhớ và được nhắc đến nhiều lần, giọt nước ấy trở thành một làn sóng với nhiều cảm xúc và có sức quyến rũ đến tuyệt vời. Sự tôn trọng của một nhà phê bình văn học đối với thơ ca đã làm bừng sáng hình ảnh một cách kỳ diệu. Rất nhiều người sáng tác thơ văn nhưng họ cũng cần ai đó chiếu chùm đuốc lên bầu trời đêm, ánh sáng sẽ đi mãi, đến tận cùng vũ trụ để rồi những âm thanh cũng như điệu nhạc trong thơ sẽ ra đi từ tác phẩm vào không gian xa nhất và đến với nhiều người đọc nhất.

Mục đích chính của phê bình được cho là để biết đến những gì tốt nhất, những dòng chảy suy nghĩ đang diễn ra, để tạo một trào lưu ý tưởng chân thật và mới, đưa tính khách quan khoa học vào đánh giá phê bình, từ đó so sánh và phân tích. Một nhà phê bình là ân nhân lớn của xã hội. Người nghệ sĩ sáng tạo dù thiên tài đến đâu cũng cần có sự trợ giúp của nhà phê bình, họ không những quan tâm đến vẻ đẹp và khuyết điểm của các tác phẩm nghệ thuật mà chính bản thân họ còn là nhà giáo dục, người bảo vệ dư luận và truyền bá những ý tưởng hay nhất. Họ mở ra cánh cửa về những nguyên tắc chi phối việc làm một bài thơ, những bài thơ nào hay đáng được lựa chọn và phổ biến. Bản thân thơ ca ngoài các nguyên tắc quy luật và vẻ đẹp còn là sự quan sát, phê phán và phản ánh về cuộc sống. Đường như thocha là nguồn nuôi sống đời sống tinh thần của chúng ta và tồn tại lâu bền trong thời đại mà niềm tin tôn giáo lắm lúc chao đảo lung lay. Bởi vậy thơ được cho là hơi thở và tinh thần tinh tế của tri thức.

Người phê bình còn là một nhà đạo đức học với những ý tưởng rõ ràng gắn kết cuộc sống. Họ sẽ nhận biết bài thơ có sự nghiêm túc và mang dấu ấn chân lý cao độ với chủ đề chân thật qua cách diễn đạt và chuyển động theo phong cách riêng của mỗi nhà thơ. Họ luôn biết rằng văn học đương đại được xây dựng trên nền tảng của quá khứ và đóng góp cho tương lai bằng cách tiếp tục văn học truyền thống vững chắc, những phẩm chất cao quý của người xưa được truyền cảm hứng lại với những chứa đựng bi tráng, sâu sắc về đạo đức và sự giản dị cao quý. Sự kết hợp giữa chủ đề hiện đại của chủ nghĩa trữ tình với các thể thơ nhẹ nhàng và tính cao cả, hào hùng trong sử thi tạo nên dòng chảy văn học mới được những nhà phê bình văn học quan tâm.

Như tôi đề cập trên đây, phê bình văn học là sự phổ biến các ý tưởng với một nỗ lực không vụ lợi để học hỏi và truyền bá những gì tốt nhất. Khi đánh giá về một tác phẩm, nhà phê bình muốn nhân mạnh mục đích, tính chân thật, tư tưởng của đối tượng mình đang viết về. Họ đánh giá trung thực và vô tư về tác phẩm và nhà thơ mà họ quan tâm dựa vào nhiều yếu tố thẩm mỹ, phương pháp thơ, những bài học hay kinh nghiệm sống, niềm đam mê của chính nhà thơ đem lại cho cuộc đời này. Trong thế giới có nền văn hóa đầy rẫy sự cường điệu và tràn ngập quảng cáo, một số đối tượng được thổi phồng quá mức và không mấy xứng đáng, vai trò của một nhà phê bình chân chính càng được nâng cao bởi họ sẽ không tranh luận độc đoán, bản thân họ khi thưởng thức một tác phẩm sẽ nhận ra tính thẩm mỹ và biết tự phê bình đồng thời biết tự kiểm tra phản ứng và giác quan của mình trước tiên.

Tất cả những nhận định, suy nghĩ hay những gì tôi học được và đề cập trên đây đều có động cơ từ việc đọc bản thảo LAY CON CHỮ THỨC – Tác phẩm phê bình văn học thể thơ 1-2-3 của tác giả Khang Quốc Ngọc. Ngọc có một niềm tin hứng khởi và nhiều cảm xúc tươi tắn đầy lạc quan với thể thơ mới này. Anh mở đầu bằng “Chiêm nghiệm và ước đoán về thơ 1-2-3” với những con số thống kê chẵn chẵn, quan sát tỉ mỉ và hòa mình tích cực vào dòng chảy vô cùng sôi nổi, tươi trẻ của một thể thơ có niêm luật riêng về số câu, cách vắt dòng, số từ tối đa ở mỗi dòng, sự liên kết và tính độc lập của những trường ngữ nghĩa. Anh nhấn mạnh “1-2-3 đòi hỏi tính chất lọc, sự tinh tế đi kèm với lắng suy và rút tía đặt trên nền tảng bồi lắng của văn hóa” và anh tin rằng thể thơ này hiện nay đã lan tỏa mạnh nhưng sẽ thành công hơn nữa qua thời gian. Từ niềm tin ban đầu ấy, Ngọc bắt đầu “Lay con chữ thức” giúp độc giả được thắp sáng bằng thơ. Anh cẩn thận chọn lựa những câu hay từ đẹp, lướt nhẹ hay đi sâu vào từng ý từng đoạn từng bài. Anh đưa chúng ta ra khỏi sự đơn độc qua nhiều ký ức, niềm vui thời thơ ấu, những ngày hạnh phúc những nơi đẹp đẽ, về những người thân yêu mà chúng ta đã mất hoặc cảm giác bình yên và hòa hợp với thế giới tự nhiên. Những bài thơ lẻ của các tác giả được anh khâu chuỗi lại thành bức tranh với nhiều sắc màu, đủ để chịu và mượt mà để làm dịu đi trong phút chốc một lo toan thường nhật hay chỉ để bạn lấp đầy tâm trí mình bằng những suy nghĩ khác tích cực hơn. (1) “*Tác giả cố tình đặt nhân vật trữ tình của mình vào tình cảnh gần như là sự ngược sáng, có chi đó trái với quy luật thời gian không gian là phải chăng cũng chỉ để muốn diễn giải thế giới nội tâm vô cùng rắc rối và phức tạp của con người?*” (Về Lê Đỗ Lan Anh); (2) *Bài học cuộc đời nằm vắt lên trên câu chữ mà lại không hề nặng nề lên gân. Có được điều ấy, chắc có lẽ tác giả phải chiêm nghiệm rất nhiều từ cuộc sống và sách vở kệ kinh?* (Về Lê Thị Ngọc Nữ); (3) *Câu thơ cuống cuống toan gấp đôi lại là cốt diễn tấu thơ như được nhân hai hạnh phúc lên. Tình cảm dâng trào, sóng tình lan tỏa.* (Về Vũ Trần Anh Thu)

Một điểm nổi bật trong cách viết của Khang Quốc Ngọc đó là việc anh giúp cho độc giả hiểu được cả nghĩa đen của bài thơ cũng như ý nghĩa tượng trưng hoặc hướng gợi mở của bài thơ ấy. Nhà thơ thường bộc lộ sự nhạy cảm phi thường đối với diễn ngôn của mình qua chọn từ ngữ và cách diễn đạt tạo ấn tượng sâu đậm và họ cũng muốn biết phản ứng của người đọc như thế nào. Ngọc đã làm tốt vai trò của một cầu nối với nỗ lực giúp chúng ta hiểu biết hơn về thơ ca để rồi từ đó có sự liên kết trực tiếp giữa văn học chúng ta đọc và cuộc sống chúng ta sống. Anh tách một bài thơ thành các yếu tố cấu

thành, xem xét từng phần riêng biệt rồi mới đề cập đến các mối quan hệ tổng thể, đề hiệu và đánh giá cao tính toàn vẹn và thông điệp của toàn bài thơ. Qua cách dẫn dắt và diễn giải của anh, người đọc thêm yêu mến và muốn ít nhất một lần trải nghiệm thể thơ 1-2-3, trải nghiệm qua tự sự, đối thoại, độc thoại kịch, trữ tình bằng cách tung tủy theo nhịp điệu ngôn ngữ, vần điệu sáng tạo, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về một chủ đề ngắn gọn nhưng có nhạc tính. Khang Quốc Ngọc giúp chúng ta hiểu hơn về tâm trạng (cảm giác mà bài thơ tạo ra), giọng điệu (thái độ của nhà thơ đối với đối tượng và độc giả của mình), hình ảnh (nhà thơ sử dụng từ ngữ để tạo ra bức tranh tinh thần hay giao tiếp để hấp dẫn các giác quan người đọc) và nhiều yếu tố thú vị khác. (1) *Bằng sự nhân cách hóa nổi trội, tác giả Hồ Trung Chính đã đem đến cho chúng ta một cảm giác như đang được nghe âm hưởng của một bản nhạc ngâm ngùi;* (2) *Giọng thơ vừa rền vang hùng khí dân tộc vừa mềm mại thiện lương dịu lành. Chinh chiến quyết tử song hành cùng với tình người độ thế càng làm cho bài thơ có lực hút và dấu ấn hơn. (Về Mai Xuân Thảng);* (3) *Lời thơ chủ yếu bộc lộ tâm tư một chiều từ phía tình yêu có thể là đơn phương nhưng không kém phần nồng cháy. Do vậy, lời thơ gọn, biện pháp so sánh làm bùng nổ tứ thơ. (Về Kim Mi Di)*

Tôi bắt đầu tập bản thảo bằng cách in ra, đóng tập, lật giở từng trang, đọc to những phần thú vị và điều đầu tiên lôi cuốn tôi là những sắc màu mới lạ, nét tươi mới cũng như ý tưởng dạt dào nhưng đầy chất lọc nhả nhót sống động trong tâm thức mình. Tôi chắc rằng Ngọc cũng vậy, anh không quên rằng các nhà thơ đã làm việc chăm chỉ, sáng tạo và đầy cá tính để dâng tặng những vần thơ sóng sánh nên anh viết về họ đầy trân trọng, tôn vinh, rộng lượng và vô cùng nhân văn. Anh hòa vào dòng suy nghĩ của họ, đọc kỹ và dành nhiều thời gian cho tác phẩm để rồi có những bài viết thú vị với nhiều cung bậc, tích cực, trung thực nhưng không hề buồn tẻ. Anh tương tác trực tiếp với văn bản và hiểu sâu về phương pháp của nhà thơ, lấy những câu trích dẫn nổi bật và sắp xếp theo một trình tự riêng tạo cho người đọc một cảm giác liên kết dễ chịu khi đọc. Sự hào phóng và chu đáo cộng với tâm hồn cởi mở là những điểm sáng của Ngọc. Anh truyền tải kiến thức của quá khứ để chuyển nghĩa tiềm ẩn của từ, dòng, khổ thơ, nhịp điệu thành âm nhạc của thời điểm hiện tại.

Một thông tin thú vị, chính Khang Quốc Ngọc là một nhà thơ với vốn từ vựng phong phú đậm sắc màu quê hương, tình yêu và cuộc sống. Đọc thơ anh để cảm nhận những con chữ nhả nhót trên trang giấy, mở ra không khí trong lành giữa bầu trời xanh biếc, nghe tiếng tôm búng cá quẩy, tiếng lửa tí tách trên cao nguyên hay những bông hoa tươi thắm đọng sương trên đồng cỏ, thư giãn và bình yên, trong lành và gọi cảm. Là thi sĩ với nhiều trải nghiệm và có vốn sống phong phú nên thơ anh thú vị và khác biệt. Dù xa cách làng quê nhưng sự quyến rũ của cuộc sống nông thôn dường như luôn có sức hấp dẫn mạnh mẽ với anh, vì lẽ ấy, thơ anh lấp lánh nhịp sống quê với những nỗi nhớ và kỷ niệm, với tiếng chim hót như những nốt nhạc ngọt ngào. Là người làm thơ và có kiến thức phê bình cảm nhận văn học như thế, thảo nào những bài viết của anh thật hay và có sự đồng cảm sâu sắc với các nhà thơ anh đọc.

Bản thân tôi chỉ mới viết một chùm thơ 1-2-3 với những hào hứng và tò mò, với mong muốn được hiểu thêm và khám phá, ngoài ra tôi làm thơ tự do, thơ có vần để giải trí và khi có thời gian tôi thích đọc thơ bạn bè và chuyển ngữ sang tiếng Anh. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng mình là người lạc quan, vui nhộn, biết lắng nghe, tìm tòi và đặc biệt là luôn có mong muốn học hỏi mọi nơi mọi lúc. Tôi yêu quý thơ, thông hiểu cho các nhà thơ và kính mến những nhà phê bình. Dĩ nhiên không phải nhà phê bình văn học nào cũng xuất sắc nhưng tôi phục ý chí và sự kiên nhẫn cũng như tâm tình của họ. Nhà phê bình và những dịch giả tinh thông biết tái tạo ngôn ngữ của nhà thơ và đưa người đọc vào một thế giới nội tâm sâu sắc. Tôi đọc “Lay con chữ thức” của Khang Quốc Ngọc trong tâm thế của một bạn đọc, một người yêu thơ và quý trọng cảm nhận văn chương nên bài viết giới hạn này chỉ nói lên những suy nghĩ, những tìm tòi và những phát hiện mà bản thân tôi cho là thú vị nhưng chắc chắn là chưa đầy đủ, mong rằng các bạn cũng yêu thích tập sách xinh xắn này như tôi vậy và sẽ có nhiều nhà phê bình văn

học viết về nó một cách thấu đáo hơn, chuyên nghiệp hơn và trên nhiều phương diện hơn. Điều sau cùng, đối với tôi, đây là tập sách rất đáng được chọn để thưởng thức từng phần nhỏ bên tách trà hoa cúc vào những buổi sáng dịu dàng. Tôi gửi lời chúc mừng đến sự thành công ban đầu của 1-2-3 và có nhiều niềm tin để mong chờ cho tương lai. Xin cảm ơn tác giả Khang Quốc Ngọc và LAY CON CHỮ THỨC! ■

Võ Thị Như Mai

Kẻ Bị Lừa

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

- Bên trái của quý vị là khung cảnh nổi tiếng nhất của thành phố Giêrusalem.

Tôi vừa mới nói xong qua hệ thống phóng thanh thì chiếc xe buýt như muốn nghiêng qua một bên vì mọi người đổ dồn qua phía bên trái để chụp hình bằng điện thoại di động. Chiếc xe buýt đang chạy chậm chậm ở trên sườn Núi Ôliu. Ở phía bên trái là thành cổ. Từ phía bên sườn núi, người ta có thể thấy hết được khung cảnh thành phố cổ Giêrusalem với bức tường thành bao quanh và thánh đường Hồi Giáo là Nhà Thờ Tảng Đá (Dome of the Rock) với vòm đá mạ vàng phản chiếu ánh sáng mặt trời nổi bật giữa những ngôi nhà xây bằng đá trắng. Nhìn khung cảnh là người ta biết ngay đây là thành phố Giêrusalem. Tôi để yên cho mọi người sướng xoa, trầm trồ, chụp hình lia lịa khung cảnh ở trước mặt. Phản ứng của phái đoàn du khách nào cũng thế. Không ai có thể ngồi yên nhìn ngắm khung cảnh thành phố Giêrusalem từ bên Núi Ôliu mà phải chụp vài tấm hình làm kỷ niệm. Người tài xế đã kiếm được chỗ trống để tấp vô lề. Mọi người đổ xuống xe buýt. Họ túa ra để đi chụp hình. Tôi hét trên loa là chỉ có được 30 phút chụp hình rồi sẽ phải tiếp tục đi. Tuy là hét muốn khản cổ như vậy như tôi biết không dễ gì mà xua một đàn vịt 45 con trở lại lên xe buýt trong vòng 30 phút. Nghĩ lại cũng buồn cười. Khách du lịch ai cũng muốn đi tham quan nhiều nơi nhưng không bao giờ theo đúng chương trình. Thời gian thì bao giờ cũng chậm trễ, lại thích đi chụp hình và mua sắm dọc đường. Nên rốt cuộc, ngày nào tôi cũng phải hủy một hay hai địa điểm ở trong chương trình vì không đủ thời giờ. Nhưng nếu không bỏ lên chương trình thì người ta lại nói là không đầy đủ như những công ty khác. Tiền của quý vị bỏ ra thì quý vị muốn làm gì thì làm, chỉ thiệt hại cho quý vị mà thôi. Tôi có nói họ cũng không nghe.

Công ty du lịch của tôi trụ sở chính là ở TPHCM nhưng có chi nhánh ở khắp nơi. Tôi phụ trách những phái đoàn bay đến từ Tân Sơn Nhất nên đa số là người ở trong Nam. Họ thích hợp với tôi hơn vì tôi cũng sống ở trong Nam. Chương trình du lịch nước Do Thái của công ty lịch 8 ngày 7 đêm. Vì đây là dịch vụ du lịch chứ không phải là hành hương nên chúng tôi không có linh mục đi theo để cử hành thánh lễ. Tuy nhiên có những phái đoàn họ có linh mục đi theo để cử hành thánh lễ hàng ngày cho họ. Tôi rất là ghét những trường hợp này vì mấy ông cha tự nhiên phong cho mình là người hướng dẫn phái đoàn mặc dù mấy ông không phải là người hướng dẫn chuyên nghiệp như tôi. Họ không rành địa thế, không hiểu phong tục địa phương, cũng ù ù cạc cạc như ai nhưng vẫn thích đứng ra giải thích, làm người hướng dẫn. Tuy nhiên tôi vẫn lịch sự chiều theo ý họ để cho chương trình được diễn ra suông sẻ. Cứ hai tuần thì tôi lại có một phái đoàn mới. Trong khi chờ đợi phái đoàn mới thì tôi được nghỉ xả hơi. Tôi ở luôn bên đây 5 tháng rồi tôi lại về Việt Nam chơi một tháng để làm lại visa, sau đó trở về lại Do Thái tiếp tục công việc. Sau hai năm như vậy, tôi cũng đã khá rành về công việc của mình. Đám tour guide ở bên đây đã quen biết mặt tôi. Tôi cũng đã quen với một số chủ tiệm để ăn chia với nhau. Có thể nói về mặt làm ăn thì công việc hướng dẫn khách du lịch của tôi rất tốt đẹp. Gần như ở trong phái đoàn nào cũng sẽ có một em đi du lịch chung với bố mẹ cần sự chú ý đặc biệt của một anh hướng dẫn viên trẻ trung, vui đời, nói chuyện có duyên như tôi. Nhưng khi họ bước lên máy bay thì tôi lại trở về với thế giới độc thân của những người lao động ở nước ngoài.

Năm đầu tiên, trong những ngày nghỉ, tôi hay đi la cà khắp mọi ngõ ngách để tìm những quán ăn ngon cũng như những tiệm bán đồ lưu niệm lạ mắt hoặc những chỗ có giá rẻ để giới thiệu với du khách. Năm thứ hai, tôi đã đi mòn hết thành phố nên tôi mua sách về Đất Thánh để đọc và nghiên cứu thêm. Một

trong những cuốn sách hướng dẫn về Đất Thánh mà tôi dùng để tham khảo là của cha Jerome Murphy-O'Connor. Ông là người Pháp, đi tu ở dòng Đa Minh và giảng dạy môn Tân Ước tại trường đại học ở Pháp. Cha Jerome chia tất cả những di tích tại Đất Thánh thành ba thành phần tùy theo độ xác thực: tin được, có thể tin được, và không tin được. Thí dụ với những di tích liên quan đến cuộc tử nạn của Chúa Giêsu được cha chia như sau. Nơi Chúa bị đóng đinh là tin được. Nơi Chúa lên trời có thể tin được. Có nghĩa rằng chúng ta có thể không biết chính xác được địa điểm ngọn núi đã được viết lại trong Phúc Âm. Nếu nó không ở ngay đúng nơi mà người ta xây nhà thờ để tưởng niệm thì cũng ở gần đâu đó. Những di tích không tin được là giống như tảng đá liệt xác Chúa Giêsu. Theo ông viết, di tích này chỉ mới xuất hiện từ Thế Kỷ 12 và tảng đá hiện tại là có từ năm 1810. Vậy mà không ai nói cho tôi biết điều này. Hồi đó tôi cứ tưởng đây là tảng đá liệt xác Chúa thật nên tôi kính cẩn, quỳ gối đặt trán của mình ở trên đó để bày tỏ lòng yêu mến. Tuy nhiên sau này cho dù tôi biết rõ nguồn gốc của viên đá, tôi cũng chẳng dám hé răng nói với ai. Cứ để yên cho họ quỳ lạy, hôn hít giống như tôi ngày xưa vậy thôi, chẳng sút mẻ đức tin của ai mà có khi lại còn tăng thêm nữa là khác.

Một hôm tôi đang đi tham quan nơi mà người ta gọi là Nhà Tiệc Ly. Tương truyền là đây là nơi Chúa Giêsu bẻ bánh với các môn đệ trước khi chịu tử nạn. Phúc âm chép căn phòng này nằm ở tầng trên của một nhà lầu. Ngày xưa ở Do Thái hay Trung Hoa, phải là người có tiền mới có thể xây được nhà lầu. Danh từ “tiểu thư đài các” có nghĩa là người con gái ở trong nhà lầu, ám chỉ gia đình có tiền, giàu sang, quý phái. Nhà Tiệc Ly cũng có hai tầng thật. Muốn đi lên tầng trên, du khách phải leo lên một hàng cầu thang làm bằng sắt ở phía bên hông nhà. Ban đầu tôi cũng hơi thất vọng về di tích này. Ở bên ngoài thì nhìn nó vững chắc, tường gạch mới mẻ không cổ kính giống như tôi tưởng tượng. Ở bên trong thì chỉ là một căn phòng trống rỗng, không có vật dụng trang trí gì ngoài một tác phẩm nghệ thuật hình cây ôliu ở một bức tường. Tôi phải tận dụng trí tưởng tượng để hình dung ra cảnh Chúa Giêsu và các môn đệ nằm ăn tiệc lễ Vượt Qua ở trong căn phòng này. Thời đó ở vùng này, người ta nằm ăn tiệc, bốc bằng tay thay vì ngồi ở trên bàn ghế với muỗng nĩa như bây giờ. Tôi cố gắng tưởng tượng nhưng vẫn thấy nó có gì không ổn. Tôi mò xuống tầng dưới. Ở dưới đây là chỗ viếng mộ ông Vua Đa-vít của người Do Thái. Tôi thấy có một tấm bảng bằng tiếng Anh có nghĩa là phòng để rửa chân nên tôi theo vào. Tôi vừa ló đầu vô, một ông già người Do Thái ngoắc tôi lại. Chúng tôi trao đổi với nhau bằng tiếng Anh.

Đây là chỗ Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ. Mà muốn coi không?

- Ông nói thiệt không? Sao tôi không thấy sách hướng dẫn nào nói về chi tiết này.
- Tao làm ở chỗ này cả mấy chục năm mà tao không biết sao. Vô đây tao cho coi.

Tôi đưa cho ông già một đồng tiền 5 shekel tương đương với \$1.3 đôla. Ông ta dẫn tôi đến một cái giếng ở giữa nền nhà. Ông thấy một cái thùng nước được cột bằng giây thừng rồi lấy sức kéo lên. Qua chiều dài của sợi dây thừng, tôi đoán cái giếng cũng khá sâu. Ông kéo thùng nước lên và để nó ở trước mặt tôi rồi bảo tôi rửa đi. Tôi nhúng tay vào cái thùng nước. Ôi chao nước nó lạnh đến buốt tay. Ông già cười và nói đó là nước mà Chúa Giêsu dùng trong bữa tiệc ly để rửa chân cho các môn đệ.

Tối hôm đó tôi hí hửng kể cho thằng hướng dẫn viên người Do Thái làm chung với tôi về khám phá này của tôi. Nó tên là Đa-vít. Ở Do Thái chỉ có những người được chính phủ cấp bằng làm hướng dẫn viên mới được dẫn du khách vào trong những di tích lịch sử. Vì vậy công ty du lịch của tôi phải mượn thằng Đa-vít để có thể dẫn phái đoàn đi tham quan mặc dù tôi vẫn phải làm việc thông dịch hoặc hướng dẫn bằng tiếng Việt. Làm việc chung với nhau được gần hai năm nên chúng tôi đã trở nên rất thân thiện với nhau. Thằng Đa-vít giống là một cuốn bách khoa tự điển sống về Do Thái. Hầu như tôi hỏi đề tài

nào về Do Thái nó cũng trả lời được. Khi tôi kể cho nó nghe về tôi tìm được nơi Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ, nó phì cười và nói:

- Mày bị lừa rồi! Làm gì có phòng Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ. Cái phòng đó là của người Do Thái để làm nghi thức thanh tẩy trước khi viếng mộ Vua Đa-vít. Ông già đó đoán mày là người Công Giáo nên mới đem chuyện Chúa Giêsu ra để dụ mày lấy 5 shekel.

Tôi cảm thấy ngỡ ngàng chín người giống như khi bị máy thẳng lơ xe ở Việt Nam lừa đảo vì là người ở nhà quê mới ra tỉnh. Ở đâu có du khách là ở đó có sự lừa gạt để moi tiền họ. Đúng thật tôi là kẻ bị lừa bởi vì tôi nhẹ dạ. Tôi phải khâm phục chiêu lừa đảo của ông già nhưng đây không phải là lần đầu tiên hoặc duy nhất mà tôi bị lừa tại Đất Thánh.

Một hôm khác tôi đang lang thang ở trong khu vực của người Armenian. Cô thành Giêrusalem được chia ra thành bốn khu vực dành cho người Do Thái, Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo và Armenian. Ở Thế Kỷ thứ 4, người Armenian đổi qua theo đạo Thiên Chúa. Một số tu sĩ và giáo dân của họ sang sinh sống ở Giêrusalem và thành lập một cộng đồng di dân Armenian ở Giêrusalem vẫn còn tồn tại cho đến bây giờ. Tôi vô tình đứng trước một nhà thờ mà trước nay tôi không hề biết. Đây là nhà thờ Thánh Mác-cô, một trong bốn thánh sử. Bước vào trong, một người đàn bà trạc tuổi lục tuần tiến ra chào đón tôi. Bà mặc một bộ đồ màu đen từ trên xuống dưới, đầu tóc cũng được che bằng một tấm vải voan màu đen. Bà hỏi tôi có muốn biết thêm về nhà thờ này không. Dĩ nhiên là tôi gật đầu và đi theo bà vào trong. Bà giải thích nhà thờ này ngày xưa là nhà của mẹ thánh Mác-cô. Chúng tôi đang đứng ở trong một căn phòng nhỏ nhưng trang trí cực kỳ tỉ mỉ và có một bàn thờ ở vách tường. Bà nói với tôi nơi mà chúng tôi đang đứng cũng là chỗ Chúa cử hành bữa Tiệc Ly. Tôi nhìn bà với ánh mắt dò hỏi và trong đầu tôi đang nghĩ mình lại sắp trở thành kẻ bị lừa nữa rồi. Bà mỉm cười nói với tôi:

- Tôi biết anh đang nghĩ gì rồi. Làm sao mà có Phòng Tiệc Ly ở đây? Nhưng ở thế kỷ thứ Nhất, nền nhà nó thấp hơn bây giờ rất nhiều. Thấp hơn cả ba thước. Vì vậy cho dù ngày xưa căn phòng đó là tầng trên, nhưng bây giờ thì nó chỉ ở mặt đất mà thôi. Hơn nữa truyền thống nói rằng các môn đệ đến tụ tập tại nhà của mẹ Mác-cô.

Bà dẫn tôi đi xuống cầu thang đến một căn phòng mà truyền thống của họ tin rằng đây mới đích thực là Phòng Tiệc Ly. Căn phòng này chỉ bằng một phòng ngủ nhỏ ba mét chiều ngang và sáu mét chiều dài. Tôi nhìn xuống dưới chân và thấy một nền nhà bằng đá. Tôi nhìn xung quanh căn phòng và tự nhiên tôi tưởng tượng ra đây mới chính là nơi Chúa Giêsu đã nằm ăn tiệc mừng lễ Vượt Qua với các môn đệ. Tôi cảm ơn bà rất rít và bỏ một tờ 50 shekel vào thùng quyên góp trên đường ra. Đó là tiền bo của tôi của ngày hôm đó. Tối hôm đó tôi về lên mạng kiểm chứng và biết được rằng những nhà khảo cổ học, họ đã xác nhận nền nhà thời Chúa Giêsu nó thấp hơn bây giờ. Qua mấy ngàn năm, người ta xây cất chồng chất lên nhau cùng một chỗ. Nên muốn tìm thấy căn phòng Tiệc Ly nguyên thủy thì phải đào nó lên chứ không thể nào nó nằm khơi khơi ở trên mặt đất và đi lên bằng cầu thang sắt được. Thế là tôi lại trở thành một kẻ bị lừa lần thứ hai.

Một hôm tôi ngồi uống cà phê nói chuyện với thằng Đa-vít. Tôi hỏi nó:

- Tao thấy ở Bức Tường Than Khóc lúc nào cũng có đông người Do Thái đến cầu nguyện. Vậy thì họ cầu nguyện về điều gì?

Nó cười cười, hỏi lại:

- Vậy thì mấy người Việt Nam đến Đất Thánh cầu xin cái gì?

Tôi nói với nó:

- Mà có nhớ nhà thờ Gà Gáy không? Ở trong đó có một cuốn sổ để người ta ghi lưu bút. Trong chuyến đi nào tao cũng tò mò xem người ta viết cái gì ở trong đó. Đa số người Việt Nam xin xỏ đủ thứ nào là xin cho bán được nhà, xin cho con cái tìm được việc làm, xin cho hết bệnh, cho gia đình được hòa thuận, cho con cái được trở lại đạo, và vân vân.

Nó nói:

- Mà cũng biết là ở bên đây người ta viết những lời cầu nguyện xuống một mảnh giấy rồi nhét nó vào trong các khe đá ở bức tường Than Khóc nên không ai đọc được ngoại trừ Chúa. Có một lần tao cũng hỏi mẹ tao bà cầu xin cái gì ở Bức Tường? Bà nói bà cầu cho tao đi nghĩa vụ quân sự được về bình an. Mà cũng biết là nước Do Thái là một trong những nước mà thanh niên ai cũng phải đi nghĩa vụ quân sự. Con gái thì đi hai năm còn con trai thì ít nhất là 32 tháng. Tao nghĩ sống ở một nước mà luôn luôn có mối đe dọa chiến tranh thì chắc chắn người ta sẽ cầu xin cho sự hòa bình. Còn mấy thứ kia tao thấy nó buồn cười quá. Muốn bán được nhà thì cứ hạ giá xuống thử xem sẽ có người mua hay không? Còn muốn cho con học giỏi có công ăn việc làm thì phải tạo điều kiện cho nó. Nếu ai mà cũng được Chúa chữa khỏi hết bệnh thì bác sĩ và nhà thương sẽ phải thất nghiệp dài dài! Tại sao cái gì mình cũng phải đem Thiên Chúa ra xin xỏ để đi trái ngược lại với luật tự nhiên?

Mấy câu nói của thằng Đa-vít làm cho tôi suy nghĩ. Tôi không biết là những người đi du lịch Đất Thánh với tôi mang về nhà cái gì? Ngoài những tấm hình đã chụp được, những món quà kỷ niệm làm bằng gỗ ôliu, những điều xin xỏ hay là những cảm niệm của họ về Chúa? Tôi mong rằng họ đã tìm được thấy Chúa thay vì chỉ có biết đến chuyện ăn uống, mua sắm, chụp hình kỷ niệm và khăn vái. Người ta tôn biết bao nhiêu tiền để được có dịp thăm viếng ngôi mộ trống của Chúa. Chúa nằm ở đó chỉ đúng ba ngày là đã sống lại rồi. Tảng đá tảng xác Chúa không có thật thì được mọi người cung kính, hôn hít trong khi Thánh Thể của Chúa có thật ở trong nhà tạm tại nhà thờ của mình thì lại không thường xuyên thăm viếng. Ở nhà thờ tôi hay đi tại Giêrusalem, họ có châu thánh thể liên tục. Tôi chọn khoảng thời gian từ 10 giờ đến 11 giờ mỗi tối Thứ Bảy để đến châu thánh thể. Sau 10 giờ khuya xe buýt không còn chạy nữa nên tôi phải đi bộ. Từ chỗ tôi ở trọ cho đến nhà thờ là phải đi bộ hết 30 phút. Vừa đi vừa về là hết một tiếng, bằng thời gian tôi ngồi châu trước Thánh Thể. Thằng Đa-vít bảo tôi tại sao tôi không chọn giờ khác cho tiện hơn? Tôi nói với nó, nếu ai cũng chọn cái giờ tiện lợi cho họ, thì ai là người đến ngồi với Chúa ở giờ đó?

Khi tôi về Việt Nam, tôi chạy xe từ nhà mình lên thăm bạn gái cũng hết 30 phút nhưng tôi vẫn không cảm thấy tốn thời gian. Nếu tôi yêu Chúa như yêu bồ của tôi thì 30 phút đi bộ đó là một thời gian có ý nghĩa đối với tôi. Tôi nghĩ về Chúa trong lúc tôi đi bộ để gặp Chúa. Thật ra thì tôi cũng có thể cầu nguyện với Chúa ở nhà giống như là tôi vẫn có thể gọi điện thoại nói chuyện với cô bạn gái mà không cần chạy xe ra tận Thủ Đức để hít bụi đường. Nhưng có cặp tình nhân nào yêu thương nhau mà không muốn gặp mặt nhau không? Châu Thánh Thể là đến gặp mặt Chúa thay vì nói chuyện qua điện thoại. Ở bên Việt Nam, trong giờ châu Thánh Thể người ta đọc kinh, ca hát lớn tiếng cho đến hết chương trình rồi về. Ở bên đây, người ta ngồi im lặng với Chúa một tiếng hoặc lâu hơn. Khi hai người yêu gặp nhau, họ thích lớn tiếng ca tụng, ca hát cho nhau nghe hay họ sẽ im lặng nhìn nhau, nắm tay nhau để có thể nghe từng hơi thở của nhau? Những di tích ở Đất Thánh có thật sự giống như ở trong truyền thống hay không, sự kiện này không quan trọng bằng nó có giúp to người ta nhìn thấy Chúa khi người ta đến

viếng Đất Thánh. Thiên hạ chỉ có thể lừa được tôi khi tôi là một du khách muốn tin vào những điều mà tôi chưa thấy. Nhưng không ai lừa được tôi khi tôi đi tìm người yêu vì tôi đã biết người yêu tôi là ai. ■


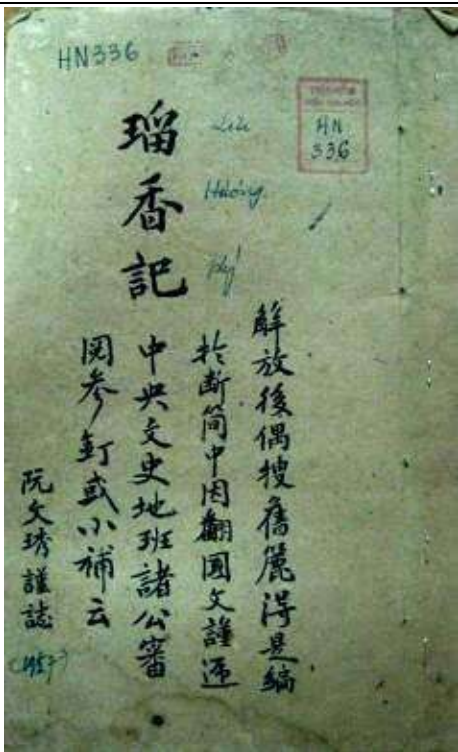
Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Ngày 12 Tháng 8 Năm 2023

NGUYỄN DU-HỒ XUÂN HƯƠNG: CUỘC TÌNH THƠ HAY ẢO MỘNG ?

Nguyễn Cẩm Xuyên

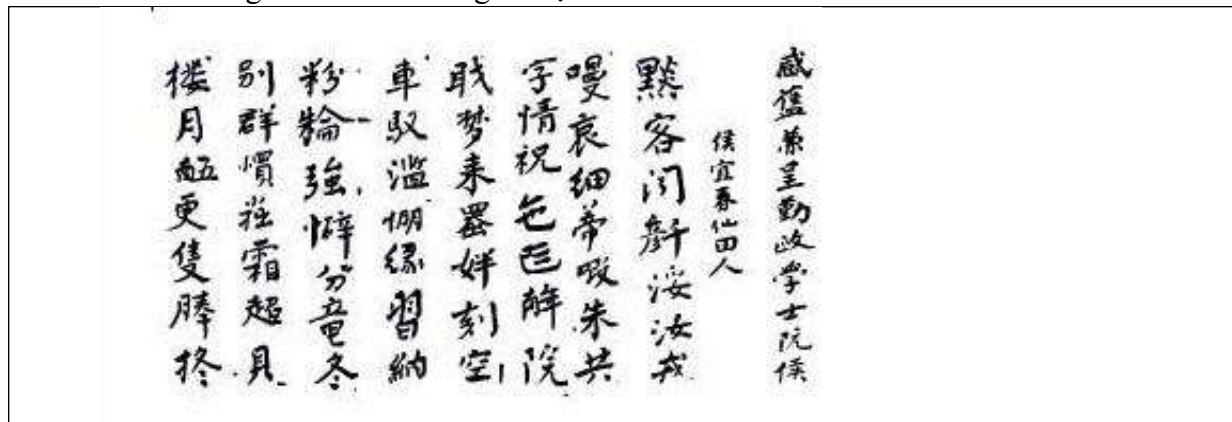
(KIẾN THỨC NGÀY NAY số 689, ngày 01/10/2009)

	<p>GS HOÀNG XUÂN HÃN (1908-1996) Người đỗ Thạc sĩ toán đầu tiên của Việt Nam (1936) tại <u>Đại học Sorbonne</u>, Paris và là một trong những giáo sư Đại học Khoa học đầu tiên của nước ta (1943). GS. Hoàng Xuân Hãn là tác giả cuốn <i>Danh từ khoa học</i> và nhiều tác phẩm nghiên cứu Hán-Nôm, đặc biệt là về Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm và Hồ Xuân Hương.</p>
	<p>Bìa bản gốc "<i>Lưu Hương Ký</i>" HN336 hiện đang lưu tại Thư viện Viện Văn học. (nguồn: http://www.vtc.vn).</p> <p>LƯU HƯƠNG KÍ:</p> <p>Giải phóng hậu ngẫu sưu lục đặc thị biên ưu đoạn giản trung; nhân phiên quốc văn; cần nghiên trung ương Văn-Sử-Địa ban chức công thẩm duyệt tham đính hoặc tiểu bổ văn.</p> <p><i>Nguyễn Văn Tú</i> Cần chí.</p>

Rhân xem bài viết về Hồ Xuân Hương trên tạp chí Kiến thức Ngày Nay số 663, một bạn văn chương đã gửi cho tôi bản chụp tập thơ chép tay *Lưu Hương kí*. Tập thơ mỏng viết bút lông, chữ không đẹp nhưng rõ là của một đồ sinh. Tập thơ có nhiều bài ghi lại mối quan hệ tình cảm với nhiều bạn thơ, bạn tình... ; đặc biệt ở trang 6, có bài *Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu - Hầu Nghi Xuân Tiên Điền nhân*.

MỘT TẬP THƠ – MỘT BÀI THƠ NÔM GÂY NHIỀU NGHI VẤN.

Cũng như hết thầy 28 bài thơ nôm trong *Lưu Hương kí*, đầu đề bài thơ này viết bằng chữ Hán nhưng các câu thơ trong bài lại là chữ Nôm:



Quả là *nôm na*. Từ khi có chữ Nôm - để viết loại chữ này - các đồ sinh tuy rập theo một số cách thống nhất đã có từ trước nhưng rồi vẫn không tránh khỏi những tùy tiện riêng lúc vận dụng vốn chữ Hán có sẵn của mình để kí âm tiếng Việt. Mỗi người dùng một kiểu riêng nên ngày càng phát sinh thêm nhiều cách viết cho mỗi chữ. Kết quả là nhiều bản chữ Nôm trong văn học cổ nước ta cũng như ở bài thơ này có khá nhiều dị biệt; ví dụ:

- Ở câu 2, chữ “ai” (người nào) thường viết: 唉 lại được viết là 哀 (đau buồn);
- Ở câu 3, chữ “chữ” đáng ra viết 𠄎 như thường dùng thì đã lấy nguyên chữ 字 (tự) của chữ Hán;
- Ở đầu câu 7, chữ “máy” đáng phải viết là 𠄎 thì lại viết là 小買; Chữ “chút” đáng ra viết là 小出 thì lại được viết: 𠄎 (chữ 𠄎 đặt lên đầu chữ chuyết);
- Chữ “mấy” ở cuối câu 7 đã dùng chữ 貝 (bội) để kí âm...

Thứ đến là nạn tam sao thất bốn: Bản nôm đang dùng để viết bài này là bản chép lại vào những năm 60 của thế kỉ trước cũng như bản nôm mang kí hiệu HN 336 đang lưu tại Thư viện Viện Văn học có lẽ không phải là thủ bút của Hồ Xuân Hương. Tương tự các bản văn nôm khác, *Lưu hương kí* có thể đã được chép tay lại nhiều lần. Mỗi lần chép lại là một lần sai lệch.

Chữ viết trong bài thơ nôm trên không có gì sai song cách viết một số chữ ít thông dụng. Căn cứ trên phiên âm của các công trình nghiên cứu trước, để đọc cho rõ hơn, xin tạm viết lại bài thơ nôm của Hồ Xuân Hương gửi Nguyễn Du như sau:

樓別粉車戔苻擾黠	
月群銖馭夢情唉客	候政感
齷黝強瞠耒祝細闌	宜學舊
更勃憬愬黜匏帝齏	春士兼
隻霜分緣妝匹掖浹	仙阮呈
霽超攏匝刻辭朱伎	田侯勤
撥買迳納空院共噉	人

Cảm cụu kiêm trình Cản Chánh Học Sĩ Nguyễn Hâu

- Hâu: Nghi Xuân, Tiên Điền nhân.

(Nhớ người xưa và gửi Cản Chánh Học Sĩ Nguyễn Hâu
- Hâu người làng Tiên Điền; huyện Nghi Xuân)

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Mượn ai tới đây gửi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giác mộng rồi ra nửa khắc không.
Xe ngựa trộm mừng duyên tập nập,
Phấn son càng tui phận long đong.
Biết còn mấy chút sương siu mấy, (1)
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.*

Đúng thật là bài thơ gửi Nguyễn Du bởi không thể có ai khác ở Nghi Xuân, Tiên Điền mà được phong đến tước Hâu và lại giữ chức Cản Chánh Học Sĩ.

Cả trăm năm trước không ai bàn đến cuộc tình Nguyễn Du-Hồ Xuân Hương. Mãi đến năm 1964, ông Trần Thanh Mại mới tình cờ phát hiện được tập *Lưu Hương kí* gồm 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ chữ Nôm.

Lại lịch việc phát hiện ấy được kê lại như sau:

“Khoảng năm 1956-1957, ông Nguyễn Văn Tú là cử nhân Hán học, quê ở Hành Thiện là một làng có trình độ văn học bậc nhất thời xưa, thấy trong tủ sách gia đình có tập *LIU HUONG KÝ* mang chú dẫn Hoan Trung Cổ Nguyệt đường Xuân Hương nữ sử tập 留香記-癸中古月堂春香女史輯. Với lòng yêu dân tộc, bảo tồn văn hóa gốc, ông đã không những đóng lại cẩn thận mà còn gửi cho Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa đã thành lập ở Hà Nội. Nhưng sách không có người chú ý đến. Đến năm 1963, sau khi phát hiện bài tựa của Tôn Phong(2), Trần Thanh Mại mong muốn tìm văn bản tập thơ thì chính ông Nguyễn Văn Tú đã cho hay rằng sách ấy vẫn nằm trong tủ Ban Văn học đã 15 năm (3),

Những năm đầu thập niên 60, ông Trần Thanh Mại là Tổ trưởng Tổ nghiên cứu văn học cổ cận đại - Viện Văn học cùng ông Kiều Thu Hoạch khi ấy là cán bộ phụ trách công tác tư liệu dịch Hán-Nôm đã dịch *Lưu Hương ký*. Từ 1961 đến 1964, ông Trần Thanh Mại đã viết 4 bài về Hồ Xuân Hương đăng trên tạp chí *Nghiên cứu văn học*: "*Thử bàn lại vấn đề tục và dâm trong thơ Hồ Xuân Hương*" (số 4/1961), "*Phải chăng Hồ Xuân Hương còn là một nhà thơ chữ Hán?*" (số 3/1963), "*Trở lại vấn đề Hồ Xuân Hương*" (số 10/1964), "*Bản Lưu Hương Ký và lai lịch phát hiện nó*" (số 11/1964). Trong bài viết năm 1964, Trần Thanh Mại đã công bố bản dịch và phiên âm 16 bài trong số 52 bài thơ của *Lưu Hương kí*. Cũng trong bài viết này ông Trần Thanh Mại có kể rõ chuyện phát hiện được tập *Lưu Hương ký*:

Ở Paris năm 1988, GS. Hoàng Xuân Hãn đọc được các bài viết trên bèn uỷ thác GS Tạ Trọng Hiệp, từ Pháp về Việt Nam xin chụp hoặc chép lại *Lưu Hương ký* nhưng khi GS Hiệp về đến thì ông Đào Thái Tôn là người đang giữ tập thơ lại đi vắng. Viện Văn học không tìm được tập thơ. Các chuyên gia về văn học cổ Việt Nam lúc đó cho rằng *Lưu Hương kí* đã mất. Thật sự là sau khi Trần Thanh Mại mất thì ông Hồ Tuấn Niêm là người kế tục công tác nghiên cứu Hồ Xuân Hương và là người giữ công việc gần như quản thủ thư viện sách Hán Nôm của Viện Văn học đã đem theo trong ba lô cuốn *Lưu Hương ký* trong những năm sơ tán tránh bom Mỹ mà không để lại Hà Nội một bản chụp nào cả. Về sau, trước khi mất, ông Niêm đã trao lại *Lưu Hương Ký* cho ông Đào Thái Tôn tiếp tục nghiên cứu. Ngày 27/10/2008 tập thơ đã được giao lại Viện Văn học (4).

Tiếc thay người mong mỏi được đọc *Lưu Hương kí* là GS. Hoàng Xuân Hãn lúc này không còn trên cõi đời.

Trở lại bài thơ *Cảm cựu kiêm trình Cẩn Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu* nêu trên ta có thể suy đoán để hiểu được tâm tình của Hồ Xuân Hương. Trước hết hãy xem đầu đề "*cảm cựu kiêm trình...*" : quả Hồ Xuân Hương đã rất e dè khi đặt bút viết thư; muốn nhắc lại tình xưa mà người mình yêu lại đang là một đại quan triều đình, chức tước to quá khiến nàng phải cẩn trọng.

Lúc này không biết Hồ Xuân Hương sinh sống bằng cách nào. Căn cứ lai lịch truyền tụng, chỉ biết sau khi chia tay cùng Tổng Cốc, Xuân Hương mở quán ven đường độ nhật, lại phải nuôi mẹ già. Trong cảnh túng thiếu, được tin Nguyễn Du thăng Cẩn Chánh Điện Học sĩ giữ chức Chánh sứ, có lẽ Xuân Hương đã viết gửi bài thơ khi sứ bộ đến Thăng Long, chuẩn bị sang Trung Quốc.

Câu thơ đầu gợi bao nỗi nhớ tình xưa: "*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung*".

"*Dặm khách*" là để chỉ việc Nguyễn Du ra Thăng Long, trên đường đi sứ. Dịp này khiến tình xưa trở dậy, Xuân Hương mong ước sao có thể trao gửi với người mình yêu nỗi băn khoăn về cuộc tình chưa trọn:

*Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giác mộng rồi ra nửa khắc không.*

Câu thơ cho biết hai người đã có cả quãng thời gian dài cho cuộc tình (*ba năm ven*). Đây là khoảng thời gian nào? Có thể hai người quen nhau lúc Nguyễn Du đã đỗ tam trường và đang ở với anh cả là Nguyễn Khản, quan đầu triều thời Trịnh Sâm.

Theo GS Hoàng Xuân Hãn thì Nguyễn Du giao du với Xuân Hương trong khoảng 1792-1795, lúc này Tây-sơn đã ra Bắc và Nguyễn Du đã về ở Quỳnh Hải, Thái Bình và có 2 lần ra Thăng-long :

-Năm 1793, lúc này Nguyễn Du ở gần Giám hồ (căn cứ bài "*Long Thành cầm giã ca*")

-Năm 1794 (ra tiền Đoàn Nguyễn Tuấn vào Nam làm quan).

Hai câu luận xúc động nhất, kể nỗi tủi hờn của Xuân Hương:

*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,
Phấn son càng tủi phận long đong.*

Quan lớn Nguyễn Du công cán ra Bắc, quan địa phương đua nhau nghênh tiếp. Chạnh lòng, nghĩ đến thân mà "*tủi phận long đong*".

2 câu kết than phận mình mà trách người:

*Biết còn mấy chút sương siu máy,
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.*

Bài thơ lộ một sự thực đau lòng: thái độ hững hờ của Nguyễn Du với người xưa. Điều này tạm có thể hiểu được: Lúc này đang ở địa vị cao, lại đang trong tình thế là người đất Bắc làm quan trở trối chốn Thân kinh, rất sợ "*quan trên trông xuống, người ta trông vào*", Nguyễn Du buộc phải cẩn trọng cả trong từng giao tiếp riêng tư. Hoàng Xuân Hãn cũng lí giải việc này: "*..Nguyễn Du lúc ấy khó mà quên được Xuân Hương nhưng bấy giờ Hầu (5) là một quan to phụng sứ; và lại bấy giờ Hầu đã 48 tuổi. Ra làm quan triều Nguyễn, Hầu lại giữ thái độ dè dặt..*".

Vậy nếu chỉ dựa vào *Lưu Hương kí* thì cuộc tình Nguyễn Du-Hồ Xuân Hương chỉ là một cuộc tình bi đát, tuy đậm đà lắm nhưng rồi sớm tàn trong ảo mộng ?

CUỘC TÌNH NGUYỄN DU-HỒ XUÂN HƯƠNG CÒN CÓ TÁC PHẨM NÀO KHÁC LÀM BẰNG CHỨNG ?

Không chỉ căn cứ *Lưu Hương kí*, nhiều người cố tìm thêm chứng cứ cho cuộc tình giữa hai nhà thơ nôm hàng đầu cùng sống thời cuối Lê, đầu Nguyễn có năm sinh, năm mất khá gần nhau.

Ở thập niên bốn mươi của thế kỉ trước, Ngô Tất Tố từng nhắc đến mối quan hệ giữa nữ sĩ Xuân Hương với ông Chiêu Bảy (Nguyễn Du) khi viết tiểu thuyết *Trong rừng Nho*. Chiêu Bảy mến tài và luôn bên vực Xuân Hương khi đám Nho sĩ ở Thăng Long phản ứng quyết liệt trước những bài thơ nôm tình nghịch, ngổ ngáo. Mối quan hệ này không phải là tình yêu trai gái... Tuy vậy *Trong rừng Nho* chỉ là tiểu thuyết luận đề, hư cấu sự việc và nhân vật là cốt đề

đã kích thối tục vô lí trong hàng Nho sĩ ngày xưa. Cách hư cấu của Ngô Tất Tố chỉ mang màu sắc của dã sử...

Gần đây, người hăng hái nhất trong việc chứng minh tình yêu Nguyễn Du-Hồ Xuân Hương là ông Hồ Đắc Duy. Bài viết *Tình yêu đơn phương hay người tình thật của Nguyễn Du*, ngày 26/02/2008 trên trang điện tử của Vietsciences đã dẫn 4 câu thơ trích “*Ngẫu hứng ngũ thư*” để chứng minh cho mối giao tình ấy:

*Tam nguyệt xuân thì trường đậu miêu,
Thiên lý hương tâm dạ cộng trường,
Tha nhật xuân phong hà xứ lai ?
Cố hương can hạn cứu phương nông.*

Ông Hồ Đắc Duy chọn lấy 4 câu trong 5 bài thơ để hình thành đoạn thơ trên và cho rằng: Nguyễn Du đã dùng ẩn ngữ bởi vì 4 câu thơ trên nếu ráp nối lại và cắt bớt mỗi câu 2 chữ thì sẽ có được đoạn thơ:

***Xuân** thì trường đậu miêu,
Hương tâm dạ cộng trường,
Xuân phong hà xứ lai ?
Hương can hạn cứu phương.*

Có thể đồng ý với tác giả bài viết là mỗi cặp câu sau khi cắt xong đều có chữ đầu là Xuân – Hương ; có thể đây là cách bộc lộ tình yêu ý nhị, sâu kín. Vậy nhưng nếu như ở câu thứ nhì mà cắt bớt hai chữ « *thiên lý* » thì chữ « *cộng trường* » và cả câu thơ thứ hai trở nên vô nghĩa. Tương tự như vậy, câu thứ tư cũng không thể cắt bớt chữ « *nông* » ở cuối. Hình thành như thế, 4 câu trên không dịch nghĩa được.

Thật ra thì trong *Nam trung tạp ngâm* không có bài *Ngẫu hứng ngũ thư* mà chỉ có *Ngẫu hứng* - ngũ thủ (5 bài) bằng chữ Hán. Xin phiên âm và dịch như sau:

Bài 1:

Tam nguyệt **xuân thì trường đậu miêu**,
Hoàng hồ phì mãn bạch hồ kiêu.
Chủ nhân tại lữ bất quy khứ,
Khả tích Hồng Sơn thuộc văn tiêu.

Dịch thơ:

Lúa đậu tháng ba đang sức lớn,
Cáo vàng béo múp, trắng kiêu căng.
Chủ nhân đất khách không về được.
Mặc chú tiều coi dải núi Hồng.

Bài 2:

Lô hoa sơ bạch cúc sơ hoàng,
Thiên lý **hương tâm dạ cộng trường**.
Cường khởi thôi song vọng minh nguyệt.

Lục âm trùng điệp bất di quang.

Dịch thơ:

Hoa lau nở trắng, cúc hoe vàng,
Ngàn dặm đêm dài nhớ cố hương.
Gượng dậy đầy song nhìn ánh nguyệt,
Vòm cây trùng điệp cản dòng quang.

Bài 3:

Nhất đới ba tiêu lục phú giai,
Bán gian yên hỏa tạp trần ai.
Khả liên đình thảo sam trừ tận,
Tha nhật **xuân phong hà xứ lai?**

Dịch thơ:

Một dãy chuỗi xanh lá phủ dày,
Nửa gian, khói bếp mịt mù bay.
Xót nỗi cỏ sân vừa dãy sạch,
Gió xuân len đến chốn nào đây?

Bài 4:

Cố hương cang hạn cử phương nông,
Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng,
Thí tự thuận lô tối quan thiết,
Hoài qui nguyên bất đãi thu phong.

Dịch thơ :

Hạn lớn ngoài quê chẳng cây cày,
Trẻ thơ mười đứa đói xanh gầy,
Rau tần gói cá mà mong được,
Về quách cần chi đợi gió tây !

Bài 5 :

Hữu nhất nhân yên lương khả ai,
Phá y tàn lạp, sắc như khô,
Tỵ nhân, đăn mịch, đạo bàng tẩu.
Tri thị Thăng Long thành lý lai.

Dịch thơ:

Gặp một bác nào thật đáng thương,
Nón xơ, áo rách, mặt thê lương,
Tránh người, lầm lũi ven đường bước.
Rõ khách Thăng Long lạ phố phường.

Chuỗi 5 bài thơ *Ngẫu hứng* là tâm tư của người xa quê, nhớ cố hương, muốn bỏ cả công danh mà về; riêng bài số 5, theo ý Đào Duy Anh là tả người nhưng thực là để tự trào; nhân vật trong thơ chính là Nguyễn Du nghèo túng, e dè, sợ sệt... đúng với ghi chép của *Đại nam*

chính biên liệt truyện: “ ...Đối với nhà vua thì ông chỉ giữ hết bốn phận, chứ không hay nói năng điều gì, khiến có khi bị nhà vua quở trách... ”.

Đọc kỹ *Ngẫu hứng ngũ thủ* có thể chắc chắn là không có câu nào ngầm nói đến tình riêng - cũng như với gần ba trăm bài thơ chữ Hán, Nguyễn Du cũng chỉ có 2 bài bộc lộ tình cảm với 2 phụ nữ là người quen cũ; đó là *Mộng đặc thái liên* và *Long Thành cầm giả ca*.

MỘNG ĐẶC THÁI LIÊN

(Mộng thấy hái sen;
Bản dịch của Ngô Linh Ngọc)

*Thít chặt quần cánh bướm,
Thuyền con, chèo hái sen,
Nước hồ đầy ắp thế!
Mặt nước bóng người in...*

*

*Sen hồ Tây – hái! hái!
Trong thuyền, hoa cạnh gương.
Hoa tặng người mình trong,
Gương tặng người mình thương.*

*

*Sáng nay hái sen nhé!
Cô xóm đông hẹn rồi.
Đến hay không chẳng biết,
Cách hoa nghe tiếng cười.*

*

*Yêu sen toàn yêu hoa,
Yêu cuống có ai mà.
Trong cuống có tơ thật,
Vương vấn dứt không ra.*

*

*Lá sen xanh xanh lạ,
Hoa sen đẹp nồn nà.
Hái sen đừng hại ngó,
Sang năm chẳng có hoa.*

Về bài thơ trên, GS Hoàng Xuân Hãn cho rằng : “...*Bài này chứng rằng Nguyễn Du ở Quảng Bình hay ở Huế có lúc nhớ đến một bạn gái xưa ở cạnh Hồ Tây tại Thăng Long, đã từng hẹn hò nhau đi hái sen trên hồ, người con gái mà Hầu thương xót chặc vì gặp cảnh ngộ không may. Hầu mượn chuyện sen để kín đáo nhắc lại tình quyến luyến giữa đôi bên, để luận người ta yêu cô nàng vì xinh, vì sắc chứ không phải vì lòng nàng, bởi lòng nàng nhiều tình cảm, như ngó sen có nhiều tơ vương víu...*” (6)

Bài thứ hai là *Long Thành cầm giả ca*. Bài này lại không như bài trước bởi vì đã gọi hoài nghi về mối tình Xuân Hương-Nguyễn Du: Năm 1813, Nguyễn Du ra Thăng-long và chắc đã gặp lại Xuân Hương, vậy mà đến Bắc thành, nhớ kỉ niệm xưa, chỉ thấy Nguyễn Du nhắc đến “*người gầy đàn đất Long Thành*”, một nhạc nữ trong cung vua Lê, lúc thiếu thời đã từng được

Nguyễn Du để ý, nay già và tiêu tụy. Cảnh một kiếp người, Nguyễn Du viết "*Long thành Cầm giả ca*", trong khi suốt chuyến đi lại không có một câu chữ nào nhắc đến "*cuộc tình ba năm vẹn*" với Xuân Hương?

Một điều hoài nghi nữa ở ngay *Lưu Hương Ký* là tập thơ tuy có bài gửi Nguyễn Du và trách thân tội phạm mình nhưng sao suốt cả tập thơ lại không chép được một bài nào xưng hô với Nguyễn Du từ trước? Tương tự như thế, trong gần ba trăm bài thơ của *Thanh Hiên thi tập*, *Bắc hành tạp lục*, *Nam trung tạp ngâm*, Nguyễn Du đã không viết một bài nào đã động đến cuộc tình với Xuân Hương? ■

CHÚ THÍCH:

(1) 3 chữ 霜超買 ở cuối câu thơ này đã gây nhiều tranh cãi cho các nhà nghiên cứu Hán-Nôm (xin đọc bài "*SƯƠNG GIEO*" CHÚ KHÔNG PHẢI "*SƯƠNG SIU*" của Nguyễn Quảng Tuân trên Tạp chí HÁN NÔM số 1/1999).

Ở đây phiên âm theo GS. Hoàng Xuân Hãn, đọc 3 chữ này là *sương siu mãi*. Theo Hoàng Xuân Hãn thì SƯƠNG SIU là từ cổ có nghĩa là *vấn vít, bịn rịn*.

(2) Sở dĩ Trần Thanh Mại dò được tung tích LƯU HƯƠNG KÍ là nhờ đọc được trong thư viện Khoa học Trung ương một tác phẩm của TÔN PHONG THỊ (Nham giác Tôn Phong) gồm bài tựa viết cho *Lưu Hương kí* của Hồ Xuân Hương. (tập này chỉ có bài tựa này cùng với các bài thơ do Tôn Phong làm mà lại không có một bài thơ nào của *Lưu Hương kí* cả).

(3), (6) *Thiên tình sử Hồ Xuân Hương*; GS. Hoàng Xuân Hãn, NXB Văn học 1995.

(4) Báo điện tử VTC News ngày 04/11/2008, trang Văn hóa, bài "*Báu vật*" về *Hồ Xuân Hương tái xuất sau gần 40 năm mất tích*".

(5) Để chỉ Nguyễn Du, Hoàng Xuân Hãn hay dùng chữ "Hầu" (*Du Đức Hầu* là tước vị do Gia Long ban cho Nguyễn Du năm 1805). Trong *Lưu Hương kí*, Hồ Xuân Hương viết "... *Nguyễn Hầu*" là cũng chỉ tước vị này.

Năm truyện cổ tích

Phạm Doanh

Sau đây là 5 truyện cổ tích Việt Nam do tác giả thu tầm, đơn giản hóa và chuyển sang Anh ngữ với mục đích cho các ông bà nội ngoại trong chúng ta kể cho các cháu bé nghe và dĩ nhiên phần tiếng Anh là cho các cháu tự đọc sau khi nghe ông bà kể.

1. Truyện cái vòi con voi

Ngày xưa loài voi có cái mũi nhỏ như nhiều loài khác. Một ngày kia một con voi nhỏ ra bờ sông uống nước mặc dù voi mẹ đã cảnh cáo là coi chừng cá sấu. Đang uống nước thì voi con bị một cá sấu tấn công, cá sấu đớp được mũi voi con. Voi con rống lên cầu cứu mẹ. Voi mẹ chạy ra ngoạm chân voi kéo lên, nghe tiếng rống cả đoàn voi cũng ra trợ giúp, cùng lúc đó cả đoàn cá sấu cũng ủa vào lôi kéo. Vì vậy bất phân thắng bại mũi voi con càng lúc càng dài thêm.

Cuối cùng cá sấu yếu hơn đành bỏ cuộc nhưng mũi voi con đã dài tới chân. Voi con bị chê cười nên tủi thân vô cùng. Không ngờ sau thời gian ngắn voi con khám phá được nhiều tiện lợi của cái mũi như uống và phun nước, bẻ mía. Bây voi thấy vậy nên sắp hàng ngoài sông để cá sấu kéo mũi cho dài.

Có bài đồng dao rằng:

Con vòi con voi
Cái vòi đi trước
Hai chân trước đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi đi sau rốt
Tôi ngồi tôi kể nốt
Cái chuyện con voi
Con vòi con voi.

1. The story of the Elephant's trunk

In the past, elephants had small noses like many other species. One day a young elephant went to the riverbank to drink water despite her mother's warning to watch out for crocodiles. While drinking water, the baby elephant was attacked by a crocodile, the crocodile bit on the baby elephant's nose. The baby elephant bellowed for help. The mother elephant ran out, grabbed the elephant's leg and pulled it up, hearing the roar the whole group of elephants also came out to help, at the same time, the whole group of crocodiles rushed in to pull. So while no winning or losing, the baby elephant's nose is getting longer and longer.

In the end, the crocodile was weaker and gave up, but the baby elephant's nose was already long to the feet. The baby elephant was ridiculed, so it was extremely pitiful. Unexpectedly, after a short time, the baby elephant discovered many advantages of the nose such as drinking and spraying water, breaking

sugarcane. The other elephants saw this, so they lined up in the river for the crocodile to get their noses lengthened.

There is a children's song, which goes

Elephant, elephant!
 The trunk comes first,
 Then the front legs follow
 The hind legs follow then
 Lastly comes the tail.
 Sitting here I sing the story of the elephant
 Elephant, elephant!

2. Truyện rắn lột da

Vì thương loài người nên một ngày kia Ngọc Hoàng sai một thiên sứ xuống trần gian và rao rằng

“Người già người lột, rắn già rắn tọt vào hang” nghĩa là con người nếu già thì thay da trẻ lại, còn loài rắn thì vào hang mà chịu chết.

Loài rắn biết được tin tình báo này nên âm mưu đón tiếp vị thiên sứ long trọng với rượu ngon gái đẹp rồi thừa cơ viết lại lệnh trời.

Ngày hôm sau thiên sứ vẫn còn say xin lấy lệnh trời ra đọc mà chẳng để ý “Rắn già rắn lột, Người già người tọt vào quan.”

Thế là loài rắn lột da sống hoài, còn loài người thì già rồi chết.

2. The story of snakes shedding their skin

Because of his love for mankind, one day the Jade Emperor sent an angel to earth to announce that

"Old people peel and shave, old snakes enter the cave" meaning that when people get old, they will change their skin to become young again, and snakes will enter the cave and die.

The snakes learned of this intelligence, so they plotted to receive the angel with good wine and beautiful women and then took the opportunity to rewrite the command of heaven.

The next day the angel was still drunk and proclaimed the orders of Heaven without paying attention as

“Snakes get old and shed their skin, people get old and get into the coffin. “

Thus snakes shed their skin and live very long while people get old and die.

3. Truyện con muỗi.

Ngày xưa có cặp vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, thề thốt lúc nào cũng hy sinh cho nhau.

Một hôm người vợ mắc bệnh tưởng chết, người chồng rất đau khổ cầu trời khấn Phật khắp nơi. Phật thương tình hiện lên nói: “con cắt ngón tay nhỏ 3 giọt máu vào miệng vợ sẽ cứu được.” Người chồng làm như thế và vợ tỉnh dậy.

Nhưng người vợ thay đổi tính tình, và lãng nhãng với đàn ông khác rồi đòi bỏ chồng theo trai. Người chồng năn nỉ hoài nhưng cô ta vẫn quyết tâm. Không còn cách nào người chồng nói “Khi trước tôi cứu cô bằng 3 giọt máu, nếu đoạn tình đoạn nghĩa thì trả lại cho tôi. Người vợ nghĩ 3 giọt máu chẳng là bao nên cắt ngón tay trả nợ. Không ngờ ngay sau khi vắt ra 3 giọt máu là lăn đùng ra chết. Hồn hoá thành con muỗi hút máu người. Tuy nhiên bụng nhỏ nên không bao giờ hút đủ 3 giọt nên không hoá thành người trở lại được.

3. The story of the Mosquito

Once upon a time, there was a couple, who lived together very happily, vowing to always sacrifice for each other.

One day, when the wife was sick and thought she was going to die, the husband was very miserable and prayed to God and to Buddha everywhere. The compassionate Buddha appeared and said: "If you cut your finger and put 3 drops of blood in your wife's mouth, she will be saved". The husband did so and the wife woke up.

But the wife changed and had an affair with other man and demanded to leave her husband for her lover. The husband begged and pleaded, but she was still determined. There is no other way for the husband than to say, “Other time I saved you with 3 drops of my blood, if you insist on ending our relationship, give it back to me” . The wife thought that 3 drops of blood was nothing, so she pricked her finger to pay the debt. Unexpectedly, immediately after squeezing out 3 drops of blood, she suddenly fell dead. Her soul turned into a mosquito that sucks human blood. However, its belly is small, so it can't suck enough for 3 drops, so it can't turn back into a human.

4. Tại sao con chó giơ một chân khi pee pee?

Ngày xưa không có loài vật nào có chân, đi đứng rất khổ sở, tiếng oán than lên tận trời xanh. Ngọc Hoàng thương tình nên phán xuống trần vào ngày đó sẽ phát chân cho muôn loài, loài nào đến sớm thì nhận được chân. Con rết (centipede) đến sớm nhất nhưng lại tham lam nên lấy cả trăm chân rồi tẩu, các loài khác như cọp, beo, trâu, bò được bốn chân, loài chim chóc được hai chân, loài người và loài chó đều được ba chân nhưng không loài nào đi vững vàng với ba chân cả.

Con chó năn nỉ người nữ "loài người đứng thẳng thì không cần ba chân, xin nhường cho chúng tôi một chân, chúng tôi sẽ trung thành với loài người suốt đời". Người nữ tâm địa tốt nói "Tao cho mày một

chân cũng được nhưng mày đi tiểu làm bẩn chân của tao thì sao?". Loài chó hứa sẽ không làm bẩn chân của người nữ vì thế khi đi tiểu nó giơ một chân lên.

Người đàn ông ích kỷ nên vẫn còn ba chân, nhưng chân giữa vì vướng khi di chuyển nên dần dần rút lại. Loài rắn đến sau cùng thành ra không còn chân đành phải bò bằng bụng.

4. Why does the dog raise one paw when peeing?

In the past, there were no animals with legs. It was very painful for them to walk and stand, and the voice of complaint went up to the sky. The Jade Emperor had compassion, so he said that on that one day, he would give feet to all species, and those that come early will receive their feet. The centipede came first, but was greedy, so it took hundreds of legs and then ran away, other species such as tigers, leopards, buffaloes and cows got four legs, birds got two legs, humans and dogs all got three legs, but none walked steadily on three legs.

The dog begged the woman, "Humans standing upright do not need three legs, please give us one leg, we will be loyal to humans for life". The good-hearted woman said "I can give you a leg, but what if you pee and dirty my foot?" Dogs promise not to dirty the woman's foot, so when urinating, he raises one paw.

The selfish man still has three legs, but because it was entangled when moving the middle leg is gradually shrinking. The snakes came last, so they had no legs and had to crawl on their stomachs.

5. Truyện trâu ăn cỏ

Một ngày kia, thấy loài người làm ruộng khó nhọc Thượng Đế sai một thiên sứ xuống trần với hai túi thóc và cỏ., và dặn là phải gieo thóc trước rồi gieo cỏ sau.

Thiên sứ xuống trần lo nhậu say xin nên gieo cỏ trước, cỏ mọc rất nhanh chiếm gần hết đất trồng trọt, khi thiên sứ nhận ra lỗi lầm thì đã muộn, thóc còn rất ít chỗ để mọc.

Ngọc hoàng tức giận đày thiên sứ xuống trần làm trâu để ăn bớt cỏ.

5. The story of buffalo eating grass

One day, seeing people working very hard in the fields, the Jade Emperor sent an angel to earth with two bags of grain and grass, and told him to sow the grain first and then sow the grass.

The angel came to earth but got drunk, so he sowed the grass first, the grass grew very quickly and took up most of the arable land. When the angel realized his mistake, it was too late, and the rice had very little room to grow.

The jade emperor was angry and banished the angel to the earth as buffalo to eat grass to redeem himself. ■

Pham Doanh

[Trở về mục lục](#)

Làm đẹp cho bài viết #4 **Insert text hay ảnh vào một “shape”**

Trương Thiệu Hùng

Nội dung chính:

Mở đầu

1. Cách insert text vào một shape
 - 1.1. Chọn shape
 - 1.2. Đánh chữ vào trong shape
 - 1.2. Tạo textbox cho shape
 - 1.2.1. Tạo textbox ngay trên shape
 - 1.2.2. Tạo textbox ở ngoài rồi đưa vào shape
 - 1.3.3. Áp dụng trong thực tế
 - 1.3. Group text box và shape
-
2. Insert ảnh vào shape
 - 2.1. Insert shape trước, insert ảnh vào shape sau
 - 2.1.1. Insert shape trước vào bài viết
 - 2.1.2. Đưa hình vào shape sau
 - 2.2. Insert ảnh trước, crop ảnh vào shape sau
 - 2.3. Di chuyển ảnh và thu gọn ảnh trong shape
 - 2.4. Dùng các Edit points để biến đổi dạng của shape
 3. Crop một tấm ảnh vào các shapes khác nhau

Kết luận

Mở đầu

Muốn gây chú ý cho các độc giả, người viết phải biết cách đóng khung các dòng chữ hay những hình ảnh bằng những khuôn hình hay những “shapes” đặc biệt (Shapes là những khuôn hình được định sẵn bởi máy tính). Người viết cũng có thể dùng phương pháp di chuyển các “Edit points” (các điểm dùng để chỉnh sửa) để biến dạng hình shapes để hấp dẫn người đọc hơn.

Trong bài này chúng ta lần lượt nói về:

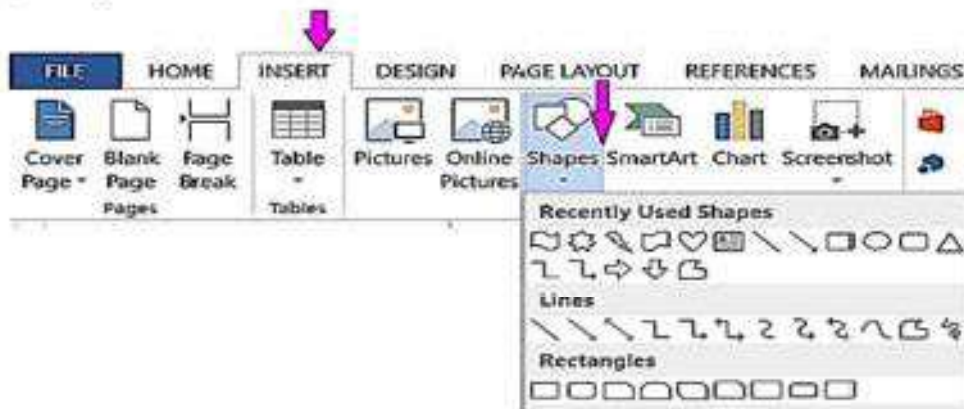
- Insert các dòng chữ vào trong các shapes,
- Insert các ảnh vào trong shapes và
- Biến đổi shapes cùng thu gọn lại chi tiết của ảnh trong shapes.

1. Cách insert text vào một shape

Một số shapes thông dụng và dễ nhìn trong Microsoft Word như:



1.1. Chọn shape



- Click Insert, click shape, chọn lựa 1 shape từ “Rectangles” shapes → hình shape chọn sẽ được đưa vào bài viết.
 Ví dụ: Ta chọn hình chữ nhật có vòng cung ở 4 góc

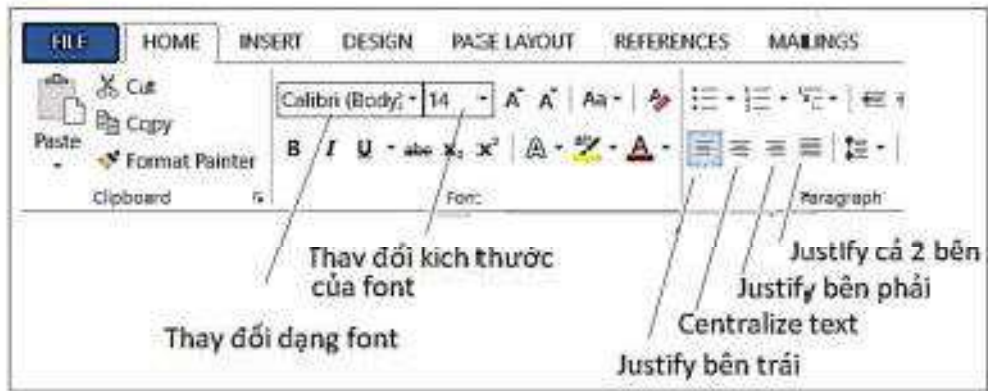
1.2. Đánh chữ vào trong shape

- Right click vào bất cứ điểm nào trong hình của shape.



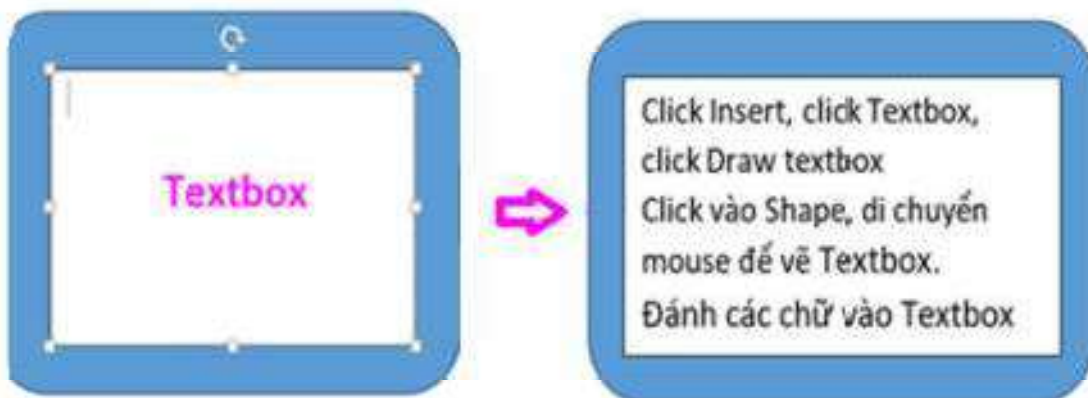
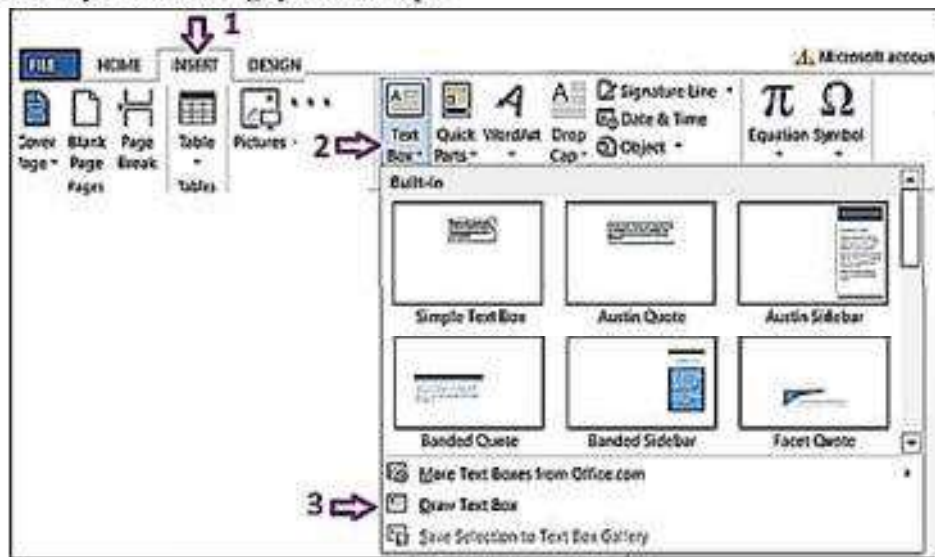
Đưa text vào trong shape
 - Right click vào bất cứ điểm nào trong hình của shape
 Click trên Add text
 - Từ điểm click này ta có thể đánh các dòng chữ mà ta muốn đưa vào trong shape

- Click trên Add text
- Từ điểm click này ta có thể đánh các dòng chữ mà ta muốn vào trong shape.
- Có thể dùng cách thay đổi font chữ và vị trí của các dòng chữ trong text.



1.3. Tạo textbox cho shape

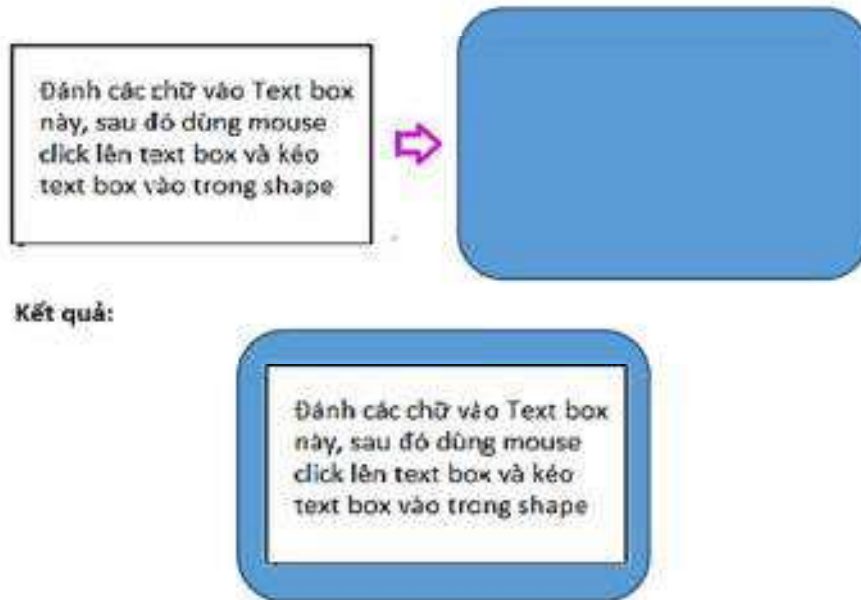
1.3.1. Tạo textbox ngay trên shape



Click Insert, click Text box, click Draw text box
 Click vào shape, di chuyển mouse để vẽ text box.

Đánh các dòng chữ vào text box này

1.3.2. Draw text box ở ngoài rồi di chuyển vào shape



Tạo text box ở ngoài:

- Click Insert, click textbox, click Draw text box, di chuyển mouse để vẽ text box.
- Đánh chữ lên Text box.
- Click lên Text box, di chuyển mouse để đưa text box vào shape.

1.3.3. Áp dụng trong thực tế:

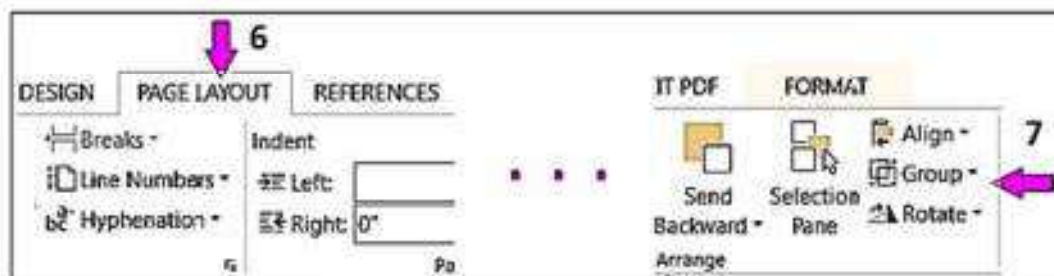
Sau đây là các logos đã được một nhà băng sử dụng dùng để quảng cáo cho tiền lời khi dùng Credit card của họ. Các logos này được thực hiện bằng cách đánh các chữ lên các shapes có dạng vòng tròn.



Hình lấy từ Internet

1.4. Group text box và shape

Khi đã tạo xong text trong shape rồi, ta phải group text và shape lại, nếu không khi ta Edit, thay đổi hay thêm bớt một số chữ, các chữ trong shape có thể bị di chuyển ra ngoài shape.



Ta làm như sau:

- Giữ Shift key (hay Ctrl key), click lên textbox và shape (sẽ thấy những hình vuông nhỏ hiện ra).
- Click Page Layout (6), click Group (7).

Làm như vậy thì text và shape dính vào nhau và không bị thay đổi khi di chuyển.

2. Insert ảnh vào shape

Có hai cách để Insert ảnh vào shape là: Insert shape trước hay insert ảnh trước.

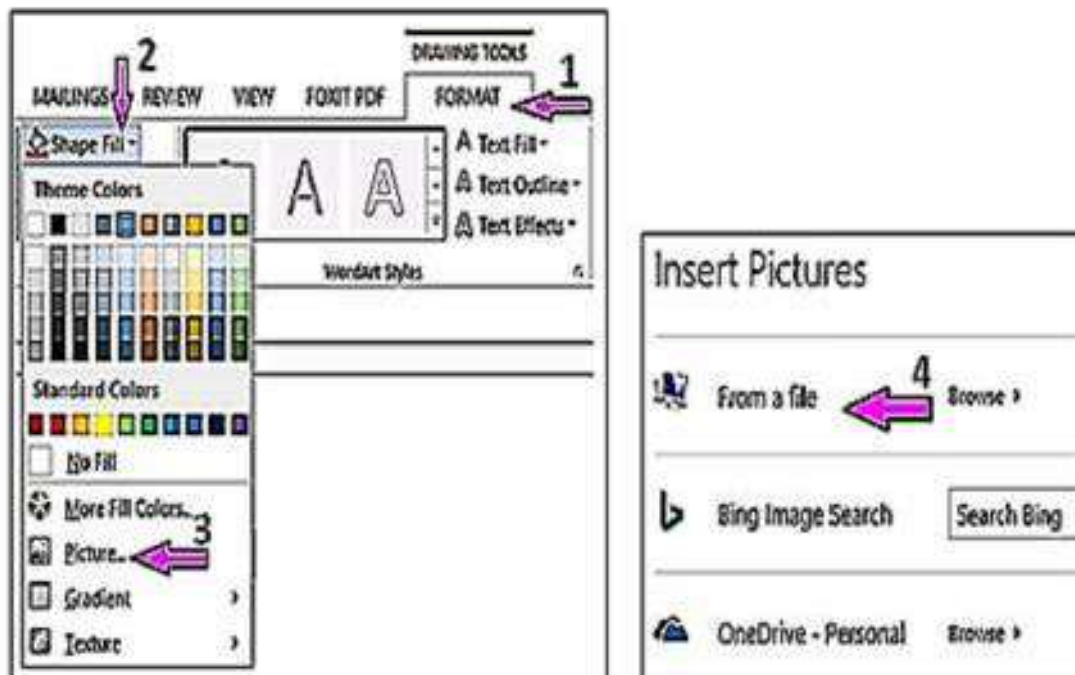
2.1. Insert shape trước, insert ảnh vào shape sau

2.1.1. Insert shape trước vào bài viết

Click Insert, click shapes, click lên hình shape mà ta muốn chọn, sau đó di chuyển mouse để có hình shape có độ lớn to nhỏ tùy ý.

Ví dụ: Ta muốn shape là hình trái tim

2.1.2. Đưa hình vào shape sau



Sau khi đã insert được shape (có hình trái tim) rồi:

0. Click lên shape 
1. Click Format (1)
2. Click Shape Fill (2)
3. Click Picture (3)
4. Click From a file (4) → Ta sẽ đi vào folder Pictures chứa ảnh.
5. Click lên ảnh mà ta muốn chọn
Ta được hình đã crop vào trong shape như sau:



Ảnh muốn chọn nằm ở folder Pictures



2.2. Insert ảnh trước, crop ảnh vào shape sau

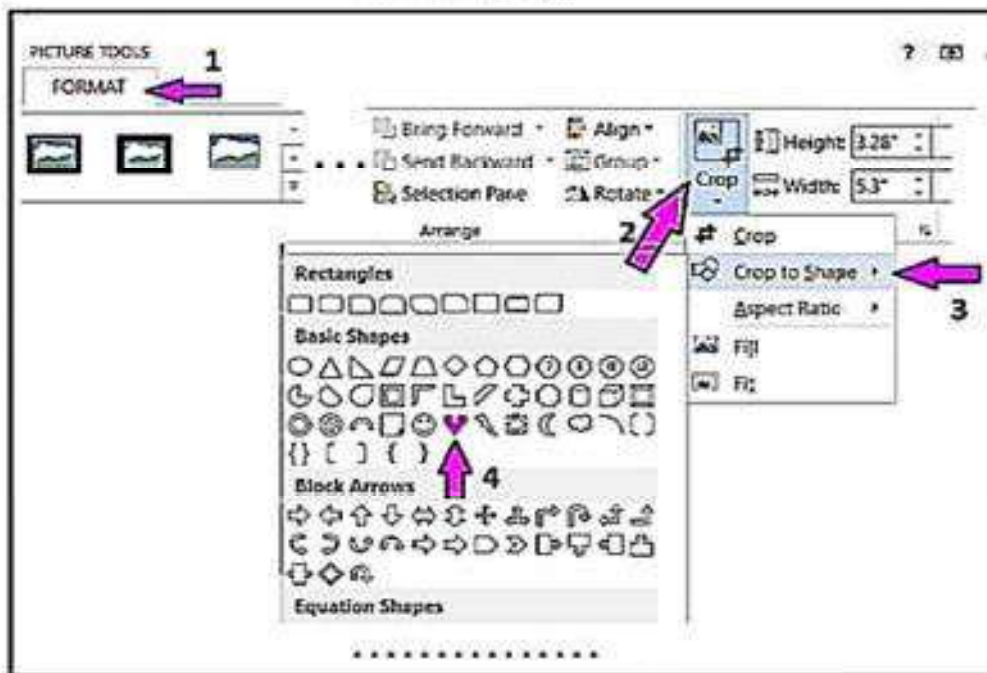
Vi dụ: Ta đã có sẵn ảnh, hay có trước bằng cách:

- Insert, Picture (folder chứa ảnh của computer), click lên ảnh mà ta muốn chọn.




Ảnh lấy từ Internet

Ảnh muốn chọn



Ta muốn Crop hình trên vào trong một shape hình trái tim, ta làm như sau:

0. Click lên hình
1. Click Format
2. Click Crop
3. Click Crop to shape
4. Click lên shape mà ta muốn, hình trái tim 

Ta được ảnh thu gọn trong trái tim:

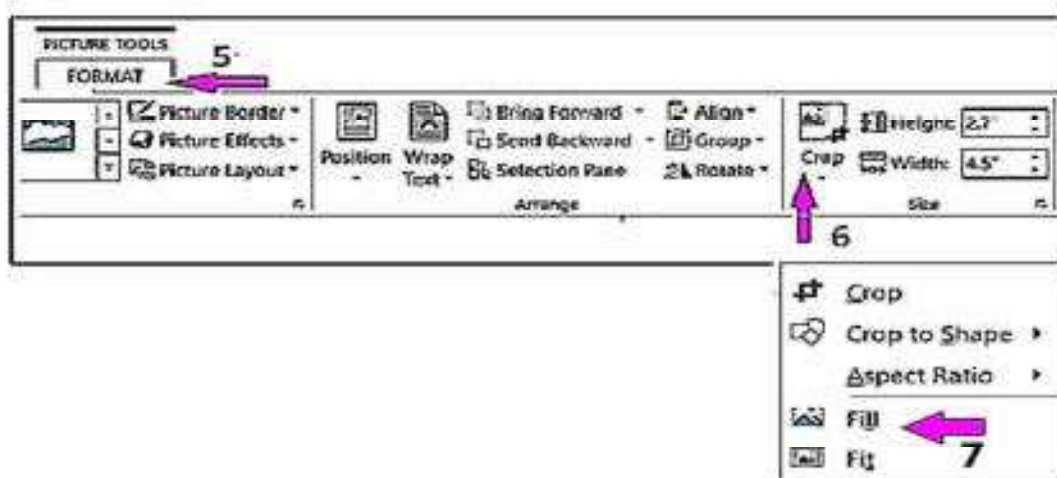
2.3. Di chuyển ảnh và thu gọn ảnh trong shape



Ảnh được lấy từ Internet

Dùng ảnh trên để crop vào shape có dạng trái tim, ta làm giống như các phần trước:

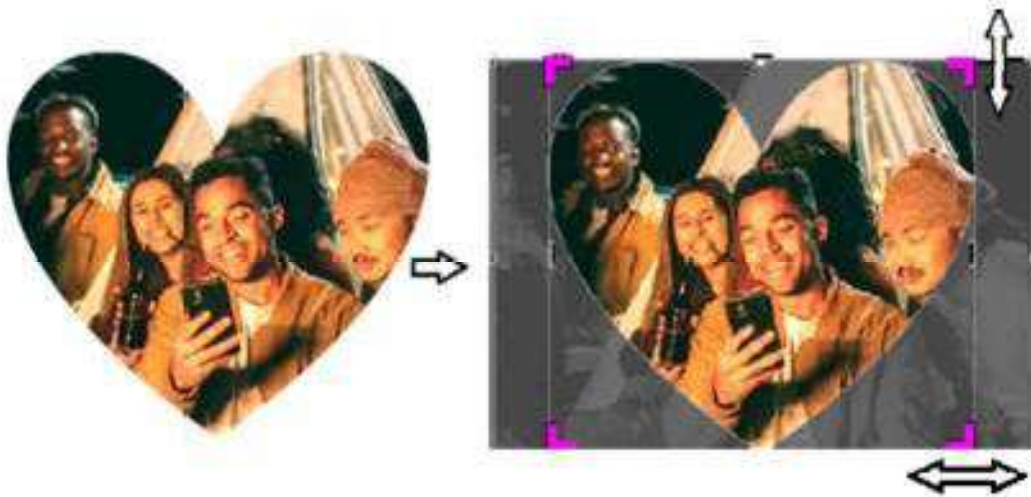
- Click lên ảnh, click format, click crop, click crop to shape, click lên hình trái tim ta được:



Tuy nhiên ta chỉ muốn lấy hình hai người ở giữa, ta sẽ làm như sau:

- Click lên ảnh
- Click format (5)
- Click Crop (6)
- click Fill (7), sẽ thấy những dấu hiệu “hai đoạn nhỏ” thẳng góc ở 4 góc của hình.

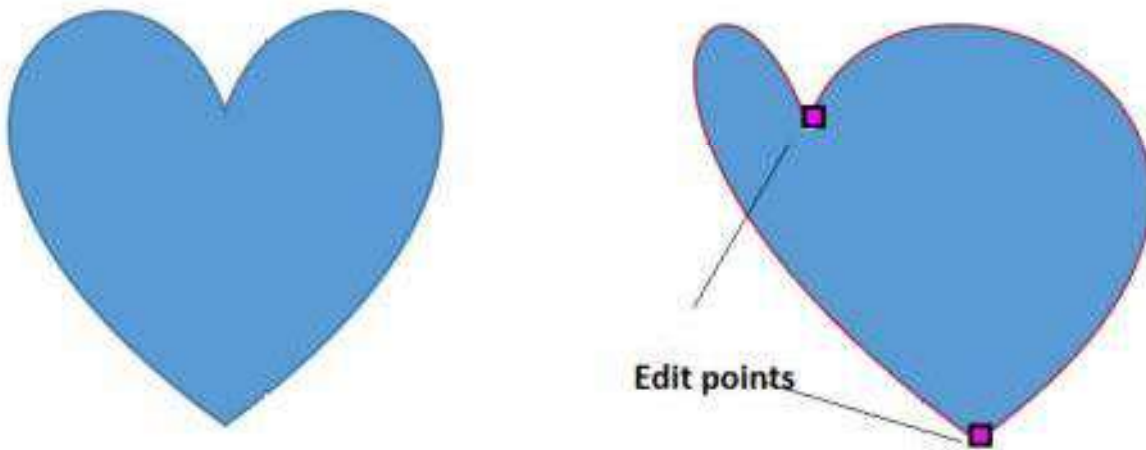




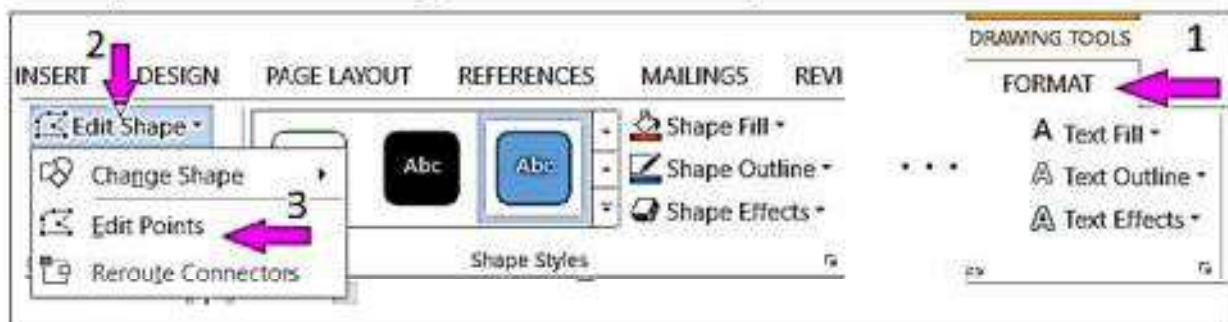
- Đặt mouse lên mỗi dấu hiệu này và di chuyển mouse để thu gọn phần ảnh được crop ta sẽ được hình sau:
- Dùng mouse di chuyển các hình vuông nhỏ → ta thay đổi kích thước của ảnh đã được crop.
- Dùng mouse di chuyển vòng nhỏ 🌀 theo chiều hay ngược chiều quay của kim kim đồng hồ ta có thể quay ảnh đã được crop:




2.4. Dùng các “Edit points” để biến đổi dạng của shape

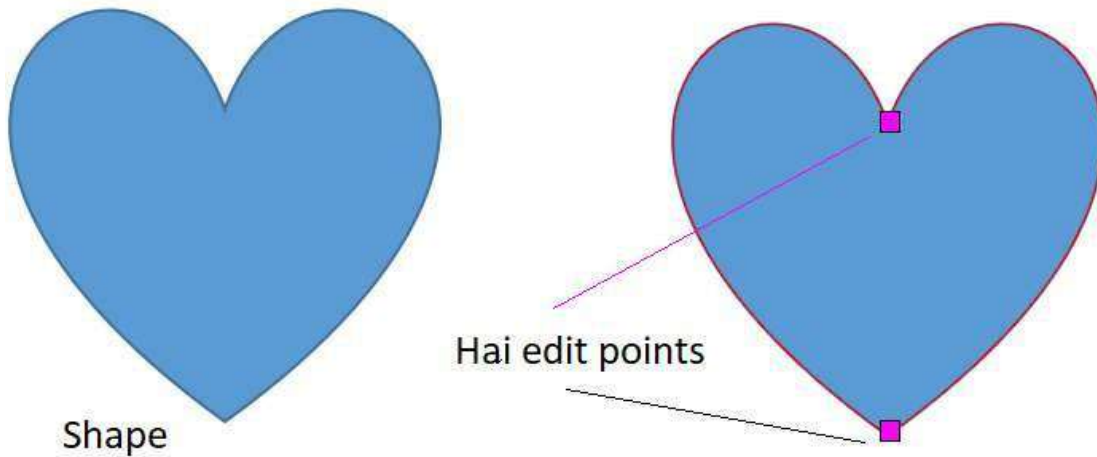


Insert Shape hình trái tim vào trong bài viết. Sau đó làm tiếp:

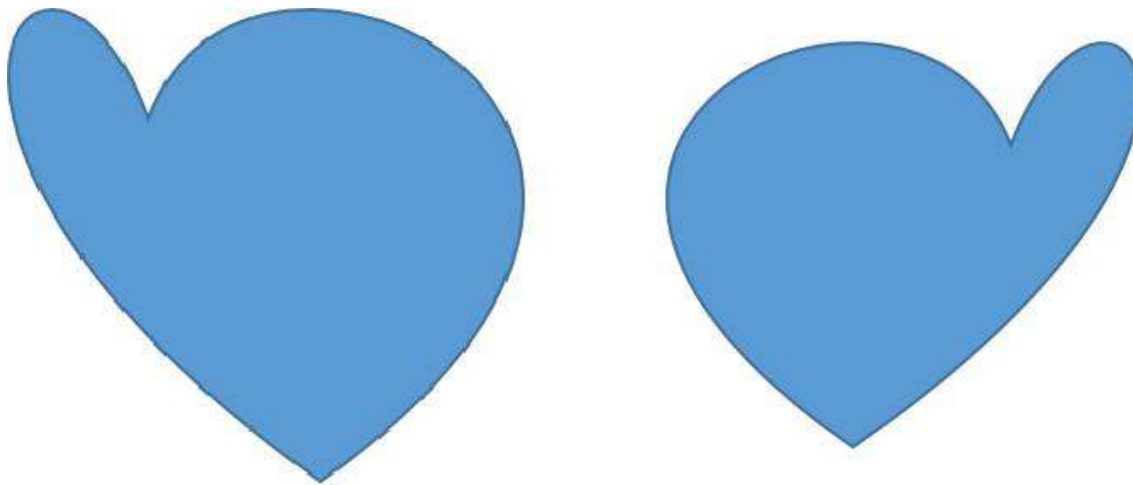


0. Click lên shape
1. Click format
2. Click Edit Shape
3. Click Edit Points

→ ta thấy có 2 Edit points (hình vuông nhỏ ) xuất hiện trên dưới trái tim. Dùng mouse di chuyển một trong hai hình vuông edit points này ta làm thay đổi dạng shape (trái tim bị méo đi).



Click mouse lên một trong hai edit points và di chuyển mouse → ta thấy shape bị biến dạng:



Crop hình dưới đây trong các shapes đã biến dạng ta lần lượt làm như sau:

(Xin nhắc lại các động tác cần thiết:

- *Click lên Shape, click Format, click Shape Fill, click Picture, click From a file*
- *Click lên ảnh trong Picture folder → ảnh sẽ crop trong shape).*



Ảnh từ Internet

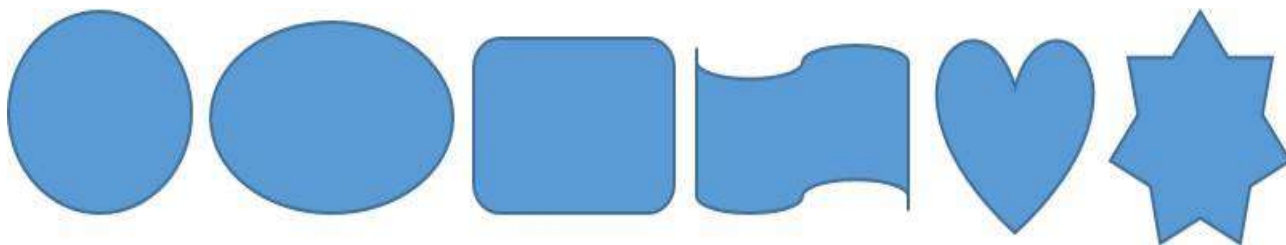


3. Crop một tấm ảnh vào các shapes khác nhau



Ảnh lấy từ Internet

Xin mời quý coi ảnh trên được crop vào nhiều shape khác nhau:



Ta được một số hình sau đây.

Ta có thể “thu gọn nội dung” của hình, dùng các Edit points để biến đổi các shape, hay *quay hình ảnh* đi 1 góc (bằng cách click lên hình, giữ *Alt+ nhấn ►* hay *◄*).



Ghi chú

Quay hình bằng cách: Click lên hình, giữ alt +nhấn ► hay ◄



Kết luận

Chúng ta đã tìm hiểu những cách insert shape, đưa text vào shape và “group” chúng lại với nhau để text không bị di chuyển trong khi làm edit hay layout.

Chúng ta cũng đã đề cập đến cách insert một ảnh và crop ảnh này vào trong shape bằng 2 cách: Insert ảnh vào bài viết trước shape, hay insert shape vào bài viết trước ảnh, cũng như các cách di chuyển ảnh trong shape, thu gọn hay cắt xén bớt chi tiết của ảnh cho phù hợp với shape đã chọn.

Tùy theo sự lựa chọn shape và khéo léo khi crop ảnh vào shape, chúng ta hy vọng có thể làm cho cách trình bày bài viết lôi cuốn sự chú ý của độc giả nhiều hơn.

Nếu quý bạn thấy có gì sai sót, xin cho chúng tôi biết để bổ túc hay sửa đổi. Xin chân thành cảm ơn quý bạn.

Chúc các bạn thành công và có nhiều mẫu text box, mẫu hình ảnh thu gọn và biến đổi linh động đẹp mắt!

■

Trương Thiệu Hùng

Thư mục

1. Rob Woodgate - How to Add and Format Text in a Shape in Microsoft Word
<https://www.howtogeek.com/366335/how-to-add-and-format-text-in-a-shape-in-microsoft-word/>
2. Microsoft Support - Add text to a shape
<https://support.microsoft.com/en-us/office/add-text-to-a-shape-58ef612b-80d6-4043-86a7-77a429233c0b>
3. Crop a picture to fit in a shape
<https://support.microsoft.com/en-us/office/crop-a-picture-to-fit-in-a-shape-1ce8cf89-6a19-4ee4-82ca-4f8e81469590>
4. Add shapes
<https://support.microsoft.com/en-us/office/add-shapes-0e492bb4-3f91-43b5-803f-dd0998e0eb89#OfficeVersion=Windows>

PARIS. NUIT BLANCHE. JUNE, 2023**Đêm Trắng tại Paris năm 2023.****SV Đàm Giang**

Một lần nữa, các đường phố và tượng đài của Paris lại tràn ngập nghệ thuật đương đại từ hoàng hôn đến bình minh cho Nuit Blanche. Sự kiện lớn này trong đời sống văn hóa của thủ đô mời gọi người dân Paris và khách du lịch chiêm ngưỡng các tác phẩm của các nghệ sĩ trong nước và quốc tế khi họ đi dạo quanh thành phố. Các tác phẩm điêu khắc, tác phẩm trình chiếu, các buổi hòa nhạc và tác phẩm sắp đặt tạm thời nằm rải rác xung quanh thành phố và khu đô thị Paris với 200 dự án nghệ thuật.

Nuit Blanche được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2002, và giống như Fête de la Musique, nó đã lan rộng khắp thế giới đến các thành phố khác ở Pháp và các thủ đô châu Âu khác, một bằng chứng về sự phổ biến và phù hợp của nó ngày nay.

Kể từ khi ra mắt vào năm 2002, Parisian Nuit Blanche, nơi cung cấp miễn phí suốt đêm hơn 150 buổi biểu diễn đương đại trong các tòa nhà của thành phố hoặc ngoài trời, đã truyền cảm hứng cho nhiều thủ đô và thành phố lớn trên thế giới.

Sự thay đổi cho tháng tổ chức Nuit Blanche.

Nuit blanche chuyển từ tháng 10 sang tháng 6 bắt đầu năm 2023.

Nuit Blanche trong 21 năm qua từ khi bắt đầu luôn luôn là ngày cuối tuần đầu tiên của tháng 10. Tháng 10 trời mùa Thu mát, những buổi hòa nhạc ngoài trời với những địa điểm có nhà hàng ăn và khách mặc toàn đồ màu trắng luôn luôn gây ấn tượng tuyệt vời cho cá nhân người viết. Nhưng có thể vì đầu tháng 10 trời có mưa hay sinh hoạt thương mại yếu kém sau hai năm bị ảnh hưởng Covid-19 (?). Và rồi năm nay 2023 thì có sự thay đổi.

Theo yêu cầu của công chúng, chính quyền thành phố Paris đã tiến hành cuộc tham vấn với người dân Paris và người dân vùng quanh Thủ đô về thời điểm lý tưởng để thay đổi sự kiện văn hóa nguyên thủy này. Và kết quả qua một cuộc bỏ phiếu công khai đã được công bố bởi tòa thị chính Paris, nơi phát động sự kiện văn hóa này từ năm 2002, thì ngày tổ chức mới nhất của Paris Nuit Blanche ở Paris năm 2023 sẽ diễn ra vào ngày cuối tuần đầu tiên của tháng 6. Đó là một luồng gió mới cho sự kiện kỷ niệm 22 năm thành lập Nuit Blanche tại Paris.

Parisian Nuit blanche sẽ chuyển từ cuối tuần đầu tiên của tháng 10 sang cuối tuần đầu tiên của tháng 6 từ năm 2023. Cho năm 2023 thì là ngày 3 tháng 6, 2023, và sông Seine đã được sử dụng như sợi dây chung, kết nối tất cả các sự kiện lại với nhau.

(Sự thay đổi tháng tổ chức cho năm 2024 chưa thể biết được và có thể còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố?)

Một vài hình ảnh cho ngày Đêm Trắng ở bên bờ sông Seine, tháng 6 năm 2023.



- Nghệ sĩ đường phố Kraken có kỷ niệm gắn Điện Invalides bằng bức tranh khổng lồ vẽ một con mực trên mặt tiền của Trung tâm nghệ thuật đô thị Fluctuart .

-Tập thể Les Brassart và lcart có *La Fabrique des Monstres* (Monster Factory), tại campus Raspail có ba họa sĩ chủ trì, cùng với một cuộc triển lãm nghệ thuật đường phố với các tác phẩm của JonOne, Speedy Graphito, Seth. v.v...

-Trên sông Seine ở vùng đảo l'Île de la Cité và l'Île Saint-Louis, có một mái vòm nổi khổng lồ...



- Plastique Fantastique (hay còn gọi là Marco Canevacci và Yena Young) đã tạo ra RINGdeLUXE, một tác phẩm phao vòng tròn bao quanh cây cầu đi bộ Léopold-Sédar-Senghor bắc qua sông Seine cho lễ hội Đêm Trắng/Nuit Blanche năm 2023. Tác phẩm nghệ thuật vòng này thu hút trí tưởng tượng của những người quan sát với thiết kế cấu trúc nhìn nổi bật và phức tạp về mặt cơ cấu.

Vị trí được thiết kế cẩn thận của vòng tròn khổng lồ xung quanh cầu đi bộ Léopold-Sédar-Senghor phục vụ hai mục đích, kết nối tượng trưng hai bờ của thành phố đồng thời thể hiện mối quan hệ giữa Paris, dòng sông và cư dân của Paris.



Cầu Passerelle Léopold-Sédar-Senghor, trước đây được gọi là passerelle Solférino (hay pont de Solférino), là một cầu đi bộ bắc qua sông Seine ở quận 7 của Paris. France. ■

Sóng Việt Đàm Giang biên soạn.

Hình ảnh thu thập trên Internet.

Bài tình ca cho Mẹ

Nguyễn Ngọc Hà

Tình mẫu tử muôn đời muôn thuở vẫn là bài tình ca đẹp nhất, có ý nghĩa nhất vì nó dễ đi vào lòng người và thấm sâu vào tâm hồn của những đứa con hiếu thảo.



Hình ảnh lấy từ Internet

Dước thủy triều không bao giờ cạn, tình mẹ thương con có thuở nào vơi. Càng vất vả lo lắng cho con, tình mẫu tử càng thấm sâu và lớn mạnh qua thử thách. Chim có tổ, người có tông, những đứa con lầm đường lạc lối rồi cũng sẽ quay về tìm an ủi trong vòng tay ấm áp của mẹ hiền.

Thức suốt mấy canh giờ bên giường bệnh của con, theo dõi từng hơi thở nhịp tim của con là lúc tình thương con thấm nhập vào tim vào máu của mẹ, tưởng chừng như không có sức mạnh nào lay chuyển nổi.

Thời gian có làm cho mẹ già nua, những vết nhăn rồi sẽ hiện rõ trên gương mặt của mẹ, tóc mẹ rồi sẽ bạc phai, nhưng trái tim của mẹ vẫn luôn trẻ mãi, và vẫn đập đều theo nhịp tim của con. Đứa con có thể nhút nhát rời xa mẹ, thậm chí từ bỏ mẹ, nhưng mắt mẹ dù có bị mờ, tai mẹ dù có

bị ù, vẫn nghe được tiếng gọi "Mẹ" thiết tha, vẫn còn cảm nhận được nét tuyệt vọng và hối hận trên gương mặt của đứa con lầm lỗi.

Trong đa số các ngôn ngữ, tiếng "Mẹ" đều bắt đầu bằng mẫu tự "M" giống nhau. "Mẹ, Má; Mother, Mommy; Maman, Mère; Madre, Mάma ...", tiếng gọi đầu lòng của trẻ thơ.

Ánh mắt của các bà mẹ đều giống nhau ở chỗ nhìn con như chứa đựng cả một trời thương yêu triu mến, nụ cười mẹ dành cho con thật là tha thiết, ngọt ngào. Con của mẹ lúc nào cũng đẹp nhất, ngoan nhất, giỏi nhất, cái gì cũng nhất, vì thật ra mẹ nhìn con bằng trái tim, chứ không chỉ đơn thuần qua ánh mắt. Mỗi cử chỉ âu yếm của con, mỗi lời nói êm dịu từ miệng con cũng đủ làm cho mẹ thấy cả một bầu trời hạnh phúc. Mẹ trân quý từng lá thư con gửi về thăm mẹ, giữ thật kỹ trong suốt mấy chục năm đến nỗi giấy trở nên vàng ố, và chữ cũng mờ nhòe vì đã được tưới bằng nước mắt sau mỗi lần đọc.

Đời đời kiếp kiếp ai đã từng làm mẹ chắc hẳn đều thấm thía nỗi nhớ con, thương con, sung sướng và đau khổ vì con, ngay trong bữa ăn, ngay trong giấc ngủ, ngay cả trước phút lâm chung: Dù thế nào con vẫn là con của mẹ. Mẹ cần có con như quả đất này cần nắng ấm của mùa Xuân và ánh sáng của mặt trời. Vì con mẹ phải ra sức đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau: Khi thì hiền dịu như bà tiên, lúc lại dũng mãnh, kiên cường như gà mẹ xòe đôi cánh che chở cho đàn gà con trước sự tấn công vũ bão của điều hâu, mặc cho nó mổ những cú ác nghiệt lên đầu và thân thể của mình.

Mẹ chịu đau đớn để cho con được an toàn, mẹ đói để con được no, chịu rách rưới để con có quần áo đẹp khoe với bạn. Có núi nào mẹ không trèo, có suối nào mẹ không lội, có cảnh ngộ nào mẹ không vượt qua? Mẹ chọn con đường chông gai để trải thảm hoa dưới bước chân con, vì con là sự sống, là linh hồn, là niềm tự hào vô biên của mẹ.

Tình mẹ thương con thật là bao la, thật là cao quý, thật là huyền diệu, thật là tuyệt vời như nước biển kia dù gặp mưa sa nắng hạn, sóng to gió lớn, nhưng muôn đời muôn kiếp vẫn đầy tràn. ■

(Nhớ thương người mẹ đã vĩnh viễn ra đi. Nhớ Má biết chừng nào!)

Nguyễn Ngọc Hà

CHƯƠNG HAI: GIAI ĐOẠN XIN ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI TƯỞNG NIỆM THUYỀN NHÂN TẠI MISSISSAUGA

Đàm Trung Phán



Sáng nay, một buổi sáng mùa xuân 2020 tại nơi chúng tôi cư ngụ đẹp vô cùng. Chẳng bù tháng Tư năm nay trời quá lạnh, mà lại có cái ẩm ướt ngoài trời làm cho cái thân già của người viết cảm thấy buốt tới xương, đôi cẳng già và cái lưng “phán cảnh”/cánh phản chỉ muốn... nằm nghỉ cho đỡ đau mà thôi.

Gặm cho xong 2 lát bánh mì được nuốt trôi bằng ly café “home made”, người viết mang cuốn vở cùng với một chai nước nhỏ, đi bộ ngay xuống vườn cỏ có những cây phong cao vút. Chiếm một chỗ ngồi trong khu “picnic area” của chúng cư. Trước mặt tôi là mấy cây phong với lá đỏ, lá xanh được mặt trời ban mai chiếu qua. Không có gió lạnh mà nhiệt độ còn lên đến 15 độ Celsius lận! Sao mà đời lại có những giây phút như thế này, tha hồ mà tôi ngồi xuống để mà viết...

Nhìn sân cỏ xanh tươi và “hoa dandelions” màu vàng đang tô điểm cho làn cỏ xanh, đâu đây có tiếng chim robbin đang hót, tôi liên tưởng tới hôm hai vợ chồng già chúng tôi đáp phi cơ từ Toronto xuống phi trường Vancouver vào giữa một đêm tháng Sáu năm 2019. Đi dọc hành lang trong phi trường để gặp 2 người bạn đến từ Châu Âu lúc 12 giờ đêm. Trong cái háo hức để gặp bạn, bỗng đâu cái “lù mù, lờ mờ” ban đêm của hành lang phi trường Vancouver làm tôi cảm thấy ướt đôi má ông già 77 tuổi. Sao vậy hè? Bèn vuốt mặt: trời đất quý thần ơi, hóa ra ông già song thất đang rõ lệ. Bỗng đâu cả một mảnh đời “xất bất xang bang” 50 năm về trước đang “dàn cảnh” chào đón tôi tại nơi “xứ lạnh... quê... tôi bây giờ”.

Phải, đúng rồi Vancouver đã là miền đất hứa “chào đón” chúng tôi lúc đó mới 26, 27 tuổi, đến lập nghiệp tại Canada, trong túi chẳng có được đủ tiền như ý mình mong muốn để sống sót cho tới khi kiếm được việc làm. Chẳng có lấy một người bạn, bà con quyến thuộc ra đón! Tất cả còn ở lại Việt Nam và Úc...

Phải bắt đầu lại ngay từ đầu. Mà bắt đầu như thế nào nhỉ, trong khi hai vợ chồng trẻ còn chưa biết ... “đêm trắng này nghĩ mát nơi nao”?

Năm mươi năm trong cuộc đời đã mang lại cho tôi biết bao nhiêu là đổi thay. Bắt buộc phải phấn đấu, phải gây dựng lại hết. Bây giờ ... “Thất thập cổ lai hy”... Tôi đã trở lại Vancouver trong an nhàn để đánh thức những phiền não lại đề mà ... “tôi ru tôi ngủ, việc thế là xong!”

Nghe tiếng chim hót, tôi chợt nhớ đến thập niên 1980, khi chính bản thân tôi bước vào tuổi 40 của cuộc đời với “bèo dạt, mây trôi!”

Đầu năm 1985, khi ngoài trời đang có một cơn bão tuyết, anh NV, trưởng nhóm của các anh chị em sinh viên Việt Nam trong Đại Học Cộng Đồng Centennial College đến văn phòng của tôi để nhờ tôi “book” (giữ chỗ) cho một phần trong phòng ăn của giáo sư và nhân viên tại Progress Campus (chi nhánh chính của College). Anh NV lúc đó cũng đã khoảng 40 tuổi đời và đã từng là một cựu sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Buổi họp mặt này là để cho các anh chị em sinh viên Việt Nam gặp mặt nhau và mừng xuân trong đời sống ly hương của chúng tôi.

Tôi hứa là tôi sẽ “book” phòng ăn. Không những vậy, tôi còn gọi điện thoại cho bà MK, Khoa trưởng của phân khoa Kỹ thuật (Dean, School of Engineering Technology) tới dự buổi tiệc này luôn. Bà MK hơn tôi vài tuổi và bà gia nhập College sau tôi hai năm, cùng trong ngành Công Chánh (Civil Engineering Technology) với chúng tôi. Vì tôi là “Giáo Út”, cho nên bà cứ tự ý coi bà như là một “bà chị” của Giáo Út vậy. Mọi người trong gia đình của bà đã may mắn trốn thoát nạn Cộng Sản tại Hungary vào

năm 1956. Bà đã thừa biết Cộng Sản là như thế nào rồi cho nên bà rất hoan hỉ đến dự buổi họp mặt tất niên với các anh chị em sinh viên Việt Nam.

Không ngờ rằng buổi họp mặt này đã vô hình chung trở thành cái “Nhân” để rồi sau đó bà MK và Giáo Út PD đã có cái “duyên” cùng nhau hợp tác để thu nhận khoảng một ngàn sinh viên gốc Việt trong hai thập niên 1980 và 1990, trong đó có rất nhiều các sinh viên “gốc Thuyền Nhân”.

Bà MK đã cùng gia đình trốn khỏi Budapest năm 1956 khi bà còn đang đi học ngành Kiến Trúc Sư. Sang đến Toronto, Canada, bà vào học ngành Công Chánh tại Đại học Toronto (U of T). Sau khi ra trường, bà làm việc cho một công ty xây cất trong chức vụ của một “Structural Engineer” (Kỹ Sư Công Chánh chuyên nghiệp, P.Eng.). Bà chỉ dạy trong department của chúng tôi trong 2 năm, sau đó chuyển sang ngành Kiến Trúc (Architectural Department) dạy về các môn “Structures”. Bà thích làm việc về hành chánh (administration) hơn dạy học cho nên bà trở thành “Dean” (khoa trưởng).

Trong giữa thập niên 1980, phân khoa kỹ thuật của chúng tôi cũng đang cần có thêm nhiều sinh viên vì có thêm sinh viên thì mới được chính phủ liên bang Canada và chính phủ tiểu bang Ontario cho thêm ngân sách (funding).

Ngay ngày hôm sau, Khoa trưởng MK gọi tôi đến văn phòng của bà ta.

– Này anh PD: Anh và tôi đã có “job” rồi đó. Anh sẽ là người đại diện Centennial College đi nói chuyện với các “mature students” gốc Thuyền Nhân Việt Nam (mature students là những ai đã trên 21 tuổi nhưng không có bằng Trung Học tại tỉnh bang Ontario). Tôi thấy các anh chị sinh viên gốc Việt phần lớn đã “già”. Bây giờ anh và tôi sẽ hợp tác với nhau để thu nhận thêm nhiều các sinh viên đó trong Cộng Đồng Việt Nam của các “you”. Tôi đã tính như sau: Tôi là một “admin” (dân hành chánh vì bà là “Dean” cho nên không còn dạy học như Giáo Út). Tôi sẽ đi gặp các “Deans” khác trong các ngành nghề như Y tế (Y tá, nursing), ngành Thương Mại (Business), Giao Thông & Vận Tải (Transportation), Truyền Thông (Communications)... Riêng về phân khoa Kỹ Thuật nhà mình, tôi sẽ tổ chức một buổi họp với tất cả các giáo sư trưởng phòng (Co-Ordinators / Department heads, các giáo sư full-time (permanent faculty) và nhân viên văn phòng để chúng ta cùng “brain storm” (lấy ý kiến chung) làm sao mà thu nhận những sinh viên gốc Việt này. Tôi sẽ thu xếp với College nhà mình trả các chi phí đăng trên báo chí, in các tài liệu nhà trường... Anh (Giáo Út) sẽ là người đứng ra tổ chức những buổi nói chuyện với các sinh viên gốc Việt Nam, gốc Ba Lan, gốc Nga, gốc Ấn Độ... vào cuối tuần. Nếu cần, nhờ anh trả lời họ về 2 môn Toán và Anh Văn mà họ phải thi và phải “Pass” (đạt được điểm trung bình, tối thiểu là 50%).

Mà cũng lạ thay: bắt đầu từ năm 1984, Giáo Út PD nhà ta đã “bị” / “được” ngành Công Chánh chuyển sang “làng Toán” dạy một môn Toán trong cả 2 term (học kỳ) mùa Thu và mùa Đông. Chả là vì các môn “dễ nhằn”, “ăn quen như cơm bữa” về Công Chánh đã bị các giáo sư thâm niên đàn anh dành hết. Trong cái “rủi lại có cái may”, Giáo Út đã có dịp làm quen với tất cả các giáo sư thực thụ (permanent staff) của “làng Toán”, nhờ vậy mà đã xin được rất nhiều các “text books” (sách giáo khoa) cũ của họ. Mang về văn phòng chất đầy cả một góc tường. Thế là Giáo Út nhà ta đi “mộ binh” (recruit) các “mature students”: ai mà đến gặp tôi trong trường, tôi sẽ biếu cho họ một cuốn sách Toán để vừa ôn lại Toán, vừa học thêm phần “technical terms” (danh từ chuyên môn) về Toán. Đồng thời tôi sẽ cho họ biết thêm về phần “English Test”, cách thi cử ra sao...

Ngoài số sinh viên gốc Việt, còn có nhiều các sinh viên gốc Âu châu, Á Châu, Châu Mỹ La Tinh tới thăm Giáo Út nữa.

Tựu chung các sinh viên này đã chiếm được điểm thi Toán rất khá nhưng phần Anh văn thì không lấy gì “sáng sủa” cho lắm.

Nhờ có sự tích cực giúp đỡ của phần lớn các giáo sư thực thụ không những của Phân khoa Kỹ Thuật mà các giáo sư Anh Văn của “School of English” cũng hết lòng giúp đỡ các sinh viên lớn tuổi này. Đại Học Cộng Đồng Centennial College đã mở thêm 2 môn Anh Văn nữa: English as a Second Language 1 (ESL1), English as a Second Language 2 (ESL 2) để giúp cho các sinh viên này (mature students) có căn bản về môn Anh Văn trước khi họ được ghi danh học môn English 1 (English Literature, Văn Chương Anh Ngữ) như các sinh viên Canadian khác.

Nhờ vậy mà số sinh viên không những của Phân khoa Kỹ Thuật càng ngày càng đông hơn mà số sinh viên gia nhập các Phân khoa khác cũng được tăng thêm. Và đó cũng là lý do mà toàn thể nhà trường đã không bị “thiếu funding” mà hậu quả sẽ rất là tai hại: một số các chương trình học nghề (academic programs) có thể bị đóng cửa để rồi đưa đến cái vụ “layoff” nhân viên, nhất là các giáo sư ít thâm niên nhất. Ngoài ra, cũng nhờ có ESL1 và ESL 2 mà các Trường Cao Đẳng đã đào tạo được khá nhiều các chuyên viên gốc người di dân và bản xứ luôn. Rất hữu hiệu cho sinh viên di dân tuổi đã cao (immigrantstudents và sinh viên bản xứ không có bằng Trung Học) tham dự 24 Đại Học Cộng Đồng của toàn tỉnh bang Ontario mà không phải học lại Trung Học ở tỉnh bang Ontario.

Trở về thập niên 1980, trong khi 60,000 người Việt Nam vượt biên, vượt biển đã được Canada đón nhận, lúc này nền kinh tế của Canada cũng không được “sáng giá” cho lắm. Hai mươi bốn Đại học Cộng Đồng (community Colleges) của toàn tỉnh bang Ontario bị thiếu hụt ngân sách. Mỗi một College phải tìm đủ mọi cách để cắt giảm phần chi tiêu: dạy ít giờ hơn trong mỗi một môn học (bằng cách giảm phần “course content” của từng môn học để số giờ giảng huấn được cắt giảm, giáo sư thực thụ (permanent professors) nào mà về hưu sớm hay bị học trò ca thán mà bị “layoff”, College sẽ không thuê giáo sư thay thế; College chỉ thuê các “Part – time professors” mà thôi (thuê theo từng học kỳ để nhà trường khỏi phải trả cho chính phủ phần “unemployment insurances” cho đỡ “hao” phần chi tiêu. Trong khi đó, các vị “admin staff” như “Dean”, SuperChair (phụ tá Khoa trưởng) phải “gánh vác” rất nhiều thứ khác và rất dễ bị nhà trường sa thải!

Có thể nói rằng các trường Cao Đẳng của tỉnh bang Ontario đã thay đổi rất nhiều trong những giai đoạn khác nhau: thập niên 1970 thừa thải tiền bạc, các vị Khoa trưởng (Dean), Chairs (phụ tá khoa trưởng), các giáo sư toàn phần (Full time faculty), các nhân viên văn phòng đã được hưởng 10 năm lý tưởng trong ngành nghề. Giáo Út chúng tôi đã có được nhiều cơ hội để vừa học hỏi, vừa tiên thân và nhất là có cơ hội xung phong phục vụ Cộng Đồng Việt Nam cũng như Cộng Đồng Canada.

Sang đến thập niên 1980, đây là lúc mà Cộng Đồng Việt Nam mình “tăng dân số” nhiều nhất. Khoa trưởng MK, các giáo sư Trưởng Phòng và Giáo Út không những bận rộn với vụ “Restructuring/Downsizing/Recruiting” mà còn phải sáng tạo ra nhiều chương trình mới “hấp dẫn” hơn (new & practical programs) để những mong có thêm nhiều sinh viên năm thứ nhất (freshman) hơn. Gần cuối thập niên 1980, Khoa trưởng MK đã phải “đổi ngành”, một Khoa trưởng khác lên thay nhưng vẫn “nâng đỡ” Giáo Út trong phần “recruitment of mature students” như trong thời kỳ của bà MK.

Cũng bắt đầu từ năm 1985, Giáo Út đã được Centennial College mời gia nhập “Ủy Ban Tái Xét Ngành Công Chánh của Centennial College” thể theo lời đề nghị của Bộ Đại Học và Cao Đẳng (Ministry of Universities and Colleges) của tỉnh bang Ontario bổ nhiệm trong chức vụ “Advisory Board Members” (Ban Cố vấn về kỹ thuật). Nhờ vậy mà chúng tôi quen được với ông “Commissioner of Public Works of the City of Scarborough” (Công chức cao cấp nhất của Hội Đồng Thành Phố Scarborough) và một số các nhân viên cao cấp trong ngành Công Chánh của Chính Phủ cũng như các hãng tư. Từ đó, Giáo Sư PD đã có dịp gặp gỡ và làm việc chung với vài nghị viên của TP Scarborough. Điềm son của trường Công Chánh của Centennial College: chúng tôi đã được Thành Phố Scarborough chấp nhận cho sinh viên ngành Công Chánh đi tập sự trong những “Co-op terms” (trong những học kỳ đó, sinh viên của chúng tôi chỉ đi tập sự mà thôi). May mắn thay: TP Scarborough cũng đã thuê thêm một số sinh viên ngành Công Chánh của chúng tôi sau khi họ đã ra trường.

Rồi “chuyện lớn” xảy ra: Năm 1989, một năm sau khi thân phụ chúng tôi qua đời, trong lúc đây “bão táp” xảy ra, Giáo Út được Ban Giảng Huấn của College “cho lên chức” trở thành “Giáo Sư Trưởng Phòng”: vẫn phải dạy như các Giáo Sư khác tuy ít giờ hơn nhưng lại còn phải “đèo bồng” rất nhiều các trách nhiệm hành chánh khác nữa.

Khoa Trưởng mới và ông Phụ Tá Khoa Trưởng (“Super Chair”) mới đã trao cho Giáo Út một... “Mission Impossible”: “You” có trách nhiệm phải viết ra một chương trình học mới (new program) với hy vọng là chương trình này sẽ thu nhận được nhiều sinh viên năm Thứ Nhất thì phân khoa mới có thể tránh được việc sa thải giáo sư và nhân viên.

Thập niên 1970, Giáo Út có cơ hội trông coi mấy phòng thí nghiệm: mua dụng cụ, kiến tạo (design) các phòng thí nghiệm, dạy phân thực tập trong các phòng thí nghiệm, viết các văn kiện về dạy học cũng như sửa chữa phòng ốc...

Đây là thập niên “vào đời dạy học”.

Thập niên 1980, Giáo Út “lang thang” đi kiếm ăn tại “làng Toán”, gia nhập Ủy Ban Duyệt Xét Ngành Công Chánh, kèm theo nhiệm vụ “partnership” với thành phố Scarborough.

Cuối thập niên 1980, “nước thủy triều dâng cao”: “được lên chức bất đắc dĩ” và phải phối hợp 3 ngành:

- Công Chánh (Prof. Phan D, Civil Technology)
- Hóa Học (Prof. Graham S, Chemistry)
- Sinh Vật Học (Prof. Dan M, Biology and Law)

để viết ra văn kiện về “Environmental Protection Technology”, dưới sự yểm trợ mau mắn của “Super Chair” Peter H, Admin. Bốn người chúng tôi phải làm việc đồng đã bắt đầu vào năm 1989 và hoàn tất năm 1991.

Giáo Già đã có nhiều kinh nghiệm đi dạy và đã đóng góp khá nhiều cho Centennial College, bây giờ trong đời về hưu, mình cần làm một cái gì cho Cộng Đồng Việt Nam nhà mình chứ, Giáo Già tự nghĩ.

Với những kinh nghiệm khô cực này, năm 2013, chúng tôi bèn nảy ra ý định viết thư xin Thành Phố Mississauga cho phép Cộng Đồng Người Việt Tự Do xây Tượng Đài Thuyền Nhân trong một miếng đất tại Mississauga.

Chúng tôi đã biết trước sẽ có rất nhiều khó khăn nhưng với những kinh nghiệm hồi còn đi dầy, Giáo Út nay đã thành Giáo Già sẽ “lâm trận” một chuyến cuối cùng: cùng với Cộng Đồng thành lập “Hội Tưởng Niệm Thuyền Nhân Việt Nam”, lập Hội Đồng Quản Trị, tổ chức các đợt quyên tiền, kiến tạo (design), xây cất (construction)...

Cộng Đồng Việt Nam chúng ta cũng đã đóng góp ít nhiều trong ngành Giáo dục cấp Trung Học, Cao Đẳng, Đại Học tại Canada để đào tạo các chuyên viên sáng giá gốc Việt Nam trong nhiều ngành nghề khác nhau không những ở Canada mà còn ở các nước khác nữa. Cộng đồng Việt Nam chúng ta đã lớn mạnh và đây là lúc chúng ta tri ơn đất nước và người dân Canada và đề nhắc nhở con cháu chúng ta trong tinh thần “uống nước nhớ nguồn” và “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”!

Đầu tháng 5 năm 2013, bảy người bạn chúng tôi (3 người đã về hưu, 4 người còn đang đi làm) rủ nhau lên High Park xem hoa anh đào nở. Hôm đó, nắng ấm như chưa bao giờ có được như vậy. Cả buổi sáng hôm đó, người viết lẳng xăng đi chụp hình. Mỗi cả cái thân già. Ba vị hưu trí già ngồi nói chuyện với nhau về cuộc đời hưu trí trong cái “xứ lạnh tình nồng”. Xế chiều hai cặp “còn trẻ/còn khỏe để còn mà đi cày” đã tan sở sớm để đến gặp chúng tôi. Cả một buổi chiều đầy tiếng cười, tiếng nói và khoe nhau những bức hình hoa anh đào đang nở rộ tại High Park, Toronto, Canada.

Sau đó chúng tôi rủ nhau đi ăn phở. Ra về ai nấy đều mong có những ngày nắng xuân ấm cúng và vui vẻ như vậy trong tương lai.

Trong hiệu phở người viết còn gặp lại hai người bạn sau 20 năm xa cách. Ý tưởng xin miếng đất để xây dựng Tượng Đài Thuyền Nhân đã bắt đầu từ “cái buổi chiều hôm đó, hôm gì”.

Nghĩ tới Tượng Đài Thuyền Nhân Việt Nam, chúng tôi cảm thấy rộn lên một niềm vui: thế hệ Thuyền Nhân đầu tiên đã có mặt tại Canada, tại các nơi khác trên thế giới trong những năm tháng khó khăn nhất. Rồi đây, Tượng Đài sẽ là một biểu tượng đẹp đẽ, đầy nghị lực đang vươn lên để cho những thế hệ gốc Việt Nam mai hậu noi theo.

Một hôm mùa thu năm 2014, Bích Nga và tôi lái xe ra “Jack Darling Memorial Park” xem phong cảnh. Hôm đó, trời có mây đen đang che phủ mặt hồ Ontario (Lake Ontario). Nhìn mây bay, lá thu đang rớt rụng, người viết lấy ngay máy hình ra thu video clips và chụp ảnh. Không quên nhờ bà vợ đứng “xa xa” làm người mẫu để cho hình và video clips có chút thi vị.

Sau khi ý định xây tượng đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân đã được một số bạn bè ủng hộ, người viết đã làm Video và đưa lên youtube dưới đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=6k2YdfPaAqo>

AN AUTUMN MID-MORNING WALK IN JACK DARLING MEMORIAL PARK, MISSISSAUGA

Giáo Già có cái thú nằm dài trên cái sofa những đêm khuya thanh vắng để thả hồn vào phía “bên trong” và tự đặt nhiều câu hỏi trong đầu về mình phải viết những gì trong cái văn kiện xin đất đó:

- Để làm gì?
- Sẽ có những ai trong cái project này?
- Sẽ tốn bao nhiêu tiền và làm sao mà có được sự hỗ trợ từ cộng đồng trong cái project này?

- Sẽ tốn mất bao nhiêu thì giờ để xây xong?
- Sẽ phải làm những gì để có nhân lực, nhất là phần nhân lực chuyên môn như Kiến Trúc Sư, Kỹ Sư, Điều Khắc Gia, thợ đứng ra xây cất?

Cũng đã tự đặt ra những câu hỏi cho chính mình: Làm sao quen được các nhân vật trong Hội Đồng Thành Phố như Thị Trưởng, làm sao làm quen được Nghị viên, Commissioner (Public Works, Parks-Recreations, Cultures)..., các Directors và Managers của Thành Phố?

Phần đối đáp với các nhân vật này thì người viết thấy tạm yên vì trong thập niên 1980, trường Công Chánh của Centennial College chúng tôi đã có quan hệ mật thiết với City of Scarborough qua chương trình Co-op của sinh viên Công Chánh (sinh viên của trường được gửi đi thực tập trong Co-op terms) tại Hội Đồng Thành Phố Scarborough. Ngoài ra một số sinh viên ngành Công Chánh của Centennial College đã có công ăn việc làm với City of Scarborough và các City khác. Giáo Út (hồi đó) “còn trẻ, còn khỏe” cũng đã từng gửi sinh viên đến các Hội Đồng Thành Phố như City of Scarborough, City of Toronto, City of North York, City of East York để xin tài liệu mà sinh viên phải nộp bài cho GS PD cho các đề tài liên quan đến các tổ chức Hội Đồng Thành Phố của môn “Công Chánh Đại Cương” (Introduction of Civil Engineering Technology).

- Sẽ phải đối phó với các nhân viên cao cấp của City of Mississauga như thế nào trong những buổi họp ban đầu. Tuy rằng Giáo Già đã có nhiều kinh nghiệm về “Public Speaking” trong thập niên 1980 qua những nhiệm vụ sau đây:

-Viết văn kiện cho chương trình mới cùng 2 Giáo sư trưởng phòng Hóa Học và Sinh Vật Học về “Bảo Vệ Môi Sinh”. Sau đó bộ 3 chúng tôi phải đứng ra điều trần trước “Academic Council of Centennial College” (Hội Đồng Tối Cao về chương trình giảng dạy toàn trường) gồm có rất nhiều các Giáo Sư Trưởng Phòng, các phụ tá Khoa Trưởng và các Khoa Trưởng của 89 chương trình học (programs) của Centennial College.

- Trong đầu thập niên 90, trong chức vụ Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ, sau đó Chủ Tịch của Hội Phụ Huynh Học Sinh Toronto, người viết đã tham dự nhiều buổi họp liên quan đến “chống kỳ thị chủng tộc trong các sách Giáo Khoa” của Thành Phố Toronto, chúng tôi đã có dịp ngồi họp với các “Trustees” (do dân bầu ra để đại diện cho học sinh và phụ huynh của TP Toronto trên phương diện Giáo Dục), một số giáo chức, rất nhiều hiệu trưởng (principals), các đốc học (superintendents), các đại diện sắc dân da màu... Đã có dịp tham dự nhiều buổi họp rất “hot” (to tiếng và đầy căng thẳng...) Đã học được “kinh nghiệm chiến trường”: – mình hòa nhã với người thì người sẽ hòa nhã với mình, – văn viết và văn nói nên ngắn gọn và trong sáng để dễ gây thiện cảm với người “đối tác”.

Sau kỳ họp đầu tiên với nhóm đại diện của Thành Phố Niagara Falls, cá nhân tôi đã rút tía được những kinh nghiệm sau đây:

Muốn có được kết quả tốt mình cần phải:

- Có một số hội đoàn ủng hộ việc xây TĐTN.
- Có thêm nhiều thành viên của Ủy Ban Xin Đất với nhiều kinh nghiệm sinh hoạt cộng đồng (Việt Nam và Canada) vô vụ lợi.
- Có được 1, 2 nghị viên sẵn lòng giúp đỡ Ủy Ban để kết nối với các nghị viên khác và nhất là người Thị Trưởng.
- Có khái niệm là Ủy Ban sẽ gặp gỡ những ai trong Hội Đồng Thành Phố

– Có đủ nhân sự với nhiều kinh nghiệm khác nhau để cùng ngồi viết văn kiện, cùng hoạch định chương trình xuyên tiền để xây cất, tuyển chọn mẫu Tượng Đài, tuyển lựa Ban xây cất...

Kính mời quý vị vào đọc đề Quý Vị có khái niệm về “những bước đầu khó khăn của chúng tôi”:

<http://boatpeoplememorial.com/mississauga/cac-dien-tien-cua-cong-trinh-xay-dung-tuong-dai-thuyen-nhan-tai-thanh-pho-mississauga/>

(CÁC DIỄN TIẾN CỦA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI THUYỀN NHÂN TẠI THÀNH PHỐ MISSISSAUGA, CANADA)

Xin hẹn gặp lại Quý Vị trong bài viết sắp tới. ■

Đàm Trung Phán

GS Công Chánh hồi hưu.Mississauga

Tháng 5, 2020

Vượt Qua Số Phận

Phương Hoa

Tôi có bà bạn thân tên Na, chơi với nhau từ ngày xưa ngày xưa ở Nha Trang. Đạo gần đây, mỗi lần gọi cho tôi Na thường kể về chuyện tình cảm của cô cháu gái con người em ruột giàu có của bà, với một cậu du học sinh từ Việt Nam qua Texas, học chương trình sau đại học tại "University of Houston Clear Lake."

Nhờ bà bạn Na, tôi biết được toàn bộ “chuyện tình nhiều tập” gay cấn này.

Trọng là con của cặp vợ chồng nghèo ở một làng quê gần núi ngoài miền Trung. Cha Trọng trước kia là thầy giáo Tiểu Học, vừa tốt nghiệp đi dạy ở một thị trấn nhỏ được một thời gian thì đến tháng Ba, năm 1975 tình hình chiến sự sôi động, thầy trò phải bỏ trường mà chạy. Trong một trận pháo kích, ông giáo bị thương gãy chân được mấy người lính Bảo An cứu giúp đưa vào bệnh viện. Các bác sĩ chưa kịp điều trị cho ông thì vội lo di tản theo quân đội Việt Nam Cộng Hòa vào Sài Gòn. Bị bỏ nằm bơ vơ ở bệnh viện một thời gian dài, nên cái chân ông giáo bị nhiễm trùng và về sau phải cưa đi cưa lại mấy lần, đến lần sau cùng thì đã cụt lên đến đầu gối.

Khi vết thương của cái chân cụt đã lành, vợ chồng ông giáo trở về quê. Với chút vốn liếng dành dụm được lúc đi dạy học, hai người sửa lại ngôi nhà từ đường đã bị bom đạn cày sập để ở. Vợ chồng làm ruộng, nuôi heo, và làm thêm nghề đan lờ bán cho người ta bắt cá. Nhà từ đường của ông bà để lại tọa lạc trên khu vườn rất rộng. Nhưng từ khi vô hợp tác xã, chính quyền đã lấy bớt đất chia cho người khác cất nhà. Nhờ nhà Trọng có năm nhân khẩu nên diện tích cũng còn thông thả để cất chuồng heo và trồng rau ăn. Khi các con lớn thêm một chút, thấy cuộc sống cơ cực bần hàn, đầu tắt mặt tối mà vẫn không đủ ăn, mẹ Trọng bèn giao mấy sào ruộng tiêu chuẩn và con heo nái cho người chồng cụt giò và mấy đứa con ở nhà chăm sóc, bà theo người ta vào Sài Gòn bán vé số kiếm tiền.

Hai đứa con gái lớn và thằng út là Trọng, hàng ngày ngoài giờ học về nhà phụ cha làm ruộng, lo cho đàn heo con, và đi mua tre về đan lờ bán. Chắc chiu dành dụm, lâu lâu bà giáo mang tiền về thăm chồng con vài hôm rồi lại đi tiếp. Dù nghèo, vợ chồng ông giáo vẫn quyết tâm cho con ăn học. Thật may mắn, cả ba đứa con đều học giỏi.

Khi Trọng lên cấp hai là lúc cậu đã bắt đầu biết suy nghĩ. Nhìn cha bước chân khó nhọc, thì thọt trên chiếc nạng gỗ mà vẫn ráng bê thức ăn cho heo, cậu bé thương cha lắm. Một lần Trọng đi học về thấy cha bị con heo nái hám ăn hắt té lẫn cù, vì không kịp đỡ thùng thức ăn vào máng. Nặng văng một nơi người lăn một ngã. Sau khi giúp ông đứng dậy, Trọng ra đứng núp trong bụi chuối khóc đến sưng cả mắt. Cậu không dám để cha thấy sợ ông buồn.

Lần khác, cha Trọng ngồi đan lò, kẹp cái lò giữa hai chân và bị những chiếc nan tre bén nhọn trượt ra, đâm vào vết thương cũ trên cái đầu gối cụt. Máu chảy đầm đề, sau đó nhiễm trùng làm ông rất đau đớn phải đi bệnh viện.

Từ đó cậu bé tự hứa với lòng sẽ học thật giỏi để mai sau giúp đỡ cha mẹ. Và Trọng đã học hành xuất sắc trong suốt những năm Trung Học, dù hàng ngày sau khi đi học về phải phụ hai chị giúp cha lo ruộng đất và việc nhà. Trọng vốn rất mê vi tính. Cậu dành dụm số tiền ít ỏi mẹ chia cho mấy chị em chiphi sách vở, thường xuyên vào cái quán net đầu làng, tự mày mò tìm học và thông thạo hết các "ngõ ngách" của máy computer.

Rồi Trọng thi đậu đại học, là một trong ba thí sinh có số điểm cao nhất, ngành Công Nghệ Thông Tin, và được nhận một số học bổng. Khi vào Sài Gòn học, nhìn mẹ thân hình còm cõi, quần áo bạc phơ, đầu đội chiếc nón lá rách tả tơi, hàng ngày lặn lội lang thang dưới nắng Sài Gòn để bán vé số, Trọng đau lòng lắm. Cậu nhất định không cho mẹ đi bán nữa, mà buộc bà phải về quê để giúp gia đình. Chi phí cho việc học để cậu tự lo lấy. Trọng tìm mọi cách làm thêm, đi dạy kèm, sửa máy vi tính, để có đủ tiền học phí.

Vừa học vừa làm vất vả, nhưng nhờ cố gắng không ngừng, Trọng đã lần nữa tốt nghiệp đại học hạng "top three" và xin được việc làm rất tốt cho một công ty ngoại quốc. Từ đó cậu dành dụm phụ giúp gia đình và lo đám cưới cho hai cô chị khi họ lấy chồng.

Nhưng Trọng không dừng lại ở đó. Sau khi giúp cha mẹ ổn định, và nhận thấy chương trình du học nước ngoài đang trên đà phát triển, Trọng mơ ước được đi du học Hoa Kỳ. Vừa đi làm vừa dệt ước mơ, cuối cùng dịp may đến khi Trọng xin được cái học bổng sang Mỹ du học sau đại học, diện tu nghiệp, với năm mươi phần trăm học phí.

Được học bổng thì mừng, nhưng về chi phí thì phải làm sao đây? Năm mươi phần trăm học phí cũng không phải là nhỏ đối với gia đình nghèo như cha mẹ Trọng. Trọng về nói với gia đình và họ cũng chưa biết tính sao. Thật là may, gặp dịp địa phương lập kế hoạch mở con đường nhựa dẫn đến khu công nghiệp trong vùng, ngang qua nhà Trọng. Mọi người xôn xao, vì giá những lô đất dọc theo con đường tự nhiên tăng lên vùn vụt, dù con đường vẫn còn trong dự án.

Ông giáo bèn họp vợ con lại bàn tính. Ông muốn bán nhà và lô đất vườn để lấy tiền cho Trọng đi du học. Mẹ Trọng là người phản đối đầu tiên. Bà dẫy nảy lên:

- Không được đâu! Đây là nhà từ đường của ông bà để lại, bán đi mang tội chết!
- Thời buổi này còn kể chi việc ấy đâu bà! Ông buồn bã nói,
- Đến đất mồi đất mả ông bà mình mà người ta còn vào cất nhà ở kia kìa. Bây giờ phải hy sinh để con nó ăn học thành tài, sau này nó mua lại chỗ khác cất lên, ông bà chắc cũng vui mà hoan hỉ. Mình cứ e ngại nọ kia, tùm tùm lại đây thì tương lai con làm sao? Được học bổng du học Mỹ không phải dễ, bây giờ không đi thì uổng lắm!

Trọng cũng không chịu vì cảm thấy có lỗi với ông bà. Không phải là ông giáo chẳng đau lòng. Nhưng vì muốn lo cho tương lai của con, ông phải cắn răng thuyết phục vợ con:

– "Còn rùng còn cùi," ông nói. Sau này con thành tài, ra đi làm sẽ có tiền cất lại nhà từ đường đâu có muộn. Ba nghĩ là ông bà cũng vui lòng khi thấy con thành đạt.

Cuối cùng, cả nhà đồng ý bán hai phần ba miếng đất, kèm theo ngôi nhà, còn chừa lại một phần. Vậy là Trọng mang số vốn độc nhất của gia đình đi Mỹ học, sau khi cất một căn nhà ngói nhỏ xíu gần bên nhà cũ cho cha mẹ ở.

Đến Mỹ vào trường, ngoài việc chăm chỉ học để giữ học bổng, Trọng còn kiếm việc làm thêm để phụ vào chi tiêu. Trọng học rất giỏi, tính tình lại hiền lành, thường giúp đỡ bạn bè nên được các bạn học sinh người Mỹ gốc Việt thương mến. Họ giúp giới thiệu việc làm thêm cho Trọng, đi sửa máy vi tính cho bà con người Việt, cuối tuần đi làm ở chợ cá giúp cắt cá cho người ta, và làm bồi bàn mấy ngày vào buổi tối. Bảy ngày trong tuần không có ngày nào cậu rảnh. Trọng lại càng bận rộn hơn khi được nhận vào làm "Work Study" trong trường. Cậu luôn bị thiếu ngủ. Những lúc ngồi ngoài cửa lớp chờ đến giờ vào học, Trọng thường tranh thủ chợp mắt. Bạn bè cùng lớp thương tình nên để ý gọi dùm, nếu không thì có lẽ cậu đã đánh một giấc cho tới khi tan học.

Trọng là một thanh niên đẹp trai, học giỏi, nhưng vì nghèo nên cậu chẳng dám đua đòi, tham gia các cuộc vui cùng những du học sinh khác. Tuy cố thu mình trước chúng bạn, có lẽ duyên nợ đầy đọa, sau một thời gian học ở đây, Trọng quen với Leana, cô bạn học khác ngành đã cùng ngồi chung mấy lớp.

Leana nhỏ thua Trọng bốn tuổi, đang học năm thứ hai ngành Business. Cô bé xinh xắn dễ thương nhưng tính tình lại rất ngổ ngáo bướng bỉnh. Là con út của nhà giàu, cô thường muốn gì được nấy. Sinh trưởng và lớn lên ở Mỹ, Leana nói tiếng Anh lưu loát và tiếng Việt chỉ bập bẹ khi nào cô thích. Thường thì ít khi Leana nói tiếng Việt, trừ khi cô cần tâm sự với bà bác Na, nhưng nói xen tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Cô tự xưng cô là "người Mỹ," không bắt buộc phải học một ngôn ngữ nào khác, nếu có ai đó trong gia đình chỉ trích sao cô không nói tiếng Việt. Lớn lên từ High School, lại biết mình có nhan sắc, nhiều chàng trai đeo đuổi, Leana hành xử ngông nghênh, nghịch ngợm chọc phá mọi người. Cho đến khi gặp Trọng.

Câu chuyện lần đầu tiên Leana và Trọng gặp nhau cũng thật đầy thú vị. Hôm đó Leana đang trên đường đến lớp Xã Hội Học. Vai mang cặp, cô vừa đi vừa nhún nhảy theo nhịp điệu một bài hát của "Weird Al" Yankovic từ chiếc máy ghi âm nhỏ xíu đeo tai. Trong lúc vội vàng hấp tấp vì đã gần đến giờ vào lớp, Leana không nhìn thấy Trọng đang ngồi tựa vách tường lim dim ngủ gật. Và cô bé đã vấp vào cậu. Trọng giật mình mở mắt, cũng vừa lúc thấy cô gái ngã chúi tới phía trước. May mắn nhờ chụp vào cái trụ xi măng nên cô không bị té. Lỗi tại mình, nhưng với bản tính ngang ngược, Leana giận dữ quay lại sùng sộ với Trọng:

– Hey! "What the hell are you doing here?" Này! Anh đang làm cái quái gì ở đây thế?

Trọng nhìn lên, tỉnh ngủ khi thấy cô bé đang "phùng má trợn mắt" đứng trước mặt. Dù đang giận, cô ta trông vẫn rất xinh. Mái tóc ngang vai hung hung đỏ, chiếc váy Jean ngắn cũn cỡn, áo thun trắng sát nách hở cổ hở lưng, trước ngực có in chữ "I Love Nerds." Trọng tưởng cô là người nước ngoài. Cậu lắc đầu, rồi cũng đáp lại bằng tiếng Anh:

– I do... nothing! Tôi đâu có làm gì? Rồi cậu nhìn vào mắt cô bé, cười cười giọng trêu chọc:

– Là cô đá vào tôi đấy chứ! Sao lại đi...bắt nạt "nạn nhân" của mình nhỉ!

Ai ngờ nụ cười rất có duyên với lúm đồng tiền cùng ánh mắt tinh quái của "anh chàng ngủ gục" đã làm cho Leana đỏ mặt lúng túng. Không biết "chui đi ngả nào," cô tiếp tục gân cổ nạt nộ:

– Don't look at me that way! Không được nhìn tôi cái kiểu ấy!

– Ô hay! Cô cũng nhìn tôi đó kìa! Trọng vẫn cười cười khi thấy thái độ của cô bé:

– Nếu cô không nhìn tôi, sao cô lại thấy tôi nhìn cô chứ! Vậy thì mình huề nghe...

Leana tức tối trợn mắt, định cho cái anh chàng lém lỉnh này một trận, nhưng cô chưa kịp mở miệng thì giáo sư đã đến. Hai người phải theo chân ông thầy vào lớp. Vì không còn chỗ, hai "kẻ thù" bắt buộc phải ngồi cạnh nhau.

Không ngờ sau lần đó, hai đứa vẫn... thích ngồi cạnh nhau. Leana chú ý nhiều hơn đến chàng sinh viên Việt hiền lành hay ngồi ngủ gật trước cửa lớp. Cô bé thường giúp đánh thức Trọng dậy. Chỉ một thời gian sau khi làm bạn với Trọng, tính tình Leana xoay chuyển một cách không ngờ. Tình yêu đã làm thay đổi cô gái cứng đầu này. Mỗi lần có bài toán khó, Leana mang đến nhà ăn của trường nhờ Trọng giúp. Trọng cũng cố gắng dành chút thì giờ rảnh ít oi của cậu để đi dạo quanh hồ Clear Lake của trường với Leana và tâm sự cùng nhau. Cậu kể hết cho Leana nghe mọi thứ về bản thân cậu, về gia đình, không một chút gì dấu diếm. Và điều này càng làm cho trái tim cô bé thổn thức thêm.

Dù nói tiếng Anh cũng khá, từ khi Trọng biết Leana là người Việt Nam cậu chỉ trả lời tiếng Việt khi nói chuyện với Leana, để giúp cô. Từ một cô bé chỉ nói tiếng Anh, Leana tập nói tiếng Việt nhiều hơn, dần dần lưu loát hơn. Trọng còn dạy tiếng Việt cho cô. Và rồi cô có thể trao đổi email qua lại với Trọng bằng tiếng Việt.

Tính cách Leana thay đổi "180 độ," ăn mặc không còn hở rốn hở lưng, hành xử thì nói năng từ tốn lễ phép. Bạn bè, gia đình đều ngạc nhiên khi thấy Leana bỗng dưng trở thành một cô gái Việt dịu dàng. Họ càng không thể tin nổi khi nghe cô đọc và viết được tiếng Việt. Trọng ở trọ share chung một phòng ngủ với người bạn du sinh khác trong nhà một người Việt gần trường. Lần nọ Trọng đi cắt cá rui bị con dao rớt trúng ngón chân cái. Vết cắt khá sâu, nhưng cậu ráng chịu đau, vẫn tiếp tục đi học, đi làm bình thường. Đến chừng vết thương nhiễm trùng, cậu bị sốt, nằm mê man trong phòng không ai hay biết.

Leana thấy Trọng vắng mặt, cô gọi cậu chẳng được nên vội tìm đến nhà trọ rồi phát hiện ra tình trạng của Trọng và đưa đi bác sĩ. Từ đó cô bé quen bà chủ nhà và đến chơi thường xuyên.

Thấy Trọng đi làm vất vả mà ăn uống kham khổ, phần lớn là ăn mì gói, Leana lên mạng học cách nấu thức ăn Việt Nam rồi mua đồ đạc đem đến nhà trọ nhờ bà chủ nhà chỉ thêm để cô nấu. Bà ấy cũng rất thích cô bé. Nhiều lần đi học đi làm về, Trọng thấy đồ ăn để sẵn thơm tât trên bàn. Bà chủ nói Leana đã đem đến cùng bà nấu nướng. Trọng rất cảm động và càng yêu Leana hết mực. Tuy nhiên, biết cảnh gia đình mình không tương xứng với người yêu, Trọng kêu cô hãy chờ cậu tạo dựng sự nghiệp rồi hãy tính.

Nhưng dù thương chiều cô út đến cỡ nào, mẹ Leana cũng đã nổi trận lôi đình khi biết cô con gái cưng đã yêu "một thằng du học sinh nghèo kiết xác". Bố Leana rất thương cô con gái út và chỉ mong cô được hạnh phúc. Nhưng khổ nỗi, dù ngoài đường ông là nhân vật chính hái ra tiền, về nhà ông lại thuộc vào hàng... thứ yếu nên chẳng làm gì được để giúp con gái.

Sau khi tốt nghiệp Thạc Sĩ, Trọng xin làm full-time thời hạn một năm cho một hãng computer trong thành phố, nơi trước đây cậu từng làm thực tập (Internship), với mức lương cũng khá. Vì mãi ưu tư về việc cha mẹ bán nhà của ông bà cho mình đi học, Trọng muốn đi làm một thời gian dành tiền gửi về giúp gia đình, trước khi trở lại trường học tiếp bậc Tiến Sĩ. Cha mẹ Trọng rất mừng, nhưng không dám tiêu xài số tiền của con cho. Họ cất để dành, dần dần có đủ tiền và họ đã cất lại được ngôi nhà từ đường ba tầng trên toàn diện tích của mảnh đất nhỏ còn lại. Hình chụp gửi qua, Trọng rất vui vì đã giảm được mặc cảm có tội với ông bà.

Sau một năm, khi hãng đồng ý ký lại hợp đồng làm việc lần thứ nhì, cậu xin công ty giảm bớt giờ làm để trở lại trường học. Leana thấy cha mẹ Trọng nhà cửa đàng hoàng, cô cũng mừng và hy vọng chuyện của hai người sẽ tiến triển khá hơn. Tuy nhiên, mẹ Leana sau một thời gian cảm cản cô không được, đã gọi điện thoại trực tiếp "xài xê" Trọng bằng những lời lẽ khó nghe. Dù rất yêu Leana, nhưng sự khinh miệt của mẹ cô làm cho Trọng tự ái và dè dặt. Cậu bắt đầu tìm cách tránh né Leana.

Việc Trọng né tránh đã làm cho cô bé nổi khùng. Leana bỗng trở lại bản tính nổi loạn thường ngày. Máu độc lập của tuổi trẻ Mỹ trời dậy. Muốn phản đối mẹ, sau khi tốt nghiệp đại học, Leana rủ Trọng dọn ra ngoài ở chung. Nhưng vì Trọng chưa quen với cái kiểu "quỳnh liêu" này, cộng với bản tính tự trọng của chàng thanh niên Việt từ sự giáo dục của cha, nên cậu nhất quyết từ chối. Trọng muốn mẹ Leana phải chấp nhận cậu một cách "tâm phục khẩu phục" chứ không phải bằng cách đặt trước "một sự đã rồi."

Nhưng với tính tình bướng bỉnh, Leana đâu dễ chịu nghe lời. Một hôm nhân lúc Trọng đi làm, cô bé đi thuê nhà rồi dùng xe đến nhà trọ dọn hết đồ đạc của cậu đem về để hai đứa sống chung. Trọng về, cậu tỏ vẻ không bằng lòng, và đến dọn đồ trở lại nhà trọ. Cậu không muốn bị mẹ Leana xem thường, cho là cậu "dụ dỗ" cô như bà đã từng nói.

Và Leana đã vô cùng giận dữ. Cô điên tiết nói với bà bác Na là sẽ "không thèm nhìn mặt" Trọng nữa. Lần đó Na đã gọi cho tôi, than thở:

– Sau khi thằng Trọng dọn đồ về lại nhà trọ, con bé đã nổi điên dọn ra ngoài ở luôn. Na nói trong ghen ngào. Tội nghiệp! Nó khóc tu tu như bị ma làm! Thú thật mình nghe thế vừa thương mà cũng vừa nể phục thằng bé ấy lắm mụ ạ. Nó là du học sinh, đây là cơ hội tốt để nó kết hôn với cái Thùy, lấy thẻ xanh và ở lại hợp pháp. Thế mà nó đã từ chối. Thằng bé tốt thế mà mụ em lại còn chê! Rõ là đồ ngốc!

Thời gian sau đó, tôi không nghe bà bạn "tâu báo" gì nữa nên rồi tôi cũng quên đi "câu chuyện dài nhiều tập" của cô cháu cưng bà ấy.

Nhưng rồi bỗng một ngày Chúa Nhật, tôi vừa đi chợ trời về thì có điện thoại.

– Mình vừa đi Texas dự đám cưới cái Thùy về, mệ bỏ xù đi ấy! Giọng Na hớn hờ: – Nhưng vui quá nên điện cho mụ đây!

– Wow! Vậy sao? Tôi cũng thấy vui lây. Như vậy cuối cùng thì chuyện tình này cũng đã có kết thúc tốt đẹp. Tôi thầm mừng cho đôi trẻ. Nhưng sao mà hay vậy? Chẳng phải trước đây bà kể mệ Thùy cương quyết từ chối chấp nhận cậu du học sinh ấy sao? Có phải là nhờ vào bàn tay...phù thủy của bà không? Tôi chọc.

– Không phải đâu! Là cái Thùy đấy! Tôi mỉm cười. Vẫn là "cái Thùy." Cô cháu tên Leana mà tôi chưa bao giờ nghe bà bạn một lần gọi cô bé bằng cái tên Mỹ ấy. Rồi Na cười ha hả bên tai tôi, cái kiểu cười sáng khoái vô cùng tận của một người vừa trút đi cái gánh nặng trên vai. Con bé giờ trò ăn vạ, mụ ạ!

– Ăn vạ? Tôi kêu lên, không hiểu.

– Ôi giời! Con bé đáo để lắm mụ ạ! Na nói xong lại thích thú cười tiếp. – Nó thấy làm cách nào cũng không thuyết phục được cái thằng người yêu lẫn mẹ nó nên nó bèn giở cái thuật ăn vạ của nó ra, cái thuật mà từ nhỏ nó vẫn làm...ha...ha...ha...

– Nghĩa là thế nào? Tôi nôn nóng hỏi.

– Nó vờ uống thuốc ngủ tự tử...

– Trời! Tôi kêu lên.

– Phải! Không hiểu nó học cái kiểu ăn vạ ấy ở đâu. Na lại cười vang, rồi bắt đầu kể một hồi.

Trong cơn vui, bà đã không dùng chữ "mình mình đầu đầu" gì ráo trọi để nói với tôi như thường ngày, mà bà xưng "tôi" tuốt luốt: - Tôi biết nó chưa bao giờ xem phim Tàu mà, hi hi hi. Sau khi thằng bỏ nó dọn đi và hai đứa giận nhau, nó giận luôn mẹ nó. Thế là nó lập kế, giả vờ uống thuốc ngủ tự vận, rồi nhờ đứa bạn gái gọi cho mẹ nó, cho thằng Trọng. Chao ơi! Bọn họ hãi đến vãi ra quần đấy mụ ạ! Chỉ tức là con nhãi ấy lại chẳng nói cho tôi biết, làm tôi cũng mất cả hồn vía. Sau này tôi trách nó thì nó cười khì ra. Mụ nghĩ có tức không kia chứ!

Nó nói sợ tôi không giữ được bí mật...

Tôi bật cười. Con cháu đã hiểu quá rõ tính tình của bà bác. Nghe câu chuyện khá là ly kỳ thú vị, tôi tiếp tục "khảo tra" Na. Ai nói tôi sao quá tò mò, tôi xin chịu. Mỗi lần nghe thông tin hay câu chuyện hấp dẫn là tôi hay truy hỏi "cho tới bến" mới thôi. Cuối cùng tôi mới vỡ lẽ ra, vì tính tình bà bạn Na của tôi "trót quớt," đơn giản hiền hòa, không sâu sắc, nên mới cười vui hỉ hả cho cái kết quả này. Chứ thật ra thì sự việc "ăn vạ" của cô cháu rất là nghiêm trọng, không đáng cười chút nào. Tôi nghe Na kể mà giật cả mình.

Lúc ban đầu, Leana đã bị khủng hoảng đến mức định tự tử thật. Sau khi Trọng dọn đồ về lại nhà trọ rồi đi làm, Leana đến gặp bà chủ nhà để than vãn, để "mắng vồn" kiếm đồng minh vì bà ấy rất thích cô. Và cô bị "shock" khi thấy Trọng khóa phòng cậu lại trước khi đi làm. Từ nhỏ đến lớn vì gia đình hết mực cưng chiều, cô bé chưa bao giờ một lần bị thất vọng. Đã từng quen với cái cách món đồ nào cô thích là phải có cho bằng được, bây giờ "món đồ" người yêu này khước từ cô, mà nguyên do là từ mẹ, làm sao mà cô không bị kích động. Tính tình nóng nảy lại trong lúc quá tuyệt vọng, Leana không còn thiết sống nữa. Cô quyết phải đi mua thuốc ngủ về để...chết. Từ nhà trọ, Leana phóng lên xe lái chạy như bay, trước con mắt kinh ngạc của bà chủ nhà.

Mua thuốc về, Leana ngồi viết một lá thư tuyệt mạng để lại cho cha mẹ. Lần đầu tiên trong đời Leana viết thư tay bằng tiếng Việt. Có lẽ vì nghĩ đó là lúc...sắp từ giã cõi đời, nên Leana đã "trở về nguồn," dùng thứ tiếng Việt trong tâm thức của cô để viết thư. Trong thư Leana cho biết không thể nào sống mà không có Trọng trong cuộc đời. Cô kể cho mẹ những đức tính tốt của người yêu, hiền lành, thông minh, chịu khó, có ý chí tiến thân, yêu cô hết mực, mà tại sao mẹ lại từ chối Trọng.

Không ngờ càng viết cô càng tủi lòng, càng nhớ đến Trọng. Nước mắt cô rơi đầm đìa, ướt đầm lá thư. Và khi niềm đau cùng nỗi nhớ về Trọng dâng cao, Leana chợt nhận ra mình không thể nào chết được. Thế là cô vụt tỉnh. Cái bản tính tinh ranh cố hữu lại trở về. Cô gọi Tina đưa bạn thân nhất đến cùng nhau tính kế.

Kết quả của "độc chiêu ăn vạ" ngoạn mục này là Trọng "ăn" một cái ticket vượt đèn đỏ. Dù bị cảnh sát hú còi cách bệnh viện đến mấy block đường, cậu vẫn không hề hay biết vì mãi suy nghĩ đến sự an nguy của người yêu, nên họ đã phải rượt đến tận cổng bệnh viện. Sau khi nghe Trọng trình bày sự việc, người cảnh sát thông cảm chỉ cho giấy phạt vượt đèn đỏ, không truy tố anh về cái tội "không chấp hành lệnh của nhân viên công lực."

Mẹ Leana thì khóc đến ngất đi khi đọc lá thư "tuyệt mạng" bằng tiếng Việt nhiều lỗi chính tả nhưng đầm nước mắt của đứa con út bà hết mực thương yêu. Bà đã nhận ra sai lầm của mình, suýt chút nữa thì mất đứa con bởi những thành kiến lỗi thời "môn đăng hộ đối." Khi Trọng đọc thư, cậu cũng đã bật khóc vì nhận ra tình yêu vô bờ bến của Leana.

Thật là... hú hồn cho mẹ Leana. Tôi thâm nghĩ. Nếu cô bé không nghĩ lại vào giờ chót thì giờ này bà làm sao sống nổi. Đám cưới Leana cũng là lần đầu tiên Na gặp mặt cậu cháu rể mà bà ấy hằng bênh vực.

– Ôi giờ ơi! Thằng bé đẹp giai ra phết mù ạ! Na nói. – Thảo nào mà con bé chẳng chết sống vì thằng ấy! Giọng Na sôi nổi, xen lẫn tự hào. Tôi hiểu, là dù gì bà ấy cũng đã từng có công lớn, nhiều lần thuyết phục người em gái khó tính của bà cho cuộc hôn nhân này.

Rộn rã trong niềm vui, Na kể về lễ cưới của Leana và Trọng. Sau khi mẹ Leana đồng ý, Trọng báo về cho cha mẹ. Mới đầu mẹ Trọng có chút không vui, vì bà nghe Trọng phải rửa tội theo Công Giáo cùng gia đình Leana. Nhưng ông giáo là người hiểu biết, ông đã thuyết phục bà. "Gia đình mình từ trước đến nay không theo đạo nào, bây giờ thằng con có một nơi làm chỗ dựa tinh thần thì cũng tốt," ông nói.

Trước đám cưới, Trọng gửi tiền về dặn cha mẹ cũng phải mở tiệc bên Việt Nam trong ngày ấy và mời họ hàng đến chia vui. Cậu muốn làm rạng rỡ gia đình để báo hiếu, đền đáp công ơn cha mẹ, cho họ có thể ngẩng cao đầu nhìn dòng họ, bạn bè. Vì Trọng biết, từ khi bán ngôi nhà từ đường cho cậu đi du học, cha mẹ cậu rất đau lòng không dám nhìn ai. Bây giờ nhà cửa cũng đã đàng hoàng, việc học hành, sự nghiệp của Trọng đang tiến triển rất tốt, lại chuẩn bị kết hôn, nên cậu muốn bà con đến chung vui cùng cha mẹ.

Trước khi tiệc rượu "dinner" bắt đầu, qua hệ thống internet Skype, hai họ từ nửa vòng trái đất cùng nhau trò chuyện râm ran như pháo nổ. Nhà trai từ Việt Nam đã chứng kiến quang cảnh buổi tiệc ở nhà hàng, rục rịch với bàn ghế trắng tinh thất nơ đỏ lóe, cả một rừng hoa trang trí, cái bánh cưới "nhà lầu" nhiều tầng không đếm xuể, và dàn nhạc thật qui mô trên sân khấu. Nhà gái từ Mỹ cũng nhìn rõ cha mẹ

Trọng ăn mặc chỉnh tề, họ hàng đông đủ, bàn tiệc tươm tất. Đặc biệt, sau khi cho xem toàn cảnh buổi tiệc trong nhà, cô chị của Trọng còn bê cái laptop đi vòng vòng ra bên ngoài để cho mọi người chiêm ngưỡng ngôi nhà tổ mới, ba tầng của gia đình Trọng. Tuy khuôn viên ngôi nhà thì nhỏ, nhưng chiều dài rất sâu, và được thiết kế hoàn mỹ, đẹp uy nghi với những họa tiết trang trí bắt mắt bên ngoài, và cao ngất ngưỡng. Là ngôi nhà cao nhất của đoạn đường này.

Và nụ cười của mẹ Leana hôm ấy rộng đến tận mang tai. Bà là người cười nhiều hơn ai hết trong bữa tiệc cưới, bạn tôi kể. Bà ấy hạnh diện cũng phải. Cậu con rể nghèo mà bà từng ghét bỏ đã cố gắng một cách phi thường để vượt qua số phận. Cuối cùng, bà cũng nhận ra Trọng là chàng thanh niên lý tưởng cho con gái bà.

Bẵng đi một thời gian, tôi không còn nghe bà bạn Na gọi điện thoại "kê lê" về "cái Thùy" của bà nữa. Cho đến một hôm tôi cảm thấy nhớ nên tự động gọi cho bà. Thì ra Na đang bận rộn thu xếp nhà cửa, chuẩn bị dọn về Texas nghỉ hưu. Cô cháu Leana Thùy hiện mang thai đứa con đầu lòng và đang đi làm cho một ngân hàng lớn trong thành phố.

Còn cậu cháu rể du học sinh Trọng Đỗ của bà thì đã vào làm việc chính thức cho hãng "Tietronix Software, Inc" ở Texas, một hãng computer hợp đồng với NASA, đồng thời anh cũng đang chuẩn bị để hoàn thành luận án Tiến sĩ trong mùa hè tới. ■

Phương Hoa



THƯ GỬI BẠN

GIẬT MÌNH, ÔI CHIẾC LÁ THU PHAI

NGUYỄN GIỤ HÙNG

(Ở nhà mấy hôm đi loanh quanh, chụp hình mấy con đường lá vàng gần nhà mới thấy cũng cảnh vật này mà trước đây mình bận rộn quá nên không cảm nhận được cái đẹp dễ của nó. - Trích đoạn thư của một người bạn)

Tôi xin chia sẻ với anh về những cảm nhận và những gì anh vừa bắt chụp được. Tôi biết lòng anh đang thanh thản lắm. Chính sự thanh thản ấy đã đưa anh đến sự *tỉnh thức* để nhận biết được sự hiện hữu của những cảnh vật chung quanh mình. Sự sống tỉnh thức là một yếu tố thật quan trọng trong đời sống chúng ta. Thiếu tỉnh thức, ta sẽ có cuộc sống không tỉnh thức (nói theo kiểu hòa tiền), và đôi khi sự thiếu tỉnh thức một cách thái quá sẽ làm mất đi hẳn sự hiện diện của mình trên mặt đất này.

Đọc thư anh, tôi chợt nhớ tới một hoàn cảnh tương tự được thể hiện trong bản nhạc "*Chiếc lá thu phai*" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (TCS), nằm trong số đĩa nhạc Trịnh anh gửi cho tôi, và đã làm tôi suy ngẫm.

Mùa xuân quá vội, mười năm tắm gội, giật mình ôi chiếc lá thu phai.

Tôi đoán, chữ "mười năm" ở đây chỉ để diễn tả cái gì đã lâu lắm rồi, như "Mười Năm Tình Cũ", "Mười Năm Yêu Em" (tên những bản nhạc) hay trong thơ của cụ Tản Đà:

*Giác mộng mười năm đã tỉnh rồi,
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà thôi.*

Khi tắm gội, lúc ta dễ thấy được toàn diện thân và ý của ta vì cảm giác dễ chịu và sự không che đậy lúc đó mang đến. Và chính những khi tắm gội ta thường bắt gặp được những điều kỳ diệu ẩn tàng trong ta. Ấy thế mà tới sau "mười năm" tắm gội, cho tới một lúc, TCS mới chợt tỉnh thức để nhận diện ra mình và thấy mình như "chiếc lá thu phai". Cái hay của ý này là sự ẩn dụ của già nua qua hình ảnh chiếc lá mùa thu. Lá mùa thu, một biểu tượng của sự tàn úa, thế mà ngay cả lá mùa thu ấy cũng đã phai màu để đi đến chỗ tàn khô. Và để rồi:

*Chiều hôm thức dậy, ngồi ôm tóc dài,
Chập chờn lau trắng trong tay.*

Anh thấy không, không phải chỉ riêng anh mới bắt chợt cảm nhận được những sự vật hiện hữu ở quanh mình mà đã từ lâu anh tưởng như không có. Chung quanh ta toàn là phép lạ, toàn là những điều kỳ diệu đẹp đẽ, dù đôi khi chúng chỉ hiện hữu như những gì thật bé nhỏ tầm thường. Ta quên nó đi, hoặc không nhận ra nó, thật uổng biết bao. Có những lúc ta cảm thấy như ta đang "vong ân" với chúng và "vong ân" với cả chính ta. Có một lần tôi nghe một vị Thiền sư nói, có bao giờ ta tự nắm lấy bàn tay của chính mình mà cảm ơn nó không, mặc dù nó đã phục vụ ta suốt một đời. Sự an nguy của nó chính là sự an nguy của ta, vậy mà đôi khi ta đã vô tình không nhận ra sự có mặt của nó.

Nhân tiện đây, trong giới hạn bức thư này, tôi xin chia sẻ với anh một *vài ý nghĩ của riêng mình qua vài bản nhạc* của TCS anh vừa gửi cho tôi. Anh hãy cùng tôi lắng nghe một đoạn trong bài "*Rồi như đá ngây ngô*":

...
*Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối
Đôi khi nhớ trong mắt em một bóng tối nhỏ nhoi
Từng ngày tình đến thiết tha ân cần
Từng ngày tình đi một vùng vắng im*
*Đôi khi thấy trong cánh chim từng đêm tối
Đôi khi nhớ trong tóc em mùi cây trái thơm tho
Đôi khi bước qua phố xưa lòng tôi nhớ
Đôi khi thấy trăm vết thương rồi như đá ngây ngô*

Chắc bản nhạc này không xa lạ gì với anh. Khi nghe xong bản nhạc anh đã nghĩ và đã cảm nhận nó ra sao? Với tôi, tôi có cái nhìn hơi mang màu sắc "ĐẠO CA" trong đạo Phật về hai câu hát sau:

Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối

và trong câu

Đôi khi nhớ trong tóc em mùi cây trái thơm tho

Anh cùng tôi phân tích câu đầu nhé!

Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối

Tôi tự hỏi tại sao trên lá khô lại có một dòng suối nhỉ? Và anh có thấy dòng suối đang chảy trên lá khô không? Nếu không, chúng ta hãy cùng nhau đi tìm con suối ấy nhé.

Cứ dựa theo cách nhìn của một vị Thiền sư thì nếu chúng ta "*quán chiếu*" vào chiếc lá vàng một cách "tĩnh thức" (danh từ nhà Phật, quán chiếu nghĩa là nhìn sâu vào sự việc mà ta đang quan sát), ta sẽ thấy trước khi chiếc lá trở thành lá vàng, hay lá khô, chiếc lá đó phải là chiếc lá xanh. Khi chiếc lá còn xanh thì nó ở trên cây và nó là một phần tử của cây. Lá và cây tuy hai mà là một. Nay ta gọi chung là "cây". Cây thuộc về vũ trụ vì cây nằm trong vũ trụ và lớn lên trong vũ trụ.

Cây được hình thành và trở nên hiện hữu dưới dạng "cây" nhờ sự kết hợp hay duyên hợp bởi những phần tử, bởi những yếu tố *không phải là cây* như đất, nắng, mưa, gió, chim chóc, ... có khi có cả bàn tay con người trong đó nữa. Nghĩa là trong cây chứa đựng toàn bộ những gì có trong vũ trụ, không thiếu một thứ gì. Thiếu những phần tử ấy, cây không thể có mặt. Do đó, nói một cách khác đi, *cây nằm trong vũ trụ và vũ trụ cũng nằm ở trong cây*.

Nào ta cùng quán chiếu thêm nhé. Như dẫn chứng ở trên, ta thấy trong cây chứa đựng toàn bộ vũ trụ, hẳn trong đó phải có mặt của nước. Nước nuôi cây lớn lên. Thế nước từ đâu mà tới? Nước đến từ

những dòng sông, từ biển, từ ao hồ và *từ suối* bốc hơi lên thành mây và thành mưa. Và nước mưa trở lại đất để đến với cây. Nhờ có "quán chiếu" ta thấy rõ là trong cây có hình ảnh của suối. Cây có hình ảnh suối thì lá cũng vậy, dù là lá tươi hay lá khô đều có hình ảnh của suối cả.

Đến đây anh đã thấy dòng suối trên những lá khô ấy chưa? Trên lá khô, không phải chúng ta chỉ nhìn thấy có dòng suối mà ta còn thấy cả biển, cả núi non, cả gió, cả trăng, cả những con chim ca hát trên đó nữa ... Như đã nói ở trên, cây nằm trong vũ trụ và vũ trụ cũng nằm trong cây, nghĩa là cây và vũ trụ không thể tách rời nhau ra được. Phải chăng chúng ta đang đi vào triết lý "nhất nguyên" của triết học Đông phương hay triết lý "bất nhị" của kinh Bát Nhã trong đạo Phật hay đang nói đến chữ Đạo (Being) trong Lão giáo vậy?

Và cũng cùng phương pháp như trên, ta "quán chiếu" câu thứ hai:

Đôi khi nhớ trong tóc em mùi cây trái thơm tho

cũng không có gì là bí ẩn và sâu xa cả.

Cũng như vị Thiền sư ấy nói thêm về từ ngữ "Trái tim mặt trời", chúng ta không phải chỉ tồn tại bởi nhịp đập của trái tim trong cơ thể ta mà thôi, mà còn phụ thuộc vào nhịp đập của trái tim mặt trời. Ta cứ tưởng tượng nếu trái tim mặt trời ngưng đập, mặt trời ra đi, chúng ta sẽ ra sao? Nói thêm ra, trái tim ta cũng đang nằm ở mặt trời. Từ đó suy ra *ta không bé nhỏ* như ta tưởng và chiếc lá khô kia cũng to lớn vô cùng.

Nếu anh cứ tiếp tục nghe hết bản nhạc này, thì rải rác suốt bài hát, ta quán chiếu được nhiều thứ lắm. Và cũng qua bài hát này ta có thể thay đổi được cách nhìn về cuộc đời. Cái nhìn của chúng ta về cuộc đời sẽ đơn giản hơn, chính xác hơn, thoát hơn, nhiều yêu thương hơn và như thế chúng ta sẽ bớt đau khổ hơn.

Trái nghịch với sự đồng nhất là sự *phân biệt*. Cũng từ sự phân biệt ấy chúng ta phải luôn luôn đi tìm một đối tượng để suy nghĩ, để luận bàn, hay đánh giá, phê phán. Chính cái phân biệt đó, theo cách nhìn nào đó, ta thấy như nó đang đi ngược lại *định luật tự nhiên* của Trời Đất và nó làm cho đời sống trở nên phức tạp hơn lên. Mỗi vấn đề được đặt ra, dù là cái gì đi chăng nữa, nó đều dễ dàng trở thành những sợi dây xích, xích ta vào trong ngục tù của những quy luật ấy mà ta cứ tưởng như nó mới mẽ hay được sáng tạo ra một cách kỳ diệu. Hãy để mọi việc trôi chảy theo cái *định luật hồn nhiên* và *vô tư* của đời sống. Và có lẽ đây cũng là một phân tư tưởng giải phóng con người của nhà hiền triết *Krishna- murti* đó chăng?

Sự giải phóng con người bởi nhận thức "vạn vật đồng nhất thể" ấy thật quan trọng vô cùng. Nếu chúng ta cùng nhau tiến vào thế giới của "Không" ⁽¹⁾, ta sẽ thấy đời sống của ta giàu có lắm và *bất sinh bất tử*. Cũng như cây, chúng ta ở trong vũ trụ và vũ trụ ở trong ta, mà vũ trụ không mất thì ta ắt phải là bất tử. Sự bất sinh bất tử này đã thể hiện một cách thật sâu sa trong bài hát "*Ngẫu Nhiên*":

Không có đâu em này, không có cái chết đầu tiên,

Và có đâu bao giờ, đâu có cái chết sau cùng.

Tự mình biết riêng mình. Và ta biết riêng ta.

Tự mình biết riêng mình. Và ta biết riêng ta.

...

Một quả đôi chân này, tìm đến chiếc ghế nghỉ ngơi

Một quả thân ta này, nắm xuống với đất muôn đời.

Kìa còn biết bao người, đi dẫu tới quanh đây

Kìa còn biết bao người, đi dẫu tới quanh đây

Quả thật như thế, có vị Thiên sư nói cuộc đời ta là vô tận, bất sinh bất tử. Vị ấy nói tiếp, nếu ta "quán chiếu" ngược dòng thời gian, trước khi ta lọt lòng mẹ (tức ngày sinh), thì ta đã ở trong bụng mẹ chín tháng mười ngày. Ta đi ngược lại thêm, trước khi ta ở bụng mẹ, ta đã ở trong cha, trước cha, ta ở trong ông bà, trước ông bà, ta đã ở trong tổ tiên. Và cứ như thế, ta đi ngược lại mãi, ta sẽ biết là ta đã "có" từ lâu lắm rồi, và có thể chúng ta đã hiện diện dưới nhiều hình thức khác nhau cũng nên, nhưng ít ra là *ta biết ta đã hiện hữu từ lâu lắm rồi*. Sự "sinh ra" là phải đến từ không để thành có, mà đã có rồi thì chữ sinh ra không thể được đặt ra nữa. Khi đã không có sinh thì ắt không thể có tử.

Chính sự nhận biết về cái bất sinh bất tử ấy nên ta đã thấy được tiền kiếp của "em" trong "*Rừng xưa đã khép*":

Ta thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô
Ta thấy em đang ngồi khóc khi rừng chiều đổ mưa

...

Ta thấy em trong tiền kiếp với mặt trời lẻ loi
Ta thấy em đang ngồi hát khi rừng về nhiều mây.

Tiền kiếp của ta đôi khi được thể hiện dưới một dạng thức nào đó như những hạt bụi trong "*Cát bụi*" chẳng hạn:

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
 Để một mai vươn hình hài lớn dậy
 Ôi! cát bụi tuyệt vời
 Mặt trời soi một kiếp rong chơi

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
 Để một mai tôi về làm cát bụi.
 Ôi cát bụi mệt nhoài
 Tiếng động nào gõ nhịp khôn nguôi

Vâng, chúng ta có khi chỉ là những hạt bụi rong chơi hay cũng chỉ là vầng trăng chỉ biết lang thang trong vũ trụ. Chúng bị chi phối bởi định luật vô thường lạnh lùng nhưng sinh động, thể hiện khắp nơi nơi như quy luật sinh tồn của vũ trụ trong "*Biết đâu nguồn cội*":

Em đi qua chuyến đò, ối a con trăng còn trẻ
Con sông đâu có ngờ ngày kia trăng sẽ già.

...

Tôi vui chơi giữa đời, ối a biết đâu nguồn cội
Tôi thu tôi bé lại làm mưa tan giữa trời.

Và cũng chính thấy mình chỉ là một kiếp rong chơi, mà rong chơi mãi cũng thấy nhàm chán, đến *mỏi quá đôi chân này* và muốn tìm đến *chiếc ghế nghỉ ngơi*, rồi chúng ta chỉ còn thấy "*Nghe những tàn phai*":

Chiều nay anh ra phố về
Thấy đời mình là những chuyến xe
Còn đây âm vang nào nề
Ngày đi đêm tới trăm tiếng mơ hồ

...

Chiều nay anh ra phố về

Thấy đời mình là những quán không
 Bàn im hơi bên ghé ngồi
 Ngày đi đêm tới đã vắng bóng người

Đề rồi đời người như đã “*Phôi pha*”:

Ôm lòng đêm nhìn vầng trăng mới về, nhớ chân giang hồ
 Ôi phù du từng tuổi xuân đã già, một ngày kia đến bờ
Đời người như gió qua

...

Thôi về đi *đường trần đầu có gì*
 Tóc xanh mấy mùa
 Có nhiều khi từ vườn khuya bước về
 Bàn chân ai rất nhẹ tựa hồn những năm xưa.

Và cuối cùng với một lời nhắn nhủ tha thiết trong “*Một cõi đi về*”:

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
 Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ
 Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về

Cuộc đời cứ trôi chảy ngàn năm vô bờ vô bến trong vũ trụ, không khởi đầu cũng không kết thúc.

Tóm lại những cảm nhận chợt tỉnh thức của anh, hay của chính tôi hay của bất cứ ai, nó thường chợt đến rồi lại chợt đi. Đến rồi đi là lẽ thông thường trong cuộc sống, nó là lẽ “*vô thường*” vô cùng sinh động của tạo hóa. Ta hãy tận hưởng những hạnh phúc, dù trong khoảnh khắc, mà những cảm giác dễ chịu ấy mang đến cho ta, cũng như anh đang hưởng hạnh phúc khi nhận biết ra cái đẹp của những con đường lá vàng gần nhà trong những bức ảnh anh chụp và đã gửi cho tôi.

Cảm ơn anh đã gửi tặng cho tôi vài đĩa nhạc của nhạc sĩ TCS mà tôi vừa nghe, và ghi lại đôi hàng cảm nhận của mình, những cảm nhận hoàn toàn mang *tính chất chủ quan*.

* * *

Nay nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không còn nữa, *nghĩa tử là nghĩa tận* theo văn hóa nhân bản truyền thống của người Việt, tôi gửi đến nhạc sĩ bản nhạc “*Để gió cuốn đi*”, do chính ông sáng tác, về nơi chốn xa xăm nổi trôi nào đó có ông, như “một lời chia tay”.

Hãy yêu ngày tới dù quá mệ kiếp người
Còn cuộc đời ta cứ vui
 Dù vắng bóng ai, dù vắng bóng ai.

Nhân tiện đây tôi cũng xin gửi đến anh một bài thơ của người bạn thân gửi tặng cho tôi đã nói lên nỗi lòng xúc động khi anh ấy vừa nhận ra “*chưa một lần nhìn kỹ mẹ*” thì cũng là lúc anh vừa *mất mẹ*. Xin mời nghe:

Mẹ tôi!

Thân tặng anh Nguyễn Giụ Hùng

Mẹ thật thà, chất phác,
Mẹ mộc mạc, đôn sơ,
Mẹ hiền lành, nhút nhát,
Ngay cả với người thân.

Tuổi thơ của Mẹ, giòng sông nước mắt,
Mẹ Cha mất sớm, côi cút lâm than,
Trôi giạt cùng anh qua ngàn dặm khổ,
Khốn khó, nhọc nhằn, một côi riêng mang.

Đến lúc gặp Ba, Mẹ thấy an bình,
Thấp thoáng cuối đường, lấp lánh bình minh.
Từ đó, Mẹ tận tụy lo cho chồng,
Và hết lòng chăm sóc đàn con.

Đời sống Mẹ giản đơn, bình dị,
Tính Mẹ nhạy cảm, lòng Mẹ thiết tha
Ngậm ngùi xót xa theo nỗi buồn con cái
Vui mừng thoải mái với tiếng cười ròn rã của Ba.

Ngày con vào lính,
Mẹ lặn lội đến Quang Trung,
Theo cậu Hai lên Thủ Đức.
Xót con cực khổ gian nan,
Mẹ thương, khóc với muôn ngàn đắng cay.

Rồi một buổi chiều buồn tháng bảy,
Sau khi đọc Bông Hồng Cài Áo,
Con ngỡ ngàng phát hiện lương tâm.
Lòng nhủ thầm,
*Chưa một lần nhìn kỹ Mẹ,
Chưa một lần nói tiếng thương yêu.*

Hừng sáng hôm sau,
Vội vàng, con trở về quê,
Trên chiếc xe đò sớm nhất.

Lòng bồn chồn, nao nức,
Mong gặp lại Mẹ,
để nhìn thật kỹ,
để ngắm thật lâu,
khuôn mặt mẹ hiền,
và để tỏ lòng yêu thương
*Mà bao năm trường sống cạnh
Chưa một lần con nghĩ đến.*

Nào ngờ đó chỉ là ước mơ

Của nghìn đời hiu hắt,
Vì Mẹ vừa mới qua đời
Chỉ vài giờ trước đó,
Sau một đêm dài trần trở đón đau.

Mẹ ơi!
Lòng con đau hơn dao cắt,
Ruột con quặn thắt từng cơn,
Đầu óc con hoang mang,
Chơi vui trong khoảng trống ngút ngàn.

Bóng tối chập chùng
Cuồn cuộn bủa vây.
Từ nay, vĩnh viễn
Không bao giờ con được gặp Mẹ.

Mẹ ơi!

Đặng Minh Chấn
Lancaster, Pennsylvania-Hoa Kỳ

(Những hàng *chữ nghiêng và đậm* trong bài thơ do NGH chuyển đổi từ hàng chữ thẳng). ■

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Ghi chú:

- (1) Tính “không” được diễn dịch bởi nhiều trường phái, thí dụ như:
- Kinh điển Phật giáo
 - Duy thức
 - Trung quán luận của ngài Long Thọ.

Ngài Long Thọ viết: “*Sự vật nào có nguồn gốc phụ thuộc, tôi gọi là **không**. Và rồi sự vật đó lại được định danh một cách phụ thuộc*”. (trích bài giảng trong quyển Tứ Diệu Đế của Đức Dalai Lama thứ 14, do Võ Quang Nhân dịch và Nguyễn Minh Tiến hiệu đính)

Mời nghe

Chiếc Lá Thu Phai

<https://www.youtube.com/watch?v=HIEu7dEWA64>

Rồi Như Đá Ngây Ngô

<https://www.youtube.com/watch?v=Hjemss12YQ8>

Ngẫu Nhiên

<https://www.youtube.com/watch?v=w0OmsDKAw7s>

Rừng Xưa Đã Khép

<https://www.youtube.com/watch?v=3i8vtMwm4zo>

Cát Bụi

<https://www.youtube.com/watch?v=XyVJf2orRTI>

Biết Đâu Nguồn Cội

<https://www.youtube.com/watch?v=Mkw5MSVr89E>

Nghe Những Tàn Phai

<https://www.youtube.com/watch?v=zjFTWnQ6glw>

Phôi Pha

<https://www.youtube.com/watch?v=VtNpTMDWfWY>

Một Cõi Đi Về

<https://www.youtube.com/watch?v=uNGsrbcfJb8>

Để gió cuốn đi

<https://www.youtube.com/watch?v=vk-P1kHwBfw>

Đóa Hoa Vô Thường

<https://www.youtube.com/watch?v=BdAGctTfLKI>

NHỮNG NGÀY THÁNG CŨ

GS Đàm Trung Phán

Khoảng năm 1995, 1996 gì đó, một ngày vào cuối tháng 5, người viết đang lu bu trong trường để lo việc trả lại 2 phòng thí nghiệm cho ban Giám Đốc Điều Hành của College. Công việc này rất là tỉ mỉ: chúng tôi sẽ phải quyết định những dụng cụ nào cho đi, những dụng cụ nào giữ lại để dạy trong ngành Bảo Vệ Môi Sinh (Environmental Protection Technology) sau khi ngành Công Chánh (Civil Engineering Technology) của chúng tôi bị hoàn toàn đóng cửa năm 1997. Lúc đó, GS Tom R đã về hưu, chỉ còn lại GS Ron C và tôi trong ngành Công Chánh mà thôi.

Surveying Store room, chúng tôi giữ lại vì môn Field Surveying 1 (Địa Chánh) là một trong những môn “must have” trong ngành Bảo Vệ Môi Sinh, người dạy môn này sẽ là GS Ron C và Phan D phụ giúp ông ta. Hai phòng thí nghiệm về Vật liệu Xây cất và về môn Hydraulics (Thủy Động Lực học) bị đóng cửa sẽ gây ra rắc rối cho môn Địa Chánh 1 vì chúng tôi cần phải có chỗ cho sinh viên thực tập khi trời mưa hay trời tuyết. Vì người viết quá bận cho nên ông GS Ron C là nhân vật chính lo phận sự này. Tiếc nỗi, trước năm 1997, ông Ron C quyết định về hưu sớm hơn dự định: vợ ông mất đã mấy năm trước, 2 con đã ra trường, chẳng bao giờ ông phải lo đến phần tiền bạc.

Trường Công Chánh sắp đóng cửa, các đồng sư sắp về hưu hết, “đứa con tinh thần” của chúng tôi bị... “bức tử”, PeeDee cảm thấy buồn làm sao: sống một mình ở nhà mà lại còn là kẻ đơn thương độc mã sót lại trong Civil Department để rồi được chuyển sang dạy ngành Bảo vệ Môi Sinh... Thực tế ra, tôi phải cảm ơn đời mới đúng: công việc và áp lực trong trường đã được cắt giảm đi rất nhiều, tiền lương vẫn vậy nhưng mà sao tôi vẫn cảm thấy mất mát vô cùng... vì “đứa con tinh thần” mà tôi đã nuôi dưỡng nó trong nhiều năm đã không còn nữa. Mất mát vô cùng...

Trong lúc PeeDee “đang để tang cho một cuộc đời”, bỗng đâu 2 cô sinh viên “gốc Việt nam, gốc Thuyền Nhân/Boat People” xuất hiện trong văn phòng của tôi.

Sau khi chào hỏi nhau, hai cô cho biết là họ đã bị ông Giáo sư dạy môn nhiệm ý (elective subject) đánh trượt môn “Lịch sử Công nghệ” (History of Technology)...

Người viết rất ngạc nhiên khi nghe tin này. Trên thực tế, hai cô đã là 2 kỹ sư Điện đã ra trường tại Sài Gòn sau năm 1975 và đã quen với lối học tại Centennial College rồi.

Sang đến Canada, thay vì hai cô tiếp tục học tại Đại học, hai cô nhập học tại Centennial để ra trường cho nhanh chóng và kiếm việc dễ dàng hơn. Họ quyết định rất đúng. Kết quả các môn học năm thứ Nhất đều là A hay A+. Môn “History of Technology”, hai kỳ Term Test và các bài nộp đều trên 80%...

Tại các College hay Đại học, sinh viên thường nhận được các “Course Outline” cho mỗi môn học. Trong các “Course Outlines” còn có cái “Grade formula” tính toán liên quan đến Term Tests, các bài nộp (Assignments) để đưa đến phần “Final Marks”, từ đó sinh viên sẽ nhận được “Final Grade”...

Sau khi tôi đã xem kết quả về 2 Term tests và các bài nộp, tôi thấy rất ngạc nhiên: không tài nào 2 cô này có thể bị trượt được...

Hai cô cho hay: ông GS nói rằng 2 cô đã “cọp dê” nhau. Tôi hỏi cận kề trong khi thi cái “Final Exam”, hai cô có ngồi cạnh nhau không? Câu trả lời: “Không”. Hai cô có bị ông GS bắt quả tang là “cọp dê” không. Câu trả lời: “Không”. Tôi hỏi tiếp: “Tại sao ông GS này lại buộc tội là 2 cô trả lời các câu hỏi giống hệt như nhau?” Câu trả lời: “Tại vì tụi em ngồi học cùng với nhau. Sau đó, tụi em lấy các đề thi năm trước, rồi tụi em trả lời lấy, y chang như nhau. Khi vào phòng thi, tụi em nhớ gì trong đầu, chép ra như vậy!”

“A ha, tôi hiểu rồi!” Hóa ra, 2 cô đã làm cho tôi nhớ lại hồi học thi Trung Học Phổ Thông, chúng tôi cũng đã từng “học Tổ” với nhau môn Toán: cả bọn vẽ hình trên bảng đen rồi cùng nhau giải các bài toán.

Hai cô thay vì giải Toán, lại cùng nhau giải bài thi loại “descriptive” này, cho nên mới ra nổi này...

Tôi hứa với 2 cô: tôi sẽ “nhảy vào vòng chiến” để giúp hai cô. Hoặc là tôi sẽ đích thân gọi điện thoại cho ông Chair John P (người đã thuê GS dạy môn “History of Technology” này), hoặc là tôi sẽ lên thẳng văn phòng ông Khoa Trưởng ngành Kỹ thuật để điều tra (investigate) về vụ này, dưới danh nghĩa chúng tôi là GS hướng dẫn của các Sinh Viên gốc Việt tại Centennial College...

Tôi gọi điện thoại ngay cho ông Chair John P và trình bày sự việc. Ông John P gặp tôi và 2 cô sinh viên tại văn phòng ông ta (ông John P và tôi đã quen nhau từ năm 1970, khi PeeDee mới còn là “lính mới tò te” tại College. Chúng tôi đã từng ngồi uống cà phê, ăn trưa với nhau trong phòng ăn của các giáo sư và nhân viên nhà trường trong nhiều năm trước. Ông cũng là một dân thuộc loại “Tiểu ngạo giang hồ” thường hay họp mặt trong cái Dining Room của College).

Sau khi ông ta đã nói chuyện với 2 cô sinh viên, ông gọi điện thoại ngay cho ông GS dạy môn Nhiệm ý. Ông hứa sẽ cho chúng tôi biết kết quả ra sao.

Ngày hôm sau, ông điện thoại cho tôi biết: ngay buổi chiều hôm đó, ông GS dạy môn Nhiệm ý đã phải mang cuốn sổ điểm (mỗi GS luôn luôn phải có cuốn sổ điểm, giống như cái Passport của mình vậy!) đến cho ông John P coi. Cũng giống như tôi, ông John P muốn biết ông GS này có bắt được quả tang là 2 cô này “cọp dê” nhau không. Câu trả lời là “không”, thì không có lý do gì để mà đánh trượt 2 cô này hết. Trên thực tế, nếu mà 2 sinh viên này bị bắt quả tang là “cọp dê”, vị giáo sư đó phải nộp hồ sơ ngay cho nhà trường để tự nhà trường quyết định. Nhiệm vụ của GS là chấm điểm...

Ông John P đã bắt ông GS đó chấm lại bài của 2 cô sinh viên như các sinh viên khác. Nếu không, ông John P có quyền nhờ một vị giáo sư khác chấm bài thi cho 2 cô sinh viên Việt Nam này.

Sau khi ông GS dạy môn này đã chấm điểm xong, ông John P soát lại bài. Rồi cả 2 người cùng ngồi xuống để tính ra điểm số mới (new Final Mark) rồi chuyển ra “Final Grade”...

Sau khi đã có “Final Grade” mới của hai cô, ông GS đó đã phải “điền đơn” (re-submit) về cái “New Grade” cho hai cô để rồi văn phòng của ông John P chuyển đến văn phòng “Registrar”.

Khi ông John P gọi điện thoại cho tôi biết “tin mừng” ngày hôm sau, chúng tôi cười nói vui vẻ. Ông ta tâm sự với tôi: “Bọn mình (ông ta là “Chair” trong nghiệp đoàn “Administrator”, tôi là “Coordinator” – nôm na là “Department head” trong nghiệp đoàn “Faculty”) đi recruit (kiếm) sinh viên muốn chết (vì sinh viên là “nguồn sống” trong vấn đề ngân quỹ của nhà trường – tiền đóng học phí của sinh viên, so

ra chỉ bằng 1/2 hoặc 1/3 phần tài trợ của chính phủ Tỉnh Bang trợ cấp cho nhà trường) trong khi đó các GS dạy các môn Nhiệm ý (nhất là môn Physics), họ đánh trượt sinh viên không nương tay.”

Được “gãi đúng chỗ ngứa”, tôi nói với ông ta:

– Nếu mà ông không “làm ra chuyện” việc này, chính tôi sẽ “nhảy vào vòng chiến!”

– PeeDee à, việc này là việc tôi phải làm. Tôi đã bực mình về ông này lắm rồi. Ông ta đánh trượt sinh viên phân khoa Kỹ Thuật tới tấp trong mấy năm qua...

– Nếu vậy thì tại sao Ông lại vẫn cứ phải thuê ông ta dạy môn này?

-Tôi đã quyết định rồi: Semester tới, College sẽ cho đăng báo thuê một GS khác thay thế ông này. Tôi lấy làm lạ: ông ta cũng là một người “Immigrant” (di dân) như 2 cô sinh viên Việt Nam mà tại sao lại hành xử như vậy?

Câu chuyện về 2 cô sinh viên Việt Nam đã được kể lại không những trong nhóm các của sinh viên Việt Nam tại Centennial College mà còn được nhiều nhóm khác biết đến.

Một kỷ niệm để nhớ lại trong lúc về già và nhất là khi gặp lại các cựu sinh viên Việt Nam của Centennial College.

Xin mời Quý Vị vào xem hình ảnh buổi Picnic năm 2023 của Nhóm Cựu Sinh Viên Việt Nam của Centennial College dưới đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=4QBMTPS6rOA&t=189s>

Đàm Trung Phán

Toronto, Canada Aug. 23, 2023

Sử dụng Alt-codes cho các ký tự đặc biệt của một số ngoại ngữ

Trương Thiệu Hùng

Nội dung chính

1. Mở đầu
2. Alt-codes của các ký tự đặc biệt cho một số ngôn ngữ dùng các ký tự La Mã làm căn bản như Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Ý . . .
 - 2.1. Các ký tự dùng dấu
 - 2.2. Các ký tự không dấu
3. Alt-codes của các ký tự đặc biệt của một số ngôn ngữ không dùng các ký tự La mã làm căn bản như Hy Lạp, Nga/Liên Xô . . .
 - 3.1. Alt codes cho tiếng Hy Lạp
 - 3.2. Alt codes cho tiếng Nga/Liên Xô . . .
4. Alt codes cho tiền tệ của một số quốc gia trên thế giới
5. Kết luận

1. Mở đầu

Tại sao nên dùng phương pháp Alt-codes?

- Phương pháp “Crlt+Sign + Chữ” (đã nói kỳ trước) hay vì không cần dùng các data (các code), tuy nhiên có phần giới hạn vì computer không đủ các ký tự và các dấu (signs) cần thiết nên không tạo ra được đầy đủ các ký tự đặc biệt mong muốn.
- Phương pháp dùng “Alt+Code” (sẽ nói trong kỳ này) tuy có điều bất tiện là phải dùng nhiều số codes, nhưng khi đã có sẵn các codes rồi thì phương pháp này rất thuận tiện cho người sử dụng, không cần phải động não suy nghĩ như phương pháp “Ctrl+Sign + Chữ”.
- Phương pháp dùng Alt-codes có thể được dùng cho nhiều ngôn ngữ như Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Ý, Hy Lạp, Nga/Liên Xô . . .
Tiếng Hy Lạp, Nga . . .mặc dầu không theo mẫu tự alphabet như các tiếng khác nhưng cũng có thể dùng phương pháp “Alt+Code” để tạo ra các ký tự đặc biệt.

Bàn phím của máy điện toán



Khi biết At-code của một ký tự nào đó, ta giữ Alt-key và đánh số code bằng numeric keypad ở phía phải của bàn phím:

Alt + Code

(nhớ không đánh dấu +)

Ví dụ:

- Muốn có ký tự Î : Alt + 0206 → Î, ký tự î : Alt + 0238 → î
- Muốn có ký tự Ë : Alt + 0203 → Ë ký tự ë : Alt + 0235 → ë
- Muốn có ký tự Ñ : Alt + 0209 → Ñ
- Muốn có ký tự Ä : Alt + 0196 → Ä
- Muốn có ký tự Œ : Alt + 0140 → Œ

2. Alt-codes của các ký tự đặc biệt cho một số ngôn ngữ dùng các ký tự La Mã làm căn bản như Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Ý . . .

Để cho dễ truy cứu các ký tự đặc biệt, chúng tôi xếp đặt lại danh sách các Alt codes dựa trên:

- Dấu của các ký tự
- Chữ viết hoa (Upper-case letter) hay chữ thường (lower-case letter).

2.1. Các ký tự dùng dấu

Dấu	A/a		E/e		I/i		O/o		U/u		Y/y hay N/n	
Dấu sắc '	Á	á	É	é	Í	í	Ó	ó	Ú	ú	Ý	ý
	0193	0225	0201	0233	0205	0237	0211	0243	0218	0250	0221	0253
Dấu huyền `	À	à	È	è	Ì	ì	Ò	ò	Ù	ù		
	0192	0224	0200	0232	0204	0236	0210	0242	0217	0249		
Dấu ngã ~	Ã	ã										
	0.195	0227										
Dấu mũ ^	Â	â	Ê	ê	Î	î	Ô	ô	Û	û		
	0194	0226	0202	0234	0206	0238	0212	0244	0219	0251		
Dấu - -	Ä	ä	Ë	ë	Ï	ï	Ö	ö	Ü	ü	ÿ	ÿ
	0196	0228	0203	0235	0207	0239	0214	0246	0220	0252	0159	0255
2 chữ đính nhau	Æ	æ					Œ	œ				
	0198	0230					0140	0156				
Dấu đuôi ç	Ç	ç										
	0199	0231										
Dấu ngã ~	Ñ	ñ					Õ	õ			Ŋ	ŋ
	0195	0227					0213	0245			0209	0241
Dấu Than ngược ı	ı											
	173											
Dấu Hô ngược ş	ş											
	0191											

Trong bảng Atl-codes trên ta thấy với cùng một ký tự thì chữ thường/lower case có số alt-code lớn hơn CHỮ HOA/ UPPER CASE 32 số:

Alt-code của chữ thường = Alt-code của CHỮ HOA + 32
(lower case) *(upper case)*

Ngoại lệ: œ có Alt-code = 0156, và Œ có Alt-code = 0140.

2.2. Một vài ký tự không dùng dấu

Eszett	ß	B
	7838	0223
Latin letter Eth, ETH	Ð	ð

Greek letters (Capital /small)			
Upper	Lower	Alt codes	
A	α	Alpha	913 945
B	β	Beta	914 946
Γ	γ	Gamma	915 947
Δ	δ	Delta	916 948
E	ε	Epsilon	917 949
Z	ζ	Zeta	918 950
H	η	Eta	919 951
Θ	θ	Theta	920 952
I	ι	Iota	921 953
K	κ	Kappa	922 954
Λ	λ	Lambda	923 955
M	μ	Mu	924 956
N	ν	Nu	925 957
Ξ	ξ	Xi	926 958
O	ο	Omicron	927 959
Π	π	Pi	928 960
P	ρ	Rho	929 961
□	ς	Final sigma	930 962
Σ	σ	Sigma	931 963
.....			

Greek letters (Capital /small)			
Upper	Lower	Alt codes	
T	τ	Tau	932 964
U	υ	Upsilon	933 965
Φ	φ	Phi	934 966
X	χ	Chi	935 967
Ψ	ψ	Psi	936 968
Ω	ω	Omega	937 969
σ		Greek lunate Sigma symbol	1010
ς		small reversed lunate Sigma symbol	891
Σ		capital lunate Sigma symbol	1017
ς		capital reversed lunate Sigma symbol	1021
Σ		capital dotted lunate Sigma symbol	1022
ς		capital reversed dotted lunate Sigma symbol	1023
υ		small letter Upsilon with Tonos	973
ϋ		small letter Upsilon with Dialitika and Tonos	944
Ω		capital letter Omega with Tonos	911
ω		small letter Omega with Tonos	974

3.2. Alt codes cho tiếng Nga/Liên Xô

Trong tiếng Nga, ta thấy :

- Chữ Hoa bắt đầu từ 1040 (chữ A hoa) tới 1071 (chữ YA hoa Я) các alt code tăng dần từng một đơn vị
- Chữ Thường bắt đầu từ 1072 (chữ a thường) tới 969 (chữ YA thường я), các Alt code tăng dần từng đơn vị.
- Sự khác biệt giữa Alt code của chữ thường và chữ hoa cũng là 32:

Alt-code của chữ thường = Alt-code của CHỮ HOA + 32 <i>(lower case)</i>

Charac- ter	Alt Code	CYRILLIC CAP- ITAL LETTER
----------------	-------------	------------------------------

Character	Alt Code	CYRILLIC SMALL LETTER
-----------	-------------	--------------------------

A	1040	A
Б	1041	BE
B	1042	VE
Г	1043	GHE
Д	1044	DE
Е	1045	IE
Ж	1046	ZHE
З	1047	ZE
И	1048	I
Й	1049	SHORT I
К	1050	KA
Л	1051	EL
М	1052	EM
Н	1053	EN
О	1054	O
П	1055	PE
Р	1056	ER
С	1057	ES
Т	1058	TE
У	1059	U
Ф	1060	EF
Х	1061	HA
Ц	1062	TSE
Ч	1063	CHE
Ш	1064	SHA
Щ	1065	SHCHA
Ъ	1066	HARD SIGN
Ы	1067	YERU
Ь	1068	SOFT SIGN
Э	1069	E
Ю	1070	YU
Я	1071	YA

a	1072	A
б	1073	BE
в	1074	VE
г	1075	GHE
д	1076	DE
е	1077	IE
ж	1078	ZHE
з	1079	ZE
и	1080	I
й	1081	SHORT I
к	1082	KA
л	1083	EL
м	1084	EM
н	1085	EN
о	1086	O
п	1087	PE
р	1088	ER
с	1089	ES
т	1090	TE
у	1091	U
ф	1092	EF
х	1093	HA
ц	1094	TSE
ч	1095	CHE
ш	1096	SHA
щ	1097	SHCHA
ъ	1098	HARD SIGN
ы	1099	YERU
ь	1100	SOFT SIGN
э	1101	E
ю	1102	YU
я	1103	YA

4. ALT Codes về tiền tệ của một số quốc gia trên thế giới

Đơn vị về tiền tệ của một số **quốc gia** có các Alt codes như sau:

Char	ALT Code	Description
\$	36	dollar

Char	ALT Code	Description
₹	8377	rupee

¢	0162	cent	฿	3647	baht
€	8364	euro	₩	8361	won
£	0163	pound sterling	₪	8362	new shekel
¤	0164	general currency	₫	8363	đồng
₯	8367	drachma sign	₣	8355	franc
₱	8369	peso sign	₺	8356	lira
¥	0165	yen / yuan	f	0131	Dutch florin (Aruba)
₹	8360	rupee	₪	(8359)	peseta

5. Kết luận:

Chúng ta có thể dùng các bảng Alt-codes đã trình bày ở các phần trên để tạo các ký tự đặt biệt cho một số ngoại ngữ như Pháp Đức, Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, Liên xô Alt-codes cũng có thể sử dụng để viết ra các ký tự đặc biệt hay các ký hiệu dùng trong các môn học như Toán, Vật lý, Hóa .

Để có các ký tự hay các ký hiệu đặc biệt cần dùng sau này, ta nên làm quen với tất cả các phương pháp khác nhau như:

“Highlight-Copy-Paste”, “Ctrl + sign+letter”, “Alt + code” . . .

Những lúc rảnh rỗi ta có thể đánh thử “Alt + (các số lần lượt từ 1 tới 100)” để thấy các ký tự hay các ký hiệu mới xuất hiện và ghi lại Alt-codes của một vài ký tự (hay ký hiệu) đặc biệt mà ta chưa có để sử dụng cho các bài viết trong tương lai. Sau đó, tiếp tục làm thêm với các số Alt-codes lớn hơn . . . Đây sẽ là một công việc mới mẻ để khám phá nhiều ký tự hay ký hiệu khác nhau.

Chúc các bạn thành công và thích thú trong việc sử dụng phương pháp “Alt + Code” này.

Trương thiệu Hùng

Tham khảo

1. Alt Codes for French Alphabet

https://www.alt-codes.net/french_alt_codes/

2. ALT Codes - Alt Codes for Spanish

<https://usefulshortcuts.com/Alt-codes/spanish-Alt-codes.php>

3. ALT Codes For German Letters With Accents Or Diacritics

<https://Altcodeunicode.com/Alt-codes-for-german-letters-with-accents-or-diacritics/#:~:text=ALT%20Codes%20for%20German%20Letters%20with%20Accents%20or,o%20w%20...%20%208%20more%20rows%20>

4. Useful Shortcuts- LT Codes - Alt Codes for Greek Letters

<https://usefulshortcuts.com/alt-codes/greek-alt-codes.php>

5. Using the Russian Letters Alt Code

<https://sites.psu.edu/symbolcodes/languages/europe/cyrillic/cyrillicchart/>

[Trở về mục lục](#)

"QUỐC HOA "

CAO MỸ NHÂN

Mặc dầu hoa sen mang nhiều phẩm chất quý giá, nào là màu sắc đẹp, trắng thanh khiết, vàng rực rỡ, xanh lá non lọt dịu dàng, hay hồng cánh sen đặc biệt chỉ có ở hoa sen...vv, với hương thơm ngào ngạt cả lúc hoa tươi lẫn khi đã được ướp trà, xấy khô...

Hoa sen mọc trên sinh lầy , ao hồ chẳng được thường xuyên vét rửa, thay nước ...nên mùi tanh tươi của bùn phảng phất xông lên, song không thể nào phá tan được hương ngát nhụy hoa đầm thắm của loài hoa tự tôn, tự trọng đó.

Vì thế cho nên, hoa sen còn được ví như biểu tượng của người trong sạch, cao quý, quân tử...

Đã vậy, hoa sen còn không bị bướm, ong là 2 loài sinh vật bay trong không gian, đi tìm hương hoa để hút mật.

Nên, một lần nữa đặc tính hoa sen lại được tôn sùng tính chất thiêng liêng, đạo hạnh, đã khiến người dân VN phải khiêm tốn (là bốn tự kiêu) rằng:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

(ca dao)

Ca tụng phẩm chất của hoa sen như vậy, để thừa với quý vị là, tôi chẳng biết ngày xưa dân tộc ta có định lấy hoa sen làm biểu tượng cho đất nước VN, hay hoa gì khác.

Nhưng mới đây tôi đọc được điều VN đã đưa hình ảnh hoa sen lên làm " Quốc Hoa " .

Tôi đang ngẫm nghĩ, chúng ta đã thường đề cập tới những danh xưng như : quốc kỳ, quốc ca, quốc huy, quốc hiệu, quốc túy , quốc hồn, quốc lễ , quốc tang, nay thêm quốc hoa cũng chẳng có gì làm lạ, hay mới mẻ gì.

Thậm chí cũng không hoàn toàn đặc biệt, vì trong bản danh sách quốc hoa trên thế giới, cũng đã có một nước châu Á chọn hoa sen làm quốc hoa là Ấn Độ.

Tôi chỉ chú ý tới mấy quốc hoa đặc biệt và gần gũi với sự tìm kiếm của tôi là :

Hoa hồng (đỏ) Quốc hoa của Hoa Kỳ
Hoa anh đào Q/hoa của Nhật Bản.
Hoa sen (màu hồng cánh sen) Q/hoa VN

Có một điều đặc biệt loại hoa thuộc phiện, tên văn hoa là hoa Anh Túc, thì có tới 5,6 nước trên thế giới chọn làm quốc hoa của họ .

Sắp xỉ số nước dùng hoa anh túc (màu tùy theo mỗi nước) , là mấy quốc gia lựa hoa tuy líp làm quốc hoa, cũng không thấy nói màu sắc thế nào.

Như vậy quý vị đã biết từ nay, cứ thấy ở đâu có cái nhãn bông hoa sen, màu cánh sen nở toàn vẹn, ấy là dấu hiệu quốc hoa VN, cũng có nghĩa là địa phận, cơ sở, sản phẩm, công trình vv...có in hình hoa sen nở màu cánh sen, chính là của người VN vậy.

Bình thường hoa nào cũng đẹp, như phụ nữ nào cũng không xấu, chu choa xin phép kể cả ...tui. Chỉ khác nhau là đẹp nhiều hay đẹp ít thôi, nên cần trang điểm cho đẹp thêm vậy.

Nếu hoa không thể tự vươn ra trang điểm cho mình, tức hoa, nên mặc nhiên người ta hay liên tưởng, hình dung loài hoa ấy được người đời áp cho một ý nghĩa gì, thí dụ hoa chung thủy, hoa bất tử, hoa trường sinh, hoa đờng quên tôi v.v...kèm theo màu sắc thế nào.

Chẳng hạn hoa hồng bạch như anh vẫn tặng cho mình, là muốn mình, người được tặng, hãy luôn làm đẹp cho cuộc tình thanh khiết, thanh cao...

Nhưng nếu vẫn anh gởi cho mình đóa hoa hồng vàng, là muốn người được tặng mãi đắm say trong yêu thương lẫn ngoài sự nghiệp, tròn vẹn tinh thần, vật chất ...

Hay là bông hồng màu da cam công danh, mơ mộng.

Nhưng nếu hồng màu đỏ thắm, ấy là yêu đương cuồng nhiệt, cùng lúc với sự quyết thắng trong vinh quang, vv...

Khi nói chuyện về hoa, thì lập tức tôi bị méo mó nghề nghiệp công tác xã hội của tôi ngày xưa trước 30-4-1975 ngay, ấy là chúng tôi ở trong hoàn cảnh chiến tranh, thiếu thốn nhiều, có thể nói đồng còn không trồng nổi lúa khoai rau đậu, làm sao có dư dả đất đai trù phú để vỡ đất trồng hoa ?

Nhưng chúng tôi vẫn duy trì sự việc thực hiện những vòng hoa chiến thắng choàng lên cổ các chiến sĩ trở về từ mặt trận, đồng thời cũng cố gắng mang những bó hoa ân nghĩa đặt bên tử sĩ đã hy sinh vì tổ quốc VNCH thân yêu.

Trong tiến trình xây dựng niềm thông cảm, chia sẻ nỗi gian lao trên đường hành quân, bảo vệ chính nghĩa quốc gia ... hầu như quân nhân các cấp QL/VNCH luôn nhớ về nhau từng gói cơm xây tới bông hoa rừng chan chứa tình thương.

Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, khi ông mang cấp Đại Tá, làm Tham Mưu Trường Bộ Tư Lệnh QĐI /QKI của tôi, ông cứ luôn luôn chỉ thị chúng tôi lo phần việc nêu trên, không nên và không được quên công ơn chiến sĩ VNCH.

Cả trong ngoại giao cũng vậy, chúng tôi phải lo hoa hoét đón chào các phái đoàn quân đồng minh, khi có việc biểu lộ tình thân lửa đạn ...

Do đó có lần chúng tôi phải chia nhau đi tìm hoa nơi các nhà tư để thực hiện hoa mừng chiến thắng cho vui vẻ đơn vị, bởi ngoài chợ Hàn giá rét, hoa đã không còn một cành nhỏ.

Quốc hoa ? Có lẽ vì thế mà đoạn phim " chơi " trên mạng X đã chiếu một cảnh phái đoàn tổng thống Hoa Kỳ mới nhứt tới sân bay Đà Nẵng, dù ông tổng thống Mỹ ấy còn đang chu du nơi khác cũng châu Á như thông báo...

Người làm phim " chơi " đã thực hiện nhiều tình tiết như chẳng một nhân vật lớn nhỏ CSVN nào ở địa phương được tới sát phái đoàn dù chỉ 1 m, vì hàng trăm mật vụ Mỹ cản bước để tránh khủng bố v.v...

Thì hỡi ơi, một cô hoa hậu cơ sở, được vinh hạnh ôm bó Quốc Hoa với dự trù dâng lên Tổng Thống Hoa Kỳ, là chực đóa sen chưa nở, tím ngắt, có lẽ chờ lâu, đã héo quẹo, gục xuống một lượt.

Tôi không có ý khôi hài quốc hoa VN hiện nay, là những bông hoa sen thơm ngát, dạt dào tình quê hương dân tộc, vì hoa đã vô hình chung hiện diện ở hầu hết các nơi thờ phượng, đã là những sản phẩm quý giá như trà sen, bánh hạt sen vv...mà tôi rất mến chuộng.

Như tôi đã trình bày, là tôi chỉ thấy sao kể vậy.

Đang "thao thao" bấm trên bàn phím về một loài hoa chứa chan tình nghĩa, hương sắc vẹn toàn là Sen, thì nhận được cái "túp" anh gọi khẩn cho mình vào lúc 12 giờ khuya nay 8 qua 9 - 11 - 2017, phái đoàn Tổng Thống Hoa Kỳ đang bước vô đại lễ của Trung Cộng bành trướng, với biết bao hân hoan bởi sự đón tiếp dềnh dang của Trung cộng, không thấy hoa hoét gì cả.

Trung cộng mà tiền thân là Trung Hoa phong kiến kia, với số dân chiếm 1/4 tổng số dân trên thế giới, thì họ chỉ có nguyên liệu "người" là chính.

Nên tất cả những lễ nghi tiếp đón là công trình biểu diễn tài nghệ của những người và người...dân họ. Nhưng dù Tự Do như Phái Đoàn Tổng Thống Hoa Kỳ, hay cộng sản như Trung Quốc hiện nay, qua video của HẢI NGOẠI PHIÊM ĐÀM mà anh đã gọi cho mình, thì mình cũng thấy được sự kiện "Hoành tráng, vĩ đại" e chỉ những nước lớn, mới có phương tiện biểu diễn được, để lại thờ dài nhớ tới loài hoa cố gắng khiêm nhường, mà vẫn chẳng...an ổn tâm tư đâu, mặt nào cũng thua sút vì thói quen "nhược tiểu" rồi.

Anh sẽ an ủi mình trong suy nghĩ, rằng thôi chỉ là phù vân, dù cho phô trương khiếp đảm như đã từng phô diễn với mấy lần đăng cai Thế Vận Hội, Trung cộng vẫn chỉ là phồn vinh giả tạo đúng nghĩa. Họ, Trung cộng giống như những cái máy biết nói vậy.

Thường khán giả coi video, nghe YouTube, là muốn thấy tận mắt, nghe tận tai những gì không chối cãi được, kể cả những cuốn phim "chơi" như tôi nêu dẫn ở trên, rằng Tổng Thống Hoa Kỳ chưa đến Đà Nẵng mấy hôm nay, mà phim "chơi" cứ tồ le cho đồng bào kiểu không biết gì như tôi tồ mò.

Tuy là chuyện ngoài đường, nhưng trong lòng tôi cứ dạt dào nhớ về anh với hình ảnh sen nở kín mặt hồ Tĩnh Tâm xưa, thừa đầu tiên mình biết Huế.

Dầu Hoa Sen có đang là quốc hoa, thì anh Thân Kính vẫn đang là nguồn hương bất tận cho tình thơ mình say đắm, ngất ngây, để không thể nào không ví anh như vị vua tình cảm của mình được :

Hỡi vị vua tình cảm của em
Đưa tay em nắm, bước qua thềm
Ta xô đổ hết tường rêu cản
Anh dẫn em vào chơi ngự viên.

(Nhịp Tim Thơ. Cao My Nhân)

Mình ngâm câu: sen Huế là sen của vua, của người quân tử...để tĩnh tâm trước sự thắng bại ở đời. ■

CAO MY NHÂN

Chuyện Bán Sách

Minh Thúy Thành Nội

Hớ ngày xưa ...liên quan về chuyện buôn bán. Khi tuổi thiếu nữ mười tám trăng tròn, tụi tôi không có tiền, nhìn ăn sáng chất chiu từng đồng vì mơ ước có chiếc áo dài màu đầu đời...

Một ngày nắng ấm trời trong sáng, tôi và Mai ra chợ Đông Ba tìm mua xấp áo dài màu may mặc Tết. Đến gian hàng đầu tiên, người bán đon đả ngọt ngào quảng cáo các xấp lụa màu tươi sáng, tụi tôi muốn đi nhiều nơi xem cho thỏa mãn đã rồi mới quyết định chọn lựa sau. Tiền ít thiệt là lúng túng và rụt rè, so đi tính lại kỹ càng, do dự tần ngần nên cứ đi lui đi tới, khi thích xấp vải hàng bà kia, lúc ưa xấp vải hàng O khác rồi phân vân theo giá tiền mắc rẻ để mình nhắm có đủ khả năng không. Đi qua đi lại nhiều lần gian hàng đầu tiên, tụi tôi nghe có tiếng nói lớn

- Đi cả buổi chưa lựa được chi à, mai một bị mấy ông tìm vợ kén như rứa thì răng đây, mấy con quý ngựa mắt.

Hoảng hốt và mắc cỡ, tụi tôi đi nhanh qua khỏi gian hàng đó, nín cười nói với nhau

-Tất cả tại mình mua vải kén chọn khó khăn thì răng nghe chửi...

Suy đi nghĩ lại thì chằm hàng vải của bà đó vì có màu mình thích nhưng những nơi khác không có, rốt cùng tụi tôi can đảm trở lại để mua. Bà vừa gói hàng vừa cười vui vẻ hướng mắt về Mai hỏi

- Mạ con có khỏe không?

Mai trở mắt ngạc nhiên

- Ủa răng bác biết mạ con?

Bà càng cười tươi hơn

- Trời ơi vợ ông đại tá Dương ở thành phố ni ai mà không biết, vợ lại bạn của bác mà.

Tụi tôi nhìn nhau như thăm chung một nhận xét, cầm hai xấp vải ưa ý đi ra khỏi hàng, Mai lên tiếng

- Răng mà lật trở bàn tay nhanh như chớp rứa không biết

- Thôi ai lật, ai trở kệ họ không cần quan tâm, mình mua được hai xấp vải đẹp là thỏa mãn rồi.

Trên đường về từ phố Phan bội Châu vào cửa Đông Ba, tụi tôi im lặng suy nghĩ thái độ người bán hàng, rồi nghĩ xa vời hơn về ý tưởng của đại văn hào Shakespeare đã được học “Cả thế giới là một sân khấu. Đàn ông và phụ nữ chỉ đơn thuần là những diễn viên; họ có lối ra và cửa lên sân khấu cho riêng mình, mỗi người đều đóng nhiều vai khác nhau trong suốt cuộc đời”.

Qua Mỹ đi sinh hoạt nơi Chùa, Thầy giao chìa khóa phát hành kinh sách mỗi khi có lễ lớn. Một lần bán sách có bộ tự điển dày cả ngàn trang, loại sách tài liệu về luật pháp do luật sư NHL tặng Chùa gây quỹ. Người khách có nét mặt sáng ngời, đôi mắt thông minh dưới cặp kính cận, ăn mặc thanh lịch đứng lật trở xem quyền sách rất lâu (tôi đoán có lẽ cũng là luật sư gì đây?). Ông hỏi giá, tôi nói nhỏ nhẹ

- Dạ sách này không có giá, tùy anh cúng dường giúp Chùa đang gặp khó khăn

Khách rút túi đưa \$10 cầm sách rồi quay lưng đi vào hậu trường chờ làm lễ, cô em bán phụ nói nhỏ:

-...Quyền sách giá trị dày như vậy mà đưa chùng đó à

Tôi trả lời

- Kệ ...có thể ông là dân học luật, VN mới qua ... không có tiền, thôi ...thôi...cô lại dính mắc, nói chuyện dư rồi, chớ khúc mắc nữa.

Vừa đúng lúc người khách kế tiếp mặt mày đen đúa, ăn mặc quần áo lếch thếch như dân làm cỏ, làm lao động tìm lựa quyền sách, đưa tờ \$100 và khoác tay

- Khỏi thôi lại

Tôi cảm ơn, chờ khách đi xong tôi quay qua em phụ hàng

- Thấy chưa buôn bán phải lịch sự cảm ơn tất cả, bá nhân bá tánh trong thế gian này, tập luyện “sống là động nhưng lòng luôn bất động” nghe chưa!

Lần khác một bác lớn tuổi đến mân mê cuốn băng Cassette giảng pháp, hỏi bao nhiêu. Tôi đáp

- Dạ băng free, tùy bác ...

Chưa hết lời cô em bán phụ đã nhanh nhẩu dành nói

- Dạ \$5 bác ơi.

Tôi khựng người trở mắt, miệng cứng im luôn. Bác vén áo ngoài, mở kim băng túi áo trong may rộng, lôi ra một xấp tiền toàn bạc lớn, tìm hồi lâu mới thấy tờ \$5 để trả. Bác đi rồi tôi quay qua hỏi em

- Răng lại ra giá rứa? để bác tùy hỷ chứ

Cô em hăng tít nói

- Lần trước bác cũng mua cuốn băng, em nói tùy hỷ cúng dường, bác chỉ đưa \$1. Chị xem bác lớn rồi, tiền một đồng để làm chi, nên lần ni em muốn tạo cho bác có công đức

- Hay quá, ép bác thì có chớ tạo dùm cái chi, coi lại đi nghe, tâm bị động rồi đó.

Chuyện đã xong nên nói vậy thôi, dù tôi la nhưng cũng mắc cười thái độ, lời nói của cô em.

Sau này vào tham gia Văn Thơ Lạc Việt, ban điều hành lại nhờ bán sách chị Kiều Mỹ Duyên, đến phiên sách của Đoàn Trang, ông hội trưởng cũng đến gọi tôi và chị Phương Hoa ôm sách đi mời từng bàn (vì không dọn bàn sách). Quyển sách mỏng giá bán chỉ \$15 nên khách ủng hộ \$20 để dâng, lần đó thiếu sách bán, khách order tại chỗ chờ gửi đến nhà sau.

Ngày 29 tháng 1 năm 2023 hội trưởng Lê văn Hải của Văn Thơ Lạc Việt tổ chức chiêu nhạc “Mừng Một Mùa Xuân Mới” luôn tiện ra mắt sách “Đặc San Xuân Quý Mão” tại quán COFFEE LOVER 1855 ABORN ROAD, SAN JOSE trong không khí vui tươi của ngày đầu xuân.

Theo chị Phương Hoa (trong ban biên tập) kể lại: giờ phút cuối quý văn thi sĩ gởi tác phẩm rất hay, rất giá trị, ban biên tập làm việc không kịp. Ngày ra mắt sách cận kề, nếu in online e không kịp, nên nhờ nhà in địa phương làm gấp, bắt buộc phải in số nhiều theo yêu cầu của nhà In. Dĩ nhiên khác hẳn những năm trước là tổng cộng số người order rồi mới in sau tại Lu Lu hoặc Amazon.

Lần này rất hồi hộp với số sách in dư, mà giá in lại lên tới \$35/1 cuốn do ông hội trưởng ứng tiền ra trước.

Tôi và chị Phương Hoa được ban điều hành chỉ định phân bán sách. Nhìn tập sách dày hơn 600 trang, hình thức trang trí màu sắc tươi vui của mùa xuân rất đẹp mắt, lật bên trong được in giấy màu, nội dung thật phong phú với toàn những cây bút tiền bối đã nổi danh từ lâu. Vật giá bên ngoài leo thang không thể tưởng từ bó rau, cây trái tới các thứ to tát hơn, cho nên nghĩ tới cái giá gốc \$35 nhưng bán chỉ \$40, chứng tỏ VTLV không phải gây quỹ mà chỉ là muốn quảng bá thơ văn, tranh, nhạc từ những tâm hồn yêu thơ văn, yêu tình nghệ sĩ làm đẹp cho cuộc đời. Quan trọng hơn nữa là yêu quý tiếng Việt ta, muốn gìn giữ lưu truyền cho thế hệ mai sau, nên ngày đêm ban biên tập đã chú tâm, hăng say ra công sức bắt nguồn từ trái tim yêu thương nền văn học nghệ thuật, để dâng hiến mọi người cùng thưởng thức, “Việc đọc rất quan trọng, nếu bạn biết cách đọc, cả thế giới sẽ mở ra cho bạn” (Barack Obama).

Chúng tôi hơi lo lắng giá sách cao, sợ khó bán lấy đủ tiền vốn hoàn trả lại ông hội trưởng. Nhưng may mắn quý khách và các thành viên dù có đăng bài hay không, hoặc chưa gởi bài tới kịp, đều hoan hỷ nhiệt tình với thái độ vui vẻ trả tiền vượt giá bán. Hầu như mọi người đều mua sách, tránh tình trạng lộn lộn nên chúng tôi đều ghi tên mỗi người trong trang đầu khi giao sách.

Chiều đã gần tàn, nhưng các ca sĩ vẫn hăng say hát những bản nhạc Xuân thật hay và rộn ràng trong không khí Tết. Lúc khách đang enjoy nhạc, tôi đảo mắt quan sát trên những bàn, trước mặt mỗi người đều có tập Đặc San Xuân. Tuy nhiên còn ít bàn chưa thấy sách, tôi nghĩ đến ông hội trưởng quen tính hào hoa rộng rãi, lúc nào cũng bảo trợ phần nước uống free, hôm nay lại tuyên bố “ai mua sách sẽ được tặng thêm chai rượu có dán nhãn hiệu của chủ đề”. Tôi mạnh dạn cầm sách nhắm mục tiêu đã chú ý, đến trước một người khách trên dưới 70 tuổi, xỏ giọng trầm giọng bồng

- Dạ mời anh ủng hộ tập Đặc San Xuân, nội dung rất phong phú, gồm thơ Thất Ngôn Bát Cú, truyện dài, ngắn, Tản mạn, Chuyện Phiếm của toàn những bậc tiền bối nổi tiếng từ lâu... Ông khách nhìn tôi gật gù ra chiều lắng nghe, tôi đặt hết niềm hy vọng, thừa thắng xông lên, lái nhai tiếp

- Sách in màu rất đẹp và giá trị, vật giá leo thang nên giá sách in cũng đắt quá. Đây là một cơ sở sinh hoạt muốn duy trì tiếng Việt nơi xứ người ...giá bán \$40 trong khi giá vốn \$35 thì chỉ xem như quảng bá thơ văn ..." Sự đọc sách đối với trí tuệ giống như sự vận động đối với cơ thể..."

Chao ơi dùng được câu nói của danh nhân mô đó, nỗ vãng miêng kiêu ni là dính chắc.

Khách cười lịch sự, tôi trao sách cúi đầu, vẹo vai xin tiền tràn niềm phấn khởi

- Nị nghĩ sao mà mời mua sách, Ngộ đâu biết đọc tiếng Việt

Tôi chung hứng vài giây, rồi mở miệng "xin lỗi, xin lỗi". Máu can trường dâng lên quyết không lùi bước, tiếp đến bàn mấy bác khác. Lần này thì bảo đảm không phải Ngộ Nị, vì tôi nghe nói chuyện qua lại bằng tiếng Việt không chột chất như ông khách kia. Vẫn bài ca con cá lập đi lập lại, nhưng mấy bác thương tôi không cho nói nhiều sợ ...mệt nên ngắt lời

- Tụi tôi con mắt lem nhem mờ rồi, đâu còn đọc sách được nữa

Tôi lại cúi đầu "dạ xin lỗi bác". Tinh thần chiến đấu vẫn lên cao, giữa chiến trường không thể thụt lùi, tôi tiến bước tiếp hai người khách trẻ còn lại, dù bài ca hơi ớn nhưng vẫn gắng giọng "hát." Họ cười vui vẻ móc bóp, tôi nhủ thầm "lần này chắc vào lưới rồi". Cầm tiền bán được hai cuốn sách, tôi mừng quá nhanh chân trở về thấy hai chai rượu để trước mặt, xách trở lại tặng, khách trở mắt ngạc nhiên "được tặng rượu nữa à, ngon lành vậy ..."

Màn cuối dọn dẹp, chị PH sực nhớ ra điều gì

- Hai chai rượu anh Hải cho tụi mình đâu rồi?

- Ui ...em mô có nhớ, sau hai lần thất bại, bán được sách cho hai người khách quý, thấy được giá trị của sự thành công, nên quên rượu của mình ...lấy đi tặng luôn.

Chị PH cười hỷ xả

- Ủ thì cho họ đi, chứ mình đâu có uống

Tôi hơi tiếc rẻ

- Em không uống nhưng muốn sưu tầm nhãn dán ngoài chai rượu đủ bốn mùa, hi...hi...thôi quên đi.

Phần tổng kết tiền bạc thiệt là phấn khởi không còn lo lắng nữa, chị em dọn số sách còn dư vào thùng, ra về trong hân hoan, giao lại các việc cho thầy Phạm Thái (trưởng ban biên tập).

Trời bên ngoài lạnh buốt đã ngả màu hoàng hôn. Tôi vừa bước ra cửa thấy đằng xa ...không biết thầy Thái vì mệt phờ sau thời gian layout, edit và lo chuyện in ấn, sức yếu đẩy sách không nổi hay sao, tôi thấy thùng sách "lăn chiền đồ đền" văng ra ngoài, không biết thầy có bị té? Chỉ thấy thầy ngồi bệt lượm từng cuốn sách, gió thổi bay tóc tai xơ xác. Chị PH đi tới gần và tôi phía sau lưng cũng chỉ đứng nhìn không giúp được gì, vì hai tay ôm sách, ôm nước, ôm các thứ linh tinh.

Nhìn hình ảnh đó tôi vừa cảm động, vừa quý mến cảm kích ban biên tập, ban điều hành vô cùng, kể cả cựu hội trưởng Chinh Nguyên đang dưỡng bệnh nhưng luôn âm thầm giúp đỡ đằng sau, lo âu sắp đặt mọi việc trong ngoài. Phải chăng đây là những hoài bão được áp ủ, chung vai sát cánh thực hiện bằng tất cả niềm đam mê "A book is a dream that you hold in your hand" (mỗi cuốn sách là một giấc mơ mà bạn cầm trên tay), nên đã say sưa lặn hụp biển Văn Thơ Lạc Việt, nâng niu giữ gìn nền văn học, bảo tồn tiếng mẹ đẻ, bỏ công sức gánh vác ngà voi như vậy.

Riêng tôi cái duyên tự đưa đến chuyện bán sách, tiếp xúc biết bao nhiêu đối tượng đã mấy chục năm qua tại chùa Phổ Từ, luôn nhớ cách cư xử của bà bán xấp áo dài nơi chợ Đông Ba ngày xưa, để tự răn mình chớ động tâm, chớ khúc mắc, Được và Không dung hoà thành điều bình thường mà sống "tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến", để chịu nhất khi áp dụng hai chữ "cảm ơn" và "xin lỗi".

Tuy nhiên trong việc bán buôn này cũng cho tôi nhiều kỷ niệm, nhiều niềm vui đầy ngoạn mục. Chỉ mong tôi có dư thời giờ để đọc sách vì “Chính từ sách mà những người khôn ngoan tìm được sự an ủi khỏi những rắc rối của cuộc đời” (Victor Hugo). Tôi muốn bắt chước sự “khôn ngoan” đó.

Các anh chị và bạn đã có tập Đặc San Xuân do cơ sở Văn Thơ Lạc Việt phát hành chưa? ■

Minh Thúy Thành Nội

Tháng 1/2023

Món Quà Hoàn Hảo

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Mấy ngày hôm nay, thành phố Houston và luôn cả tiểu bang Texas trải nghiệm một cơn sóng nhiệt (heat waves) nóng đến độ có thể làm chết người. Cả miền Nam nước Mỹ bị bao phủ bởi hệ thống khí quyển với áp suất cao. Mùa hè nắng chói chang nhưng hơi nóng không có chỗ nào để thoát bởi vì hệ thống áp suất cao này đè xuống nên giống như nồi áp xuất. Ánh nắng mặt trời bị giữ lại ở trong không trung giống như nhà trồng cây có tấm ni-lông che phủ. Buổi trưa nhiệt độ lên đến 43 độ C. Công ty điện lực kêu gọi mọi người bớt dùng máy lạnh trong ngày vì nhu cầu xài điện quá cao. Đang ở trong nhà có máy lạnh, bước ra ngoài đường, cái nóng hắt vào mặt giống như mình đang đứng trước lò than. Một trong những phát minh của Thế Kỷ 20 mà có nhiều ảnh hưởng nhất đến cuộc sống hiện tại nhưng ít ai để ý đến đó là máy lạnh. Xã hội ngày nay không thể phát triển ma chóng trong vòng một thế kỷ nếu không có máy lạnh. Bạn cứ thử tưởng tượng đi làm ở trong văn phòng hoặc công xưởng mà không có máy lạnh xem sao? Bạn có thể làm việc, họp hành hoặc sinh hoạt bình thường giống như khi có máy lạnh được không? Xã hội nông nghiệp thời xưa thì có thể sinh hoạt ngoài trời. Nhưng một xã hội công nghiệp ngày nay thì không thể sống như vậy được. Khoa học đã chứng minh ở trong môi trường nóng, con người ta chỉ còn nghĩ đến việc giải nhiệt để bảo tồn sức khỏe giống như khi cơ thể của chúng ta bị stress. Vì vậy người ta dễ trở nên khó chịu, hoặc bị chia trí do đó năng lượng làm việc sẽ bị suy giảm.

Dòng xe cộ hối hả chạy giữa buổi trưa hè giống như một bầy gián đang muốn tránh nắng. Nhưng khi nhìn kỹ, chúng ta sẽ thấy một chiếc xe Camry màu trắng chạy chậm chậm trước một căn nhà như đang phân vân không biết có muốn ghé lại hay không. Người tài xế là một thiếu phụ Á Đông khoảng hơn năm mươi tuổi. Chị đã lái xe đi ngang qua căn nhà này hai lần rồi và lần này chị quyết định quay xe trở lại và lái vào trong sân. Đây là một căn nhà tư nhân nhưng ở ngay bên đường lớn nên người ta dùng nó vừa làm nhà để ở vừa làm một cơ sở thương mại có sân đậu xe với một cây sồi khá lớn ở phía trước. Một tấm bảng vẽ hình một bàn tay được dựng ở phía trước để có thể nhìn thấy từ ngoài đường. Người đi đường nhìn vào có thể biết đây là một dịch vụ bói toán. Ngoài những quảng cáo bằng tiếng Anh còn có hàng chữ bằng tiếng Việt giới thiệu tài năng bói toán của Cậu Tám. Chính những hàng chữ tiếng Việt này đã làm cho chị Mỹ chú ý và khiến chị đã lái qua rồi mà vẫn quay xe lại để đọc cho kỹ. Tâm trạng của chị lúc này đang rối bời và chị cho rằng đây là một dấu hiệu giúp cho chị giải quyết hoàn cảnh của mình. Đến khi lái xe ngang qua lần thứ ba và chắc chắn là chị đã đọc thấy hàng chữ “Tham Khảo Miễn Phí”, chị nhất định lái xe vào.

Chị Mỹ chưa hề thấy mặt bố mẹ ruột của mình. Mẹ của chị sau khi mang thai chị với một người lính Mỹ da đen đã đem chị bỏ vào trong cô nhi viện cho các bà sơ nuôi. Người lính Mỹ đen sau khi hứa hẹn sẽ trở về Việt Nam đón mẹ chị đã biến mất tăm khi trở về Mỹ. Mẹ của chị như bè trôi, không tạt vào bến này cũng dạt vào bến khác. Sau khi sinh ra chị, bà lại cặp với người yêu mới và theo ông về Mỹ năm 1972. Các bà sơ đặt cho chị tên thánh là Catalina và tên Việt Nam là Nguyễn Mỹ Huyền vì màu da của chị đen huyền như người bố Mỹ đen của chị. Sau năm 1975, cô nhi viện bị đóng cửa, các sơ phải phân tán khắp nơi. Họ đã nhờ một gia đình vợ chồng già nuôi nấng chị. Năm 1982, khi Mỹ có chương trình nhập cảnh cho con lai Mỹ, một gia đình giàu có xin mua chị từ cặp vợ chồng già. Hai vợ chồng già biết họ cũng không có khả năng nuôi nấng chị nên đã chịu bán chị với giá 20 cây vàng. Họ mong rằng chị sẽ được một tương lai tươi sáng hơn ở nước Mỹ. Khi chị về với gia đình mới, họ gọi chị là con Mỹ cho tiện. Từ đó chị Mỹ Huyền trở thành chị Mỹ hoặc là My đối với người Mỹ. Nếu không có

tên My này thì không ai biết chị là người Việt Nam. Kể từ lúc này, chị Mỹ không còn mặc cảm mình là một đứa con lai, con rơi con rớt ở trong xã hội Việt Nam. Nhưng cuộc đời của chị vẫn chưa hết sóng gió khi được đi Mỹ. Năm 18 tuổi chị từ giã gia đình cha mẹ nuôi để dọn ra riêng. Từ lúc đó đến bây giờ chưa lúc nào đời sống của chị được thoải mái về tiền bạc cũng như tinh thần.

Chồng của chị, anh Lai cũng là một người con lai Mỹ. Da cũng anh đen bóng như người bố Mỹ đen của mình. Câu chuyện đời của anh Lai cũng giống như chị Mỹ chỉ khác là anh là con trai còn chị Mỹ là con gái. Mẹ của anh Lai bỏ anh lại cho mẹ mình nuôi và theo người chồng mới về Mỹ khi người Mỹ rút khỏi Việt Nam năm 1972. Bà ngoại của anh gọi anh là thằng lai nên từ đó tên của anh trở thành Lai luôn. Thời thơ ấu của anh Lai là những cuộc ẩu đả khi bị những đứa trẻ khác châm chọc vì anh da đen. Cũng giống như chị Mỹ, anh Lai được một gia đình giàu có mua về để họ được đi Mỹ. Qua đến Mỹ, anh Lai vì đã quen đánh nhau từ hồi nhỏ nên anh nhanh chóng nhập băng đảng với tánh gan lì và mặc cảm thua kém của anh. Chỉ trong giới giang hồ anh mới cảm thấy được mọi người kính nể với với biệt hiệu “Lai Đen” của anh. Dĩ nhiên là không ai sống trong giới giang hồ mà không phải vô tù năm khám nên anh Lai cũng đã từng phải bóc lịch ở trong tù. Khi cặp với chị Mỹ, anh Lai thề quyết từ bỏ đời sống giang hồ. Tuy nhiên, những thói chơi bời thời còn làm đàn anh chị không dễ gì mà bỏ được nên anh Lai vẫn thích nhậu nhẹt, cờ bạc với bạn bè. Thói quen cờ bạc của anh chính là lý do làm cho chị Mỹ phải hoang mang, bối rối đi tìm thầy bói để gỡ rối tơ lòng.

Khi chị Mỹ mở cửa bước vào, Cậu Tám liếc mắt nhìn chị Mỹ một cách kín đáo và nhanh lẹ để đánh giá con mồi của mình. Nhìn nét mặt hoang mang của chị, Cậu đã đoán chị đang gặp bối rối vì chồng hoặc con cái. Cậu để ý đến những nữ trang đang đeo ở trên người của chị. Cậu có thể đoán được cá tánh của chị qua sự chọn lựa nữ trang này. Cậu chú ý đến sợi dây chuyền ở trên cổ của chị. Chị Mỹ đeo một cây thập giá nhỏ bằng vàng. Cậu cảm ơn Trời Phật đã đem đến cho Cậu một con mồi dễ dàng. Kinh nghiệm cho hẳn biết, người có đạo Công Giáo dễ dàng cho hẳn lừa đảo vì họ đã tin vào Thiên Chúa của họ. Hẳn chỉ cần dựa vào Thiên Chúa và điều khiển đức tin sẵn có để họ tin vào điều mà hẳn muốn và mọi tiền của họ một cách dễ dàng. Một khi mà họ đã tìm đến hẳn có nghĩa là họ không còn tin vào Chúa hoặc niềm tin đó đã lung lay. Thay vì phải thuyết phục cho người ta tin vào thần thánh, hẳn chỉ cần khơi lại niềm tin của họ vào Chúa. Điều này rất dễ dàng đối với những người vốn đã có sẵn đức tin nồng nặc.

Hắn bước ra chào chị Mỹ và nói với chị:

- Tôi hôm qua tôi nằm mơ thấy một bà hiện ra nói với tôi rằng hôm nay sẽ có một phụ nữ khác người đến với tôi để tôi giúp đỡ. Người đó chắc chắn phải là chị vì khi tôi nhìn chị là thấy chị khác người liền.

Lập tức chị Mỹ nghĩ ở trong đầu, “Bà nào đây? Chắc chắn phải là Đức Mẹ rồi.” Chị luôn luôn cầu khẩn cùng Đức Mẹ thương cứu giúp chị. Trong lòng chị cũng cảm thấy ấm áp khi được Cậu Tám khen chị khác người.

Cậu Tám nói tiếp:

- Trong người chị đang có ám khí. Tôi có thể thấy nó ở trong vía của chị. Cái ám khí này nó tạo nên khó khăn trong đời sống và ảnh hưởng đến những người ở xung quanh chị. Có thể là chị bị ai ghét bỏ bùa chị.

Chị Mỹ nghĩ Cậu Tám nói thật đúng. Đạo này chị làm được bao nhiêu tiền xài cũng hết. Còn anh Lai thì cứ tối ngày đi đánh bài rồi thua hoài. Chị đang lục lọi ở trong đầu không biết đưa nào làm chung ở trong tiệm nail đã bỏ bùa chị thì Cậu Tám đã mời chị bước vào phòng trong. Ở giữa phòng có một cái bàn dài giống như bàn để người ta nằm làm mát-xa. Hẳn biểu chị leo lên bàn nằm. Giống như một bệnh nhân trong phòng khám bệnh của bác sĩ, chị Mỹ ngoan ngoãn leo lên bàn nằm chờ đợi. Cậu Tám mở tủ lạnh lấy ra một trái trứng gà và giải thích:

- Tôi sẽ dùng trái trứng này để hút ám khí ra khỏi người chị. Chị cứ nằm yên đừng nhúc nhích.

Cậu Tám lăn trái trứng trên khắp người chị. Trái trứng chạm da thịt chị ở chỗ nào, chị cảm thấy nổi da gà ở chỗ đó. Sau đó Cậu Tám kêu chị ngồi dậy. Hẳn lấy một cái tô bằng sành khá lớn, có vẽ nhiều chữ Hán ở ngoài. Hẳn đập trái trứng lên trên miệng tô và đổ vào trong. Chị Mỹ cảm thấy như muốn buồn nôn khi nhìn vào trong tô. Ở trong tô là lòng trứng gà đã trở nên đen xì. Cậu Tám nhìn kết quả ở trong tô và tuyên bố:

- Ám khí ở trong người chị nhiều quá. Tôi không thể hút hết ra được. Tối hôm nay tôi sẽ phải cầu xin bà đã hiện ra ở trong giấc mơ của tôi để xin giúp sức. Tôi muốn chị trở lại đây ngày mai.

Chị Mỹ e ngại vì không biết tốn kém bao nhiêu trong lúc chị còn đang thiếu tiền nhà tháng này. Chị hỏi:

- Thưa Cậu, chuyện này sẽ hết bao nhiêu tiền?

Cậu Tám trả lời:

- Bà thánh nói cô phải dâng cúng tất cả những gì cô có để tỏ lòng thành kính với thần linh. Hiện tại tôi biết cô đang có \$500 ở trong nhà băng. Cô hãy rút hết ra và mang lại đây ngày mai để dâng cúng cho bà. Bà sẽ chữa lành cho cô. Khi hết bị tà khí thì cô sẽ kiếm tiền lại dễ dàng những gì mà cô đã dâng cúng cho bà thánh.

Buổi sáng hôm nay ở trong nhà băng của chị Mỹ chỉ còn đúng \$500. Anh Lai lại lái xe đi Louisiana chơi bài nữa. Chị đang lo sợ là nếu anh thua thì cuối tháng này chị sẽ không có đủ tiền để đóng tiền nhà. Đây là lý do xui khiến chị quyết định ghé vào Cậu Tám để xem anh ấy chơi bài sẽ thắng hay thua. Không ngờ là Cậu Tám đã biết được ở trong nhà băng của chị có bao nhiêu tiền. Cậu Tám này thật là thiêng. Chị nghĩ đây đúng là ý Chúa và Đức Mẹ đã xui khiến để chị gặp Cậu Tám để giúp cho chị. Nếu Đức Mẹ muốn chị dâng cúng tất cả những gì chị đang có thì chị cũng sẽ vâng lời. Cậu Tám còn dặn là chị không được nói cho ai biết, nếu không thì tà ma sẽ nhập vào người đó và họ sẽ cản trở không cho chị gặp Cậu Tám để giúp chị trừ tà. Cậu Tám bảo chị về rút tiền và hẹn sáng mai trở lại. Thầy còn lại dặn chị thêm một lần chót là không được nói cho chồng chị biết.

Sáng hôm sau, anh Lai đi chơi bài về và vui vẻ hơn bình thường. Chị có một linh tinh không ổn nên nhờ anh Lai chở chị đi đến nhà Cậu Tám. Anh Lai có hỏi lý do nhưng chị không dám nói thật vì sợ anh sẽ ngăn cản chị giống như Cậu Tám đã dặn chị trước. Tối hôm qua anh Lai đánh bài thắng vì vậy anh đang vui vẻ trong lòng nên sẵn sàng chiều vợ sáng hôm nay mà không cần biết chị muốn gì. Đến nơi, chị dặn anh ngồi ở ngoài xe chờ chị, rồi chị đi vào một mình. Cậu Tám đang ngồi chờ ở trong nhà. Khi chị đưa tiền, Cậu Tám nhận tiền và cất vào tủ mà không thèm đếm. Cậu nói chị vào nhà trong và lên bàn nằm như lần trước. Lần này Cậu Tám không lăn trứng mà đốt trầm hương ở trong một cái bình

hương nhỏ có buộc một sợi giây xích. Cậu vừa đi xung quanh cái bàn nơi chị nằm, miệng thì lầm bầm đọc thần chú, tay thì đưa cái bình hương lắc qua lắc lại trên người chị giống như các linh mục Công Giáo xông hương trên bàn thờ. Mùi hương làm cho chị Mỹ cảm thấy người lâng lâng. Thân hình chị giống như đang bay bổng, chân tay chị không còn cử động được nữa. Chị nghĩ nếu lúc này mà Cậu Tám đè chị ra mà hiếp thì chắc chị sẽ không đủ sức chống cự. Ý tưởng này làm khả năng sống còn của chị thức dậy. Chị thấy xương sống ớn lạnh và biết rằng mình không nên nằm ở đây nên ráng lấy hết sức bình sinh để ngồi dậy. Nhưng cơ thể của chị lẻo bẻo giống như một cọng bún không tự chủ được. Cuối cùng chị lấp bắp thốt lên “Chúa Mẹ ơi cứu con” rồi ngồi dậy. Chị định thần, nhắm hướng cửa trước mà loạng quạng chạy ra.

Cậu Tám nhìn theo chị Mỹ tiếc rẻ. Không phải là hấn thềm muốn gì thân xác chị. Hấn chỉ thích sờ mó những cô gái còn trẻ thôi. Đàn bà sồn sồn như chị Mỹ hấn không thềm đụng tới. Hấn chỉ tiếc là chỉ mới moi được \$500 của chị. Khói hương mà hấn vừa mới xông cho chị không phải là trầm hương bình thường mà là một loại nấm ảo giác làm cho người ta mê hoặc giống như thuốc phiện. Khi chị Mỹ đã lọt vào trong mê hồn trận của hấn rồi thì hấn dễ dàng sai khiến chị. Hôm qua hấn đã khéo léo dụ dỗ chị bằng cách dùng uy quyền Đức Mẹ của người Công Giáo. Hấn hù chị bằng cái mẹo lòng trứng gà bịt đen. Cách làm lòng trứng gà đen cũng dễ thôi. Hấn dùng một loại kim chích thật nhỏ để tiêm hóa chất vào trong trứng rồi dùng keo bịt lại. Chị Mỹ cứ tưởng rằng ám khí của chị đã nhập vào trái trứng nhưng chị đâu biết rằng trái trứng đã hư vì hóa chất. Hấn đưa đại ra con số \$500 ở trong nhà băng chỉ là để thử chị thôi chứ thật sự hấn đâu có biết ở trong nhà băng của chị Mỹ có bao nhiêu tiền. Nhưng kỳ lạ thay, con số này trùng với số tiền mà chị Mỹ đang có. Nhưng đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi. Trong khi đó, chị Mỹ lại tưởng đây là một quyền phép của Cậu Tám. Nếu như ở trong nhà băng của chị Mỹ có \$5000, thay vì nghi ngờ khả năng tiên đoán của hấn, chị sẽ mừng hứm vì hấn đã đoán sai và chị chỉ phải dâng hiến cho Đức Mẹ \$500 thay vì \$5000. Vì vậy Cậu Tám không sợ là mình đoán sai vì người ta luôn luôn nghĩ đến điều có lợi cho họ mà quên đi sự thật. Hấn chỉ sợ là người ta tiếc \$500 mà không trở lại. Cuối cùng hấn đã cẩn thận cấm không cho chồng chị biết vì đàn ông hay làm hư hỏng đường bột kế hoạch của hấn. Thế mà rốt cuộc con mèo vẫn vượt ra khỏi cạm bẫy. Hấn không sợ Thiên Chúa trừng phạt hấn nhưng hấn nghĩ rằng chắc Thiên Chúa của chị đã cứu chị ra khỏi bàn tay của hấn.

Chạy ra được đến xe, mở cửa và leo được lên xe rồi, chị Mỹ mới hoàn hồn. Người chị toát mồ hôi ra như tắm. Chân tay của chị run lẩy bẩy như người đang bị sốt rét. Miệng của chị thì đắng ngắt. Đây là những triệu chứng sau khi cơ thể con người ta tiết ra nhiều chất hoặc môn adrenaline để giúp họ phản ứng nhanh chóng khi gặp nguy hiểm. Chị hỏi anh Lai lái xe ngay ra khỏi chỗ đó. Khi xe đi xa rồi chị mới bắt đầu òa lên khóc. Anh Lai hỏi chuyện nhưng chị không đáp mà chỉ tiếp tục khóc nức nở như để trút hết mọi ám khí ở trong người chị. Sau cùng thì chị cũng kể lại cho anh Lai nghe tất cả những gì đã xảy ra. Anh Lai hối hận vì tánh mê cờ bạc của mình đã làm cho vợ mình liều mạng. Anh hứa với chị là từ bây giờ về sau anh sẽ từ bỏ cờ bạc. Nghe anh Lai thề thốt, chị Mỹ cũng cảm thấy mát lòng mát dạ. Nhưng chị biết tánh của anh chỉ nói mạnh như vậy rồi cuối cùng cũng tánh nào tật ấy. Chị nghĩ lại cuộc đời của hai đứa mà ngậm ngùi cho thân phận của những người luôn luôn phải sống bên lề xã hội. Chị Mỹ và anh Lai họ sẽ không bao giờ được người Mỹ chấp nhận cho dù ngoại hình của họ không khác gì người Mỹ đen. Nhưng ở trong cộng đồng người Việt Nam, họ vẫn là những đứa con lai, những người khác người. Chị nghĩ có lẽ suốt đời anh Lai bị mặc cảm về thân phận mình hoặc bị người khác khinh thường nên anh đã lao đầu vào những cuộc ẩu đả và cờ bạc để quên đi mặc cảm đó. Phần chị, chị cũng không hơn gì anh Lai. Chị cũng có những bầm dập, những thú vui của chị để khóa lấp mặc cảm tự ti của mình. Họ như những con mèo ghẻ bị xã hội hắt hủi nên tìm đến nhau.

Chị Mỹ tự hứa với mình là sẽ tha thứ cho anh Lai mặc dù chị biết rằng anh Lai sẽ tiếp tục làm cho chị thất vọng. Không có điều gì trái ngược hơn là tha thứ cho người khác khi biết rằng họ sẽ tiếp tục tái phạm. Cũng như muốn thay đổi kết quả mà không thay đổi hành động thì còn gì ngu dốt bằng. Nhưng chị Mỹ tin rằng nếu Chúa muốn chị tha thứ cho anh Lai, thì Chúa sẽ thay đổi anh Lai. Chị không biết Chúa sẽ thay đổi anh ấy lúc nào. Biết đâu đến khi gần chết anh Lai mới thay đổi. Nhưng nếu chị bỏ cuộc bây giờ thì chị sẽ không được hưởng phần thưởng mà Chúa hứa sẽ trao ban cho những người đã kiên trì đến giây phút cuối cùng. Giống như những người chạy marathon cho khi về đến đích mà không bỏ cuộc giữa đường thì mới được lãnh huy chương. Bài học mà chị vừa mới học được là không có một giải pháp nào dễ dãi, không có thể bỏ tiền ra cầu cúng thần linh mà có được. Nó đòi hỏi một đức tin tuyệt đối nơi Thiên Chúa để có thể chịu đựng, tha thứ và yêu thương anh Lai mặc dù anh có những thiếu sót của con người. Chị phải chấp nhận anh Lai chính là món quà hoàn hảo mà Thiên Chúa đã trao tặng cho chị. Nhưng chị Mỹ chỉ có thể thấy được sự hoàn hảo của nó nếu chị chấp nhận ý của Thiên Chúa thay vì nhìn nó bằng ước muốn của chị. ■

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Houston. July 4, 2023. Nhân dịp lễ Độc Lập của Mỹ

ĐÓN CHUYẾN TÀU ĐI.

CAO MỸ NHÂN

Chiếc xe hơi không tốt lắm, của người thanh niên đã luống một chút tuổi già, chở Minh Nguyệt với tôi từ Bonn đi Dortmund, khi trời đã chiều sẫm sẫm tối.

Xa lộ ở Đức buồn vắng, không đông nghẹt như ở Mỹ, có vài đoạn exit bên tay trái, như vậy con đường đó phải một chiều.

Tôi quên hỏi và cũng quên ghi lại, lớn vồn ý nghĩ " mình sẽ không trở lại những nơi mình đã đi qua, vì quả là dư tiền, dư thì giờ mới làm chuyện lập lại đó.

Lý do đã rời VN, ra đi thế giới, đã thấy trên hành tinh này biết bao xứ sở đẹp, lạ.

Nếu có điều kiện vật chất, tiền bạc và sức khoẻ, thì cũng nên tới một nơi xa lạ khác, văn cảnh, cho biết thêm những công trình tạo dựng của đảng Hoá Công.

Thế rồi thì hôm sau, chúng tôi được quý vị ở địa phương đưa ra ga xe lửa đi Berlin. Trên đường sắt dài bốn trăm mấy chục cây số, chạy suốt chiều ngang nước Đức.

Berlin cũng là thành phố chia đôi tây, đông Đức thừa trước thập niên 90 thế kỷ vừa qua. Phong cảnh đôi miền đều mang phong cách Đức, nhưng bên phía tây thì giàu sang, tươi mát bao nhiêu, phía đông lạc hậu, cằn cỗi bấy nhiêu.

Hỏi chúng tôi qua Đức, vào 11/1994, tức bức tường Bá Linh mới kéo sập trước đó ít lâu, có đoạn gạch vữa còn ngổn ngang.

Xong việc, chúng tôi lại từ Đông Đức về Tây Đức bằng tàu hoả, tức xe lửa. Xe lửa hay tàu lửa, mà miền bắc VN kêu là tàu hoả.

Thừa xưa ở ngoài bắc, gia đình ba má tôi, đã đi những chuyến tàu từ Hà Nội lên Lao Kay, từ Hà Nội xuống Hải Phòng, phát xuất từ ga Hàng Cỏ Hà Nội đi các nơi vừa nêu, đã như in vào trí nhớ tôi, dù bây giờ còn niên thiếu .

Nên những lối vào chỗ lấy vé, để sau đó ra ga, chính thức nơi có những con tàu đang đậu, những con tàu sắp đến, hay những con tàu sẽ ra đi, tất cả đều cho ta cảm giác buồn ...

Tuy tôi vừa học xong tiểu học, mới lên đệ thất, tức lớp 6 bây giờ, thì di cư, nhưng tôi đã gần như ...bị xoáy mòn vào cảnh nhớ thương của những người ra đi, và kẻ ở lại.

Tôi thích ra ga xe lửa ở Hải Phòng, để nhìn thiên hạ tiễn biệt nhau:

Những ngày nghỉ học, tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.
(Tê Hanh 1921 - 2009)

Nỗi đau xót chia tay ở ga xe lửa thì có vẻ thật buồn, nhưng thực chất lại ...vui vui. Không biết có phải vì những chuyến chia xa đó đa phần là ngắn hạn.

E lâu lắm cũng chỉ ít ngày, vài tháng hay mấy năm, chứ rất hiếm khi xa cách tới cả đời. Chưa kể sau này người ta dùng xe lửa chỉ để chở hàng, để có phương tiện di chuyển đông người đi cắm trại.

Và như trên tôi trình bày về các chuyến xe lửa chạy dọc đường dài ở Đức hay ở Tiệp Khắc, mà chúng tôi có dịp đi ngang đâu đó vào giờ sớm, thì còn số hành khách xử dụng vài trạm dừng để đi làm nữa.

Khi đã di cư vô nam, tôi cũng đã lớn hơn, xe lửa đối với tôi lại thân quen dễ sợ...

Chúng tôi đi dự trại hè, trại họp bạn Hướng Đạo vv...bằng xe lửa Saigon - Đà Lạt, Saigon - Nha Trang.

Rồi lớn hơn nữa, khi tôi đã " đi lính ", thì Saigon - Đà Nẵng, xa hơn là Huế, Quảng Trị .

Tất nhiên, tôi vẫn có thể đi quân xa, đi xe đò, hay còng về sau, nhu cầu công tác, tôi phải xin các phương tiện máy bay quân sự và dân sự.

Có lẽ tôi bay nhảy nhiều quá, nên bây giờ tôi ...đau tim cũng phải.

Và, đàn con 4 đứa của tôi, cũng ... xục xịch tim luôn, vì cả khi tôi có bầu chúng, tôi vẫn lên trực thăng đi công tác ở các vùng đồi núi thuộc Quân Khu I. Mẹ chồng tôi có lần thốt: " Mì như cánh chim vậy bây, không biết sợ à ? "

Bên cạnh con đường chính đáng của nghề công tác xã hội, là những chuyến phiêu lưu lè, tôi vẫn không quên hình ảnh đón chuyến tàu đi đến những ga (của nhà thơ Tế Hanh tiền chiến) .

Song, nay tôi không cần phải thương vay, khóc mướn nữa , vì chính tôi phải đóng những vai trò kẻ ở hay người đi, tuy cũng chỉ là ngắn hạn.

Hôm nay anh gọi cho tôi bức hình có đôi đường sắt chạy tới vô cực.

Đôi đường sắt đó miền nam hay nói đường ray (railway), miền trung kêu đường xe lửa, người bắc thì vẫn gọi đường tàu hoả.

Tôi thấy cả 3 danh xưng này đều không nghe thơ mộng chút nào. Muốn cảm giác thơ mộng, nó, đường tàu đó phải đi kèm với những sân ga, những khách đến, kẻ ra đi, và người ở lại.

Anh đang cười là " răng mấy hôm ni cứ nói chuyện đi, chuyện ở hoài vậy ? "

Thì có gì đâu, tại bức hình chỉ chụp một đoạn đường sắt thôi, không có con tàu ở trên, nhưng rõ ràng khúc đường sắt đó đang cho con tàu nuốt chửng.

Một khúc đường sắt chọt mở ra trước mặt, giữa núi rừng đồng ruộng...thấy ngay hình ảnh con tàu sẽ chạy thật nhanh, hun hút ...

Tôi nói với anh là tôi đã cùng bạn dắt nhau đi trên đôi đường sắt ở đoạn ga Lăng Cô, mà một bên là rừng, một bên là đèo Hải Vân ...

Sao tôi có thể liều lĩnh thế, chỉ cần say mê tâm sự, không nghe tiếng còi tàu, là con tàu có thể cuốn phăng tôi đi giữa núi rừng.

Bởi vì con tàu chạy đường trường, mục đích của nó là những sân ga, không phải đôi đường sắt đó .

Năm 1958, một vị xếp ga nào đó ở miền nam, đã trúng số độc đắc (một triệu đồng).

Nhưng vì suốt đời ông ta phải sống với đường sắt, con tàu, sân ga ...và những người khách vui buồn lẫn lộn, ồn ào một lúc, lại hoang vắng mênh mông.

Bấy giờ tôi theo đoàn Nữ Hướng Đạo đi trại trường ở Vạn Giã Tu Bông, nên có dịp ra biển Đại Lãnh chơi, tình cờ ông xếp ga Đại Lãnh triệu phú đó đã mua xe hơi, chở gia đình đi chơi xuyên việt .

Ông xếp ga nêu trên, cho xe hơi dừng lại bên đường vô ga Đại Lãnh, để thấy rõ nỗi quạnh hiu của một trạm ngừng, còn gọi Ga Xếp .

Năm đó, tôi viết được tập thơ Ga Xếp, đã thất lạc, nhưng còn nhớ chút thơ trên đường tàu thăm thăm:

Một đôi đường sắt chạy song song
Đường nối tình em tới bạn lòng
Đường nối ga đời xa tít tắp
Anh về, em khóc, thể thôi xong... (Ga xếp CMN)

Quả là một nhà ga xe lửa, phải có đủ 4 yếu tố : Sân ga, đường tàu, con tàu và người đi kẻ ở.

Tại sao không nói hành khách, mà với xe lửa, tàu lửa hay tàu hoả, phải nhấn mạnh 2 giới chia tay.

Chia tay với tàu lửa, cũng chỉ cần người đi, kẻ ở nào đó đại diện cho cuộc tiễn biệt đầy màu sắc trữ tình lãng mạn thôi.

Bây giờ ngồi ngó lại trong tâm tưởng, nhà ga nào đẹp nhất VN. Có lẽ may ra, ga xe lửa Đà Lạt là tương đối sang hơn cả .

Các ga khác thì chỉ bình bình.

Sau này Ga Xe Lửa Saigon, ra Trung, Bắc, có trạm Nguyễn Thông trung ương, rồi đổi ra Bình Triệu. Nhưng tưởng là bề mặt ga rộng rãi thể, thì phải khoảng khoát, sạch sẽ, vệ sinh...

Dè đâu, càng rộng càng không kiểm soát được, họ đã biến sân ga, thay vì để đứng bơ vơ xem tiễn biệt, nếu không được như Ga Lyon đèn vàng của thi sĩ Cung Trầm Tưởng, thì cũng băng khuâng tình cảm như ga của Tế Hanh tiền chiến...

Đằng này, ga trung tâm Saigon, đã đổi tên " Thành Hồ, kể từ sau ngày vô cảm 30-4-1975, lại là chỗ chứa hàng chuyên buôn thua bán lỗ, ga là chỗ chứa nước tắm giặt ngay giữa thanh thiên bạch nhật ...

Ôi thôi , chẳng còn gì thơ với mộng, bởi vì với csvn nhà cầu không được đánh giá cao, thì cũng xin giữ chút thể diện cho ga, nếp văn hoá xa xưa còn lại.

Chớ trời ôi, ngay giữa sân ga nặc nồng mùi xú uế do tiêu tiêu của " người đi, kẻ ở " ba vạ, nên tôi chả dám đọc thơ khoe với anh: " tàu đi mất nửa ngày nhưng nhớ, mất nửa ngày nghe gió thổi dài..." nữa.. ■

CAO MY NHÂN



THƯ GỬI BẠN

CÁI “DECK” NHÀ TÔI

NGUYỄN GIỤ HÙNG



Sáng sớm hôm nay, khi tỉnh dậy, công việc đầu tiên tôi nghĩ tới là phải cạo sạch cái “deck” (sàn gỗ) sau nhà.

Bước ra vườn, tôi thấy trời đẹp quá. Thời tiết San Jose đang đổi sang lạnh lạnh, cái lạnh lạnh của mùa thu. Nhìn quanh vườn, chẳng thấy thu đâu, chẳng thấy lá vàng bay mà tôi chỉ thấy cô hàng xóm, cái cô gầy đét cuối ngõ, đang vén quần, trốn mẹ, nhảy hàng rào, dáo dác tìm tôi.

Nhắc đến cô hàng xóm này, tôi như chợt nghĩ tới một điều gì, một điều có liên quan đến cái deck nhà tôi. Tôi xin cố nhớ để kể các anh nghe. Hôm ấy, một ngày đẹp trời, không phải cái đẹp man mát của mùa thu với lá vàng rục rờ mà là cái đẹp “nóng và bông” của mùa hè oi bức. Tôi cong lưng mài cái deck sau nhà với chiếc máy mài (sander) vừa mua với giá 49,99 đô-la ở Home Depot.

Dưới cái nắng gay gắt, nhiệt độ trôm trôm 100 độ F, tôi cứ phải cong lưng mài riết, mài và sơn cái deck cho kịp theo lời vợ dặn. Tôi còn nhớ, hôm đó, khi tôi đang mài deck thì “kính koong”. Tiếng chuông ngoài cửa vừa

dứt tôi đã nghe thấy những bước chân nặng nề bước vào nhà, hai quan ngài (bạn đồng niên) hàng xóm ngõ bên, đang lồm khồm sang chơi. Tôi định buông chiếc máy mài vào tiếp hai ngài thì hai ngài đã vội xua tay:

- Tiếp tục làm! Tiếp tục làm!

Tôi còn dờ tay, người đầy những bụi gỗ nên đành để hai ngài ngồi chơi với nhau. Hai ngài “self serve” nước uống lẫn "enjoy" TV với trận đấu bóng đá.

Tôi lại tiếp tục cong lưng và cong lưng làm việc dưới cái nắng thiêu người.

Chợt một ngài bước ra *deck*, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống cái *deck*, nói một chữ duy nhất “Đếch!”, rồi lảng lạng quay vào.

Tôi hiểu ý ngài là muốn ra một đề tài cho tôi để viết bài gửi đến anh em trong làng, ngoài ngõ khu mình. Tôi đếch hiểu ý ngài, "*đếch*" tiếng Việt hay "*deck*" tiếng Mỹ đây. Cả hai phát âm đều là "đếch" cả. Ngài khó hiểu như đức Phật, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất mà phán:

*Thiên thượng thiên hạ,
Duy ngã độc tôn.
Sinh tử vô lượng,
Ư kim tận hĩ.*

(Tôi hiểu nôm na và rất lờ mờ là: Trên trời, dưới đất. Tất cả do tâm tạo ra. Vì cái làm có trên có dưới nên mới lọt vòng sinh tử mãi mãi. Và vì nhận biết được như vậy nên từ nay trở đi ta vui sướng vô cùng.)

"**Đếch**" tiếng Việt thì quả thật đây là một tiếng thuộc ngôn ngữ, một thứ ngôn ngữ bất cứ thằng Tây nào học tiếng Việt cũng phải "học máu mồm". "Đếch" là một trong những chữ có chức năng thật *đa dạng* làm sao! Nó đa dạng như những "tiếng cười" của dân ta vậy. "Đếch" còn là một từ ngữ có tính "*văn hoá cao*" của ngôn ngữ bình dân ta nữa. Này nhé:

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *phủ định*:

- Đếch có, đếch được, đếch phải.

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *phản kháng*. Trong trường hợp này đôi khi tiếng "đếch" mang đầy ý nghĩa của uy quyền nên những đại danh từ dùng với nó thường có danh xưng là "ông" hay "bà".

- Ông đếch làm, bà đếch học.

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *thách thức*:

- Làm đếch gì được ông!

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *chê bai*:

- Làm ăn chẳng ra cái đếch gì cả.

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *ngghi vấn*:

- Thế là cái đếch gì?

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *xuề xòa*, sao cũng được:

- Thôi! cái đếch gì cũng được, đem ra đây nhậu.

*/ Tiếng "đếch" mang ý nghĩa *số nhiều lần bao gồm*:

- Ôi! Cô đéch nào còn trẻ mà chẳng đẹp.

*/Tiếng "δέch" mang ý nghĩa của *thán tán từ*:

- Ngon đéch chịu được!

"Đéch" thì giàu có lắm, cứ ngồi nghĩ thêm một tý nữa là ta sẽ có thêm một loạt trường hợp để dùng với chữ "δέch" này.

Chữ "δέch" có đũa em song sinh, đó là chữ "*cóc*". Ta cứ nhập nhằng thay chữ "δέch" này bằng chữ "cóc" thì ta cũng khó nhận ra được sự khác biệt của chúng. Nhưng cái âm thanh "cóc" nó thanh tao hơn "δέch" nên đành nhận phân làm em. Có những chữ đứng bậc cha chú của "δέch" nhưng tôi xin miễn kể ra đây vì cái âm thanh "eo éo" của nó.

Đây là chữ "Đéch" tiếng Việt, thế nếu là **chữ "Deck" tiếng Mỹ** thì sao nhỉ? Cái này mới thật là khó. "Deck" thì có cái đéch gì đâu mà viết, mà kể lể. Cứ xếp những thanh gỗ dài và hẹp lại với nhau là thành cái "deck" rồi, nó nghèo nàn ý nghĩa như cái nghèo của kinh tế Mỹ hôm nay, nợ như chúa Trôm. "Bí" thế này thì chỉ còn cách kêu cứu với cô hàng xóm. Tôi gọi toáng:

- Đet ơi, có nhà không, sang với anh một tý, một tý thôi.

Cô Đet đáp vọng sang:

- Em sang ngay, làm cái đéch gì mà gọi nhắng lên thế? Sao anh không gọi con Mộng mậ đầu ngõ.

Nói vậy nhưng Đet vẫn lén nhảy hàng rào chạy sang. Dưới trời nắng chang chang, Đet thấy tôi cong lưng đẩy cái máy mài, đứng cười cười rồi bẽn lẽn nhõng nhõng đưa đưa chiếc thân gậy ôm tong teo hỏi:

- Anh đang làm cái đéch gì vậy?

Đang lúc nóng gân chết nên dễ sinh ra cáu kính, tôi định hỏi lại:

- Đéch có mát à, còn phải hỏi?

May mà tôi kịp lại được ngay.

Cái cô Đet hàng xóm nhà tôi tên thật là Liễu, một thứ liễu yếu đào tơ, một thứ liễu "*diet*" (nhịn ăn cho gầy vì tưởng gầy là đẹp) nên chỉ còn có da bọc lấy xương. Ông hàng xóm đặt tên cho cô là Đet, ông bịa giải thích "đet" là tiếng Việt cổ ngày xưa, "đet" nghĩa là "đẹp", người ta nói trọ ra thành "đet" như thế cho sang, cho quý phái. Liễu nghe thế nên cứ bắt tôi phải gọi cô là Đet. Cô chẳng thể hiểu nổi cái ngôn ngữ phong phú của dân ta nên tôi thôi, đành phải gọi cô là Đet vậy.

Đet chọt lên tiếng:

- Anh gọi Đet sang làm giúp hả?

Tôi đáp:

- Không, gọi em sang để nói chuyện "phia" (nói dóc) về cái "deck" thôi, anh đang "bí".

- Thôi cho em làm đi, em thích làm cơ. Cô lắc lư chiếc thân gậy gò, nhõng nhẽo năn nỉ.

- Thế em có kinh nghiệm gì về mài không?

- Có, có! Em biết mài từ khi em còn ở trong bụng mẹ cơ.

- Cái gì! Đet nói cái gì!?

- Mẹ em nói từ khi em còn ở trong bụng Mẹ, Mẹ đã phải mài nhiều lắm, mài ngày không đủ, tranh thủ mài đêm.

Tôi tròn tròn mắt hỏi:

- Mẹ em mài cái gì mà ghê thế?

Cô trả lời ngay:

- Mẹ em nói "mài đũng quần" ở trường học, ngày đi học trường công, tối học trường tư. Anh cho em mài đi!

Tôi bật cười với ý nghĩ vô tư của Đẹt. Tôi đưa cái máy mài cho cô, hỏi thêm:

- Mẹ em hôm nay đi đâu mà để em tròn sang anh vậy?

- Mẹ em đi "đĩ ngựa".

- Cái gì? Tôi giật giọng hỏi.

Cô lặp lại:

- Bạn mẹ em chết, người ta chôn bà ấy ở "đĩ ngựa". Mẹ em đi đưa.

- Trời ơi! "Nghĩa địa" chứ không phải là "đĩ ngựa".

- Ai mà biết, mỗi khi em lén đi chơi khuya về, mẹ em trông thấy lại xia xối mắng: "Tao chôn mày! Đĩ ngựa!".

- À ra thế! Tôi lăm bắm một mình.

Đẹt chuẩn bị làm, cô quỳ hai chân, chống hai tay, chống mông lên trời đánh vật với cái máy mài. Thân thể cô, từ xương sườn, xương hông đến xương chậu cứ như long lay xiêu vẹo trong bộ quần áo trắng mỏng, thùng thình rộng cổ của cô mỗi khi cô xoa tay mài. Cô mài đến đâu, bụi gỗ bay đến đấy, xoàn xoạt ngầu nghiêng những mảng gỗ mà cô vừa xoa tay qua. Tôi chợt nghĩ đến câu của các *cụ bà* ngày xưa:

Mẹ ơi con chỉ lấy anh thợ bào

Khom lưng anh đẩy cái nào cũng ... (đáng) "yêu".

Nhìn cô hàng xóm nhà tôi, tôi nghĩ, chắc trong trường hợp này các *cụ ông* nhà ta xưa hẳn phải có câu:

Mẹ ơi, con chẳng (dám) lấy cô thợ mài,

Đưa tay xoa nhẹ (dấu có) anh tài cũng ... "tiêu".

Ô kia kia ... Ô kia kia! (bài hát). Vô tình tôi nhìn thấy qua "khung cửa mùa thu" rộng thùng thình theo kiểu "cổ áo bà Nhu", cô có cái rón lồi. Mọi thứ thì bé chỉ có cái rón lồi là to. Với cái nhìn thanh khiết của một nhà thám tử, tôi biết được "nguồn cội" của cô, cô được sinh ra tại một nơi, nơi ấy người ta cắt rón trẻ sơ sinh bằng miếng nứa miếng tre.

Nghe tiếng máy mài chạy ồn ào, chắc hai ngài tỉnh giấc lò dò ra góp chuyện.

Tôi giới thiệu hai ngài với cô. Cô chào ngài thứ nhất một cách kính cẩn:

- Cháu chào Bác ạ!

Cô quay sang chào ngài thứ nhì, cũng không kém phần lễ phép:

- Cháu chào Chú ạ!

Đẹt ghé tai tôi nói nhỏ:

- Sao anh có bạn già thế, tóc bạc hết rồi.

Nói xong cô nheo mắt mỉm cười hóm hỉnh, bẽn lẽn bỏ ra về. Vẫn động tác nhanh nhẹn quen thuộc, cô vén quần, nhẩy vù qua hàng rào nhà tôi rồi mất dạng. Hai ngài ngỡ ngác nhìn theo.

Tôi đã nói với các ngài là, có 5 đô-la một lọ thuốc nhuộm tóc, tiếc gì mà chẳng mua về mà nhuộm tóc đi như tôi. Rẻ thôi, chỉ tốn 5 đô-la thôi ta có được tuổi thanh xuân. Nói đến đây tôi lại nhớ tới một người bạn, hung hăng khoe nhặng cả lên về cái "sung sức" của mình. Sự oai hùng ấy quả thật chỉ đáng giá 10 đô, 10 đô-la một viên. Có bảo hiểm nhà nước (medicare) thì free (cho không).

Thôi, không đông dài nữa, tôi phải đi làm việc đây, nhà tôi sắp dậy rồi. Nghĩ đến nhà tôi, tôi lại nhớ đến những người đàn bà ở Afghanistan. Kể từ ngày người Tây phương mang dân chủ tới đây, người đàn bà được giải phóng như nào là không phải che mặt, nào là đàn bà luôn đi trước (lady first), đàn ông luôn đi sau, nhưng tôi nghe đâu ở Afghanistan lúc này có lắm bãi mìn.

Tôi liếc vội vào trong nhà, sáng nay nhà tôi dậy sớm hơn thường lệ, nàng tất tả lo bếp núc, đánh vật với nồi xôi lúa (xôi bắp) thật to. Cứ thấy nàng hì hục, ì ạch khuôn nôi xôi, tôi mới thấy rõ ra một điều làm tôi ái ngại và thương. Sức khỏe nàng năm nay kém hơn năm ngoái vì cái tuổi thời gian cứ mỗi ngày một chồng chất lên cao. Thời giờ của nàng trước đây dành cho chồng, cho con, rồi nay lại dành thêm cho cháu. Hình như nàng không còn có thời giờ nào dành cho mình nữa thì phải. Thông thường tôi không nhận ra điều đó, chỉ trừ khi lòng tôi chợt thấy “*từ bi bất ngờ*” (TCS) như lúc này.

Tôi cứ cắm cúi chuẩn bị cho công việc cọ sạch cái “deck”. Và tôi biết ở cuối vườn, cô hàng xóm nhà tôi đương phụng phịu, dậm chân, ngúng nguẩy bỏ ra về. Tôi lờ. Cười. ■

NGUYỄN GIỤ HÙNG



Thơ Dã Thảo

CON ĐƯỜNG NGƯỢC GIÓ

Nói gì đây khi hai đường cách trở ?
 Mãi ngược nhau như ngọn gió đối chiều
 Đường em đi ngấp lá úa đầu hiu
 Chón em về gửi hồn theo ngực tối

Gọi bốn mùa nhịp trâm du đưa lối
 Nhớ Xuân qua, cánh mai rớt bên thềm
 Tiếng mẹ buồn như chuông đổ từng đêm
 Làn chuỗi hạt ê a lời kinh điển

Một sáng Hạ tiễn cha về miên viễn
 Vết nứt trong em, rách đến bao giờ ?
 Từ đỉnh trời rơi rụng nỗi thờ ơ
 Tim trống vắng như cả đời trống vắng

Đường anh đi xen tin yêu êm thắm
 Còn hoa thơm trâm dị thảo ven đường
 Mọc giữa hồn nghìn tinh thể yêu thương
 Giọt nắng mai điểm trời xanh hiển hiện

Những vòng tròn xoay hình hài sắc diện
 Thêm vết nhăn bởi móng vuốt nhọn đầy
 Đòi vào Thu thêm niềm nhớ bữa vầy
 Tình như đã, rong rêu lên nhịp thờ

Đường em đi vạm nẻo sâu rộng mở
 Đảo hoang vu em bơi lội đêm ngày
 Đông chập chờn vào giấc ngủ không say
 Cuộc sống qua trong gói niềm tâm sự

Sáng đến trưa đi, mắt buồn tư lự
 Trời nhiều mây, mưa rơi vỡ mặt hồ
 Ước gì hồn phiêu lãng cõi hư vô
 Thời gian rút gọn vào không gian khép kín

MÙA TRÊN PHỐ CŨ

Anh chợt đến như mùa thu đang tới
 Anh chợt đi như nắng đổ chiều nay
 Trong khoảnh khắc mà tình đã cao bay
 Sông núi gọi, tên anh em nhớ mãi

Tình như có như không, như thừa thãi
 Métro nào đã hun hút đêm khuya
 Không gian lỏng lẻo, biên giới ngăn chia
 Cô đơn đó còn lấy ai chia xẻ ?

Từng bước nhỏ chuyển đi về lặng lẽ
 Ta và ta trong ngực tối vô hình
 Anh đâu rồi cả thế giới lặng thinh
 Giọt sương rơi mềm vai đời thiếu phụ

Đêm nghiêng ngả ánh đèn khuya phủ dụ
 Bóng và Em đôi bạn thiết lâu ngày
 Mang nỗi sầu ru giấc mộng liêu trai
 Cho ngày tháng qua đi niềm uẩn khúc

Từng kỷ niệm trôi lăn theo nghiên bút
 Dệt thơ tình lên niềm nhớ không tên
 Đêm hôm nay nổi trống vắng mông mênh
 Em nói khẽ tưởng chừng anh nghe thấy

Hai mươi năm thoáng qua dài là mấy
 Chút tình si nhòa nhoẹt tiếng khóc cười
 Chợt thờ dài bỏ lại những ngày vui
 Thời vui kia theo bốn mùa vãn vũ

Chiều hôm nay bước dài về phố cũ
 Tiếng thu qua nghe tí tách hạt mềm
 Dầm hạt buồn mưa rơi nhẹ chân êm
 Mùa thu chết như lòng em đang chết

<p>Đường ta đi không dẫn về lộ chính Hai lối mòn cô quạnh lạc rừng hoang Chôn khát khao lên phiên muộn đa đoan Điểm hẹn ấy hãy gieo mầm đời tới...■</p> <p>Dã-Thảo / PARIS 19/7/2011 (<i>Có người đã vẽ lên một con đường mà họ đang đi và yêu cầu tôi hãy tô thêm một vài nét lên con đường của mình....- Chắc chắn con đường của tôi khắp khiêng hơn nhiều - Xin gửi tặng và chia sẻ với tác giả bài thơ “Đường Tôi Đi”</i>)</p>	<p>Hai mươi năm đã vệt mòn dấu vết Anh và Em hai chiếc bóng bên đường Hái trái sầu treo lên đỉnh yêu đương Chút vẩn vương thả trôi theo nước cuốn. ■</p> <p>Dã-Thảo / PARIS (<i>Giây phút chạnh lòng - trước khi vô bệnh viện – 18/11/2008</i>) (<i>Cho T. đã 20 năm không gặp</i>)</p>
---	--

GIÃ TỪ MẸ YÊU

Chiều nay ra đi lòng buồn tê tái
Mắt Mẹ mở nhìn, hàng lệ chảy quanh
Tay Mẹ gầy guộc tím thắm gân xanh
Mẹ nú tay con, tim già đã chết

Chỉ lần này thôi, chôn sâu dấu vết
Chắc chẳng bao giờ còn thấy Mẹ yêu
Khuôn mặt môi mòm, thân xác khủnh khuyu
Hơi tàn còn lại, Mẹ đang nắm nuôi

Thoi thóp hơi thở mong con lần cuối
Đàn con phương xa sao chậm chưa về ?
Mẹ gọi thều thào, trong hoảng trong mê
Ruột như rửa sạch bọt nhờn trần thế

Con đứng đó nghe đời mình tàn phé
Nhìn người Mẹ yêu quần quai đón đau
Ôi cái chết thật đáng sợ thế sao
Con lim dim cầu Ông trên ban phước

Mẹ xuyết xoa khi cốt xương rêm buốt
Miệng đắng khô những phiếm sự hồng trần
Một đời người chỉ khối đá ngàn cân
Đè trên vai cảnh sống buồn tù ngục

94 năm cổ thụ già nay gỗ mục
Đường có dài cũng đến đích trời ban
Đến rồi Đi những thân phận trôi lăn
Cõi Về đó, cõi đăng bình đích thực

Saigòn chói chan, tâm hồn con như mực
Nói gì thêm khi đau khổ dâng tràn

Nụ hôn này lên mặt Mẹ tan hoang
Giòng lệ đó con cũng đành nuốt ngược

Xin lỗi Mẹ, con phải ra đi trước
Chẳng nỡ lòng trách Mẹ bỏ lại con
Sẽ một mình buông gia cảnh chen bon
Những tranh chấp, tương tàn thêm đau xót

Ôm lòng đêm trên chuyến tàu cuối chót
Bài thơ này giòng tâm sự lê thê
Phi trường buồn đây nảo nuốt tái tê
Con sẽ đốt gửi tro than gió cuốn

Lần nào đó trong muôn vàn ước muốn
Vận nổi trôi theo duyên nghiệp gập ghềnh
Mẹ Con mình ngàn dun rủi bấp bênh
Sẽ tìm nhau mâm oan khiên đúng lúc

Tiếng kinh cầu A DI ĐÀ thôi thúc
Mẹ chớ quên câu sinh tử nằm lòng
Hãy nhất tâm bất loạn nguyện uyên thông
Tây Phương cảnh sẽ rộng tay mời đón

Tứ Động Tâm theo ước nguyện đã chọn
Bước chân con mang hy vọng tràn đầy
Cầu cho Mẹ hồn yên nghỉ từ đây
Ơn dưỡng dục mãi nghìn sau khắc cốt. ■

Dã-Thảo

Trên chuyến bay đêm SAIGON/ĐÀILOAN/PARIS ngày 14/10/2009, sau khi giã từ vĩnh viễn người Mẹ thương yêu trong những ngày hấp hối – Những hình ảnh cuối cùng này sẽ một đời theo tôi)

Thơ Dịch Vương Thanh



Nghe **Lòng Mẹ**: <https://www.youtube.com/watch?v=3fwwhDeXiEI>

Mother Heart

Vương Thanh's translation of the song "Lòng Mẹ" by Y Vân

Mother's Love is everflowing Devoted Affection.
 Like a brook of loving sweetness...
 And her lullaby: warm and gentle,
 like a murmuring breeze
 across the rice meadows...

Mother Heart for her children
 is like the full autumn moon.
 Mother's Love for her children
 is gently playful,
 like a spring breeze on the lake water.
 Her lullaby singing,
 like the colorful kites
 in a serene country sky.
 Rain or shine,
 day or night,
 sharing in the joy of her children singing...

Many long nights, Mother stays up
with loving tender care
till her sick child fall asleep.
She feels so happy
when seeing him in tranquil slumber.

Mother's Love endures the months and years.
The hardships of life, its ups-and-downs,
she will shoulder them all and take care of her children
till they are fully grown.

Mother's Love leads the moon to attentively listen.
Her singing touches rivers, meadows, and mountains.
The world's in peace when Mother sings her lullaby.
Heart filled with love, her voice is sweet music to her child.

Many years, loving tears have fallen...
Mother's hair has become almost white.
Wherever you are going this morning or tonight.
Wherever you are in the course of your life,
remember Mother's Love
and the joy of returning to her side...■

Lòng Mẹ

Y Vân

Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào,
Tình Mẹ tha thiết như giòng suối hiền ngọt ngào,
Lời Mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào.
Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng Mẹ yêu.

Lòng Mẹ thương con như vàng trăng tròn mùa thu.
Tình Mẹ yêu mến như làn gió đùa mặt hồ.
Lời ru man mác êm như sáo diều dật dờ.
Nắng mưa sớm chiều vui cùng tiếng hát trẻ thơ.

Thương con thao thức bao đêm trường,
Con đã yên giấc Mẹ hiền vui sướng biết bao.
Thương con khuya sớm bao tháng ngày.
Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn.
Dù cho mưa gió không quản thân gầy Mẹ hiền.
Một sương hai nắng cho bạc mái đầu buồn phiền.

Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một niềm.
Tiếng ru êm đềm mẹ hiền năm tháng triền miên.
Lòng Mẹ chan chứa trên bao xóm làng gần xa.
Tình Mẹ dâng tới trăng ngàn đứng lặng để nghe,
Lời ru xao xuyến núi đồi suối rừng rặng tre.
Sóng ven Thái Bình im lìm khi tiếng Mẹ ru.
Một lòng nuôi nấng vỗ về những ngày còn thơ.
Một tình thương mến êm như tiếng đàn lời ca.
Mẹ hiền sớm tối khuyên nhủ bao lời mặn mà.
Khắc ghi bên lòng con trẻ muôn bước đường xa.
Thương con Mẹ hát câu êm đềm,
Ru lòng thơ ấu quản gì khi thức trắng đêm.
Bao năm nước mắt như suối nguồn.
Chảy vào tim con mái tóc trót đành đẫm sương.

Dù ai xa vắng trên đường sớm chiều về đâu.
Dù khi mưa gió thảng ngày trong đời bể dâu.
Dù cho phai nắng nhưng lòng thương chẳng lạt màu.
Vẫn mong quay về vui vầy dưới bóng mẹ yêu. ■

Thơ Dịch Phạm Xuân Lương

Đánh Cờ

Chàng với thiếp đêm khuya trần trọc.
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.
Hẹn rằng đầu trí mà chơi.
Cầm ngoại thủy không ai được biết.

Nào tướng sĩ dàn ra cho hết
Để đôi ta quyết liệt một phen.
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,
Hai quân ấy chơi nhau đã đã lửa.

Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phỉa tịnh lên.
Hai xe hà, chàng gác hai bên.
Thiếp thấy bí, thiếp liền ghềnh sĩ.

Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú dí vô cung.
Thiếp đang mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ ù ù ra chiếu.

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu.
Thua thì thua quyết níu lấy con.
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà.

Hồ Xuân Hương

PLAYING HUMAN CHESS

*Lured by midnight sleeplessness,
You and I lit a lamp for a game of human chess.
We pledged to play with our best strategies,
And keep others from viewing our fantasies.*

*In high ecstasy, our generals and fighters formed
their positions*

*For one of the most ardent competitions.
My piece was white and yours was black.
We fought with top firearms and force.*

*You first mounted your horse.
I then jerked my elephant.
You squeezed me between your armored carriers.
To launch my offensive I edged up my officers.*

*Catching my instant of inattention.
Your forward shooter hastily penetrated into my loins.
I was locked by your double artillery plot
When suddenly your cannon boomed out. It was hot.*

*You asked if I'd give up. "No way," I strongly in-
sisted.*

*I clung to your piece though I was in a checkmate,
and defeated.*

*Whenever excited, we enjoy the fun of push and
press.*

Whenever bored, we play a game of human chess.

*Translated from Vietnamese by Lee Pham
(Reprinted from 54 Vietnamese Love Poems, Văn Nghệ Publishers,
Saigon, 2007)*

Thơ Nguyễn Ngọc Hà

Si l'amour aussi s'en va...

*Le soleil se couche tôt ou tard
L'amour s'émousse, on se sépare
Rien ne dure, il faut se résigner
Ou partir au loin et tout oublier*

*Si l'amour aussi s'en va
Mon cœur se vide
La joie bientôt me quitte
Et la vie s'éloigne pas à pas
La vie perd toutes ses couleurs
Et triste je demeure
Avec ma douleur et mes regrets lancinants
Qui jamais ne se dissipent avec le temps*

*Je ne suis plus que l'ombre de moi-même
Courbée sous le poids de ma peine
Si l'amour s'en va pour toujours
Et emporte le charme de mes jours. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

Nếu tình yêu cũng vỗ cánh bay xa...

*Sớm muộn gì mặt trời cũng ngã bóng
Tình yêu phai dần, chúng mình chia tay
Không có gì bền lâu mãi, phải đành an phận
Hoặc đi thật xa và quên tất cả*

*Nếu tình yêu cũng vỗ cánh bay xa
Thì tim ta trống vắng
Niềm vui phút chốc rời khỏi ta
Và sự sống từng bước rời xa ta
Cuộc đời mất hết màu sắc
Chỉ còn lại ta với nỗi buồn
Với nỗi đau và những tiếc nuối dai dẳng
Không bao giờ xóa nhòa với thời gian*

*Ta chỉ còn là cái bóng của chính mình
Gục đầu trong nỗi đau nặng trĩu
Nếu tình yêu bỏ đi mãi mãi
Và đem theo vị ngọt của tháng ngày. ■*

Nguyễn Ngọc Hà
(phỏng dịch)



Irréversible

*Le temp passe et fuit
Le jour s'en lasse, vienne la nuit
Mon cœur est si lourd, l'avenir si sombre
De qui sont ces pleurs et ces soupirs dans l'ombre?*

*Les années de parfait bonheur
Faut-il vraiment qu'elles meurent?
Ce passé si cher, maintenant révolu
Désormais impassible, s'est tu*

*Le temps implacable, inexorable efface
Ces moments de douceur
Mais mon cœur, effondré de douleur
Malgré tout fidèle, en garde encore la trace*

*La vie, imprévisible, suit son cours
Joie, tristesse, déception, solitude, bonjour
Et malgré nous, le temps irréversible, toujours
Construit mais aussi détruit
Sans merci. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

*(Tristesse inconsolable à la perte de mes parents
et de mon frère aîné)*

Vĩnh viễn không trở lại

*Thời gian lướt qua và trốn chạy
Ngày mòn mỏi, đêm đến liền ngay
Lòng tôi nặng trĩu, tương lai buồn biết mấy
Kìa ai than khóc trong bóng tối thở dài*

*Những tháng năm hạnh phúc tuyệt vời
Có cần phải biến mất thật sao?
Quá khứ xiết bao thương yêu ấy, giờ còn thấy đâu
nào
Từ nay lạnh lùng lặng tiếng im hơi*

*Thời gian nhẫn tâm, không thương xót xóa nhòa
Những khoảnh khắc êm đềm đó
Nhưng tim tôi, trong đau thương gục ngã
Bất luận thế nào, vẫn còn chung thủy giữ lại dấu
vết ngày qua*

*Cuộc sống vẫn tiếp diễn
Theo quy luật tự nhiên
Nhưng mấy ai biết ngày sau sẽ ra sao
Vui buồn, thất vọng, cô đơn, xin chào*

*Và bất chấp chúng ta
Thời gian không bao giờ trở lại
Luôn xây dựng nhưng cũng hủy hoại
Không chút thương tiếc xót xa. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

*(Nỗi buồn khôn nguôi khi Ba Má và Anh Hai
qua đời)*

Hằng ngày truyền hình cho lên những hình ảnh thương tâm của các em nhỏ bị bệnh tật và đói khổ. Ánh mắt của một số các em thật buồn bã như cam chịu số phận đã an bài, một số em khác mặt ngơ ngác, mắt mở thật to như để chứa hết nỗi đau thương của kiếp người.

Tuổi thơ bất hạnh

*Đầu xanh có tội tình gì
Vương mang bệnh tật từ khi ra đời
Ngước lên muốn hỏi ông trời
Sao con không được vui chơi cười đùa
Quanh năm đau yếu bốn mùa
Xác thân mòn mỏi lặng im cúi đầu
Em thì đói rách cơ cầu
Bữa nó bữa đói dài dài nắng mưa
Đầu đường xó chợ cơm thừa
Màn trời chiếu đất gió lùa làm than
Xuân về nắng ấm chứa chan
Em nào hay biết, miên man tử hờn
Bước đi làm lũ cô đơn
Mong người thương xót qua cơn đói mờ
Em thì cha mẹ thờ ơ
Bỏ rơi từ thuở ấu thơ đại khờ
Lạc loài ngơ ngác bơ vơ
Đưa chân nhắm mắt bèn bờ thấy đâu
Trải qua bao cuộc bể dâu
Thân tàn ma dại qua cầu đặng cay
Cơ hạn, khổ cực loay hoay
Ba chìm bảy nổi vận may hững hờ
Sống đời vất vưởng vật vờ
Trẻ thơ bất hạnh nương nhờ người thương. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

Thơ Lê Diễm Chi Huệ



Tĩnh Giác Chiêm Bao

Hương mây quyện giữa dòng hư huyền
 Ai bồi hồi đưa mắt dõi xa xăm
 Chạnh dâu bể dăm khi hồn nước nở
 Bền mù khơi con nước cũng ngậm ngùi
 Một lần định trong muôn trùng giả hợp
 Bền đục trong hoa lá mãi tiêu diêu
 Con trăng ngủ đang mơ màng chợt tỉnh
 Mắt lung trông từ tạ giấc chiêm bao
 Ai vẫn hót hả, ai đã buông tay
 Ai túy lúy say với cuộc thăng trầm
 Ai lặn lội ngược xuôi dòng suy thịnh
 Ai đốt đuốc loanh quanh tìm tri kiến
 Soi mặt soi mày chưa thấy thực hư
 Giun đé chen đua khóc cười ra rả
 Sương gió đập dòn lạnh buốt trong đêm
 Con chữ lặn tẩn gửi bờ Không muộn
 Áo hoa sàu phơ phát bụi hồng bay
 Môi héo tim khô thôi chào hư ảo
 Non cao xưa nay vậy gọi ai về, ■

Lê Diễm Chi Huệ

Thơ Dịch Vân Lan



The above image was created with generative AI by computer scientist Vân Lan

Mây bóng tư duy còn bụi khói
 Để triều dương tâm sự với tà huy
 Cát tiếng gọi, chim xưa về lũng nội
 Hồn cô đơn,
 vọng suốt mấy tầng-kỳ!

(Thầy)

Shadows of thoughts are still dustily foggy,
 For dawns and sunsets in each other to confide,
 Call out,
 the birds of yore returning to the inner valley.
 The lonely soul,
 echoing throughout the endless time!
 (VL cảm dịch)

Thơ Dịch Tâm Minh Ngô Tăng Giao



THE SPIRIT OF THE WALL

You came to see my name today
I saw you standing there
Man, you sure look different
With that silver in your hair

But me, I haven't changed
I'm still the ripe old age of 21
That's one of the things about us ghosts
We're now and forever young

Do you remember how proud we were
When we were called by Uncle Sam?
And I remember being a little afraid
When they shipped us to Vietnam

And I remember the heat
And the marching through the mud
And the sounds of all that shooting
And the sight of all that blood

Then I remember when it was
Time for us to go home
But I couldn't go
So you made that trip alone

You returned to a country
That couldn't seem to understand
How all the boys that left
Came back a bunch of messed up men
Our country seemed a little naive
Before that mixed up war
Now we never can seem



LINH HỒN TƯỜNG ĐÁ

*Hôm nay bạn tới chốn này
Tìm tên tôi, bạn đứng ngay trước tường
Chao ơi! Trông bạn khác thường
Với màu trắng bạc điểm sương mái đầu*

*Phản tôi đổi khác gì đâu
Vẫn còn như cái thuở nào đôi mươi
Thần linh quanh quất bạn tôi
Luôn còn trẻ mãi với thời gian qua*

*Bạn còn nhớ thuở xưa xa
Chúng mình hãnh diện được là chiến binh
Khi Chú Sam gọi chúng mình?
Tôi qua nước Việt, thật tình hơi lo*

*Nhớ chằng cái nóng lu bù
Mình cùng dấn bước qua khu bùn lầy
Âm vang tiếng súng đêm ngày
Máu me hình ảnh vương đầy khắp nơi*

*Rồi tôi nhớ lại bạn ơi!
Chúng mình được lệnh tới thời hồi hương
Nhưng tôi không thể lên đường
Một mình bạn phải theo hàng quân đi*

*Bạn về nước, thấy lạ kỳ
Nước mình nào hiểu chút chi dân tình
Sao trai trẻ xa gia đình
Trường thành xáo trộn thân kinh lắm người*

Nước mình chất phác quá thôi

To get things back the way they were before

Now some of us are just a name
Just a small part of history
But with the building of that wall
It somehow restored our dignity

I saw that there is still pain
Even after all these years
I'm afraid I saw a lot of
in your tears.

But this is a wall of love
We hope that's what everyone feels
And the warm spirits of all the ones
That surround "The Wall That Heals"

I saw you had a family
A couple of kids and a pretty wife
Try to forgive the past
And have a happy life

I guess I'll go now
That I seem to have said it all
of me once in a while
The ghost that stays with "The Wall"

JUDY GORMAN KING

(Judy's Poem: The Spirit Of The Wall)



*Khi vào chiến cuộc tôi bời hồn mang
Giờ đây có vé muộn màng
Phục hồi như trước nghĩ càng khó thêm*

*Bọn tôi còn lại chút tên
Dự phần nhỏ òe ghi lên sử nhà
Nhưng tường này được dựng ra
Bọn tôi phẩm giá thăng hoa khắc vào*

*Tôi còn nhìn thấy niềm đau
Dù bao năm đã trôi mau qua rồi
Sợ nhìn trong mắt bạn thối
Buồn đau giọt lệ tuôn rơi đã nhiều*

*Nhưng tường biểu hiện thương yêu
Mong ai cũng cảm thông điều đẹp tươi
Và tinh thần khắp mọi người
Thăm "Tường Hàn Gấm", quên thời chiến chinh*

*Biết rằng bạn có gia đình
Con khôn, vợ đẹp vây quanh hiện thời,
Tâm hồn rộng mở đi thời
Có quên quá khứ, sống đời an vui*

*Bây giờ tôi phải đi thôi
Tiếng lòng thổ lộ đủ rồi bữa nay
Hồn tôi quanh quất tường này
Lâu lâu có dịp tỏ bày tâm can.*

TÂM MINH NGỎ TÀNG GIAO

(chuyển dịch thơ)



Thơ Kim Oanh

Khơi Chi Vết Thương Lòng



Làm sao quên ã nước mới tình sâu
 Nhưng nhớ người xa giấc mộng ãâu
 Một thuở bên nhau giờ cách biệt
 Đêm ãem ãm áp bóng mơ sâu

Thôi ãừng lưu luyến chuyện hương nồng
 Đối bóng trắng tàn nhòa nhạt song
 Duyên phận bẽ bàng duyên phận số
 Tiếc chi khơi lại vết thương lòng

Đời như cánh nhạn xoải la ãa
 Bay ãi bay hoài vạn dặm xa
 Mong ước một lần quay trở lại
 Đỡ thương ãỡ nhớ chút thôi mà...

Thế nên trong giấc ngủ mơ màng
 Rộn rã thuyền tình chợt ghé sang
 Bừng tỉnh ảo mờ ... mờ ảo ảnh
 Là lân vĩnh viễn chuyến ão ngang. ■

Kim Oanh

Cổ Buông



Buôn

Buông rời ngày tháng mộng mơ
 Buông quên ân nghĩa nghi ngờ niềm tin
 Buông trắng xóa bóng lẫn hình
 Buông ãem hương ái gọi tình lao xao
 Buông hết...mà hết ãược bao
 Buông tim tim ãi nghiêng chao ghé ãm
 Buông người biệt xa xãm
 Buông se sắt nhớ ... ãi trăm năm buồn
 Buông càng day dứt sao buông
 Buông ãòng sóng cuộn về nguồn sông xưa
 Buông gió tình lắc lay ãưa
 Buông cơn bão nổi ãời mưa mịt mờ
 Buông câu lục bát âu ơ
 Buông trút hơi thở xa bờ ãương gian
 Buông xác về cõi Thiên ãàng

Buông yêu oán hận hoang mang... tâm thương
 Buông hồn nương lóp mù sương
 Buông bỏ hiện tại... thiên ãường xa bay. ■

Kim Oanh

Thơ Phương Hoa

<p>HỎI HẢ</p> <p>Hè đi nét phượng hao mòn Thương bao kỷ niệm vẫn còn quanh đây Điệu buồn gửi gió ngàn mây Nàng Thu xao xuyến đem thay áo vàng</p> <p>Chao bay lá đỏ bạt ngàn Suối tung bóng nước hồn hoang đắm sâu Những dòng lưu bút về đâu Thơ ngây một mảnh tình đầu trao ai</p> <p>Đôi nâu cỏ úa u hoài Mắt nai ngơ ngác tìm vài dấu xanh Hoàng hôn rơi vương đầu cành Từ ly chiếc lá mong manh ghen lời</p> <p>Vàng pha man mác chân trời Tình Thu tha thiết gọi mời thi nhân Cung tơ đan vội mấy vắn Bóng câu cửa sổ đâu cần đợi ai. ■</p> <p><i>Phương Hoa</i></p> <p>BỨC TRANH KIỀU DIỄM</p> <p>Rực rỡ vàng pha lá chuyển rơi Nàng trông duyên dáng mắt nhung vời Tay ngà thư thả nâng cành rữ Dáng ngọc mơ màng ngắm nắng vơi Mây xám lượn lò đan nét phá Gió nồng vi vút thổi cung lời Bức tranh kiều diễm tô huyền ảo Đã kiến hồn thơ tỏa rạng ngời. ■</p> <p><i>Phương Hoa</i></p>	<p>NGÔI NHÀ HẠNH PHÚC</p> <p>Mây trắng trời xanh dệt gấm hoa Hồng khoe tươi thắm trước sân nhà Bông còn chớm nụ màu chưa tỏ Cây đã trải cành bóng vút xa Đây chôn yên ương đùa nắng mới Ấy nơi loan phụng thường trăng ngà Ngàn sao lấp lánh đêm về hội Hạnh phúc êm đềm cạnh tổ nga. ■</p> <p><i>Phương Hoa</i></p> <p style="text-align: center;">***</p> <p>DÁNG NGỌC DƯỚI HOA</p> <p>Tay ngà mỹ nữ vịn cành xinh Vạt cỏ ròn xanh rạng bóng hình Phoi phới gương nga mây lão đảo Dạt dào đào thắm gió rung rinh Diễm kiều má phấn ghen lòng bướm Mộng mượt môi hồng thẹn ánh minh Trời đất thần thờ trang mỹ lệ Bên hoa rục rỡ nét Xuân tình. ■</p> <p><i>Phương Hoa</i></p>
---	---

Thơ Yên Sơn

Lạc Dấu Chân Quen



Tôi về đây cố tìm chốn cũ
 Từng dấu thân quen vắng cả rồi
 Khi ký ức còn đây thừa đủ
 Để ngậm ngùi trong ánh chiều rơi
 Người Saigon cũ giờ đâu nhỉ
 Chiều ngập hoàng hôn, sương xám rơi
 Phương tây thành phố mờ tăm nhận
 Lặng lẽ bên đông bóng một người
 Tôi đứng giữa trời khan tiếng gọi
 Bao người xưa cũ ở nơi đâu
 Sao nghe lạc lõng trong lòng phố
 Vọng lại riêng tôi những giọt sầu
 Saigon thay đổi ngoài mong ước
 Đường sá ngổn ngang, phố xô bồ
 Đó đây, hẻm hóc... đây tên lạ
 Lạc cả đường về... đến ngẩn ngơ
 Tôi cúi đếm bước chân nặng trĩu
 Nghe nỗi buồn từng giọt rưng rưng
 “Saigon đẹp lắm!” Nay lạc điệu
 “Ôi Saigon!” Tiếng gọi băng khuâng!
 Nay tất cả chỉ còn kỷ niệm
 Saigon xưa mất dấu chim bay
 Tự do, nhân bản cùng thanh lịch
 Biến mất lâu rồi ai có hay
 Muốn nói già từ sao ghen đấng
 Quay quắt tìm dấu vết thời qua
 Đâu đâu cũng thấy toàn hoa nắng
 Những vàng son cũ kiếm đâu ra. ■

Lost In The Familiar Places

*I returned trying to find the old place
 Every trace of familiarity is gone
 While the memories are plenty enough
 Only to mourn in the falling afternoon light
 Where are the old Saigonese now?
 Afternoon flooded with sunset, gray mist falls
 Westward of the city, fading shadows of swallows.
 Silently in the East, only a forlorn human figure.
 Standing in the middle of nowhere calling
 Where are all of my old friends
 Feeling lost in the heart of the city,
 My soul was steeped in melancholy.
 Saigon has changed beyond expectation
 The streets are messy, the city is crammed.
 Here and there, alleys full of unfamiliar names.
 Losing my way back, I wander in a daze.
 I bow, counting each heavy step,
 Hearing the tearful of sadness about to fall.
 “Saigon is so beautiful!” Now lost its melody,
 “Oh, Saigon!” A mournful, nostalgic call!
 Oh, it’s all just memories.
 The old Saigon has disappeared as birds fly away.
 Freedom, humanism, and elegance,
 Has gone away for a long time, and nobody
 knows!
 How bitter it is to say goodbye,
 Painfully seeking traces of the past,
 Only see glistening sunshine everywhere.
 Golden pasts are nowhere to be found. ■*

Yên Sơn

Thơ Phan Khâm

CHUYỆN DÒNG SÔNG	THE RIVER'S STORY
<p>Dòng đời là chuyện của dòng sông Xuống thác lên ghềnh tới biển đông Như nước có nguồn cây có cội Dòng đời là chuyện của dòng sông</p>	<p>The flow of life is the story of the river; Down falls, up rapids, to sea: its attributes. Like water has a source, trees have roots The flow of life is the story of the river.</p>
<p>Cứ sống theo nhau những nhịp cầu Biết rằng còn lắm nỗi thương đau Bao nhiêu hệ lụy đang ràng buộc Cứ sống theo nhau những nhịp cầu</p>	<p>Let's live together like spans of bridge Knowing that there is still a lot of pain. So many consequences are to constrain: Let's live together like spans of bridge</p>
<p>Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời Bọt bèo phiêu bạt, nước đang trôi Vẫn mang thân phận thời lưu lạc Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời.</p>	<p>There are thousands of rivers in life Duckweeds drift, the water is flowing on. Still bearing an exile's status though bygone There are thousands of rivers in life</p>
<p>Ngày nào không nói chuyện dòng sông Ngày đó hoang vu giữa cánh đồng Hiu quạnh, đồng không, không tất cả Ngày nào không nói chuyện dòng sông ...■</p>	<p>A day without talking about the river Must be a wild day in the middle of field Loneliness, nothingness, all unhealed: A day without talking about the river. ■</p>
<p><i>Phan Khâm</i></p>	<p>Translation by <i>Thanh- Thanh</i></p>

Chuyện dòng sông(Thơ: Phan Khâm, Nhạc: Nguyễn Tất Vĩnh, Ca sĩ: Quỳnh Lan)

[Chuyện dòng sông\(Thơ: Phan Khâm, Nhạc: Nguyễn Tất Vĩnh, Ca sĩ: Quỳnh Lan\)](#)

[Trở về mục lục](#)

Thơ Cao Mỹ Nhân

CHẢI TÓC.

Anh thích nhìn em khóc
Hay anh muốn em cười
Sáng nay em chải tóc
Nhớ anh từng sợi rơi

Như cuốn tơ mềm mại
Mái tóc ngắn buông xuôi
Soi gương thầm ái ngại
Em vén tóc cao rồi

Môi tơ hay tóc rời
Lược nào bằng tay anh
Gương buồn tha thiết gọi
Bảo đừng tiếc xuân xanh

Em cũng như nhật nguyệt
Cách trở thêm nhân sinh
Vẫn thương yêu diễm tuyệt
Say đắm mãi cuộc tình ...■

Cao Mỹ Nhân

LỜI NGUYỄN.

Ta nghe được nỗi muộn màng
của anh, sau cuộc rượu tàn đêm qua
Ta nghe được mắt lệ nhòa
của em, trong giọng nói hoà mưa đêm
Thực lòng mưa vẫn theo em
Từng cơn nước động nơi thềm lãng du
Còn anh ủ mộng hư vô
Khiến ta tự cô, đội mồ tình lên
Ta nghe được tiếng ru êm
của anh, lời động rĩ mềm vì yêu
Cho em tất cả nuông chiều
Mà sao em cứ buồn nhiều hơn vui
Thực lòng tình dầu ngậm ngùi
Vẫn đang say đắm tuyệt vời bên nhau
Ta nghe rõ từ xưa, sau
Em đang sắp mặt nguyện cầu cho thơ...■

Cao Mỹ Nhân

TỊNH NGÔN HOA

Hoa thường không nói chi nhiều
Cũng không thích đọc lời yêu mê cuồng

An nhiên vắng vọng hồi chuông

Tiếng rơi từng giọt thơ sông đầu ngày

Từ nơi cao vút ... hồn say

Hoa thơm hương ngát ủ đầy hồn ta

Mặt trời lặn lẽ ló ra

Bao nhiêu tình tự chan hoà trang kính

Tịnh ngôn hoa cõi vô minh

Nở trên thân phận người tình huyền hư

Anh tìm trong cuộc lãng du

Dáng em mờ ảo cũng vừa trăm năm...■

Cao Mỹ Nhân

NGƯỜI ĐI QUÊN HÀNH LÝ.

Tất cả đều đã già

Cây mai trơ xương xẩu

Ngó nàng thơ không ra

Mùa xuân nào che giấu

Thi sĩ nói ba hoa

NGƯỜI ĐI - KẼ Ở.

NGƯỜI ĐI

Ừ nhỉ, người đi đã mấy tuần
 Cỏ mờ, sương giạt vết trâm luân
 Một làn mây xám che tầm mắt
 Vài cánh hồng phai lất dẫu chân
 Đường cũ lùi xa thêm ngóng đợi
 Ngày dài lẳng đọng nỗi phân vân
 Tháng năm rồi sẽ thêm hiu quạnh
 Khi chỉ còn ta giữa cõi trần...■

18 - 9 - 2010

Cao Mỹ Nhân

KẼ Ở.

Vẫn chỉ mình ta ở chôn này
 Chờ người năm cũ dưới sương bay
 Lá hoa vàng vỡ trời thu lạnh
 Ngày tháng hư hao bóng liễu gầy
 Rượu cúc vui theo niềm nhớ cạn
 Tình sầu mất hút nỗi mê say
 Trúc tơ mỗi lúc thêm hiu hắt
 Đến hẹn mà sao mắt lệ đầy ...■

18 - 9 - 2010

Cao Mỹ Nhân

Chữ nghĩa ghép bằng quơ

Trong đôi vại vắn điệu

Cành lá buồn tiêu sơ

Tiếng sầu rơi ai điệu

Một bóng hình bơ vơ

Vì tất cả đã già

Đã quên ngòi mơ mộng

Tàu dừng ở sân ga

Chờ người rời cuộc sống

Về lại cõi bao la

Anh bỏ tổ ấm êm

Tay không mang hành lý

Chúng mình cách biệt thêm

Trên những trang hồi ký

Không hề viết tên em ...■

Hawthorne 11 - 8 - 2023

Cao Mỹ Nhân



Tartuffe

(Partie 2/2)

<https://www.gutenberg.org/files/50173/50173-h/50173-h.htm>

(Public Domain)

**LE TARTUFFE
OU
L'IMPOSTEUR**

COMÉDIE

Représentée pour la première fois, à Versailles, devant la cour, dans les *Plaisirs de l'Île enchantée* (1664).—
Les trois premiers actes, sur le théâtre du Palais-Royal, le 5 août 1667; défendue le lendemain, et reprise
sans interruption le 5 février 1669.

En 1664, comme nous l'avons dit, le 10 mai, les trois premiers actes d'une œuvre conçue depuis longtemps par Molière, et dès lors terminée si ce n'est corrigée, furent représentés comme essai pendant les fêtes de Versailles.

C'était à la fois une singulière audace et une grande habileté. L'œuvre était évidemment dirigée contre le jansénisme même et la rigidité extérieure. Le roi, dont les austères et les dévots contrariaient les amours et prétendaient régenter les plaisirs, allait-il prendre parti contre eux et reconnaître l'auteur dramatique pour premier ministre de ses vengeances et de ses plaisirs? ou bien imposerait-il silence à Molière et concéderait-il implicitement aux censeurs le droit de critiquer les préférences de son cœur et les voluptés de son trône?

Un puritanisme hypocrite, cherchant à se rendre maître du crédit, de l'autorité et de la fortune, plus vicieux en secret, plus sensuel en réalité que ceux dont il blâmait les penchants, occupait le centre de la composition nouvelle; et l'on peut croire que le comédien nomade, élève de Gassendi, traducteur de Lucrèce, lié avec Bernier, Chapelle et les libertins, eut exactement la même pensée qui dicta plus tard à Fielding son *Tom Jones*: la haine du pédant et des dehors hypocrites; une grande foi dans les penchants naturels de l'humanité, une grande répugnance pour les austérités affectées. La société anglaise de Fielding et de Richardson, entre 1688 et 1780, vivait de décence et de formalisme comme la société de Louis XIV entre 1660 et 1710. Ce sont les œuvres parallèles, mais non égales en mérites, que l'École de la médisance et *Tartuffe*.

Au XVI^e siècle, le même point de vue avait inspiré à Shakespeare l'admirable portrait de ce magistrat sévère qui, dans *Measure for Measure* (*Un prêté pour un rendu*), se laisse entraîner à sa passion, commet des crimes épouvantables et devient d'autant plus coupable que sa doctrine est plus rigide. Sheridan n'a pas imité Molière, Molière n'a pas imité Shakespeare. Tous trois ont pénétré l'extrême faiblesse humaine, sa pente facile vers l'ex- cès, et la fragilité de nos vertus.

L'œuvre de Shakespeare est plus générale et plus philosophique; celle de Sheridan, plus légère et plus vive de ton; celle de Molière contient une leçon sociale plus puissante et plus forte. Un bourgeois simple et honnête, sans doute quelque conseiller de parlement, qui aura touché dans sa jeunesse aux troubles de la Fronde, et qui gouverne assez mal sa famille, donne accès chez lui à un dévot de robe courte, cheveux plats, ajustements simples mais élégants, homme de bien à ce qu'il dit lui-même et à ce que l'on croit, que le père de famille a rencontré dans une église, toujours en dévot prières, poussant des *hélas!* mystiques et des soupirs affectés, et prouvant sagesse tendre par la componction la plus fervente et la plus humble. C'est M. Tartuffe. Notre bourgeois s'intéresse, s'informe, apprend que le personnage fait l'aumône aux pauvres, qu'il vit modestement, qu'il est gentilhomme, peu riche il est vrai, mais en passe de le devenir. C'est un saint. On le répète dans le quartier. Poussé du désir de sanctifier son logis magistral, d'inculquer le bon exemple à son jeune fils, de morigéner sa femme, jeune, belle, aimant, quoique sage, la parure et les divertissements mondains, le père offre un asile au prétendu modèle de la perfection chrétienne, qui amène Laurent, son valet, dévot comme lui, portant soigneusement la haine et la discipline.

L'aspect extérieur de ce M. Tartuffe n'avait rien de redoutable. Un heureux embonpoint et une face riante, des yeux modestement baissés, un costume noir de la propreté la plus exquise, les mains jointes sur la poitrine, l'air béat et le sourire doux, il n'inspirait que bienveillante confiance. C'était le papelard de la Fontaine, et non le scélérat lugubre. Une voix moelleuse, caressante et mystique achevait ce personnage.

Dès que M. Tartuffe a pénétré dans la maison, il y fait son nid, il s'y incarne; sa sensualité se gorge des bons dîners de son hôte et s'endort voluptueusement dans la couche molle qu'on lui apprête. Pour exploiter la situation il n'a pas besoin de faire jouer d'autres ressorts que l'apparente sincérité de sa vie dévote; il prêche, il gourmande doucement les vices, il sert d'espion domestique. Son crédit augmente; sa grimace sacrée suffit pour l'enraciner

dans ce lieu de délices. Comme Sganarelle, avec trois mots latins, guérit tout le monde;—Comme don Juan, avec des révérences et des politesses soutenues de son habit brodé, paye M. Dimanche;—M. Tartuffe n'a besoin que d'un rosaire et d'un scapulaire pour vivre gros et gras, s'emparer des esprits et monter au ciel. Il doit une partie de son succès à la doctrine qu'il prêche; doctrine d'apparences qui permet à un père l'égoïsme foncier et la cruauté réelle envers les siens, sous le voile de l'austérité dévote. Il peut affamer et déshériter sa famille sous prétexte de son propre salut, il ne doit compte qu'à Dieu; la formule le sauvera, qu'il soit mauvais père et méchant homme en sûreté de conscience.

Voilà M. Tartuffe maître et roi de la situation; sa santé prospère, son corps et son âme fleurissent, il est à la fleur de l'âge, et, malgré son humilité, il aime à vivre. Voilà son écueil. La femme du maître est jolie et passe pour coquette. Attachée à son mari par devoir plus que par sentiment, cette situation la rapproche sans cesse de M. Tartuffe, et la tentation de la chair vient saisir le saint homme. L'amour sensuel s'empare de cette âme béate. Malgré lui il jette son masque, ou du moins le soulève et laisse entrevoir à la femme de son bienfaiteur, sous un spiritualisme de formules, le fond même de cette nature grossière et dissimulée, qui veut des réalités et qui s'en repaît; nature friande et onctueuse, brutale et subtile, lourde et intéressée, qui trompe le monde au moyen de quelques dehors, d'un rôle appris et d'une facile hypocrisie. Alors et sous le coup de ses mêmes vices qui éclatent, tout l'édifice du dévot s'écroule au moment même de son triomphe. Le père voulait lui donner sa fille, bien qu'il eût engagé sa parole à un autre prétendant; il lui avait même cédé la partie la plus nette de sa fortune et lui avait confié un secret d'État relatif à ses jeunes années, secret qui compromettrait jusqu'à sa vie. Dénoncé par la famille, livré par la jeune femme, Tartuffe est renversé. Mais les armes que l'engouement lui a prêtées, il les emploie sans pitié, et le saint homme devient scélérat. L'autorité royale intervient, foudroie Tartuffe, rétablit la paix, et après ce grand enseignement remet Orgon au sein de sa famille.

Telle est cette admirable conception, méditée par Molière depuis le moment de son entrée à Paris, élaborée avec l'amour le plus persévérant pendant sept années, et qui, pour être enfin jouée, a coûté à son auteur autant de diplomatie, de démarches, de persévérance et d'adresse qu'il avait fallu de sagacité, de génie et de combinaison pour la créer. Ninon de Lenclos, le prince de Condé, les libres esprits, tous ceux qui préparaient l'ascendant futur des idées philosophiques, le groupe croissant des *libertins* (comme on les nommait alors), encouragea, surveilla et protégea le développement de l'œuvre. C'était tout un monde que cette sphère des esprits forts; et Nicole avait raison de dire qu'il n'y avait déjà plus en 1660 d'hérétiques, mais des incroyables; à leur tête marchaient la Rochefoucauld, le prince de Condé, son amie madame Deshoulières, qui ne baptisa sa fille qu'à vingt-neuf ans; Retz et de Lyonne, la Palatine et Bourdelot, le bonhomme Rose, qui ne croyait à rien, Saint-Évremond et Saint-Réal, Desbarreaux l'athée, Milton l'esprit fort, l'aimable de Méré, Saint-Pavin, Lainé et Hénaut, enfin les anciens compagnons de Théophile, les nouveaux amis de la Fontaine.

Ninon prêta son salon pour la première lecture du *Tartuffe*.

Chapelle, Bernier, Boileau lui-même, qui étaient présents, applaudirent avec les jeunes seigneurs.

Mais comment parvenir à faire représenter l'œuvre? Tout se dirigeait vers l'ordre apparent, vers la décence extérieure. Louis XIV, en se livrant à ses amours, aimait que la dévotion régnât autour de lui. Il fallut marcher pas à pas à la conquête de la position, établir la sappe et la tranchée, circonvenir le roi, se faire des appuis partout, choisir le moment où Paris était désert et s'armer d'une promesse verbale du monarque, qui venait de partir pour le camp devant Lille, pour faire jouer enfin le *Tartuffe* en 1667, sur le théâtre du Palais-Royal. Il y avait quelque chose de subreptice dans cette introduction de l'hypocrite, à qui Molière avait enlevé son nom de Tartuffe pour le nommer *Arnolphe*, et qu'il avait adouci sur plusieurs points. Malgré ces précautions, tout se souleva. Le premier président de Lamoignon ordonna la suspension de l'œuvre pour en référer au roi. Deux acteurs de la troupe, la

Thorillière et la Grange, partirent avec un placet et allèrent supplier Louis XIV et le prier de lever ladite défense. Bien reçus par le monarque, ils n'obtinrent qu'une réponse dilatoire et la promesse de faire examiner la pièce à son retour.

C'était la grande question morale du XVIII^e siècle qui se débattait déjà, celle de la religion contre la philosophie, celle de Bossuet contre Voltaire.

En 1660, on avait brûlé les *Provinciales*, satire redoutable de la fausse dévotion. D'une part, on essayait de resserrer violemment les liens de l'unité religieuse, et la révocation de l'édit de Nantes se préparait. D'une autre, le salon de Ninon de Lenclos, cette antichambre de Ferney, servait de rendez-vous et de point d'appui aux partisans et aux protecteurs du *Tartuffe*.

Pendant deux années, le combat eut lieu autour du *Tartuffe*. Enfin Molière eut le dessus.

Après deux années d'interdiction, le 5 février 1669, grâce aux efforts des amis de Molière et à la merveilleuse prudence de sa conduite, le symbole du mensonge dévot apparut enfin sur la scène. On s'y porta en foule; on se souvenait que deux ans auparavant, toutes les loges étant pleines pour la seconde représentation du *Tartuffe*, un ordre exprès était venu pour empêcher la représentation.

«*J'eus de la peine*, dit le journaliste Robinet, à voir *Tartuffe*, tant il y avoit de monde:

Et maints couroient hazard
D'être étouffés dans la presse,
Où l'on oyoit crier sans cesse:
Hélas! monsieur Tartuffius,
Faut-il que de vous voir l'envie
Me coûte peut-être la vie?
On disloqua à quelques-uns
Manteaux et côtes...

Armande était Elmire; du Croisy, dont la voix était douce et l'air compassé, jouait Tartuffe. Madeleine Béjart, cette femme amère et violente qui avait tourmenté sa jeune sœur et l'avait forcée à se rejeter dans les bras d'un mari, représentait Dorine, la servante maîtresse, «forte en gueule et impertinente,» devenue la première autorité d'une maison mal conduite. Madame Pernelle, cette aïeule entêtée qui ouvre la scène d'une façon si admirable, était représentée par Béjart lui-même, et Molière s'était réservé le personnage du crédule Orgon.

Depuis ce temps *Tartuffe* représente le masque hypocrite et la formule du mensonge, non-seulement pour la France, mais pour l'Europe et l'avenir. Comme Patelin, Panurge, Figaro et *Falstaff*, comme *Lovelace* et *DonJuan*, il vit toujours, il est immortel.

Mais qu'est-ce que *Tartuffe*? Selon quelques commentateurs, ce serait le diable, *der Tauffel*, qui serait transformé en *ter Teufel*, puis enfin en *Tartuffe*. Selon d'autres, ce serait une allusion à ce personnage dévot qui, d'un ton contrit, onctueux et pieux, demandait sans cesse qu'on lui servît des «truffes.» Absurde étymologie. *Tartuffe* est simplement le *Truffactor* de la basse latinité, le «trompeur,» mot qui se rapporte à l'italien et à l'espagnol «truffa» combiné avec la syllabe augmentative «tra,» indiquant une qualité superlative et l'excès d'une qualité ou d'un défaut. *Truffer*, c'est tromper; «*Tratruffar*,» tromper excessivement et avec hardiesse. L'euphonie a donné ensuite «*tartuffar*,» puis *Tartuffe*. Il est curieux de retrouver cette dernière désignation appliquée aux «truffes» ou «*tartuffes*,» qui deviennent ainsi les *trompeuses*. Platina, dans son traité *de Honesta voluptate*, indique cette étymologie relevée par le Duchat et Ménage. *Truffaldin*, le fourbe vénitien, se rapporte à la même origine. *Tartuffe*,

Truffactor, le Truffeur, est donc le roi des fourbes sérieux comme Mascarille est le roi des fourbes comiques; aussi toute manifestation de l'irritation française contre l'autorité de la formule, contre l'envahissement des simulacres, a-t-elle eu pour expression le mot *Tartuffe*. C'est *Tartuffe* que l'on a demandé, joué, applaudi, toutes les fois que le mécontentement populaire s'est soulevé secrètement ou ouvertement contre le joug. Molière a été plus effectif dans le sens que nous indiquons que cent révolutionnaires.

Molière n'eut pas seulement à combattre les résistances des dévots, mais les coquetteries et les prétentions d'Armande, qui voulait jouer le rôle d'Elmire en grande coquette, se surcharger de diamants et de dentelles, et éblouir tout le monde de l'éclat de sa parure. Une telle splendeur eût effrayé M. Tartuffe, dont la finesse madrée n'aurait pas osé approcher d'une si brillante idole. Molière, au grand chagrin d'Armande, lui imposa un ajustement plus modeste et plus conforme à la situation sociale de son mari.

Quarante-quatre représentations attestèrent la conquête redoutable et indestructible de Molière.

Tout s'émut. Un curé, qui s'appelait Roulet, et qui avait le soin d'une petite église de Paris (Saint-Barthélemy), publia contre l'auteur un pamphlet furieux, digne des temps de la Ligue. Bourdaloue tonna en chaire, Bossuet exhorta les chrétiens à ne pas se laisser séduire par le comédien impie. Le prince de Conti, devenu janséniste, frappa d'anathème son ancien protégé. La Bruyère, qui tenait à Bossuet par des liens sévères et secrets, essaya de prouver que le vrai Tartuffe, plus homme du monde et plus raffiné, ne se montre jamais sous d'aussi grossières et d'aussi franches couleurs. Les jésuites, bien qu'attaqués dans les passages où la morale d'Escobar est raillée, pardonnèrent à Molière, dont le père Bouhours composa l'épithète laudative; Fénelon, leur ami, dont l'âme tendre se joignait à un esprit si fin, prit parti pour le critique de la fausse dévotion, «qui, disait-il, rendait service à la vraie piété;» enfin les comédiens ravis assurèrent double part à Molière dans les recettes de toutes les représentations qui suivirent.

Les commentateurs ont cherché avec un soin minutieux les diverses circonstances et les anecdotes qui ont pu servir Molière dans la création de *Tartuffe*. Il a puisé dans tous les événements et tous les faits qui se sont manifestés entre 1660 et 1667: querelles du jansénisme et du molinisme; les *Provinciales* brûlées par le bourreau; les intrigues de l'austère duchesse de Navailles et d'Olympe de Mancini contre les amours du roi; la cassette de Fouquet et la chute de ce ministre; le personnage odieux de Letellier; toutes les manœuvres contradictoires des courtisans et des dévots; la fausse mysticité du père Lemoine; la rigidité affectée de quelques amis d'Arnauld; la morale relâchée d'Escobar; les arrestations arbitraires commandées par le roi; le personnage patelin et sensuel de cet abbé de Roquette, «qui prêchait les sermons d'autrui;» les anecdotes de la cour et de la ville; la disgrâce de la comtesse de Soissons; tout, jusqu'à la retraite sévère des Singlin et des Arnauld; l'époque entière vient se concentrer dans son œuvre. Il a même indiqué par le personnage de l'huissier «Loyal,» cet oiseau de proie si rempli de douceur, cet autre Patelin exerçant pieusement son triste office, l'existence d'une secte entière vouée à la complicité la plus mielleuse et à une douceur de ton qui ne fait que s'accroître de l'inhumanité des actes. Les jésuites se turent. Les jansénistes sentirent le coup, et ne pardonnèrent pas à Molière.

Rabelais, Boccace, Pascal, Platon dans sa *République*, Scarron même dans sa nouvelle des *Hypocrites*, lui fournirent des couleurs et des détails. Il y a dans cette dernière nouvelle, imitée de l'espagnol, un «Montufar,» dont le nom, par parenthèse, n'est pas sans analogie avec «Tartuffe,» et qui échappe à la vengeance des lois par la même pénitence humiliée, par la même abjection chrétienne qui réussit à Tartuffe. Qui ne se souvenait alors des profondes hypocrisies du cardinal de Richelieu? Comme Tartuffe, il avait osé parler d'amour à la femme de son maître. Comme le héros de Molière, il s'était prosterné aux pieds de l'ennemi dont il allait faire tomber la tête.

Tartuffe est le point culminant du génie et de la doctrine de Molière. Le genre humain, facilement dupe de l'apparence; l'engouement si naturel à la race française, préparant au charlatanisme une conquête facile; la formule

religieuse, le masque de la piété, en simulant le suprême idéal comme offrant un danger terrible, telle est l'idée fondamentale développée avec génie par Molière. La victoire lui reste.

Il savait bien ce qu'il voulait.

Lisez cette admirable préface du *Tartuffe*, chef-d'œuvre d'un style qui se rapproche de celui de Rousseau et de Pascal, et qui s'élève pour la netteté de la discussion au niveau des plus belles pages de la langue française. Non-seulement il y défend la comédie et le théâtre en général, mais la nature humaine qu'il réhabilite. C'est l'unique fragment de ce penseur et de ce poète où nous puissions contempler à nu pour ainsi dire sa doctrine philosophique, que nous ne discutons pas ici :

«Rectifier et adoucir les passions au lieu de les retrancher.»

PRÉFACE DU TARTUFFE

Voici une comédie dont on a fait beaucoup de bruit, qui a été longtemps persécutée^[127]; et les gens qu'elle joue ont bien fait voir qu'ils étoient plus puissans en France que tous ceux que j'ai joués jusques ici. Les marquis, les précieuses, les cocus et les médecins, ont souffert doucement qu'on les ait représentés, et ils ont fait semblant de se divertir, avec tout le monde, des peintures que l'on a faites d'eux; mais les hypocrites n'ont point entendu raillerie; ils se sont effarouchés d'abord, et ont trouvé étrange que j'eusse la hardiesse de jouer leurs grimaces, et de vouloir décrier un métier dont tant d'honnêtes gens se mêlent. C'est un crime qu'ils ne sauroient me pardonner; et ils se sont tous armés contre ma comédie avec une fureur épouvantable. Ils n'ont eu garde de l'attaquer par le côté qui les a blessés; ils sont trop politiques pour cela, et savent trop bien vivre pour découvrir le fond de leur âme. Suivant leur louable coutume, ils ont couvert leurs intérêts de la cause de Dieu; et le *Tartuffe*, dans leur bouche, est une pièce qui offense la piété. Elle est, d'un bout à l'autre, pleine d'abominations, et l'on n'y trouvera rien qui ne mérite le feu. Toutes les syllabes en sont impies; les gestes mêmes y sont criminels; et le moindre coup d'œil, le moindre branlement de tête, le moindre pas à droite ou à gauche, y cachent des mystères qu'ils trouvent moyen d'expliquer à mon désavantage.

J'ai eu beau la soumettre aux lumières de mes amis, et à la censure de tout le monde: les corrections que j'y ai pu faire; le jugement du roi et de la reine, qui l'ont vue; l'approbation des grands princes et de messieurs les ministres, qui l'ont honorée publiquement de leur présence; le témoignage des gens de bien, qui l'ont trouvée profitable, tout cela n'a de rien servi. Ils n'en veulent point démordre; et, tous les jours encore, ils font crier en public des zélés indiscrets, qui me disent des injures pieusement, et me damnent par charité.

Je me soucierois fort peu de tout ce qu'ils peuvent dire, n'étoit l'artifice qu'ils ont de me faire des ennemis que je respecte, et de jeter dans leur parti de véritables gens de bien, dont ils préviennent la bonne foi, et qui, par la chaleur qu'ils ont pour les intérêts du ciel, sont faciles à recevoir les impressions qu'on veut leur donner. Voilà ce qui m'oblige à me défendre. C'est aux vrais dévots que je veux me justifier sur la conduite de ma comédie; et je les conjure de tout mon cœur de ne point condamner les choses avant que de les voir, de se défaire de toute prévention, et de ne point servir la passion de ceux dont les grimaces les déshonorent.

Si l'on prend la peine d'examiner de bonne foi ma comédie, on verra sans doute que mes intentions y sont partout innocentes, et qu'elle ne tend nullement à jouer les choses que l'on doit révéler; que je l'ai traitée avec toutes les précautions que me demandoit la délicatesse de la matière; et que j'ai mis tout l'art et tous les soins qu'il m'a été possible pour bien distinguer le personnage de l'hypocrite d'avec celui du vrai dévot. J'ai employé pour cela deux

actes entiers à préparer la venue de mon scélérat. Il ne tient pas un seul moment l'auditeur en balance; on le connoît d'abord aux marques que je lui donne; et, d'un bout à l'autre, il ne dit pas un mot, il ne fait pas une action qui ne peigne aux spectateurs le caractère d'un méchant homme, et ne fasse éclater celui du véritable homme de bien que je lui oppose.

Je sais bien que pour réponse, ces messieurs tâchent d'insinuer que ce n'est point au théâtre à parler de ces matières; mais je leur demande, avec leur permission, sur quoi ils fondent cette belle maxime. C'est une proposition qu'ils ne font que supposer, et qu'ils ne prouvent en aucune façon; et, sans doute, il ne seroit pas difficile de leur faire voir que la comédie, chez les anciens, a pris son origine de la religion, et faisoit partie de leurs mystères; que les Espagnols, nos voisins, ne célèbrent guère de fête où la comédie ne soit mêlée; et que, même parminous, elle doit sa naissance aux soins d'une confrérie à qui appartient encore aujourd'hui l'hôtel de Bourgogne; que c'est un lieu qui fut donné pour y représenter les plus importants mystères de notre foi; qu'on en voit encore des comédies imprimées en lettres gothiques, sous le nom d'un docteur de Sorbonne; et, sans aller chercher si loin, que l'on a joué, de notre temps, des pièces saintes de M. Corneille^[128], qui ont été l'admiration de toute la France.

Si l'emploi de la comédie est de corriger les vices des hommes, je ne vois pas par quelle raison il y en aura de privilégiés. Celui-ci est, dans l'État, d'une conséquence bien plus dangereuse que tous les autres; et nous avons vu que le théâtre a une grande vertu pour la correction. Les plus beaux traits d'une sérieuse morale sont moins puissans, le plus souvent, que ceux de la satire; et rien ne reprend mieux la plupart des hommes que la peinture de leurs défauts. C'est une grande atteinte aux vices, que de les exposer à la risée de tout le monde. On souffre aisément des répréhensions; mais on ne souffre point la raillerie. On veut bien être méchant; mais on ne veut point être ridicule.

On me reproche d'avoir mis des termes de piété dans la bouche de mon imposteur. Eh! pouvois-je m'en empêcher, pour bien représenter le caractère d'un hypocrite? Il suffit, ce me semble, que je fasse connoître les motifs criminels qui lui font dire les choses, et que j'en aie retranché les termes consacrés, dont on auroit eu peine à lui entendre faire un mauvais usage.—Mais il débite au quatrième acte une morale pernicieuse.—Mais cette morale est-elle quelque chose dont tout le monde n'eût les oreilles rebattues. Dit-elle rien de nouveau dans ma comédie? Et peut-on craindre que des choses si généralement détestées fassent quelque impression dans les esprits; que je les rende dangereuses en les faisant monter sur le théâtre; qu'elles reçoivent quelque autorité de la bouche d'un scélérat? Il n'y a nulle apparence à cela; et l'on doit approuver la comédie du *Tartuffe*, ou condamner généralement toutes les comédies.

C'est à quoi l'on s'attache furieusement depuis un temps; et jamais on ne s'étoit si fort déchaîné contre le théâtre. Je ne puis pas nier qu'il n'y ait eu des pères de l'Église qui ont condamné la comédie; mais on ne peut pas me nier aussi qu'il n'y en ait eu quelques-uns qui l'ont traitée un peu plus doucement. Ainsi l'autorité dont on prétend appuyer la censure est détruite par ce partage; et toute la conséquence qu'on peut tirer de cette diversité d'opinions en des esprits éclairés des mêmes lumières, c'est qu'ils ont pris la comédie différemment, et que les uns l'ont considérée dans sa pureté, lorsque les autres l'ont regardée dans sa corruption, et confondue avec tous ces vilains spectacles qu'on a eu raison de nommer des spectacles de turpitude.

Et, en effet, puisqu'on doit discourir des choses, et non pas des mots, et que la plupart des contrariétés viennent de ne se pas entendre, et d'envelopper dans un même mot des choses opposées, il ne faut qu'ôter le voile de l'équivoque, et regarder ce qu'est la comédie en soi, pour voir si elle est condamnable. On connoitra sans doute que, n'étant autre chose qu'un poëme ingénieux qui, par des leçons agréables, reprend les défauts des hommes, on ne sauroit la censurer sans injustice; et, si nous voulons ouïr là-dessus le témoignage de l'antiquité, elle nous

dira que ses plus célèbres philosophes ont donné des louanges à la comédie, eux qui faisoient profession d'une sagesse si austère, et qui crioient sans cesse après les vices de leur siècle. Elle nous fera voir qu'Aristote a consacré des veilles au théâtre, et s'est donné le soin de réduire en préceptes l'art de faire des comédies. Elle nous apprendra que de ses plus grands hommes, et des premiers en dignité, ont fait gloire d'en composer eux-mêmes; qu'il y en a eu d'autres qui n'ont pas dédaigné de réciter en public celles qu'ils avoient composées; que la Grèce a fait pour cet art éclater son estime par les prix glorieux et par les superbes théâtres dont elle a voulu l'honorer; et que, dans Rome enfin, ce même art a reçu aussi des honneurs extraordinaires: je ne dis pas dans Rome débauchée, et sous la licence des empereurs, mais dans Rome disciplinée, sous la sagesse des consuls, et dans le temps de la vigueur de la vertu romaine.

J'avoue qu'il y a eu des temps où la comédie s'est corrompue. Et qu'est-ce que dans le monde on ne corrompt point tous les jours? Il n'y a chose si innocente où les hommes ne puissent porter du crime; point d'art si salutaire dont ils ne soient capables de renverser les intentions; rien de si bon en soi qu'ils ne puissent tourner à de mauvais usages. La médecine est un art profitable, et chacun la révère comme une des plus excellentes choses que nous ayons; et cependant il y a eu des temps où elle s'est rendue odieuse, et souvent on en a fait un art d'empoisonner les hommes. La philosophie est un présent du ciel: elle nous a été donnée pour porter nos esprits à la connoissance d'un Dieu, par la contemplation des merveilles de la nature; et pourtant on n'ignore pas que souvent on l'a détournée de son emploi, et qu'on l'a occupée publiquement à soutenir l'impiété. Les choses mêmes les plus saintes ne sont point à couvert de la corruption des hommes; et nous voyons des scélérats qui tous les jours abusent de la piété, et la font servir méchamment aux crimes les plus grands. Mais on ne laisse pas pour cela de faire les distinctions qu'il est besoin de faire: on n'enveloppe point dans une fausse conséquence la bonté des choses que l'on corrompt avec la malice des corrupteurs: on sépare toujours le mauvais usage d'avec l'intention de l'art; et, comme on ne s'avise point de défendre la médecine pour avoir été bannie de Rome, ni la philosophie pour avoir été condamnée publiquement dans Athènes, on ne doit point aussi vouloir interdire la comédie pour avoir été censurée en certains temps. Cette censure a eu ses raisons, qui ne subsistent point ici. Elle s'est renfermée dans ce qu'elle a pu voir; et nous ne devons point la tirer des bornes qu'elle s'est données, l'étendre plus loin qu'il ne faut, et lui faire embrasser l'innocent avec le coupable. La comédie qu'elle a eu dessein d'attaquer n'est point du tout la comédie que nous voulons défendre. Il se faut bien garder de confondre celle-là avec celle-ci. Ce sont deux personnes de qui les mœurs sont tout à fait opposées. Elles n'ont aucun rapport l'une avec l'autre que la ressemblance du nom; et ce seroit une injustice épouvantable que de vouloir condamner Olympe, qui est femme de bien, parce qu'il y a une Olympe qui a été une débauchée. De semblables arrêts, sans doute, feroient un grand désordre dans le monde. Il n'y auroit rien par là qui ne fût condamné; et, puisque l'on ne garde point cette rigueur à tant de choses dont on abuse tous les jours, on doit bien faire la même grâce à la comédie, et approuver les pièces de théâtre où l'on verra régner l'instruction de l'honnêteté.

Je sais qu'il y a des esprits dont la délicatesse ne peut souffrir aucune comédie; qui disent que les plus honnêtes sont les plus dangereuses; que les passions que l'on y dépeint sont d'autant plus touchantes qu'elles sont pleines de vertu, et que les âmes sont attendries par ces sortes de représentations. Je ne vois pas quel grand crime c'est que de s'attendrir à la vue d'une passion honnête; et c'est un haut étage de vertu que cette pleine insensibilité où ils veulent faire monter notre âme. Je doute qu'une si grande perfection soit dans les forces de la nature humaine; et je ne sais s'il n'est pas mieux de travailler à rectifier et adoucir les passions des hommes que de vouloir les retrancher entièrement. J'avoue qu'il y a des lieux qu'il vaut mieux fréquenter que le théâtre; et, si l'on veut blâmer toutes les choses qui ne regardent pas directement Dieu et notre salut, il est certain que la comédie en doit être, et je ne trouve point mauvais qu'elle soit condamnée avec le reste; mais, supposé, comme il est vrai, que les exercices de la piété souffrent des intervalles, et que les hommes aient besoin de divertissement, je soutiens qu'on ne

leur en peut trouver un qui soit plus innocent que la comédie. Je me suis étendu trop loin. Finissons par un mot d'un grand prince[129] sur la comédie du *Tartuffe*.

Huit jours après qu'elle eut été défendue, on représenta devant la cour une pièce intitulée *Scaramouche ermite*; et le roi, en sortant, dit au grand prince que je veux dire:

«Je voudrais bien savoir pourquoi les gens qui se scandalisent si fort de la comédie de Molière ne disent mot de celle de *Scaramouche*;» à quoi le prince répondit: «La raison de cela, c'est que la comédie de *Scaramouche* joue le ciel et la religion, dont ces messieurs-là ne se soucient point; mais celle de Molière les joue eux-mêmes; c'est ce qu'ils ne peuvent souffrir.»

PREMIER PLACET

PRÉSENTÉ AU ROI

Sur la comédie du *Tartuffe*, qui n'avoit pas encore été représentée en public.

Sire,

Le devoir de la comédie étant de corriger les hommes en les divertissant, j'ai cru que, dans l'emploi où je me trouve[130], je n'avois rien de mieux à faire que d'attaquer par des peintures ridicules les vices de mon siècle; et, comme l'hypocrisie, sans doute, en est un des plus en usage, des plus incommodes et des plus dangereux, j'avois eu, Sire, la pensée que je ne rendrais pas un petit service à tous les honnêtes gens de votre royaume, si je faisais une comédie qui décriât les hypocrites, et mît en vue, comme il faut, toutes les grimaces étudiées de ces gens de bien à outrance, toutes les friponneries couvertes de ces faux monnoyeurs en dévotion, qui veulent attraper les hommes avec un zèle contrefait et une charité sophistique.

Je l'ai faite, Sire, cette comédie, avec tout le soin, comme je crois, et toutes les circonspections que pouvoit demander la délicatesse de la matière; et, pour mieux conserver l'estime et le respect qu'on doit aux vrais dévots, j'en ai distingué le plus que j'ai pu le caractère que j'avois à toucher. Je n'ai point laissé d'équivoque, j'ai ôté ce qui pouvoit confondre le bien avec le mal, et ne me suis servi, dans cette peinture, que des couleurs expresses et des traits essentiels qui font reconnoître d'abord un véritable et franc hypocrite.

Cependant toutes mes précautions ont été inutiles. On a profité, Sire, de la délicatesse de votre âme sur les matières de religion, et l'on a su vous prendre par l'endroit seul que vous êtes prenable, je veux dire par le respect des choses saintes. Les tartuffes, sous main, ont eu l'adresse de trouver grâce auprès de Votre Majesté; et les originaux enfin ont fait supprimer la copie, quelque innocente qu'elle fût, et quelque ressemblante qu'on la trouvât.

Bien que ce m'eût été un coup sensible que la suppression de cet ouvrage, mon malheur pourtant étoit adouci par la manière dont Votre Majesté s'étoit expliquée sur ce sujet; et j'ai cru, Sire, qu'elle m'ôtoit tout lieu de me plaindre, ayant eu la bonté de déclarer qu'elle ne trouvoit rien à dire dans cette comédie, qu'elle me défendoit de produire en public.

Mais, malgré cette glorieuse déclaration du plus grand roi du monde et du plus éclairé, malgré l'approbation encore de monsieur le légat, et de la plus grande partie de nos prélats, qui tous, dans les lectures particulières que je leur ai faites de mon ouvrage, se sont trouvés d'accord avec les sentiments de Votre Majesté; malgré tout cela, dis-je, on voit un livre composé par le curé de..., qui donne hautement un démenti à tous ces augustes té-

moignages. Votre Majesté a beau dire, et monsieur le légat et messieurs les prélats ont beau donner leur jugement, ma comédie, sans l'avoir vue^[131], est diabolique, et diabolique mon cerveau; je suis un démon vêtu de chair et habillé en homme, un libertin, un impie digne d'un supplice exemplaire. Ce n'est pas assez que le feu expie en public mon offense, j'en serois quitte à trop bon marché; le zèle charitable de ce galant homme de bien n'a garde de demeurer là; il ne veut point que j'aie de miséricorde auprès de Dieu, il veut absolument que je sois damné; c'est une affaire résolue.

Ce livre, Sire, a été présenté à Votre Majesté: et, sans doute, elle juge bien elle-même combien il m'est fâcheux de me voir exposé tous les jours aux insultes de ces messieurs; quel tort me feront dans le monde de telles calomnies, s'il faut qu'elles soient tolérées; et quel intérêt j'ai enfin à me purger de son imposture, et à faire voir au public que ma comédie n'est rien moins que ce qu'on veut qu'elle soit. Je ne dirai point, Sire, ce que j'aurois à demander pour ma réputation, et pour justifier à tout le monde l'innocence de mon ouvrage: les rois éclairés comme vous n'ont pas besoin qu'on leur marque ce qu'on souhaite; ils voient, comme Dieu, ce qu'il nous faut, et savent mieux que nous ce qu'ils nous doivent accorder. Il me suffit de mettre mes intérêts entre les mains de Votre Majesté; et j'attends d'elle, avec respect, tout ce qu'il lui plaira d'ordonner là-dessus.

SECOND PLACET

PRÉSENTÉ AU ROI

Dans son camp devant la ville de Lille en Flandre, par les sieurs la Thorillière et la Grange, comédiens de Sa Majesté, et compagnons du sieur Molière sur la défense qui fut faite, le 6 août 1667, de représenter le *Tartuffe* jusques à nouvel ordre de Sa Majesté.

Sire,

C'est une chose bien téméraire à moi que de venir importuner un grand monarque au milieu de ses glorieuses conquêtes; mais, dans l'état où je me vois, où trouver, Sire, une protection qu'au lieu où je la viens chercher; et qui puis-je solliciter contre l'autorité de la puissance qui m'accable, que la source de la puissance et de l'autorité, que le juste dispensateur des ordres absolus, que le souverain juge et le maître de toutes choses?

Ma comédie, Sire, n'a pu jouir ici des bontés de Votre Majesté. En vain je l'ai produite sous le titre de *l'Impos- teur*, et déguisé le personnage sous l'ajustement d'un homme du monde; j'ai eu beau lui donner un petit chapeau, de grands cheveux, un grand collet, une épée, et des dentelles sur tout l'habit, mettre en plusieurs endroits des adoucissements, et retrancher avec soin tout ce que j'ai jugé capable de fournir l'ombre d'un prétexte aux célèbres originaux du portrait que je voulois faire, tout cela n'a de rien servi. La cabale s'est réveillée aux simples conjectures qu'ils ont pu avoir de la chose. Ils ont trouvé moyen de surprendre des esprits qui, dans toute autre matière, font une haute profession de ne se point laisser surprendre. Ma comédie n'a pas plutôt paru, qu'elle s'est vue foudroyée par le coup d'un pouvoir qui doit imposer du respect; et tout ce que j'ai pu faire en cette rencontre pour me sauver moi-même de l'éclat de cette tempête, c'est de dire que Votre Majesté avoit eu la bonté de m'en permettre la représentation, et que je n'avois pas cru qu'il fût besoin de demander cette permission à d'autres, puisqu'il n'y avoit qu'elle seule qui me l'eût défendue.

Je ne doute point, Sire, que les gens que je peins dans ma comédie ne remuent bien des ressorts auprès de Votre Majesté, et ne jettent dans leur parti, comme ils ont déjà fait, de véritables gens de bien, qui sont d'autant plus prompts à se laisser tromper qu'ils jugent d'autrui par eux-mêmes. Ils ont l'art de donner de belles couleurs à

toutes leurs intentions. Quelque mine qu'ils fassent, ce n'est point du tout l'intérêt de Dieu qui les peut émouvoir, ils l'ont assez montré dans les comédies qu'ils ont souffert qu'on ait jouées tant de fois en public sans en dire le moindre mot. Celles-là n'attaquoient que la piété et la religion, dont ils se soucient fort peu; mais celle-ci les attaque et les joue eux-mêmes; et c'est ce qu'ils ne peuvent souffrir. Ils ne sauroient me pardonner de dévoiler leurs impostures aux yeux de tout le monde; et, sans doute, on ne manquera pas de dire à Votre Majesté que chacun s'est scandalisé de ma comédie. Mais la vérité pure, Sire, c'est que tout Paris ne s'est scandalisé que de la défense qu'on en a faite; que les plus scrupuleux en ont trouvé la représentation profitable; et qu'on s'est étonné que des personnes d'une probité si connue aient eu une si grande déférence pour des gens qui devoient être l'horreur de tout le monde, et sont si opposés à la véritable piété dont elles font profession.

J'attends avec respect l'arrêt que Votre Majesté daignera prononcer sur cette matière; mais il est très-assuré, Sire, qu'il ne faut plus que je songe à faire des comédies si les tartuffes ont l'avantage; qu'ils prendront droit par là de me persécuter plus que jamais, et voudront trouver à redire aux choses les plus innocentes qui pourront sortir de ma plume.

Daignent vos bontés, Sire, me donner une protection contre leur rage envenimée! et puissé-je, au retour d'une campagne si glorieuse, délasser Votre Majesté des fatigues de ses conquêtes, lui donner d'innocens plaisirs après de si nobles travaux, et faire rire le monarque qui fait trembler toute l'Europe!

TROISIÈME PLACET

PRÉSENTÉ AU ROI, LE 5 FÉVRIER 1669.

Sire,

Un fort honnête médecin^[132], dont j'ai l'honneur d'être le malade, me promet et veut s'obliger par-devant notaire de me faire vivre encore trente années, si je puis lui obtenir une grâce de Votre Majesté. Je lui ai dit, sur sa promesse, que je ne lui demandois pas tant, et que je serois satisfait de lui, pourvu qu'il s'obligeât de ne me point tuer. Cette grâce, Sire, est un canonicat de votre chapelle royale de Vincennes, vacant par la mort de...

Oserois-je demander encore cette grâce à Votre Majesté le propre jour de la grande résurrection de Tartuffe, ressuscité par vos bontés? Je suis, par cette première faveur, réconcilié avec les dévots: et je le serois, par cette seconde, avec les médecins. C'est pour moi, sans doute, trop de grâces à la fois; mais peut-être n'en est-ce pas trop pour Votre Majesté; et j'attends, avec un peu d'espérance respectueuse, la réponse de mon placet.

ACTEURS.

PERSONNAGES.

MADAME PERNELLE, mère
d'Orgon. Béjart.

ORGON, mari d'Elmire. Molière.

ELMIRE, femme d'Orgon.	M ^{lle} Molière.
DAMIS, fils d'Orgon.	Hubert.
MARIANE, fille d'Orgon et amante de Valère.	M ^{lle} Debrie.
VALÈRE. amant de Mariane.	La Grange.
CLÉANTE, beau-frère d'Orgon.	La Thorillière.
TARTUFFE, faux dévot.	Du Croisy.
DORINE, suivante de Mariane.	Mad. Béjart.
M. LOYAL, sergent[133].	Debrie.
UN EXEMPT.	
FLIPOTE, servante de madame Pernelle.	

La scène est à Paris, dans la maison d'Orgon.

ACTE IV

SCENE I.—CLEANTE, TARTUFFE.

CLEANTE.

Oui, tout le monde en parle, et vous m'en pouvez croire.
L'eclat que fait ce bruit n'est point a votre gloire;
Et je vous ai trouve, monsieur, fort a propos
Pour vous en dire net ma pensee en deux mots.
Je n'examine point a fond ce qu'on expose;
Je passe la-dessus et prends au pis la chose.
Supposons que Damis n'en ait pas bien use,
Et que ce soit a tort qu'on vous ait accuse:
N'est-il pas d'un chretien de pardonner l'offense,
Et d'eteindre en son coeur tout desir de vengeance?
Et devez-vous souffrir, pour votre demele,
Que du logis d'un pere un fils soit exile?
Je vous le dis encore, et parle avec franchise,
Il n'est petit ni grand qui ne s'en scandalise;
Et, si vous m'en croyez, vous pacifierez tout,
Et ne pousserez point les affaires a bout.
Sacrifiez a Dieu toute votre colere,
Et remettez le fils en grace avec le pere.

TARTUFFE.

Helas! je le voudrois, quant a moi, de bon coeur;
Je ne garde pour lui, monsieur, aucune aigreur;
Je lui pardonne tout, de rien je ne le blame,
Et voudrois le servir du meilleur de mon ame:
Mais l'interet du ciel n'y sauroit consentir;
Et, s'il rentre ceans, c'est a moi d'en sortir.
Après son action, qui n'eut jamais d'egale,

Le commerce entre nous porteroit du scandale:
Dieu sait ce que d'abord tout le monde en croiroit!
A pure politique on me l'imputeroit,
Et l'on diroit partout que, me sentant coupable,
Je feins pour qui m'accuse un zele charitable;
Que mon coeur l'apprehende et veut le menager,
Pour le pouvoir, sous main, au silence engager.

CLEANTE.

Vous nous payez ici d'excuses colorees,
Et toutes vos raisons, monsieur, sont trop tirees.
Des interets du ciel pourquoi vous chargez-vous?
Pour punir le coupable a-t-il besoin de nous?
Laissez-lui, laissez-lui le soin de ses vengeance:
Ne songez qu'au pardon qu'il prescrit des offenses,
Et ne regardez point aux jugemens humains,
Quand vous suivez du ciel les ordres souverains.
Quoi! le foible interet de ce qu'on pourra croire
D'une bonne action empechera la gloire!
Non, non; faisons toujours ce que le ciel prescrit,
Et d'aucun autre soin ne nous brouillons l'esprit.

TARTUFFE.

Je vous ai deja dit que mon coeur lui pardonne,
Et c'est faire, monsieur, ce que le ciel ordonne;
Mais, apres le scandale et l'affront d'aujourd'hui,
Le ciel n'ordonne pas que je vive avec lui.

CLEANTE.

Et vous ordonne-t-il, monsieur, d'ouvrir l'oreille
A ce qu'un pur caprice a son pere conseille,
Et d'accepter le don qui vous est fait d'un bien
Ou le droit vous oblige a ne pretendre rien?

TARTUFFE.

Ceux qui me connoitront n'auront pas la pensee
Que ce soit un effet d'une ame interessee.
Tous les biens de ce monde ont pour moi peu d'appas,
De leur eclat trompeur je ne m'eblois pas;
Et, si je me resous a recevoir du pere
Cette donation qu'il a voulu me faire,
Ce n'est, a dire vrai, que parce que je crains
Que tout ce bien ne tombe en de mechantes mains;
Qu'il ne trouve des gens qui, l'ayant en partage,
En fassent dans le monde un criminel usage,
Et ne s'en servent pas, ainsi que j'ai dessein,
Pour la gloire du ciel et le bien du prochain.

CLEANTE.

Eh! monsieur, n'ayez point ces delicates craintes,
Qui d'un juste heritier peuvent causer les plaintes.
Souffrez, sans vous vouloir embarrasser de rien,
Qu'il soit, a ses perils, possesseur de son bien,
Et songez qu'il vaut mieux encor qu'il en mesuse,
Que si de l'en frustrer il faut qu'on vous accuse.
J'admire seulement que sans confusion
Vous en ayez souffert la proposition.
Car enfin le vrai zele a-t-il quelque maxime
Qui montre a depouiller l'heritier legitime?
Et, s'il faut que le ciel dans votre coeur ait mis
Un invincible obstacle a vivre avec Damis,
Ne vaudroit-il pas mieux qu'en personne discrete
Vous fissiez de ceans une honnete retraite,
Que de souffrir ainsi, contre toute raison,
Qu'on en chasse pour vous le fils de la maison?
Croyez-moi, c'est donner de votre prud'homie,
Monsieur...

TARTUFFE.

Il est, monsieur, trois heures et demie:
Certain devoir pieux me demande la-haut,
Et vous m'excuserez de vous quitter sitot.

CLEANTE, *seul*.

Ah!

SCENE II.—ELMIRE, MARIANE, CLEANTE, DORINE.

DORINE, *a Cleante*.

De grace, avec nous employez-vous pour elle,
Monsieur: son ame souffre une douleur mortelle,
Et l'accord que son pere a conclu pour ce soir
La fait a tous momens entrer en desespoir.
Il va venir. Joignons nos efforts, je vous prie,
Et tachons d'ebanler, de force ou d'industrie,
Ce malheureux dessein qui nous a tous troubles.

**SCENE III.—ORGON, ELMIRE, MARIANE, CLEANTE,
DORINE.**

ORGON.

Ah! je me rejouis de vous voir assembles.

A Mariane.

Je porte en ce contrat de quoi vous faire rire,
Et vous savez deja ce que cela veut dire.

MARIANE, *aux genoux d'Orgon.*

Mon pere, au nom du ciel, qui connoit ma douleur,
Et par tout ce qui peut emouvoir votre coeur,
Relachez-vous un peu des droits de la naissance,
Et dispensez mes voeux de cette obeissance.
Ne me reduisez point, par cette dure loi,
Jusqu'a me plaindre au ciel de ce que je vous doi;
Et cette vie, hélas! que vous m'avez donnee,
Ne me la rendez pas, mon pere, infortunee.
Si, contre un doux espoir que j'avois pu former,
Vous me defendez d'etre a ce que j'ose aimer,
Au moins, par vos bontes, qu'a vos genoux j'implore,
Sauvez-moi du tourment d'etre a ce que j'abhorre,
Et ne me portez point a quelque desespoir,
En vous servant sur moi de tout votre pouvoir.

ORGON, *se sentant attendrir.*

Allons, ferme, mon coeur! point de foiblesse humaine!

MARIANE.

Vos tendresses pour lui ne me font point de peine;
Faites-les eclater, donnez-lui votre bien,
Et, si ce n'est assez, joignez-y tout le mien:
J'y consens de bon coeur, et je vous l'abandonne;
Mais, au moins, n'allez pas jusques a ma personne,
Et souffrez qu'un couvent dans les austerites,
Use les tristes jours que le ciel m'a comptes.

ORGON.

Ah! voila justement de mes religieuses,
Lorsqu'un pere combat leurs flammes amoureuses!
Debout. Plus votre coeur repugne a l'accepter,
Plus ce sera pour vous matiere a meriter.
Mortifiez vos sens avec ce mariage,
Et ne me rompez pas la tete davantage.

DORINE.

Mais quoi!...

ORGON.

Taisez-vous, vous! Parlez a votre ecot^[164];
Je vous defends tout net d'oser dire un seul mot.

CLEANTE.

Si par quelque conseil vous souffrez qu'on reponde...

ORGON.

Mon frere, vos conseils sont les meilleurs du monde:

Ils sont bien raisonnees, et j'en fais un grand cas;
Mais vous trouverez bon que je n'en use pas.

ELMIRE, *a Orgon.*

A voir ce que je vois, je ne sais plus que dire,
Et votre aveuglement fait que je vous admire.
C'est etre bien coiffe, bien prevenu de lui,
Que de nous dementir sur le fait d'aujourd'hui!

ORGON.

Je suis votre valet, et crois les apparences.
Pour mon fripon de fils je sais vos complaisances,
Et vous avez eu peur de le desavouer
Du trait qu'a ce pauvre homme il a voulu jouer.
Vous etiez trop tranquille, enfin, pour etre crue;
Et vous auriez paru d'autre maniere emue.

ELMIRE.

Est-ce qu'au simple aveu d'un amoureux transport
Il faut que notre honneur se gendarme si fort?
Et ne peut-on repondre a tout ce qui le touche,
Que le feu dans les yeux et l'injure a la bouche?
Pour moi, de tels propos je me ris simplement;
Et l'eclat, la-dessus, ne me plait nullement.
J'aime qu'avec douceur nous nous montrions sages,
Et ne suis point du tout pour ces prudes sauvages
Dont l'honneur est arme de griffes et de dents,
Et veut au moindre mot devisager les gens.
Me preserve le ciel d'une telle sagesse!
Je veux une vertu qui ne soit point diablesse;
Et crois que d'un refus la discrete froideur
N'en est pas moins puissante a rebuter un coeur.

ORGON.

Enfin je sais l'affaire, et ne prends point le change.

ELMIRE.

J'admire, encore un coup, cette foiblesse etrange:
Mais que me repondroit votre incredulite,
Si je vous faisois voir qu'on vous dit verite?

ORGON.

Voir?

ELMIRE.

Oui.

ORGON.

Chansons!

ELMIRE.

Mais quoi! si je trouvois maniere
De vous le faire voir avec pleine lumiere?...

ORGON.

Contes en l'air!

ELMIRE.

Quel homme! Au moins, repondez-moi.
Je ne vous parle pas de nous ajouter foi;
Mais supposons ici que, d'un lieu qu'on peut prendre,
On vous fit clairement tout voir et tout entendre:
Que diriez-vous alors de votre homme de bien?

ORGON.

En ce cas, je dirois que... Je ne dirois rien,
Car cela ne se peut.

ELMIRE.

L'erreur trop longtemps dure,
Et c'est trop condamner ma bouche d'imposture;
Il faut que par plaisir, et sans aller plus loin,
De tout ce qu'on vous dit je vous fasse temoin.

ORGON.

Soit. Je vous prends au mot. Nous verrons votre adresse,
Et comment vous pourrez remplir cette promesse.

ELMIRE, *a Dorine.*

Faites-le-moi venir.

DORINE, *a Elmire.*

Son esprit est ruse,
Et peut-etre a surprendre il sera malaise.

ELMIRE, *a Dorine.*

Non; on est aisement dupe par ce qu'on aime,
Et l'amour-propre engage a se tromper soi-meme.

A Cleante et a Mariane.

Faites-le-moi descendre. Et vous, retirez-vous.

SCENE IV.—ELMIRE, ORGON.

ELMIRE.

Approchons cette table, et vous mettez dessous.

ORGON.

Comment!

ELMIRE.

Vous bien cacher est un point necessaire.

ORGON.

Pourquoi sous cette table?

ELMIRE.

Ah! mon Dieu! laissez faire,

J'ai mon dessein en tete, et vous en jugerez.

Mettez-vous la, vous dis-je; et, quand vous y serez,

Gardez qu'on ne vous voie et qu'on ne vous entende.

ORGON.

Je confesse qu'ici ma complaisance est grande;

Mais de votre entreprise il vous faut voir sortir.

ELMIRE.

Vous n'aurez, je ne crois, rien a me repartir.

A Orgon qui est sous la table.

Au moins, je vais toucher une etrange matiere:

Ne vous scandalisez en aucune maniere.

Quoi que je puisse dire, il doit m'etre permis;

Et c'est pour vous convaincre, ainsi que j'ai promis.

Je vais par des douceurs, puisque j'y suis reduite,

Faire poser le masque a cette ame hypocrite,

Flatter de son amour les desirs effrontes,

Et donner un champ libre a ses temerites.

Comme c'est pour vous seul, et pour mieux le confondre,

Que mon ame a ses voeux va feindre de repondre,

J'aurai lieu de cesser des que vous vous rendrez,

Et les choses n'iront que jusqu'ou vous voudrez.

C'est a vous d'arreter son ardeur insensee

Quand vous croirez l'affaire assez avant poussee,

D'epargner votre femme, et de ne m'exposer

Qu'a ce qu'il vous faudra pour vous desabuser.

Ce sont vos interets, vous en serez le maitre,

Et... L'on vient. Tenez-vous, et gardez de paroître.

SCENE V.—TARTUFFE, ELMIRE, ORGON, sous la table.

TARTUFFE.

On m'a dit qu'en ce lieu vous me vouliez parler?

ELMIRE.

Oui. L'on a des secrets a vous y reveler.

Mais tirez cette porte avant qu'on vous les dise,

Et regardez partout, de crainte de surprise.

Tartuffe va fermer la porte et revient.

Une affaire pareille a celle de tantot
N'est pas assurément ici ce qu'il nous faut:
Jamais il ne s'est vu de surprise de meme.
Damis m'a fait pour vous une frayeur extreme;
Et vous avez bien vu que j'ai fait mes efforts
Pour rompre son dessein et calmer ses transports.
Mon trouble, il est bien vrai, m'a si fort possedee,
Que de le dementir je n'ai point eu l'idee:
Mais par la, grace au ciel, tout a bien mieux ete,
Et les choses en sont en plus de surete.
L'estime ou l'on vous tient a dissipe l'orage,
Et mon mari de vous ne peut prendre d'ombrage;
Pour mieux braver l'eclat des mauvais jugemens,
Il veut que nous soyons ensemble a tous momens;
Et c'est par ou je puis, sans peur d'etre blamee,
Me trouver ici seule avec vous enfermee,
Et ce qui m'autorise a vous ouvrir un coeur
Un peu trop prompt peut-etre a souffrir votre ardeur.

TARTUFFE.

Ce langage a comprendre est assez difficile,
Madame; et vous parliez tantot d'un autre style.

ELMIRE.

Ah! si d'un tel refus vous etes en courroux,
Que le coeur d'une femme est mal connu de vous!
Et que vous savez peu ce qu'il veut faire entendre
Lorsque si foiblement on le voit se defendre!
Toujours notre pudeur combat, dans ces momens,
Ce qu'on peut nous donner de tendres sentimens.
Quelque raison qu'on trouve a l'amour qui nous dompte,
On trouve a l'avouer toujours un peu de honte.
On s'en defend d'abord; mais de l'air qu'on s'y prend
On fait connoitre assez que notre coeur se rend;
Qu'a nos voeux, par honneur, notre bouche s'oppose,
Et que de tels refus promettent toute chose.
C'est vous faire, sans doute, un assez libre aveu,
Et sur notre pudeur me menager bien peu.
Mais, puisque la parole enfin en est lachee,
A retenir Damis me serois-je attachee,
Aurois-je, je vous prie, avec tant de douceur
Ecoute tout au long l'offre de votre coeur,
Aurois-je pris la chose ainsi qu'on m'a vu faire,

Si l'offre de ce coeur n'eut eu de quoi me plaire?
Et lorsque j'ai voulu moi-meme vous forcer
A refuser l'hymen qu'on venoit d'annoncer,
Qu'est-ce que cette instance a du vous faire entendre,
Que l'interet qu'en vous on s'avise de prendre,
Et l'ennui qu'on auroit que ce noeud qu'on resout
Vint partager du moins un coeur que l'on veut tout?

TARTUFFE.

C'est sans doute, madame, une douceur extreme
Que d'entendre ces mots d'une bouche qu'on aime;
Leur miel dans tous mes sens fait couler a longs traits
Une suavite qu'on ne gouta jamais.
Le bonheur de vous plaire est ma supreme etude,
Et mon coeur de vos voeux fait sa beatitude;
Mais ce coeur vous demande ici la liberte
D'oser douter un peu de sa felicite.
Je puis croire ces mots un artifice honnete
Pour m'obliger a rompre un hymen qui s'apprete;
Et, s'il faut librement m'expliquer avec vous,
Je ne me fierai point a des propos si doux,
Qu'un peu de vos faveurs, apres quoi je soupire,
Ne vienne m'assurer tout ce qu'ils m'ont pu dire,
Et planter dans mon ame une constante foi
Des charmantes bontes que vous avez pour moi.

ELMIRE, apres avoir toussé pour avertir son mari.
Quoi! vous voulez aller avec cette vitesse,
Et d'un coeur tout d'abord epuiser la tendresse!
On se tue a vous faire un aveu des plus doux:
Cependant ce n'est pas encore assez pour vous;
Et l'on ne peut aller jusqu'a vous satisfaire,
Qu'aux dernieres faveurs on ne pousse l'affaire?

TARTUFFE.

Moins on merite un bien, moins on l'ose esperer,
Nos voeux sur des discours ont peine a s'assurer.
On soupconne aisement un sort tout plein de gloire,
Et l'on veut en jouir avant que de le croire.
Pour moi, qui crois si peu meriter vos bontes,
Je doute du bonheur de mes temerites;
Et je ne croirai rien, que vous n'ayez, madame,
Par des realites su convaincre ma flamme.

ELMIRE.

Mon Dieu! que votre amour en vrai tyran agit!
Et qu'en un trouble etrange il me jette l'esprit!

Que sur les coeurs il prend un furieux empire!
Et qu'avec violence il veut ce qu'il desire!
Quoi! de votre poursuite on ne peut se parer,
Et vous ne donnez pas le temps de respirer?
Sied-il bien de tenir une rigueur si grande,
De vouloir sans quartier les choses qu'on demande,
Et d'abuser ainsi, par vos efforts pressans,
Du foible que pour vous vous voyez qu'ont les gens?

TARTUFFE.

Mais, si d'un oeil benin vous voyez mes hommages,
Pourquoi m'en refuser d'assures temoignages?

ELMIRE.

Mais comment consentir a ce que vous voulez,
Sans offenser le ciel, dont toujours vous parlez?

TARTUFFE.

Si ce n'est que le ciel qu'a mes voeux on oppose,
Lever un tel obstacle est a moi peu de chose;
Et cela ne doit point retenir votre coeur.

ELMIRE.

Mais des arrêts du ciel on nous fait tant de peur!

TARTUFFE.

Je vous puis dissiper ces craintes ridicules,
Madame, et je sais l'art de lever les scrupules.
Le ciel defend, de vrai, certains contentemens.
Mais on trouve avec lui des accommodemens^[165].
Selon divers besoins, il est une science
D'etendre les liens de notre conscience,
Et de rectifier le mal de l'action
Avec la purete de notre intention.
De ces secrets, madame, on saura vous instruire;
Vous n'avez seulement qu'a vous laisser conduire.
Contentez mon desir, et n'avez point d'effroi:
Je vous reponds de tout, et prends le mal sur moi.

Elmire tousse plus fort.

Vous toussiez fort, madame?

ELMIRE.

Oui, je suis au supplice.

TARTUFFE.

Vous plait-il un morceau de ce jus de reglisse?

ELMIRE.

C'est un rhume obstine, sans doute; et je vois bien
Que tous les jus du monde ici ne feront rien.

TARTUFFE.

Cela, certe, est facheux.

ELMIRE.

Oui, plus qu'on ne peut dire.

TARTUFFE.

Enfin votre scrupule est facile a detruire.
Vous etes assuree ici d'un plein secret,
Et le mal n'est jamais que dans l'eclat qu'on fait.
Le scandale du monde est ce qui fait l'offense,
Et ce n'est pas pecher que pecher en silence.

ELMIRE, *apres avoir encore toussé et frappe sur la table.*

Enfin je vois qu'il faut se resoudre a ceder;
Qu'il faut que je consente a vous tout accorder;
Et qu'a moins de cela je ne dois point pretendre
Qu'on puisse etre content, et qu'on veuille se rendre.
Sans doute il est facheux d'en venir jusque-la,
Et c'est bien malgre moi que je franchis cela;
Mais, puisque l'on s'obstine a m'y vouloir reduire,
Puisqu'on ne veut point croire a tout ce qu'on peut dire,
Et qu'on veut des temoins qui soient plus convaincans,
Il faut bien s'y resoudre, et contenter les gens.
Si ce contentement porte en soi quelque offense,
Tant pis pour qui me force a cette violence:
La faute assurément n'en doit point etre a moi.

TARTUFFE.

Oui, madame, on s'en charge; et la chose de soi...

ELMIRE.

Ouvrez un peu la porte, et voyez, je vous prie,
Si mon mari n'est point dans cette galerie.

TARTUFFE.

Qu'est-il besoin pour lui du soin que vous prenez?
C'est un homme, entre nous, a mener par le nez.
De tous nos entretiens il est pour faire gloire,
Et je l'ai mis au point de voir tout sans rien croire.

ELMIRE.

Il n'importe. Sortez, je vous prie, un moment;

Et partout la dehors voyez exactement.

SCENE VI.—ORGON, ELMIRE.

ORGON, *sortant de dessous la table.*

Voilà, je vous l'avoue, un abominable homme!
Je n'en puis revenir, et tout ceci m'assomme.

ELMIRE.

Quoi! vous sortez sitot! Vous vous moquez des gens!
Rentrez sous le tapis, il n'est pas encor temps;
Attendez jusqu'au bout pour voir les choses sûres,
Et ne vous fiez point aux simples conjectures.

ORGON.

Non, rien de plus mechant n'est sorti de l'enfer!

ELMIRE.

Mon Dieu! l'on ne doit point croire trop de leger^[166].
Laissez-vous bien convaincre avant que de vous rendre,
Et ne vous hâtez point, de peur de vous meprendre.
Elmire fait mettre Orgon derriere elle.

SCENE VII.—TARTUFFE, ELMIRE, ORGON.

TARTUFFE, *sans voir Orgon.*

Tout conspire, madame, a mon contentement.
J'ai visite de l'oeil tout cet appartement;
Personne ne s'y trouve; et mon ame ravie...

Dans le temps que Tartuffe s'avance les bras ouverts pour embrasser Elmire, elle se retire, et Tartuffe aperçoit Orgon.

ORGON, *arretant Tartuffe.*

Tout doux! vous suivez trop votre amoureuse envie,
Et vous ne devez pas vous tant passionner.
Ah! ah! l'homme de bien, vous m'en voulez donner?
Comme aux tentations s'abandonne votre ame!
Vous epousiez ma fille, et convoitiez ma femme!
J'ai doute fort longtemps que ce fut tout de bon,
Et je croyois toujours qu'on changeroit de ton;
Mais c'est assez avant pousser le temoignage:
Je m'y tiens, et n'en veux, pour moi, pas davantage.

ELMIRE, *a Tartuffe.*

C'est contre mon humeur que j'ai fait tout ceci;
Mais on m'a mise au point de vous traiter ainsi.

TARTUFFE, *a Orgon*.
Quoi! vous croyez...

ORGON.
Allons, point de bruit, je vous prie.
Denichons de ceans, et sans ceremonie.

TARTUFFE.
Mon dessein^[167]...

ORGON.
Ces discours ne sont plus de saison.
Il faut, tout sur-le-champ, sortir de la maison.

TARTUFFE.
C'est a vous d'en sortir, vous qui parlez en maitre:
La maison m'appartient, je le ferai connoitre,
Et vous montrerai bien qu'en vain on a recours,
Pour me chercher querelle, a ces laches detours;
Qu'on n'est pas ou l'on pense en me faisant injure;
Que j'ai de quoi confondre et punir l'imposture,
Venger le ciel qu'on blesse, et faire repentir
Ceux qui parlent ici de me faire sortir.

SCENE VIII.—ELMIRE, ORGON.

ELMIRE.
Quel est donc ce langage? et qu'est-ce qu'il veut dire!

ORGON.
Ma foi, je suis confus, et n'ai pas lieu de rire.

ELMIRE.
Comment?

ORGON.
Je vois ma faute aux choses qu'il me dit;
Et la donation m'embarrasse l'esprit.

ELMIRE.
La donation?

ORGON.
Oui. C'est une affaire faite.
Mais j'ai quelque autre chose encor qui m'inquiete.

ELMIRE.
Et quoi?

ORGON.

Vous saurez tout. Mais voyons au plus tot
Si certaine cassette est encore la-haut.

ACTE V
SCENE I.—ORGON, CLEANTE.

CLEANTE.

Ou voulez-vous courir?

ORGON.

Las! que sais-je?

CLEANTE.

Il me semble
Que l'on doit commencer par consulter ensemble
Les choses qu'on peut faire en cet evenement.

ORGON.

Cette cassette-la me trouble entierement;
Plus que le reste encore elle me desesperes.

CLEANTE.

Cette cassette est donc un important mystere?

ORGON.

C'est un depot qu'Argas, cet ami que je plains,
Lui-meme en grand secret m'a mis entre les mains.
Pour cela dans sa fuite il me voulut elire;
Et ce sont des papiers, a ce qu'il m'a pu dire,
Ou sa vie et ses biens se trouvent attaches.

CLEANTE.

Pourquoi donc les avoir en d'autres mains laches?

ORGON.

Ce fut par un motif de cas de conscience.
J'allai droit a mon traître en faire confidence;
Et son raisonnement me vint persuader
De lui donner plutot la cassette a garder,
Afin que pour nier, en cas de quelque enquete,
J'eusse d'un faux-fuyant la faveur toute prete,
Par ou ma conscience eut pleine surete
A faire des sermens contre la verite.

CLEANTE.

Vous voila mal, au moins si j'en crois l'apparence;

Et la donation, et cette confiance,
Sont, a vous en parler selon mon sentiment,
Des demarches par vous faites legerement.
On peut vous mener loin avec de pareils gages;
Et, cet homme sur vous ayant ces avantages,
Le pousser est encor grande imprudence a vous,
Et vous deviez chercher quelque biais plus doux.

ORGON.

Quoi! sous un beau semblant de ferveur si touchante
Cacher un coeur si double, une ame si mechante!
Et moi qui l'ai recu gueusant et n'ayant rien...
C'en est fait, je renonce a tous les gens de bien;
J'en aurai desormais une horreur effroyable,
Et m'en vais devenir pour eux pire qu'un diable.

CLEANTE.

Eh bien, ne voila pas de vos emportemens!
Vous ne gardez en rien les doux temperamens.
Dans la droite raison jamais n'entre la votre;
Et toujours d'un exces vous vous jetez dans l'autre.
Vous voyez votre erreur, et vous avez connu
Que par un zele feint vous etiez prevenu;
Mais, pour vous corriger, quelle raison demande
Que vous alliez passer dans une erreur plus grande,
Et qu'avecque^[168] le coeur d'un perfide vaurien
Vous confondiez les coeurs de tous les gens de bien?
Quoi! parce qu'un fripon vous dupe avec audace,
Sous le pompeux eclat d'une austere grimace,
Vous voulez que partout on soit fait comme lui,
Et qu'aucun vrai devot ne se trouve aujourd'hui?
Laissez aux libertins ces sottes consequences:
Demelez la vertu d'avec ses apparences,
Ne hasardez jamais votre estime trop tot,
Et soyez pour cela dans le milieu qu'il faut.
Gardez-vous, s'il se peut, d'honorer l'imposture:
Mais au vrai zele aussi n'allez pas faire injure;
Et, s'il vous faut tomber dans une extremite,
Pechez plutot encor de cet autre cote.

SCENE II.—ORGON, CLEANTE, DAMIS.

DAMIS.

Quoi! mon pere, est-il vrai qu'un coquin vous menace?
Qu'il n'est point de bienfait qu'en son ame il n'efface,
Et que son lache orgueil, trop digne de courroux,
Se fait de vos bontes des armes contre vous?

ORGON.

Oui, mon fils; et j'en sens des douleurs non pareilles.

DAMIS.

Laissez-moi, je lui veux couper les deux oreilles.
Contre son insolence on ne doit point gauchir:
C'est a moi tout d'un coup de vous en affranchir;
Et, pour sortir d'affaire, il faut que je l'assomme.

CLEANTE.

Voila tout justement parler en vrai jeune homme,
Moderez, s'il vous plait, ces transports eclatans.
Nous vivons sous un regne et sommes dans un temps
Ou par la violence on fait mal ses affaires.

**SCENE III.—MADAME PERNELLE, ORGON, ELMIRE,
CLEANTE, MARIANE, DAMIS, DORINE.**

MADAME PERNELLE.

Qu'est-ce? J'apprends ici de terribles mysteres!

ORGON.

Ce sont des nouveutes dont mes yeux sont temoins;
Et vous voyez le prix dont sont payes mes soins.
Je recueille avec zele un homme en sa misere,
Je le loge, et le tiens comme mon propre frere;
De bienfaits chaque jour il est par moi charge;
Je lui donne ma fille et tout le bien que j'ai:
Et, dans le meme temps, le perfide, l'infame,
Tente le noir dessein de suborner ma femme;
Et, non content encor de ses laches essais,
Il m'ose menacer de mes propres bienfaits,
Et veut, a ma ruine, user des avantages
Dont le viennent d'armer mes bontes trop peu sages,
Me chasser de mes biens ou je l'ai transfere,
Et me reduire au point d'ou je l'ai retire!

DORINE.

Le pauvre homme!

MADAME PERNELLE.

Mon fils, je ne puis du tout croire
Qu'il ait voulu commettre une action si noire.

ORGON.

Comment!

MADAME PERNELLE.

Les gens de bien sont envies toujours.

ORGON.

Que voulez-vous donc dire avec votre discours,
Ma mere?

MADAME PERNELLE.

Que chez vous on vit d'etrange sorte,
Et qu'on ne sait que trop la haine qu'on lui porte.

ORGON.

Qu'a cette haine a faire avec ce que l'on dit?

MADAME PERNELLE.

Je vous l'ai dit cent fois quand vous etiez petit:
La vertu dans le monde est toujours poursuivie;
Les envieux mourront, mais non jamais l'envie.

ORGON.

Mais que fait ce discours aux choses d'aujourd'hui?

MADAME PERNELLE.

On vous aura forge cent sots contes de lui.

ORGON.

Je vous ai dit deja que j'ai vu tout moi-meme.

MADAME PERNELLE.

Des esprits medisans la malice est extreme.

ORGON.

Vous me feriez damner, ma mere! Je vous di
Que j'ai vu de mes yeux un crime si hardi.

MADAME PERNELLE.

Les langues ont toujours du venin a repandre,
Et rien n'est ici-bas qui s'en puisse defendre.

ORGON.

C'est tenir un propos de sens bien depourvu.
Je l'ai vu, dis-je, vu, de mes propres yeux vu,
Ce qu'on appelle vu. Faut-il vous le rebattre
Aux oreilles cent fois, et crier comme quatre?

MADAME PERNELLE.

Mon Dieu! le plus souvent l'apparence decoit.
Il ne faut pas toujours juger sur ce qu'on voit.

ORGON.
J'enrage!

MADAME PERNELLE.
Aux faux soupçons la nature est sujette,
Et c'est souvent à mal que le bien s'interprète.

ORGON.
Je dois interpréter à charitable soin
Le désir d'embrasser ma femme!

MADAME PERNELLE.
Il est besoin,
Pour accuser les gens, d'avoir de justes causes;
Et vous deviez attendre à vous voir sur des choses.

ORGON.
Eh? diantre! le moyen de m'en assurer mieux?
Je devais donc, ma mère, attendre qu'à mes yeux
Il eût... Vous me feriez dire quelque sottise.

MADAME PERNELLE.
Enfin d'un trop pur zèle on voit son âme éprise;
Et je ne puis du tout me mettre dans l'esprit
Qu'il ait voulu tenter les choses que l'on dit.

ORGON.
Allez, je ne sais pas, si vous n'étiez ma mère,
Ce que je vous dirois, tant je suis en colère!

DORINE, *a Orgon.*
Juste retour, monsieur, des choses d'ici-bas:
Vous ne vouliez point croire, et l'on ne vous croit pas.

CLEANTE.
Nous perdons des moments en bagatelles pures,
Qu'il faudrait employer à prendre des mesures:
Aux menaces du fourbe on doit ne dormir point.

DAMIS.
Quoi! son effronterie irait jusqu'à ce point?

ELMIRE.
Pour moi, je ne crois pas cette instance possible,
Et son ingratitude est ici trop visible.

CLEANTE, *a Oronte.*
Ne vous y fiez pas: il aura des ressorts

Pour donner contre vous raison a ses efforts;
Et sur moins que cela le poids d'une cabale
Embarrasse les gens dans un facheux dedale.
Je vous le dis encore: arme de ce qu'il a,
Vous ne deviez jamais le pousser jusque-la.

ORGON.
Il est vrai; mais qu'y faire? A l'orgueil de ce traître,
De mes ressentimens je n'ai pas ete maitre.

CLEANTE.
Je voudrais de bon coeur qu'on put entre vous deux
De quelque ombre de paix raccommoder les noeuds.

ELMIRE.
Si j'avois su qu'en main il a de telles armes,
Je n'aurois pas donne matiere a tant d'alarmes;
Et mes...

ORGON, *a Dorine, voyant entrer M. Loyal.*
Que veut cet homme? Allez tot le savoir
Je suis bien en etat que l'on me vienne voir!

**SCENE IV.—ORGON, MADAME PERNELLE, ELMIRE,
MARIANE, CLEANTE, DAMIS, DORINE. M. LOYAL.**

M. LOYAL, *a Dorine, dans le fond du theatre.*
Bonjour, ma chere soeur; faites, je vous supplie,
Que je parle a monsieur.

DORINE.
Il est en compagnie,
Et je doute qu'il puisse a present voir quelqu'un.

M. LOYAL.
Je ne suis pas pour etre en ces lieux importun
Mon abord n'aura rien, je crois, qui lui deplaise;
Et je viens pour un fait dont il sera bien aise.

DORINE.
Votre nom?

M. LOYAL.
Dites-lui seulement, que je vien
De la part de monsieur Tartuffe, pour son bien.

DORINE, *a Orgon.*
C'est un homme qui vient, avec douce maniere,

De la part de monsieur Tartuffe, pour affaire
Dont vous serez, dit-il, bien aise.

CLEANTE, *a Orgon.*

Il vous faut voir
Ce que c'est que cet homme, et ce qu'il peut vouloir.

ORGON, *a Cleante.*

Pour nous raccommoier il vient ici peut-etre:
Quels sentimens aurai-je a lui faire paroître?

CLEANTE.

Votre ressentiment ne doit point eclater;
Et, s'il parle d'accord, il le faut ecouter.

M. LOYAL, *a Orgon.*

Salut, monsieur. Le ciel perde qui vous veut nuire,
Et vous soit favorable autant que je desire!
ORGON, *bas, a Cleante.*
Ce doux debut s'accorde avec mon jugement,
Et presage deja quelque accommodement.

M. LOYAL.

Toute votre maison m'a toujours ete chere,
Et j'etois serviteur de monsieur votre pere.

ORGON.

Monsieur, j'ai grande honte et demande pardon
D'etre sans vous connoître ou savoir votre nom.

M. LOYAL.

Je m'appelle Loyal, natif de Normandie,
Et suis huissier a verge, en depit de l'envie,
J'ai, depuis quarante ans, grace au ciel, le bonheur
D'en exercer la charge avec beaucoup d'honneur;
Et je vous viens, monsieur, avec votre licence,
Signifier l'exploit de certaine ordonnance...

ORGON.

Quoi! vous etes ici...

M. LOYAL.

Monsieur, sans passion.
Ce n'est rien seulement qu'une sommation.
Un ordre de vider d'ici, vous et les votres,
Mettre vos meubles hors, et faire place a d'autres.
Sans delai ni remise, ainsi que besoin est.

ORGON.

Moi! sortir de ceans?

M. LOYAL.

Oui, monsieur, s'il vous plait
La maison a present, vous le savez de reste,
Au bon monsieur Tartuffe appartient sans conteste.
De vos biens desormais il est maitre et seigneur,
En vertu d'un contrat duquel je suis porteur.
Il est en bonne forme, et l'on n'y peut rien dire.

DAMIS, *a M. Loyal.*

Certes, cette impudence est grande et je l'admire!

M. LOYAL, *a Damis.*

Monsieur, je ne dois point avoir affaire a vous;
Montrant Orgon.
C'est a monsieur; il est et raisonnable et doux,
Et d'un homme de bien il sait trop bien l'office,
Pour se vouloir du tout opposer a justice.

ORGON.

Mais...

M. LOYAL.

Oui, monsieur, je sais que pour un million
Vous ne voudriez pas faire rebellion,
Et que vous souffrirez en honnete personne
Que j'execute ici les ordres qu'on me donne.

DAMIS.

Vous pourriez bien ici sur votre noir jupon,
Monsieur l'huissier a verge, attirer le baton.

M. LOYAL, *a Orgon.*

Faites que votre fils se taise ou se retire,
Monsieur. J'aurois regret d'etre oblige d'ecrire,
Et de vous voir couche dans mon proces-verbal.

DORINE, *a part.*

Ce monsieur Loyal porte un air bien deloyal.

M. LOYAL.

Pour tous les gens de bien j'ai de grandes tendresses,
Et ne me suis voulu, monsieur, charger des pieces,
Que pour vous obliger et vous faire plaisir;
Que pour oter par la le moyen d'en choisir
Qui, n'ayant pas pour vous le zele qui me pousse,

Auroient pu proceder d'une facon moins douce.

ORGON.

Et que peut-on de pis que d'ordonner aux gens
De sortir de chez eux?

M. LOYAL.

On vous donne du temps;
Et jusques a demain je ferai surseance
A l'execution, monsieur, de l'ordonnance.
Je viendrai seulement passer ici la nuit
Avec dix de mes gens, sans scandale et sans bruit.
Pour la forme il faudra, s'il vous plait, qu'on m'apporte,
Avant que se coucher, les clefs de votre porte.
J'aurai soin de ne pas troubler votre repos,
Et de ne rien souffrir qui ne soit a propos.
Mais demain, du matin, il vous faut etre habile^[169]
A vider de ceans jusqu'au moindre ustensile.
Mes gens vous aideront; et je les ai pris forts
Pour vous faire service a tout mettre dehors.
On n'en peut pas user mieux que je fais, je pense;
Et, comme je vous traite avec grande indulgence,
Je vous conjure aussi, monsieur, d'en user bien,
Et qu'au du de ma charge on ne me trouble en rien.

ORGON, *a part*.

Du meilleur de mon coeur je donnerois, sur l'heure,
Les cent plus beaux louis de ce qui me demeure,
Et pouvoir, a plaisir, sur ce mufle assener
Le plus grand coup de poing qui se puisse donner.

CLEANTE, *bas a Orgon*.

Laissez, ne gatons rien.

DAMIS.

A cette audace etrange,
J'ai peine a me tenir, et la main me demange.

DORINE.

Avec un si bon dos, ma foi! monsieur Loyal,
Quelques coups de baton ne vous sieroient pas mal.

M. LOYAL.

On pourroit bien punir ces paroles infames,
Ma mie; et l'on decrete aussi contre les femmes.

CLEANTE, a M. Loyal.

Finissons tout cela, monsieur; c'en est assez.

Donnez tot ce papier, de grace, et nous laissez.

M. LOYAL.

Jusqu'au revoir. Le ciel vous tienne tous en joie!

ORGON.

Puisse-t-il te confondre, et celui qui t'envoie!

**SCENE V.—ORGON, MADAME PERNELLE, ELMIRE,
CLEANTE, MARIANE, DAMIS, DORINE.**

ORGON.

Eh bien, vous le voyez, ma mere, si j'ai droit;
Et vous pouvez juger du reste par l'exploit.
Ses trahisons enfin vous sont-elles connues?

MADAME PERNELLE.

Je suis tout ebaubie, et je tombe des nues!

DORINE, a Orgon.

Vous vous plaignez a tort, a tort vous le blamez,
Et ses pieux desseins par la sont confirmes.
Dans l'amour du prochain sa vertu se consomme:
Il sait que tres-souvent les biens corrompent l'homme,
Et, par charite pure, il veut vous enlever
Tout ce qui vous peut faire obstacle a vous sauver.

ORGON.

Taisez-vous! C'est le mot qu'il vous faut toujours dire.

CLEANTE, a Orgon.

Allons voir quel conseil on doit vous faire elire.

ELMIRE.

Allez faire eclater l'audace de l'ingrat.
Ce procede detruit la vertu du contrat:
Et sa deloyaute va paroître trop noire,
Pour souffrir qu'il en ait le succes qu'on veut croire.

**SCENE VI.—VALERE, ORGON, MADAME PERNELLE,
ELMIRE, CLEANTE, MARIANE, DAMIS, DORINE.**

VALERE.

Avec regret, monsieur, je viens vous affliger;
Mais je m'y vois contraint par le pressant danger.
Un ami, qui m'est joint d'une amitie fort tendre,
Et qui sait l'interet qu'en vous j'ai lieu de prendre,

A viole pour moi, par un pas^[170] delicat,
Le secret que l'on doit aux affaires d'Etat,
Et me vient d'envoyer un avis dont la suite
Vous reduit au parti d'une soudaine fuite.
Le fourbe qui longtemps a pu vous imposer
Depuis une heure au prince a su vous accuser,
Et remettre en ses mains, dans les traits qu'il vous jette,
D'un criminel d'Etat l'importante cassette,
Dont, au mepris, dit-il, du devoir d'un sujet
Vous avez conserve le coupable secret.
J'ignore le detail du crime qu'on vous donne;
Mais un ordre est donne contre votre personne;
Et lui-meme est charge, pour mieux l'executer,
D'accompagner celui qui vous doit arreter.

CLEANTE.

Voila ses droits armes; et c'est par ou le traître
De vos biens qu'il pretend cherche a se rendre maître.

ORGON.

L'homme est, je vous l'avoue, un mechant animal!

VALERE.

Le moindre amusement vous peut etre fatal.
J'ai, pour vous emmener, mon carrosse a la porte,
Avec mille louis qu'ici je vous apporte.
Ne perdons point de temps: le trait est foudroyant;
Et ce sont de ces coups que l'on pare en fuyant.
A vous mettre en lieu sur je m'offre pour conduite,
Et veux accompagner jusqu'au bout votre fuite.

ORGON.

Las! que ne dois-je point a vos soins obligeans?
Pour vous en rendre grace, il faut un autre temps;
Et je demande au ciel de m'etre assez propice
Pour reconnoitre un jour ce genereux service.
Adieu. Prenez le soin, vous autres...

CLEANTE.

Allez tot;
Nous songerons, mon frere, a faire ce qu'il faut.

TARTUFFE, arretant Orgon.

Tout beau, monsieur, tout beau! ne courez point si vite:
Vous n'irez pas fort loin pour trouver votre gite;
Et, de la part du prince, on vous fait prisonnier.

ORGON.

Traître! tu me gardois ce trait pour le dernier:
C'est le coup, scelerat, par ou tu m'expedies;
Et voila couronner toutes tes perfidies!

TARTUFFE.
Vos injures n'ont rien a me pouvoir aigrir;
Et je suis, pour le ciel, appris a tout souffrir.

CLEANTE.
La moderation est grande, je l'avoue.

DAMIS.
Comme du ciel l'infame impudemment se joue!

TARTUFFE.
Tous vos emportemens ne sauroient m'emouvoir,
Et je ne songe a rien qu'a faire mon devoir.

MARIANE.
Vous avez de ceci grande gloire a pretendre;
Et cet emploi pour vous est fort honnete a prendre.

TARTUFFE.
Un emploi ne sauroit etre que glorieux,
Quand il part du pouvoir qui m'envoie en ces lieux.

ORGON.
Mais t'es-tu souvenu que ma main charitable,
Ingrat! t'a retire d'un etat miserable?

TARTUFFE.
Oui, je sais quels secours j'en ai pu recevoir:
Mais l'interet du prince est mon premier devoir.
De ce devoir sacre la juste violence
Etouffe dans mon coeur toute reconnoissance;
Et je sacrifierois a de si puissans noeuds
Ami, femme, parens, et moi-meme avec eux.

ELMIRE.
L'imposteur!

DORINE.
Comme il sait, de traitresse maniere,
Se faire un beau manteau de tout ce qu'on revere!

CLEANTE.
Mais, s'il est si parfait que vous le declarez,
Ce zele qui vous pousse et dont vous vous parez,
D'ou vient que, pour paroître, il s'avise d'attendre

Qu'a poursuivre sa femme il ait su vous surprendre,
Et que vous ne songez a l'aller denoncer
Que lorsque son honneur l'oblige a vous chasser?
Je ne vous parle point, pour devoir en distraire,
Du don de tout son bien qu'il venoit de vous faire;
Mais, le voulant traiter en coupable aujourd'hui,
Pourquoi consentiez-vous a rien prendre de lui?

TARTUFFE, a l'exempt.
Delivrez-moi, monsieur, de la criailerie;
Et daignez accomplir votre ordre, je vous prie.

L'EXEMPT.
Oui, c'est trop demeurer, sans doute, a l'accomplir;
Votre bouche a propos m'invite a le remplir:
Et, pour l'executer, suivez-moi tout a l'heure
Dans la prison qu'on doit vous donner pour demeure.

TARTUFFE.
Qui? moi, monsieur?

L'EXEMPT.
Oui, vous.

TARTUFFE.
Pourquoi donc la prison?

L'EXEMPT.
Ce n'est pas vous a qui j'en veux rendre raison.

A Orgon.

Remettez-vous, monsieur, d'une alarme si chaude:
Nous vivons sous un prince ennemi de la fraude,
Un prince dont les yeux se font jour dans les coeurs.
Et que ne peut tromper tout l'art des imposteurs.
D'un fin discernement sa grande ame pourvue
Sur les choses toujours jette une droite vue;
Chez elle jamais rien ne surprend trop d'accès,
Et sa ferme raison ne tombe en nul excès.
Il donne aux gens de bien une gloire immortelle:
Mais sans aveuglement il fait briller ce zèle,
Et l'amour pour les vrais ne ferme point son coeur
A tout ce que les faux doivent donner d'horreur.
Celui-ci n'etoit pas pour le pouvoir surprendre,
Et de pieges plus fins on le voit se defendre.
D'abord il a perce, par ses vives clartes,
Des replis de son coeur toutes les lachetes.

Venant vous accuser, il s'est trahi lui-meme,
Et, par un juste trait de l'equite supreme,
S'est decouvert au prince un fourbe renomme,
Dont sous un autre nom il etoit informe;
Et c'est un long detail d'actions toutes noires
Dont on pourroit former des volumes d'histoires.
Ce monarque, en un mot, a vers vous deteste^[171]
Sa lache ingratitude et sa deloyaute.
A ces autres horreurs il a joint cette suite,
Et ne m'a jusqu'ici soumis a sa conduite
Que pour voir l'impudence aller jusques au bout,
Et vous faire, par lui, faire raison de tout.
Oui, de tous vos papiers, dont il se dit le maitre,
Il veut qu'entre vos mains je depouille le traître.
D'un souverain pouvoir, il brise les liens
Du contrat qui lui fait un don de tous vos biens.
Et vous pardonne enfin cette offense secrete
Ou vous a d'un ami fait tomber la retraite;
Et c'est le prix qu'il donne au zele qu'autrefois
On nous vit temoigner en appuyant ses droits,
Pour montrer que son coeur sait, quand moins on y pense,
D'une bonne action verser la recompense;
Que jamais le merite avec lui ne perd rien;
Et que, mieux que du mal, il se souvient du bien.

DORINE.
Que le ciel soit loue.

MADAME PERNELLE.
Maintenant je respire.

ELMIRE.
Favorable succes!

MARIANE.
Qui l'auroit ose dire?

ORGON., a Tartuffe, que l'exempt emmene.
Eh bien, te voila, traître!

..

**SCENE VIII.—MADAME PERNELLE, ORGON, ELMIRE
MARIANE, CLEANTE, VALERE, DAMIS, DORINE.**

CLEANTE.
Ah! mon frere, arretez,
Et ne descendez point a des indignites.
A son mauvais destin laissez un miserable,
Et ne vous joignez point au remords qui l'accable.

Souhaitez bien plutot que son coeur, en ce jour,
 Au sein de la vertu fasse un heureux retour;
 Qu'il corrige sa vie en detestant son vice,
 Et puisse du grand prince adoucir la justice;
 Tandis qu'a sa bonte vous irez, a genoux,
 Rendre ce que demande un traitement si doux.

ORGON.

Oui, c'est bien dit. Allons a ses pieds avec joie
 Nous louer des bontes que son coeur nous deploie;
 Puis, acquittes un peu de ce premier devoir,
 Aux justes soins d'un autre il nous faudra pourvoir,
 Et par un doux hymen couronner en Valere
 La flamme d'un amant genereux et sincere. ■

FIN DU TARTUFFE.

NOTES

Joue en partie devant le roi, a Versailles, le 10 mai 1664, puis suspendu; joue ensuite a Paris, devant le public, le 5 aout 1667, puis suspendu de nouveau, et repris le 5 fevrier 1669.

Pour: il suffit. Ellipse archaïque.

Pour: par laquelle. Archaïsme tres-frequent chez Moliere.

Pour: donner le plaisir. Mot mis a la mode par les Espagnols.

Pour: fournir une excuse a ma tendresse. Ellipse hardie et archaïque.

Pour: notre dame. Mot de patois.

Pour: *age*, mot latin, *allons*. Interjection patoise.

Proverbe populaire fonde sur une ancienne superstition.

Pour: ma foi. Mot patois.

Pour: regardez. Abreviation populaire.

Pour: mine de feves, mesure; c'est-a-dire pour son compte.

Pour: engins pour la gorge, parure, ornement. Mot patois.

Pour: mettre, placer. Archaïsme populaire.

Pour: tout entiers, droits comme une perche; du mot *brand*, rameau, bruyere.

Pour: tablier. Archaïsme rustique.

Pour: creux de l'estomac. Archaïsme populaire.

Voyez plus haut, *passim*.

Pour: permettre. Voyez plus haut.

Pour: montre votre niaiserie. Les jeunes oiseaux, ou *niais* en termes de fauconnerie, ont presque tous le bec jaune.

Pour: honteuse de votre defaite. Mot proverbial qui equivaut a «avoir le nez casse.»

Les deux premieres scenes de cet acte, imprimees dans l'edition de 1682, faite sur les manuscrits de Moliere, puis dans l'edition d'Amsterdam de 1683, furent supprimees comme impies dans les editions subsequentes. Il parait que l'edition de 1682 fut cartonnee, a l'exception de deux ou trois exemplaires, dont l'un, appartenant a M. de Lomenie, fut retrouve par M. Beuchot. M. Simonin les publia integrelement en 1813. Quant a la seconde scene, elle fut supprimee a la seconde representation.

Pour: fait beaucoup de bruit. Metaphore populaire.

Passages supprimés par la censure au temps de Louis XIV, comme tous les autres passages marqués ici par des guillemets.—Le moine bourru, spectre d'un moine, qui, selon la tradition populaire, battait les passants attardés.

Pour: parier dix pistoles contre l'arrivée de la statue.

Pour: deux deniers.

Pour: venir à chef, achever, devenir maître. Archaïsme perdu, déjà suranne du temps de Molière, et qui s'était conservé dans la bourgeoisie.

Pour: les jésuites, déjà poursuivis sous ce nom par Pascal.

Pour: j'ai demandé conseil. L'emploi de ce verbe avec le pronom réfléchi est un archaïsme hors d'usage.

Voyez ci-après les notes, pages 94, 96, 98 [note 1](#), 98 [note 2](#), 103.

Voyez la note, tome Ier, page 273.

Ce mot s'est conservé en anglais et dans le patois languedocien.

Voyez la note troisième, tome Ier, page 268.

Ce qui est renfermé entre des crochets n'existe point dans l'édition originale.

Pour: le coupeur. Mot grec inventé par Despreaux. Il s'agit de Dacquin, chimiste, charlatan qui saignait beaucoup.

Pour: le tueur d'hommes. Mot grec également inventé par Boileau.

Il s'agit de Desfougerais, chimiste aussi, boiteux, partisan de l'antimoine, guérissant toutes les maladies avec de la poudre blanche, rouge et jaune, qu'il portait dans sa poche.

Cette porte s'élevait à l'extrémité de la rue de Richelieu; elle fut, démolie en 1701.

Voyez plus haut la [note première](#), page 37.

Pour: le lent. Mot grec inventé aussi par Boileau. Il s'agit du fameux Guenaud, dont le cheval, dit Boileau, eclaboussait tout Paris; qui parlait par poids et mesures et faisait tout pour de l'argent.

Pour: l'aboyeur. Mot grec inventé par Boileau. Il s'agit d'Esprit, médecin qui bredouillait.

Pour: accepter le combat. Locution archaïque, par allusion au collet que saisissent et secouent les deux combattants.

Scène imitée du *Phormion* de Terence, où le principal personnage consulte inutilement trois avocats.

Electuaire apportée à Paris en 1647 par un charlatan d'Orvieto, ville d'Italie.

Pour: φίλος ερεβεος, ami de la mort. Symbole de la médecine elle-même.

Consulter, sur les disputes médicales de l'époque, l'*Histoire de la découverte de la circulation du sang*, par M. Flourens.

Scène imitée du *Medico volante*, canevas italien que Molière avait traduit dans sa jeunesse. Voyez tome Ier, p. 17.

Pour: la bête est prise au lacet; comme les becasses, qui se *brident* et s'attrapent elles-mêmes.

Ce dénouement est emprunté au *Pedant joué* de Cyrano de Bergerac, ami de Molière.

Mot qui, au dix-septième siècle, rimait encore avec *joie*.

Pour: festin, plaisir. Archaïsme expressif et vulgaire.

Pour: trouve. Archaïsme passé de mode, employé par la Fontaine.

Pour: temperament, caractère. Expression impropre.

Pour: je n'ai passé. Terme de conversation impropre aujourd'hui.

Voyez plus haut. Petit meuble destiné à serrer des papiers et des bijoux. Nous l'appelons aujourd'hui secrétaire. Les lecteurs du dix-neuvième siècle ne doivent pas s'arrêter au sens apparent que le vers de Molière semble leur offrir.

Pour: gens qui vous courtisent. Mot qui a changé de sens, comme les mots *prude*, *coquette*, etc.

Pour: bonheur. Archaïsme élégant et perdu.

Mode de cette époque qui avait beaucoup de succès.

De *rhein graff*, mode allemande; haut-de-chausses très-bouffant.

Pour: se faisant. Ellipse hardie.

Le comte de Guiche, à ce que prétendent les commentateurs.

Au lever du roi.

Le célèbre Lauzun, s'il faut en croire les commentateurs.

Pour: personnage. Dans le sens anglais *character*.

M. de Saint-Gilles, selon les commentateurs. C'était un original dont on riait à la cour, et dont la Bruyère s'est moqué.

Pour: remue. Archaïsme très-usité du temps de Molière, et qui n'avait rien d'ignoble.

Pour: c'est à sa table que. La répétition du datif a constitué une faute réelle qui ne passait pas pour telle du temps de Molière et de Boileau.

Pour: ce dont. Ellipse énergique.

Imitation d'un passage du IV^e livre de Lucrèce, seul débris d'une traduction que Molière avait achevée, et dont il brûla le manuscrit.

Petit coucher du roi.

Uniforme des exempts des maréchaux.

Le tribunal des maréchaux était institué pour juger les querelles d'honneur entre les gentilshommes.

Détail de mœurs théâtrales de l'époque. Voyez tome Ier, p. 261.

Archaïsme passé de mode. Il nous est resté: du meilleur de son cœur.

Pour: tâcher de. C'est une faute plutôt qu'un archaïsme. Voyez plus haut, tome Ier, page 220.

Pour: quelle chose faire. Ellipse populaire et énergique qui s'est conservée dans la langue.

Pour: pièges. Bossuet l'emploie dans le même sens.

Pour: lueurs, splendeurs. Emploi du participe que l'Académie française excluait alors.

Pour: vous arrêter. L'emploi de ce mot dans le sens neutre est un archaïsme aujourd'hui perdu. La langue plus libre exprimait ou supprimait le pronom des verbes réfléchis.

Au lieu de: pour. Voyez plus haut.

Pour: et si cela arrivait que. Ellipse un peu obscure.

Voyez plus haut la note, p. 157.

Pour: se retrouver, rappeler ses forces. Archaïsme et ellipse.—Ces six derniers vers ont déjà été placés par Molière dans *Don Garcie de Navarre*; il se les est empruntés à lui-même. Voyez tome I, p. 358.

Le motif et quelques vers de cette scène se retrouvent dans *Don Garcie de Navarre*, où Molière les a repris. Voyez tome Ier, p. 334.

Dubois en habit de voyage.

Allusion à un libelle attribué à Molière par ses ennemis.

Pour: vanité. Expression archaïque encore usitée dans le patois du Languedoc: *gloria*.

Pour: prétende à vous. C'est une licence plutôt qu'un archaïsme.

Pour: vous que. La faute de français est évidente.

Pour: témoignages. Expression impropre.

Pour: arrangée de concert.

Pour: que je trouve à vous désirer, regretter. Apocope archaïque, fréquente chez Montaigne.

Allusion à Mademoiselle de Montpensier.

Pour: résolue à trouver en moi. Ellipse et licence très-hardie et très-énergique.

Annonce aussi sous le nom du *Fagotier*.

Pour: vivant dans la maison de Geronte. Du latin *domesticus*, attache a la famille; sans doute un intendant ou un secretaire. Voyez plus haut la note, t. II. p. 168.

Pour: cela suffit. De l'italien *basta*.

Pour: me forcer de donner, proverbe populaire. Voyez plus haut la note cinquieme, p. 23.

Pour: vous payerez cet argent *des fagots* (en), locution populaire et tres-juste.

Pour: affliges. Du latin, *mærens*. Archaisme populaire.

Pour: tourner autour des choses. Mot patois populaire.

Pour: tout comme. Probablement du latin, *quemadmodum*.

Imitation de Rabelais, liv. 1er, chap. VIII. Voyez plus haut la note, p. 209. Scene dont le fond se trouve chez Rabelais.

Pour: les uns du cerveau, les autres du foie.

Imitation d'une nouvelle de Cervantes: *et Licenciado vidriera*, que M. Aime Martin a tort de traduire par «le Licencie de Vidriera,» et qui signifie *le licencié de verre ou de cristal*, c'est-a-dire le licencie affectant la delicatesse.

Imitation de Rabelais.

Imitation eloignee des *Adelphes* de Terence, acte III, scene IV.

Denouement imite de la derniere scene de la *Zélinde* de Villiers, piece satirique dirigee contre Moliere lui-meme.

Ces deux mots rimaient ensemble.

Pour: sur le ton de l'homme. Archaisme vulgaire.

Ancienne mesure grecque. Pour cent vingt-cinq pas geometriques.

Trait evidemment dirige par Moliere contre sa femme, dont il etait separe, et qui rappelle les deux vers que Henri IV crayonna sur une guitare ou se trouvait deja ecrit le distique suivant:

Beaute trop rebelle et charmante,

Ah! cessez votre cruauté!

Henri IV acheva le quatrain par ce second distique:

Monsieur, vous outragez ma tante,

Elle aime trop l'humanite.

Scene qui se retrouve dans une comédie de Rotrou, intitulee la *Soeur*.

Pour: la part de votre ennui.

Couplets empruntes textuellement ou a peu pres par les auteurs de l'opera-comique le *Postillon de Longjumeau*, joue en 1837.

Les *gnacares* etaient une espece de cymbales. Le nom de cet instrument est italien: *gnaccare* ou *gnachere*.

Moliere n'a pas indique le lieu de la scene, qui se passe evidemment dans la rue.

Scarra mucchia, personnage de la comédie italienne entierement vetu de noir, et *scarra mazzo*, baroque, bizarre.

Pour: cependant.

«Moi etre bon Turc, moi avoir point d'argent. Vouloir vous achetermoi? Moi servir vous, si vous payer moi. Moi faire une bonnecuisine; moi lever matin. Moi faire marmite bouillir. Vous parler, acheter moi? ».

Le livre du *Ballet des Muses* indique ici le meme jeu de theatre que nous avons deja indique a la fin du premier couplet.

«Moi pas acheter toi; mais te batonner si toi pas en aller. Toi en aller, ou moi batonner toi.»

Elle a les yeux bleus.

Cette preface a ete mise par Moliere en tete de la premiere edition du *Tartuffe*, publiee en 1669, quelques mois apres la seconde representation de cet ouvrage, et plus de deux ans apres la premiere. *Polyeucte* et *Théodore*, vierge et martyr.

Le grand Conde.

Cet emploi est celui de chef de la troupe du roi.

Pour: sans qu'elle ait ete vue. Faute de francais.

Mauvillain, medecin de Moliere.

Huissier.

Pour: une famille de bohemiens. Proverbe archaïque et populaire.

«Le roi Petaud, dit Bret, est le chef que se choisissaient autrefois les mendiants, reunis en corporation. Ce nom vient du latin *peto*, je demande. Ce roi n'ayant pas plus de pouvoir que ses sujets, on donne par extension le nom de cour du roi Petaud a une maison ou tout le monde commande.»

Pour: sous cape, sous le manteau. De l'espagnol *capa*.f 393 6/26/2023, 5:25 PM

Pour: dans cette maison; du latin, *hic intus*, ci ens, ici dedans.

Archaïsme expressif et perdu, ainsi que leans (*illie intus*, la ens, la dedans). Deux mots excellents d'une nuance distincte et que la langue ne possede plus.

Pour: porter, engager; du latin, *inducere*.

Voyez la note de la page precedente.

Voyez la note, page 331.

Cette tirade et la suivante avaient appartenu d'abord au role de Cleante, comme le prouvent le ton et le style employes par Moliere. Il a craint, apparemment, de donner trop de valeur a ses portraits, et a pense qu'ils passeraient plus aisement dans la bouche d'une suivante.

Allusion a la comtesse de Soissons et a son mari, qui furent exiles. Voyez plus haut, page 317.

La duchesse de Navailles. Voyez plus haut, page 317.

Pour: rester beant. Du latin, *beare*, rester la bouche ouverte en regardant les corneilles.

Pour: liberte excessive de l'esprit, licence de doctrine. Le mot a change de sens.

Voyez la note precedente.

Pour faiseurs de facons, de petites mines. Du latin, *facies*, dont facon est le diminutif. Voyez plus haut la note, page 341.

Pour: mari trompe. Expression proverbiale passee de mode. Voyez tome Ier, page 86, note quatrieme.

Pour: ne t'ai-je pas. Ellipse archaïque.

Meme observation. Voyez tome II, page 21, note deuxieme.

Pour: bonheur. Voyez tome Ier, p. 94, note quatrieme.

La grande troupe de musiciens.

Le singe de la foire.

Mot de l'invention de Moliere.

Pour: arriver. Voyez plus haut.

Ici Moliere a supprime une scene dans laquelle la famille decidait qu'Elmire serait prieede faire a Tartuffe des remontrances sur le mariage projete.

Mot compose a la facon des Grecs et des Allemands.

Voyez la note, tome Ier, page 64.

Adroite rimait avec secrete. On prononcait *adraite*.

Voyez tome Ier, page 58, note deuxieme.

Voyez tome Ier, page 58, note deuxieme.

Pour: prenez la part qui vous revient du discours. Expression proverbiale qui se retrouve dans l'ecossais, *scot-elot*.

Ici Moliere, craignant qu'on ne dénaturât ses intentions, avait mis la note suivante: «C'est un scelerat qui parle.»

Pour: de motifs légers. Archaïsme regrettable. Moliere a supprimé la justification qu'il avait d'abord prêtée à Tartuffe. Voyez tome Ier, p. 58, note deuxième.

Pour: prompt, actif. Du latin, *habilitas*.

Pour: démarche. Archaïsme et licence considérable.

Pour: a détesté sa lâche ingratitude envers vous. Inversion et apocope trop dures.

TABLE

TROISIEME EPOQUE (1664-1666).

XV. 1664. Tartuffe, comédie.

XVI. 1665. Don Juan, ou le Festin de pierre, comédie. [1](#)

XVII. 1665. L'Amour médecin, comédie-ballet. [80](#)

XVIII. 1666. Le Misanthrope, comédie. [115](#)

QUATRIEME EPOQUE (1666-1667).

XIX. 1666. Le Médecin malgré lui, comédie. [192](#)

XX. 1666. Melicerte, ballet. [245](#)

XXI. 1666. La Pastorale comique, ballet. [272](#)

XXII. 1667. Le Sicilien, ou l'Amour peintre, comédie-ballet [282](#)

* Le Tartuffe, ou l'Imposteur, comédie [309](#)

FIN DE LA TABLE DU TROISIEME VOLUME

E. Colin.—Imprimerie de Lagny.

Au lecteur

Cette version électronique reproduit dans son intégralité la version originale. La ponctuation n'a pas été modifiée hormis quelques corrections mineures. Ce texte contient quelques mots et expressions en Grec. Faites glisser votre souris sur le texte et la translittération en caractères latins apparaîtra. L'orthographe a été conservée. Seuls quelques mots ont été modifiés. Ils sont soulignés par des tirets. Passer la souris sur le mot pour voir le texte original.

End of the Project Gutenberg EBook of Molière, by
Jean-Baptiste Poquelin and Philarète Chasles

*** **END OF THIS PROJECT GUTENBERG EBOOK MOLIÈRE** ***

***** This file should be named 50173-h.htm or 50173-h.zip *****

This and all associated files of various formats will be found in: <http://www.gutenberg.org/5/0/1/7/50173/>

Produced by Claudine Corbasson and the Online Distributed Proofreading Team at <http://www.pgdp.net> (This file was produced from images generously made available by The Internet Archive/Canadian Libraries)

Updated editions will replace the previous one--the old editions will be renamed.

Creating the works from print editions not protected by U.S. copyright law means that no one owns a United States copyright in these works,

Letters from Vincennes

By

Thomas D. Le

The Big and Not-So-Big Questions

Time

Carlo Rovelli, Lee Smolin, and others

Contrary to what was announced in the last segment (Firmament July 2023), we will study Carlo Rovelli, Lee Smolin, McTaggart, and others. I have intended to expound their thoughts about time for quite a while, and now is the time.

Rovelli is an Italian theoretical physicist, who has worked in the United States, Canada, Italy and now France in various capacities ranging from university teaching to research and writing. According to Wikipedia, Carlo Rovelli (2018), "[s]ince 2000 he has been a professor at Centre de Physique Théorique de Luminy of Aix-Marseille University in France." He is one of the proponents of loop quantum gravity.

His popular science book, *Seven Brief Lessons on Physics*, was originally published in Italian in 2014. It has been translated into 41 languages[4] and has sold over a million copies worldwide.[5] In 2019, he was included by *Foreign Policy* magazine in a list of 100 most influential global thinkers.[6] (Para. 1)

This quote serves to situate the question "Is time real?" that has been dogging us since we started to think about time. Though the question is simple, the answer up to now is anything but definitive. Hence, it's safe to assume the controversy to continue for as long as philosophers, theologians, scientists of multiple disciplines such as psychology, astronomy, physics, chemistry, biology, and so on, exist, not to mention curious laypeople.

Rovelli has remarked that the controversy dated as far back as Plato, then down the centuries Saint Augustine, whose famous statement (that he knew what time is until he had to explain, then he didn't) has been quoted uncountable times, Einstein, McTaggart, and other authors.

Besides Rovelli, we will cite Lee Smolin, an American theoretical physicist, who is a faculty member at Yale, Penn State and Syracuse universities, a faculty member of the Perimeter Institute for Theoretical Physics, a professor of philosophy at the University of Waterloo in Toronto among other academic appointments.

He collaborated with Rovelli on loop quantum gravity, which tries to reconcile quantum mechanics, which successfully accounts for the probabilistic micro world of the small (quantum) and Einstein's general theory of relativity, formulated within the framework of classical (Newtonian) physics, which is equally successful in accounting for the macro world of spacetime and gravity (stars, galaxies). Scientists hoped to find a Theory of Everything instead of two systems. When they tried to apply the formulations of relativity to the quantum level, they obtained gibberish because of their mutual incompatibility. Efforts to reconcile the two frameworks have spawned the string theory and its offshoots. String theory is a quantum gravity theory. For decades, it was the only game in town. Now the theory of Loop Quantum Gravity (LQG), which tries to account for gravity only and on which both Rovell and Smolin were collaborating, seems to offer an alternative to five string theories, which are combined as eleven-dimensional M-theory, hoping to unify all four fundamental forces of

nature (i.e., gravity included). Both LQG and the string theory are popular with the latter holding a commanding lead.

Ironically, the collaborating scientists take opposite positions on time. Rovelli maintains that time is not real while Smolin, after sharing Rovelli's view for a long time, now believes time is real.

Carlo Rovelli's Position

In Chapter Five titled "Grains of Space" of *Seven Simple Lessons of Physics*, Rovelli talked about loop quantum gravity with ill-hidden glee since it's being worked on by theoretical physicists across the globe. In lieu of paraphrasing or summarizing, I quote verbatim so as not to inadvertently lose anything important. A paraphrase will take at least as much space without further clarity, and summary runs the risk of obscuring nontrivial technical details.

Loop quantum gravity is an endeavour to combine general relativity and quantum mechanics. It is a cautious attempt because it uses only hypotheses already contained within these theories, suitably rewritten to make them compatible. But its consequences are radical: a further profound modification of the way we look at the structure of reality.

The idea is simple. General relativity has taught us that space is not an inert box, but rather something dynamic: a kind of immense, mobile snailshell in which we are contained – one which can be compressed and twisted. Quantum mechanics, on the other hand, has taught us that every field of this kind is ‘made of quanta’ and has a fine, granular structure. It immediately follows that physical space is also ‘made of quanta’.

The central result of loop quantum gravity is indeed that space is continuous, that it is not infinitely divisible but made up of grains or ‘atoms of space’. These are extremely minute: a billion billion times smaller than the smallest atomic nuclei. The theory describes these ‘atoms of space’ in mathematical form, and provides equations which determine their evolution. They are called ‘loops’, or rings, because they are linked to each other, forming a network of relations which weaves the texture of space, like the rings of a finely woven immense chain mail.

Where are these quanta of space? Nowhere. They are not in a space because they are themselves the space. Space is created by the linking of these individual quanta of gravity . Once again the world seems to be less about objects than about interactive relationships (emphasis added).

But it's the second consequence of the theory that is the most extreme. *Just as the idea of a continuous space that contains things disappears, so the idea of an elementary and primal ‘time’ flowing regardless of things also vanishes. The equations describing grains of space and matter no longer contain the variable ‘time’* (emphasis added). This doesn't mean that everything is stationary and unchanging. On the contrary, it means that change is ubiquitous – but elementary processes cannot be ordered in a common succession of ‘instants’. At the minute scale of the grains of space, the dance of nature does not take place to the rhythm of the baton of a single orchestral conductor, at a single tempo: each process dances independently of its neighbours, to its own rhythm. *The passage of time is internal to the world, is born in the world itself in the relationship between quantum events that comprise the world and are themselves the source of time* (emphasis added).

From the above passage the reader can derive the following important points:

1. Loop quantum gravity (LQG) makes use of the two already successful theories, (a) the general theory of relativity (GTR) that deals with stars, galaxies, black holes, etc., where determinism applies, and (b) quantum

mechanics that works with atoms, electrons, quarks, and so on, where uncertainty and probability reign. Thus, in spite of their mutual incompatibility, what each one has that is usable is cherry-picked, and carefully rewritten to create a new theory.

2. LQG focuses on the fourth fundamental interaction, the other three being the weak nuclear force responsible for radioactive decay of atoms that participates in nuclear fission and fusion, the strong nuclear force acting at minute distances to bind protons and neutrons together to form the atomic nucleus, and the electromagnetic force used every day in science, industry and our lives. Each of the four interactions is treated mathematically as field. The three interactions as discrete quantum fields are described as the Standard Model of particle physics. Gravity, though the weakest of all, has effect over long distances, e.g., in our solar system, and can be extremely powerful as in black holes. Gravity is at the heart of Einstein's general theory of relativity (GTR).

3. LQG uses the insights developed in GTR about spacetime, where space and time are merged, space can be warped, and gravity is seen as the result of the curvature or the geometry of space. Time is just the fourth dimension forming a continuum with the other three dimensions of space. GTR subsumes special relativity (STR), and downgrades time as an independent entity.

4. LQG capitalizes on the insights of quantum mechanics (QM), where matter and energy are treated as lumps or packets called *quanta*, to extend the concept to space yielding *quanta of space, atoms of space, or grains of space*, which is the title of Fifth Lesson of *Seven Brief Lessons on Physics*.

5. In LQG space is made up quanta or atoms of space just like an object is made up atoms of matter "billion billion times smaller than the smallest atomic nuclei. This assertion prepares the way for the assertion of the disappearance of space itself.

6. Where are the quanta of space? Rovelli replies, "Nowhere," since quanta of space are space itself. And space is thought of as "a network of relations which weaves the texture of space, like the rings of a finely woven immense chain mail," that means space is not an "object" but a network of relationships. Note that he almost imperceptibly switched from quanta of space to quanta of gravity as the following quote testifies: *Space is created by the linking of these individual quanta of gravity*. This can only mean one thing: Space vanishes into gravity since quanta of space are equated with quanta of gravity. This position is reasonable since according to GTR, gravity is not a force but an interaction unlike the other three force of nature which can be characterized as force and interaction.

7, Loop (in the name LQG) or ring is vaguely reminiscent of string in String Theory, where there are two kinds, the open-end with two ends, and the closed-end with no ends at all, sort of like a loop or ring of irregular shape. There ends the analogy. Rovelli further explains that the each quantum of space is minuscule, in the order of "a billion billion times smaller than the smallest atomic nuclei." According to Loop Quantum Gravity (2023) in Wikipedia, this "spin network" can be understood as the result of the loops or rings connecting together to form an immense and fine network so fine that it can be likened to the "spin foam," which is on the order of "a Planck length, approximately 10^{-35} meters" (para 1). "Spin foam" corresponds to what Rovelli describes as "a network of relations which weaves the texture of space, like the rings of a finely woven immense chain mail" mentioned above. "Not just matter, but space itself, prefers an atomic structure." (para. 1)

8. The next point is astounding. Rovelli terms it "most extreme." Why? Because the equations of LQG contain neither space nor time at all. Is this an artifact of the LQG formulation or a consequence of LQG view of the universe? If I'm not mistaken, it's the latter that motivates the former. The absence of time to him doesn't mean there is no change. On the contrary, the primordial universe at this minute scale of the quanta of space is full of what Rovelli describes metaphorically as "the dance of nature," (which I think is another way he described quantum fluctuations). These do not obey any rules, and are completely random, for they are in the stagewhere probability, uncertainty not certainty rules. At that level, particles are popping in and out of existence ran-

domly. Out of the movements at the quantum level, he concluded: "The passage of time is internal to the world, is born in the world itself in the relationship between quantum events that comprise the world and are themselves the source of time:" (p 37). This may sound like he backtracked on the question of time, but he did not if the reader later considers his idea of a "bouncing universe," whereby many scientists believe the big bang might just have been the big bounce with no time present at the outset.

9. In sum, we are far from reaching any conclusion. Rovelli step by step led us to see why space and time disappear in the LQG. This piece of information temporarily concludes this segment with Rovelli. We will resume subsequently, for there remains plenty of ground to cover.

In the course of my effort to learn LQG. I came across an extremely exciting little book by

Rodolfo Gambini and Jorge Pullin. *A First Course in Loop Quantum Gravity*, Oxford University Press

We will very briefly peek in just a few pages to realize why there is a lack of breakthrough yet in LQG, which the authors deem incomplete. They first identified gravity as that defined in Einstein's GTR, not as defined in Newtonian physics. That gravity is neither a force nor an interaction but a deformation of spacetime further complicates the works on LQG by making quantization harder. In LQG spacetime is a field, an object to be quantized without spacetime as background. (Section 1 Why quantize space?, para. 3). Moreover, gravity is small at the quantum level where quantum effects far dominate those of gravity, e.g., about 10^{-40} times weaker than the electromagnetic forces of a proton or electron. As a result, no single experiment has used quantum gravity as explanation. The authors then asserted that LQG is the first theory in science that was not motivated by experience. (para. 4)

Efforts to quantize gravity began in the 1930's with little to show for it so far. Yet there are experiments with high-energy particles where heat radiation is so high that gravity becomes relevant. So the research continues. After all LQG and string theory are the only popular theories in modern physics today with pretensions toward The Theory of Everything.

By way of concluding this foray into the *First Course of Loop Quantum Gravity*, the reader is feted with a long concluding quote, which is also the last paragraph of the book in **Section 11 Open issues and controversies**:

Summarizing, the incomplete state of the theory coupled with some aspects of it that differ from usual treatments of quantum field theories have led some people to worry that something could be problematic in loop quantum gravity. Up to now no concrete well defined objection can be formulated to the theory. That does not mean that honest scientists cannot remain highly skeptical of the whole approach. Ultimately it is up to the practitioners to probe situations of increasing physical complexity and to show that the theory produces sensible physical predictions. In this context it is refreshing that in loop quantum gravity there are not many things that can be tweaked to make the theory agree with experiment. The kinematical framework as we noted is highly unique. The number of space-time dimensions one works with is also fixed. One can add matter fields, but those will not affect the predictions of the purely gravitational sector of the theory which again is severely constrained. This is in contrast to string theory, where the theory has evolved considerably over time and is now perceived by some as having too much freedom to be a predictive theory. Only time and further work will tell if loop quantum gravity is viable or not. Altogether the many lessons learned about the construction of non-perturbative approaches to quantum field theories makes the effort quite worthwhile and attractive irrespective of its final success in providing a theory of quantum gravity. (last para).

Just remember this book was published in 2011, so that it couldn't possibly have incorporated up-to-date information. Hence, the reader should take into consideration that all the materials are dated and do not necessarily reflect today's situation. Besides, it's only the opinions of two individuals. One avenue of approach to this issue

is to consult the latest journal articles, Wikipedia, Stanford Encyclopedia of Philosophy, Internet Encyclopedia of Philosophy, or the authoritative websites of colleges and universities, since they don't have such a great lag time as books do, and many of them are peer-reviewed or written by academics, and emeritus professors with a lifetime of experience behind them in the appropriate discipline. ■

(To be continued)

Thomas D. Le

3 November 2023

Bibliography - The Big and Not-So-Big Questions

Age of the universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_the_universe

Anderson, E. (2017). *The Problem of Time: Quantum Mechanics versus General Relativity*. [eBook Edition], Springer. Retrieved May 31, 2022 from
<https://www.pdfdrive.com/the-problem-of-time-quantum-mechanics-versus-general-relativity-e185955505.html>

Anthropic principle. (2021, July 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 28, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Anthropic_principle

Aspen Institute. (2015, July 10). *New Theories on the Origin of Life with Dr. Eric Smith*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from
<https://www.youtube.com/watch?v=0cwwj0XBKIE>

Barrow, J.D. & Tipler, F. J. (1986). *The Anthropic Cosmological Principle*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved July 19, 2021 from
<https://www.pdfdrive.com/the-anthropic-cosmological-principle-e183647017.html>

Bergson, H. (1965, orig, 1922). *Duration and Simultaneity with Reference to Einstein's Theory*. The Bobb-Merrill Company, Inc. [eBook edition]. Retrieved August 5, 2023 from
<https://pdfdrive.to/filedownload/duration-and-simultaneity-with-reference-to-einsteins-theory>

Big Bang. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bang

Big Bounce. (2021, June 14). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bounce

Big History. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Big_History

Big Rip, (2021, July 15). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Rip

Blackburn, S. (2018). *On Truth*, [eBook edition], Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/on-truth-d187537547.html>

Boccardi, E. (2015). "Turning the Tables on McTaggart". *Semantic Scholar*. Retrieved July 20, 2022 from <https://www.semanticscholar.org/paper/Turning-the-Tables-on-McTaggart-Boccardi/af248ba64fcca43634f4fcd5b024a02390488cf8>

Bolton, M. (2022). "Primary and Secondary Qualities in Early Modern Philosophy". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 15, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/qualities-prim-sec/>

Bostrom, N. (2002). *Anthropic Bias. Observation Selection Effects in Science and Philosophy*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 17, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/anthropic-bias-observation-selection-effects-in-science-and-philosophy-studies-in-philosophy-e156691550.html>

Brown, C.S. (2007). *Big History: From the Big Bang to the Present*. [eBook edition]. The New Press. Retrieved July 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/big-history-from-the-big-bang-to-the-present-e194403518.html>

Brumfiel, G. (2014, November 3). "New Clocks May End Time as We Know It." *npr Morning Edition*. Retrieved April 23, 2023 from <https://www.npr.org/2014/11/03/361069820/new-clock-may-end-time-as-we-know-it>

Buchanan, E. (1962). *Aristotle's Theory of Being*. [eBook edition]. University, Mississippi. Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1249682/d4470d>

Buonomano, D. (n.d.). *Your Brain Is a Time Machine: The Neuroscience and Physics of Time*. [eBook edition]. Retrieved October 26, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/your-brain-is-a-time-machine-the-neuroscience-and-physics-of-time-3>

Callendar, C. (2017), *What Makes Time Special?* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 31, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/s/?q=What+Makes+Time+Special%3F>

Canales, J. (2006). *A Tenth of a Second: A History*. [eBook edition]. Chicago University Press. Retrieved October 29, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/a-tenth-of-a-second-a-history>

Canales, J. (2015). *The Physicist and the Philosopher: Einstein, Bergson, and the Debate That Changed our Understanding of Time*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved October 13, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-physicist-the-philosopher-einstein-bergson-and-the-debate-that-changed-our-understanding-of-time-e157932307.html>

Carlo Rovelli. (2021, October 17), In *Wikipedia*, Retrieved October 19, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Carlo_Rovelli

Carroll, S. (2010). *From Eternity to Here: The Quest for the Ultimate Theory of Time*. [eBook edition]. Dutton. Retrieved June 30, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/from-eternity-to-here-the-quest-for-the-ultimate-theory-of-time-e162012397.html>

Carroll, S. (2016). *The Big Picture: On the Origin of Life, Meaning and the Universe Itself*. [eBook edition]. Oneworld Publications. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-big-picture-on-the-origins-of-life-meaning-and-the-universe-itself-e158259011.html>

Categories of Being. (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 11, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Category_of_being

Chernyakow, A. (2006). *The Ontology of Time: Being and Time in the Philosophies of Aristotle, Husserl and Heidegger*. Springer. [eBook edition]. Retrieved October 13, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-ontology-of-time-being-and-time-in-the-philosophies-of-aristotle-husserl-and-heidegger-e175862163.html>

Christian, D. (2004). *Maps of Time: An Introduction to Big History*. [eBook edition]. University of California Press. Retrieved July 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/maps-of-time-introduction-to-big-history-d158504984.html>

Christian, D. (2008). *Big History: The Big Bang, Life on Earth, and the Rise of Humanity*. [eBook edition]. Retrieved July 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/big-history-the-big-bang-life-on-earth-and-the-rise-of-humanity-e12062963.html>

Chronology of the universe. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Chronology_of_the_universe

Commonwealth Club of California. (2020, February 28). *Brian Greene: Mind, Matter And The Search For Meaning*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>

Conseil économique social et environnemental. (2017, September 19). *"L'ORIGINE DE LA VIE" - Hubert REEVES, conférence exceptionnelle*. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=X1yJsJxB82Y>

Coope, U. (2005). *Time for Aristotle: Physics IV.10–14*. [eBook edition]. Clarendon Press Oxford. Retrieved September 1, 2021 from <https://epdf.pub/time-for-aristotle-oxford-aristotle-studies.html>

Copernicus Center for Interdisciplinary Studies. (2019, March 24). *Daniel Everett, How Language Began: The History of Humanity's Greatest Invention [reupload]*. [Video]. YouTube. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1ALWRbmAwzY>

Cordero, N-L. (2004). *By Being, It Is : The Thesis of Parmenides*. [eBook edition]. Parmenides Publishing. Retrieved , April 27, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/by-being-it-is-the-thesis-of-parmenides-e157986438.html>

Correspondence Theory of Fact. (2022, October 22). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Correspondence_theory_of_truth

- Costa, D. (n.d.). "Persistence in Time" In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/per-time/>
- Craig, W.M. & Smith, Q. (2008). *Einstein, Relativity, and Absolute Simultaneity*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 22, 2022 from <https://book4you.org/book/498934/7c1702>
- Cummings, R. (n.d.). *The Girl in the Golden Atom*. [eBook edition]. Retrieved July 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-girl-in-the-golden-atom-d185154768.html>
- Curtis, B. & Robson, B. (2016). *A Critical Introduction to the Metaphysics of Time*. [eBook edition]. Bloomsbury Academic. Retrieved October 31, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/s/A%20Critical%20Introduction%20to%20the%20Metaphysics%20of%20Time>
- Dark Energy. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_energy
- Dark Matter. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_matter
- Davies, P. (1995). *About Time: Einstein's Unfinished Revolution*. [eBook edition]. Simon & Schuster Paperbacks. Retrieved May 5, 2022 from <https://b-ok.cc/book/703367/03b6a5?dsource=recommend>
- Davies, P. (2006). *The Goldilocks Enigma: Why Is the Universe Just Right for Life?* [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-goldilocks-enigma-why-is-the-universe-just-right-for-life-d158368729.html>
- Deppe, S. (2016). The Mind-Dependence of the Relational Structure of Time (or: What Henri Bergson Would Say to B-theorists), *KRITERION – Journal of Philosophy*. <https://doi.org/10.1515/krt-2016-300209>. Retrieved April 18, 2023 from <https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/krt-2016-300209/html>
- Discovery Science. (2019, June 29). *Stephen Meyer: Fine-Tuning and the Origin of the Universe*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=GQ7GBZm087Y>
- Dodd, J. (2008, orig. 2000). *An Identity Theory of Truth*. [eBook edition]. Palgrave Macmillan. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/an-identity-theory-of-truth-d190079513.html>
- Dowden, B. (n.d.). "Time". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/time/>
- Dowden, B. & Swartz, N. (n.d.). "Truth". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 16, 2023 from <https://iep.utm.edu/truth/>
- Einstein, A. (1923). *The Meaning of Relativity*. Princeton University Press. [eBook edition]. Retrieved January 16, 2023 from <https://www.gutenberg.org/cache/epub/36276/pg36276-images.html#chap01>

- Einstein Forum. (2018, November 12). *How Language Began. Homo erectus and the Origin of Language*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1hVijQZLEeM&t=1875s>
- Emery, N. (2020). "Time". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time/>
- Englebretson, G. (2006). *Bare Facts and Naked Truths: A New Correspondence Theory of Truth*. [eBook Edition] Ashgate Publishing Limited. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/bare-facts-and-naked-truths-a-new-correspondence-theory-of-truth-e181054469.html>
- Epstein, R.L. (1990). *The Semantics Foundation of Logic. Volume 1: Propositional Logics*. SPRINGER- SCIENCE+BUSINESS MEDIA, B.V. [eBook edition]. Retrieved January 10, 2023 <https://www.pdfdrive.com/the-semantic-foundations-of-logic-volume-1-propositional-logics-e166072103.html>
- Everett, D.L. (2017). *How Language Began: The Story of Humanity's Greatest Invention*. [eBook edition]. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-language-began-the-story-of-humanitys-greatest-invention-e199784005.html>
- Evident one9teen. (2019, December 6). *The Fine Tuning of the Universe | Intelligent Design - Dr. Frank Turek*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=U5om87mchGs>
- Fact. (2022, November 2022). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fact>
- Feynman, R., Leighton, R.B. & Sands, M., (2006, orig. 1963), *The Feynman Lectures on Physics, New Millennium Edition*. [eBook edition]. Basic Books. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-feynman-lectures-on-physics-vol-iiiiii-the-new-millennium-edition-d187899034.html>
- Folger, T. (2007, December 19). "Newsflash: Time May Not Exist". *Discover Magazine*. Retrieved May 12, 2022 from <https://www.discovermagazine.com/the-sciences/newsflash-time-may-not-exist>
- Frederick, S. (2017, August 22). Fine-Tuning. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 18, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/fine-tuning/>
- Future of an expanding universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 13, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Future_of_an_expanding_universe
- Gambini, G & Pullin, J. (2011). *A First Course in Loop Quantum Gravity*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved November 2, 2023 from <https://z-library.se/book/5102642/a11946?dsource=recommend&afterGeoRedirection=1>
- Gasperini, M. (2008). *The Universe Before the Big Bang: Cosmology and String Theory*. [eBook edition]. Springer-Verlag. Retrieved June 1, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/the-universe-before-the-big-bang-cosmology-and-string-theory-d158498383.html>

Gewerth, A. (1953). "Aristotle's Doctrine of Being." *The Philosophical Review*, Vol. 62, No. 4 (Oct, 1953). 577-589. Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1319466/2ea890>

Glanzberg, M (2018). "Truth". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/truth>

Gorbunov, D. S. & Rubakov, V. A. (2011). *Introduction to Theory of the Early Universe: The Hot Big Bang, 2nd Ed.* [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved May 31, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/introduction-to-the-theory-of-the-early-universe-hot-big-bang-theory-d162207165.html>

Green, M. (2014). "Speech Acts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved December 28, 2022 from <https://plato.stanford.edu/archives/win2017/entries/speech-acts>

Gribbin, J. (2017, orig. 1993). *In the Beginning: After COBE and Before the Big Bang.* [eBook edition]. Venture Press. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/in-the-beginning-after-cobe-and-before-the-big-bang-e157062592.html>

Haasparanta, L. & Koskinen, H. J., eds. (2012). *Categories of Being: Essays in Metaphysics and Logic.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/categories-of-being-essays-on-metaphysics-and-logic-e188638353.html>

Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044, Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>

Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044. Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>

Hawking, S. (1993). *Hawking on the Big Bang and Black Holes (Advanced Series in Astrophysics and Cosmology, Vol 8).* [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>

Hawking, S. (1998). *A Brief History of Time.* [eBook edition]. Bantam. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>

Hawking, S. (2018). *Brief Answers to the Big Questions.* [eBook edition]. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/brief-answers-to-the-big-questions-d196864263.html>

Hawking, S. & Molodinow, L. (2010). *The Grand Design.* [eBook edition]. Bantam. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/stephen-hawking-the-grand-designpdf-d55020535.html>

Herbert Dingle. (2023, February 11), In *Wikipedia*. Retrieved May 3, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Herbert_Dingle

- Heat death of the universe. (2021, July 30). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Heat_death_of_the_universe
- Heisenberg, W. (1958). *Physics and Philosophy: The Revolution in Modern Science*. [eBook edition]. Harper & Brothers Publishers. Retrieved May 31, 2002 from <https://www.pdfdrive.com/physics-and-philosophy-the-revolution-in-modern-science-e185068815.html>
- History of loop quantum gravity. (2023, August 8). In *Wikipedia*. Retrieved November 2, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_loop_quantum_gravity
- Hunter, J. (n.d.). "Time Travel". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/timetrav/>
- Inflation (cosmology). (2021, July 12). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_\(cosmology\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_(cosmology))
- Inflationary epoch. (2021, May 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Inflationary_epoch
- Ingthorsson, R.D. (2016). *McTaggart's Paradox*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 7, 2022 from <https://u1lib.org/book/3618897/a1ce73>
- Jaffe, A. (2018). Is Time an Illusion. *Nature* 556, (304-305). Retrieved April 24, 2023 from <https://www.nature.com/articles/d41586-018-04558-7>
- James R. Killian, Jr. Lecture Series. (2015, November 10). *Language: The Cognitive Revolution - Noam Chomsky*. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc>
<https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc>
- Kahn, C. (2009). *Essays on Being*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/essays-on-being-d187989985.html>
- Kelly, M. (n.d.). "Phenomenology and Time-Consciousness". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/phe-time/>
- Kennedy, J. B. (2003). *Space, Time and Einstein: An Introduction*. [eBook edition]. Acumen Publishing Limited. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/space-time-and-the-texture-of-reality-brian-greenepdf-d52141980.html>
- Kirk, G.S., Raven, J.E. & Schofield, M. (1983, orig. 1957). *The Presocratic Philosophers, 2nd Ed*. Cambridge University Press.
- Kirkham, R.L.(2001, orig, 1992). *Theories of Truth: A Critical Introduction*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/theories-of-truth-a-critical-introduction-e183707329.html>

- Krishnamurti, J. & Bohm, D. (2014). *The Ending of Time: Where Philosophy and Physics Meet*. Revised and Expanded Edition. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved July 11, 2023 from <https://lib-p6micqnu52iwgif3hf2ycnpd.1lib.fr/book/5967983/1ff577?dsource=recommend>
- Kuhn, R. L. (2022, August 26). *The Illusion of Time: What's Real?*. Space.com, Retrieved March 23, 2023 from <https://www.space.com/29859-the-illusion-of-time.html>
- Künne, W. (2003). *Conceptions of Truth*. [eBook Edition]. Oxford University Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/conceptions-of-truth-d191702904.html>
- Lederman, L. (2006. orig. 1993). *The God Particle: If the Universe Is the Answer, What Is the Question*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-god-particle-if-the-universe-is-the-answer-what-is-the-question-e194075715.h>
- Le Poidevin, R. & Murray, M. (eds.) (1993). *Philosophy of Time*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 7, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-philosophy-of-time-d186430007.html>
- Le Poidevin, R. (ed.) (1998). *Questions of Time and Tense*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved May 4, 2022 from <https://book4you.org/book/2039145/bea57b>
- Le Poidevin, R. (2017). *The Images of Time: An Essay on Temporal Representation*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-images-of-time-an-essay-on-temporal-representation-d184483895.html>
- Le Poidevin, R. (2019). The Experience and Perception of Time. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved October 20, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time-experience/>
- Library of Congress. *The Emergence of Life: On Earth (Session 1)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=-DqigTtmGVM>
- Library of Congress. (2017b, March 2). *The Emergence of Life: On Earth (Session 2)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>
- Library of Congress. (2017c, March 2). *The Emergence of Life: Elsewhere & Closing Remarks (Session 3)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>
- Lerner, E. J. (1991). *The Big Bang Never Happened*. Vintage Book. [eBook edition]. Retrieved July 9, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-big-bang-never-happened-d31616635.html>
- Loop Quantum Gravity. (2023, October 5). In *Wikipedia*. Retrieved November 2, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Loop_quantum_gravity
- LSE Philosophy. (2016, July 27). *Carlo Rovelli: "Why Physics needs Philosophy"*. [Video]. YouTube. Retrieved October 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=IJ0uPkG-pr4>

- Lynch, M. (2002). *The Nature of Truth: Classic and Contemporary Perspectives*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-truth-classic-and-contemporary-perspectives-e158558163.html>
- MacBride, F. (2020). "Relations". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/relations/>
- Manning, L, Cassel, D. & Cassel, J.-C.. (2013). "St. Augustine's Reflections on Memory and Time and the Current Concept of Subjective Time in Mental Time Travel". *Behavioral Sciences*. 3, 232–243. Retrieved October 20, 2021, from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4217622/>
- Marx, W. (1977). *Introduction to Aristotle's Theory of Being as Being*. [eBook edition] _ <https://book4you.org/book/5889233/03fbdc>
- McAndrew, A . (2003). "The Big Bang Is not a Myth". *Alec's Evolution Pages*. Retrieved July 9, 2021 from http://www.evolutionpages.com/big_bang_no_myth.htm
- McLure, R, (2004), *The Philosophy of Time: Time before times*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 8, 2021 from <https://epdf.pub/the-philosophy-of-time-time-before-times-routledge-studies-in-twentieth-century-.html>
- McNeill, D. (2012). *How Language Began: Gesture and Speech in Human Evolution*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-language-began-gesture-and-speech-in-human-evolution-d163303442.htm>
- McTaggart, J. E.(1908),The Unreality of Time. *Mind*, New Series, Vol. 17, No. 68 (Oct., 1908), pp. 457-474. Published by: Oxford University Press on behalf of the Mind Association. Stable URL: <http://www.jstor.org/stable/2248314> .
- McTaggart, J.E.M. (1921) *The Nature of Existence*. Vol I. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-1.html>
- McTaggart, J.E.M. (1927) *The Nature of Existence*. Vol 2. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-2.html>
- Mental state. (2022, December 27). In *Wikipedia*. Retrieved December 29, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mental_state
- Merricks, T. (2007). *Truth and Ontology*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/truth-and-ontology-d159096120.html>
- Meyer, U. (2013), *The Nature of Time*. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved October 18, 2021, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-time-d189004390.html>
- Michelson-Morley experiment. (2023, April 24). In *Wikipedia*. Retrieved May 5, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Michelson%E2%80%93Morley_experiment

- Moskowitz, C (2013, April 26). Controversially, Physicist Argues Time Is Real. *Live Science*. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.livescience.com/29081-time-real-illusion-smolin.html>
- Muga, G, Mayato, R.S.& Egusquiza, I. (eds). (2002. orig. 2008). *Time in Quantum Mechanics, Vol 1, 2ed.* [eBook edition]. Springer. Retrieved November 2, 2023 from <https://epdf.pub/queue/time-in-quantum-mechanics79096.html>
- Muga, G, Ruschhaupt. A. & del. Campo. A.(eds). (2009). *Time in Quantum Mechanics, Vol 2.* [eBook edition]. Springer. Retrieved November 2, 2023 from <https://epdf.pub/time-in-quantum-mechanics53297.html>
- Mulligan, K. and Corriea. F. (2020). "Facts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/facts/>
- Nathan, M.J. (2021, February 22). Does anybody really know what time it is? *Hist Philos Life Sci.* 2021; 43(1): 26. doi: 10.1007/s40656-021-00381-y. Retrieved April 26, 2023 from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7899069/>
- Newman, A. (2004). *The Correspondence Theory of Truth; An Essay on the Metaphysics of Predication.* [eBook Edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-correspondence-theory-of-truth-an-essay-on-the-metaphysics-of-predication-d188726392.html>
- New Scientist. (2020. April 10). *Carlo Rovelli: The nature of time.* [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from https://www.youtube.com/watch?v=NrjFE_Rd2OQ
- Noica, C. (), *Becoming within Being.* [eBook edition]. Marquette University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://book4you.org/book/847198/fdd482>
- Owens, J. (1978, orig.1951). *The Doctrine of Being in the Aristotelian Metaphysics. 3rd ed.* [eBook edition]. Pontifical Institute of Mediaeval Studies. Retrieved May 10, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/doctrine-of-being-in-the-aristotelian-metaphysics-d162144333.html>
- Panek, R. (2011). *The 4 Percent Universe: Dark Matter, Dark Energy, and The Race to Discover the Rest of Reality.* [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved July 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-4-percent-universe-dark-matter-dark-energy-and-the-race-to-discover-the-rest-of-reality-e158339952.html>
- Penn State. (2007, July 3). What Happened Before The Big Bang?. *ScienceDaily*. Retrieved July 20, 2021 from www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702084231.htm
- Price, H, (1997). *Time's Arrow and Archimedes' Point: New Directions for the Physics of Time* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved July from <https://lip6micqnus2iwgjf3hf2ycnpd.1lib.fr/book/941806/c1cefe?dsource=recommend>
- Pross, A. (2010). *What is Life? How Chemistry becomes Biology.*[eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/what-is-life-how-chemistry-becomes-biology-e184595930.html>
- Quantum Gravity. (2013, October 28),. In *Wikipedia*. Retrieved October 31,2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Quantum_gravity

Rasmussen, J. (2014), *Defending the Correspondence Theory of Truth*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2023 from

<https://www.pdfdrive.com/defending-the-correspondence-theory-of-truth-d157788079.html>

Ray, C. (1991). *Time, Space and Philosophy: Philosophical Issues in Science*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 10, 2021 from

<https://epdf.pub/time-space-and-philosophy.html>

Reale, G. (1987). *A History of Ancient Philosophy: 1. From the Origins to Socrates*. State University of New York Press.

Redshift. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from

<https://en.wikipedia.org/wiki/Redshift>

Rescher, N. (1975). *A Theory of Possibility*. [eBook edition]. Oxford Basil Blackwell. Retrieved December 29, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/foundations-of-speech-act-theory-philosophical-and-linguistic-perspectives-d157200268.htm>

Relations (philosophy). (). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from

Roark, T. (2011). *Aristotle on Time: A Study of the Physics*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved September 1, 2021 from

<https://epdf.pub/aristotle-on-time-a-study-of-the-physics.html>

Robert, J. & Matton, P. (2004). *Du Big Bang au Village Planetaire*. [eBook edition]. Éditions MultiMondes. Retrieved June 1, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/du-big-bang-au-village-planetaire-e185519076.html>

Ross, W.R. (1936). *Aristotle's Physics*. [eBook edition]. Oxford at the Clarendon Press. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/aristotles-physics-e161913368.html>

Rovelli, C. (2008). Loop Quantum Gravity. *Living Review in Relativity*, 11, (2008), 5. Retrieved November 2, 2023 from <https://link.springer.com/article/10.12942/lrr-2008-5>

Rovelli, C. (2014). *Seven Brief Lessons on Physics*. [eBook edition]. Penguin. Retrieved October 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/seven-brief-lessons-on-physics-d177768018.html>

Rovello, C. (2016). *Reality Is not What It Seems: The Journey to Quantum Gravity*. [eBook edition]. Penguin. Retrieved October 26, 2023 from

<https://zlibrary-africa.se/book/5976675/e54d01>

Rovelli, C. (2018). *The Order of Time*. [eBook edition]. Riverhead Books. Retrieved October 18, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/the-order-of-time-e187552996.html>

The Royal Institution. (2017, November 22). *The Big Picture: From the Big Bang to the Meaning of Life - with Sean Carroll*. [Video]. YouTube. Retrieved July 10, 2021 from

<https://www.youtube.com/watch?v=2JsKwyRFiYY>

- The Royal Institution. (2018, Jun 13). *The Physics and Philosophy of Time - with Carlo Rovelli*. [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=-6rWqJhDv7M>
- The Royal Institution. (2019, December 19). *What is Life? Paul Nurse*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=z-SUo2wP4I>
- The Royal Institution. (2020, March 5). *What Happened At The Beginning Of Time? - with Dan Hooper*. [Video]. YouTube. Retrieved July 16, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=dB7d89-YHjM>
- Ryan, J.(tr) (1960). *The Confessions of Saint Augustine*. [eBook edition]. Doubleday,. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-confessions-of-saint-augustine-image-books-by-saint-augustine-and-translated-e157058700.html>
- Sachs, J. (n.d.). "Aristotle: Motion". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://iep.utm.edu/aristotle-motion/>
- Savitt, S. (2021). "Being and Becoming in Modern Physics". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 7, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/spacetime-bebecome/>
- Schrodinger, E. (1967). *What is life? : the physical aspect of the living cell ; with Mind and matter ; & Autobiographical sketches*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/what-is-life-the-physical-aspect-of-the-living-cell-with-mind-and-matter-autobiographical-sketches-e157900534.htm>
- Second (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 12, 2022 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Second>
- Serway, R, (2011). *College Physics, Ninth Edition*. [eBook edition]. Brooks/Cole. Retrieved October 19, 2021 from <https://pdfroom.com/books/college-physics-9th-edition/9qXgeRae26P>
- Simons Institute. (2015, December 9). *Why Only Us: Language and Evolution*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=ycC5oZqNXsk>
- Smolin, L. (2001). *Three Roads to Quantum Gravity*. [eBook edition]. Basic Books. Retrieved November 2, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/2350163/c60f48>
- Smolin, L. (2013). *Time Reborn: From the Crisis in Physics to the Future of the Universe*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/time-reborn-from-the-crisis-in-physics-to-the-future-of-the-universe-2013-d188038859.html>
- Speech Acts. (2023, October 25). In *Wikipedia*. Retrieved December 28, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Speech_act
- Stenger, V. J. (2011). *The Fallacy of Fine-Tuning: Why the Universe Is Not Designed for Us*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved May 23, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/the-fallacy-of-fine-tuning-why-the-universe-is-not-designed-for-us-e185931530.html>

Strumpf, S.E. (1994, orig. published 1971). *Philosophy: History and Problems*. 5th ed. McGraw-Hill.

TED . (2012, April 23). *Why is our universe fine-tuned for life? | Brian Greene*. [Video]. TED. Retrieved April 23, 2021 from https://www.youtube.com/watch?v=bf7BXwVeyWw&list=TLPOMUIwNzIwMjGKpSEpb4Ie_A&index=2

Textor, M. (2021, May 12). "States of Affairs". . *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/states-of-affairs/>

Thomasson, A. (2004, June 3). "Categories". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/categories/>

Thompson, A. (1996). *Critical Reasoning: A Practical Introduction*. 3rd ed. [eBook edition]. Routledge. Retrieved August 21, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/923584/b05f8f?dsource=recommend>

Time. (2021, August 5). In *Wikipedia*, Retrieved September 1, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Time>

Tooley, M, (1997). *Time, Tense and Causation*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved January 21, 2022_ from <https://www.pdfdrive.com/time-tense-and-causation-d184119699.html>

Truth, (2022, December 29), In *Wikipedia*. Retrieved January 4, 2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Truth>

Turetzky, P. (1998). *Time*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 27, 2022 from <https://b-ok.cc/book/1045828/2a23e3>

Ultimate fate of the universe. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Ultimate_fate_of_the_universe

Unger, R,M, and Smolin L. (2016). *The Singular Universe and the Reality of Time: A Proposal in Natural Philosophy*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved December 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-singular-universe-and-the-reality-of-time-a-proposal-in-natural-philosophy-e157920169.html>

University of Glasgow. (2020, October 6). *The Evolution of Language: From Speech to Culture | Gifford Lectures 2019 | Prof Mark Pagel | Pt 1*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=VOZe09ME9Dw>

University of Louisville Library (n.d.), *Critical Thinking and Academic Research: Assumptions*. Retrieved December 24, 2022 from <https://library.louisville.edu/ekstrom/criticalthinking/assumptions>

Weinert, F,(2013) . *The March of Time: Evolving Conceptions of Time in the Light of Scientific Discoveries* [eBook edition]. Springer. Retrieved October 17, 2021 from

<https://pdfroom.com/books/the-march-of-time-evolving-conceptions-of-time-in-the-light-of-scientific-discoveries/j9ZdYea8dV4>

Wondrium. (2018, August 7). *What Is Time? | Professor Sean Carroll explains the theories of Presentism and Eternalism*. [Video]. YouTube. Retrieved October 8, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=MAScIvxCy2Y>

World Science Festival. (2014, October 13). *A Matter of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=G8FnFjqIAWs&t=1690s>

World Science Festival. (2020, January 17). *The Richness of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1FJWvEbeBps&t=1538s>

World Science Festival.(2020, July 30). *WSU: Space, Time, and Einstein with Brian Greene*. [Video]. YouTube. Retrieved June30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>

Wrenn, C. (2015). *Truth*. [eBook Edition] Polity Press. Retrieved from <https://www.pdfdrive.com/truth-d195171341.html>

YPO, (2019, March 8). *Carlo Rovelli – The Illusion of Time – YPO EDGE 2019*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=AumrYDQIuEc&t=727s>

Critical Thinking

by **Thomas D. Le**

Critical Thinking

In the last three issues of Firmament we have discussed and learned, by way of definitions, examples, and amplifications, the concepts enumerated below which are essential to an understanding and application of critical thinking, namely:

Assumption, Assertion, Proposition, Belief, Fact, Truth, Fallacy, Opinion, Claim, and Argument.

The following list from the last Firmament issue serves as a refresher.

1. Assumption

Note on Assumption: *An assumption is an unexamined belief, a supposition. In critical thinking, it needs to be separated from fact, which we define as truth. An assumption belongs with the category of opinion.*

2. Assertion

Note on Assertion: *An assertion is a claim that something is the case without providing proof or support. It doesn't matter how strong the assertion is, it's just an opinion.*

3. Proposition

Note on Proposition: *A proposition is abstract, generally the meaning of a declarative sentence, as distinct from a question, an exclamation or an imperative sentence, which is not considered to yield a proposition. A proposition is a truth-bearer, i.e., it has to be true or false, but not both. Thus, several declarative sentences can express the same proposition. Declarative sentences in different languages can refer to the same proposition as long as they possess the same meaning.*

4. Belief

Note on Belief : *A belief is an attitude (expressed by verbs such as believe, doubt, hope, fear, regret, wish., imagine, know, judge, intend, etc., expressed in the form "S(subject) + V (attitude) + that + Proposition". e.g. John regrets that --." Holding a belief does not requires introspection."*

5. Recapitulation of concepts

The following table summarizes McTaggart's ideas:

	<i>True/False</i>	<i>Existent</i>	<i>Real</i>
1. Propositions	Yes	No	Yes

2. Beliefs	Yes	Yes	Yes
3. Assumptions	Yes	Yes	Yes
4. Assertions (speech acts)	Yes	Yes	Yes

6. *Fact*

Note on Fact: *The word fact has several meanings. We need to know which meaning it is used in certain contexts, before using it in our argument. We generally take fact as real and true. "Facts are independent of belief, knowledge, and opinion."*

7. *Truth*

Note on Truth: *Truth is real, factual, actual. It is debatable if truth is a property of sentences or a property of propositions. But the issue is immaterial or inconsequential. What is more bothersome is the circularity of the definitions. What is truth? It's real, factual, actual. What is reality? It's true, actual. What is fact? It's true, real. In fact, natural language is circular anyway. A closer look at definitions of words in a dictionary will quickly convince you of this truism: Words are defined in terms of other words.*

*The important thing as far as critical thinking is concerned is the need to distinguish **fact** from **opinion**.*

8. *Opinion*

Note on Opinion: *Like belief, an opinion is an attitude, a view, an idea, a notion, a sense, a judgment, an assessment, a sentiment, a conjecture, ... with no reference to truth. An opinion may be true or false or both. A critical thinker must be wary of opinion, but does not or can not avoid it. It shouldn't be a surprise that most of what we see, read, or hear is opinion. If opinion is prohibited, there's no such thing as free speech, and in fine, no verbal communication.*

9. *Claim*

Note on Claim: *A claim is some idea proposed, or a statement made on a subject, or an assertion, to be proved true or false. In an argument, it's the conclusion that follows from the premises. In a paragraph within an academic essay, it's the topic sentence while the other sentences serve as support, and in an essay, it's the thesis statement supported by the rest of the essay. Thus I claim that there is self-similarity between the paragraph (a part) and the essay (the whole).*

10. *Fallacy*

Note on Fallacy: *A fallacy is a false or mistaken idea. In logic, fallacy of reasoning unsupported by evidence. "A fallacy is reasoning that is logically invalid, or that undermines the logical validity of an argument. All forms of human communication can contain fallacies." (List of fallacies,2023)*

11. *Argument*

Note on Argument: *An argument, as used in logic and philosophy, is a set of two or more declarative sentences or propositions, one of which, called a conclusion, is supported by the rest called premises.*

We may call the premises reasons (or support) for the conclusion. Both premises and conclusion are truth-bearers, i.e., they must be either true or false.

What is Critical Thinking?

If you think critical thinking is just another boring academic subject with no application in real life, let's pause a little and think. Everybody thinks because the live, conscious brain always thinks even during sleep. Descartes has established that since the seventeenth century with *cogito, ergo sum*, I think, therefore I am. Flip that and you have, I am, therefore I think. Although you can find fault with this argument, it will do for the time being. Now add the word *critical*, and you have *critical thinking*. Our focus on this word. Since the word *critical* has many meanings, such as tending to criticize, relating to crises, indispensable, vital, crucial, decisive, and so on, it behooves us to find out its precise meaning in the term and its ramifications.

Here are some definitions of *critical thinking*, some of which already appeared in the July 2023 issue of Firmament and repeated below as refresher. Some definitions emphasize the goals, purposes, results, consequences, and so on; some underscore the process, means, skills, abilities, traits, characteristics, and so forth, and some are more complete. Pedagogy plays an important role as schools, colleges and universities adopt critical thinking as part of general education or degree requirements. Business, the professions, especially law, management including leadership, marketing, economics, engineering, science, medicine, the humanities, and so on embrace critical thinking as integral part of their *modus operandi*. In everyday life, individuals use critical thinking to solve problems or make choices between competing claims, beliefs, or courses of action. That accounts for the multiplicity of definitions. Some definitions are terse, brief, others extensive, detailed, as witnessed the bibliographical references below. With respect to the bibliography, I believe most entry selections were authored by academics and published by prestigious printing houses of universities or reputable commercial presses with a smattering of self-help volumes for the men in the street.

I accept the thesis that critical thinking is both general and subject-matter specific in an effort to cover all the bases and avoid distracting controversy. One more crucial thing: Logic in its various overlapping types (informal, formal, modal, symbolic, mathematical, higher-order, and so on) is involved in all phases of the process of thinking critically.

Note that most bibliographical entries are electronic (eBook versions of print materials) and were faithful to their originals at the time I downloaded them. I make no representation as to their presence or absence on the internet at a given time, or as to the operation of the hyperlinks to their locations. That is why all of the entries of electronic versions were dated by the phrase "Retrieved (date)" even where the APA style guide doesn't insist on dates of access. Entries of print materials follow their conventional style. Regardless, I have spared no effort to make the bibliography as accurate as it can be.

Below are some examples of definitions of *critical thinking* taken either verbatim or expanded from the sources. The reader is encouraged to consult the bibliography for further information and to explore this fascinating topic on their own.

1. Wikipedia

Critical thinking is the analysis of available facts, evidence, observations, and arguments in order to form a judgement by the application of rational, skeptical, and unbiased analyses and evaluation.[1] The application of critical thinking includes self-directed, self-disciplined, self-monitored, and self-corrective habits of mind,[2] thus a critical thinker is a person who practices the skills of critical thinking or has been trained and educated in its disciplines.[3] Richard W. Paul said that the mind of a critical thinker engages the person's intellectual abilities and personality traits.[4] *Critical thinking presupposes assent to rigorous standards of excellence and mindful command of their use in effective communication and problem solving, and a commitment to overcome egocentrism and sociocentrism.*[5][6] (emphasis added)

From the above quote we derive the following about critical thinking: (1) analysis of available evidence, (2) evaluation of the evidence. and (3) formulation of a judgment without any prejudice whatsoever.

2. Internet Encyclopedia of Philosophy

Critical Thinking is the process of using and assessing reasons to evaluate statements, assumptions, and arguments in ordinary situations. The goal of this process is to help us have good beliefs, where “good” means that our beliefs meet certain goals of thought, such as truth, usefulness, or rationality. Critical thinking is widely regarded as a species of informal logic, although critical thinking makes use of some formal methods. In contrast with formal reasoning processes that are largely restricted to deductive methods—decision theory, logic, statistics—the process of critical thinking allows a wide range of reasoning methods, including formal and informal logic, linguistic analysis, experimental methods of the sciences, historical and textual methods, and philosophical methods, such as Socratic questioning and reasoning by counterexamples are also more diverse than those of formal reasoning systems. While formal methods focus on deductive validity and truth, critical thinkers may evaluate a statement’s truth, its usefulness, its religious value, its aesthetic value, or its rhetorical value. Because critical thinking arose primarily from the Anglo-American philosophical tradition (also known as “analytic philosophy”), contemporary critical thinking is largely concerned with a statement’s truth. But some thinkers, such as Aristotle (in Rhetoric), give substantial attention to rhetorical value.

The primary subject matter of critical thinking is the proper use and goals of a range of reasoning methods, how they are applied in a variety of social contexts, and errors in reasoning.

3. Critical thinking : a student’s introduction / Gregory Bassham . . . [et al.].—4th ed.

...[C]ritical thinking means thinking clearly and intelligently. More precisely, critical thinking is the general term given to a wide range of cognitive skills and intellectual dispositions needed to effectively identify, analyze, and evaluate arguments and truth claims; to discover and overcome personal preconceptions and biases; to formulate and present convincing reasons in support of conclusions; and to make reasonable, intelligent decisions about what to believe and what to do.

Put somewhat differently, critical thinking is disciplined thinking governed by clear intellectual standards. Among the most important of these intellectual standards are clarity, precision, accuracy, relevance, consistency, logical correctness, completeness, and fairness. 1 (Bassham et al. ,p.1ff)

4. Stanford Encyclopedia of Philosophy

In his article on critical thinking for this encyclopedia, Professor David Hitchcock, of McMaster University in Canada, citing a great number of authors, did not explicitly give a working definition of the term, but instead rove succinctly over the cited authors' disparate ideas that defy consolidation into a unified conceptual framework. There are ideas on education, philosophy (utilitarianism), problem-solving, so that the reader has the impression that the definition amounts to no more a compilation without regard to unity.

Section 6 Components of the Process' focus on a discussion of the critical thinking process involving mental acts and mental events is valuable in that it is thorough and organized logically like the scientific method. Although the list is original as formulated, I have added expansions for greater clarity.

- (1) *Observing* the immediate environments, or the results of an experiment as well as issues encountered in the process of observing.
- (2) *Feeling* the uncertainty, the perplexity caused by the problem, and satisfaction at its successful solution. This is part of awareness of the impact of observation.
- (3) *Wondering why* is the beginning of the search for the causes, solutions, or explanations. This curiosity never ends.
- (4) *Imagining* the possible solutions and the methods to follow, or the pitfalls to avoid. This involves thought experiments essential where direct experimentation is impossible or impracticable.
- (5) *Inferring* from what is known to a possible answer or explanation. In other words, it is the process of reasoning where logic comes into play.
- (6) *Knowledge* is to be applied to the search of solutions. Knowledge of the relevant subject-matter as well argumentation abilities must be substantive. The greater the knowledge, the better the chance of a solution.
- (7) *Experimenting* is to gain more knowledge and greater understanding of the problem in order to discover the solution more expeditiously. Experimentation is designed to falsify, verify, or confirm theories, hypotheses, or proposals.
- (8) *Consulting* refers to finding relevant and reliable sources of information, in short, to gain greater expertise. Consulting requires knowledge of research methods and implimentation of experiments.
- (9) *Identifying and analyzing arguments* to ascertain their validity and soundness or their strength and cogency. Again this is the domain of logic, required of all critical thinkers.

(10) *Judging* involves assessing and comparing of alternatives, weighing the value of the argument, the solution, the course of action to follow.

(11) *Deciding* is the culmination of the critical thinking process. It involves commitment to the best solution, or course of action, and decision-making skills.

A critical thinker or any person has a certain set of habits of mind and attitudes that cause him or her to act in a certain way in a given situation. Such habits of mind are called *dispositions*, which are nothing but propensities or tendencies that motivate a critical thinker to think or act. The other factor of the present in a critical thinker is *abilities*.

Let's discuss the dispositions of a critical thinker first. **Section 8** deals with dispositions of which there are two: initiating dispositions and internal dispositions. As a critical thinker you have to possess certain required habits of mind or acquire them through training and practice. Though the lists are the author's own, I added the expansions.

Section 8.1 Initiating Dispositions. The initiating dispositions for thinking critically comprise a number of tendencies necessary to carry on the task. They are:

1. *Attentiveness.* A critical thinker must pay attention to the issue, i.e., the problem to be solved as well as its implications and ramifications. Inattention to details is harmful to the entire project.
2. *Habit of inquiry.* Be curious and inquisitive. Remember to ask all the Wh-questions. The issue must be thoroughly investigated. That takes time, effort, and commitment, not to mention patience and perseverance, mental energy and initiative. Make habits of inquiry second nature.
3. *Self-confidence.* Confidence in one's ability to surmount all obstacles, to be thorough in all effort to solve problems, and to persevere until the ultimate goal is reached. Trust in one's capacity to learn and grow in competence.
4. *Courage* to face down barriers to thinking critically, and to make all the efforts necessary to succeed. Lack of courage may lead to a lackadaisical attitude toward thinking resulting in laziness, apathy, a sense of defeatism. Endure, not give up.
5. *Open-mindedness.* Openness to ideas contrary to one's own belief or position on the issue without prejudice or bias. Openness to alternative ideas if they work or are correct, and adopt them instead clinging on to pet theories that do not work.
6. *Willingness to suspend judgment.* Willingness to wait for final results of alternative solutions rather than reaching a premature and faulty decision.
7. *Trust in reason.* Trust that reason can solve problems better than other means. However, intuition, imagination, and emotion can also be useful to critical thinking. Remember the rise of homo sapiens is attributable the species' predominant use of reason.
8. *Seeking the truth.* A critical thinker always seeks the truth, discarding biases, preconceptions and prejudices, even if the truth is inconvenient or hurtful. The truth sets you free. Lies, and myths have the ca-

capacity to enslave, if given a chance. One should arm oneself against lies, manipulation, fraud, disinformation, propaganda, intimidation, gaslighting, malicious schemes, and the rest of pernicious acts that evil minds can and will concoct in the future.

Section 8.2 Internal Dispositions

The list of internal dispositions is long. Some initiating dispositions are also internal ones such as open-mindedness and willingness to suspend judgment. Willingness to abandon unproductive courses of actions, disposition to discover and maintain focus, to change courses, to adjust the process, to correct errors are crucial to any project and are some of the salient habits of mind to cultivate.

Section 9 Critical Thinking Abilities

1. *Observational abilities.* This the first skill set utilized in any investigation: gathering data, clues, pieces of evidence; observing the spacial, temporal, physical, moral, cultural, social, interpersonal, ... environments, the context, the outcomes of experiments, quantitative and qualitative details of execution. Active listening to get to the bottom what's being said. Ability to separate the wheat from the chaff requires mental keenness, experience, thinking outside the box. Asking all wh-questions present in any language: Who, what, when, where, why and how throughout all phases of the process of invention, discovery, experimentation, and implementation. Ability to describe an event, a situation accurately with necessary details. Expect the unexpected and know how to deal with it.

2. *Emotional abilities* These refer to soft skills, emotional intelligence, empathy, psychological perspicuity, wisdom, insight, instinct, intuition, imagination necessary for leadership and problem-solving.

3. *Questioning abilities.* Curiosity, skepticism, but not cynicism, Socratic questioning, asking the right, probing, nontrivial, nonthreatening questions aided by mental acuity and perspicacity. Avoid premature judgment, stereotyping, prejudice, and bias. Refrain from unnecessary interruption and focus on the meaning, fact, truth of the answer, situation, or event.

4. *Imaginative abilities.* Imagination when properly applied can result in insightful solutions and crack intractable issues that sometimes defy judicious application of reason. It can discover promising, viable if unconventional means, solutions, and insights. Used together with reason, it can pierce the veil of mystery of an issue and demystify the object of inquiry. Imagination is the stock-in-trade of literature, and plays an important role in science. Scientists make use of imagination, motivated by keen observation and measurements, to formulate theories such as quantum theory, relativity theory, string theory, the big bang, ... Einstein said out of context, "Imagination is everything," and "The true sign of intelligence is not knowledge but imagination."

5. *Inferential abilities.* Ability to reason logically and to detect fallacies. This is the domain of logic. Ability to recognize and use arguments in the logical and philosophical sense of the word, which comprises the premises, and the conclusion, and to formulate irrefutable arguments in support of solutions, choices, proposals, theses, or positions. Ability to use deduction and induction, and to detect fallacies in argument..

6. *Experimenting abilities.* Ability to design experiments to test hypotheses or claims. Skills in analyzing, synthesizing and comparing data, proposals, test and research results to understand secular and temporary trends. Facility with statistics, sampling, statistical inference, surveys, researches both qualitative and quantitative. Skills to design tests and interpret results. One such well-known test in education is the Cornell Critical Thinking

Test; another is the Collegiate Learning Assessment. Familiarity with persuasion through statistics. Ability to evaluate alternatives through falsification and verification.

7. *Consulting abilities.* Knowledge of sources of relevant information, and subject-matter expertise. Competence in judging data, information sources, and authors for reliability, timeliness, relevance, competence, accuracy, and trustworthiness.

8. *Argument analysis abilities.* Skills to recognize, analyze, and assess the strengths and weaknesses of arguments using the resources of all types of logic (informal, formal, symbolic, modal, and so on). Ability to detect errors and contradictions in an argument.

9. *Judging skills and deciding skills.* Competency in comparing and evaluating the merits of competing claims, plans, projects, methods, theories, practices, and so forth to arrive at the optimal one given the circumstances.

With the above presentation, which is laden with concepts, we are concluding this segment on Critical Thinking, and will continue exploring this vast and engaging territory in the next issue. To derive the most benefit from this rich repertoire of ideas, the reader is encouraged to review the concepts and research them further in order to apply them in real life. ■

(To be continued)

Thomas D. Le

7 November 2023

Bibliography

Agler, D.W. (2013). *Symbolic Logic: Syntax, Semantics, and Proofs*. [eBook edition]. Retrieved November 3, 2023 from

<https://z-library.se/book/2352876/b24b56?dsourc=recommendhttps://z-library.se/book/2352876/b24b56?dsourc=recommend>

Allen, M. (2004). *Smart Thinking: Skills for Critical Understanding and Writing*. [eBook edition]. Retrieved November 3, 2023 from

<https://epdf.pub/smart-thinking-skills-for-critical-understanding-and-writing.html>

Argument. (2020, July 1). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from

<https://en.wikipedia.org/wiki/Argument>

Banaji, N.R. and Greenwald, A. G. (2013), *Blindspot: The Hidden Biases of Good People*. [eBook edition]. Delacroix Press, Retrieved April 18, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>

- Barclay, D. A. (2018). *Fake News, Propaganda, and Plain Old Lies: How to Find Trustworthy Information in the Digital Age*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/fake-news-propaganda-and-plain-old-lies-how-to-find-trustworthy-information-in-the-digital-age-e157179037.html>
- Baronnet, S. (2015). *Logic. 3rd ed*, [eBook edition]. Oxford University Press.. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/3417932/f47b4e?dsource=recommend>
- Bassham, G., Irwin, W., Nardone, H. & Wallace, J.M.(2011). *Critical Thinking: A Student's Introduction*, 4th ed. McGraw-Hill [eBook edition]. Retrieved July 30, 2023 from <https://pdfroom.com/search?query=Critical+Thinking%3A+Student%27s+Introduction%2C4th+ed+Bassham>
- Baudouin, B. (2014). *Le grand livre de la connaissance de soi De Confucius à Bergson*. [eBook edition]. Presses du Chatelet. Retrieved April 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/le-grand-livre-de-la-connaissance-de-soi-de-confucius-%C3%A0-freud-d157871281.html>
- Bennett, B. (2012), *Logically Fallacious: The Ultimate Collection of Over 300 Logical Fallacies*. [eBook edition]. Ebook.com. Retrieved January 6, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/logically-fallacious-the-ultimate-coll-of-over-300-logical-fallacies-d196168785.html>
- Bernays, E (1928). *Propaganda*: [eBook edition]. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/propaganda-edward-l-bernays-whale-d7878425.html>
- Bernays, E (2004, first published 1928). *Propaganda: Comment manipuler l'opinion en democratie*. [eBook edition]. Ig publishing. Retrieved October 26, 2021 from <https://pdfroom.com/books/edward-bernays-propaganda/vxdzZ9NEdRV>
- Bias. (2021, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Bias>
- Browne, M.L. and Keely, S.M. (2007). *Asking the Right Questions, 2nd ed*. [eBook edition]. Upper Saddle River, NJ: Retrieved September 25, 2020 from <https://epdf.pub/asking-the-right-questions-a-guide-to-critical-thinkinga2a9c31b91f7f935fe474f2153bbf2ff81430.html>
- Caverni, J.P, Fabre, J.M. & Gondalez, M. (Eds.).(1990). *Cognitive Biases*. [eBook edition]. North-Holland, Amsterdam. Retrieved January 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/cognitive-biases-e185159458.html>
- Cederblom, J. and Paulsen, D. (2001). *Critical Reasoning*. 6th ed. [eBook edition]. Thomson Wadsworth. Retrieved January 18, 2020 from <https://epdf.pub/criticalreasoning862ad392a127bfdeac2d97158bde312b86664.html>

- Center for Critical Thinking. (2021, February 17). *Critical Thinking for Today's Students*. [Video]. YouTube. Retrieved May 19, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=hzf8Emtn2Ig>
- Chastenet, P. (2021). Jacques Ellul et la propagande. *Cahiers de Psychologie Politique*, (38). Retrieved April 17, 2022 from https://doi.org/10.34745/numerev_1398.
- Cialdini, R. (2004). Influence et manipulation: Comprendre et maitriser les mecanismes et les techniques de persuasion. [eBook edition]. First Editions. Retrieved September 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/influence-et-manipulation-comprendre-et-ma%C3%A9triser-les-m%C3%A9canismes-et-les-techniques-de-persuasion-d175328434.html>
- Cialdini, R. (2007, first published 1998), *Influence: The Psychology of Persuasion*. [eBook edition]. Harper Collins ebooks. Retrieved September 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/influence-the-psychology-of-persuasion-d60375002.html>
- Claim (philosophy), (2022,). In *Wikipedia*. Retrieved August 1, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Claim_\(philosophy\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Claim_(philosophy))
- Clunan, A., Lavoy, P.R. & Martin, S (eds.). (2008). *Terrorism, War, or Disease?: Unraveling the Use of Biological Weapons*. [eBook edition]. Stanford Security. Retrieved August 7, 2022 from <https://book4you.org/book/21749535/0aef87>
- Cognitive bias. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Cognitive_bias
- Cohen, S. (2009). *Critical Thinking Unleashed*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield Publishers, Inc. Retrieved August 24, 2023 from <https://epdf.pub/critical-thinking-unleashed.html>
- Copi, I & Cohen, C. (1994, orig. 1968). *Introduction to Logic, 9th ed.* Prentice-Hall.
- Cotterell, S. (2005). *Critical Thinking Skills*. [eBook edition]. Palgrave Macmillan. Retrieved August 24, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/543814/1335e7?dsourc=recommend>
- Crews-Anderson, T. (2007). *Critical Thinking and Informal Logic*. [eBook edition]. Humanities- Ebooks.co.uk <https://epdf.pub/critical-thinking-and-informal-logic.html>
- Critical Thinking. (2023, July 17). In *Wikipedia*. Retrieved July 29, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Critical_thinking
- Crowd Manipulation. (2022, December 16). In *Wikipedia*. Retrieved January 16, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Crowd_manipulation
- Culture Industry, (2022, November 21), In *Wikipedia*. Retrieved January 19, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Culture_industry

- Defining Propaganda I. (n.d.). *American Historical Association*. Retrieved August 2, 2022 from [https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-\(1944\)/defining-propaganda-i](https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-(1944)/defining-propaganda-i)
- DeViscio, J. (2020, July 20) A Nixon Deepfake, a 'Moon Disaster' Speech and an Information Ecosystem at Risk. *Scientific American. Computing*, July 20, 2020. Retrieved September 12, 2020 from https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_top_stories&spMailingID=68049344&spUserID=NDOzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OOS2
- Deweese-Boyd, I. (2016). Self-Deception. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/self-deception/>
- Dunning–Kruger effect. (2020, July 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dunning%E2%80%93Kruger_effect
- Dutihl Noveas, C. (2021). Argument and Argumentation. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/argument/>
- Eberhardt, J, L. (2019). *Biased : uncovering the hidden prejudice that shapes what we see, think, and do*. [eBook edition]. Viking, Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/biased-uncovering-the-hidden-prejudice-that-shapes-what-we-see-think-and-do-e195301338.html>
- Edward Bernays. (2021, September 21). In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Edward_Bernays
- Ellul, J. (1954). *La Technique ou l'enjeu du siecle*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://book4you.org/book/4113994/9c8b68>
[https://monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle\(OCR_05\).pdf](https://monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle(OCR_05).pdf)
- Ellul, J. (1962). *Propagandes*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from https://monoskop.org/images/8/84/ellul_jacques_-_1962/propagandes.pdf
- Ellul, J. (1964). *The Technological Society*. [eBook edition]. Retrieved April 16, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-technological-society-e183821254.html>
- Ellul, J. (1965). *Propaganda: Formation of Men's Attitude*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/ellul-jacques-propaganda-e147929461.html>

- An Essay on Criticism. (2020, September 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/An_Essay_on_Criticism
- Ewan,S. (1996). *PR!: A Social History of Spin*. [eBook edition]. Retrieved October 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/pr-a-social-history-of-spin-e189942551.html>
- Fallacy. (2021, January 11). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fallacy>
- Fisher, A. (2016. Orig. 2012). *Critical Thinking: An Introduction, 2nd ed.* [eBook edition\ Cambridge University Press. Retrieved April 15, 2022 from <https://zlibrary-africa.se/s/critical%20thinking%20fisher>
- Gambrill, E. &Gibbs. L. (2009). *Critical Thinking for Helping Professionals*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved November 3, 2023 from <https://epdf.pub/critical-thinking-for-helping-professionals-a-skills-based-workbook-5ea6a5b59c225.html>
- George Grant (philosopher). (2022, March 18). In *Wikipedia*. Retrieved April 15, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_\(philosopher\)](https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_(philosopher))
- Groarke, L. (2017). Informal Logic. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/logic-informal/>
- Guéguen, N. (2002). *Psychologie de la Manipulation et de la Soumission*. [eBook edition]. Dunod. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/psychologie-de-la-manipulation-et-de-la-soumission.html>
- Gula, R. (2002). *Nonsense: A Handbook of Logical Fallacies*, [eBook edition]. Axios Press. Retrieved January 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/nonsense-a-handbook-of-logical-fallacies-d157118347.html>
- Halpern, D. (2003). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking, Fourth Edition*. [eBook edition]. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers. <https://epdf.pub/queue/thought-and-knowledge-an-introduction-to-critical-thinking.html>
- Handelman, S. (2009). *Thought Manipulation*. [eBook edition]. Praeger. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/thought-manipulation-the-use-and-abuse-of-psychological-trickery.html>
- Hanson, H. (2020). Fallacies. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023

from <https://plato.stanford.edu/entries/fallacies/>

Harrington, A., Marshall, B.I, & Müller. H.P. (eds.) (2006). *Encyclopedia of Social Theory*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/encyclopedia-of-social-theory-d188594414.html>

Hart, C. (2013). *High Price A Neuroscientist's Journey of Self-Discovery That Challenges Everything You Know About Drugs and Society*. [eBook edition]. HarperCollins Publishers. <https://www.pdfdrive.com/high-price-a-neuroscientists-journey-of-self-discovery-that-challenges-everything-you-know-about-drugs-and-society-d196267373.html>

Henderson, L. (2018). The Problem of Induction. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 4, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/induction-problem/>

Herf, J.(2006). *The Jewish Enemy: Nazi Propaganda during World War II and the Holocaust*. [eBook edition]. The Balknap Press of Harvard University Press . Retrieved April 23, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-jewish-enemy-nazi-propaganda-during-world-war-ii-and-the-holocaust-d186147277.html>

Hitchcock , D. (2022, October 12, orig. 2018, July 21). "Critical Thinking". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 25, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/>

History of Propaganda.(2022, March 24) In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_propaganda

Hitchcock , D. (2022, October 12, orig. 2018, July 21). "Critical Thinking". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 25, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/>

Holiday, R. (2017). *Trust Me I'm Lying: Confessions of a Media Manipulator*. [eBook edition]. Portfolio / Penguin. Retrieved July 18, 2020 from <https://www.pdfdrive.com/trust-me-im-lying-confessions-of-a-media-manipulator-d193260698.html>

Hoggan, J. (2009). *Climate Change Cover-Up: The Crusade to Deny Global Warming*. [eBook edition]. Grey stone Books._Retrieved January 19, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/climate-cover-up-the-crusade-to-deny-global-warming-d193181626.html>

Holyoak, K. & Morrison. R. (2005). *The Cambridge Handbook of Thinking and Reasoning*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2021 from <https://epdf.pub/queue/the-cambridge-handbook-of-thinking-and-reasoning.html>

- Horkheimer, M. & Adorno, T.W. (authors) Noerr, G.S. (ed.) .(2002). *Dialectic of Enlightenment: Philosophical Fragments*. [eBook edition]. Stanford University Press, Retrieved January 20, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/dialectic-of-enlightenment-d18744342.html>
- Howard, J.(2019). *Cognitive Errors and Diagnostic Mistakes: A Case-Based Guide to Critical Thinking in Medicine*. [eBook edition]. Springer. Retrieved January 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/cognitive-errors-and-diagnostic-mistakes-a-case-based-guide-critical-thinking-in-medicine-d187170033.html>
- Huber, R.B. & Snider, A. C. (2006. orig. 1964). *Influencing through argument, Updated Edition*. [eBook edition]. International Debate Education Association Retrieved November 5, 2023 from <https://epdf.pub/influencing-through-argument.html>
- Hughes, J.L. & Doran,K. (2015). *Critical thinking : an introduction to the basic skills, Seventh edition* [eBook edition]. Retrieved August 3, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/critical-thinking-an-introduction-to-the-basic-skills-0>
- IPCC Sixth Assessment Report. (2022, January 17). In *Wikipedia*. Retrieved January 20, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/IPCC_Sixth_Assessment_Report
- Kelly, D.(2004). *The Art of Reasoning: An Introduction to Logic and Critical Thinking, 4th ed.* [eBook edition] W. W. Norton & Company. Retrieved August 26, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/4986820/54a393?dsourc=recommend>
- Kirby, G. R., Goodpaster, J. R. & Levine, M. (1999), *Critical Thinking. 2d ed.* [eBook edition]. Prentice-Hall, Inc. Retrieved April 24, 2022 from <https://epdf.pub/critical-thinking-uop-custom.html>
- Konrad Kellen. (2022, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved April 24, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Konrad_Kellen
- Jacques Ellul. (2022, April 8). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Jacques_Ellul
- Le Bon, G. (2009, orig, 1986). *The Crowd: A Study of the Popular Mind*. [eBook edition]. the Floating Press. Retrieved January 15, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-crowd-a-study-of-the-popular-mind-e174363701.html>
- Lie. (2021, September 7). In *Wikipedia*. Retrieved October 27, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Lie>
- List of cognitive biases. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 11, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_cognitive_biases
- List of fallacies. (2023, Januay 28). In *Wikipedia*. Retrieved August 8, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_fallacies

List of paradoxes. (2021, July 28). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from

https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_paradoxes

Lyu, S. (2020, July 20). Deepfakes and the New AI-Generated Fake Media Creation-Detection Arms Race. *Scientific American. Policy & Ethics*. July 20, 2020.

Retrieved September 12, 2020 from _

<https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/>

[utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-](https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDOzNDc1MDA2MiYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OOS2)

[21_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDOzNDc1MDA2MiYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OOS2](https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDOzNDc1MDA2MiYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OOS2)

Marcel, G. (n.d.). *Man Against Mass Society*. [eBook edition]. Gateway Editions. Retrieved January 20, 2023 from <https://docviewer.xdocs.net/view.php>

Mass Society. (2023, January 9), In *Wikipedia*. Retrieved January 15, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Mass_society

McInerney, D.Q. (2004). *Being Logical*. [eBook edition] . Random House. Retrieved October 22, 2020 from

https://www.academia.edu/38188103/Being_Logical_A_Guide_to_Good_Thinking?email_work_card=view-paper

McKeon M. (n.d.). Argument. In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 11,

2020 from <https://www.iep.utm.edu/argument/>

McNeill, F.M. & Thro, E. (1994). *Fuzzy Logic*. [eBook edition]. Morgan Kaufmann Publishers. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/437577/7ab44c?dsource=recommend>

Merriam-Webster. (n.d.). Propaganda. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25. 2021

<https://www.merriam-webster.com/dictionary/propaganda>

Merriam-Webster. (n.d.). Propagate. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25. 2021

<https://www.merriam-webster.com/dictionary/propagate>

Milgram experiment. (2021. June 13). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2021 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Milgram_experiment

Moore, B. N., & Parker. (2017). *Critical Thinking, 12th edition*. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved August 17, 2023 from

<https://zlibrary-africa.se/book/5223642/45483c?dsource=recommend>

Mulnix, J. W. (2010). Thinking Critically about Critical Thinking. *Educational Philosophy and*

Theory. Retrieved August 18, 2020 from
https://www.academia.edu/678248/Thinking_Critically_about_Critical_Thinking

Nadler, G. & Chandon, W, J. (2004). *Smart Questions: Learn to Ask the Right Questions for Powerful Results*. [eBook edition]. Jossy Bass.
<https://www.pdfdrive.com/smart-questions-learn-to-ask-the-right-questions-for-powerful-results-d161229615.html>

Moore, B.N. & Parker, R.(2015). *Critical Thinking*. 11th ed. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/2604602/becbc0?dsource=recommend>

Parkin-Gounelas, R. (2012). *The Psychology and Politics of the Collective: Groups, Crowds and Mass Identifications*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from
<https://www.pdfdrive.com/search?q=The+Psychology+and+Politics+of+the+Collective%3A+Groups%2C+Crowds+and+Mass+Identifi+cations&pagecount=&pubyear=&searchin=&em=&more=true>

Paul, R. (1998). *Critical Thinking: What Every Person Needs to Survive in a Rapidly Changing World*. Revised Third Edition. [eBook edition]. Foundation for Critical Thinking. Retrieved August 21, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/25322362/9a5896>

Paul, T. & Elder, L. (2006). *Critical thinking : learn the tools the best thinkers use* . Concise ed. [eBook edition] Pearson Education, Inc. Retrieved August 22, 2023 from
<https://zlibrary-africa.se/book/2722912/6f2a2f?dsource=recommend>

Paul, T. & Elder, L. (2019). *The Thinker's Guide for Conscientious Citizens on How to Detect Media Bias and Propaganda in National and World News*. [eBook edition]. The Foundation for Critical Thinking. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/24396000/6c740f>

Pettit. M. (2013). *The Science of Deception*. [eBook edition]. University of Chicago Press. Retrieved July 19, 2023 from <https://pdfcoffee.com/the-science-of-deceptionpdf-pdf-free.html>

Pohl, R.F. , ed. (2004). *Cognitive Illusions: A Handbook on Fallacies and Biases in Thinking, Judgement and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved March 28. 2020 from
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-a-handbook-on-fallacies-and-biases-in-thinking-judgement-and-memory-d184523053.html>

Pohl, R.D. (ed.). (2016). *Cognitive Illusions: Intriguing Phenomena in Judgement, Thinking and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved April 18. 2021 from
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-intriguing-phenomena-in-judgement-thinking-and-memory-d158178910.html>

Pope, A. (n.d.). *An Essay on Criticism*. [eBook edition]. Project Gutenberg. Retrieved June 18, 2021 from
<http://www.gutenberg.org/files/7409/7409-h/7409-h.htm>

Pratkanis, A.R. & Aronson. *Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Propaganda*,

Revised Ed. [eBook edition]. University of California, Santa Cruz. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/age-of-propaganda-the-everyday-use-and-abuse-of-propaganda-e195129684.html>

Propaganda.(2022, April 11). In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2022 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda>

Propaganda: The Formation of Men's Attitudes. (2021, October 30). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda: The Formation of Men%27s Attitudes](https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda:_The_Formation_of_Men%27s_Attitudes)

Public Relations. (2021, October 27) In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Public_relations

PSW Science. (2017, March 6). *PSW 2370 Particles and Nature of Nothing | David Kaplan*. [Video] YouTube. Retrieved June 17, 2022 from https://www.youtube.com/watch?v=-4Mz4OGVC_U

Que sais-je? (n.d.) Retrieved July 28, 2020 from <https://www.quesaisje.com>

Que sais-je? (2020, January 3). In *Wikipedia*. Retrieved July 16, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Que_sais-je%3F

Ramage, J, Callaway, M., Clary-Lemon, J., & Waggoner, Z. (2009). *Argument in Composition*. [eBook edition]. West Lafayette, IN: Parlor Press. <https://epdf.pub/argument-incomposition4589685156eef64fa4cfd9b5206eaa3a97066.html>

Reader's Digest. (2022, October 16). In *Wikipedia*. Retrieved October 19, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Reader%27s_Digest

Ross, H. (2014). *Everyday Bias : Identifying and navigating unconscious judgments in our daily lives*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>

Rudinow, J. & Barry, V.E. (2008). *Invitation to Critical Thinking, 6th edition*. Belmont, CA, Thomson Wadsworth. [eBook edition]. Retrieved September 24, 2020 from <https://epdf.pub/invitation-to-critical-thinking-sixth-edition.html>

Ruggero, V.R, (2012). *Beyond Feelings: A Guide to Critical Thinking, 9th edition*. [eBook edition]. New York, NY: McGraw-Hill. Retrieved September 25, 2020 from <https://epdf.pub/beyond-feelings-a-guide-to-critical-thinking-ninth-edition-pdf-5eccd9c1e76.html>

Russell, S.J. and Norvig, P. (2010). *Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3rd ed*. [eBook edition]. Prentice-Hall. Retrieved from <https://epdf.pub/artificial-intelligence-a-modernapproach0ca11e5ddcabfa8e49892b6b1640c27014202.html>

- Salmon, M. H. (2013). *Introduction to Logic and Critical Thinking*, 6th ed. Australia:Wadsworth Cengage Learning. [eBook edition].
<https://epdf.pub/introduction-to-logic-and-critical-thinking-6th-edition-pdf-5eccf695f0c38.html>
- Self-similarity, (2020, May 19). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from
<https://en.wikipedia.org/wiki/Self-similarity>
- Shabo, M. E. (2008). *Techniques of Propaganda and Persuasion*. [eBook edition]. Prestwick House, Inc.. Retrieved March 12, 2022 from
<https://www.pdfdrive.com/techniques-of-propaganda-and-persuasion-e196250258.html>
- Shaw, J. (n.d). *The Memory Illusion: Remembering, Forgetting, and the Science of False Memory*. [eBook edition]. Rh Books. Retrieved March 28, 2021 from
<https://www.pdfdrive.com/the-memory-illusion-remembering-forgetting-and-the-science-of-false-memory-d156659567.html>
- Sinnott-Armstrong, W. & Fogelin, R, J. (2010), *Understanding Arguments: An Introduction to Informal Logic*, 8th ed, [eBook edition]. Wadsworth Cengage Learning. Retrieved August 1, 2023 from
<https://epdf.pub/understanding-arguments-an-introduction-to-informal-logic-eighth-edition-pdf-5ecce352c290f.html>
- Smith, P.(2003). *Introduction to Formal Logic*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/2327764/27f019?dsources=recommend>
- Sower, C. & Southward, J. (2020). *Critical Reasoning: A User's Manual, v.4.0., 4th ed.* [eBook edition]. Retrieved August 4, 2023 from
https://scholars.fhsu.edu/philosophy_oer/2/
- Sparkman, R.B. (1978). *The Art of Manipulation*. [eBook edition]. The Dial Press. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/queue/art-of-manipulation.html>
- Spin (propaganda) (2021, June 25). In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from
[https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_\(propaganda\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_(propaganda))
- Stanley, J. (2015). *How Propaganda Works*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-propaganda-works-e166908680.html>
- Stumpf, S. E. (1994, orig. 1971). *Philosophy: History and Problems. Fifth edition*. McGraw-Hill.
- Swathridge, C. (2014). *The Oxford Guide to Effective Argument and Critical Thinking*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 22, 2021 from
<https://www.pdfdrive.com/oxford-guide-to-effective-argument-and-critical-thinking-d177810963.html>

- Thompson, A. (2008). *Critical Reasoning: A Practical Introduction, 3rd ed.* [eBook edition]. Routledge. Retrieved August 16, 2021 from <https://zlibrary-africa.se/book/1126323/d79863?dsource=recommend>
- Tittle, P. (2011). *Critical Thinking: An Appeal to Reason.* [eBook edition]. Routledge. Retrieved November 4, 2023 from <https://pdfdrive.to/dl/critical-thinking-an-appeal-to-reason-0>
- Torches of Freedom. (2021, August 2), In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Torches_of_Freedom
- Vaughn, L. (2008), *The Power of Critical Thinking.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/queue/the-power-of-critical-thinking-effective-reasoning-about-ordinary-and-extraordin.html>
- Very Short Introductions. (2020, July 25). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Very_Short_Introductions
- Waller, B. (2012, orig. 2001). *Critical Thinking: Consider the Verdict, 6th ed.* [eBook edition]. Pearson Education, Inc. Retrieved June 12, 2020 from <https://www.pdfdrive.com/critical-thinking-consider-the-verdict-sixth-edition-e20051184.html>
- Walton, D. (2006). *Fundamentals of Critical Argumentation.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/fundamentals-of-critical-argumentation-critical-reasoning-and-argumentation.html>
- Walton, D. (2007). *Dialog Theory for Critical Argumentation.* [eBook edition]. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/dialog-theory-for-critical-argumentation-controversies.html>
- Walton, D. (2008). *Informal Logic: A Pragmatic Approach.* Second Edition. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 1, 2023 from <https://epdf.pub/informal-logic-a-pragmatic-approach-pdf-5eccd7d42b122.html>
- Watson, J.C. (n.d.). Critical Thinking. *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 30, 2023 from <https://iep.utm.edu/critical-thinking/>
- Weinberg, G.,(2011). *An Introduction to General Systems Thinking.* [eBook edition]. Weinberg & Weinberg. Retrieved November 5, 2023 from
- Yu, F.T.C. (1964). *Mass Persuasion in Communist China.*[eBook edition]. Frederick A. Praeger, Retrieved January 25, 2023 from <https://epdf.pub/queue/mass-persuasion-in-communist-china.html>